

KINH TIỂU BỘ

Khuddaka Nikaya

"The Short Passages"

*Hòa Thượng **Thích Minh Châu** Dịch Việt*

MỤC LỤC TIỂU BỘ KINH - TẬP I

CHƯƠNG V PHẨM CON ĐƯỜNG ĐẾN BỜ BÊN KIA

HẾT TẬP I - TIỂU BỘ KINH

GIỚI THIỆU TIỂU BỘ KINH

(Khuddaka Nikàya)

Gs. Trần Phương Lan

Tiểu Bộ kinh có nhan đề "Tiểu Bộ", nhưng lại chứa đựng số lượng kinh lớn nhất trong năm bộ Nikàya là 15 tập, so với Trường Bộ (3 tập), Trung Bộ (3 tập), Tương Ưng Bộ (5 tập) và Tăng Chi Bộ (3 tập). Chữ "Tiểu" ở đây, theo các vị luận sư, muốn chỉ tính cách hỗn hợp nhiều đề tài được diễn tả bằng nhiều thể văn khác nhau, từ các kinh kệ ngắn gọn do Đức Phật thuyết giảng, các tiền thân Đức Phật với hàng ngàn bài kệ do các vị Tỳ kheo cảm tác, tiểu sử các Đức Phật, các vị A-la-hán, sự tích Thiên cung, Ngạ quỷ do chư vị kết tập kinh điển biên soạn..., đến các luận thư phân tích giáo lý mở đầu cho văn học A Tì Đàm (Abhidhamma) của Luận tạng về sau. Tóm lại Tiểu Bộ kinh là một hợp tuyển đa diện gồm 15 tập theo thứ tự như sau:

1) Khuddaka Pàtha (Tiểu tụng): gồm 9 kinh và kệ ngắn gọn do Đức Phật thuyết về Tam quy, Thập giới, Các điềm lành, Phật bảo, Lòng từ v.v. cho các đệ tử mới học đạo.

2) Dhammapada (Pháp cú): gồm 423 bài kệ do Đức Phật thuyết được sắp theo các chủ đề trong 26 phẩm, là tập kinh phổ biến nhất trong các nước theo đạo Phật Nam truyền vì tính cách cô đọng phần cốt tủy của giáo lý qua các bài kệ ngắn gọn làm nền tảng của nếp sống đạo, từ đó nhiều bộ kinh lớn được phát triển về sau.

3) Udàna (Cảm hứng ngữ, Phật tự thuyết): gồm 80 chuyện gợi niềm cảm hứng để Đức Phật phát biểu những vấn đề hoan hỉ có tính cách giáo dục và khích lệ hội chúng, được chia làm 8 phẩm.

4) Itivuttaka (Phật thuyết như vậy): gồm 112 kinh chia ra 4 chương theo lối văn xuôi pha lẫn thơ kệ. Tập này cũng trích dẫn những cảm hứng ngữ trang nghiêm của Đức Phật nhưng bắt đầu bằng câu "Đây là điều được Đức Thế Tôn thuyết và tôi nghe như vậy".

5) Suttanipàta (Kinh tập): gồm 71 kinh trong 5 chương viết theo thể kệ, miêu tả hoàn cảnh xã hội cổ Ấn Độ và bàn luận những lời dạy đầy tính cách triết học và đạo đức của Đức Phật, cùng lý tưởng trong nếp sống thanh tịnh của các Tỳ kheo.

6) Vimanavatthu (Chuyện Thiên cung): gồm 85 chuyện chia ra 7 chương, miêu tả mọi cảnh huy hoàng của các lâu đài Thiên giới ở đời sau dành cho những người sống theo chánh đạo và làm thiện sự ở đời này.

7) Petavatthu (Chuyện Ngạ quỷ): gồm 51 chuyện trong 4 chương miêu tả cảnh giới khổ đau của các loài quỷ do ác nghiệp của chúng tạo ra ở đời này. Cả hai tập chuyện Thiên cung và Ngạ quỷ này nhằm nói lên tương quan giữa Nghiệp và Quả, cùng khích lệ sự tu tập của giới tại gia.

8) Theragàthà (Trưởng lão Tăng kệ): gồm 1,360 bài thơ kệ do 264 vị Tỷ kheo cảm tác từ đời sống tu tập của chư vị.

9) Therigàthà (Trưởng lão Ni kệ): gồm 524 bài kệ do 73 Tỷ kheo ni cảm tác. Cả hai tập thi kệ Theragàthà và Therigàthà được đánh giá là những tác phẩm đẹp nhất trong văn học Ấn Độ vì tính cách mang nặng tình người hòa lẫn thiền vị của các đệ tử Phật. Đây là những khúc hoan ca phản ánh đời sống thanh tịnh của những người tầm cầu giải thoát giác ngộ, chân hạnh phúc.

10) Jàtaka (Bổn sanh hay Chuyện tiền thân Đức Phật): gồm 547 chuyện ngắn và dài theo thể văn xuôi xen lẽ thi kệ trong 22 chương, theo thứ tự các bài kệ tăng dần từ chương một với một bài kệ cho

đến chương 22, chấm dứt với tiền thân Vessantara nổi tiếng qua cả ngàn bài kệ. Các chuyện tiền thân có mục đích tạo niềm tin vào đạo pháp trong mọi tầng lớp xã hội từ vua chúa, Bà la môn cho đến các giới bình dân cùng khổ. Đối với các học giả, các chuyện tiền thân có tầm quan trọng lịch sử vì chúng được xây dựng trong khung cảnh Ấn Độ cổ đại.

11) Nidesa (Nghĩa tích): là một luận thư trình bày sự phân tích bình giải các vấn đề giáo lý của tập kinh Sutta Nipata. Sách này gồm hai phần: Đại nghĩa tích và Tiểu nghĩa tích.

12) Patisambhidàmagga (Vô ngại giải đạo): một luận thư trình bày các vấn đề phân tích giáo lý theo hình thức hỏi đáp như trong bộ A Tì Đàm. Hai tập kinh này được đánh giá là các tác phẩm tiền phong của văn học A Tì Đàm và được xem là do Tôn giả Sariputta (Xá Lợi Phất) thuyết giảng và bình luận 32 vấn đề giáo lý trong 3 phẩm.

13) Apadana (Sự nghiệp anh hùng): kể theo thể thơ kệ cuộc đời Đức Phật và các Thánh đệ tử của Ngài. Tập kinh gồm 4 phần: cuộc đời Đức Phật Gotama (Thích Ca), 41 vị Độc giác Phật, và 559 vị Tỷ kheo và Tỷ kheo ni đã trải qua những cuộc chiến đấu anh hùng cao thượng để đạt cứu cánh giải thoát giác ngộ.

14) Buddhavamsa (Phật sử): tập kinh theo thể thơ kệ nói về sự tích 24 vị cổ Phật từ Đức Phật Dipankara (Nhiên Đăng) đến Đức Phật Kassapa (Ca Diếp) và phương cách các Đức Phật chuyển Pháp luân. Tất cả đều do Đức Phật Gotama kể lại từ khi Ngài còn là Bồ tát được Đức Phật Dipankara thọ ký cho đến khi Ngài diệt độ trong Niết bàn Vô dư y.

15) Cariyà Pitaka (Sở hạnh tạng): gồm 35 chuyện tiền thân Đức Phật được kể theo lời thỉnh cầu của Tôn giả Sariputta, với mục đích nêu rõ ý chí tầm cầu giải thoát với nỗ lực cao độ và sự hy sinh vô thượng mà Bồ tát đã thực hiện qua mười công hạnh Ba la mật (viên mãn) của Ngài.

(Trích Nguyệt San Giác Ngộ, 01-1999)

-ooOoo-

1.1 KINH TIỂU TỤNG
(Khuddakapàtha)
GIỚI THIỆU

Đây là quyển kinh thứ nhất của Tiểu Bộ Kinh (Khuddhaka Nikaya), có lẽ đã được tổng hợp thành một quyển cẩm nang cho các Sa-di và Sa-di-ni. Quyển nầy gồm 9 bài kinh, bao gồm các đề tài cơ bản cho những vị xuất gia bắt đầu đời sống tu hành tại các tu viện. Tuy nhiên, nhiều đoạn kinh cũng được dùng để giới thiệu các căn bản Phật Pháp cho các cư sĩ.

Bài kinh thứ nhất và thứ hai dùng trong các buổi lễ xuất gia của Sa-di và Sa-di-ni. Bài kinh thứ ba là các hướng dẫn tiên khởi để quán thân thể, một bài tập để vượt thắng lòng tham dục. Bài kinh thứ tư giới thiệu các phân loại cơ bản để phân tích, phát triển tuệ tri, bắt đầu là nguyên lý duyên sinh, trọng tâm của đạo Phật.

Bài kinh thứ năm đưa ra một tổng quan về sự tu tập - bắt đầu từ nhu cầu gần gũi các bậc thiện tri thức, và chấm dứt khi đắc Niết-bàn. Bài kinh đề cập đến các phước hạnh như là một sự phòng hộ thiện lành, không phải từ các nghi lễ rườm rà mà từ các hành động bố thí, giới đức và trí tuệ. Bài kinh thứ sáu khai triển từ bài kinh thứ nhất và thứ năm, đề cập chi tiết về Tam Bảo Phật-Pháp-Tăng, và đồng thời trình bày cách thức tu thiền để đắc quả Dự lưu, quả đầu tiên đưa đến Niết-bàn.

Bài kinh thứ bảy có chủ đề về lòng bố thí quảng đại, công đức từ sự cúng dường chư Tăng được hồi hướng đến các thân nhân đã qua đời. Bài kinh thứ tám giảng về các hành động từ thiện, bố thí sẽ đưa đến lợi lạc lâu bền, tốt hơn là các đầu tư về vật chất. Cuối cùng, bài kinh thứ chín trở về đề tài hành thiền, chú trọng đến việc phát triển lòng từ mẫn, thiện ý, yêu thương mọi người, mọi loài.

Tất cả 9 bài kinh này, trong những ý nghĩa khác nhau, thường được tụng đọc và suy niệm trong các cộng đồng Phật giáo Nguyên thủy từ xưa cho đến hiện nay. Hằng ngày, cư sĩ lẫn tu sĩ đều tụng đọc bài kinh đầu tiên về quy y Tam Bảo để tự nhắc nhở. Các tu sĩ thường tụng các đoạn kinh trích trong các bài kinh thứ năm cho đến thứ chín khi nhận lãnh sự cúng dường của cư sĩ, và thường dùng bài kinh thứ năm (Kinh Phước Đức) làm đề tài trong các buổi thuyết pháp.

Tóm lại, quyển Tiểu Tụng này được dùng như một quyển kinh dẫn nhập hữu ích trong bước đầu của đời sống tu sĩ và trong đời sống của mọi Phật tử hiện thời.

Tỳ Kheo Thanissaro
(Bình Anson Lược Dịch, Tháng 01-2001)

I. Tam Quy (Saranattaya)

Đệ tử quy y Phật,
Đệ tử quy y Pháp,
Đệ tử quy y Tăng.

Lần thứ hai đệ tử quy y Phật,
Lần thứ hai đệ tử quy y Pháp,
Lần thứ hai đệ tử quy y Tăng.

Lần thứ ba đệ tử quy y Phật
Lần thứ ba đệ tử quy y Pháp.
Lần thứ ba đệ tử quy y Tăng.

II. Thập Giới (Dasasikkhàpada)

1. Đệ tử thực hành giới tránh sát sanh.
2. Đệ tử thực hành giới tránh lấy của không cho.
3. Đệ tử thực hành giới tránh tà hạnh trong các dục.
4. Đệ tử thực hành giới tránh nói láo.
5. Đệ tử thực hành giới tránh mọi cơ hội buông lung phóng dật do uống rượu hoặc các thứ men say.
6. Đệ tử thực hành giới tránh ăn phi thời.
7. Đệ tử thực hành giới tránh múa, hát, nhạc, kịch.
8. Đệ tử thực hành giới tránh cơ hội đeo vòng hoa và trang điểm với hương liệu, dầu xoa.
9. Đệ tử thực hành giới tránh dùng giường cao và rộng.
10. Đệ tử thực hành giới tránh nhận vàng bạc.

III. Ba Mươi Hai Phần (Dvattimsàkàra)

Trong thân này có: tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, thận, tim, gan, hoành cách mô, lá lách, phổi, ruột, màng ruột, bụng, phân, mật, đàm, mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, mỡ da, nước miếng, nước mủ, chất nhờn ở khớp, nước tiểu và não trong đầu.

IV. Nam Tử Hỏi Đạo (Kumàrapanha)

Thế nào là một? - Mọi loài hữu tình đều tồn tại nhờ thức ăn.
Thế nào là hai? - Danh và sắc.
Thế nào là ba? - Ba loại cảm thọ.
Thế nào là bốn? - Bốn Thánh đế.
Thế nào là năm? - Năm thủ uẩn.
Thế nào là sáu? - Sáu nội xứ.
Thế nào là bảy? - Bảy giác chi.
Thế nào là tám? - Thánh đạo tám ngành.
Thế nào là chín? - Chín nơi cư trú của các loài hữu tình.
Thế nào là mười? - Vị nào có đủ mười đức tánh được gọi là vị A-la-hán.

V. Kinh Điềm Lành (Mangala Sutta)

Như vầy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú tại Sàvatthi, ở Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Rồi một Thiên tử, khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn, sau khi đến đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, vị Thiên tử ấy bạch Thế Tôn với bài kệ:

Thiên tử:

1. Nhiều Thiên tử và người,
Suy nghĩ đến điềm lành,
Mong ước và đợi chờ,
Một nếp sống an toàn,
Xin Ngài hãy nói lên,
Về điềm lành tối thượng.

(Đức Phật giảng:)

2. Không thân cận kẻ ngu,
Nhưng gần gũi bậc Trí,
Đảnh lễ người đáng lễ,
Là điềm lành tối thượng.

3. Ở trú xứ thích hợp,
Công đức trước đã làm,
Chân chánh hướng tự tâm,
Là điềm lành tối thượng.

4. Học nhiều, nghề nghiệp giỏi,
Khéo huấn luyện học tập,
Nói những lời khéo nói,
Là điềm lành tối thượng.

5. Hiếu dưỡng mẹ và cha,
Nuôi nấng vợ và con.
Làm nghề không rắc rối,
Là điềm lành tối thượng.

6. Bố thí, hành, đúng pháp,
Săn sóc các bà con,
Làm nghiệp không lỗi lầm,
Là điềm lành tối thượng.

7. Chấm dứt, từ bỏ ác,
Chế ngự đam mê rượu,
Trong Pháp, không phóng dật,
Là điềm lành tối thượng.

8. Kính lễ và hạ mình,
Biết đủ và biết ơn,
Đúng thời, nghe Chánh Pháp,
Là điềm lành tối thượng.

9. Nhẫn nhục, lời hòa nhã,
Yết kiến các Sa-môn,
Đúng thời, đàm luận Pháp,
Là điềm lành tối thượng.

10. Khắc khổ và Phạm hạnh,
Thấy được lý Thánh đế.
Giác ngộ quả: "Niết Bàn"
Là điềm lành tối thượng.

11. Khi xúc chạm việc đời
Tâm không động, không sầu,
Không uế nhiễm, an ổn,

Là điềm lành tối thượng.

12. Làm sự việc như vầy,
Không chỗ nào thất bại,
Khắp nơi được an toàn,
Là điềm lành tối thượng.

VI. Kinh Châu Báu (Ratana Sutta)

1. Phàm ở tại đời này,
Có sanh linh tụ hội,
Hoặc trên cõi đất này,
Hoặc chính giữa hư không,
Mong rằng mọi sanh linh,
Được đẹp ý vui lòng,
Vậy, hãy nên cẩn thận,
Lắng nghe lời dạy này.

2. Do vậy các sanh linh,
Tất cả hãy chú tâm,
Khởi lên lòng từ mẫn,
Đối với thảy mọi loài,
Ban ngày và ban đêm,
Họ đem vật cúng dường,
Do vậy không phóng dật,
Hãy giúp hộ trì họ.

3. Phàm có tài sản gì,
Đời này hay đời sau,
Hay ở tại thiên giới,
Có châu báu thù thắng,
Không gì sánh bằng được,
Với Như Lai Thiện Thệ,
Như vậy, nơi Đức Phật,
Là châu báu thù diệu,
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

4. Đoạn diệt và ly tham,
Bất tử và thù diệu.
Phật Thích-ca Mâu-ni,
Chứng Pháp ấy trong thiền,
Không gì sánh bằng được,
Với Pháp thù diệu ấy.
Như vậy, nơi Chánh Pháp,
Là châu báu thù diệu,
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

5. Phật, Thế Tôn thù thắng,
Nói lên lời tán thán,

Pháp thù diệu trong sạch,
Liên tục không gián đoạn,
Không gì sánh bằng được,
Pháp thiền vi diệu ấy.
Như vậy, nơi Chánh Pháp,
Là châu báu thù diệu,
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

6. Tám vị bốn đôi này,
Được bậc thiện tán thán.
Chúng đệ tử Thiện Thệ,
Xứng đáng được cúng dường.
Bố thí các vị ấy,
Được kết quả to lớn.
Như vậy, nơi tăng chúng,
Là châu báu thù diệu
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

7. Các vị lòng ít dục,
Với ý thật kiên trì,
Khéo liên hệ mật thiết,
Lời dạy Gô-ta-ma!
Họ đạt được quả vị,
Họ thể nhập bất tử,
Họ chứng đắc dễ dàng,
Hưởng thọ sự tịch tịnh,
Như vậy, nơi Tăng chúng,
Là châu báu thù diệu,
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

8. Như cây trụ cột đá,
Khéo y tựa lòng đất.
Dầu có gió bốn phương,
Cũng không thể dao động.
Ta nói bậc Chơn nhân,
Giống như thí dụ này,
Vị thể nhập với tuệ,
Thấy được những Thánh đế,
Như vậy, nơi Tăng chúng,
Là châu báu thù diệu,
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

9. Những vị khéo giải thích,
Những sự thật Thánh đế,
Những vị khéo thuyết giảng,
Với trí tuệ thâm sâu.
Dầu họ có hết sức,

Phóng dật không chế ngự,
Họ cũng không đến nỗi,
Sanh hữu lần thứ tám,
Như vậy, nơi Tăng chúng,
Là châu báu thù diệu,
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

10. Vị ấy nhờ đầy đủ,
Với chánh kiến sáng suốt,
Do vậy có ba pháp,
Được hoàn toàn từ bỏ,
Thân kiến và nghi hoặc,
Giới cấm thủ cũng không,
Đối với bốn đọa xứ,
Hoàn toàn được giải thoát.
Vị ấy không thể làm,
Sáu điều ác căn bản,
Như vậy, nơi Tăng chúng,
Là châu báu thù diệu.
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

11. Dầu vị ấy có làm,
Điều gì ác đi nữa,
Với thân hay với lời,
Kể cả với tâm ý,
Vị ấy không có thể,
Che đậy việc làm ấy,
Việc ấy được nói rằng,
Không thể thấy ác đạo.
Như vậy, nơi Tăng chúng,
Là châu báu thù diệu.
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

12. Đẹp là những cây rừng,
Có bông hoa đầu ngọn,
Trong tháng hạ nóng bức,
Những ngày hạ đầu tiên,
Pháp thù thắng thuyết giảng,
Được ví dụ như vậy.
Pháp đưa đến Niết Bàn,
Pháp hạnh phúc tối thượng,
Như vậy, nơi Đức Phật,
Là châu báu thù diệu,
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

13. Cao thượng biết cao thượng,
Cho đem lại cao thượng,

Bậc Vô thượng thuyết giảng,
Pháp cao thượng thù thắng,
Như vậy nơi đức Phật,
Là châu báu thù diệu,
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

14. Nghiệp cũ đã đoạn tận,
Nghiệp mới không tạo nên,
Với tâm tư từ bỏ,
Trong sanh hữu tương lai,
Các hột giống đoạn tận,
Ước muốn không tăng trưởng
Bậc trí chứng Niết Bàn,
Ví như ngọn đèn này,
Như vậy, nơi Tăng chúng,
Là châu báu thù diệu.
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

15. Phàm ở tại đời này,
Có sanh linh tụ hội,
Hoặc trên cõi đất này,
Hoặc chính giữa hư không,
Hãy đảnh lễ Đức Phật,
Đã như thực đến đây,
Được loài Trời, loài Người,
Đảnh lễ và cúng dường,
Mong rằng, với hạnh này,
Mọi loài được hạnh phúc.

16. Phàm ở tại nơi này,
Có sanh linh tụ hội,
Hoặc trên cõi đất này,
Hoặc chính giữa hư không,
Hãy đảnh lễ Chánh pháp,
Đã như thực đến đây,
Được loài Trời, loài Người,;
Đảnh lễ và cúng dường,
Mong rằng với hạnh này,
Mọi loài được hạnh phúc.

17. Phàm ở tại đời này,
Có sanh linh tụ hội
Hoặc trên cõi đất này,
Hoặc chính giữa hư không,
Hãy đảnh lễ chúng Tăng,
Đảnh lễ và cúng dường,
Mong rằng với hạnh này,
Mọi loài được hạnh phúc.

VII. Kinh Ngoài Bức Tường (Tirokudda Sutta)

*1. Ở bên ngoài bức tường,
Bọn họ đứng chờ đợi,
Giao lộ, ngã ba đường,
Trở về mái nhà xưa,
Đợi chờ bên cạnh cổng.*

*2. Nhưng khi tiệc thịnh soạn,
Được bày biện sẵn sàng,
Đủ mọi thức uống ăn,
Không một ai nhớ họ.
Sự kiện này phát sinh
Từ nghiệp xưa của họ.*

*3. Vậy ai có từ tâm,
Nhớ cho các thân nhân,
Thức uống ăn thanh tịnh,
Tốt đẹp và đúng thời.*

*4. Món này cho bà con,
Mong bà con an lạc,
Đám ngạ quỷ thân bằng,
Đã tề tựu chỗ đó.*

*5. Sẽ mong muốn chúc lành,
Vì thực phẩm đầy đủ,
Mong quyến thuộc sống lâu,
Nhờ người, ta hưởng lợi,.*

*6. Vì đã kính lễ ta,
Thí chủ không thiếu quả
Tại đó không cấy cày,
Cũng không nuôi súc vật.*

*7. Cũng không có buôn bán,
Không trao đổi tiền vàng,
Các ngạ quỷ họ hàng,
Chỉ sống nhờ bố thí.*

*8. Như nước đổ xuống đồi,
Chảy xuống tận vực sâu,
Bố thí tại chỗ này,
Cung cấp loài ngạ quỷ.*

*9. Như lòng sông tràn đầy,
Đưa nước đổ xuống biển,
Bố thí tại chỗ này,
Cung cấp loài ngạ quỷ.*

10. Người ấy đã cho ta,
Đã làm việc vì ta,
Người ấy là quyến thuộc,
Người ấy chính thân bằng.
Hãy bố thí ngạ quỷ,
Nhớ việc xưa chúng làm.

11. Không khóc than, sầu muộn,
Không thương tiếc cách gì,
Giúp ích loài ngạ quỷ,
Quyến thuộc làm như vầy,
Không lợi cho ngạ quỷ.

12. Nhưng khi vật cúng dường,
Khéo đặt vào chư Tăng
Ích lợi chúng lâu dài,
Bây giờ, về sau nữa.

13 Chánh pháp được giảng bày,
Như vậy cho quyến thuộc,
Kính trọng biết chừng nào,
Đối với người đã khuất,
Chư Tăng được cúng dường,
Cũng tăng thêm dõng mãnh,
Người tích tụ công đức,
Thật to lớn biết bao.

VIII. Kinh Bảo Tàng (Nidhikanda Sutta)

1. Một người cất kho báu,
Ở tận dưới giếng sâu,
Nghĩ: "Nếu cần giúp đỡ,
Nó ích lợi cho ta".

2. Nếu bị vua kết án,
Hoặc trả các nợ nần,
Hoặc bị cướp giam cầm,
Và đòi tiền chuộc mạng,
Khi mất mùa, tai nạn,
Với mục đích như vầy,
Ở trên cõi đời này,
Sẽ đến giành kho báu.

3. Dẫu nó không bao giờ,
Được cất kỹ như vậy,
Ở tận dưới giếng sâu,
Vẫn không đủ hoàn toàn,
Giúp ích người mọi lúc.

4. Kho báu bị dời chỗ,

Hoặc người quên dấu vết,
Hoặc rắn thần lấy đi,
Hoặc thần linh tẩu tán,

5. Hoặc đám người thừa kế,
Kẻ ấy không chấp nhận,
Di chuyển kho báu đi,
Khi kẻ ấy không thấy.
Và khi phước đức tận,
Tất cả đều tiêu tan.

6. Những khi người nam, nữ,
Có bố thí, trì giới
Hoặc thiền định, trí tuệ,
Kho báu khéo để dành.

7. Trong chùa, tháp, Tăng đoàn,
Một cá nhân, lữ khách,
Hoặc người mẹ, người cha,
Hoặc là người anh nữa.

8. Kho này khéo để dành,
Đi theo người, không mất,
Giữa mọi vật phải rời,
Người cùng đi với nó.

9. Không ai khác chia phần,
Không cướp nào lấy được.
Vậy những kẻ tinh cần,
Hãy làm việc phước đức,
Kho báu ấy theo người,
Sẽ không bao giờ mất.

10. Đây là một kho báu,
Có thể làm thỏa mãn,
Mọi ước vọng thiên, nhân,
Dù họ mong muốn gì,
Đều đạt được tất cả,
Nhờ công đức phước nghiệp.

11. Vẻ đẹp của màu da,
Vẻ đẹp của âm thanh,
Vẻ đẹp của dáng hình,
Vẻ đẹp của toàn thân,
Địa vị thật cao sang,
Cùng với đoàn hầu cận,
Tất cả đều đạt được,
Nhờ phước nghiệp công đức.

12. Ngôi đế vương một cõi,

Cực lạc Chuyển luân vương,
Và ngự trên Thiên đường,
Tất cả đều đạt được,
Nhờ phước nghiệp công đức.

13. Vẻ tối thắng của người,
Mọi hoan lạc cõi trời,
Hay tịch diệt tối thắng,
Tất cả đều đạt được
Nhờ phước nghiệp công đức.

14. Đạt tối thắng bằng hữu,
Chuyên tu tập chánh chân,
Đạt minh trí giải thoát,
Tất cả đều đạt được.
Nhờ phước nghiệp công đức.

15. Tứ vô ngại giải đạo,
Tám cấp độ giải thoát,
Viên mãn trí Thanh văn,
Cả hai cách giác ngộ:
Độc giác, Chánh Đẳng giác,
Tất cả đều đạt được,
Nhờ phước nghiệp công đức.

16. Phước báo thật lớn lao,
Do công đức thù thắng,
Vì thế kẻ tinh cần,
Và những người có trí,
Đã tạo nện kho tàng.
Công đức nhờ phước nghiệp.

IX. Kinh Lòng Từ (Mettà Sutta)

1. Vị thiện xảo mục đích,
Cần phải làm như sau:
Sau khi hiểu thông suốt,
Con đường an tịnh ấy,
Có khả năng trực tánh,
Thật sự, khéo chân trực,
Dễ nói và nhu hòa,
Không có gì cao mạn.

2. Sống cảm thấy vừa đủ,
Nuôi sống thật dễ dàng,
Ít có sự rộn ràng,
Sống đạm bạc, giản dị.
Các căn được tịnh lạc,
Khôn ngoan và thận trọng,
Không xông xáo gia đình,
Không tham ái, tham vọng.

3. Các hành sở của mình,
Không nhỏ nhen, vụn vặt,
Khiến người khác có trí,
Có thể sanh chỉ trích,
Mong mọi loài chúng sanh,
Được an lạc, an ổn,
Mong chúng chứng đạt được,
Hạnh phúc và an lạc.

4. Mong tất cả những ai,
Hữu tình có mạng sống,
Kẻ yếu hay kẻ mạnh,
Không bỏ sót một ai,
Kẻ dài hay kẻ lớn,
Trung thấp, loài lớn, nhỏ.

5. Loài được thấy, không thấy,
Loài sống xa, không xa,
Các loài hiện đang sống,
Các loài sẽ được sanh,
Mong mọi loài chúng sanh,
Sống hạnh phúc an lạc.

6. Mong rằng không có ai,
Lường gạt, lừa dối ai,
Không có ai khinh mạn,
Tại bất cứ chỗ nào,
Không vì giận hờn nhau,,
Không vì tưởng chống đối.
Lại có người mong muốn,
Làm đau khổ cho nhau.

7. Như tấm lòng người mẹ,
Đối với con của mình,
Trọn đời lo che chở,
Con độc nhất mình sanh.
Cũng vậy, đối tất cả
Các hữu tình chúng sanh,
Hãy tu tập tâm ý,
Không hạn lượng, rộng lớn.

8. Hãy tu tập từ tâm,
Trong tất cả thế giới,
Hãy tu tập tâm ý,
Không hạn lượng, rộng lớn,
Phía trên và phía dưới,
Cũng vậy cả bề ngang,
Không hạn chế, trói buộc,
Không hận, không thù địch.

9. Khi đứng hay khi ngồi,

Khi ngồi hay khi nằm,
Lâu cho đến khi nào,
Khi đang còn tỉnh thức,
Hãy an trú niệm này,
Nếp sống này như vậy.
Được đời để cập đến,
Là nếp sống tối thượng.

10. Ai từ bỏ tà kiến,
Giữ giới, đủ chánh kiến,
Nhiếp phục được tham ái,
Đối với các dục vọng,
Không còn phải tái sanh,
Đi đến thai tạng nữa.

-ooOoo-

1.2 KINH PHÁP CÚ
GIỚI THIỆU

Kinh Pháp Cú (Dhammapada) là một trong 15 quyển kinh thuộc Tiểu Bộ Kinh (Khuddaka Nikaya) trong Kinh tạng Pali (Suttanta Pitaka). Đây là một quyển kinh Phật giáo phổ thông nhất và đã được dịch ra rất nhiều thứ tiếng trên thế giới. Pháp (Dhamma) có nghĩa là đạo lý, chân lý, lời dạy của Đức Phật; Cú (Pada) là lời nói, câu kệ. Ngoài ra, trong ngữ văn Pali, "Pada" còn có nghĩa là con đường. Do đó, Dhammapada thường được dịch là Con đường Chân lý (Path of Truth), Con đường Phật Pháp (Path of the Buddha's Teaching).

Dhammapada là tập hợp 423 bài kệ do đức Phật nói ra trong nhiều dịp khác nhau, trong suốt 45 năm hoằng dương Chánh Pháp của Ngài. Các bài kệ nầy được sắp xếp trong 26 phẩm, do các vị đại đệ tử thu xếp và tụng đọc trong Đại hội Kết tập Kinh điển lần đầu tiên sau khi Đức Phật nhập diệt. Mỗi bài kệ chứa đựng một nội dung tu học rất sâu sắc và phong phú, không thể nào chỉ đọc một lần mà hiểu hết được. Cần phải đọc đi đọc lại nhiều lần, tra cứu các bản chú giải, và suy nghiệm từ các tu chứng tự thân thì mới mong thông ngộ và thấu đạt ý nghĩa của các lời dạy cao quý đó. Mỗi bài kệ là một nguồn cảm hứng cao đẹp, một lối đi mới lạ, một sức mạnh kỳ diệu giúp chúng ta có một niềm tin vững chắc hơn trên con đường tu học để tiến đến giác ngộ, giải thoát. (...)

Bình Anson,
Tháng 6 - 1998,
Perth, Western Australia

I - Phẩm Song Yếu

1. "Ý dẫn đầu các pháp,
Ý làm chủ, ý tạo;
Nếu với ý ô nhiễm,
Nói lên hay hành động,
Khổ não bước theo sau,
Như xe, chân vật kéo ".

2. "Ý dẫn đầu các pháp,
Ý làm chủ, ý tạo,
Nếu với ý thanh tịnh,
Nói lên hay hành động,
An lạc bước theo sau,
Như bóng, không rời hình ".

3. "Nó mắng tôi, đánh tôi,
Nó thắng tôi, cướp tôi "
Ai ôm hiềm hận ấy,
Hận thù không thể nguôi.

4. "Nó mắng tôi, đánh tôi,
Nó thắng tôi, cướp tôi, "
Không ôm hiềm hận ấy,
Hận thù được tự nguôi.

5. "Với hận diệt hận thù,
Đời này không có được.
Không hận diệt hận thù,
Là định luật ngàn thu ".

6. "Người khác không hiểu biết,
Chúng ta đây bị hại.
Chỗ ấy, ai biết được
Tranh luận được lắng êm."

7. "Ai sống nhìn tịnh tướng,
không hộ trì các căn,
ăn uống thiếu tiết độ,
biếng nhác, chẳng tinh cần.
Ma uy hiếp kẻ ấy,
như cây yếu trước gió ".

8. "Ai sống quán bất tịnh,
Khéo hộ trì các căn,
ăn uống có tiết độ,
có lòng tin, tinh cần,
Ma không uy hiếp được,
Như núi đá, trước gió"

9. "Ai mặc áo cà sa,
tâm chưa rời uế trược,

10. "Ai rời bỏ uế trược,
giới luật khéo nghiêm trì,

không tự chế, không thực,
không xứng áo cà sa ".

tự chế, sống chơn thực,
thật xứng áo cà sa."

11. "Không chân, tưởng chân thật,
Chân thật, thấy không chân
Họ không đạt chân thật
Do tà tư tà hạnh

12 "Chân thật, biết chân thật,
Không chân, biết không chân.
Chúng đạt được chân thật,
do chánh tư, chánh hạnh."

13 "Như ngôi nhà vụng lợp,
Mưa liền xâm nhập vào.
Cũng vậy tâm không tu,
Tham dục liền xâm nhập."

14 "Như ngôi nhà khéo lợp,
Mưa không xâm nhập vào.
Cũng vậy tâm khéo tu,
Tham dục không xâm nhập."

15 "Nay sầu, đời sau sầu,
Kẻ ác, hai đời sầu;
Nó sầu, nó ưu não,
Thấy nghiệp uế mình làm."

16 "Nay vui, đời sau vui,
Làm phước, hai đời vui.
Người ấy vui, an vui,
Thấy nghiệp tịnh mình làm."

17 "Nay than, đời sau than,
Kẻ ác, hai đời than,
than rằng: "Ta làm ác "
Đọa cõi dữ, than hơn."

18. "Nay sướng, đời sau sướng,
Làm phước, hai đời sướng.
Mừng rằng: "Ta làm thiện ",
Sanh cõi lành, sướng hơn."

19- "Nếu người nói nhiều kinh,
Không hành trì, phóng dật;
Như kẻ chăn bò người,
Không phần Sa môn hạnh."

20- "Dầu nói ít kinh điển,
Nhưng hành pháp, tùy pháp,
Từ bỏ tham, sân, si,
Tỉnh giác, tâm giải thoát,
Không chấp thủ hai đời,
Dự phần Sa môn hạnh."

II. Phẩm Không Phóng Dật

21. "Không phóng dật, đường sống,
Phóng dật là đường chết.
Không phóng dật, không chết,
Phóng dật như chết rồi."

22. "Biết rõ sai biệt ấy,
Người trí không phóng dật,
Hoan hỷ, không phóng dật,
An vui hạnh bậc Thánh."

23. "Người hằng tu thiền định,
Thường kiên trì tinh tấn.
Bậc trí hưởng Niết Bàn,
Ách an tịnh vô thượng."

24. "Nỗ lực, giữ chánh niệm,
Tịnh hạnh, hành thận trọng
Tự điều, sống theo pháp,
Ai sống không phóng dật,
Tiếng lành ngày tăng trưởng."

25. "Nỗ lực, không phóng dật,
Tự điều, khéo chế ngự.
Bậc trí xây hòn đảo,
Nước lụt khó ngập tràn."

26. "Họ ngu si thiếu trí,
Chuyên sống đời phóng dật.
Người trí, không phóng dật,
Như giữ tài sản quý."

27. "Chớ sống đời phóng dật,
Chớ mê say dục lạc.
Không phóng dật, thiền định,

28. "Người trí dẹp phóng dật,
Với hạnh không phóng dật,
Leo lầu cao trí tuệ,

Đạt được an lạc lớn."

Không sầu, nhìn khổ sầu,
Bậc trí đứng núi cao,
Nhìn kẻ ngu, đất bằng."

29. "Tinh cần giữa phóng dật,
Tỉnh thức giữa quần mê.
Người trí như ngựa phi,
Bỏ sau con ngựa hèn."

30. "Đế Thích không phóng dật,
Đạt ngôi vị Thiên chủ.
Không phóng dật, được khen;
Phóng dật, thường bị trách."

31. "Vui thích không phóng dật,
Tỷ kheo sợ phóng dật,
Bước tới như lửa hừng,
Thiêu kiết sử lớn nhỏ."

32. "Vui thích không phóng dật,
Tỷ kheo sợ phóng dật,
Không thể bị thối đọa,
Nhất định gần Niết Bàn."

III. Phẩm Tâm

33. "Tâm hoảng hốt giao động,
Khó hộ trì, khó nhiếp,
Người trí làm tâm thẳng,
Như thợ tên, làm tên."

34. "Như cá quăng trên bờ,
Vất ra ngoài thủy giới;
Tâm này vũng vẫy mạnh,
Hãy đoạn thế lực Ma."

35. "Khó nắm giữ, khinh động,
Theo các dục quay cuồng.
Lành thay, điều phục tâm;
Tâm điều, an lạc đến."

36. "Tâm khó thấy, tế nhị,
Theo các dục quay cuồng.
Người trí phòng hộ tâm,
Tâm hộ, an lạc đến."

37. "Chạy xa, sống một mình,
Không thân, ẩn hang sâu
Ai điều phục được tâm,
Thoát khỏi Ma trói buộc"

38. "Ai tâm không an trú,
Không biết chân diệu pháp,
Tịnh tín bị rúng động,
Trí tuệ không viên thành."

39. "Tâm không đầy tràn dục,
Tâm không (hận) công phá,
Đoạn tuyệt mọi thiện ác,
Kẻ tỉnh không sợ hãi,"

40. "Biết thân như đồ gốm,
Trú tâm như thành trì,
Chống ma với gươm trí;
Giữ chiến thắng không tham"

41 "Không bao lâu thân này,
Sẽ nằm dài trên đất,
Bị vất bỏ, vô thức,
Như khúc cây vô dụng."

42. "Kẻ thù hại kẻ thù,
Oan gia hại oan gia,
Không bằng tâm hướng tà,
Gây ác cho tự thân."

43. "Điều mẹ cha bà con,
Không có thể làm được
Tâm hướng chánh làm được
Làm được tốt đẹp hơn."

IV. Phẩm Hoa

44. "Ai chinh phục đất này
Dạ ma, Thiên giới này?

45. "Hữu học chinh phục đất,
Dạ ma, Thiên giới này.

Ai khéo giảng Pháp cú,
Như người khéo hái hoa?"

Hữu học giảng Pháp cú,
Như người khéo hái hoa."

46. "Biết thân như bọt nước,
Ngộ thân là như huyễn,
Bẻ tên hoa của ma,
Vượt tầm mắt thần chết."

47. "Người nhặt các loại hoa,
Ý đắm say, tham nhiễm,
Bị thần chết mang đi,
Như lụt trôi làng ngủ."

48.Người nhặt các loại hoa,
Ý đắm say tham nhiễm,
Các dục chưa thỏa mãn,
Đã bị chết chinh phục."

49. "Như ong đến với hoa,
Không hại sắc và hương,
Che chở hoa, lấy nhụy.
Bậc Thánh đi vào làng ".

50. "Không nên nhìn lỗi người,
Người làm hay không làm.
Nên nhìn tự chính mình.
Có làm hay không làm."

51. "Như bông hoa tươi đẹp,
Có sắc nhưng không hương.
Cũng vậy, lời khéo nói,
Không làm, không kết quả."

52. "Như bông hoa tươi đẹp,
Có sắc lại thêm hương;
Cũng vậy, lời khéo nói,
Có làm, có kết quả."

53. "Như từ một đống hoa,
Nhiều tràng hoa được làm.
Cũng vậy, thân sanh tử,
Phải làm nhiều việc lành."

54. "Hương các loại hoa thơm
Không ngược bay chiều gió
Nhưng hương người đức hạnh
Ngược gió khắp tung bay
Chỉ có bậc chân nhân
Tỏa khắp mọi phương trời."

55. "Hoa chiên đàn, già la,
Hoa sen, hoa vũ quý,
Giữa những hương hoa ấy,
Giới hương là vô thượng."

56. "Ít giá trị hương này,
Hương già la, chiên đàn;
Chỉ hương người đức hạnh,
Tối thượng tỏa Thiên giới."

57. "Nhưng ai có giới hạnh,
An trú không phóng dật,
Chánh trí, chơn giải thoát,
Ác ma không thấy đường."

58. "Như giữa đống rác nhớp,
Quăng bỏ trên đường lớn,
Chỗ ấy hoa sen nở,
Thơm sạch, đẹp ý người."

59. "Cũng vậy giữa quần sanh,
Uế nhiễm, mù, phàm tục,
Đệ tử bậc Chánh Giác,
Sáng ngời với Tuệ Trí."

V. Phẩm Ngu

60. "Đêm dài cho kẻ thức,
Đường dài cho kẻ mệt,
Luân hồi dài, kẻ ngu,
Không biết chơn diệu pháp."

61. "Tìm không được bạn đường,
Hơn mình hay bằng mình,
Thà quyết sống một mình,
Không bè bạn kẻ ngu."

62. "Con tôi, tài sản tôi,
Người ngu sanh ưu não,
Tự ta, ta không có,
Con đâu, tài sản đâu."

63. "Người ngu nghĩ mình ngu,
Nhờ vậy thành có trí.
Người ngu tưởng có trí,
Thật xứng gọi chí ngu."

64. "Người ngu, dầu trọn đời,
Thân cận người có trí,
Không biết được Chánh pháp,
Như muỗng với vị canh."

65. "Người trí, dầu một khắc,
Thân cận người có trí,
Biết ngay chân diệu pháp,
Như lưỡi với vị canh."

66. "Người ngu si thiếu trí,
Tự ngã thành kẻ thù.
Làm các nghiệp không thiện,
Phải chịu quả đắng cay."

67. "Nghiệp làm không chánh thiện,
Làm rồi sanh ăn năn,
Mặt nhuốm lệ, khóc than,
Lãnh chịu quả dị thục."

68. "Và nghiệp làm chánh thiện,
Làm rồi không ăn năn,
Hoan hỷ, ý đẹp lòng,
Hưởng thọ quả dị thục."

69. "Người ngu nghĩ là ngọt,
Khi ác chưa chín muồi;
Ác nghiệp chín muồi rồi,
Người ngu chịu khổ đau."

70. "Tháng tháng với ngọn cỏ,
Người ngu có ăn uống
Không bằng phần mười sáu
Người hiểu pháp hữu vi."

71. "Nghiệp ác đã được làm,
Như sữa, không đông ngay,
Cháy ngầm theo kẻ ngu,
Như lửa tro che đậy."

72. "Tự nó chịu bất hạnh,
Khi danh đến kẻ ngu.
Vận may bị tổn hại,
Đầu nó bị nát tan."

73. "Ưa danh không tương xứng,
Muốn ngồi trước tỷ kheo,
Ưa quyền tại tịnh xá,
Muốn mọi người lễ kính."

74. "Mong cả hai tăng, tục,
Nghĩ rằng (chính ta làm).
Trong mọi việc lớn nhỏ,
Phải theo mệnh lệnh ta "
Người ngu nghĩ như vậy
Dục và mạn tăng trưởng.

75. "Khác thay duyên thế lợi,
Khác thay đường Niết Bàn.
Tỷ kheo, đệ tử Phật,
Hãy như vậy thắng tri.
Chớ ưa thích cung kính,
Hãy tu hạnh viễn ly."

VI. Phẩm Hiền Trí

76. "Nếu thấy bậc hiền trí,
Chỉ lỗi và khiển trách,
Như chỉ chỗ chôn vàng
Hãy thân cận người trí!
Thân cận người như vậy,
Chỉ tốt hơn, không xấu."

77. "Những người hay khuyên dạy,
Ngăn người khác làm ác,
Được người hiền kính yêu,
Bị người ác không thích."

78. "Chớ thân với bạn ác,
Chớ thân kẻ tiểu nhân.
Hãy thân người bạn lành,
Hãy thân bậc thượng nhân."

79. "Pháp hỷ đem an lạc,
Với tâm tư thuần tịnh;
Người trí thường hoan hỷ,
Với pháp bậc Thánh thuyết."

80. "Người trị thủy dẫn nước,
Kẻ làm tên nắn tên,
Người thợ mộc uốn gỗ,
Bậc trí nhiếp tự thân."

81. "Như đá tảng kiên cố,
Không gió nào giao động,
Cũng vậy, giữa khen chê,
Người trí không giao động."

*82. "Như hồ nước sâu thẳm,
Trong sáng, không khuấy đục,
Cũng vậy, nghe chánh pháp,
Người trí hưởng tịnh lạc."*

*83. "Người hiền bỏ tất cả,
Người lành không bàn dục,
Dầu cảm thọ lạc khổ,
Bậc trí không vui buồn."*

*84. "Không vì mình, vì người.
Không cầu được con cái,
Không tài sản quốc độ,
Không cầu mình thành tựu,
Với việc làm phi pháp.
Vị ấy thật trì giới,
Có trí tuệ, đúng pháp."*

*85. "Ít người giữa nhân loại,
Đến được bờ bên kia
Còn số người còn lại,
Xuôi ngược chạy bờ này."*

*86. "Những ai hành trì pháp,
Theo chánh pháp khéo dạy,
Sẽ đến bờ bên kia,
Vượt ma lực khó thoát."*

*87.Kẻ trí bỏ pháp đen,
Tu tập theo pháp trắng.
Bỏ nhà, sống không nhà,
Sống viễn ly khổ lạc."*

*88. "Hãy cầu vui Niết Bàn,
Bỏ dục, không sở hữu,
Kẻ trí tự rửa sạch,
Cấu uế từ nội tâm."*

*89. "Những ai với chánh tâm,
Khéo tu tập giác chi,
Từ bỏ mọi ái nhiễm,
Hoan hỷ không chấp thủ.
Không lậu hoặc, sáng chói,
Sống tịch tịnh ở đời."*

VII. Phẩm A-La-Hán

*90. "Đích đã đến, không sầu,
Giải thoát ngoài tất cả,
Đoạn trừ mọi buộc ràng,
Vị ấy không nhiệt não."*

*91. "Tự sách tấn, chánh niệm,
Không thích cư xá nào,
Như ngỗng trời rời ao,
Bỏ sau mọi trú ẩn."*

*92. "Tài sản không chất chứa,
Ăn uống biết liễu tri,
Tự tại trong hành xứ,
"Không vô tướng, giải thoát, "
Như chim giữa hư không,
Hướng chúng đi khó tìm."*

*93. "Ai lậu hoặc đoạn sạch,
Ăn uống không tham đắm,
Tự tại trong hành xứ,
"Không, vô tướng giải thoát. "
Như chim giữa hư không,
Dấu chân thật khó tìm. "*

*94. "Ai nhiếp phục các căn,
Như đánh xe điều ngự,
Mạn trừ, lậu hoặc dứt,
Người vậy, Chư Thiên mến."*

*95. "Như đất, không hiềm hận,
Như cột trụ, kiên trì,
Như hồ, không bùn nhơ,
Không luân hồi, vị ấy."*

*96. "Người tâm ý an tịnh,
Lời an, nghiệp cũng an,
Chánh trí, chơn giải thoát,
Tịnh lạc là vị ấy."*

*97. "Không tin, hiểu vô vi.
Người cắt mọi hệ lụy
Cơ hội tận, xả ly
Vị ấy thật tối thượng."*

*98. "Làng mạc hay rừng núi
Thung lũng hay đồi cao,*

*99. "Khả ái thay núi rừng,
Chỗ người phàm không ưa,*

La Hán trú chỗ nào,
Đất ấy thật khả ái ".

Vị ly tham ưa thích,
Vì không tìm dục lạc."

VIII. Phẩm Ngàn

100. "Dầu nói ngàn ngàn lời,
Nhưng không gì lợi ích,
Tốt hơn một câu nghĩa,
Nghe xong, được tịnh lạc."

101. "Dầu nói ngàn câu kệ
Nhưng không gì lợi ích,
Tốt hơn nói một câu,
Nghe xong, được tịnh lạc."

102 "Dầu nói trăm câu kệ
Nhưng không gì lợi ích,
Tốt hơn một câu pháp,
Nghe xong, được tịnh lạc."

103. "Dầu tại bãi chiến trường
Thắng ngàn ngàn quân địch,
Tự thắng mình tốt hơn,
Thật chiến thắng tối thượng."

104. "Tự thắng, tốt đẹp hơn,
Hơn chiến thắng người khác.
Người khéo điều phục mình,
Thường sống tự chế ngự."

105. "Dầu Thiên Thần, Thát Bà,
Dầu Ma vương, Phạm Thiên
Không ai chiến thắng nổi,
Người tự thắng như vậy."

106. "Tháng tháng bỏ ngàn vàng,
Tế tự cả trăm năm,
Chẳng bằng trong giây lát,
Cúng dường bậc tự tu.
Cùng dường vậy tốt hơn,
Hơn trăm năm tế tự."

107. "Dầu trải một trăm năm,
Thờ lửa tại rừng sâu,
Chẳng bằng trong giây lát,
Cúng dường bậc tự tu.
Cúng dường vậy tốt hơn,
Hơn trăm năm tế tự."

108. "Suốt năm cúng tế vật,
Để cầu phước ở đời.
Không bằng một phần tư
Kính lễ bậc chánh trực."

109. "Thường tôn trọng, kính lễ
Bậc kỳ lão trưởng thượng,
Bốn pháp được tăng trưởng:
Thọ, sắc, lạc, sức mạnh."

110.Dầu sống một trăm năm
Ác giới, không thiền định,
Tốt hơn sống một ngày,
Trì giới, tu thiền định."

111. "Ai sống một trăm năm,
Ác tuệ, không thiền định.
Tốt hơn sống một ngày,
Có tuệ, tu thiền định."

112 "Ai sống một trăm năm,
Lười nhác không tinh tấn,
Tốt hơn sống một ngày
Tinh tấn tận sức mình."

113. "Ai sống một trăm năm,
Không thấy pháp sinh diệt,
Tốt hơn sống một ngày,
Thấy được pháp sinh diệt."

114. "Ai sống một trăm năm,
Không thấy câu bất tử,
Tốt hơn sống một ngày,
Thấy được câu bất tử."

115. "Ai sống một trăm năm,
Không thấy pháp tối thượng,
Tốt hơn sống một ngày,
Thấy được pháp tối thượng."

IX. Phẩm Ác

116. "Hãy gấp làm điều lành,

117. "Nếu người làm điều ác,

Ngăn tâm làm điều ác.
Ai chậm làm việc lành,
Ý ưa thích việc ác."

Chớ tiếp tục làm thêm.
Chớ ước muốn điều ác,
Chứa ác, tất chịu khổ."

118. "Nếu người làm điều thiện,
Nên tiếp tục làm thêm.
Hãy ước muốn điều thiện,
Chứa thiện, được an lạc."

119. "Người ác thấy là hiền.
Khi ác chưa chín muồi,
Khi ác nghiệp chín muồi,
Người ác mới thấy ác."

120. "Người hiền thấy là ác,
Khi thiện chưa chín muồi.
Khi thiện được chín muồi,
Người hiền thấy là thiện."

121. "Chớ chê khinh điều ác,
Cho rằng "chưa đến mình ",
Như nước nhỏ từng giọt,
Rồi bình cũng đầy tràn.
Người ngu chứa đầy ác
Do chất chứa dần dần."

122. "Chớ chê khinh điều thiện
Cho rằng "Chưa đến mình, "
Như nước nhỏ từng giọt,
Rồi bình cũng đầy tràn.
Người trí chứa đầy thiện,
Do chất chứa dần dần."

123. "Ít bạn đường, nhiều tiền,
Người buôn tránh đường hiểm.
Muốn sống, tránh thuốc độc,
Hãy tránh ác như vậy."

124. "Bàn tay không thương tích,
Có thể cầm thuốc độc.
Không thương tích, tránh độc,
Không làm, không có ác."

125. "Hại người không ác tâm,
Người thanh tịnh, không uế,
Tội ác đến kẻ ngu,
Như ngược gió tung bụi."

126. "Một số sinh bào thai,
Kẻ ác sinh địa ngục,
Người thiện lên cõi trời,
Vô lậu chứng Niết Bàn."

127. "Không trên trời, giữa biển,
Không lánh vào động núi,
Không chỗ nào trên đời,
Trốn được quả ác nghiệp."

128. "Không trên trời, giữa biển,
Không lánh vào động núi,
Không chỗ nào trên đời,
Trốn khỏi tay thần chết."

X. Phẩm Hình Phạt

129. "Mọi người sợ hình phạt,
Mọi người sợ tử vong.
Lấy mình làm ví dụ
Không giết, không bảo giết."

130. "Mọi người sợ hình phạt,
Mọi người thích sống còn;
Lấy mình làm ví dụ,
Không giết, không bảo giết."

131. "Chúng sanh cầu an lạc,
Ai dùng trượng hại người,
Để tìm lạc cho mình,
Đời sau không được lạc."

132. "Chúng sanh cầu an lạc,
Không dùng trượng hại người,
Để tìm lạc cho mình,
Đời sau được hưởng lạc."

133. "Chớ nói lời ác độc,

134. "Nếu tự mình yên lặng,

Nói ác, bị nói lại,
Khổ thay lời phẫn nộ,
Đao trượng phản chạm mình."

Như chiếc chuông bị bể.
Ngươi đã chứng Niết Bàn
Ngươi không còn phẫn nộ."

135. "Với gậy người chăn bò,
Lùa bò ra bãi cỏ;
Cũng vậy, già và chết,
Lùa người đến mạng chung."

136. "Người ngu làm điều ác,
Không ý thức việc làm.
Do tự nghiệp, người ngu
Bị nung nấu, như lửa."

137. "Dùng trượng phạt không trượng,
Làm ác người không ác.
Trong mười loại khổ đau,
Chịu gấp một loại khổ."

138. "Hoặc khổ thọ khốc liệt,
Thân thể bị thương vong,
Hoặc thọ bệnh kịch liệt,
Hay loạn ý tán tâm."

139. "Hoặc tai họa từ vua,
Hay bị vu trọng tội;
Bà con phải ly tán,
Tài sản bị nát tan."

140. "Hoặc phòng ốc nhà cửa
Bị hỏa tai thiêu đốt.
Khi thân hoại mạng chung,
Ác tuệ sanh địa ngục."

141. "Không phải sống lõa thể
Bện tóc, tro trét mình,
Tuyệt thực, lăn trên đất,
Sống nhớp, siêng ngồi xổm,
Làm con người được sạch,
Nếu không trừ nghi hoặc."

142 "Ai sống tự trang sức,
Nhưng an tịnh, nhiếp phục,
Sống kiên trì, phạm hạnh,
Không hại mọi sinh linh,
Vị ấy là phạm chí,
Hay sa môn, khất sĩ."

143. "Thật khó tìm ở đời,
Người biết thẹn, tự chế,
Biết tránh né chỉ trích
Như ngựa hiền tránh roi."

144. "Như ngựa hiền chạm roi,
Hãy nhiệt tâm, hăng hái,
Với tín, giới, tinh tấn,
Thiền định cùng trạch pháp.
Minh hạnh đủ, chánh niệm,
Đoạn khổ này vô lượng."

145. "Người trị thủy dẫn nước,
Kẻ làm tên nắn tên,
Người thợ mộc uốn ván,
Bậc tự điều, điều thân."

XI. Phẩm Già

146. "Cười gì, hân hoan gì,
Khi đời mãi bị thiêu?
Bị tối tăm bao trùm,
Sao không tìm ngọn đèn?"

147. "Hãy xem bọng bóng đẹp,
Chỗ chất chứa vết thương,
Bệnh hoạn nhiều suy tư,
Thật không gì trường cửu."

148. "Sắc này bị suy già,
Ổ tật bệnh, mỏng manh,
Nhóm bất tịnh, đổ vỡ,
Chết chấm dứt mạng sống."

149. "Như trái bầu mùa thu,
Bị vất bỏ quăng đi,
Nhóm xương trắng bồ câu,
Thấy chúng còn vui gì?"

150. "Thành này làm bằng xương,
Quét tô bằng thịt máu,
Ở đây già và chết,
Mạn, lừa đảo chất chứa."

151. "Xe vua đẹp cũng già.
Thân này rồi sẽ già,
Pháp bậc thiện, không già.
Như vậy bậc chí thiện
Nói lên cho bậc thiện."

152. "Người ít nghe kém học,
Lớn già như trâu đực.
Thịt nó tuy lớn lên,
Nhưng tuệ không tăng trưởng."

153. "Lang thang bao kiếp sống
Ta tìm nhưng chẳng gặp,
Người xây dựng nhà này,
Khổ thay, phải tái sanh."

154. "Ôi! Người làm nhà kia
Nay ta đã thấy ngươi!
Ngươi không làm nhà nữa.
Đòn tay ngươi bị gẫy,
Kèo cột ngươi bị tan
Tâm ta đạt tịch diệt,
Tham ái thảy tiêu vong."

155. "Lúc trẻ, không phạm hạnh,
Không tìm kiếm bạc tiền.
Như cò già bên ao,
Ủ rũ, không tôm cá."

156. "Lúc trẻ không phạm hạnh,
Không tìm kiếm bạc tiền;
Như cây cung bị gẫy,
Thở than những ngày qua."

XII. Phẩm Tự Ngã

157. "Nếu biết yêu tự ngã,
Phải khéo bảo vệ mình,
Người trí trong ba canh,
Phải luôn luôn tỉnh thức."

158. "Trước hết tự đặt mình,
Vào những gì thích đáng.
Sau mới giáo hóa người,
Người trí khỏi bị nhiễm."

159. "Hãy tự làm cho mình,
Như điều mình dạy người.
Khéo tự điều, điều người,
Khó thay, tự điều phục!"

160. "Tự mình y chỉ mình,
Nào có y chỉ khác.
Nhờ khéo điều phục mình,
Được y chỉ khó được."

161. "Điều ác tự mình làm,
Tự mình sanh, mình tạo.
Nghiền nát kẻ ngu si,
Như kim cương, ngọc báu."

162. "Phá giới quá trầm trọng,
Như dây leo bám cây
Gieo hại cho tự thân,
Như kẻ thù mong ước."

163. "Dễ làm các điều ác,
Dễ làm tự hại mình.
Còn việc lành, việc tốt,
Thật tối thượng khó làm."

164. "Kẻ ngu si miệt thị,
Giáo pháp bậc La Hán,
Bậc Thánh, bậc chánh mạng.
Chính do ác kiến này,
Như quả loại cây lau
Mang quả tự hoại diệt."

165. "Tự mình, làm điều ác,
Tự mình làm nhiễm ô,
Tự mình không làm ác,

166. "Chớ theo pháp hạ liệt.
Chớ sống mặc, buông lung;
Chớ tin theo tà kiến,

Tự mình làm thanh tịnh.
Tịnh, không tịnh tự mình,
Không ai thanh tịnh ai!"

Chớ tăng trưởng tục trần."

XIII. Phẩm Thế Gian

167. "Dầu lợi người bao nhiêu,
Chớ quên phần tư lợi,
Nhờ thắng trí tư lợi.
Hãy chuyên tâm lợi mình."

168. "Nỗ lực, chớ phóng dật!
Hãy sống theo chánh hạnh;
Người chánh hạnh hưởng lạc,
Cả đời này, đời sau."

169. "Hãy khéo sống chánh hạnh,
Chớ sống theo tà hạnh!
Người chánh hạnh hưởng lạc,
Cả đời này, đời sau."

170. "Hãy nhìn như bọt nước,
Hãy nhìn như cảnh huyễn!
Quán nhìn đời như vậy,
Thần chết không bắt gặp."

171. "Hãy đến nhìn đời này,
Như xe vua lộng lẫy,
Người ngu mới tham đắm,
Kẻ trí nào đắm say."

172. "Ai sống trước buông lung,
Sau sống không phóng dật,
Chói sáng rực đời này.
Như trăng thoát mây che."

173. "Ai dùng các hạnh lành,
Làm xóa mờ nghiệp ác,
Chói sáng rực đời này,
Như trăng thoát mây che."

174. "Đời này thật mù quáng,
Ít kẻ thấy rõ ràng.
Như chim thoát khỏi lưới,
Rất ít đi thiên giới."

175. "Như chim thiên nga bay,
Thần thông liệng giữa trời;
Chiến thắng ma, ma quân,
Kẻ trí thoát đời này."

176. "Ai vi phạm một pháp,
Ai nói lời vọng ngữ,
Ai bác bỏ đời sau,
Không ác nào không làm."

177. "Keo kiết không sanh thiên,
Kẻ ngu ghét bố thí,
Người trí thích bố thí,
Đời sau, được hưởng lạc."

178. "Hơn thống lãnh cõi đất,
Hơn được sanh cõi trời,
Hơn chủ trì vũ trụ,
Quả Dự Lưu tối thắng."

XIV. Phẩm Phật Đà

179. "Vị chiến thắng không bại,
Vị bước đi trên đời,
Không dấu tích chiến thắng,
Phật giới rộng mênh mông,
Ai dùng chân theo dõi
Bậc không để dấu tích?"

180. "Ai giải tỏa lưới tham,
Ái phược hết dắt dẫn,
Phật giới rộng mênh mông,
Ai dùng chân theo dõi,
Bậc không để dấu tích?"

181. "Người trí chuyên thiền định,
Thích an tịnh viễn ly,
Chư thiên đều ái kính,
Bậc chánh giác, chánh niệm."

182. "Khó thay, được làm người,
Khó thay, được sống còn,
Khó thay, nghe diệu pháp,
Khó thay, Phật ra đời!"

*183. "Không làm mọi điều ác.
Thành tựu các hạnh lành,
Tâm ý giữ trong sạch,
Chính lời chư Phật dạy."*

*184. "Chư Phật thường giảng dạy;
Nhẫn, khổ hạnh tối thượng,
Niết bàn, quả tối thượng;
Xuất gia không phá người;
Sa môn không hại người."*

*185. "Không phỉ báng, phá hoại,
Hộ trì giới căn bản,
Ăn uống có tiết độ,
Sàng tọa chỗ nhàn tịnh
Chuyên chú tăng thượng tâm,
Chính lời chư Phật dạy."*

*186. "Dầu mưa bằng tiền vàng,
Các dục khó thỏa mãn.
Dục đắng nhiều ngọt ít,
Biết vậy là bậc trí."*

*187. "Đệ tử bậc chánh giác,
Không tìm cầu dục lạc,
Dầu là dục chư thiên,
Chỉ ưa thích ái diệt."*

*188. "Loài người sợ hoảng hốt,
Tìm nhiều chỗ quy y,
Hoặc rừng rậm, núi non,
Hoặc vườn cây, đền tháp."*

*189. "Quy y ấy không ổn,
Không quy y tối thượng.
Quy y các chỗ ấy,
Không thoát mọi khổ đau?"*

*190. "Ai quy y Đức Phật,
Chánh pháp và chư tăng,
Ai dùng chánh tri kiến,
Thấy được bốn Thánh đế."*

*191. "Thấy khổ và khổ tập,
Thấy sự khổ vượt qua,
Thấy đường Thánh tám ngành,
Đưa đến khổ não tận."*

*192. "Thật quy y an ổn,
Thật quy y tối thượng,
Có quy y như vậy,
Mới thoát mọi khổ đau."*

*193. "Khó gặp bậc thánh nhơn,
Không phải đâu cũng có.
Chỗ nào bậc trí sanh,
Gia đình tất an lạc."*

*194. "Vui thay, Phật ra đời!
Vui thay, Pháp được giảng!
Vui thay, Tăng hòa hợp!
Hòa hợp tu, vui thay!"*

*195. "Cúng dường bậc đáng cúng,
Chư Phật hoặc đệ tử,
Các bậc vượt hý luận,
Đoạn diệt mọi sầu bi."*

*196. "Cúng dường bậc như vậy,
Tịch tịnh, không sợ hãi,
Các công đức như vậy,
Không ai ước lường được."*

XV. Phẩm An Lạc

*197. "Vui thay, chúng ta sống,
Không hận, giữa hận thù!
Giữa những người thù hận,
Ta sống, không hận thù!"*

*198. "Vui thay, chúng ta sống,
Không bệnh, giữa ốm đau!
Giữa những người bệnh hoạn,
Ta sống, không ốm đau."*

*199. "Vui thay, chúng ta sống,
Không rộn giữa rộn ràng;
Giữa những người rộn ràng,
Ta sống, không rộn ràng."*

*200. "Vui thay chúng ta sống,
Không gì, gọi của ta.
Ta sẽ hưởng hỷ lạc,
Như chư thiên Quang Âm."*

201. "Chiến thắng sinh thù oán,

202. "Lửa nào sánh lửa tham?

Thất bại chịu khổ đau,
Sống tịch tịnh an lạc.
Bỏ sau mọi thắng bại."

Ác nào bằng sân hận?
Khổ nào sánh khổ uẩn,
Lạc nào bằng tịnh lạc."

203. "Đói ăn, bệnh tối thượng,
Các hành, khổ tối thượng,
Hiểu như thực là vậy,
Niết Bàn, lạc tối thượng."

204 "Không bệnh, lợi tối thượng,
Biết đủ, tiền tối thượng,
Thành tín đối với nhau,
Là bà con tối thượng.
Niết Bàn, lạc tối thượng."

205. "Đã nếm vị độc cư,
Được hưởng vị nhàn tịnh,
Không sợ hải, không ác,
Nếm được vị pháp hỷ."

206. "Lành thay, thấy thánh nhân,
Sống chung thường hưởng lạc.
Không thấy những người ngu,
Thường thường được an lạc."

207. "Sống chung với người ngu,
Lâu dài bị lo buồn.
Khổ thay gần người ngu,
Như thường sống kẻ thù.
Vui thay, gần người trí,
Như chung sống bà con."

208. "Bậc hiền sĩ, trí tuệ
Bậc nghe nhiều, trì giới,
Bậc tự chế, Thánh nhân;
Hãy gần gũi, thân cận
Thiện nhân, trí giả ấy,
Như trăng theo đường sao."

XVI. Phẩm Hỷ Ái

209. "Tự chuyên, không đáng chuyên
Không chuyên, việc đáng chuyên.
Bỏ đích, theo hỷ ái,
Ganh tị bậc tự chuyên."

210. "Chớ gần gũi người yêu,
Trọn đời xa kẻ ghét.
Yêu không gặp là khổ,
Oán phải gặp cũng đau."

211. "Do vậy chớ yêu ai,
Ái biệt ly là ác;
Những ai không yêu ghét,
Không thể có buộc ràng."

212. "Do ái sinh sầu ưu,
Do ái sinh sợ hãi,
Ai thoát khỏi tham ái,
Không sầu, đâu sợ hãi?"

213. "Ái luyến sinh sầu ưu,
Ái luyến sinh sợ hải.
Ai giải thoát ái luyến
Không sầu, đâu sợ hải?"

214. "Hỷ ái sinh sầu ưu,
Hỷ ái sinh sợ hãi.
Ai giải thoát hỷ ái,
Không sầu, đâu sợ hãi?

215. "Dục ái sinh sầu ưu,
Dục ái sinh sợ hãi,
Ai thoát khỏi dục ái,
Không sầu, đâu sợ hãi?"

216. "Tham ái sinh sầu ưu,
Tham ái sinh sợ hãi.
Ai thoát khỏi tham ái,
Không sầu, đâu sợ hãi."

217. "Đủ giới đức, chánh kiến;
Trú pháp, chứng chân lý,
Tự làm công việc mình,
Được quần chúng ái kính."

218. "Ước vọng pháp ly ngôn
Ý cảm xúc thượng quả
Tâm thoát ly ác dục,
Xứng gọi bậc Thượng Lưu."

219. "Khách lâu ngày ly hương,

220. "Cũng vậy các phước nghiệp,

An toàn từ xa về,
Bà con cùng thân hữu,
Hân hoan đón chào mừng."

Đón chào người làm lành,
Đời này đến đời kia.
Như thân nhân, đón chào."

XVII. Phẩm Phẫn Nộ

221. "Bỏ phẫn nộ, ly mạn,
Vượt qua mọi kiết sử,
Không chấp trước danh sắc.
Khổ không theo vô sản."

222. "Ai chận được phẫn nộ,
Như dừng xe đang lăn,
Ta gọi người đánh xe,
Kẻ khác, cầm cương hờ."

223. "Lấy không giận thắng giận,
Lấy thiện thắng không thiện,
Lấy thí thắng xan tham,
Lấy chơn thắng hư ngụy."

224. "Nói thật, không phẫn nộ,
Của ít, thí người xin,
Nhờ ba việc lành này,
Người đến gần thiên giới."

225. "Bậc hiền không hại ai,
Thân thường được chế ngự,
Đạt được cảnh bất tử,
Đến đây, không ưu sầu."

226. "Những người thường giác tỉnh,
Ngày đêm siêng tu học,
Chuyên tâm hướng Niết Bàn,
Mọi lậu hoặc được tiêu."

227. "A-tu-la, nên biết,
Xưa vậy, nay cũng vậy,
Ngồi im, bị người chê,
Nói nhiều bị người chê.
Nói vừa phải, bị chê.
Làm người không bị chê,
Thật khó tìm ở đời."

228. "Xưa, vị lai, và nay,
Đâu có sự kiện này,
Người hoàn toàn bị chê,
Người trọn vẹn được khen."

229. "Sáng sáng, thẩm xét kỹ.
Bậc có trí tán thán.
Bậc trí không tỳ vết,
Đầy đủ giới định tuệ."

230. "Hạnh sáng như vàng ròng,
Ai dám chê vị ấy?
Chư thiên phải khen thưởng,
Phạm Thiên cũng tán dương ".

231. "Giữ thân đừng phẫn nộ,
Phòng thân khéo bảo vệ,
Từ bỏ thân làm ác,
Với thân làm hạnh lành."

232 "Giữ lời đừng phẫn nộ,
Phòng lời, khéo bảo vệ,
Từ bỏ lời thô ác,
Với lời, nói điều lành."

233. "Giữ ý đừng phẫn nộ,
Phòng ý, khéo bảo vệ,
Từ bỏ ý nghĩ ác,
Với ý, nghĩ hạnh lành.'

234. "Bậc trí bảo vệ thân,
Bảo vệ luôn lời nói
Bảo vệ cả tâm tư,
Ba nghiệp khéo bảo vệ."

XVIII. Phẩm Cấu Uế

235. "Ngươi nay giống lá héo,
Diêm sứ đang chờ ngươi,
Ngươi đứng trước cửa chết,

236. "Hãy tự làm hòn đảo,
Tinh cần gấp, sáng suốt.
Trừ cấu uế, thanh tịnh,

Đường trường thiếu tư lương."

Đến Thánh địa chư Thiên."

237. "Đời ngươi nay sắp tàn,
Tiến gần đến Diêm Vương.
Giữa đường không nơi nghỉ,
Đường trường thiếu tư lương."

238. "Hãy tự làm hòn đảo,
Tinh cần gấp sáng suốt.
Trừ cấu uế, thanh tịnh,
Chẳng trở lại sanh già."

239. "Bậc trí theo tuần tự.
Từng sát na trừ dần.
Như thợ vàng lọc bụi
Trừ cấu uế nơi mình."

240. "Như sét từ sắt sanh,
Sắt sanh lại ăn sắt,
Cũng vậy, quá lợi dưỡng
Tự nghiệp dẫn cõi ác."

241. "Không tụng làm nhớp kinh,
Không đứng dậy, bẩn nhà,
Biếng nhác làm nhơ sắc,
Phóng dật uế người canh"

242. "Tà hạnh nhơ đàn bà,
Xan tham nhớp kẻ thí,
Ác pháp là vết nhơ,
Đời này và đời sau."

243. "Trong hàng cấu uế ấy,
Vô minh, nhơ tối thượng,
Đoạn nhơ ấy, tỷ kheo,
Thành bậc không uế nhiễm."

244. "Dễ thay, sống không hổ
Sống lỗ mãng như quạ,
Sống công kích huênh hoang,
Sống liều lĩnh, nhiễm ô."

245. "Khó thay, sống xấu hổ,
Thường thường cầu thanh tịnh.
Sống vô tư, khiêm tốn,
Trong sạch và sáng suốt."

246. "Ai ở đời sát sinh,
Nói láo không chân thật,
Ở đời lấy không cho,
Qua lại với vợ người."

247. "Uống rượu men, rượu nấu,
Người sống đam mê vậy,
Chính ngay tại đời này,
Tự đào bới gốc mình."

248. "Vậy người, hãy nên biết,
Không chế ngự là ác.
Chớ để tham phi pháp,
Làm người đau khổ dài."

249. "Do tín tâm, hỷ tâm
Loài người mới bố thí.
Ở đây ai bất mãn
Người khác được ăn uống,
Người ấy ngày hoặc đêm,
Không đạt được tâm định?"

250. "Ai cắt được, phá được,
Tận gốc nhổ tâm ấy.
Người ấy ngày hoặc đêm,
Đạt được tâm thiền định."

251. "Lửa nào bằng lửa tham!
Chấp nào bằng sân hận!
Lưới nào bằng lưới si!
Sông nào bằng sông ái! "

252. "Dễ thay thấy lỗi người,
Lỗi mình thấy mới khó.
Lỗi người ta phanh tìm,
Như sàng trấu trong gạo,
Còn lỗi mình, che đậy,
Như kẻ gian dấu bài."

253. "Ai thấy lỗi của người,
Thường sanh lòng chỉ trích,
Người ấy lậu hoặc tăng,
Rất xa lậu hoặc diệt."

254. "Hư không, không dấu chân,
Ngoài đây, không sa môn,
Chúng sanh thích hý luận,
Như lai, hý luận trừ."

255. "Hư không, không dấu chân,

Ngoài đây, không sa môn.
Các hành không thường trú,
Chư Phật không giao động."

XIX. Phẩm Pháp Trụ

256. "Ngươi đâu phải pháp trụ,
Xử sự quá chuyên chế,
Bậc trí cần phân biệt
Cả hai chánh và tà!"

257. "Không chuyên chế, đúng pháp,
Công bằng, dắt dẫn người,
Bậc trí sống đúng pháp,
Thật xứng danh pháp trụ."

258. "Không phải vì nói nhiều,
Mới xứng danh bậc trí.
An ổn, không oán sợ.
Thật đáng gọi bậc trí."

259. Không phải vì nói nhiều,
Mới xứng danh trì pháp,
Những ai tuy nghe ít,
Nhưng thân hành đúng pháp,
Không phóng túng chánh pháp,
Mới xứng danh trì pháp."

260. Không phải là trưởng lão,
Dầu cho có bạc đầu.
Người chỉ tuổi tác cao,
Được gọi là: "Lão ngu."

261. "Ai chân thật, đúng pháp,
Không hại, biết chế phục,
Bậc trí không cấu uế,
Mới xứng danh Trưởng Lão."

262. "Không phải nói lưu loát,
Không phải sắc mặt đẹp,
Thành được người lương thiện,
Nếu ganh, tham, dối trá."

263. "Ai cắt được, phá được
Tận gốc nhổ tâm ấy
Người trí ấy diệt sân,
Được gọi người hiền thiện."

264. "Đầu trọc, không sa môn
Nếu phóng túng, nói láo.
Ai còn đầy dục tham,
Sao được gọi sa môn?"

265. "Ai lắng dịu hoàn toàn,
Các điều ác lớn nhỏ,
Vì lắng dịu ác pháp,
Được gọi là Sa môn."

266. " Chỉ khất thực nhờ người,
Đâu phải là tỷ kheo!
Phải theo pháp toàn diện,
Khất sĩ không, không đủ."

267. " Ai vượt qua thiện ác,
Chuyên sống đời Phạm Hạnh,
Sống thẩm sát ở đời,
Mới xứng danh tỷ kheo."

268. "Im lặng nhưng ngu si,
Đâu được gọi ẩn sĩ?
Như người cầm cán cân,
Bậc trí chọn điều lành."

269. " Từ bỏ các ác pháp,
Mới thật là ẩn sĩ.
Ai thật hiểu hai đời
Mới được gọi ẩn sĩ."

270. " Còn sát hại sinh linh,
Đâu được gọi Hiền thánh.
Không hại mọi hữu tình,
Mới được gọi Hiền Thánh."

271. "Chẳng phải chỉ giới cấm
Cũng không phải học nhiều,
Chẳng phải chứng thiền định,
Sống thanh vắng một mình."

272. "Ta hưởng an ổn lạc,
Phàm phu chưa hưởng được.

Tỷ kheo, chớ tự tin
Khi lậu hoặc chưa diệt."

XX. Phẩm Đạo

273. "Tám chánh, đường thù thắng,
Bốn câu, lý thù thắng.
Ly tham, pháp thù thắng,
Giữa các loài hai chân,
Pháp nhãn, người thù thắng."

274. "Đường này, không đường khác
Đưa đến kiến thanh tịnh.
Nếu ngươi theo đường này,
Ma quân sẽ mê loạn."

275. "Nếu người theo đường này,
Đau khổ được đoạn tận.
Ta dạy người con đường.
Với trí, gai chướng diệt."

276. "Người hãy nhiệt tình làm,
Như Lai chỉ thuyết dạy.
Người hành trì thiền định
Thoát trói buộc Ác ma."

277. "Tất cả hành vô thường "
Với Tuệ, quán thấy vậy
Đau khổ được nhàm chán;
Chính con đường thanh tịnh."

278. "Tất cả hành khổ đau
Với Tuệ quán thấy vậy,
Đau khổ được nhàm chán;
Chính con đường thanh tịnh."

279. "Tất cả pháp vô ngã,
Với Tuệ quán thấy vậy,
Đau khổ được nhàm chán
Chính con đường thanh tịnh."

280. "Khi cần, không nỗ lực,
Tuy trẻ mạnh, nhưng lười
Chí nhu nhược, biếng nhác.
Với trí tuệ thụ động,
Sao tìm được chánh đạo?"

281. "Lời nói được thận trọng,
Tâm tư khéo hộ phòng,
Thân chớ làm điều ác,
Hãy giữ ba nghiệp tịnh,
Chứng đạo thánh nhân dạy."

282. "Tu thiền, trí tuệ sanh,
Bỏ Thiền, trí tuệ diệt.
Biết con đường hai ngả
Đưa đến hữu, phi hữu,
Hãy tự mình nỗ lực,
Khiến trí tuệ tăng trưởng."

283. "Đốn rừng không đốn cây
Từ rừng, sinh sợ hãi;
Đốn rừng và ái dục,
Tỷ kheo, hãy tịch tịnh."

284. "Khi nào chưa cắt tiệt,
Ái dục giữa gái trai,
Tâm ý vẫn buộc ràng,
Như bò con vú mẹ."

285. "Tự cắt giây ái dục,
Như tay bẻ sen thu,
Hãy tu đạo tịch tịnh,
Niết-Bàn, Thiện Thệ dạy."

286. "Mùa mưa ta ở đây
Đông, hạ cũng ở đây,
Người ngu tâm tưởng vậy,
Không tự giác hiểm nguy."

287. "Người tâm ý đắm say
Con cái và súc vật,
Tử thần bắt người ấy,
Như lụt trôi làng ngủ. "

288. "Một khi tử thần đến,
Không có con che chở,
Không cha, không bà con,
Không thân thích che chở."

289. "Biết rõ ý nghĩa này,
Bậc trí lo trì giới,

*Mau lẹ làm thanh tịnh,
Con đường đến Niết-Bàn."*

XXI. Phẩm Tạp Lục

*290. "Nhờ từ bỏ lạc nhỏ,
Thấy được lạc lớn hơn,
Bậc trí bỏ lạc nhỏ,
Thấy được lạc lớn hơn."*

*291. "Gieo khổ đau cho người,
Mong cầu lạc cho mình,
Bị hận thù buộc ràng
Không sao thoát hận thù."*

*292. "Việc đáng làm, không làm,
Không đáng làm, lại làm,
Người ngạo mạn, phóng dật,
Lậu hoặc ắt tăng trưởng."*

*293. "Người siêng năng cần mẫn,
Thường thường quán thân niệm,
Không làm việc không đáng,
Gắng làm việc đáng làm,
Người tư niệm giác tỉnh,
Lậu hoặc được tiêu trừ."*

*294. "Sau khi giết mẹ cha,
Giết hai Vua Sát ly,
Giết vương quốc, quần thần
Vô ưu, phạm chí sống."*

*295. "Sau khi giết mẹ cha,
Hai vua Bà-la-môn,
Giết hổ tướng thứ năm
Vô ưu, phạm chí sống."*

*296. "Đệ tử Gotama,
Luôn luôn tự tỉnh giác
Vô luận ngày hay đêm,
Tưởng Phật Đà thường niệm."*

*297. "Đệ tử Gotama,
Luôn luôn tự tỉnh giác,
Vô luận ngày hay đêm,
Tưởng Chánh Pháp thường niệm"*

*298. "Đệ tử Gotama,
Luôn luôn tự tỉnh giác,
Vô luận ngày hay đêm,
Tưởng Tăng Già thường niệm."*

*299. "Đệ tử Gotama,
Luôn luôn tự tỉnh giác,
Vô luận ngày hay đêm,
Tưởng sắc thân thường niệm."*

*300. "Đệ tử Gotama,
Luôn luôn tự tỉnh giác,
Vô luận ngày hay đêm,
Ý vui niềm bất hại."*

*301. "Đệ tử Gotama,
Luôn luôn tự tỉnh giác,
Vô luận ngày hay đêm,
Ý vui tu thiền quán."*

*302. "Vui hạnh xuất gia khó,
Tại gia sinh hoạt khó,
Sống bạn không đồng, khổ,
Trôi lăn luân hồi, khổ,
Vậy chớ sống luân hồi,
Chớ chạy theo đau khổ."*

*303. "Tín tâm, sống giới hạnh
Đủ danh xưng tài sản,
Chỗ nào người ấy đến,
Chỗ ấy được cung kính."*

*304. "Người lành dầu ở xa
Sáng tỏ như núi tuyết,
Người ác dầu ở gần
Như tên bắn đêm đen."*

*305. "Ai ngồi nằm một mình.
Độc hành không buồn chán,
Tự điều phục một mình
Sống thoải mái rừng sâu."*

XXII. Phẩm Địa Ngục

*306. "Nói láo đọa địa ngục
Có làm nói không làm,
Cả hai chết đồng đẳng,
Làm người, nghiệp hạ liệt."*

*307. "Nhiều người khoác cà sa,
Ác hạnh không nhiếp phục.
Người ác, do ác hạnh,
Phải sanh cõi Địa ngục."*

*308. "Tốt hơn nuốt hòn sắt
Cháy đỏ như lửa hừng,
Hơn ác giới, buông lung
Ăn đồ ăn quốc độ."*

*309. "Bốn nạn chờ đợi người,
Phóng dật theo vợ người;
Mắc họa, ngủ không yên,
Bị chê là thứ ba,
Đọa địa ngục, thứ bốn."*

*310 "Mắc họa, đọa ác thú,
Bị hoảng sợ, ít vui.
Quốc vương phạt trọng hình.
Vậy chớ theo vợ người."*

*311. "Như cỏ sa vụng nắm,
Tất bị họa đứt tay
Hạnh Sa môn tà vạy,
Tất bị đọa địa ngục."*

*312. "Sống phóng đãng buông lung,
Theo giới cấm ô nhiễm,
Sống Phạm hạnh đáng nghi
Sao chứng được quả lớn?*

*313. "Cần phải làm, nên làm
Làm cùng tận khả năng
Xuất gia sống phóng đãng,
Chỉ tăng loạn bụi đời."*

*314. "Ác hạnh không nên làm,
Làm xong, chịu khổ lụy,
Thiện hạnh, ắt nên làm,
Làm xong, không ăn năn."*

*315. "Như thành ở biên thùy,
Trong ngoài đều phòng hộ
Cũng vậy, phòng hộ mình,
Sát na chớ buông lung.
Giây phút qua, sầu muộn.
Khi rơi vào địa ngục."*

*316. "Không đáng hổ, lại hổ.
Việc đáng hổ, lại không.
Do chấp nhận tà kiến,
Chúng sanh đi ác thú."*

*317. "Không đáng sợ, lại sợ,
Đáng sợ, lại thấy không,
Do chấp nhận tà kiến.
Chúng sanh đi ác thú."*

*318. "Không lỗi, lại thấy lỗi,
Có lỗi, lại thấy không,
Do chấp nhận tà kiến,
Chúng sanh đi ác thú."*

*319. "Có lỗi, biết có lỗi,
Không lỗi, biết là không,
Do chấp nhận chánh kiến,
Chúng sanh đi cõi lành."*

XXIII. Phẩm Voi

*320. "Ta như voi giữa trận,
Hứng chịu cung tên rơi,
Chịu đựng mọi phỉ báng.
Ác giới rất nhiều người."*

*321. "Voi luyện, đưa dự hội,
Ngựa luyện, được vua cưỡi,
Người luyện, bậc tối thượng
Chịu đựng mọi phỉ báng."*

*322. "Tốt thay, con la thuần,
Thuần chủng loài ngựa Sin.
Đại tượng, voi có ngà.
Tự điều mới tối thượng."*

*323 "Chẳng phải loài cưỡi ấy,
Đưa người đến Niết-Bàn,
Chỉ có người tự điều,
Đến đích, nhờ điều phục."*

324. "Con voi tên Tài Hộ,

325. "Người ưa ngủ, ăn lớn

Phát dục, khó điều phục,
Trói buộc, không ăn uống.
Voi nhớ đến rừng voi."

Nằm lăn lóc qua lại,
Chẳng khác heo no bụng,
Kẻ ngu nhập thai mãi."

326. "Trước tâm này buông lung,
Chạy theo ái, dục, lạc.
Nay Ta chánh chế ngự,
Như cầm móc điều voi."

327. "Hãy vui không phóng dật,
Khéo phòng hộ tâm ý.
Kéo mình khỏi ác đạo,
Như voi bị sa lầy."

328. "Nếu được bạn hiền trí
Đáng sống chung, hạnh lành,
Nhiếp phục mọi hiểm nguy
Hoan hỷ sống chánh niệm."

329. "Không gặp bạn hiền trí.
Đáng sống chung, hạnh lành
Như vua bỏ nước bại,
Hãy sống riêng cô độc,
Như voi sống rừng voi."

330. "Tốt Hơn sống một mình,
Không kết bạn người ngu.
Độc thân, không ác hạnh
Sống vô tư vô lự,
Như voi sống rừng voi."

331. "Vui thay, bạn lúc cần!
Vui thay, sống biết đủ,
Vui thay, chết có đức!
Vui thay, mọi khổ đoạn."

332. "Vui thay, hiếu kính mẹ,
Vui thay, hiếu kính cha,
Vui thay, kính Sa môn,
Vui thay, kính Hiền Thánh."

333. "Vui thay, già có giới!
Vui thay, tín an trú!
Vui thay, được trí tuệ,
Vui thay, ác không làm."

XXIV. Phẩm Tham Ái

334. "Người sống đời phóng dật,
Ái tăng như giây leo.
Nhảy đời này đời khác,
Như vượn tham quả rừng."

335. "Ai sống trong đời này,
Bị ái dục buộc ràng
Sầu khổ sẽ tăng trưởng,
Như cỏ Bi gặp mưa."

336. "Ai sống trong đời này
Ái dục được hàng phục
Sầu rơi khỏi người ấy
Như giọt nước lá sen."

337. "Đây điều lành Ta dạy,
Các người tụ họp đây.
Hãy nhổ tận gốc ái
Như nhổ gốc cỏ Bi.
Chớ để ma phá hoại,
Như giòng nước cỏ lau."

338. "Như cây bị chặt đốn,
Gốc chưa hại vẫn bền
Ái tùy miên chưa nhổ,
Khổ này vẫn sanh hoài."

339. "Ba mươi sáu dòng Ái,
Trôi người đốn khả ái.
Các tư tưởng tham ái.
Cuốn trôi người tà kiến."

340. "Dòng ái dục chảy khắp,
Như giây leo mọc tràn,
Thấy giây leo vừa sanh,
Với tuệ, hãy đoạn gốc."

341. "Người đời nhớ ái dục,
Ưa thích các hỷ lạc.
Tuy mong cầu an lạc,
Họ vẫn phải sanh già."

342 "Người bị ái buộc ràng,

343. "Người bị ái buộc ràng,

Vùng vẫy và hoảng sợ,
Như thỏ bị sa lưới.
Họ sanh ái trói buộc,
Chịu khổ đau dài dài."

Vùng vẫy và hoảng sợ,
Như thỏ bị sa lưới.
Do vậy vị tỷ kheo,
Mong cầu mình ly tham
Nên nhiếp phục ái dục."

344. "Lìa rừng lại hướng rừng
Thoát rừng chạy theo rừng.
Nên xem người như vậy,
Được thoát khỏi buộc ràng.
Lại chạy theo ràng buộc."

345. "Sắt, cây, gai trói buộc
Người trí xem chưa bền.
Tham châu báu, trang sức
Tham vọng vợ và con."

346. "Người có trí nói rằng:
"Trói buộc này thật bền.
Rì kéo xuống, lún xuống,
Nhưng thật sự khó thoát.
Người trí cắt trừ nó,
Bỏ dục lạc, không màng."

347. "Người đắm say ái dục
Tự lao mình xuống dòng
Như nhện sa lưới dệt.
Người trí cắt trừ nó,
Bỏ mọi khổ, không màng."

348. "Bỏ quá, hiện, vị lai,
Đến bờ kia cuộc đời,
Ý giải thoát tất cả,
Chớ vướng lại sanh già."

349. "Người tà ý nhiếp phục,
Tham sắc bén nhìn tịnh,
Người ấy ái tăng trưởng,
Làm giây trói mình chặt."

350. "Ai vui, an tịnh ý,
Quán bất tịnh, thường niệm,
Người ấy sẽ diệt ái,
Cắt đứt Ma trói buộc."

351. "Ai tới đích, không sợ,
Ly ái, không nhiễm ô
Nhổ mũi tên sanh tử,
Thân này thân cuối cùng."

352. "Ái lìa, không chấp thủ.
Cú pháp khéo biện tài
Thấu suốt từ vô ngại,
Hiểu thứ lớp trước sau.
Thân này thân cuối cùng
Vị như vậy được gọi,
Bậc Đại trí, đại nhân."

353. "Ta hàng phục tất cả,
Ta rõ biết tất cả,
Không bị nhiễm pháp nào.
Ta từ bỏ tất cả
Ái diệt, tự giải thoát.
Đã tự mình thắng trí,
Ta gọi ai thầy ta?"

354. "Pháp thí, thắng mọi thí!
Pháp vị, thắng mọi vị!
Pháp hỷ, thắng mọi hỷ!
Ái diệt, dứt mọi khổ!"

355. "Tài sản hại người ngu.
Không người tìm bờ kia
Kẻ ngu vì tham giàu,
Hại mình và hại người."

356. "Cỏ làm hại ruộng vườn,
Tham làm hại người đời.
Bố thí người ly tham,
Do vậy được quả lớn."

357. "Cỏ làm hại ruộng vườn,
Sân làm hại người đời.
Bố thí người ly sân,
Do vậy được quả lớn."

358. "Cỏ làm hại ruộng vườn,
Si làm hại người đời,
Bố thí người ly si,
Do vậy được quả lớn."

359. "Cỏ làm hại ruộng vườn,
Dục làm hại người đời.
Bố thí người ly dục,
Do vậy được quả lớn."

XXV. Phẩm Tỷ Kheo

*360. "Lành thay, phòng hộ mắt!
Lành thay, phòng hộ tai.
Lành thay, phòng hộ mũi,
Lành thay, phòng hộ lưỡi."*

*361. "Lành thay,phòng hộ thân!
Lành thay, phòng hộ lời,
Lành thay, phòng hộ ý.
Lành thay, phòng tất cả.
Tỷ kheo phòng tất cả.
Thoát được mọi khổ đau."*

*362. "Người chế ngự tay chân,
Chế ngự lời và đầu,
Vui thích nội thiền định.
Độc thân, biết vừa đủ,
Thật xứng gọi tỷ kheo."*

*363. "Tỷ kheo chế ngự miệng,
Vừa lời, không cống cao,
Khi trình bày pháp nghĩa,
Lời lẽ dịu ngọt ngào."*

*364. "Vị tỷ kheo thích pháp,
Mến pháp, suy tư Pháp.
Tâm tư niệm chánh Pháp,
Không rời bỏ chánh Pháp."*

*365. "Không khinh điều mình được,
Không ganh người khác được
Tỷ kheo ganh tị người,
Không sao chứng Thiền Định."*

*366. "Tỷ kheo dầu được ít,
Không khinh điều mình được,
Sống thanh tịnh không nhác,
Chư thiên khen vị này."*

*367. "Hoàn toàn, đối danh sắc,
Không chấp Ta, của Ta.
Không chấp, không sầu não.
Thật xứng danh Tỷ kheo."*

*368. "Tỷ kheo trú từ bi,
Tín thành giáo Pháp Phật,
Chứng cảnh giới tịch tỉnh.
Các hạnh an tịnh lạc."*

*369. "Tỷkheo, tát thuyền này,
Thuyền không, nhẹ đi mau.
Trừ tham, diệt sân hận,
Tất chứng đạt Niết-Bàn."*

*370. "Đoạn năm, từ bỏ năm
Tụ tập năm tối thượng
Tỷ kheo vượt năm ái
Xứng danh "Vượt bộc lưu"*

*371. "Tỷ kheo, hãy tu thiền,
Chớ buông lung phóng dật,
Tâm chớ đắm say dục,
Phóng dật, nuốt sắt nóng
Bị đốt, chớ than khổ!"*

*372. "Không trí tuệ, không thiền,
Không thiền, không trí tuệ.
Người có thiền có tuệ,
Nhất định gần Niết-Bàn."*

*373. "Bước vào ngôi nhà trống,
Tỷ kheo tâm an tịnh,
Thọ hưởng vui siêu nhân
Tịnh quán theo chánh pháp."*

*374. "Người luôn luôn chánh niệm,
Sự sanh diệt các uẩn,
Được hoan hỷ, hân hoan,
Chỉ bậc bất tử biết."*

*375. "Đây Tỷ kheo có trí,
Tụ tập pháp căn bản
Hộ căn, biết vừa đủ,
Giữ gìn căn bản giới,
Thường gần gũi bạn lành,
Sống thanh tịnh tinh cần."*

*376. "Giao thiệp khéo thân thiện,
Cử chỉ mực đoan trang.
Do vậy hưởng vui nhiều,
Sẽ dứt mọi khổ đau."*

*377. "Như hoa Vassikà,
Quăng bỏ cánh úa tàn,
Cũng vậy vị Tỷ kheo,
Hãy giải thoát tham sân."*

*378. "Thân tịnh, lời an tịnh,
An tịnh, khéo thiền tịnh.
Tỷ kheo bỏ thế vật,
Xứng danh "bậc tịch tịnh ".*

*379. "Tự mình chỉ trích mình,
Tự mình dò xét mình,
Tỷ kheo tự phòng hộ
Chánh niệm, trú an lạc."*

*380. "Tự mình y chỉ mình,
Tự mình đi đến mình,
Vậy hãy tự điều phục,
Như khách buôn ngựa hiền."*

*381. "Tỷ kheo nhiều hân hoan,
Tịnh tín giáo pháp Phật,
Chứng cảnh giới tịch tịnh,
Các hạnh an tịnh lạc."*

*382. "Tỷ kheo tuy tuổi nhỏ
Siêng tu giáo pháp Phật,
Soi sáng thế gian này,
Như trăng thoát khỏi mây."*

XXVI. Phẩm Bà-La-Môn

*383. "Hỡi này Bà là môn,
Hãy tinh tấn đoạn dòng,
Từ bỏ các dục lạc,
Biết được hành đoạn diệt,
Người là bậc vô vi."*

*384. "Nhờ thường trú hai pháp
Đến được bờ bên kia.
Bà-la-môn có trí,
Mọi kiết sử dứt sạch."*

*385. "Không bờ này, bờ kia
Cả hai bờ không có,
Lìa khổ, không trói buộc
Ta gọi Bà-la-môn."*

*386. "Tu thiền, trú ly trần
Phận sự xong, vô lậu,
Đạt được đích tối thượng,
Ta gọi Bà-la-môn."*

*387. "Mặt trời sáng ban ngày,
Mặt trăng sáng ban đêm.
Khí giới sáng Sát ly,
Thiền định sáng Phạm chí.
Còn hào quang đức Phật,
Chói sáng cả ngày đêm."*

*388. "Dứt ác gọi Phạm chí,
Tịnh hạnh gọi Sa môn,
Tự mình xuất cấu uế,
Nên gọi bậc xuất gia."*

*389. "Chớ có đập Phạm chí!
Phạm chí chớ đập lại!
Xấu thay đập Phạm chí
Đập trả lại xấu hơn!"*

*390. "Đối vị Bà-la-môn,
Đây không lợi ích nhỏ.
Khi ý không ái luyến,
Tâm hại được chận đứng,
Chỉ khi ấy khổ diệt,"*

*391. "Với người thân miệng ý,
Không làm các ác hạnh
Ba nghiệp được phòng hộ,
Ta gọi Bà-la-môn."*

*392. "Từ ai, biết chánh pháp
Bậc Chánh Giác thuyết giảng,
Hãy kính lễ vị ấy,
Như phạm chí chờ lửa."*

*393. "Được gọi Bà-la-môn,
Không vì đầu bện tóc,
Không chủng tộc, thọ sanh,
Ai thật chân, chánh, tịnh,
Mới gọi Bà-la-môn."*

*394. "Kẻ ngu, có ích gì
Bện tóc với da dê,
Nội tâm toàn phiền não,
Ngoài mặt đánh bóng suông."*

395. "Người mặc áo đống rác,
Gầy ốm, lộ mạch gân,
Độc thân thiền trong rừng.
Ta gọi Bà-la-môn."

396 "Ta không gọi Phạm Chí,
Vì chỗ sanh, mẹ sanh.
Chỉ được gọi tên suông
Nếu tâm còn phiền não.
Không phiền não, chấp trước
Ta gọi Bà-la-môn."

397. "Đoạn hết các kiết sử,
Không còn gì lo sợ
Không đắm trước buộc ràng
Ta gọi Bà-la-môn

398. "Bỏ đai da, bỏ cương
Bỏ dây, đồ sở thuộc,
Bỏ then chốt, sáng suốt,
Ta gọi Bà-la-môn."

399. "Không ác ý, nhẫn chịu,
Phỉ báng, đánh, phạt hình,
Lấy nhẫn làm quân lực,
Ta gọi Bà-la-môn."

400. "Không hận, hết bổn phận,
Trì giới, không tham ái,
Nhiếp phục, thân cuối cùng,
Ta gọi Bà-la-môn."

401. "Như nước trên lá sen,
Như hột cải đầu kim,
Người không nhiễm ái dục,
Ta gọi Bà-la-môn."

402. "Ai tự trên đời này,
Giác khổ, diệt trừ khổ,
Bỏ gánh nặng, giải thoát,
Ta gọi Bà-la-môn."

403. "Người trí tuệ sâu xa,
Khéo biết đạo, phi đạo
Chứng đạt đích vô thượng,
Ta gọi Bà-la-môn."

404. "Không liên hệ cả hai,
Xuất gia và thế tục,
Sống độc thân, ít dục,
Ta gọi Bà-la-môn."

405. "Bỏ trượng, đối chúng sanh,
Yếu kém hay kiên cường,
Không giết, không bảo giết,
Ta gọi Bà-la-môn."

406. "Thân thiện giữa thù địch
Ôn hòa giữa hung hăng.
Không nhiễm, giữa nhiễm trước,
Ta gọi Bà-la-môn."

407. "Người bỏ rơi tham sân,
Không mạn không ganh tị,
Như hột cải đầu kim,
Ta gọi Bà-la-môn."

408. "Nói lên lời ôn hòa,
Lợi ích và chân thật,
Không mất lòng một ai,
Ta gọi Bà-la-môn."

409. "Ở đời, vật dài, ngắn,
Nhỏ, lớn, đẹp hay xấu
Phàm không cho không lấy,
Ta gọi Bà-la-môn."

410. "Người không có hy cầu,
Đời này và đời sau,
Không hy cầu, giải thoát,
Ta gọi Bà-la-môn."

411. "Người không còn tham ái,
Có trí, không nghi hoặc,
Thể nhập vào bất tử,
Ta gọi Bà-la-môn."

412. "Người sống ở đời này
Không nhiễm cả thiện ác,
Không sầu, sạch không bụi
Ta gọi Bà-la-môn."

413 "Như trăng, sạch không uế
Sáng trong và tịnh lặng,
Hữu ái, được đoạn tận,
Ta gọi Bà là môn."

414. "Vượt đường nguy hiểm này,
Nhiếp phục luân hồi, si,
Đến bờ kia thiền định
Không dục ái, không nghi,
Không chấp trước, tịch tịnh,

Ta gọi Bà-la-môn."

415. "Ai ở đời, đoạn dục,
Bỏ nhà, sống xuất gia,
Dục hữu được đoạn tận,
Ta gọi Bà-la-môn."

416. "Ai ở đời đoạn ái
Bỏ nhà, sống xuất gia,
Ái hữu được đoạn tận,
Ta gọi Bà-la-môn."

417. "Bỏ trói buộc loài người,
Vượt trói buộc cõi trời.
Giải thoát mọi buộc ràng,
Ta gọi Bà-la-môn."

418. "Bỏ điều ưa, điều ghét,
Mát lạnh, diệt sanh y
Bậc anh hùng chiến thắng,
Nhiếp phục mọi thế giới,
Ta gọi Bà-la-môn."

419. "Ai hiểu rõ hoàn toàn
Sanh tử các chúng sanh,
Không nhiễm, khéo vượt qua,
Sáng suốt chân giác ngộ,
Ta gọi Bà-la-môn."

420. "Với ai, loài trời, người
Cùng với Càn thát bà,
Không biết chỗ thọ sanh
Lậu tận bậc La hán.
Ta gọi Bà-la-môn."

421 "Ai quá, hiện, vị lai
Không một sở hữu gì,
Không sở hữu không nắm,
Ta gọi Bà-la-môn."

422. "Bậc trâu chúa, thù thắng
Bậc anh hùng, đại sĩ,
Bậc chiến thắng, không nhiễm,
Bậc tẩy sạch, giác ngộ,
Ta gọi Bà-la-môn."

423. "Ai biết được đời trước,
Thấy thiên giới, đọa xứ,
Đạt được sanh diệt tận
Thắng trí, tự viên thành
Bậc mâu ni đạo sĩ.
Viên mãn mọi thành tựu
Ta gọi Bà-la-môn."

-ooOoo-

1.3 KINH PHẬT TỰ THUYẾT
(Udàna: Cảm Hứng Ngữ)
GIỚI THIỆU KINH PHẬT TỰ THUYẾT
(Udàna)
Hoà Thượng Thích Minh Châu

Kinh Udàna, được dịch là Phật tự thuyết kinh, nghĩa là những kinh này đức Phật tự nói, do cảm xúc mạnh đột khởi, không ai thỉnh Phật thuyết. Cũng có khi dịch là "Vô vấn tự thuyết", nghĩa là không có người hỏi đức Phật tự nói. Có khi được dịch là "Những lời cảm hứng", nghĩa là lời nói đột khởi, do cảm xúc mạnh thúc đẩy, khi đức Phật tự mình chứng kiến những sự việc xảy ra xung quanh. Theo tập Upanishads, chữ Udàna có nghĩa là các hơi thở sinh mệnh (pràna, apàna, sumàna, vyàna, udàna), ở trung tâm cổ họng được phát ra.

Tập này gồm tám chương. Mỗi chương có 10 kinh. Như vậy có tám mươi kinh tất cả. Để tiện tìm kiếm, khi viết "I, 2" thời hiểu là chương I, kinh số 2; khi ghi "IV, 7", thời hiểu là chương IV kinh 7 v.v... Mỗi kinh gồm hai phần, phần đầu văn xuôi, ghi nhận một câu chuyện do đức Phật chứng kiến hay do các tỳ kheo kể lại, và phần thứ hai là lời cảm hứng của đức Phật, phần lớn là bằng những bài kệ (gàthà), chỉ có 1, 2 bài kinh Udàna được chép bằng văn xuôi.

Trước hết là một số kinh do liên hệ đến đời sống của đức Phật, như ba kinh đầu, Phẩm Bồ Đề diễn tả đức Phật khi mới thành đạo, ngồi nhập định dưới gốc cây Bồ Đề, suy tưởng đến lý 12 nhân duyên, thuận chiều và nghịch chiều rồi nói lên cảm hứng. (xem I. 1, 2, 3). Kinh II, 1 nói đến tích đức Phật ngồi nhập định gặp mưa to gió lớn, có con rắn Mucalinda quấn thân mình chung quanh đức Phật để che chở cho Ngài. Kinh IV, 5 đề cập đến tích đức Phật bị các vị xuất gia, tại gia, vua chúa đến làm phiền nhiễu nên Ngài bỏ đi vào núi một mình và sống với một con voi, con voi này cũng bị đàn voi quấy rầy nên đến sống một mình với đức Phật. Sự tích khi đức Phật từ bỏ thọ hành và tuyên bố sau ba tháng sẽ nhập Niết bàn được kinh VI, 1 diễn tả. Và cũng được diễn tả là bữa cơm cuối cùng do thợ rèn Cunda cúng dường đức Phật. Sau bữa cơm ấy, đức Phật nhuốm bệnh và không bao lâu đức Phật nhập Niết bàn. Những sự tích trên giúp chúng ta có thêm một số tài liệu về lịch sử đức Phật.

Song song với các sự tích về đời sống đức Phật, tập Udàna nói đến khá nhiều về các đệ tử của đức Phật, như Sàriputta, Moggallàna, Kaccàna, Subbùti, Mahakassapa, Nanda... Mahakassapa bị bệnh tu định luôn 7 ngày để trị bệnh (Kinh III, 7); Nanda ban đầu mê các tiên nữ nên tu hành, sau bị các đồng Phạm hạnh chỉ trích nên tinh tấn tu hành chứng được quả A la hán (III, 2); Sàriputta ngồi nhập định bị quỷ Dạ xoa đánh trên đầu (IV. 4, 7); 500 tỷ kheo do Yasoja cầm đầu làm ồn bị đức Phật đuổi đi, sau tinh tấn tu hành, chứng được quả A la hán (III, 3). Đức Phật khen tôn giả Lakunlaka Bhaddiya trong dung sắc xấu xí nhưng đã chứng quả giải thoát (VII, 5) Tôn giả Dabba Mallaputta nhập định hỏa giới tự thiêu trước chúng Tăng, không để lại tro tàn gì (VIII, 9, 10).

Tiếp đến là các đệ tử tại gia, như nữ cư sĩ Visàkhà hai lần đến yết kiến đức Phật, một lần vì có sự việc cần phải giải quyết với Vua Pasenadi (II, 9), một lần có đứa cháu trai chết nên đến báo cáo đức Phật (VIII, 8). Sự tích 500 cung nữ của Vua Udena, trong ấy có Sàmavati bị chết thiêu cũng được đề cập. Vua Pasenadi nước Kosala được nói đến nhiều lần và một lần vua hỏi đức Phật có thể biết được các người tu hành có chứng quả hay không, thời đức Phật trả lời với những người như Vua Pasenadi sống trong dục lạc, khó lòng biết được quả chứng của các nhà tu hành (VI, 2).

Bao giờ cũng vậy, giữa đức Phật và các ngoại đạo cũng có những va chạm, những xung khắc, và các tích này được nghe nhận khá nhiều trong tập Udàna. Trước hết là sự kiện khi Như Lai chưa xuất hiện thời các ngoại đạo được quần chúng cung kính cúng dường, nhưng khi Như Lai xuất hiện, thời sự cung kính cúng dường bị chấm dứt (Vi, 9; II, 9). Cũng vì vậy, ngoại đạo thù hằn đức Phật và chúng Tăng, giết kỹ nữ tên Sundarì đem chôn ở Jetavana để vu oan cho chúng Tăng (IV, 8). Và dân chúng ở Thùma do

ngoại đạo xúi dục đổ cỏ và rác xuống giếng để ngăn đức Phật không được uống nước (VII, 9).

Thường thường đức Phật dùng một vài hình ảnh châm biếm để nói đến các ngoại đạo. Chúng ta nhớ câu chuyện các người mù rờ voi, diễn tả các ngoại đạo mỗi người chấp chặt chủ thuyết của mình (VI, 4). Cũng mỉa mai là câu chuyện một du sĩ ngoại đạo, tìm dầu cho vợ mình sắp sinh đẻ, vào kho vua uống quá nhiều dầu để đem về cho vợ, nhưng vì uống quá nhiều dầu nên bị đau đớn, lăn lộn, khốn khổ (II, 6). Ngoài ra nhiều vấn đề xã hội, rất bình thường cũng được nói đến. Như đức Phật thấy đứa con nít hành hạ con rắn (II, 3), các dân chúng Vương xá tranh nhau người kỹ nữ (VI, 8), dân Sàvatthi quá đắm say về dục (VII, 3, 4) cũng được đức Phật đề cập và nói lên lời cảm hứng.

Trong 80 kinh của tập Udàna, 80 trường hợp được ghi nhận là đức Phật thốt lên những lời cảm hứng, sau khi cảm thấy xúc động trước một số sự kiện, và chính những lời cảm hứng mới thật là quan trọng trong tập Udàna này. Vì đây là dịp đức Phật nói lên quan điểm của mình đối với những sự việc đã xảy ra ở xung quanh; và chính những quan điểm ấy đã trở thành những giáo lý chính đức Phật đã giảng dạy và trình bày. Chúng ta đã tìm được những pháp và tùy pháp đức Phật đã thuyết giảng ngay qua các lời cảm hứng ấy.

Trước hết là lý 12 nhân duyên hay lý duyên khởi được trình bày ba lần, trong ba kinh đầu I. 1, 2, 3, thuận chiều, nghịch chiều, thuận chiều và nghịch chiều, từ vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc cho đến duyên sanh, lão tử, sầu bi khổ ưu não. Quá trình sanh tử của con người, từ quá khứ đến hiện tại, từ hiện tại đến tương lai được khéo cô động trong thuyết duyên khởi. Bao giờ cũng vậy, đức Phật nhắm trong dây chuyền sanh tử, hai pháp "dục" và "ái" rất là quan trọng. Và do vậy nhiều lời cảm hứng đề cập đến dục và ái. Trong kinh VII, 4, dân chúng Sàvatthi quá đắm say về dục nên đức Phật đã than :

"Bị mù bởi các dục,
Bị lưới dục bao phủ,
Bị ái dục bao trùm,
Lại còn bị trói buộc,
Bởi trói buộc phóng dật,
Như cá mắc miệng lưới,
Chúng đi đến già chết,
Như con bê bú sữa,
Đi đến với mẹ nó."

Với ái, có thân yêu là có đau khổ. Khi Visakhà đến than với đức Phật có đứa cháu trai mới chết, đức Phật đã nói : "Những ai có 100 quả thân yêu là có 100 đau khổ; 90 người thân yêu là 90 người đau khổ... cho đến 1 người thân yêu là 1 người đau khổ." (VIII, 8)

"Sầu than và đau khổ,
Sai biệt có ở đời,
Duyên thân ái chúng có,
Không thân ái chúng không.
Do vậy, người an lạc,
Người không có sầu muộn
Là những ai ở đời,
Không có người thân ái,
Do vậy ai tha thiết,
Được không sầu, không tham,
Chớ làm thân, làm ái,
Với một ai ở đời".

Dục và ái đã có mặt, thời có sanh y, có sự tiếp nối một đời sống, nên có sanh y là có đau khổ :

"Giữa làng, tại núi rừng,
Cảm thọ khổ và lạc,
Chớ quy về tự mình,
Chớ quy về người khác.
Các xúc được cảm thọ,
Là do duyên sanh y.
Với vị không sanh y,
Do đâu, xúc cảm thọ?!" (II, 4)

Khi đức Phật từ bỏ thọ hành (VI, 1) Ngài muốn cắt đứt mọi hành động sanh hữu :

"Bậc ẩn sĩ từ bỏ,
Các hành động sanh hữu,
Sanh hữu có cân lượng,
Sanh hữu không có cân lượng.
Ưa thích hướng nội tâm,
Thật định tỉnh an tịnh,
Phá đổ ngã sanh hữu,
Như cởi thoát áo giáp."

Trong những kinh, đức Phật tán thán các đệ tử tu thiền định vì đó là con đường đưa đến giải thoát. Trong kinh III, 5, Ngài Mục Kiền Liên ngồi thiền định tu thân hành niệm được đức Phật nói lên cảm hứng :

"Thân hành niệm an lập,
Sáu xúc xứ chế ngự,
Tỷ kheo thường thiền định,
Tự chứng tri Niết bàn."

Trong kinh III, 4, Ngài Xá Lợi Phật ngồi thiền định, để niệm trước mặt, không xa Thế Tôn bao nhiêu và Thế Tôn nói lên lời cảm hứng :

"Như ngọn núi bằng đá,
Không động khéo an trú,
Cũng vậy vị tỷ kheo,
Đoạn diệt được ngu si,
Như ngọn núi bằng đá,
Không có bị giao động."

Ngài Tu Bồ Đề (Sudhùti), tu định không tầm (avitakkam samàdhim) và được Thế Tôn tán thán và nói lời cảm hứng :

"Với ai tâm quét sạch,
Nội tâm khéo cắt đứt,
Không còn chút dư tàn,
Vượt qua ái nhiễm ấy.
Đạt được tưởng vô sắc,
Vượt khỏi bốn ách nạn,

Không đi đến thọ sanh". (Kinh VI, 7)

Nhưng đức Phật ấy nhận thấy đối với chúng sanh, khó thấy là vô ngã, khó thấy là sự thật. Nên đức Phật thường dạy cho các đệ tử một cái nhìn "vô ngã":

"Trên dưới, khắp tất cả
Được giải thoát hoàn toàn,
Không còn có tùy quán
"Cái này chính là tôi".
Giải thoát vậy vượt giòng,
Trước chưa từng vượt qua,
Không còn có rơi rớt.
Vào sanh tử thọ sanh".

Mục đích cuối cùng của sự tu hành là giải thoát Niết bàn và trong tập Udàna có nhiều kinh và lời cảm hứng đề cập đến trạng thái Niết bàn, một trạng thái khó lấy danh từ để diễn tả.

Bàhiya Darucìriya tu tập, tưởng mình đã chứng quả A la hán nhờ đức Phật dạy cho:

"Vậy này Bàhiya, ngươi cần phải học tập như sau: "Trong cái thấy sẽ chỉ là cái thấy. Trong cái nghe, sẽ chỉ là cái nghe. Trong cái thọ tưởng, sẽ chỉ là cái thọ tưởng. Trong cái thức tri, sẽ chỉ là cái thức tri... Như vậy, này Bàhiya, nhà ngươi cần phải học tập. Vì rằng, này Bàhiya, như với ngươi, trong thấy chỉ là cái thấy, trong cái nghe chỉ là cái nghe, trong cái thọ tưởng sẽ chỉ là cái thọ tưởng, trong cái thức tri sẽ chỉ là cái thức tri. Do vậy, này Bàhiya, ngươi không là chỗ ấy. Vì rằng, này Bàhiya ngươi không là chỗ ấy. Do vậy, này Bàhiya, ngươi không là đời này, không là đời sau, không là đời chặng giữa. Như vậy là đoạn tận khổ đau" (Kinh I, 10).

Đoạn sau đây cũng là đoạn diễn tả Niết bàn trong lời cảm hứng bằng văn xuôi (VIII, 1).

"Này các tỷ kheo, có xứ này (Ayatana), tại đấy không có đất, không có nước, không có lửa, không có gió; không có hư không vô biên xứ; không có thức vô biên xứ; không có vô sở hữu xứ; không có phi tưởng phi phi tưởng xứ, không có đời này; không có đời sau, không có cả hai mặt trăng mặt trời. Do vậy, này các tỷ kheo, Ta tuyên bố không có đến, không có đi, không có trú, không có diệt, không có sanh, không có an trú, không có chuyển vận, không có sở duyên. Đây là sự đoạn tận khổ đau."

Đoạn tiếp cũng diễn tả trạng thái Niết bàn:

"Này các tỷ kheo, có sự không sanh, không hiện hữu, không bị làm, không hữu vi. Này các tỷ kheo, nếu không có cái không sanh, không hiện hữu, không bị làm, không hữu vi, thời ở đây không thể trình bày sự xuất ly khỏi sanh, hiện hữu bị làm, hữu vi. Vì rằng, này các tỷ kheo, có cái không sanh, không hiện hữu, không bị làm, không hữu vi, nên có trình bày sự xuất ly khỏi sự sanh, hiện hữu, bị làm, hữu vi". (VIII, 3)

Đây cũng là lời cảm hứng của Phật về trạng thái Niết bàn giải thoát:

"Cái gì có nương tựa, cái ấy có giao động, cái gì không nương tựa, cái ấy không giao động. Không có giao động thời có khinh an. Có khinh an thời không có thiên về. Không có thiên về, thời không có đến và đi. Không có đến và đi, thời không có diệt và sanh. Không có diệt

> và sanh, thời không có đời này, không có đời sau, không có đời ở giữa. Đây là sự đoạn diệt khổ đau". (VIII, 4)

Như vậy trong tập Udàna này, ngang qua các câu cảm hứng do đức Phật thuyết lên một số giáo lý căn bản được đề cập một số pháp môn tu hành được đề cao và mục đích tối hậu trong sứ mệnh hoằng pháp của đức Phật cũng được diễn tả đến.

Hòa Thượng Thích Minh Châu
Thiền Viện Vạn Hạnh
Sài Gòn, 1982 (PL. 2526)

CHƯƠNG MỘT
PHẨM BỒ ĐỀ

(I) (Ud 1)

Như vầy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn ở *Uruvelà*, trên bờ sông *Neranjarà*, dưới gốc cây Bồ đề, khi mới chứng Chánh Đẳng Giác. Lúc bấy giờ, Thế Tôn trong bảy ngày ngồi trong một thế ngồi kiết-già, thọ hưởng lạc giải thoát. Rồi Thế Tôn sau bảy ngày ấy, ra khỏi định ấy, trong đêm canh thứ nhứt, khéo thuận chiều tác ý lý Duyên khởi: "Do cái này có mặt, cái kia hiện hữu. Do cái này sanh, cái kia sanh. Tức là duyên vô minh, có các hành; duyên các hành, có thức; duyên thức, có danh sắc; duyên danh sắc, có sáu xứ; duyên sáu xứ, có xúc; duyên xúc, có thọ; duyên thọ, có ái; duyên ái, có thủ; duyên thủ, có hữu; duyên hữu, có sanh; duyên sanh, có già, chết, sầu bi khổ ưu não. Như vậy là sự tập khởi của khổ uẩn này".

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

1. Thật sự, khi các pháp,
Có mặt, hiện khởi lên,
Đối vị Bà-la-môn,
Nhiệt tâm hành thiền định,
Khi ấy, với vị ấy,
Các nghi hoặc tiêu trừ,
Vì quản tri hoàn toàn,
Pháp cùng với các nhân.

(II) (Ud 2)

Như vầy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn ở tại *Uruvelà*, trên bờ sông *Neranjarà*, dưới gốc cây Bồ-đề, khi mới chứng Chánh Đẳng Giác. Lúc bấy giờ Thế Tôn trong bảy ngày, ngồi trong một thế ngồi kiết-già thọ hưởng lạc giải thoát. Rồi Thế Tôn sau bảy ngày ấy, ra khỏi định ấy, trong đêm canh giữa, khéo nghịch chiều tác ý lý Duyên khởi: "Do cái này không có mặt, cái kia không hiện hữu. Do cái này diệt, cái kia diệt. Tức là, do vô minh diệt nên hành diệt; do hành diệt, nên thức diêt; do thức diệt, nên danh sắc diệt; do danh sắc diệt nên sáu xứ diệt; do sáu xứ diệt nên xúc diệt, do xúc diệt nên thọ diệt, do thọ diệt, nên ái diệt; do ái diệt, nên thủ diệt; do thủ diệt, nên hữu diệt; do hữu diệt, nên sanh diệt; do sanh diệt, nên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu não diệt. Như vậy là đoạn diệt của khổ uẩn này".

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này.

2. Thật sự khi các pháp,
Có mặt, hiện khởi lên,
Đối với vị Bà-la-môn,
Nhiệt tâm, hành thiền định,
Khi ấy, với vị ấy,
Các nghi hoặc tiêu trừ,
Vì đã biết hoàn toàn,
Sự tiêu diệt các duyên.

(III) (Ud 2)

Như vầy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn ở *Uruvelà,* trên bờ sông *Neranjarà*, dưới gốc cây Bồ-đề, khi mới chứng Chánh Đẳng Giác. Lúc bấy giờ Thế Tôn trong bảy ngày, ngồi trong một thế ngồi Kiết-già, thọ hưởng lạc giải thoát. Rồi Thế Tôn, sau bảy ngày, ra khỏi định ấy, trong đêm canh cuối cùng, khéo thuận chiều và nghịch chiều tác ý lý duyên khởi: "Do cái này có mặt, cái kia hiện hữu. Do cái này sanh, cái kia sanh. Do cái này không có mặt, cái kia không hiện hữu. Do cái này diệt, cái kia diệt". Tức là duyên vô minh có các hành. Duyên các hành có thức... Duyên sanh, có già chết, sầu bi khổ ưu não. Như vậy là tập khởi của khổ uẩn này. Do đoạn diệt, ly tham, vô minh không có dư tàn, nên các hành diệt. Do các hành diệt, nên thức diệt... Như vậy là đoạn diệt của khổ uẩn này".

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

3. Thật sự khi các pháp
Có mặt, hiện khởi lên,
Đối với vị Bà-la-môn,
Nhiệt tâm hành thiền định,
Quét sạch các ma quân,
Vị ấy đứng, an trú,
Như ánh sáng mặt trời,
Chói sáng khắp hư không.

(IV) (Ud 3)

Như vầy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở *Uruvelà,* trên bờ sông *Neranjarà*, dưới gốc cây bàng ajapala, khi mới chứng Chánh Đẳng Giác. Lúc bấy giờ, Thế Tôn trong bảy ngày ngồi trong một thế ngồi kiết-già, thọ hưởng lạc giải thoát. Rồi Thế Tôn sau bảy ngày ấy ra khỏi định. Có một Bà-la-môn thuộc dòng họ Huhunka, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, nói lên lời chào hỏi, sau khi nói lời chào hỏi thân hữu, rồi đứng một bên. Đứng một bên, Bà-la-môn ấy nói với Thế Tôn:

- Tôn giả *Gotama*, cho đến như thế nào là Bà-la-môn, và những pháp nào tác thành Bà-la-môn?

Thế Tôn sau khi biết được ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

4. Vị Bà-la-môn nào,
Loại trừ các ác pháp,
Không kiêu, không uế nhiễm,
Tự ngã khéo chế ngự,
Vệ-đà được thông đạt,
Phạm hạnh được viên thành,
Vị Bà-la-môn ấy,
Có thể nói lên được,
Lời Phạm ngữ đúng pháp,
Vị ấy ở đời này,
Không hề có mạn tâm
Bất cứ ở nơi nào.

(V) (Ud 3)

Như vầy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở *Sàvatthi* (Xá-vệ) tại *Jetavana* (Kỳ-đà-lâm), khu vườn ông *Anàthapindika* (Cấp Cô Độc). Lúc bấy giờ, Tôn giả *Sàriputta* (Xá-lợi-phất), Tôn giả *Mahàmoggallàna* (Đại Mục-kiền-liên) Tôn giả *Mahàkassapa* (Đại Ca-diếp), Tôn giả *Mahàkaccayàna* (Đại Ca-chiên-diên), Tôn giả *Mahàkotthita* (Đại Câu-thi-la), Tôn giả *Mahàkappina* (Đại kiếp-tân-na), Tôn giả *Mahàcunda* (Đại-Thuần-đà), Tôn giả *Anuruddha* (A-na-luật-đà), Tôn giả *Revata* (Ly-bà-đà), Tôn giả *Devadatta* (Đề-bà-đạt-đa), Tôn giả *Ananda* (A-nan) đi đến Thế Tôn. Thế Tôn thấy các Tôn giả ấy từ xa đi đến, thấy vậy liền nói với các Tỳ-kheo:

- Này các Tỳ-kheo, các Bà-la-môn này đang đi đến. Này các Tỳ-kheo, các Bà-la-môn này đang đi đến.

Khi được nói vậy, một Tỳ-kheo, thọ sanh là Bà-la-môn, bạch Thế Tôn:

- Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là Bà-la-môn, và có bao nhiêu pháp, tác thành Bà-la-môn?

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

5. Sau khi loại ác pháp,
Ai thường hành chánh niệm,
Kiết sử đoạn, giác ngộ,
Những vị ấy ở đời,
Thật là Bà-la-môn.

(VI) (Ud 4)

Như vầy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Vương Xá, tại Trúc lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Lúc bấy giờ Tôn giả *Mahakassapa* trú ở hang *Pipphali*, đang bị bệnh rất khổ đau, bệnh trầm trọng. Rồi Tôn giả *Mahàkassapa* sau một thời gian, thoát khỏi bệnh ấy. Rồi Tôn giả *Mahàkassapa* thoát khỏi bệnh ấy, suy nghĩ như sau: "Ta hãy đi vào Vương Xá để khất thực ". Lúc bấy giờ, khoảng năm trăm Thiên nhân, đang cố gắng sửa soạn để Tôn giả *Mahàkassapa* nhận đựoc đồ ăn khất thực. Nhưng Tôn giả *Mahàkassapa* gạt bỏ năm trăm Thiên nhân ấy, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào Vương Xá để khất thực, đi ngang những con đường những con người nghèo, con đường những người ăn xin, con đường những người thợ dệt.

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

6. Ai sống không nhờ người,
Không được người biết đến,
Sống tự mình chế ngự,
An trú trên lõi cây,
Các lậu hoặc đã đoạn,
Sân hận được trừ diệt,
Vị ấy được Ta gọi,
Là vị Bà-la-môn.

(VII) (Ud 4)

Như vầy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở *Pàtali* tại *Ajakalàpaka*, chỗ ở của Dạ-xoa *Ajakalàpa*. Lúc bấy giờ Thế Tôn đang ngồi ngoài trời, trong đêm tối đen, và trời mưa từng hột xuống. Rồi Dạ-xoa *Ajakalàpaka* muốn làm cho Thế Tôn sợ hãi, hoảng sợ, lông tóc dựng ngược, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, ba lần nói lên gần Thế Tôn tiếng gào thét của mình là *Akkulopakkulo*: "Này Sa môn, có con quỷ cho Ông ". Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy nói lên lời cảm hứng này:

7. Khi nào Bà-la-môn
Đối với pháp của mình,
Đã đạt được bờ kia,
Vị ấy vượt qua được,
Ác quỷ yêu ma này.

(VIII) (Ud 5)

Như vầy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở *Sàvatthi*, tại *Jetavana*, khu vườn ông *Anàthapindika*. Lúc bấy giờ Tôn giả *Sangamàji* đã đi đến *Sàvatthi* để yết kiến Thế Tôn. Người vợ trước kia của Tôn giả *Sangamàji* nghe được tin Tôn giả *Sangamàji* đã đến *Sàvattthi*. Nàng liền dắt người con đi đến *Jetavana*. Lúc bấy giờ Tôn giả *Sangamàji* đang ngồi dưới gốc cây để nghỉ ban ngày. Rồi người vợ trước đây của Tôn giả *Sangamàji*, đi đến Tông Giả *Sangamàji*, sau khi đến, nói lên với Tôn giả *Sangamàji:*

- Này Sa môn, hãy nuôi dưỡng tôi và đứa con nhỏ!

Khi nghe nói vậy, Tôn giả *Sangamàji*, giữ im lặng. Lần thứ hai, người vợ trước kia của Tôn giả *Sangamàji* nói với Tôn giả *Sangamàji:*

- Này Sa-môn, hãy nuôi dưỡng tôi và đứa con nhỏ!

Lần thứ hai, Tôn giả *Sangamàji* giữ im lặng. Lần thứ ba người vợ trước kia của Tôn giả *Sangamàji* nói với Tôn giả *Sangamàji:*

- Này Sa-môn, hãy nuôi dưỡng tôi và đứa con nhỏ!

Lần thứ ba, Tôn giả *Sangamàji* vẫn giữ im lặng. Rồi người vợ trước kia của Tôn giả *Sangamàji* đặt đứa nhỏ trước mặt Tôn giả *Sangamàji* rồi bỏ đi, nói rằng:

- Này Sa-môn, đây là đứa con trai của Sa-môn. Hãy nuôi dưỡng nó!

Tôn giả *Sangamàji* không có ngó đến đứa nhỏ ấy, cũng không nói gì. Rồi người vợ trước kia của Tôn giả *Sangamàji* sau khi đi không xa, ngó lui lại thấy Tôn giả *Sangamàji* không ngó đứa con nhỏ ấy, cũng không nói; thấy vậy liền suy nghĩ: "Sa môn này không muốn ngó đến người con ". Nàng liền trở lui lại, bồng lấy đứa con rồi ra đi. Thế Tôn với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, thấy cử chỉ thô bạo như vậy của người vợ trước kia của Tôn giả *Sangamàji.*

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết được ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

8. Không hoan hỷ, nàng đến,
Không sầu muộn, nàng đi,
Giải thoát khỏi ái phược,

Là Sangamàji
Ta gọi người như vậy,
Là vị Bà-la-môn.

(IX) (Ud 6)

Như vầy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở *Gayà*, tại *Gayasisa.* Lúc bấy giờ, nhiều kẻ bện tóc, trong những đêm gió lạnh mùa đông, giữa những ngày mồng tám, trong thời tuyết rơi, đang lặn xuống và nổi lên trong nước, làm việc lặn xuống nổi lên, tưới nước và tế lửa, nghĩ rằng: "Với hành động này, được thanh tịnh ".

Thế Tôn thấy nhiều kẻ bện tóc ấy, trong những đêm gió lạnh mùa đông, giữa những ngày mồng tám, trong thời tuyết rơi, đang lặng xuống và nổi lên trong nước, làm việc lặn xuống nổi lên, tưới nước và tế lửa, nghĩ rằng: "Với hành động này, được thanh tịnh ".

Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

9. Thanh tịnh không có nước,
Ở đây nhiều người tắm,
Trong ai có chân thật,
Lại thêm có Chánh pháp,
Người ấy là Thanh tịnh,
Người ấy là Phạm chí.

(X) (Ud 6)

Như vầy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở *Sàvatthi,* tại *Jetavana*, ngôi vườn ông *Anàthapindika*. Lúc bấy giờ, *Bàhiya Daruciriya* trú ở *Suppàraka*, trên bờ biển, được cung kính, tôn trọng đảnh lễ, cúng dường và nhận được y, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Rồi *Bàhiya Dàcuciriya* khởi lên tư tưởng như sau: "Với ai là bậc A-la-hán hay đang đi trên con đường A-la-hán, ta là một trong những vị ấy ". Rồi một Thiên nhân, trước là bà con huyết thống với *Bàhiya Dàruciriya*, vì lòng từ mẫn, vì muốn lợi ích, với tâm của mình biết tâm tư của *Bàhiya Dàruciriya,* đi đến *Bàhiya Dàruciriya* và nói như sau:

- Này *Bàhiya*. Ông không phải là A-la-hán hay đang đi trên con đường A-la-hán. Ông không có đạo lộ ấy, với đạo lộ này Ông có thể trở thành A-la-hán hay đang đi trên con đường đưa đến A-la-hán.

- Nhưng ai là những vị, trong thế giới này, với thế giới chư Thiên là những vị A-la-hán hay đang đi trên con đường A-la-hán?

- Này *Bàhiya*, có thành phố tên là *Sàvatthi* trên những quốc lộ phương Bắc. Tại đấy có Thế Tôn hiện đang trú, bậc A-la-hán. Chánh Đẳng Giác. Vị ấy là bậc A-la-hán và thuyết pháp đưa đến quả A-la-hán.

Rồi *Bàhiya Dàruciriya*, được Thiên nhân ấy thúc dục, đi ra khỏi *Sappàraka*, trong suốt đường trường, chỉ nghỉ một đêm, đi đến chỗ Thế Tôn đang trú ở *Sàvatthi,* tại Jetavana, trong khu vườn A*nàthapindika*. Lúc bấy giờ nhiều Tỷ-kheo đang đi kinh hành giữa trời. *Bàhiya Dàrucirtya* đi đến các Tỳ-kheo ấy, sau khi đến nói như sau:

- Thưa các Tôn giả, nay Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ở đâu? Chúng tôi muốn được yết kiến Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác.

- Này Bàhiya, Thế Tôn đã đi vào giữa các nhà để khất thực.

Rồi *Bàhiya Dàraciriva* mau chóng ra khỏi *Jetavana,* đi vào *Sàvatthi,* và thấy Thế Tôn đang đi khất thực, khả ái, khởi lên tịnh tin, các căn an tịnh, tâm ý an tịnh, đạt được an chỉ, chế ngự tối thượng, giống như một con voi được điều phục, phòng hộ với các căn an tịnh. Thấy vậy, *Bàhiya Dàruciriya* liền đi đến Thế Tôn, sau khi đến, cúi đầu xuống chân Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết pháp cho con, Thiện Thệ hãy thuyết pháp cho con, nhờ vậy con có thể được hạnh phúc an lạc lâu dài.

Khi được nói vậy, Thế Tôn nói với *Bàhiya Dàruciriya:*

- Không phải thời, này Bàhiya, Ta đang khất thực.

Lần thứ hai *Bàhiya Dàruciriya* Bạch Thế Tôn:

- Thật khó biết, bạch Thế Tôn, là chướng ngại cho mạng sống của Thế Tôn, hay chướng ngại cho mạng sống của con. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết pháp cho con. Thiện Thệ hãy thuyết pháp cho con, nhờ vậy con có thể được hạnh phúc an lạc lâu dài.

Lần thứ hai, Thế Tôn nói *với Màhiya Dàruciriya:*

- Không phải thời, này *Bàhiya,* Ta đang khất thực.

Lần thứ ba*, Bàhiya Dàruciriya* bạch Thế Tôn:

- Thật khó biết... hạnh phúc lâu dài.

- Vậy này *Bàhiya*, Ông cần phải học tập như sau: "Trong cái thấy, sẽ chỉ là cái thấy. Trong cái nghe, sẽ chỉ là cái nghe. Trong cái thọ tưởng, sẽ chỉ là cái thọ tưởng. Trong cái thức tri, sẽ chỉ là các thức tri ". Như vậy, này *Bàhiya*, Ông cần phải học tập. Vì rằng, này *Bàhiya*, nếu với Ông, trong cái thấy, sẽ chỉ là cái thấy; trong cái nghe, sẽ chỉ là cái nghe; trong cái thọ tưởng, sẽ chỉ là cái thọ tưởng; trong cái thức tri, sẽ chỉ là cái thức tri. Do vậy, này *Bàhiva,* ông không là chỗ ấy. Vì rằng, này *Bàhiya,* Ông không là đời này, không là đời sau, không là đời chặng giữa. Như vậy là đoạn tận khổ đau.

Nhờ lời thuyết pháp tóm tắt này của Thế Tôn, tâm *của Bàhiya Dàruciriya* được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ. Thế Tôn sau khi thuyết cho *Bàhiya Dàruciriya* lời giáo giới tóm tắt này, liền ra đi. Thế Tôn ra đi không bao lâu, một con bò con húc *chết Bàhiya Dàruciriya*. Thế Tôn sau khi khất thực ở Sàvatthi xong, sau buổi ăn, trên con đường đi khất thực trở về, đi ra khỏi thành với nhiều Tỷ-kheo, thấy *Bàhiya Dàruciriya* bị chết, thấy vậy liền nói với các Tỳ-kheo:

- Này các Tỳ-kheo, hãy lấy thân xác *Bàhiya Dàruciriya*, đặt lên trên cái chõng, đem đi hỏa thiêu, rồi xây tháp lên trên. Này các Tỷ-kheo, một vị đồng Phạm hạnh với các Thầy đã qua đời!

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, sau khi đặt xác thân của *Bàhiya Dàruciriya l*ên trên cái chõng,

đem đi hỏa thiêu, xây dựng cái tháp cho vị ấy, rồi đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, thân xác của *Bàhiya Dàruciriya* đã được hỏa thiêu, tháp đã được xây dựng xong cho vị ấy. Sanh thứ cho vị ấy là gì? Đời sau vị ấy là gì?

- Này các Tỷ-kheo, Hiền trí là *Bàhiya Dàruciriya* đã hành trì tùy pháp, đúng pháp và không có phiền nhiễu Ta với những tranh luận về pháp. Này các Tỷ-kheo*, Bàhiya Dàruciriya* đã nhập Niết Bàn.

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

10. Chỗ nào nước và đất,
Lửa, gió không chấp trước,
Tại đây sao không chói,
Mặt trời không chiếu sáng,
Tại đây trăng không chiếu,
Tại đây u ám không,
Khi ẩn sĩ Phạm chí,
Tự mình với trí tuệ,
Thể nhập vào Chánh pháp,
Vị ấy được giải thoát
Khỏi sắc và vô sắc,
Khỏi an lạc, đau khổ.

Lời cảm hứng này được Thế Tôn thuyết giảng và tôi được nghe như vậy.

CHƯƠNG II
PHẨM MUCALINDA

(I) (Ud 10)

Như vầy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn ở *Uruvela*, trên bờ sông *Neranjarà,* dưới gốc cây Mucalinda, khi Ngài mới chứng Chánh Đẳng Giác. Lúc bấy giờ Thế Tôn, trong bảy ngày ngồi một thế ngồi kiết-già, thọ hưởng lạc giải thoát. Lúc bấy giờ, một cơn giông tố lớn trái mùa khởi lên và trong bảy ngày, trời mưa gió lạnh, bầu trời u ám. Rồi thần rắn *Mucalinda* ra khỏi chỗ ở của mình, với thân cuốn vòng quanh bảy vòng thân của Thế Tôn, và đứng thẳng, vươn cao các mang lớn trên đầu (Thế Tôn) với ý nghĩ: "Mong Thế Tôn khỏi lạnh! Mong Thế Tôn khỏi nóng! Mong Thế Tôn khỏi xúc chạm với ruồi, muỗi, gió, sức nóng, các loài bò sát ".

Rồi Thế Tôn sau bảy ngày ấy, ra khỏi định ấy. Rồi Mucalinda, vua các loài rắn, sau khi biết trời đã sáng tỏ, mây đã được thoát đi, cởi mở thân mình khỏi thân Thế Tôn, biến dạng thân sắc của mình, hóa hiện thân sắc một thanh niên đứng trước mặt Thế Tôn, chắp tay đảnh lễ Thế Tôn.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

> *1. Viễn ly là an lạc,*
> *Với người biết tri túc,*
> *Với người có nghe pháp,*
> *Với người có chánh kiến*
> *Không sân là an lạc,*
> *Những ai ở trên đời,*
> *Đối hữu tình chúng sanh*
> *Biết tự chế, ngăn ngừa.*
> *Ly tham là an lạc,*
> *Vượt các dục ở đời,*
> *Ai nhiếp phục ngã mạn,*
> *Đây an lạc tối thượng.*

(II) (Ud 10)

Như vầy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở *Sàvatthi,* tại J*etavana*, khu vườn ông *Anàthapindika.* Lúc bấy giờ, nhiều vị Tỳ-kheo, sau bữa ăn, đi khất thực trở về, ngồi họp tại hội trưòong, và câu chuyện này được khởi lên:

"Này chư Hiền, giữa hai vị vua này, vua *Seniya Bimlisàra* ở *Magdha*, và *vua Pasenadi* ở xứ *Kosala*, ai giàu có hơn, ai tài sản lớn hơn, ai kho tàng lớn hơn, ai quốc độ lớn hơn, ai xe cộ lớn hơn, ai sức mạnh lớn hơn, ai thần lực lớn hơn, ai uy lực lớn hơn? ". Rồi câu chuyện này giữa các Tỳ-kheo ấy chưa được chấm dứt.

Rồi Thế Tôn vào buổi chiều, từ Thiền tịnh đứng dậy, đi đến hội trường, sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

- Này các Tỷ-kheo, ở đây, nay các Thầy ngồi hội họp với câu chuyện gì? Và câu chuyện gì giữa chừng

chưa chấm dứt giữa các Thầy?

- Ở đây, bạch Thế Tôn, chúng con sau bữa ăn, đi khất thực trở về... câu chuyện này được khơi lên... ai uy lực lớn hơn " Câu chuyện này giữa chúng con, bạch Thế Tôn, chưa được chấm dứt thời Thế Tôn đã đến.

- Này các Tỷ-kheo, thật không thích đáng cho các Thầy, những thiện nam tử vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, lại nói câu chuyện như vậy. Này các Tỳ-kheo, khi các Thầy hội họp với nhau, có hai việc cần phải làm: Đàm luận về Chánh pháp hay giữ sự im lặng của bậc Thánh.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

2. Dục lạc gì ở đời,
Kể cả thiên lạc này,
Không bằng phần mười sáu,
Lạc do ái đoạn diệt.

(III) (Ud 11)

Như vầy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở *Sàvatthi tại Jetavana* khu vườn ông *Anàthapindika.* Lúc bấy giờ một số đông đứa trẻ đang hành hạ con rắn với cây gậy, giữa *Sàvatthi và Jetavana*. Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát đi vào *Sàvatthi* để khất thực. Thế Tôn thấy giữa *Sàvatthi và Jetavana* nhiều đứa trẻ đang hành hạ con rắn với cây gậy.

Thế Tôn sau khi hiểu hết ý nghĩa này, ngay lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

3. Ai làm hại với trượng,
Kẻ tìm lạc cho mình,
Người ấy sau khi chết,
Không tìm được an lạc.
Ai không hại với trượng,
Kẻ tìm lạc cho mình,
Đời sau tìm được lạc.

(IV) (Ud 13)

Như vầy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở *Sàvatthi*, tại *Jetavan*a, khu vườn ông *Anàthapindika*. Lúc bấy giờ, Thế Tôn được cung kính, tôn trọng đảnh lễ, cúng dường, tôn kính, nhận được các vật dụng như y, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Chúng Tăng cũng được cung kính, tôn trọng, đảnh lễ cúng dường, tôn kính, nhận được các vật dụng như y, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Nhưng các du sĩ ngoại đạo không được cung kính, tôn trọng, đảnh lễ, cúng dường, tôn kính, không nhận được các vật dụng như y, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Các du sĩ ấy không kham nhẫn được việc ấy Thế Tôn và chúng Tỷ-kheo được kính trọng. Khi nào gặp các Tỷ-kheo ở làng và ở trong rừng, họ dùng những lời nói không tốt lành, thô ác, mắng nhiếc, phỉ báng, công kích não hại các Tỷ-kheo. Rồi một số đông Tỷ-kheo, đi đến Thế Tôn, sau khi đến đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỳ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, nay Thế Tôn được cung kính, tôn trọng... dược phẩm trị bệnh. Chúng Tỷ-kheo cũng được cung kính tôn trọng... dược phẩm trị bệnh nhưng các du sĩ ngoại đạo không được tôn kính, tôn trọng... dược phẩm trị bệnh. Rồi bạch Thế Tôn, các ngoại đạo du sĩ ấy không kham nhẫn được sự việc Thế Tôn và chúng Tỷ-kheo được kính trọng... não hại chúng.

Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này.

4. Giữa làng, tại núi rừng,
Cảm thọ khổ và lạc,
Chớ quy về tự mình,
Chớ quy về người khác,
Các xúc được cảm thọ,
Là do duyên sanh y,
Với vị không sanh y,
Do đâu, xúc cảm thọ.

(V) (Ud 13)

Như vầy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở *Sàvatthi*, tại *Jetavana,* khu vườn ông *Anàthapindika.* Lúc bấy giờ, một nam cư sĩ tên *là Icchànanga-laka* đi đến *Sàvatthi* vì một vài công việc phải làm. Nam cư sĩ ấy, sau khi làm công việc xong ở Sàvatthi, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với nam cư sĩ ấy đang ngồi một bên:

- Đã lâu rồi, này Nam cư sĩ, ông tạo nên cơ hội này, tức là đến đây!

- Bạch Thế Tôn, đã lâu rồi, con muốn yết kiến Thế Tôn. Nhưng con bị bận bịu lợi bởi những công việc phải làm này nên con không thể đi đến yết kiến Thế Tôn được.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

5. Ai lão luyện Chánh pháp,
Được nghe nhiều Chánh pháp,
Không xem bất cứ gì
Là an lạc của mình.
Hãy xem, não hại thay,
Những ai có sở hữu,
Khiến cho con người này,
Bị trói buộc người khác.

(VI) (Ud 13)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn ở *Sàvatthi, tại Jetavana*, khu vườn ông *Anàthapindika.* Lúc bấy giờ, thanh nữ trẻ Bà-la-môn, vợ của một du sĩ có thai sắp sinh. Vợ của du sĩ ấy nói với du sĩ:

- Này Bà-la-môn, hãy đi và đem dầu về. Tôi cần dùng khi sanh con!

Khi được nói vậy, du sĩ ngoại đạo nói với nữ du sĩ:

- Ở đâu, ta có thể đem dầu về cho nàng?

Lần thứ hai, nữ du sĩ nói với du sĩ:

- Này Bà-la-môn, hãy đi và đem dầu về. Tôi cần dùng khi sanh con!

Lần thứ hai du sĩ nói với nữ du sĩ:

- Ở đâu, ta có thể đem dầu về cho nàng?

Lần thứ ba, nữ du sĩ nói với du sĩ:

- Này Bà-la-môn, hãy đi và đem dầu về. Tôi cần dùng khi sanh con!

Lúc bấy giờ, tại một kho của vua *Pasenadi* nước *Kosala,* một Sa-môn hay Bà-la-môn có thể uống bơ hay dầu cho đến thỏa thích, nhưng không được mang đi. Người du sĩ ấy suy nghĩ: "Tại một kho của vua *Pasenadi* nước *Kosala*... không được mang đi. Vậy ta hãy đi đến nhà kho của vua *Pasnadi* nước *Kosala*, uống dầu cho đến thỏa thích, sau khi về đến nhà, mửa dầu ấy ra và ta cho nữ du sĩ dùng khi sanh con ". Rồi du sĩ ấy đi đến nhà kho của vua *Pasenad*i nước Kosala, uống dầu cho đến thỏa thích, sau khi về nhà không có thể mửa lên hay mửa xuống; có cảm thọ khổ đau, nhói đau, đau khốc liệt thống khổ, lăn lộn qua lại.

Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào *Sàvatthi* để khất thực. Thế Tôn thấy người du sĩ ấy cảm thọ khổ đau, nhói đau khốc liệt, thống khổ, lăn lộn qua lại. Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy nói lên lời cảm hứng này:

6. An lạc thay là người
Không có gì sở hữu,
Người chánh tri hiểu biết,
Không có gì sở hữu.
Hãy xem não hại thay,
Những ai có sở hữu,
Khiến cho con người này,
Bị trói buộc người khác.

(VIII) (Ud 14)

Như vầy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở *Sàvatthi*, tại *Jetavana*, khu vườn ông *Anàthaphindika.* Lúc bấy giờ, con trai độc nhất của một nam cư sĩ, khả ái, đáng yêu bị mệnh chung. Rồi nhiều nam cư sĩ, với áo đẫm ướt, với tóc đẫm ướt, đi đến Thế Tôn, sau khi đến đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với các cư sĩ ấy đang ngồi một bên.

- Này các Cư sĩ, sao các Ông, với áo đẫm ướt, với tóc đẫm ướt, lại đến đây, trong lúc quá sớm như vậy?

Khi được nói vậy, người cư sĩ ấy thưa với Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, người con trai độc nhất của con khả ái, khả ý đã mệnh chung. Do vậy chúng con với áo ướt đẫm, với tóc ướt đẫm đã đến đây trong lúc quá sớm!

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy nói lên lời cảm hứng này:

7. Bị khả ái, dễ thương
Trói buộc và chi phối,
Rất nhiều chư Thiên chúng,
Và nhiều hạng con người
Đau khổ và héo mòn,
Bị thần chết nhiếp phục.
Ngày đêm không phóng dật,
Từ bỏ dung sắc đẹp,
Vị ấy đào gốc khổ,
Mồi nhử của ác ma,
Thật khó vượt qua được.

(VIII) (Ud 15)

Như vầy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở *Kundiyàya*, trong rừng *Kunditthàna*. Lúc bấy giờ, *Suppavàsà*, con gái của vua xứ *Koliya* có thai đến bảy năm và nay bị đau đẻ đến ngày thứ bảy. Dầu nàng cảm giác những cảm thọ khổ đau, nhức nhối, khốc liệt, thống khổ, nàng vẫn duy trì ba niệm: "Thế Tôn thật là bậc Chánh Đẳng Giác, Ngài thuyết pháp để đoạn tận đau khổ này. Chúng đệ tử của bậc Thế Tôn ấy là khéo hành trì. Chúng hành trì để đoạn tận đau khổ này. Thật sự an lạc là Niết-bàn, tại đây khổ đau này không có mặt ". Rồi *Suppavàsà*, con vua *Koliya* gọi người chồng của mình:

- Này Phu quân, hãy đi đến Thế Tôn, sau khi đến nhân danh tôi, cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn, hỏi thăm có ít bệnh ít não, khinh an khỏe mạnh, lạc trú và thưa: "-Bạch Thế Tôn, *Suppavàsà* con gái vua *Koliya* cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn, hỏi thăm có ít bệnh ít não, khinh an khỏe mạnh, lạc trú ". Rồi hãy nói như sau: "Bạch Thế Tôn, *Suppavàsà*, con gái vua *Koliya*, có thai đến bảy năm và nay bị đau đẻ đến ngày thứ bảy. Dầu nàng cảm giác những cảm thọ.... tại đấy khổ đau này không có mặt! "

- Thật là tốt lành.

Koliyaputta đáp lại *Suppavàsà*, con gái vua *Koliya*, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, *Koliyaputta* bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, *Suppavàsà*, con vua Koliya, cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn,.... lạc trú.... tại đấy khổ đau này không có mặt.

- Mong rằng *Suppavàsà*, con gái vua *Koliya* được an lạc, không bệnh, sanh đứa con không có bệnh hoạn. Với lời nói này của Thế Tôn, *Suppavàsà*, con gái *Koliya,* được an lạc không bệnh, đẻ đứa con trai không bệnh.

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Koliyaputta hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi trở về nhà của mình. *Koliyaputta* thấy *Suppavàsà*, con gái vua *Koliya*, được an lạc,

không bệnh, sanh đứa con trai không bệnh, thấy vậy liền suy nghĩ như sau: "Thật vi diệu thay! Thật hy hữu thay, thần lực và đại uy lực của Thế Tôn, khiến cho S*uppavàsà* con gái vua *Koliya* này, với lời nói của Thế Tôn được an lạc, không bệnh, sanh con trai không bệnh!". Nghĩ vậy, *Koliyaputta* hoan hỷ, thích thú, tâm sanh hỷ lạc. Rồi Suppavàsà, con gái vua *Koliya*, bảo người chồng mình:

- Hãy đi, này Phu quân, hãy đi đến Thế Tôn, sau khi đếnc nhân danh tôi, cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn và thưa: " - Bạch Thế Tôn, *Suppavàsà*, con vua Koliya, cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn, có thai đến bảy năm và nay bị đau đẻ đến ngày thú bảy. Nàng được an lạc, không bệnh và sanh đứa con trai không bệnh. Nay nàng muốn mời chúng Tỳ-kheo dùng cơm trong bảy ngày. Mong Thế Tôn hãy nhận lời thọ bảy bữa cơm của *Suppavàsà* với chúng Tỷ-kheo".

- Thật là tốt lành.

Koliyaputta đáp lại *Suppavàsà,* con gái vua *Koliya*, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, *Koliyaputta* bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, *Suppavàsà*, con gái vua *Koliya*, cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn và nói như sau: *Suppavàsà,* có thai đến bảy năm... đau đẻ đến ngày thứ bảy. Nay nàng được an lạc, không bệnh và sanh đứa con trai không bệnh. Nay nàng muốn mời chúng Tỳ-kheo... với chúng Tỷ-kheo!

Lúc bấy giờ một nam cư sĩ khác đã mời chúng Tỷ-kheo với Thế Tôn là vị cầm đầu, ngày mai dùng cơm người cư sĩ ấy là người hộ trì cho Tôn giả *Moggallàna*. Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả *Mahà Mogallàna:*

- Này *Moggallàna*, hãy đến người cư sĩ, sau khi đến, nói với người cư sĩ ấy như sau: "Này Hiền giả, *Suppavàsà* con của vua *Koliya..* có thai đến bảy năm... đến ngày thứ bảy. Nay nàng được an lạc.. Nay nàng muốn mời chúng Tỷ-kheo... với chúng Tỷ-kheo. Hãy để cho *Suppavàsà* tổ chức bảy ngày cơm trước. Sau sẽ đến lượt người hộ trì cho người".

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn!.

Tôn giả *Mahà Moggallàna* vâng đáp Thế Tôn rồi đi đến người cư sĩ ấy, sau khi đến nói với người cư sĩ:

- Này Hiền giả *Suppavàsà*... Hãy để cho *Suppavàsà* con của *Koliya* tổ chức bảy ngày cơm trước, sau sẽ đến phiên Ông.

- Thưa Tôn giả, nếu Tôn giả bảo đảm cho con ba pháp về tài sản, về thọ mạng, về lòng tin, hãy để cho S*uppavàsà*, con gái của vua *Koliya*, tổ chức trước, rồi sau đến phiên con.

- Này Hiền giả, về hai pháp ta sẽ bảo đảm cho ông, về tài sản và về thọ mạng. Còn về lòng tin, thời ông phải tự bảo đảm!.

- Thưa Tôn giả, nếu Tôn giả bảo đảm cho con hai pháp, về tài sản và về thọ mạng, hãy để cho *Suppavàsà*, con gái vua *Koliya,* tổ chức bảy ngày con trước. Rồi sẽ đến phiên con.

Rồi Tôn giả *Mahà Moggallàna*, sau khi thuyết phục được người cư sĩ ấy, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, cư sĩ ấy đã được con thuyết phục. Hãy để cho *Suppavàsà,* con gái vua *Koliya*, tổ chức bảy ngày cơm trước, sau sẽ đến phiên người cư sĩ ấy.

Rồi S*uppavàsà*, con gái *vua Koliya*, trong bảy ngày mời chúng Tỳ-kheo với Thế Tôn là bậc dẫn đầu, tự tay mời và làm cho thỏa mãn với những món ăn thượng vị, loại cứng và loại mềm và khiến cho đứa trẻ đảnh lễ Thế Tôn và toàn thể chúng Tỳ-kheo. Rồi Tôn giả *Sàriputta* nói với đứa trẻ:

- Này Con, Con có kham nhẫn được không? Con có nuôi sống được không? Con có đau khổ gì không?

- Thưa Tôn giả, từ đâu con có thể kham nhẫn? Từ đâu con có thể nuôi sống? Từ đâu con không có đau khổ? Con đã sống bảy năm trong các ghè đầy máu!

Rồi *Suppavàsà*, con gái vua Koliya, nghĩ rằng: "Con ta đang nói chuyện với vị tướng quân về Pháp, hoan hỷ, tín thọ, với tâm hỷ lạc."

Rồi Thế Tôn nói với *Suppavàsà,* con gái vua *Koliya:*

- Này *Suppavàsà.* Con có muốn một người con trai khác như vậy không?

- Bạch Thế Tôn, con muốn có bảy người con trai như vậy!

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này,ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

8. Không vui, giả dạng vui,
Không ái, giả dạng ái,
Khổ đau, giả dạng lạc,
Nhiếp phục kẻ phóng dật.

(IX) (Ud 18)

Như vầy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn ở *Sàvatthi*, tại Đông Viên, ngôi lầu của mẹ *Migàra.*

Mẹ *Migàra* có công việc liên hệ đến vua *Pasenadi* nước *Kosala* và vua *Pasenadi* nước *Kosala* chưa có quyết định về việc ấy. Rồi *Visàkhà,* mẹ của Migàra, vào buổi sáng sớm đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Rồi Thế Tôn nói với *Visàkhà,* mẹ của *Migàra,* đang ngồi một bên:

- Này *Visàkhà,* Bà từ đâu đi đến sớm như vậy?

- Bạch Thế Tôn con có công việc liên hệ đến vua *Pasenadi* nước *Kosala...* về việc ấy.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

9. Mọi tùng thuộc là khổ,
Mọi chủ quyền là lạc,
Chung dùng làm não hại,
Trói buộc khó vượt qua.

(X) (Ud 18)

Như vầy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở *Anupiya* tại rừng xoài. Lúc bấy giờ, Tôn giả *Bhaddiya*, con của *Kàligodha*, đi đến khu rừng, đi đến gốc cây, đi đến ngôi nhà trống, và thường hay nói lên lời cảm hứng: "Ôi, an lạc thay! Ôi, an lạc thay! " Một số đông Tỳ-kheo nghe Tôn giả *Bhaddiya*, con của *Kàligodha* đi đến khu rừng, đi đến gốc cây, hay đi đến ngôi nhà trống, thường nói lên lời cảm hứng: "Ôi, an lạc thay! Ôi an lạc thay! ". Nghe vậy, các Tỷ-kheo ấy suy nghĩ: "Không gì nghi ngờ chư Hiền, Tôn giả *Bhaddiya* con của *Kàlighodha* sống Phạm hạnh không có hoan hỷ, vì trước khi còn ở gia đình được hưởng an lạc nhà vua, vì Tôn giả nhớ đến an lạc ấy, nên khi đến khu rừng, hay đi đến gốc cây... thường nói lên lời cảm hứng: "Ôi, an lạc thay! Ôi, an lạc thay! " Rồi một số đông Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn, sau khi đến đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Tôn giả *Bhaddiya* con của *Kàligodha* khi đi đến rừng... nói lên lời cảm hứng: "Ôi, an lạc thay! Ôi, an lạc thay! "... không có nghi ngờ gì nữa.. sống Phạm hạnh không có hoan hỷ... "Ôi, an lạc thay! Ôi, an lạc thay! ".

Rồi Thế Tôn bảo một Tỳ-kheo:

- Này Tỳ-kheo, hãy đi và nhân danh Ta nói với *Bhaddiya,* con của *Kàligodha*: "Thưa hiền giả, bậc Đạo sư gọi Hiền giả! ".

- Thưa vâng bạch Thế Tôn.

Vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, đi đến Tôn giả *Bhaddiya*, con của Kàligodha:

- Thưa Hiền giả, bậc Đạo sư gọi Hiền giả.

- Thưa vâng, Hiền giả.

Tôn giả *Bhaddiya*, con *của Kàligodha*, vâng đáp Tỷ-kheo ấy, đi đến Thế Tôn, sau khi đến đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả *Bhaddiya,* con của *Kàligodha,* đang ngồi một bên:

- Có thật chăng, này *Bhaddiya*, Thầy đi đến khu rừng "... Ôi, an lạc thay! Ôi, an lạc thay! "?

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

- Do thấy mục đích gì đi đến khu rừng "... an lạc? ".

- Bạch Thế Tôn, thuở trước khi còn ở trong gia đình, được hưởng an lạc nhà vua, trong nội cung có đặt người khéo bảo vệ, ngoại nội cung có đặt người khéo bảo vệ; trong thành nội có đặt người khéo bảo vệ, ngoài thành có đặt người khéo bảo vệ. Trong nước cũng có đặt người khéo bảo vệ, ngoài nước cũng có đặt người khéo bảo vệ. Bạch Thế Tôn, con được bảo vệ phòng giữ như vậy, nhưng con vẫn sống sợ hãi, hồi hộp, run sợ, hoảng sợ. Nhưng nay con đi đến khu rừng, đi đến gốc cây, đi đến ngôi nhà trống, con sống một mình, con sống không sợ hãi, không hồi hộp, không run sợ, không hoảng sợ, không rộn ràng, không hốt hoảng, lắng dịu, nhẹ nhàng, tâm như con thú rừng. Bạch Thế Tôn, do thấy mục đích như vậy, nên con khi đi đến khu rừng... con nói lên lời cảm hứng "... an lạc thay! ".

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này ngay trong lúc ấy nói lên lời cảm hứng này:

10. Với ai, trong nội tâm,
Không có lòng phẫn nộ,
Vượt qua hữu, phi hữu,

Vị ấy thoát sợ hãi,
An lạc, không sầu muộn,
Chư Thiên không thấy được.

CHƯƠNG III
PHẨM NANDA

(I) (Ud 21)

Như vầy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở *Sàvatthi*, tại *Jetavana* trong khu vườn ông *Anàthapindika*. Lúc bấy giờ, một Tỷ-kheo ngồi không xa Thế Tôn, ngồi kiết già, lưng thẳng, chịu đựng sự đau đớn, kết quả của nghiệp về trước, nhói đau, cực khổ, thống khổ, chánh niệm, tỉnh giác, không có sầu não.

Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

1. Tỷ-kheo bỏ mọi nghiệp,
Tẩy sạch bụi làm trước,
An trú, không ngã sở,
Không cần nói với người.

(II) (Ud 21)

Như vầy tôi nghe:

Một thời, Thế Tôn trú ở *Sàvatthi*, tại *Jetavana*, khu vườn của ông *Anàhapindika*. Lúc bấy giờ, Tôn giả *Nanda*, em của Thế Tôn, con của người dì, nói như sau với nhiều Tỷ-kheo: "Này các Hiền giả, tôi sống Phạm hạnh không có hoan hỷ, tôi không chịu nổi đời sống Phạm hạnh; sau khi bỏ học tập, tôi sẽ hoàn tục!" Một Tỷ-kheo khác đi đến Thế Tôn, sau khi đến đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, vị Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Tôn giả *Nanda*, em của Thế Tôn, con của người dì, nói như sau: "... Tôi sẽ hoàn tục ". Rồi Thế Tôn bảo một Tỷ-kheo:

- Này Tỷ-kheo, hãy đi và nhân danh Ta bảo Tỷ-kheo *Nanda*: "Hiền giả *Nanda,* bậc Đạo Sư gọi Hiền giả ".

- Thưa vâng, Bạch Thế Tôn.

Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, đi đến Tôn giả *Nanda,* sau khi đến nói với Tôn giả *Nanda:*

- Hiền giả *Nanda,* bậc Đạo Sư gọi Hiền giả!

- Thưa vâng, Hiền giả.

Tôn giả *Nanda* vâng đáp vị Tỷ-kheo ấy, đi đến Thế Tôn; sau khi đến đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả *Nanda* đang ngồi một bên:

- Có thật chăng này *Nanda,* Thầy nói như sau với nhiều Tỷ-kheo: "Này các Hiền giả tôi sống Phạm hạnh không có hoan hỷ... tôi sẽ hoàn tục!".

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

- Nhưng này, không hoan hỷ cái gì, Thầy sống Phạm hạnh, khiến Thầy không chịu nổi sống Phạm hạnh, từ bỏ học tập, Thầy sẽ hoàn tục?

- Bạch Thế Tôn, khi con từ bỏ gia đình, một Thích ca nữ cô gái đẹp trong nước, với tóc chải mới nửa phần, ngó nhìn con và nói: "Quý tử hãy về gấp!" Bạch Thế Tôn, vì con không thể quên nàng, nên con sống Phạm hạnh không có hoan hỷ, con không có thể chịu nổi đời sống Phạm hạnh, sau khi từ bỏ học tập, con sẽ hoàn tục".

Rồi Thế Tôn cầm tay Tôn giả *Nanda* như người lực sĩ duỗi bàn tay dang co lại, hay co lại bàn tay đang duỗi ra, biến mất ở *Jetavana*, và hiện ra tại cõi trời Ba mươi ba. Lúc bấy giờ, khoảng năm trăm Thiên nữ đi đến để hầu hạ Thiên chủ *Sakka,* và họ được gọi là "có chân như chim bồ câu". Lúc bấy giờ Thế Tôn bảo Tôn giả *Nanda:*

- Này *Nanda,* Thầy có thấy năm trăm Thiên nữ này, có chân như chim bồ câu không?

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

- Này *Nanda,* Thầy nghĩ thế nào? Ai đẹp đẽ hơn, hay ai đáng ưa nhìn hơn, hay ai khả ái hơn, Thích ca nữ cô gái đẹp trong nước hay năm trăm Thiên nữ có chân như chim bồ câu này? ".

- Bạch Thế Tôn, ví như một con khỉ cái bị thương, tai mũi bị chặt đứt; cũng vậy là Thích ca nữ cô gái đẹp trong nước, nếu đem so sánh với năm trăm Thiên nữ có chân như chim bồ câu này, không thể ước lường so sánh, không bằng một phần nhỏ, không thể so sánh với chúng. Năm trăm Thiên nữ này đẹp hơn, dáng ưa nhìn hơn, khả ái hơn.

- Hãy hoan hỷ, này *Nanda*! Hãy hoan hỷ, này *Nanda!* Ta đền cho Thầy năm trăm Thiên nữ có chân như chim bồ câu ấy!

- Bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn đền cho con năm trăm Thiên nữ có chân như chim bồ câu, thời bạch Thế Tôn, con sẽ sống hoan hỷ trong đời sống Phạm hạnh.

Rồi Thế Tôn cầm cánh tay của Tôn giả *Nanda*, như người lực sĩ... đang duỗi ra, như vậy biến mất ở chư Thiên cõi trời Ba mươi ba, hiện ra ở *Jetavana*.

Các Tỷ-kheo được nghe: "Tôn giả *Nanda*, em Thế Tôn, con của bà dì sống Phạm hạnh vì mục đích Thiên nữ. Họ nói Thế Tôn có hứa đền cho năm trăm Thiên nữ với chân như chân chim bồ câu". Rồi các Tỷ-kheo bạn của Tôn giả Nanda, gọi Tôn giả *Nanda* là người làm thuê, là người buôn bán: "Tôn giả *Nanda* là người làm thuê, Tôn giả *Nanda* là người buôn bán. Vì mục đích Thiên nữ, Tôn giả *Nanda* sống Phạm hạnh. Thế Tôn có hứa đền cho năm trăm Thiên nữ có chân như chim bồ câu!" Rồi Tôn giả *Nanda*, bị bực phiền, tủi nhục, chán ngấy, bởi bị gọi là người làm thuê, là người buôn bán, sống một mình, viễn ly, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, tự tin, không bao lâu, do mục đích mà thiện nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình... vô thượng cứu cánh Phạm hạnh ấy, ngay trong hiện tại vị ấy tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú. Vị ấy rõ biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc nên làm đã làm, không trở lui trạng thái này nữa". Tôn giả *Nanda* đã trở thành một vị A-la-hán.

Rồi một thiên nhân, khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng *Jetavana*, đi đến Thế Tôn, sau khi đến đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, Thiên nhân ấy bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Tôn giả *Nanda* con trai của bà dì, do đoạn trừ các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình

với thắng tri chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát.

Trí khởi lên nơi Thế Tôn: "*Nanda,* do đoạn trừ các lậu hoặc... vô lậu tâm giải thoát". Rồi Tôn giả *Nanda,* sau khi đêm ấy đã mãn, đi đến Thế Tôn, sau khi đảnh lễ Thế Tôn rồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên Tôn giả *Nanda* bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn có hứa đền cho con năm trăm Thiên nữ với chân như chim bồ câu. Bạch Thế Tôn, con xin giải tỏa cho Thế Tôn lời hứa đền ấy.

- Này *Nanda,* với tâm cuả Ta, Ta rõ biết tâm của Thầy: "Do đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại... tuệ giải thoát". Lại nữa một Thiên nhân có báo cho Ta tin ấy: "Bạch Thế Tôn, Tôn giả *Nanda*... tuệ giải thoát". Vì rằng, này *Nanda,* tâm của Thầy được giải thoát khỏi các lậu hoặc không còn chấp thủ, nên Ta được giải thoát khỏi lời hứa này.

Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, chính trong lúc ấy, nó lên lời cảm hứng này:

> *2. Ai vượt khỏi bùn này,*
> *Đè bẹp gai của dục,*
> *Đạt được si đoạn diệt,*
> *Vị Tỷ-kheo như vậy,*
> *Không cảm thọ khổ lạc!*

(III) (Ud 24)

Như vầy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở *Sàvatthi,* tại *Jetavana*, trong khu vườn ông *Anàthapindika.* Lúc bấy giờ, khoảng năm trăm Tỷ-kheo do *Yasoja* dẫn đầu, đã đến *Sàvatthi* để yết kiến Thế Tôn. Các Tỷ-kheo mới đến ấy, trong khi chào thăm các Tỷ-kheo sở tại, sắp đặt sàng tọa, sửa soạn y bát, gây tiếng ồn ào to lớn. Thế Tôn bảo Tôn giả *Ananda:*

- Này *Ananda,* tiếng ồn ào to lớn này là gì, như các người đánh cá cướp giật cá?

- Bạch Thế Tôn, có năm trăm Tỷ-kheo này, dẫn đầu là *Yasoja,* đã đến *Sàvatthi* để yết kiến Thế Tôn. Các Tỷ-kheo mới đến ấy... gây nên tiếng ồn ào to lớn.

- Này *Ananda*, hãy nhân danh Ta nói với các Tỷ-kheo ấy: "Bậc Đạo Sư gọi các Tôn giả ".

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ananda vâng đáp Thế Tôn, đi đến các Tỷ-kheo ấy, sau khi đến nói với các Tỷ-kheo ấy:

- Bậc Đạo Sư gọi các Tôn giả!

- Thưa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả *Ananda*, đi đến Thế Tôn, sau khi đến đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo ấy đang ngồi một bên:

- Này các Tỷ-kheo, tiếng ồn ào to lớn này là gì, như các người đánh cá cướp giựt cá?

Tôn giả *Yasoja* bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, có năm trăm Tỷ-kheo này đã đến Sàvatthi để yết kiến Thế Tôn. Các Tỳ-kheo mới đến này... gây nên tiếng ồn ào to lớn.

- Này các Tỷ-kheo, hãy đi đi! Ta đuổi các Thầy, các Thầy không xứng đáng được sống gần Ta!

- Thưa vâng! Bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân hữu hướng về Ngài, dọn dẹp, sàng tọa, cầm lấy y bát, đi đến dân chúng *Vajjì*, tiếp tục bộ hành giữa dân chúng *Vajjì* rồi đi đến con sông *Vaggamudà*; sau khi đến, dựng lên chòi lá trên sông *Vaggamudà,* an cư mùa mưa tại chỗ ấy. Rồi Tôn giả *Yasoja,* sửa soạn an cư bảo các Tỳ-kheo:

- Thưa các Hiền giả, Thế Tôn đuổi chúng ta, vì lợi ích, vì hạnh phúc cho chúng ta, vì khởi lên lòng từ mẫn đối với chúng ta. Này chư Hiền, chúng ta hãy sống cho thật đúng pháp, chúng ta sống như thế nào để Thế Tôn có thể hoan hỷ!

- Thưa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo vâng đáp Tôn giả *Yasoja.* Rồi các Tỷ-kheo ấy sống viễn ly, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, và trong thời gian an cư, tất cả đều giác ngộ ba minh.

Rồi Thế Tôn, sau khi ở tại *Sàvatthi* cho đến khi vừa ý, liền bộ hành đi đến *Vesàli*, tiếp tục bộ hành đến *Vesàli.* Tại đấy, Thế Tôn trú ở Đại Lâm, tại ngôi nhà có nóc nhọn. Rồi Thế Tôn với tâm cuả mình tác ý đến tâm các Tỷ-kheo ở trên bờ sông *Vaggumudà*, gọi Tôn giả *Ananda*: "Như có hào quang, này *Ananda,* là phương này, như có ánh sáng, này *Ananda,* là phương này. Tại phương ấy, các Tỷ-kheo đang sống trên bờ sông *Vagumudà*. Thật là không nhàm chán cho Ta nếu được đi và tác ý đến phương ấy. Này *Ananda,* hãy gửi một sứ giả đến các Tỷ-kheo ở trên bờ sông *Vaggumudà* và nói: "Bậc Đạo sư cho gọi các Tôn giả! Bậc Đạo sư muốn gặp các Tôn giả!".

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả *Ananda* vâng đáp Thế Tôn, đi đến một Tỷ-kheo, sau khi đến, nói với Tỷ-kheo ấy:

- Hãy đi, này Hiền giả, hãy đi đến các Tỷ-kheo ở trên bờ sông *Vaggumudà;* sau khi đến, nói với các Tỷ-kheo ấy như sau: "Bậc Đạo sư cho gọi các Tôn giả!".

- Thưa vâng, Hiền giả.

Vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả *Ananda,* như một người lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại hay co lại cánh tay đang duỗi ra, cũng vậy vị ấy biến mất ở ngôi nhà có nóc nhọn tại Đại Lâm, và hiện ra trước mắt các Tỷ-kheo ở trên bờ sông *Vaggumudà*. Rồi Tỷ-kheo ấy nói với các Tỷ-kheo ở trên bờ sông *Vaggumudà:*

- Bậc Đạo Sư gọi các Tôn giả! Bậc Đạo sư muốn gặp các Tôn giả.

- Thưa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp vị Tỷ-kheo ấy, sau khi dọn dẹp sàng tọa, cầm y bát, ví như một nhà lực sĩ... co lại bàn tay đang duỗi ra, cũng vậy các Tỳ-kheo ấy biến mất ở trên bờ sông *Vaggumudà,* và hiện ra ở Đại

Lâm, tại nhà có nóc nhọn, trước mặt Thế Tôn. Lúc bấy giờ Thế Tôn đang ngồi trong thiền định bất động. Các Tỷ-kheo ấy suy nghĩ: "Nay Thế Tôn đang an trú trong loại an trú nào?". Rồi các Tỷ-kheo ấy suy nghĩ: "Thế Tôn nay đang an trú trong loại an trú bất động".

Và tất cả các Tỷ-kheo ấy ngồi xuống trong định bất động.

Tôn giả *Ananda* khi đêm đã gần mãn, canh một đã gần qua, từ chỗ ngôi đứng dậy, đắp y vào một bên vai, chấp tay hướng đến Thế Tôn, và bạch Thế Tôn:

- Đêm đã gần tàn, canh một đã gần qua. Các Tỷ-kheo mới đến ngồi đã lâu. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy chào đón các Tỷ-kheo mới đến.

Được nghe nói vậy, Thế Tôn giữ im lặng. Lần thứ hai, Tôn giả Ananda, sau khi đêm đã gần mãn, canh giữa đã gần qua, từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp y vào một bên vai, chấp tay hướng đến Thế Tôn và Bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, đêm đã gần mãn. Canh giữa đã gần qua. Các Tỷ-kheo mới đến ngồi đã lâu. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy chào đón các Tỷ-kheo mới đến.

Lần thứ hai, Thế Tôn giữ im lặng. Lần thứ ba, Tôn giả *Ananda,* khi đêm đã gần mãn, canh cuối đã gần qua, rạng đông đã ló dạng, đêm đã có bộ mặt hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp y vào một bên, chấp tay hướng về Thế Tôn, và bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, đêm đã gần mãn, canh cuối đã gần qua, rạng đông đã ló dạng, đêm đã có bộ mặt hoan hỷ, các Tỷ-kheo mới đến ngồi đã lâu... Thế Tôn hãy chào đón các Tỷ-kheo mới đến!

Rồi Thế Tôn xuất khỏi định ấy bảo Tôn giả *Ananda:*

- Nếu Thầy có hiểu biết, này *Ananda*, Thầy sẽ không nói như vậy. Này *Ananda*, Ta và năm trăm Tỷ-kheo này tất cả đang nhập định bất động.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

3. Ai đã thắng gai dục,
Nắng, gia hại, trói buộc,
Vị ấy đứng bất động,
Như núi vững an trú,
Vị Tỷ-kheo như vầy,
Lạc khổ không dao động.

(IV) (Ud 27)

Như vầy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở *Sàvatthi*, tại *Jetavana*, ngôi vườn ông *Anàthapindika*. Lúc bấy giờ Tôn giả *Sàriputta* ngồi không xa Thế Tôn bao nhiêu, ngồi kiết già lưng thẳng, đặt niệm trước mặt. Thế Tôn thấy Tôn giả *Sàriputta* ngồi không xa bao nhiêu, ngồi kiết già lưng thẳng, đặt niệm trước mặt, rồi sau khi biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

4. Như ngọn núi bằng đá,

Không động, khéo an trú,
Cũng vậy vị Tỳ-kheo,
Đoạn diệt được ngu si,
Như ngọn núi bằng đá,
Không có bị dao động.

(V) (Ud 27)

Như vầy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở *Sàvatthi*, tại *Jetavana*, ngôi vườn ông *Anàthapindika*. Lúc bấy giờ, Tôn giả *Maha Moggallàna* ngồi không xa Thế Tôn bao nhiêu, ngồi kiết già lưng thẳng, nội tâm khéo an trú thân hành niệm. Thế Tôn thấy Tôn giả *Maha Moggallàna* ngồi không xa bao nhiêu, ngồi kiết-già lưng thẳng nội tâm khéo an trú thân hành niệm.

Rồi Thế Tôn, sau khi biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

5. Thân hành niệm an lập,
Sáu xúc xứ chế ngự,
Tỷ-kheo thường thiền định,
Tự chứng tri Niết Bàn.

(VI) (Ud 28)

Như vầy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở *Ràjagaha*, tại *Veluvana*, chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Lúc bấy giờ, Tôn giả *Pilindavaccha,* thường hay gọi Tỳ-kheo với danh từ bần tiện. Rồi một số đông Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn, sau khi đến đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Tôn giả *Pilindavaccha* thường hay gọi các Tỷ-kheo với danh từ bần tiện.

Rồi Thế Tôn bảo một Tỷ-kheo:

- Hãy đi, này Tỷ-kheo, và nhân danh Ta, bảo Tỷ-kheo *Pilindavaccha:* "Này Hiền giả, bậc Đạo Sư gọi Hiền giả! ".

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn đi đến Tôn giả *Pilindavaccha,* sau khi đến nói với *Pilindavaccha:*

- Bậc Đạo Sư gọi Hiền giả!

- Thưa vâng, Hiền giả.

Tôn giả *Pilindavaccha* vâng đáp Tỷ-kheo ấy, đi đến Thế Tôn, sau khi đến đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả *Pilindavaccha* đang ngồi một bên:

- Có thật chăng, này *Vaccha.* Thầy thường gọi các Tỷ-kheo với danh từ bần tiện?

- Thưa có, bạch Thế Tôn.

Rồi Thế Tôn sau khi tác ý đến đời sống trước của *Pilindavaccha*, liền bảo các Tỷ-kheo:

- Này, các Tỷ-kheo, chớ có bực phiền với Tỷ-kheo *Pilindavaccha*. Này các Tỷ-kheo, không phải vì trong lòng có sân hận mà *Vaccha* thường gọi các Tỷ-kheo với danh từ bần tiện. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo Vaccha trong năm trăm năm nối tiếp nhau đã sanh trong gia đình Bà-la-môn. Danh từ bần tiện đã lâu ngay được chứa chấp trong vị ấy. Do vậy, *Vaccha* thường gọi Tỷ-kheo với danh từ bần tiện.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy nói lên lời cảm hứng này:

6. Trong ai không man trá,
Không mạn, tham đoạn tận,
Không ngã sở, không dục,
Phẫn nộ được trừ diệt,
Tự ngã thành mát lạnh
Vị ấy là Phạm chí,
Là Sa môn Tỷ-kheo.

(VII) (Ud 29)

Như vầy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở *Ràjagaha*, tại *Veluvana*, tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Lúc bấy giờ Tôn giả *Mahakassapa*, trú ở hang *Pipphali*, ngồi một thế ngồi kiết-già trong bảy ngày, sau khi nhập vào một loại thiền định. Rồi Tôn giả *Mahakassapa,* sau bảy ngày, xuất khỏi định ấy, Tôn giả *Mahakassapa,* sau khi xuất khỏi định ấy, suy nghĩ như sau: "Ta hãy đi vào *Ràjagaha* để khất thực! ". Lúc bấy giờ năm trăm chư Thiên đang cố gắng lo cho Tôn giả *Mahakassapa* được đồ ăn khất thực. Rồi Tôn giả *Mahakassapa* sau khi khước từ năm trăm Thiên nhân ấy, vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, vào *Ràjagaha* để khất thực.

Lúc bấy giờ, Thiên chủ Sakka muốn cúng dường đồ ăn khất thực cho Tôn giả *Mahakassapa,* hóa thân làm người thợ dệt đang dệt chỉ *Sujàta*, thiếu nữ Asura đang làm cho đầy cái thoi. Rồi Tôn giả *Mahakassapa,* sau khi đi từng nhà khất thực ở *Ràjagaha,* đi đến trú xứ của Thiên chủ *Sakka.* Thiên chủ Sakka thấy Tôn giả *Mahakassapa* từ xa đi đến, sau khi thấy, liền ra khỏi nhà, tiếp đón, lấy bát từ nơi tay cầm đem vào nhà, bới cơm từ nơi nồi, đựng đầy bát và đưa lại cho Tôn giả *Mahakassapa.* Đồ ăn khất thực ấy gồm có nhiều loại canh, nhiều loại món ăn, nhiều loại gia vị, món ăn trộn lẫn với nhau.

Rồi Tôn giả *Mahakassapa* suy nghĩ: "Ai là chúng sanh này, lại có thần lực uy lực như vậy? ". Rồi Tôn giả *Mahakassapa* suy nghĩ: "Chính là Thiên chủ *Sakka*", sau khi biết vậy, nói với Thiên chủ *Sakka:*

- "Này *Kosiya*, chính Ông đã làm sự việc này. Chớ làm như vậy nữa!".

- Thưa Tôn giả *Kassapa*, mục đích của chúng tôi là được phước. Điều chúng tôi cần làm là được phước.

Rồi Thiên chủ *Sakka*, sau khi đảnh lễ Tôn giả *Mahakassaspa*, thân phía hữu hướng về Ngài, bay lên trên hư không, và ở giữa hư không nói lên ba lần cảm hứng: "Ôi, bố thí tối thượng là bố thí khéo an trú vào *Kassapa*! Ôi, bố thí tối thượng là bố thí khéo an trú vào *Kasapa!* ".

Thế Tôn với Thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân nghe giữa hư không Thiên chủ *Sakka* nói lên ba lần lời cảm hứng: "Ôi, bố thí tối thượng là bố thí khéo an trú vào *Kassapa!* Ôi, bố thí tối thượng là bố thí khéo an trú

vào *Kassapa!*.

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

> *7. Vị Tỷ-kheo khất thực,*
> *Tự sống không nhờ người,*
> *Chư Thiên thương vị ấy,*
> *Thường an tịnh chánh niệm.*

(VIII) (Ud 30)

Như vầy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở *Sàvatthi*, tại *Jetavana*, khu vườn ông *Anàthapindika*. Lúc bấy giờ, nhiều Tỷ-kheo sau buổi ăn, sau khi đi khất thực trở về, ngồi hội họp tại rạp tròn có cây *kareri* và câu chuyện sau đây được khởi lên: "Tỷ-kheo đi khất thực, thưa các Hiền giả, thỉnh thoảng mắt được thấy sắc khả ái, thỉnh thoảng tai được nghe tiếng khả ái, thỉnh thoảng mũi được ngửi hương khả ái, thỉnh thoảng lưỡi được nếm khả ái, thỉnh thoảng thân được cảm giác xúc khả ái.

Thưa các Hiền giả, Tỷ-kheo khất thực được cung kính, tôn trọng, đảnh lễ, cúng dường, tôn kính khi đi khất thực. Vậy này chư Hiền, chúng ta hãy là nguròi đi khất thực, thỉnh thoảng, mắt chúng ta được thấy sắc khả ái, thỉnh thoảng tai chúng ta được nghe tiếng khả ái, thỉnh thoảng mũi chúng ta được ngửi hương khả ái, thỉnh thoảng lưỡi chúng ta được nếm vị khả ái, thỉnh thoảng thân chúng ta được cảm giác xúc khả ái. Chúng ta cũng được cung kính, tôn trọng, đảnh lễ, cúng dường, tôn kính khi chúng ta sẽ đi khất thực".

Câu chuyện này giữa các Tỷ-kheo ấy chưa được nói xong, thì Thế Tôn vào buổi chiều, từ Thiền định đứng dậy, đi đến rạp tròn có cây *kareri*, sau khi đến ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

- Này các Tỷ-kheo, này các Thày ngồi ở đây nói câu chuyện gì? Và câu chuyện gì giữa các Thầy chưa được nói xong?

- Ở đây, bạch Thế Tôn, chúng con sau bữa ăn, sau khi đi khất thực trở về, chúng con ngồi hội họp tại rạp tròn có cây kareri, và câu chuyện sau đây được khởi lên giữa chúng con: "Tỷ-kheo đi khất thực, thưa các Hiền giả, thỉnh thoảng mắt được thấy sắc khả ái... chúng ta cũng được cung kính, tôn trọng, đảnh lễ, cúng dường, tôn kính, khi chúng ta sẽ đi khất thực ". Bạch Thế Tôn đây là câu chuyện giữa chúng con chưa được nói xong thì Thế Tôn đến.

- Này các Tỳ-kheo, chuyện này thật không xứng đáng cho các Thầy, là những thiện nam tử, vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, khi các Thầy nói lên câu chuyện như vậy. Khi các Thầy ngồi hội họp với nhau, này các Tỷ-kheo, có hai công việc cần phải làm: Nói pháp hay giữ im lặng của bậc Thánh!.

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

> *8. Vị Tỷ-kheo khất thực,*
> *Tự sống không nhờ người,*
> *Chư Thiên thương vị ấy,*
> *Nhưng nếu Tỷ-kheo ấy,*

Y tựa vào danh vọng,
Chư Thiên không có thương.

(IX) (Ud 31)

Như vầy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn ở *Sàvatthi,* tại *Jetavana*, ngôi vườn ông *Anàthapindika.* Lúc bấy giờ nhiều Tỷ-kheo... (như kinh trên)... câu chuyện này khởi lên: "Này chư Hiền, ai biết nghề gì? Ai học tập nghề gì? Nghề gì là tối thượng? "

Ở đây, một số người nói như sau: "Huấn luyện voi là nghề tối thượng". Một số người nói như sau: "Huấn luyện ngựa là nghề tối thượng". Một số người nói như sau: "Làm xe là nghề tối thượng." Một số người nói như sau: "Nghề bắn cung là nghề tối thượng". Một số người nói như sau: "Nghề đao kiếm là nghề tối thượng". Một số người nói như sau: "Nghề ấn hiệu là nghề tối thượng". Một số người nói như sau: "Nghề tính toán là nghề tối thượng". Một số người nói như sau: "Nghề ước lượng là nghề tối thượng". Một số người nói như sau: "Nghề viết bài là nghề tối thượng". Một số người nói như sau: "Nghề làm thơ là nghề tối thượng". Một số người nói như sau: "Nghề phỏng đoán các nguyên nhân tự nhiên là nghề tối thượng". Một số người nói như sau: "Nghề điều khiển bộ máy quốc gia là nghề tối thượng". Đây là câu chuyện xảy ra giữa chúng con chưa được nói xong.

Rồi Thế Tôn vào buổi chiều... (Xem III,8...) chưa được nói xong... "Ở đây, bạch Thế Tôn... khởi lên: "Này hiền giả ai biết nghề gì... nghề điều khiển bộ máy quốc gia là nghề tối thượng ". Bạch Thế Tôn đây là câu chuyện xảy ra giữa chúng con chưa được nói xong, thì Thế Tôn đã đến".

- Này các Tỷ-kheo, chuyện này thật không xứng đáng cho các Thầy... khi các Thầy ngồi hội họp với nhau, có hai công việc cần phải làm: Nói pháp hay giữ im lặng của bậc Thánh.

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

9. Ai sống không nghề nghiệp,
Nhẹ nhàng, muốn lợi ích,
Các căn được chế ngự,
Toàn diện được giải thoát,
Không nhà, không ngã sở,
Không dục, giết ác ma,
Vị Tỷ-kheo như vậy,
Sống cô độc một mình.

(X) (Ud 32)

Như vầy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở *Uruvelà,* trên bờ sông *Neranjara,* dưới gốc cây Bồ-đề, khi mới thành Chánh giác. Lúc bấy giờ Thế Tôn trong bảy ngày ngồi một thế ngồi kiết già, hưởng thọ giải thoát lạc. Rồi Thế Tôn, sau bảy ngày ấy, từ định ấy xuất khởi, nhìn đời với Phật nhãn, thấy các chúng sanh bị thiêu đốt với nhiều loại thiêu đốt, bị nhiệt não bởi nhiều loại nhiệt não, bởi tham, bởi sân, bởi si.

Rồi Thế Tôn, sau khi biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

10. Đời này bị thiêu đốt,
Chi phần bởi cảm xúc,
Tự mình nói rõ lên,
Chứng bệnh của chính mình,
Bởi vì nó nghĩ đến,
Do đó bị đổi khác,
Bị đổi khác vi hữu,
Bị lệ thuộc vì hữu,
Đời này hữu chi phối,
Lại hoan hỷ với hữu,
Khi nào có hoan hỷ,
Ở đấy có sợ hãi,
Với ai có sợ hãi,
Đấy tức là đau khổ,
Chính do đoạn diệt hữu,
Phạm hạnh này được sống.

Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào đã tuyên bố rằng sự giải thoát khỏi hữu là do hữu. Ta nói rằng tất cả những vị ấy không giải thoát khỏi hữu.

Những Sa môn hay những Bà-la-môn nào đã tuyên bố rằng sự xuất ly khỏi hữu là do phi hữu, tất cả những vị ấy, Ta tuyên bố rằng chúng không nương tựa nơi hữu.

Do duyên sanh y, khổ này được sanh khởi. Chính do đoạn diệt tất cả sanh y, khổ không có hiện hữu.

11. Hãy xem đời rộng này,
Bị vô minh chi phối,
Các sanh loại được sanh,
Ưa thích được sanh khởi,
Không thoát được sanh hữu.
Với ai đốt sanh hữu,
Tất cả mọi thời, xứ,
Tất cả sanh hữu này,
Vô thường khổ biến hoại,
Như vậy, thấy như thật,
Với chơn chánh trí tuệ,
Hữu ái được đoạn tận,
Phi hữu ái hoan hỷ
Đoạn diệt ái hoàn toàn,
Ly tham, diệt, hoàn toàn,
Như vậy là Niết Bàn,
Tỷ-kheo ấy mát lạnh,
Không chấp thủ tái sanh,
Nhiếp phục được ma vương,
Trận chiến đã chiến thắng,
Vị Tỷ-kheo như vậy,
Vượt qua mọi sanh hữu.

CHƯƠNG IV
PHẨM MEGHIYA

(I) (Ud 34)

Như vầy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở *Càlikà,* tại núi *Càlikà* Lúc bấy giờ Tôn giả *Meghiya* là người thị giả Thế Tôn. Rồi Tôn giả *Meghiya* đi đến Thế Tôn, sau khi đến đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên Tôn giả *Meghiya* bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, con muốn vào làng *Jantu* để khất thực.

- Này *Meghiya*, hãy làm những gì Thầy nghĩ là hợp thời.

Rồi Tôn giả *Meghiya*, vào buổi sáng đắp y, cầm bát đi vào làng *Jantu* để khất thực. Khất thực ở làng *Jantu* xong, sau buổi ăn, khi khất thực trở về, đi đến bờ sông *Kimikàkà*, sau khi đến, bộ hành qua lại trên bờ sông *Kimikàlà*, thấy rừng xoài tươi đẹp, khả ái, thấy vậy Tôn giả *Meghiya* suy nghĩ: "Thật tươi đẹp thay, khả ái thay rừng xoài này. Rừng xoài này thật là vừa đủ để một thiện nam tử tinh cần, hành trì hạnh tinh cần. Nếu Thế Tôn cho phép ta, ta sẽ đến rừng xoài này để tinh cần hành trì". Rồi Tôn giả *Meghiya* đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên, ngồi xuống một bên, Tôn giả Meghiya bạch Thế Tôn:

- Ở đây, bạch Thế Tôn, con vào buổi sáng đắp y, cầm bát đi vào làng *Jantu* để khất thực. Khất thực ở *Jantu* xong, sau buổi ăn, khi đi khất thực trở về, con đi đến bờ sông *Kimikàlà,* sau khi đến, con bộ hành qua lại trên bờ *sông Kimikàlà,* con thấy rừng xoài tươi đẹp, khả ái, thấy vậy, con suy nghĩ: "Thật tươi đẹp thay, khả ái thay là rừng xoài này. Rừng xoài này thật là vừa đủ để một thiện nam tử tinh cần, hành trì hạnh tinh cần". Nếu Thế Tôn cho phép con, con sẽ đi đến rừng xoài ấy để tinh cần hành trì.

Được nói vậy, Thế Tôn nói với Tôn giả *Meghiya:*

- Hãy chờ đợi, này *Meghiya.* Chúng ta nay chỉ có một mình, chờ cho đến khi một Tỳ-kheo khác đến!.

Lần thứ hai, Tôn giả *Meghiya* bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, đối với Thế Tôn, không có gì cần phải làm thêm nữa, không có gì cộng thêm vào việc đã làm. Nhưng đối với con, bạch Thế Tôn, có việc cần phải làm thêm nữa, có việc cộng thêm vào việc đã làm. Bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn cho phép con, con sẽ đi đến rừng xoài này để tinh cần tu hành.

Lần thứ hai, Thế Tôn nói với Tôn giả *Meghiya:*

- Hãy chờ đợi này Meghiya! Chúng ta nay chỉ có một mình, chờ cho đến khi một Tỷ-kheo khác đến.

Lần thưa ba, Tôn giả *Meghiya* bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, đối với Thế Tôn không có gì cần phải làm thêm nữa, không có gì cộng thêm vào việc đã làm... con sẽ đi đế rừng xoài này để tinh cần tu hành.

- Này *Meghiya*, khi Thầy nói tinh cần, thời Ta có thể nói gì được! Này *Meghiya,* nay Thầy hãy làm những gì Thầy nghĩ là hợp thời!.

Rồi Tôn giả *Meghiya* từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài đi đến rừng xoài ấy, sau khi đến, đi sâu vào rừng xoài và ngồi trú ban ngày dưới một gốc cây. Trong khi Tôn giả Meghiya trú trong rừng xoài ấy, phần lớn ba tâm ác, không thiện hiện hành, tức là dục tầm, sân tầm, hại tầm.

Rồi Tôn giả *Meghiya* suy nghĩ như sau: "Thật vi diệu thay, thật hi hữu thay! Ta vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, lại bị ba tâm ác, không thiện này xâm nhập, tức là dục tầm, sân tầm, hại tầm". Rồi Tôn giả *Meghiya* vào buổi chiều từ thiền tịnh đứng dậy, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Meghiya bạch Thế Tôn:

- Ở đây, bạch Thế Tôn, trong khi con sống trong rừng xoài ấy, phần lớn ba tầm ác, không thiện hiện hành, tức là dục tầm, sân tầm, hại tầm. Bạch Thế Tôn, rồi con suy nghĩ như sau: "Thật vi diệu thay... hại tầm".

- Này *Meghiya*, khi tâm giải thoát chưa được thuần thục, năm pháp đưa đến sự thuần thục. Thế nào là năm? Ở đây thiện bạn hữu, thiện thân hữu là pháp thứ nhất, này *Meghiya,* khiến tâm giải thoát chưa thuần thục đi đến thuần thực. Lại nữa, này *Meghiya,* Tỷ-kheo giữ giới, sống chế ngự với sự chế ngự của giới bổn *Pàtimokha*, đầy đủ uy nghĩ chánh hạnh, thấy sợ hãi trong những lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập trong các học pháp. Đây là pháp thứ hai, này *Meghiya*, khiến tâm giải thoát chưa thuần thục, đi đến thuần thục. Lại nữa, *này Meghiya,* phàm có những câu chuyện nào nghiêm túc, thích ứng khai mở tâm, đưa đến nhất hướng nhàm chán, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn, như câu chuyện về ít dục, câu chuyện về biết đủ, câu chuyện về viễn ly, câu chuyện về hòa hợp, câu chuyện về tinh cần, tinh tấn, câu chuyện về giới luật, câu chuyện về thiền định, câu chuyện về trí tuệ, câu chuyện về giải thoát, câu chuyện về giải thoát tri kiến. Những câu chuyện như vậy có thể được không có khó khăn, có thể được không có mệt nhọc, có thể được không có phí sức. Đây là giải pháp thứ ba, này *Meghiya*, khiến cho tâm giải thoát chưa thuần thục đi đến thuần thục. Lại nữa, này *Meghiya,* vị Tỷ-kheo sống tinh cần, tinh tấn, để đoạn tận các pháp không thiện, để làm sanh khởi các pháp thiện, kiên trì, cương quyết, không từ bỏ gánh nặng đối với pháp thiện. Đây là pháp thứ tư, này *Meghiya*, khiến cho tâm giải thoát chưa thuần thục, đi đến thuần thục. Lại nữa, này *Meghiya,* vị Tỷ-kheo có trí tuệ, đầy đủ trí tuệ, đi đến thẩm sát sanh diệt, với Thánh thể nhập đưa đến đoạn tận khổ đau. Đây là pháp thứ năm. Này *Meghiya*, khiến tâm thoát chưa thuần thục đi đến thuần thục. Này *Meghiya*, đây là năm pháp khiến tâm giải thoát chưa thuần thục đi đến thuần thục.

Này *Meghiya,* với vị Tỷ-kheo thiện thân hữu, thiện bạn hữu, thiện bằng hữu, được chờ đợi là vị ấy sẽ giữ giới, sẽ sống chế ngự với sự chế ngự của giới bổn *Pàtimokkha*, đầy đủ uy nghi chánh hạnh thấy sợ hãi trong các lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và tu tập trong các học pháp. Với vị Tỷ-kheo thiện thân hữu, thiện bạn hữu, thiện bằng hữu, sẽ giữ giới, sẽ sống chế ngự... tu tập trong các học pháp, được chờ đợi là phàm có những câu chuyện nào nghiêm túc, thích ứng, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Như câu chuyện về ít dục, câu chuyện về viễn ly, câu chuyện về hòa hợp, câu chuyện về tinh cần tinh tấn, câu chuyện về giới luật, câu chuyện về thiền định, câu chuyện về trí tuệ, câu chuyện về giải thoát, câu chuyện về giải thoát tri kiến; những câu chuyện như vậy có thể có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức. Với vị Tỷ-kheo thiện thân hữu, thiện bạn hữu, thiện bằng hữu, được chờ đợi là vị ấy sống tinh cần, tinh tấn để đoạn tận các pháp không thiện, để làm sanh khởi các pháp thiện, kiên trì, cương quyết, không từ bỏ gánh nặng đối với pháp thiện. Với vị Tỷ-kheo thiện thân bằng hữu, thiện bạn hữu, thiện bằng hữu, được chờ đợi là vị Tỷ-kheo sẽ có trí tuệ, đầy đủ trí đi đến thẩm sát sanh diệt với thánh thể nhập đưa đến đoạn tận khổ đau.

Lại nữa, này *Meghiya*, với vị Tỷ-kheo khéo an trú trong năm pháp này, bốn pháp cần phải tu tập thêm: Bất tịnh cần phải tu tập để đoạn tận tham; Từ cần phải tu tập để đoạn tận sân; Niệm hơi thở vô hơi thở ra cần phải tu tập để trừ khử tầm tư; Vô thường tưởng cần phải tu tập để nhổ lên kiêu mạn, tôi là. Này Meghiya, với ai có tưởng vô thường, tưởng vô ngã được an trú. Với ai có tưởng vô ngã, vị ấy đạt được

sự nhổ lên kiêu mạn: tôi là, Niết-bàn ngay trong hiện tại.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

1. Các tầm nhỏ tế nhị,
Hiện hành ý hoan hỷ,
Do không biết đến chúng,
Tâm động chạy nhiều đời,
Nếu biết chúng tầm tư,
Nhiệt tâm và chánh niệm,
Chế ngự được tư tưởng,
Khi ý không hoan hỷ,
Bậc Chánh giác bỏ chúng,
Không còn chút dư tàn.

(II) (Ud 37)

Như vầy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở *Kusinàra*, tại *Upavatama*, trong ngôi rừng *Pàla* của dân chúng *Mallà*. Lúc bấy giờ nhiều Tỷ-kheo, đang sống trong những cốc ở trong rừng không xa Thế Tôn bao nhiêu, tháo động, kiêu căng, dao động, lắm mồm, lắm miệng, lắm lời, thất niệm, không tỉnh giác, không định tĩnh, tâm tán loạn, các căn thả lỏng. Thế Tôn thấy số đông các Tỷ-kheo ấy, đang sống trong những cốc ở trong rừng, tháo động, kiêu căng, dao động, lắm mồm, lắm miệng, lắm lời, thất niệm, không tỉnh giác, không định tĩnh, tâm tán loạn, các căn thả lỏng.

Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

2. Với thân không hộ trì,
Với tà kiến chi phối,
Bị hôn trầm thụy miên,
Nhiếp phục và chế ngự,
Kẻ ấy bị rơi vào
Uy lực của Ma vương
Do vậy hộ trì tâm,
Sở hành chánh tư duy,
Đặt chánh kiến hàng đầu,
Rõ biết tánh sanh diệt,
Nhiếp phục và chế ngự,
Hôn trầm và thụy miên
Vị Tỷ-kheo như vậy,
Từ bỏ mọi ác thú.

(III) (Ud 38)

Như vầy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn đang bộ hành giữa dân chúng *Kosala* với đại chúng Tỷ-kheo. Rồi Thế Tôn từ con đường bước xuống, đi đến một gốc cây, sau khi đến ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Hỏi một kẻ chăn bò đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn với pháp thoại trình

bày, khích lệ, làm cho phấn chấn, làm cho hoan hỷ người chăn bò đang ngồi một bên ấy. Rồi người chăn bò ấy, sau khi được Thế Tôn, với pháp thoại trình bày, khích lệ, làm cho phấn chấn, làm cho phấn khởi, bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn nhận lời, ngày mai đến dùng cơm với chúng Tỷ-kheo". Thế Tôn im lặng nhận lời. Rồi người chăn bò ấy, sau khi biết Thế Tôn đã nhận lời, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

Rồi người chăn bò ấy, sau khi đêm ấy đã mãn, sau khi dự trữ sẵn sàng một số lớn cơm sữa đặc và bơ tươi và báo thời giờ cho Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời, cơm đã sẵn sàng.

Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm bát đi đến trú xứ của người chăn bò ấy, với chúng Tỷ-kheo, sau khi đến ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Người chăn bò ấy, tự tay mời, làm cho thỏa mãn chúng Tỷ-kheo với đức Phật là vị cầm đầu, với cơm sữa đặc và bơ tươi. Rồi người chăn bò, khi đức Phật đã dùng xong, tay đã rời khỏi bát, liền lấy một ghế ngồi thấp, ngồi xuống một bên, Thế Tôn với pháp thoại, trình bày, khích lê, làm cho phấn chấn, làm cho hoan hỷ, người chăn bò đang ngồi một bên, từ chỗ ngồi đứng dậy rồi ra đi. Thế Tôn ra đi không bao lâu, có người đoạt mạng sống người chăn bò ấy tại biên giới của làng. Rồi một số đông Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn, sau khi đến đảnh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, hôm nay chúng Tỷ-kheo với đức Phật là vị dẫn đầu đã được người chăn bò ấy tự tay mời ăn và làm cho thỏa mãn với cơm sữa đặc và bơ tươi. Người chăn bò ấy, bạch Thế Tôn, đã bị một người đoạt mạng sống tại biên gioi của làng.

Thế Tôn sau khi biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

3. Nếu có độc ác gì,
Kẻ thù hại người thù,
Tâm định hướng tà vạy,
Còn làm ác hơn nữa.

(VI) (Ud 39)

Như vầy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn ở *Ràjagaha*, tại *Veluvana* chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Lúc bấy giờ Tôn giả *Sàriputta* và Tôn giả *Mahà Moggallàna* trú ở động chim bồ câu. Lúc bấy giờ Tôn giả *Sàriputta*, trong đêm có sáng trăng, ngồi giữa trời với tóc mới được cạo xong, đang nhập định. Có hai Dạ-xoa là bạn với nhau đang đi từ phương Nam lên phương Bắc vì một vài công việc. Các Dạ-xoa ấy thấy Tôn giả *Sàriputta* trong đêm có sáng trăng, ngồi giữa trời với tóc mới cạo xong.

Thấy vậy, một Dạ-xoa nói với Dạ-xoa thứ hai: "Này bạn, ta có ý muốn đánh trên đầu vị Sa-môn này". Được nghe nói vậy, vị Dạ-xoa này nói với Dạ-xoa ấy: "Chớ có làm, này bạn, không làm gì được với vị Sa-môn! Này bạn, Sa-môn ấy vĩ đại, có đại thần lực, có đại uy lực " Lần thứ hai, vị Dạ-xoa ấy nói vị Dạ-xoa này: "Này bạn, ta có ý muốn đánh trên đầu vị Sa-môn này". Lần thứ hai, vị Dạ-xoa này nói với vị Dạ-xoa ấy: "Chớ có làm, này bạn, không làm gì được với vị Sa-môn!. Này bạn, Sa-môn ấy vĩ đại, có đại thần lực, có đại uy lực". Lần thứ ba, vị Dạ-xoa ấy, nói với vị Dạ-xoa này: "Này bạn, ta có ý muốn đánh trên đầu của vị Sa-môn này". Lần thứ ba, vị Dạ-xoa này nói với vị Dạ-xoa ấy: "Chớ có làm này bạn,

không làm gì được với vị Sa-môn. Này bạn, Sa-môn ấy vĩ đại, có đại thần lực, có đại uy lực".

Rồi Dạ-xoa ấy không nghe theo, Dạ-xoa này liền đánh trên đầu Tôn giả *Sàriputta.* Với cái đánh này, có thể làm ngã con voi bảy đến tám khuỷu tay cao hay làm bể tan ngọn núi lớn. Ngay lúc ấy, Dạ-xoa ấy hét lớn: "Tôi bị cháy! Tôi bị cháy! " và rơi vào đại địa ngục.

Tôn giả *Mahà Moggallàna* với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, thấy Tôn giả *Sàriputta* bị đánh trên đầu, thấy vậy liền đến Tôn giả *Sàriputta*, sau khi đến, nói với Tôn giả *Sàriputta:*

- Mong rằng Hiền giả có thể kham nhẫn! Mong rằng Hiền giả có thể chịu đựng. Mong rằng Hiền giả không có đau đớn!

- Này Hiền giả *Moggallàna,* tôi có thể kham nhẫn! Hiền giả *Moggallàna,* tôi có thể chịu đựng! Hiền giả *Moggallàna*, nhưng đầu tôi có đau.

- Thật vi diệu thay, Hiền giả *Sàriputta!*. Hiền giả *Sàriputta* thật có thần lực lớn, thật có uy lực lớn! Ở đây, thưa Hiền giả Sàriputta, có con Dạ-xoa đánh trên đầu Hiền giả, đánh thật mạnh. Với cái đánh ấy, có thể làm ngã con voi bảy đến tám khuỷu tay cao, hay làm bể tan ngọn núi lớn và Tôn giả *Sàriputta* đã nói như sau: "Này Hiền giả *Moggallàna,* tôi có thể kham nhẫn! Này Hiền giả *Moggallàna*, tôi có thể chịu đựng! Nhưng tôi có hơi đau đầu!" Thật vi diệu thay, Hiền giả *Moggallàna!* Thật hy hữu thay Hiền giả *Moggallàna!* Có đại thần lực là tôn giả *Mahà Moggallàna*, có đại uy lực, vì rằng Hiền giả có thể thấy được Dạ-xoa, nhưng tôi này không thấy được một con quỷ đói.

Thế Tôn với Thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân, nghe được câu chuyện như vậy giữa hai vị long tượng ấy.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

> *4. Tâm ai như tảng đá,*
> *An trú không dao động,*
> *Không tham vật khả ái,*
> *Đáng phẫn nộ, không sân,*
> *Tâm ai tu như vậy,*
> *Từ đâu khổ đến được?*

(V) (Ud 41)

Như vầy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở *Kosambi*, tại khu vườn *Ghosita.* Lúc bấy giờ Thế Tôn sống bị các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ, các vua, các đại thần của vua, các ngoại đạo, các đệ tử ngoại đạo quấy rầy, bị quấy rầy nên khổ, không có thoải mái an ổn. Rồi Thế Tôn suy nghĩ như sau: "Nay Ta sống bị các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni... quấy rầy, vì bị quấy rầy nên khổ, không có thoải mái an ổn. Vậy Ta hãy sống một mình, xa rời đại chúng".

Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm bát đi vào *Kosambi* để khất thực. Khất thực ở *Kosambi* xong, sau buổi ăn, khi đi khất thực trở về, liền dọn dẹp sàng tọa của mình, cầm y bát, không nói cho thị giả biết, không báo cho chúng Tỷ-kheo biết, một mình không có người thứ hai ra đi, bộ hành hướng đến *Pàlileyyaka,* tiếp tục bộ hành và đi đến *Pàlileyyaka*. Tại đây, Thế Tôn sống ở *Pàlileyyaka*, khóm rừng *Rakkhita*, dưới gốc cây *Sàla Bhadda*.

Rồi một con voi, bị các con voi, các con voi cái, các con voi con, các con voi còn bú quấy rầy, ăn cỏ với đầu ngọn bị cắt đứt, ăn các cành cây bị gẫy, uống nước bị vẩn đục, khi hụp lặn xong lên khỏi nước nó bị các con voi cái cọ xát thân hình, vì bị quấy rầy nên khổ, không có thoải mái an ổn. Rồi con voi ấy suy nghĩ: "Ta bị các con voi, các con voi cái... Ta vì bị phiền quấy rầy nên khổ, không có thoải mái, an ổn. Vậy Ta hãy sống một mình, xa rời khỏi đàn voi".

Rồi con voi ấy, rời khỏi đàn voi, đi đến *Pàlileyyaka*, tại khóm rừng *Rakkita*, ở gốc cây *sàla Bhadda*. Tại đấy, con voi ấy tại chỗ nào Thế Tôn ở, tại chỗ ấy nó dọn sạch cỏ với cái vòi của mình, đem nước uống, đồ ăn để Thế Tôn dùng.

Rồi Thế Tôn trong khi sống độc cư thiền định, tư tưởng như sau được khởi lên: "Ta trước đây bị các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni... quấy rầy không có thoải mái an ổn. Nay Ta sống không có bị các Tỷ-kheo... không có bị các ngoại đạo, đệ tử các ngoại đạo quấy rầy, vì không bị quấy rầy, Ta sống an lạc thoải mái".

Còn con voi ấy cũng khởi lên suy nghĩ như sau: "Trước đây ta sống bị các con voi.. quấy rầy, vì bị quấy rầy nên khổ, không có thoải mái an ổn. Nay ta sống không bị các con voi... quầy rầy. Ta ăn cỏ với đầu ngọn không bị cắt đứt, ăn các cành cây không bị bẽ gãy, uống nước không bị vẫn đục, khi hụp lặn xong lên khỏi nước, ta không bị các con voi cái cọ xát thân hình, ta không bị quấy rầy nên sống an lạc, thoải mái an ổn".

Rồi Thế Tôn, sau khi biết hạnh viễn ly của mình, với tâm của mình biết được tâm của con voi ấy, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

> *5. Đây là voi với voi,*
> *Với voi có ngà lớn*
> *Với tâm điều phục tâm,*
> *Một mình vui thích rừng.*

(VI) (Ud 42)

Như vầy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở *Sàvatthi*, tại *Jetavana*, khu vườn ông *Anàthapindika.* Lúc bấy giờ Tôn giả *Pindolabhàradvàja* ngồi không xa Thế Tôn bao nhiêu, ngồi kiết-già lưng thẳng, sống ở rừng, đi khất thực, mặc y lượm từ đống rác, chỉ mang ba y, ít dục, biết đủ, viễn ly, không ưa thích hội họp, tinh cần tinh tấn, nói hạnh đầu đà, chú tâm vào tăng thượng tâm. Thế Tôn thấy Tôn giả *Pindolabhàradvàja* ngồi không xa bao nhiêu, ngồi kiết già lưng thẳng... chú tâm vào tăng thượng tâm.

Rồi Thế Tôn sau khi rõ biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

> *6. Không mắng, không gia hại,*
> *Chế ngự trong giới bổn,*
> *Tiết độ trong ăn uống,*
> *Nằm ngồi chỉ một mình,*
> *Chú tâm vào tăng thượng,*
> *Chính lời chư Phật dạy.*

(VII) (Ud 43)

Như vầy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở *Sàvatthi*, tại *Jetavana*, khu vườn ông *Anàthapindika*. Lúc bấy giờ Tôn giả *Sàriputta* ngồi không xa Thế Tôn bao nhiêu, kiết-già lưng thẳng, ít dục, biết đủ, viễn ly, không ưa hội họp, tinh cần tinh tấn, chú tâm vào tăng thượng tâm. Thế Tôn thấy Tôn giả *Sàriputta* ngồi không xa bao nhiêu, kiết già lưng thẳng, ít dục, biết đủ, viễn ly, không ưa hội họp, tinh cần tinh tấn, chú tâm vào tăng thượng tâm.

Rồi Thế Tôn sau khi biết ý nghĩa này, ngay lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

7. Tâm tăng thượng ẩn sĩ,
Không phóng dật, tu tập,
Trên con đường chánh trí,
Vị ấy không cầu muộn,
Luôn luôn được an tịnh,
Thường nắm giữ chánh niệm.

(VIII) (Ud 44)

Như vầy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở *Sàvatthi*, tại *Jetavana*, khu vườn ông *Anàthapindika*. Lúc bấy giờ Thế Tôn được cung kính, tôn trọng, đảnh lễ, cúng dường, tôn kính nhận được các vật dụng như y, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Chúng Tỷ-kheo cũng được cung kính, tôn trọng, đảnh lễ, cúng dường tôn kính, cũng nhận được các vật dụng như y, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Nhưng các du sĩ ngoại đạo không được cung kính... Cũng không nhận được các vật dụng như y, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Các du sĩ ngoại đạo ấy, không có thể chịu nổi sự cung kính đối với Thế Tôn và chúng Tỷ-kheo, đi đến nữ du sĩ *Sundari,* sau khi đến, nói với nữ du sĩ *Sundari:*

- Này chị, chị có thể làm lợi ích cho các bà con?

- Thưa các Tôn giả, con có thể làm gì? Việc gì con có thể làm được? Đời sống của con là một vật hy sinh cho các bà con.

- Vậy Chị hãy thường đi đến *Jetavana.*

- Thưa vâng, các Tôn giả.

Nữ du sĩ *Sundari*, sau khi vâng đáp các du sĩ ngoại đạo ấy thường xuyên đi đến Jetavana. Khi các du sĩ ngoại đạo ấy được biết rằng nữ du sĩ *Sundari* được nhiều người thấy thường xuyên đi đến *Jetavana*, họ đoạt mạng sống của nữ du sĩ *Sundari*, tại đấy, chôn nàng vào cái hố trong các mương của *Jetavana*, rồi đi đến Vua *Pasenadi* nước *Kosala*, sau khi đến thưa với vua *Pasenadi nước Kosala:*

- Thưa Đại vương, nữ du sĩ *Sundari* không được thấy nữa.

- Nhưng các Người nghĩ ở tại đâu?

- Ở tại *Jetavana*, thưa Đại vương.

- Vậy hãy đi tìm ở *Jetavana.*

Các du sĩ ngoại đạo ấy đi tìm ở *Jetavana*, đào mương tại chỗ đã quăng nàng xuống, đặt nàng trên

giường, đi vào *Sàvatthi* từ đường này đến đường khác, từ ngã ba đường này đến ngã ba đường khác, họ làm cho dân chúng tức giận nói rằng: "Các Ông hãy xem công việc làm của các Thích tử! Vô liêm sỉ là các Sa-môn Thích tử này, theo ác giới, theo ác pháp, nói láo, không Phạm hạnh họ tự cho là sống đúng pháp, sống thăng bằng, sống Phạm hạnh, nói lời chân thật, giữ giới, theo thiện pháp. Không có Sa-môn hạnh trong những vị này. Không có Bà-la-môn hạnh trong những vị này. Từ đâu họ có Sa-môn hạnh? Từ đâu họ có Bà-la-môn hạnh? Sa-môn hạnh của họ đã đi mất. Sau khi làm xong phận sự của đàn ông, họ đoạt mạng sống của nữ nhân này".

Lúc bấy giờ, các người ở *Sàvatthi*, khi thấy các Tỷ-kheo, với những lời không tốt, ác độc, mắng nhiếc, mạ lỵ, phỉ báng, bức não nói rằng: "Vô liêm sỉ là các Sa-môn Thích tử này, theo ác giới, theo ác pháp... họ đoạt mạng sống của nữ nhân này".

Rồi một số đông Tỷ-kheo vào buổi sáng đắp y cầm bát, vào *Sàvatthi* để khất thực, khất thực ở *Sàvatthi* xong, sau buổi ăn, đi khất thực trở về đi đến Thế Tôn, sau khi đi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên, ngồi một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Nay các người ở *Sàvatthi* khi thấy các Tỷ-kheo... họ đoạt mạng sống của nữ nhân này.

- Này các Tỷ-kheo, tiếng đồn này sẽ không còn tồn tại lâu dài, chỉ có một tuần thôi, sau một tuần sẽ biến mất.

Này các Tỷ-kheo, những ai thấy Tỷ-kheo... bức não, các Thầy hãy chỉ trích lại với bài kệ này:

8. Ai nói lời không thật,
Phải đi đến địa ngục,
Ai có làm lại nói
Việc ấy tôi không làm,
Cả hai sau khi chết,
Sẽ đồng đẳng như nhau.
Họ là những hạng người,
Làm các hạnh hạ liệt,
Trong một đời sống khác.

Rồi các Tỷ-kheo ấy sau khi học thuộc lòng bài kệ này từ nơi Thế Tôn, nếu có những người thấy các Tỷ-kheo với những lời không tốt, ác độc, mắng nhiếc, mạ lỵ, phỉ báng, bức não, các vị liền chỉ trích lại với bài kệ này: "Ai nói lời không thật... Trong một đời sống khác ", những người suy nghĩ như sau: "Các Thích tử Sa-môn không có phạm tội. Sự việc ấy không phải do họ làm. Các Sa-môn Thích tử này đã thề như vậy." Và lời nói ấy không có lâu dài, lời nói ấy chỉ có tồn tại có một tuần, sau một tuần được biến mất. Rồi nhiều Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn, sau khi đến đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi một bên, ngồi một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Bạch Thế Tôn, thật là khéo nói, lời này của Thế Tôn: "Này các Tỷ-kheo, tiếng đồ này sẽ không tồn tại lâu dài, chỉ có một tuần thôi, sau một tuần sẽ biến mất". Bạch Thế Tôn, tiếng đồn ấy đã biến mất.

Rồi Thế Tôn sau khi rõ biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

9. Người không biết chế ngự,
Với lời đâm người khác,
Giống như voi bị đâm,

Khi tham gia chiến trận.
Nghe những lời thô ác,
Tỷ-kheo hãy chịu đựng,
Giữ gìn không nói lên,
Tâm không có hiềm hận.

(IX) (Ud 45)

Như vầy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở *Ràjagaha*, tại Trúc Lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Lúc bấy giờ Tôn giả *Upasena Vangantaputta* trong khi độc cư thiền định, ý nghĩa như sau được khởi lên: "Thật lợi ích thay cho ta, thật khéo lợi ích thay cho ta, bậc Đạo sư của ta, bậc Thế Tôn của ta là bậc A-la-hán, Chánh-Đẳng-Giác. Chúng ta được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, trong Pháp Luật khéo nói. Các vị đồng Phạm hạnh với ta là những người có giới, theo thiện pháp. Chúng ta là những người làm đầy đủ trong giới luật. Chúng ta có thiền định. Chúng ta có nhất tâm, là bậc A-la-hán, đoạn tận các lậu hoặc, chúng ta có đại thần lực, đại uy lực. Hiền thiện là mạng sống của ta. Hiền thiện là sự chết của ta."

Rồi Thế Tôn với tâm của mình, biết được tâm của Tôn giả *Upasena Vangantaputta*, ngay trong lúc ấy nói lên lời cảm hứng:

10. Ai sống không nhiệt não
Khi chết không sầu muộn,
Bậc trí nếu thấy đường
Giữa sầu, không sầu muộn,
Tỷ-kheo đoạn hữu ái,
Tâm tư được an tịnh,
Luân hồi sanh tử tận,
Vị ấy không tái sanh.

(X) (Ud 46)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở *Sàvatthi*, tại *Jetavana*, khu vườn của ông *Anàthapindika*. Lúc bấy giờ, Tôn giả *Sàriputta* ngồi xa Thế Tôn không bao nhiêu, ngồi kiết-già, lưng thẳng, quán sát sự an tịnh của mình. Thế Tôn thấy Tôn giả *Sàriuptta*, ngồi xa Thế Tôn không bao nhiêu, ngồi kiết-già, lưng thẳng, quán sát sự an tịnh của mình.

Rồi Thế Tôn sau khi biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

11. Tỷ-kheo tâm an tịnh,
Chặt đứt dây sanh tử,
Luân hồi sanh tử tận,
Thoát khỏi ma trói buộc.

CHƯƠNG V
PHẨM TRƯỞNG LÃO SONA

(I) (Ud 47)

Như vầy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở *Sàvatthi,* tại *Veluvana,* chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Lúc bấy giờ, vua *Pasenadi* nước *Kosala* có mặt với hoàng hậu *Mallikà* trên lầu thượng của hoàng cung, rồi vua *Pasenadi* nước *Kosala* nói với hoàng hậu *Mallikà:*

- Này *Mallikà* có ai khác thân ái với hoàng hậu hơn là tự ngã của Hoàng hậu?

- Thưa Đại vương, không có khác thân ái với thiếp hơn là tự ngã của thiếp. Nhưng thưa Đại vương, có ai khác thân ái với Đại vương hơn là tự ngã của Đại vương?

- Này *Mallikà*, không có ai khác thân ái với ta hơn là tự ngã của ta.

Rồi vua *Pasenadi* nước *Kosala* bước xuống lầu và đi đến Thế Tôn, sau khi đến đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bê. Ngồi xuống một bên, vua *Pesenadi* nước *Kosala* bạch Thế Tôn:

- Ở đây, bạch Thế Tôn, con đi lên lầu thượng của hoàng cung với Hoàng hậu *Mallikà* và con nói với Hoàng hậu *Mallikà: "Này Mallikà*, có ai khác thân ái với Hoàng hậu hơn là tự ngã của Hoàng hậu?".

Khi được nói như vậy, bạch Thế Tôn, Hoàng hậu *Mallikà* trả lời với con: "Thưa Đại vương, không có ai khác thân ai với Thiếp hơn là tự ngã của Thiếp. Nhưng thưa Đại vương, có ai khác thân ái với Đại vương hơn là tự ngã của Đại vương? " Được nói vậy, bạch Thế Tôn, con trả lời cho Hoàng hậu *Mallikà*: Này *Mallikà*, không có ai khác thân ái với ta hơn là tự ngã của ta".

Rồi Thế Tôn, sau khi biết rõ ý nghĩa này trong lúc ấy liền nói lên bài kệ này:

1. Tâm ta đi cùng khắp,
Tất cả mọi phương trời,
Cũng không tìm thấy được,
Ai thân hơn tự ngã,
Tự ngã đối mọi người,
Quá thân ái như vậy,
Vậy ai yêu tự ngã,
Chớ hại tự ngã người.

(II) (Ud 48)

Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở *Sàvatthi*, tại *Jetavana*, chỗ khu vườn ông *Anàthapindika*. Rồi Tôn giả *Ananda*, vào buổi chiều, từ thiền định đứng dậy, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn, rồi ngồi một bên. Ngồi một bên, Tôn giả *Ananda* bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn. Thật hi hữu thay, bạch Thế Tôn. Thọ mạng ít thay, bạch Thế Tôn, là mẹ của Thế Tôn! Sau khi sanh Thế Tôn bảy ngày, mẹ Thế Tôn mệnh chung, được sanh ở cõi trời Đâu-

suất".

- Chính là như vậy, này *Ananda*! Thọ mạng ít thay là mẹ vị Bồ Tát. Sau khi sanh Thế Tôn bảy ngày, mẹ Thế Tôn mệnh chung, được sanh ở cõi trời Đâu suất! Thọ mạng ít thay là các bà mẹ của các Bồ Tát. Sau khi sanh bảy ngày, các bà mẹ của Bồ-tát mệnh chung, và được sanh lên cõi trời Đâu suất.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu rõ ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời kệ:

2. Tất cả hữu tình nào,
Sẽ có mặt ở đời,
Tất cả chúng sẽ đi,
Sau khi bỏ sắc thân,
Hiểu tất cả là vậy,
Bậc thiện sanh nhiệt tâm,
Sống đời sống Phạm hạnh.

(III) (Ud 49)

Như vầy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở *Ràjagha*, *Veluvana*, tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Lúc bấy giờ, một người bị bệnh hủi tên là *Suppabuddha*, nghèo đói, ăn xin, khốn cùng. Lúc bấy giờ, Thế Tôn với đại chúng đoanh vây, đang ngồi thuyết pháp. Người *hủi Suppabuddha* thấy từ đàng xa đại chúng đang tụ hội, thấy vậy liền suy nghĩ: "Không nghi ngờ gì nữa, ở đấy, có thể có chia phần cái gì ăn được, loại cứng hay loại mềm. Vậy ta hãy đi đến đại chúng ấy, mong rằng ta sẽ được chút gì ăn được, loại cứng hay loại mềm". Rồi người hủi *Suppabuddha* đi đến đại chúng ấy.

Người hủi *Suppabuddha* thấy Thế Tôn đang thuyết pháp cho đại chúng đang đoanh vây xung quanh, thấy vậy liền suy nghĩ: "Ở đây không có cái gì ăn được, loại cứng hay loại mềm để chia phần. Sa-môn *Gotama* này đang thuyết pháp cho hội chúng. Vậy ta hãy nghe pháp". Tại đấy, người hủi ngồi xuống và nghĩ: "Ta sẽ nghe pháp".

Rồi Thế Tôn, với tâm của mình duyên với tâm của toàn thể hội chúng tác ý rằng: "Ở đây, ai có thể hiểu được pháp". Thế Tôn thấy người hủi *Suppabuddha* đang ngồi trong hội chúng, thấy vậy liền suy nghĩ: "Ở đây, ngưòi này có thể hiểu pháp".

Vì người hủi *Suppabuddha*, Thế Tôn tuần tự thuyết pháp, tức là thuyết bố thí, thuyết về trì giới, thuyết về thiên giới, thuyết về sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự ô nhiễm cuả các dục, sự lợi ích của xuất ly. Khi Thế Tôn biết tâm của người hủi *Suppabuddha* đã sẵn sàng, đã nhu thuận không còn chướng ngại, được phấn khởi, được tín thành, liền thuyết pháp mà chư Phật đã chứng ngộ, tức là Khổ, Tập, Diệt, Đạo.

Cũng như tấm vải thuần bạch, được gội rửa các vết đen, sẽ rất dễ thấm màu nhuộm, cũng vậy chính tại chỗ ngồi này, pháp nhãn xa trần ly cấu khởi lên trong tâm người hủi *Suppabuddha*: "Phàm cái gì được khởi lên, tất cả đều bị đoạn diệt". Khi ấy người hủi *Suppabuddha* thấy pháp, chứng pháp, ngộ pháp, thể nhập vào pháp, nghi ngờ tiêu trừ, do dự diệt tận, chứng được tự tín, không y cứ nơi người khác đối với lời dạy của đức Bổn Sư, từ chỗ ngồi đứng dậy đi đến Thế Tôn, sau khi đến đảnh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, người hủi *Supabuddha* bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng

vào trong bóng tối để những ai có mặt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích, Bạch Thế Tôn, con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp, quy y chúng Tỳ-kheo, mong Thế Tôn nhận con làm đệ tử, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

Rồi người hủi *Suppabuddha* được Thế Tôn với bài pháp thoại thuyết giảng, khích lệ, làm cho phấn chấn, làm cho hoan hỷ, sau khi hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

Rồi một con bò húc vào người hủi *Suppabuddha* và đoạt mạng sống. Rồi nhiều Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn, sau khi đến đảnh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, người hủi tên *Suppabuddha* được Thế Tôn với bài pháp thoại thuyết giảng,, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ đã mạng chung. Sanh thú của vị ấy là gì? Tương lai của vị ấy thế nào?

- Này các Tỷ-kheo, Hiền trí là người hủi *Suppabuddha*, đã thực hành tuỳ pháp đúng pháp, không có làm phiền nhiễu Ta với những tranh luận về pháp. Người hủi *Suppabuddha* sau khi đoạn tận ba kiết sử, đã chứng được quả Dự lưu, không còn bị thối đọa, chắc chắn đạt được Chánh giác.

Khi nghe nói vậy một Tỷ-kheo bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn do nhân gì, do duyên gì, người hủi *Suppabuddha* lại là người nghèo đói, là người ăn xin, là người khốn cùng?

- Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, người hủi *Suppabuddha* là con một nhà triệu phú ở Ràjagaha khi đi ngang qua một khu vườn, vị ấy thấy đức Phật Độc giác *Tagarasikhi* đang đi vào thành khất thực. Thấy vậy, vị ấy suy nghĩ: "Ai là người hủi này lại đi dạo chơi " và vị ấy nhổ nước miếng và xây lưng phía trái rồi bỏ đi. Do hành động này của vị ấy được thuần thục, nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, nhiều trăm ngàn năm, vị ấy bị nấu trong địa ngục. Do sự thanh thục thêm nữa của nghiệp ấy, chính tại *Ràjagala* này, vị ấy là một người nghèo đói, là người ăn xin, là người khốn cùng! Nay vị ấy do y cứ vào pháp luật được Như Lai thuyết giảng, vị ấy được lòng tin, vị ấy được giới, vị ấy được nghe pháp, vị ấy được từ bỏ, vị ấy được trí tuệ, sau khi thân hoại mạng chung, vị ấy được sanh thiện thú, thiên giới, đời này, được cộng trú với chư Thiên ở cõi Ba mươi ba. Tại đấy, vị ấy chói sáng hơn các chư Thiên khác về dung sắc và danh xưng.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

> *3. Như người có mắt nhìn,*
> *Cố gắng tránh lồi lõm,*
> *Cũng vậy kẻ trí tránh,*
> *Điều ác giữa đời này.*

(IV) (Ud 50)

Như vầy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở *Sàvatthi*, tại *Jetavana*, ngôi vườn ông *Anàthapindika*. Lúc bấy giờ, nhiều thiếu niên giữa *Sàvatthi* và *Jetavana*, đang hành hạ các con cá. Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm bát đi vào *Sàvatthi* để khất thực. Thế Tôn thấy nhiều thiếu niên giữa *Sàvatthi* và *Jetavana* đang hành hạ các

con cá, thấy vậy đi đến các thiếu niên ấy, sau khi đến nói với chúng:

- Này các Thiếu niên, các Em có sợ đau khổ không? Các Em không ưa thích khổ phải không?".

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn, chúng con sợ đau khổ. Chúng con không ưa thích khổ.

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

4. Nếu con không ưa khổ,
Dầu bất cứ chỗ nào,
Chớ làm các nghiệp ác,
Trước mặt hay sau lưng
Nếu Con làm, sẽ làm,
Các nghiệp ác, bất thiện,
Con không giải thoát khổ,
Dầu nhảy vọt và chạy.

(V) (Ud 51)

Như vầy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở *Sàvatthi*, tại *Dubbarà*, trong lầu mẹ của *Migàra.* Lúc bấy giờ Thế Tôn, vào ngày trai giới đang ngồi có chúng Tỷ-kheo đoanh vây. Rồi Tôn giả *Ananda*, sau khi đêm đã gần mãn, canh một sắp qua, từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp y vào một bên vai, chắp tay hướng dẫn đến Thế Tôn, và Bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, đêm đã gần mãn, canh một đã sắp qua, chúng Tỷ-kheo ngồi đã lâu. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết giới bổn *Pàtimokkha* cho chúng Tỷ-kheo.

Khi được nói vậy, Thế Tôn giữ im lặng. Lần thứ hai, Tôn giả *Ananda*, khi đêm đã gần mãn, canh giữa đã sắp qua. Chúng Tỳ-kheo ngồi đã lâu. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết giới bổn *Pàtimokkha* cho chúng Tỷ-kheo.

Lần thứ hai, Thế Tôn giữ im lặng. Lần thứ ba, Tôn giả *Ananda*, khi đêm đã gần mãn, canh cuối đã sắp qua, rạng đông đã ló dạng đêm đã nở nụ cười, từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp y vào một bên vai, chắp tay hướng dẫn đến rồi bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, đêm đã gần mãn, canh cuối đã sắp qua, rạng đông đã ló dạng, đêm đã nở nụ cười, chúng Tỷ-kheo ngồi đã lâu. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết giới *Pàtimokkha* cho chúng Tỷ-kheo.

- Này *Ananda,* hội chứng không thanh tịnh. Rồi Tôn giả *Mahà Moggallàna* suy nghĩ: "Vì người nào mà Thế Tôn nói: 'Này *Ananda,* hội chúng này không thanh tịnh'?" Rồi Tôn giả *Mahà Moggallàna* với tâm của mình tác ý đến tâm toàn thể chúng Tỷ-kheo. Tôn giả *Mahà Moggallàna* thấy một người ác giới, theo ác pháp, không thanh tịnh, sở hành đáng nghi ngờ, hành động được che đậy, không phải Sa-môn tự xưng là Sa-môn, không theo Phạm hạnh tự xưng là Phạm hạnh, nội tâm hủ hóa, đầy ứ dục vọng, một đống rác ô uế đang ngồi giữa chúng Tỷ-kheo, thấy vậy từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến người ấy, sau khi đến nói với người ấy:

- Hiền giả hãy đứng dậy, Thế Tôn đã thấy Hiền giả. Hiền giả không được cộng trú với chúng Tỷ-kheo.

Người ấy giữ im lặng. Lần thứ hai, Tôn giả *Moggallàna* nói với người ấy:

- Hiền giã hãy đứng dậy. Thế Tôn đã thấy Hiền giả. Hiền giả không được cộng trú với chúng Tỷ-kheo.

Lần thứ hai, người ấy im lặng. Lần thứ ba, Tôn giả *Mahà Moggallàna*. Lần thứ ba, Hiền giả ấy im lặng. Rồi Tôn giả *Mahà Moggallàna* nắm tay người ấy, dắt tay khỏi ngoài cửa, gài then cửa lại, rồi đi đến Thế Tôn, sau khi đến, bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Hiền giả ấy đã bị con đuổi ra rồi. Hội chúng nay thanh tịnh Bạch Thế Tôn. Thế Tôn hãy thuyết giảng giới bổn *Pàtimokkha* cho chúng Tỷ-kheo.

- Thật vi diệu thay, *Moggallàna*! Thật hy hữu thay, *Moggallàna!* Cho đến khi bị cầm tay, người ngu si mới đi ra.

Rồi Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo:

- Này các Tỷ-kheo, bắt đầu từ nay Ta sẽ không làm *Uposastha* nữa, Ta sẽ không tụng đọc giới bổn *Pàtimokkha* nữa. Bắt đầu từ nay, các Thầy hãy làm *Uposastha*, các Thầy hãy tụng đọc giới bổn. Sự kiện không có được. Này các Tỷ-kheo, cơ hội không có được là Như Lai có thể làm *Uposastha* với hội chúng không thanh tịnh, có thể đọc giới bổn. Này các Tỷ-kheo, biển lớn có tám pháp vi diệu hy hữu này, do thấy chúng như vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn. Thế nào là tám?

Này các Tỷ-kheo, biển lớn tuần tự xuôi, tuần tự thuận hướng, tuần tự sâu dần, không có thình lình như một vực thẳm. Vì rằng, này các Tỷ-kheo, biển lớn tuần tự thuận xuôi, tuần tự thuận hướng, tuần tự sâu dần, không có thình lình như một vực thẳm. Này các Tỷ-kheo, đây là sự vi diệu chưa từng có thứ nhất. Do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, biển lớn đứng một chỗ, không có vượt qua bờ. Vì rằng, này các Tỷ-kheo, biển lớn đứng một chỗ, không có vượt qua bờ. Này các Tỷ-kheo, đây là sự vi diệu chưa từng có thứ hai. Do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, biển lớn không có chứa chấp xác chết. Nếu có xác chết trong biển lớn, lập tức bị quăng trên bờ hay vất lên đất liền. Vì rằng, này các Tỷ-kheo, biển lớn không có chứa chấp xác chết. Nếu có xác chết trong biển lớn, lập tức bị quăng lên bờ hay vất lên đất liền. Này các Tỷ-kheo, đây là vi diệu chưa từng có thứ ba. Do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, phàm có các con sông lớn nào, ví như sông Hằng, sông *Yamunà,* sông *Aciravati,* sông *Mahi*, các con sông ấy khi chảy đến biển liền bỏ tên họ cũ, trở thành biển lớn. Vì rằng phàm có con sông lớn nào, ví như sông Hằng, sông *Yamunà,* sông *Aciravati,* sông *Mahi*, các con sông ấy khi chảy đến biển liền bỏ tên họ cũ, trở thành biển lớn. Này các Tỷ-kheo, đây là vi diệu chưa từng có thứ tư. Do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo phàm có những dòng nước gì ở đời chảy vào biển lớn, phàm có những nước mưa từ trời rơi xuống, nhưng không vì vậy biển lớn được thấy có giảm tăng. Này các Tỷ-kheo vì rằng, phàm có dòng nước gì ở đời chảy vào biển lớn, phàm có những nước mưa từ trời rơi xuống, nhưng không vì vậy mà biển lớn được thấy có giảm tăng. Này các Tỷ-kheo, đây là vi diệu chưa từng có thứ năm. Do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, biển lớn chỉ có một vị là vị mặn. Này các Tỷ-kheo, đây là vi diệu, chưa từng có thứ sáu. Do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, biển lớn có nhiều châu báu, nhiều loại châu báu, ở đấy có những châu báu này như trân châu, ma ni châu, lưu ly, xa-cừ, ngọc bích, san-hô, bạc, vàng, ngọc đỏ, mã não. Vì rằng, này các Tỷ-kheo, biển lớn có nhiều châu báu, nhiều loại châu báu, ở đấy có những loại châu báu này như trân châu, ma-ni châu, lưu-ly, xa-cừ, ngọc bích, san hô, bạc, vàng, ngọc đỏ, mã não. Này các Tỷ-kheo, đây là vi diệu chưa từng có thứ bảy. Do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, biển lớn là trú xứ các loài sinh vật lớn. Tại đây có những sinh vật này như các con *timi, timingalà, timiramingalà*. Những loại *A-tu-la*, các loại *Nàgà*, các loại *Gandhabhà*. Trong biển lớn có các loại hữu tình dài một trăm do-tuần, hai trăm, ba trăm, bốn trăm, năm trăm do-tuần. Vì rằng, này các Tỳ-kheo, biển lớn là trú xứ các sanh vật lớn. Tại đây có những sinh vật này như các con *timi, timingalà, timiramingalà*. Những loại *A-tu-la*, các loại *Nàgà*, các loại *Gandhabhà*. Trong biển lớn có các loại hữu tình dài một trăm do-tuần, hai trăm, ba trăm, bốn trăm, năm trăm do-tuần. Này các Tỷ-kheo, đây là vi diệu chưa từng có thứ tám. Do thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có tám pháp, vi diệu chưa từng có trong Pháp và Luật này, do thấy chúng, thấy chúng, các Tỳ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này. Thế nào là tám?

Ví như, này các Tỷ-kheo, biển lớn tuần tự thuận xuôi, tuần tự thuận hướng, tuần tự sâu dần, không có thình lình như một vực thẳm. Cũng vậy này các Tỷ-kheo, trong Pháp và Luật này, các học pháp và tuần tự, các quả dị thục là tuần tự, các con đường là tuần tự, không có sự thể nhập chánh trí, thình lình. Này Paharada, vì rằng trong Pháp và Luật này, các học pháp là tuần tự, các quả dị thực là tuần tự, các con đường là tuần tự, không có sự thể nhập chánh trí thình lình. Này các Tỷ-kheo, đây là vi diệu chưa từng có thứ nhứt. Do thấy vậy, thấy vậy, Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

Ví như, này các Tỷ-kheo, biển lớn đứng một chỗ không có vượt qua bờ. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, khi các học pháp được Ta sửa soạn cho các đệ tử, các đệ tử của Ta, dầu cho vì nhân sinh mạng, cũng không vượt qua. Này các Tỷ-kheo, vì rằng các học pháp được Ta sửa soạn cho các đệ tử, các đệ tử của Ta, dầu cho vì nhân sinh mạng, cũng không vượt qua. Này các Tỷ kheo trong Pháp và Luật này, đây là Pháp vi diệu chưa từng có thứ hai. Do thấy vậy, thấy vậy, Tỷ-kheo thích thú, trong Pháp và Luật này.

Ví như, này các Tỷ-kheo, biển lớn không có chứa chấp xác chết. Nếu có xác chết trong biển lớn, lập tức bị quăng trên bờ hay vất lên đất liền. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, người nào là ác giới, theo ác pháp, sở hành bất tịnh đáng nghi ngờ, có những hành vi che đậy, không phải là Sa-môn nhưng tự nhận là Sa-môn, không sống Phạm hạnh nhưng tự nhận là có Phạm hạnh, nội tâm hôi hám, ứ đầy tham dục, tánh tình bất định. Chúng Tăng không sống chung với người ấy, lập tức hội họp lại và đuổi người ấy ra khỏi. Dầu cho người ấy có ngồi giữa chúng Tỷ-kheo tăng, nhưng người ấy sống xa chúng Tăng và chúng Tăng sống xa người ấy. Vì rằng này các Tỷ-kheo, người ấy là ác giới, theo ác pháp... tánh tình bất định... và chúng Tăng sống xa vị ấy. Này các Tỷ-kheo, trong Pháp và Luật này, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ ba. Do thấy vậy, thấy vậy, Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có các con sông lớn nào, ví như sông Hằng, sông *Yamunà*, sông *Aciracati*, sông *Sarabhù*, sông *Mahi*, các con sông ấy khi chảy đến biển, liền bỏ tên họ trước, trở thành biển lớn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có bốn giai cấp này: Sát-đế-lị, Bà-la-môn, Phệ-xá, Thủ-đà, sau khi từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia trong Pháp và Luật được Như Lai tuyên bố sau này, chúng từ bỏ tên và họ của chúng từ trước, và chúng trở thành những Sa môn Thích tử. Này các Tỷ-kheo, trong Pháp và Luật này, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ tư. Do thấy vậy, thấy vậy, Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và luật này.

Ví` như, này các Tỷ kheo, phàm có những dòng nước gì ở đời chảy vào biển lớn, phàm có những nước mưa từ trời rơi xuống, nhưng không vì vậy mà biển lớn có giảm tăng. Cũng vậy này các Tỷ Kheo, nếu

có những vị Tỷ kheo nhập vào Niết Bàn giới, không có dư y, Niết bàn giới cũng không vì vậy được thấy có giảm tăng. Này các Tỳ Kheo, nếu có nhiều vị Tỷ kheo nhập vào Niết Bàn giới không có dư y, Niết bàn giới cũng không vì vậy, được thấy có giảm tăng. Này các Tỷ-kheo, trong Pháp và Luật này, đây là vi diệu thứ năm. Do thấy vậy, thấy vậy, Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và luật này.

Ví như, này các Tỷ-kheo, biển lớn chỉ có một vị là vị mặn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, pháp này cũng chỉ có một vị là vị giải thoát. Này các Tỷ-kheo, trong Pháp và Luật này, đây là vi diệu chưa từng có thứ sáu. Do thấy vậy, thấy vậy, Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

Ví như, này các Tỷ-kheo, biển lớn có nhiều châu báu, ở đấy có những châu báu này, như trân châu, ma-ni châu, lưu-ly, xà-cừ, ngọc bích, san-hô, bạc, vàng, ngọc đỏ, mã-não. Cũng vậy này các Tỷ-kheo, Pháp và Luật này có nhiều châu báu, nhiều loại châu báu, ở đấy có những loại châu báu này, như Bốn niệm xứ, Bốn chánh cần, Bốn như ý túc, Năm căn, Năm lực, Bảy giác chi, Thánh đạo tám ngành. Này các Tỷ-kheo, vì rằng Pháp và Luật này có nhiều châu báu này như Bốn niệm xứ... Thánh đạo tám ngành. Này các Tỷ-kheo, trong Pháp và Luật này, đây là vi diệu chưa từng có thứ bảy. Do thấy vậy, thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

Ví như, này các Tỷ-kheo, biển lớn là trú xứ các loại sinh vật lớn, tại đấy có những sinh vật như các con *timi, timigalà, timiramingalà*, những loại *Asurà*, các loài *Nàgà,* các loài Gandhabbà. Trong biển lớn có các loài hữu tình dài một trăm, hai trăm, ba trăm, bốn trăm, năm trăm do-tuần. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Pháp và Luật này là trú xứ của các loại sinh vật lớn. Ở đấy có những sinh vật này. Bậc Dự lưu, bậc đang hướng đến chứng ngộ Dự lưu quả; bậc Nhất lai, bậc đang hướng đến chứng Nhất lai quả; bậc Bất lai, bậc đang hướng đến chứng Bất lai quả;bậc A-la-hán, bậc đang hướng đến chứng ngộ quả A-la-hán. Này các Tỷ-kheo, vì rằng Pháp và Luật này là trú xứ của các sinh vật lớn. Ở đấy có những sinh vật này... quả A-la-hán.

Này các Tỷ-kheo, trong Pháp và Luật này, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ tám. Do thấy vậy, thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

Này các Tỷ-kheo, đây là tám pháp vi diệu, chưa từng có trong Pháp và Luật này, do thấy vậy, thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong khi ấy, nói lên lời cảm hứng:

> *5. Che kín, trời có mưa,*
> *Mở rộng, trời không mưa,*
> *Do vậy, hãy mở rộng*
> *Cái gì bị che kín,*
> *Như vậy sẽ không mưa.*

(VI) (Ud 57)

Như vầy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở *Sàvatthi*, tại *Jetavana*, khu vườn ông *Anàthapindika*. Lúc bấy giờ, Tôn giả *Mahàkaccàna* trú ở giữa dân chúng *Avanti,* gần *Kuraraghara*, trên ngọn núi tên Pavatta. Lúc bấy giờ nam cư sĩ *Sona Kotikanna* là thị giả của Tôn giả *Mahàkaccàna.* Rồi nam cư sĩ *Sona Kotikanna* trong khi độc cư thiền định, tư tưởng như sau được khởi lên: "Như Tôn giả *Mahàkaccàna* thuyết pháp, thật không dễ dàng cho một người sống trong gia đình có thể thực hành một cách viên mãn Phạm hạnh thuần tịnh, trắng bạch như vỏ ốc. Vậy ta hãy cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia

đình". Nam cư sĩ *Sona Kotikanna* đi đến Tôn giả *Mahàkaccàna*, sau khi đến đảnh lễ Tôn giả rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, nam cư sĩ *Sona Kotikanna* thưa Tôn giả *Mahàakaccàna.*

- Thưa Tôn giả, ở đây trong khi con độc cư thiền tịnh... sống không gia đình. Thưa Tôn giả, Tôn giả hãy cho con xuất gia.

Nghe nói vậy, Tôn giả *Mahàkaccàna* nói với nam cư sĩ *Sona Kotikanna:*

- Này *Sona*, thật khó thay đời sống Phạm hạnh, ăn một bữa ăn, nằm một mình cho đến trọn đời. Này *Sona,* tại đây hãy sống trong gia đình, chú tâm vào lời dạy của chư Phật, tạm thời hiện tại sống Phạm hạnh, ăn một ngày một bữa, nằm ngủ một mình. Như vậy lòng ham muốn xuất gia của nam cư sĩ Sona Kotikanna được giảm nhẹ bớt.

Lần thứ hai, trong khi độc cư thiền định... sống không gia đình. Lần thứ hai nam cư sĩ *Sona Kotikanna* đi đến Tôn giả *Mahàkaccàna*..."... Hãy cho con xuất gia". Lần thứ hai, Tôn giả *Mahàkaccàna* nói với nam cư sĩ *Sona Kotipanna:*

- Này Sona, thật khó thay... được giảm nhẹ bớt. Lần thứ ba, nam cư sĩ Sona Kotikanna trong khi độc cư thiền định... sống không gia đình.

Lần thứ ba, nam cư sĩ *Sona Kotikanna* đi đến Tôn giả *Mahàkaccàna* và thưa "... Hãy cho con xuất gia". Rồi Tôn giả *Mahàkaccàna* cho nam cư sĩ *Sona Kotikanna* xuất gia. Lúc bấy giờ, tại *Avantisudakhhinàpatha*, có ít Tỷ-kheo. Rồi Tôn giả *Mahàkaccàna*, sau ba kỳ an cư mùa mưa, một cách khó khăn, một cách mệt nhọc tụ tập được một nhóm mười Tỷ-kheo và trao Đại giới cho Tôn giả Sona.

Tôn giả *Sona* sau khi an cư mùa mưa cô độc thiền tịnh, tư tưởng sau đây được khởi lên: "Ta chưa được thấy tận mắt Thế Tôn, tuy rằng ta có nghe Thế Tôn là vị như vậy, như vậy. Nếu vị Giáo thọ sư của ta cho phép ta sẽ đi đến yết kiến Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác". Rồi Tôn giả Sona vào buổi chiều từ độc cư thiền tịnh đứng dậy, đi đến Tôn giả *Mahàkaccàna*, sau khi đảnh lễ Tôn giả *Mahàkacàna* rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên Tôn giả *Sona* thưa với Tôn giả *Mahàkaccàna:*

- Thưa Tôn giả, trong khi con độc cư thiền tịnh, tư tưởng sau đây được khởi lên: "Ta chưa được thấy tận mặt Thế Tôn... Chánh Đẳng Giác".

- Lành thay, lành thay *Sona*! Hãy đi này *Sona*, để yết kiến Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh-Đẳng-Giác. Này Sona, người sẽ thấy Thế Tôn khả ái, khởi dậy lòng tin, các căn an tịnh, tâm ý thanh tịnh, đã đạt được an chỉ chế ngự tối thượng, bậc long tượng được điều phục, hộ trì, các căn nhiếp phục. Sau khi thấy, hãy nhân danh ta, cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn, hỏi thăm có ít bệnh, ít não nhẹ nhàng, khoẻ mạnh, an ổn không!.

- Thưa vâng, Tôn giả.

Tôn giả *Sona* hoan hỷ tín thọ lời dạy của Tôn giả *Mahàkaccàna*, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Tôn giả *Mahàkaccàna,* thân bên hữu hướng về Tôn giả dọn dẹp sàng tọa, cầm y bát bộ hành hướng về Tôn giả dọn dẹp sàng tọa, cầm y bát bộ hành hướng đến *Sàvatthi,* tiếp tục bộ hành đi đến *Sàvatthi,Jetavana,* khu vườn ông *Anàthapindika,* đến chỗ Thế Tôn, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả *Sona* bạch Thế Tôn:

- Bậc giáo thọ sư của con, bạch Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ, hỏi thăm... có an ổn không?

- Này Tỷ-kheo, Thầy có kham nhẫn được không? Thầy có sống dễ dàng không? Đi đường đến đây có mệt mỏi không? Khất thực có mệt mỏi không?

- Bạch Thế Tôn, con có thể kham nhẫn! Bạch Thế Tôn, con có thể sống dễ dàng. Bạch Thế Tôn, con đi đường không có mệt nhọc! Khất thực không có mệt nhọc.

Rồi Thế Tôn bảo Tôn giả *Ananda:*

- Này *Ananda,* hãy sửa soạn sàng tọa cho Tỷ-kheo mới đến này.

Tôn giả *Ananda* suy nghĩ: "Thế Tôn bảo ta: "Này *Ananda,* hãy sửa soạn sàng tọa cho Tỷ-kheo mới đến này". Như vậy Thế Tôn muốn ở chung một chỗ với Tỷ-kheo ấy. Như vậy Thế Tôn muốn ở chung với Tôn giả *Sona* ấy". Nên chỗ nào Thế Tôn ở, tại chỗ ấy Tôn giả *Ananda* sửa soạn sàng tọa cho Tôn giả *Sona.* Rồi Thế Tôn, sau khi ngồi ở ngoài trời đã quá khuya, rửa chân và đi vào tịnh xá. Tôn giả *Sona,* sau khi ngồi ngoài trời đã quá khuya, rửa chân và đi vào Tịnh xá. Rồi Thế Tôn, khi đêm đã gần sáng, thức dậy, Thế Tôn nói với Tôn giả Sona:

- Hãy nói pháp cho các Tỷ-kheo.

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả *Sona* vâng đáp Thế Tôn, đọc thuộc lòng mười sáu phần của phẩm tám một cách đầy đủ. Rồi Thế Tôn, sau khi Tôn giả *Sona* chấm dứt tụng đọc của mình, Thế Tôn cám ơn và nói:

- Lành thay, lành thay Tỷ-kheo! Tỷ-kheo đã khéo nắm giữ, khéo tác ý, khéo thọ trì toàn bộ mười sáu phần trong phẩm thứ tám. Người được đầy đủ thiện ngôn, minh bạch, phát ngôn rõ ràng, ý nghĩa minh xác. Này Tỷ-kheo, Thầy có bao nhiêu tuổi an cư mùa mưa?

- Bạch Thế Tôn, con có một tuổi an cư mùa mưa.

- Này Tỷ-kheo, vì sao Thầy lại để chậm như thế?

- Bạch Thế Tôn, đã lâu con thấy sự nguy hại trong các dục, sự bó buộc của đời sống gia đình, nhiều phận sự, nhiều công việc phải làm.

Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

> *6. Thấy nguy hại ở đời,*
> *Biết pháp không sanh y,*
> *Bậc Thánh không ưa ác,*
> *Bậc tịnh không ưa ác!*

(VII) (Ud 58)

Như vầy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở *Sàvatthi*, tại *Jetavana*, khu vườn của ông *Anàthapindika*. Lúc bấy giờ, Tôn giả *Kankharevata* ngồi không xa Thế Tôn bao nhiêu, ngồi kiết-già, lưng thẳng, tự mình quán sát sự thanh tịnh do vượt qua được nghi ngờ. Thế Tôn thấy Tôn giả *Kankharevata* ngồi không xa bao nhiêu, ngồi kiết-già, lưng thẳng tự mình quán sát sự thanh tịnh do vượt qua được nghi ngờ.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

7. Phàm những nghi hoặc gì,
Đời này hay đời sau,
Tự mình chưa cảm thọ,
Hay người khác cảm thọ,
Người hành thiền từ bỏ,
Hoàn toàn tất cả chúng,
Nhiệt tâm hành Phạm hạnh.

(VIII) (Ud 59)

Như vầy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở *Ràjagaha,* tại *Veluvana* chỗ nuôi các con sóc. Lúc bấy giờ, Tôn giả *Ananda* trong ngày trai giới, vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, vào *Ràjagaha* để khất thực. *Devadatta* thấy Tôn giả *Ananda* đi khất thực ở *Ràjagaha,* sau khi thấy, đi đến Tôn giả *Ananda* và nói với Tôn giả *Ananda.*

- Bắt đầu từ hôm nay, Hiền giả *Ananda,* ta sẽ làm lễ trai giới và sẽ tác thành các tăng sự, khác với Thế Tôn, khác với chúng Tỷ-kheo.

Tôn giả Ananda, sau khi đi khất thực ở *Ràjagaha,* sau buổi ăn, khi đi khất thực trở về, đi đến Thế Tôn, sau khi đến đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả *Ananda* bạch Theá Tôn:

- Ở đây, bạch Thế Tôn, con vào buổi sáng đắp y, cầm bát, vào *Ràjagaha* để khất thực. Bạch Thế Tôn, *Devadatta* thấy con đi khất thực ở *Ràjagaha*, thấy vậy liền đi đến con và nói: "Bắt đầu từ hôm nay, Hiền giả *Ananda*.. khác với chúng Tỷ-kheo!". Hôm nay, bạch Thế Tôn, *Devadatta* sẽ phá hòa hợp Tăng, làm lễ trai giới và hành các tăng sự.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

8. Dễ làm là việc lành,
Đối với kẻ làm lành;
Khó làm là việc ác,
Đối với kẻ làm lành;
Dễ làm là việc ác,
Đối với kẻ làm ác;
Khó làm là việc ác,
Đối với các bậc Thánh.

(IX) (Ud 60)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn bộ hành giữa dân chúng *Kosala* cùng với đại chúng Tỷ-kheo. Lúc bấy giờ, nhiều thanh niên Bà-la-môn, không xa Thế Tôn bao nhiêu, dùng những lời nhiếc mắng vượt đà quá xa. Thế Tôn thấy nhiều thanh niên, không xa bao nhiêu, dùng những lời nhiếc mắng, vượt đà quá xa.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

9. Lời nói của kẻ trí,
Khi bối rối luống cuống,
Rơi vào nhiều đề tài,
Nhiều lãnh vực sai khác,
Họ muốn miệng mở rộng,
Cái gì dắt dẫn họ,
Họ đâu có biết rõ.

(X) (Ud 61)

Như vầy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở *Sàvatthi*, tại *Jetavana,* khu vườn ông *Anàthapindika.* Lúc bấy giờ, Tôn giả *Cùlapanthaka* ngồi không xa Thế Tôn bao nhiêu, ngồi kiết già, lưng thẳng để niệm trước mặt. Thế Tôn thấy Tôn giả *Cùlapanthaka* ngồi không xa bao nhiêu, ngồi kiết già, lưng thẳng để niệm trước mặt.

Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

10. Với thân, tâm an trú,
Đứng, ngồi hay nằm xuống,
Tỷ-kheo an trú niệm,
Trước sau được thù thắng,
Trước sau được thù thắng,
Vượt tầm mắt ác ma.

CHƯƠNG VI
PHẨM CHƯA SANH ĐÃ MÙ

(I) (Ud 62)

Như vầy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở *Vesàli* tại Đại Lâm chỗ ngôi nhà có nóc nhọn. Rồi Thế Tôn vào buổi sáng, đắp y, cầm bát, đi vào *Vesàli* để khất thực. Khất thực ở *Vesàli* xong, sau buổi ăn, khi đi khất thực trở về, Thế Tôn gọi Tôn giả Ananda:

- Này *Ananda*, hãy cầm tọa cụ, Ta sẽ đi đến điện *Càpàla* để nghỉ ban ngày.

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả *Ananda* vâng đáp Thế Tôn, cầm tọa cụ và đi sau lưng Thế Tôn. Thế Tôn đi đến đền *Càpàla,* khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn, Thế Tôn nói với Tôn giả *Ananda:*

- Này *Ananda,* khả ái thay *Vesàli!* Khả ái thay *Vesàli!* Khả ái thay đền Udena! Khả ái thay đền *Gotamaka*! Khả ái thay đền *Sattambaka*! Khả ái thay đền *Bahuputta!* Khả ái thay đền *Sàrandada*! Khả ái thay đền *Càpàla*!

Này *Ananda,* những ai đã tụ tập Bốn như ý túc, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ địa, được an trú, tích lũy, khéo thực hành, nếu muốn, người ấy có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại. Này *Ananda,* nay Như Lai đã tu tập Bốn như ý túc, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ địa, được an trú, tích lũy, khéo thực hành. Này *Ananda,* nếu muốn Như Lai có thể sống đến một kiếp hay phần còn lại!

Nhưng Tôn giả *Ananda* không thể nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tướng quá rõ ràng của Thế Tôn, không thỉnh cầu Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp! Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người". Vì tâm Tôn giả bị Ma vương ám ảnh. Lần thứ hai... Lần thứ ba Thế Tôn nói với Tôn giả *Ananda:* "Này *Ananda*, khả ái thay *Vesàli*! Khả ái thay đền *Udena*! Khả ái thay đền *Gotamaka!* Khả ái thay đền *Sattambaka!* Khả ái thay đền *Bahyputta*! Khả ái thay đền *Sàrandada*! Khả ái thay đền *Càpàla*!... " Nhưng Tôn giả *Ananda* không thể nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tướng quá rõ ràng của Thế Tôn, không thỉnh cầu Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp! Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người!". Vì tâm Tôn giả bị Ma vương ám ảnh. Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả *Ananda:*

- Này *Ananda*, hãy đi và làm những gì Thầy nghĩ là hợp thời!.

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả *Ananda* vâng đáp Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài rồi ngồi xuống một gốc cây không xa bao nhiêu.

Tôn giả *Ananda* ra đi không bao lâu, Ác ma đi đến Thế Tôn, sau khi đến liền đứng một bên. Đứng một bên, Ác ma nói với Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, nay Thế Tôn hãy diệt độ! Thiện thệ hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ. Bạch Thế Tôn, đấy là lời Thế Tôn đã nói:

- Này Ác ma, Ta sẽ chưa diệt độ, khi nào những Tỷ-kheo của Ta chưa trở thành những đệ tử có tài năng được huấn luyện, đạt được tự tín, an ổn khỏi các khổ ách, nghe nhiều, trì pháp, thực hành Chánh pháp và tuỳ pháp, sống chánh hạnh, sống tùy pháp, sau khi học hỏi giáo lý từ Thầy của mình; khi nào họ chưa có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai mở, phân tích rõ ràng Chánh pháp; khi nào có tà đạo khởi lên, họ chưa có thể, sau khi chất vấn, khéo hàng phục một cách đúng pháp, chưa có thể thuyết pháp thần diệu.

- Bạch Thế Tôn, nay có những Tỷ-kheo, đệ tử của Thế Tôn có tài năng, được huấn luyện, đạt được tự tín, an ổn khỏi các khổ ách, nghe nhiều, trì pháp, thực hành Chánh pháp và tùy pháp, sống chánh hạnh, sống tùy pháp; sau khi học hỏi giáo lý từ Thầy của mình, họ tuyên bố diễn giảng trình bày, xác định, khai mở, phân tích và giải thích rõ ràng Chánh pháp. Khi có tà đạo khởi lên, sau khi chất vấn, họ khéo hàng phục một cách đúng pháp, thuyết pháp thần diệu. Bạch Thế Tôn, nay Thế Tôn hãy diệt độ; Thiện Thệ hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ Bạch Thế Tôn, đây là lời Thế Tôn đã nói.

- Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những Tỷ-kheo ni của Ta... Những nam cư sĩ của Ta... Những nữ cư sĩ của Ta chưa trở thành những đệ tử có tài năng... chưa có thể thuyết pháp thần diệu.

- Bạch Thế Tôn, nay có những Tỷ-kheo ni... Những nam cư sĩ... Những nữ cư sĩ đệ tử của Thế Tôn có tài năng, được huấn luyện, đạt được tự tín... có thể thuyết pháp thần diệu. Như vậy, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ! Bạch Thế Tôn,nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ! Bạch Thế Tôn, đây là lời Thế Tôn đã nói.

- Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào Phạm hạnh Ta giảng dạy chưa được thành tựu, thành đạt, phổ biến, quảng bá, biến mãn, nghĩa là được khéo giảng dạy, cho chư Thiên và loài Người.

- Bạch Thế Tôn, nay Phạm hạnh Thế Tôn giảng dạy đã được thành tựu, thịnh đạt, phổ biến, quảng bá, biến mãn, nghĩa được khéo giảng dạy cho chư Thiên và loài Người. Như vậy, nay Thế Tôn hãy diệt độ; Thiện Thệ hãy diệt độ! Bạch Thế Tôn! Nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ! Khi được nói vậy, Thế Tôn nói với Ác ma:

- Này Ác ma, hãy yên tâm, không bao lâu Như Lai sẽ diệt độ. Sau ba tháng bắt đầu từ hôm nay, Như Lai sẽ diệt độ.

Và tại đền *Càpàla*, Thế Tôn chánh niệm tỉnh giác, từ bỏ thọ hành, không duy trì mạng sống lâu hơn nữa. Khi Thế Tôn từ bỏ thọ hành, thời đại địa chấn động, ghê rợn, lông tóc dựng ngược, sấm trời vang dậy.

Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

1. Bậc ẩn sĩ từ bỏ,
Các hành động sanh hữu,
Sanh hữu có cân lượng,
Sanh hữu không cân lượng,
Ưa thích hướng nội tâm,
Thật định tỉnh an tịnh,
Phá đổ ngã sanh hữu,
Như cởi thoát áo giáp.

(II) (Ud 64)

Như vầy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn ở *Sàvatthi, t*ại Đông Viên, lâu đài mẹ của *Migàra*. Lúc bấy giờ Thế Tôn vào buổi chiều, từ độc cư thiền tịnh đứng dậy và đến ngồi tại một ngôi nhà nhỏ phía cửa ngoài.

Rồi vua *Pasenad*i nước *Kosala* đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Lúc bấy giờ bảy vị bện tóc, bảy vị Ni-kiền Tử, bảy vị lõa thể, bảy vị mặc một y và bảy vị du sĩ, với nách đầy lông, với móng tay dài, mang các dụng cụ khất sĩ, đã đi ngang qua Thế Tôn không xa bao nhiêu.

Rồi vua *Pasenadi* nước *Kosala,* từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp y một bên vai, quỳ xuống trên đầu gối tay mặt, chấp tay hướng về bảy vị bện tóc, bảy vị Ni-kiền Tử, bảy vị lõa thể, bảy vị mặc một y và bảy vị du sĩ ấy, nói lên ba lần tên của mình: "Thưa chư Tôn giả, con là vua *Pasenadi* nước *Kosala*!".

Rồi vua *Pasenadi* nước *Kosala*, khi bảy vị bện tóc, bảy vị Ni-kiền Tử, bảy vị Ni-kiền Tử, bảy vị lõa thể, bảy vị mặc một y, và bảy vị du sĩ ấy đã đi ngang qua không bao lâu, liền đi đến Thế Tôn, đảnh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, vua *Pasenadi* nước *Kosala* bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, có phải những Tôn giả ấy là những vị A-la-hán trên đời này, hay là những vị đang đi trên con đường hướng đến đạo quả A-la-hán?

- Thưa Đại vương, khi Đại vương còn là cư sĩ trong khi còn sống với gia đình, thọ hưởng dục lạc, bị vợ con trói buộc, quen dùng các loại chiên đàn ở xứ *Kàsi,* trang sức với vòng hoa, hương thơm, dầu sáp, thọ hưởng vàng và bạc thời Đại vương thật khó biết được các vị ấy là bậc A-la-hán hay là bậc đang đi con đường hướng đến A-la-hán quả. Thưa Đại vương, chính phải cộng trú mới biết được giới đức của một người và như vậy phải trong một thời gian dài không thể ít ngày được, phải có tác ý không phải không có tác ý; phải có trí tuệ không phải với ác tuệ. Thưa Đại vương, chính phải có liên hệ mới biết được sự thanh liêm của một người, phải trong một thời gian dài không thể ít ngày được, phải có tác ý, không phải không có tác ý, phải có trí tuệ không phải với ác tuệ. Thưa Đại vương, chính trong thời gian bất hạnh biết được sự trung kiên của một người, phải trong một thời gian dài không thể ít ngày được; phải có tác ý, không phải không tác ý; phải có trí tuệ, không phải với ác tuệ. Thưa Đại vương, chính phải đàm luận biết được trí tuệ của một người, và như vậy phải trong một thời gian dài không thể ít ngày được; phải có tác ý, không phải không tác ý, phải có trí tuệ, không phải với ác tuệ.

- Thật là hy hữu, bạch Thế Tôn! Thật là kỳ diệu, bạch Thế Tôn, khi Thế Tôn đã khéo nói như sau: "Thưa Đại vương, khi Đại vương còn là cư sĩ... không phải với ác tuệ". Bạch Thế Tôn, có những trinh thám này của con những người trinh sát sau khi đi trinh sát mặt nước, chúng đến con. Trước hết họ báo cáo rồi con mới đúc kết. Bạch Thế Tôn, ở đây những người ấy sau khi tẩy sạch bụi và nhớp, sau khi tắm rửa và xoa dầu, sau khi chải sạch râu tóc, mặc áo vải trắng, chúng được hầu hạ săn sóc và cho thọ hưởng năm dục công đức.

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên bài kệ này:

2. Phải siêng năng cố gắng,
Tại bất cứ chỗ nào,
Chớ trở thành là người
Thuộc vào con người khác,
Chớ có sống ỷ lại,
Nương tựa vào người khác,

Chớ sống nghề buôn bán,
Đem pháp để kiếm lời.

(III) (Ud 65)

Như vầy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở *Sàvatthi,* tại *Jetavana,* khu vườn ông *Anàthapindika*. Lúc bấy giờ Thế Tôn ngồi quán sát của pháp bất thiện của mình được trừ diệt, và các pháp thiện của mình được tu tập, làm cho tăng trưởng. Rồi Thế Tôn sau khi biết các pháp bất thiện của mình đã được trừ diệt và các pháp thiện của mình được tu tập, được làm cho sung mãn, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

3. Trước có nay không có,
Trước không có nay có,
Đã không và sẽ không,
Và nay hiện không có.

(IV) (Ud 66)

Như vầy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở *Sàvatthi*, tại *Jetavana,* khu vườn ông *Anàthapindika*. Lúc bấy giờ một số đông các ngoại đạo sai khác. Các Sa-môn, Bà-la-môn, các du sĩ ngoại đạo đều vào *Sàvatthi* để khất thực. Họ có quan điểm khác nhau, có kham nhẫn khác nhau, có sở thích khác nhau, y cứ nương tựa vào quan điểm khác nhau. Một số Sa-môn, Bà-la-môn, luận thuyết như sau: "Thế giới là thường còn, chỉ đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng". Một số Sa-môn, Bà-la-môn luận thuyết như sau, quan điểm như sau: "Thế giới là vô thường, chỉ đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng". Một số Sa-môn, Bà-la-môn luận thuyết như sau, quan điểm như sau: "Thế giới là có biên tế, chỉ đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng". Một số Sa-môn, Bà-la-môn luận thuyết như sau, có quan điểm như sau: "Thế giới là vô biên, chỉ đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng". Một số Sa-môn, Bà-la-môn luận thuyết như sau, quan điểm như sau: "Sanh mạng và thân thể là một, chỉ đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng". Một số Sa-môn, Bà-la-môn luận thuyết như sau, quan điểm như sau: "Sanh mạng và thân thể là khác, chỉ đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng". Một số Sa-môn, Bà-la-môn luận thuyết như sau, quan điểm như sau: "Như Lai có tồn tại sau khi chết, chỉ đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng". Một số Bà-la-môn, Bà-la-môn luận thuyết như sau, quan điểm như sau: "Như Lai không có tồn tại sau khi chết, chỉ đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng". Một số Bà-la-môn, Bà-la-môn luận thuyết như sau, quan điểm như sau: "Như Lai có tồn tại và không có tồn tại sau khi chết, chỉ đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng". Một số Bà-la-môn, Bà-la-môn luận thuyết như sau, quan điểm như sau: "Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết, chỉ đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng". Họ sống cạnh tranh, luận tranh, đấu tranh, đả thương nhau bằng binh khí miệng lưỡi: "Như thế này là pháp. Như thế này là pháp. Như thế này không phải pháp. Như thế này không phải pháp".

Rồi nhiều Tỳ-kheo vào buổi sáng đắp y, cầm bát đi vào *Sàvatthi,* để khất thực, Khất thực ở *Sàvatthi* xong sau buổi ăn, khi đi khất thực trở về, đi đến Thế Tôn, sau khi đến đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỳ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Ở đây, bạch Thế Tôn, một số đông ngoại đạo sai khác, các Sa-môn, Bà-la-môn, các du sĩ ngoại đạo đều vào *Sàvatthi* để khất thực..."... như thế này không phải pháp, như thế này là pháp".

- Này các Tỳ-kheo, các du sĩ ngoại đạo là những người mù, không có mắt, không biết mục đích, không biết phải mục đích, không biết pháp, không biết phi pháp. Do họ không biết mục đích, do họ không biết

không phải mục đích, do không biết pháp, do không biết phi pháp, họ sống cạnh tranh, luận tranh, đấu tranh... như thế này là pháp. Này các Tỷ-kheo, thuở xưa tại thành *Sàvatthi* này, có một ông vua. Này các Tỷ-kheo, ông vua ấy bảo một người: "Này người kia, phàm có bao nhiêu những người sanh ra đã mù ở *Sàvatthi* hãy nhóm lại một chỗ tất cả " - "Thưa vâng, Đại vương". Này các Tỷ-kheo, người ấy vâng đáp ông vua ấy, phàm có bao nhiêu những người sanh ra đã mù ở *Sàvatthi*, người ấy giữ lại tất cả, rồi đi đến ông vua ấy, sau khi đến thưa với vị vua: "Thưa Đại vương, phàm có bao nhiêu những người sanh ra đã mù ở *Sàvatthi* đã được tụ tập lại".

- Này khanh, hãy đưa ra một con voi cho những người mù.

Thưa vâng, Đại vương. Này các Tỷ-kheo, người ấy vâng đáp ông vua ấy, đưa ra một con voi cho những người mù: "Này các người mù, đây là con voi". Với một số người mù, ông ta đưa cái đầu và nói: "Này các người mù, đây là con voi". Đối với một số người mù, ông ta đưa cái lỗ tai con voi và nói: "Này các người mù, đây là con voi". Đối với một số người mù, ông ta đưa các ngà con voi và nói: "Này các người mù, đây là con voi". Đối với một số người mù, ông ta đưa cái vòi con voi và nói: "Này các người mù, đây là con voi". Đối với một số người mù, ông ta đưa cái thân con voi và nói: "Này các người mù, đây là con voi". Đối với một số người mù, ông ta đưa cái chân... Đối với một số người mù, ông ta đưa cái lưng... Đối với một số người mù, ông ta đưa cái đuôi... Đối với một số người mù, ông ta đưa cái lông đuôi và nói: "Này các người mù, đây là con voi". Này các Tỷ-kheo, rồi người ấy sau khi đưa con voi cho các người mù, đi đến ông vua ấy, sau khi đến tâu với vua: "Thưa Đại vương, con voi đã được các người mù thấy, nay Đại vương hãy làm những gì Đại vương nghĩ là hợp thời! " Rồi này các Tỷ-kheo, ông vua đi đến các người mù ấy, sau khi đến nói với họ: "Này các người mù, các ông đã thấy con voi chưa? " - "Thưa Đại vương, chúng tôi đã thấy con voi". - Này các người mù, hãy nói con voi là như thế nào? " Này các Tỷ-kheo, những ai thấy đầu con voi, họ nói như sau: "Thưa Đại vương, con voi là như thế này, như cái ghè! " Này các Tỷ-kheo, những ai được thấy cái tai con voi, họ nói như sau: "Thưa Đại vương, con voi là như thế này, như cái rổ sàng gạo. " Này các Tỷ-kheo, những ai được thấy cái ngà con voi, họ nói như sau: "Thưa Đại vương, con voi là như thế này, như cái lưỡi cày. " Những ai... được thấy cái vòi..."... như cái cày". Những ai... được thấy cái thân..."... như cái kho chứa. " Những ai... được thấy cái chân..."... như cái cột. " Những ai... được thấy cái lưng..."... như cái cối. " Những ai... được thấy cái đuôi, họ nói như sau: "Thưa Đại vương, con voi là như thế này, như cái chày". Những ai được thấy cái nhóm lông đuôi, chúng nói như sau: "Thưa Đại vương, con voi là như thế này, như cái chổi " - "Con voi các ông nói như vậy không phải là con voi. Con voi không phải như vậy. Con voi không phải vậy. Như thế này là con voi". Cho đến khi họ đánh lộn nhau bằng tay. Rồi này các Tỷ-kheo, ông vua ấy hoan hỷ. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, các du sĩ ngoại đạo là những người mù, không có mắt... như vậy là pháp.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

4. Có một số Sa-môn,
Cùng với Bà-la-môn,
Họ chấp trước, giành giật,
Trong các luận thuyết này,
Họ tranh luận tranh chấp,
Họ nhìn chỉ một phía.

(V) (Ud 69)

Như vầy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở *Sàvatthi*, tại *Jetavana*, khu vườn ông *Anàthapindika*. Lúc bấy giờ, nhiều ngoại đạo sai khác, các Sa-môn, Bà-la-môn, các di sĩ trú ở *Sàvatthi*. Họ có quan điểm khác nhau. Họ có kham nhẫn khác nhau. Họ có sở thích khác nhau. Họ y cứ nương tựa vào quan điểm khác nhau. Một số Sa-

môn, Bà-la-môn luận thuyết như sau, quan điểm như sau: "Tự ngã và thế giới là thường còn, chỉ đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng". Một số Sa-môn, Bà-la-môn... "Tự ngã và thế giới là vô thường"... "Tự ngã và thế giới là thường còn và vô thường"... "Tự ngã và thế giới là không thường còn và không vô thường... " "Tự ngã và thế giới do tự mình tạo ra"... "Tự ngã và thế giới do người khác tạo ra"... "Tự ngã và thế giới do tự mình và người khác tạo ra"... "Tự ngã và thế giới do không tự mình tạo ra, không do người khác tạo ra, do vô nhân sanh, tự nhiên"... "Lạc khổ, tự ngã và thế giới là thường còn"... "Lạc khổ, tự ngã và thế giới là vô thường"... "Lạc khổ, tự ngã và thế giới là thường còn và vô thường"... "Lạc khổ, tự ngã và thế giới là không thường còn và không vô thường"... Có một số Sa-môn, Bà-la-môn có luận thuyết như sau, quan điểm như sau: "Lạc khổ, tự ngã và thế giới là không tự mình tạo ra, không người khác tạo ra do vô nhân sanh". Họ sống cạnh tranh, luận tranh, đấu tranh, đả thương nhau, bằng binh khí miệng lưỡi: "Như thế này là pháp. Như thế này không phải là pháp. Như thế này không phải pháp, như thế này là pháp".

Rồi nhiều Tỷ-kheo vào buổi sáng đắp y, cầm y bát vào Vương Xá để khất thực. Khất thực ở Vương Xá xong, sau buổi ăn, đi khất thực trở về, đi đến Thế Tôn, sau khi đến đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Ở đây, bạch Thế Tôn, có nhiều ngoại đạo sai khác, các Sa-môn, Bà-la-môn, các du sĩ, trú ở *Sàvatthi*... họ sống cạnh tranh, luận tranh, đấu tranh, đả thương nhau bằng binh khí miệng lưỡi: "Như thế này là pháp. Như thế này không phải pháp. Như thế này không phải pháp, như thế này là pháp".

- Này các Tỷ-kheo, các du sĩ ngoại đạo là những người mù, không có mắt, không biết mục đích, không biết không phải mục đích, không biết pháp, không biết phi pháp. Do họ không biết mục đích, do họ không biết không phải mục đích, do không biết pháp, do không biết phi pháp, họ sống cạnh tranh, luận tranh, đấu tranh, đã thương nhau bằng binh khí miệng lưỡi: "Như thế này là pháp. Như thế này không phải pháp. Như thế này không phải pháp. Như thế này là pháp".

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

5. Có một số Sa-môn,
Cùng với Bà-la-môn,
Họ chấp trước giành giật,
Trong các luận thuyết này,
Họ bị chìm đắm xuống,
Khi đang còn giữa dòng,
Họ không đạt đến được,
Đất cứng trên bờ kia.

(VI) (Ud 70)

(Giống như kinh VI, 5, tức là kinh trước, với đoạn kết luận khác nhau như sau:)

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

6. Có người ở đời này,
Chấp người làm là ta,
Trói buộc với tư tưởng,
Người làm là người khác,
Họ không biết sự này,
Họ thấy là mũi tên,

Ai nhìn mũi tên này,
Với thận trọng cần thiết,
Người ấy không còn chấp,
"Người làm chính là ta",
Người ấy cũng không chấp,
"Người làm là người khác",
Loài người ở đời này,
Bị kiêu nạn khiếp phục,
Bị cột bởi kiêu mạn,
Bị trói bởi kiêu mạn,
Trong các loài chủ thuyết,
Họ cạnh tranh, luận tranh,
Họ không thể vượt qua,
Luân chuyển trong sanh tử.

(VII) (Ud 71)

Như vầy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở *Sàvatthi*, tại *Jetavana*, khu vườn của ông *Anàthapindika*. Lúc bấy giờ, Tôn Giả *Subhùti* ngồi không xa Thế Tôn bao nhiêu, ngồi kiết-già lưng thẳng, nhập định không tầm. Thế Tôn thấy Tôn giả *Subhùti* ngồi không xa bao nhiêu, ngồi kiết-già lưng thẳng, nhập định không tầm. Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy nỗi lên lời cảm hứng:

7. Với ai, tầm quét sạch,
Nội tâm khéo cắt đứt,
Không còn chút dư tàn
Vượt qua ái nhiễm ấy,
Đạt được tưởng vô sắc,
Vượt khỏi bốn ách nạn,
Không đi đến thọ sanh.

(VIII) (Ud 71)

Như vầy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Vương Xá, tại Trúc Lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Lúc bấy giờ, ở Vương xá, có hai nhóm say đắm một người kỹ nữ, tâm bị ám ảnh, họ cạnh tranh, đấu tranh nhau. Họ đi đến đánh nhau bằng nắm tay, đánh nhau bằng cục đất, đánh nhau bằng gậy gộc, đánh nhau bằng kiếm. Họ đi đến chết, đi đến đau khổ gần như chết. Rồi nhiều Tỷ-kheo, vào buổi sáng đắp y, cầm bát, đi vào Vương Xá để khất thực. Khất thực ở Vương Xá xong, sau buổi ăn, khi đi khất thực trở về, các Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn, sau khi đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, ở Vương Xá có hai nhóm say đắm một người kỷ nữ... họ đi đến chết, đi đến đâu khổ gần như chết.

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

8. Phàm cái gì đạt được,

Cái gì cần phải đạt,
Cả hai vướng bụi trần,
Với kẻ bị bệnh hoạn,
Học tập chưa thuần thục,
Kẻ tinh chuyên học tập,
Sống giữ gìn giới cấm,
Tinh chuyên chú Phạm hạnh,
Đây là một cực đoan,
Đây là một chủ thuyết,
Trong dục không lỗi lầm,
Là cực đoan thứ hai,
Cả hai cực đoan này,
Làm mộ phần tăng trưởng,
Chính do các tà kiến,
Làm tăng trưởng mộ phần.
Những ai không thắng tri,
Cả hai cực đoan này,
Có kẻ bị chìm đắm,
Có kẻ chạy quá mau,
Những ai thắng tri chúng,
Không có suy tư vậy,
Không có tự quá mạn,
Họ không có luân chuyển,
Để được tuyên bố lên.

(IX) (Ud 72)

Như vầy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở *Sàvatthi,* tại *Jetavana*, khu vườn của ông *Anàathapindika*. Lúc bấy giờ, Thế Tôn đang ngồi giữa trời, trong đêm tối mù mịt, với những cây đèn dầu đang chói sáng. Lúc bấy giờ, nhiều loại côn trùng có cánh tiếp tục rơi vào trong những đèn dầu ấy và gặp phải tai nạn, gặp phải hoại diệt, gặp phải tai nạn hoại diệt. Thế Tôn thấy nhiều loại côn trùng có cánh tiếp tục rơi vào...

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy nói lên lời cảm hứng:

9. Họ chạy gấp vượt qua,
Nhưng bỏ mất lối cây,
Họ làm cho tăng trưởng,
Các trói buộc mới mẻ,
Như các loại côn trùng,
Rơi vào trong ánh sáng,
Có người sống dựa vào
Điều được thấy được nghe.

(X) (Ud 73)

Như vầy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở *Sàvatthi,* tại *Jetavena,* khu vườn ông *Anàthapindika*. Rồi Tôn giả *Ananda*, đi đến Thế Tôn, sau khi đến đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ananda

bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, cho đến khi nào, các Như Lai không hiện hữu ở đời, bậc A-la-hán, Chánh-Đẳng-Giác, cho đến khi ấy các du sĩ ngoại đạo được cung kính, được tôn trọng, được đảnh lễ, được cúng dường, được tôn kính, nhận được các vật dụng như y, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Nhưng đến khi các Như Lai hiện hữu ở đời, bậc A-la-hán, Chánh-Đẳng-Giác, cho đến khi ấy, các du sĩ ngoại đạo, không được cung kính, không được tôn trọng, không được đảnh lễ, không được cúng dường, không nhận được các vật dụng như y, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Bạch Thế Tôn, nay Thế Tôn được cung kính, tôn trọng, đảnh lễ, cúng dường, tôn trọng, nhận được các vật dụng như y, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh; chúng Tỷ-kheo cũng như vậy.

- Đúng như vậy, này *Ananda.* Cho đến khi nào, các Như Lai không xuất hiện ở đời... dược phẩm trị bệnh. Nhưng đến khi các Như Lai xuất hiện ở đời... dược phẩm trị bệnh. Này *Ananda* nay Thế Tôn được cung kính... chúng Tỷ-kheo cũng vậy.

Sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, Thế Tôn nói lên lời cảm hứng:

> *10. Con đôm đốm chiếu sáng,*
> *Khi mặt trời chưa mọc,*
> *Khi mặt trời mọc lên,*
> *Ánh sáng đôm đốm diệt,*
> *Cũng vậy là ánh sáng,*
> *Của các nhà ngoại đạo,*
> *Khi bậc Chánh Đẳng Giác*
> *Chưa xuất hiện ở đời,*
> *Các nhà ưa biện luận.*
> *Không có được ánh sáng,*
> *Cũng vậy đệ tử chúng,*
> *Còn các nhà tà kiến,*
> *Họ không được giải thoát,*
> *Khỏi các sự đau khổ.*

CHƯƠNG VII
PHẨM NHỎ

(I) (Ud 74)

Như vầy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở *Sàvatthi* tại *Jetavana*, khu vườn cuả ông *Anàthapindika.* Lúc bấy giờ *Sàriputta,* với pháp thoại gồm nhiều pháp môn đang trình bày, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ Tôn giả *Lakumthakabbaddiya*. Do Tôn giả *Sàriputta*, với pháp thoại gồm nhiều pháp môn trình bày, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ nên tâm của Tôn giả *Lakumthakabhaddiya* được giải thoát các lậu hoặc không có chấp thủ. Thế Tôn thấy Tôn giả *Lakumthakabbaddiya*, do Tôn giả *Sàriputta* với pháp thoại gồm nhiều pháp môn trình bày, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ nên tâm được giải thoát khỏi các lậu hoặc không có chấp thủ.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

> *1. Trên dưới khắp tất cả,*
> *Được giải thoát hoàn toàn,*
> *Không còn có tùy quán*
> *"Cái này chính là tôi".*
> *Giải thoát vậy vượt dòng,*
> *Trước chưa từng vượt qua,*
> *Không còn có rơi rớt*
> *Vào sanh hữu thọ sanh.*

(II) (Ud 74)

Như vầy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở *Sàvatthi,* tại *Jetavana,* khu vườn ông *Anàthapindika*. Lúc bấy giờ Tôn giả *Sàriputta,* với pháp thoại gồm nhiều pháp môn, đang thuyết trình, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, Tôn giả *Bhaddiya* người lùn; lại càng nhiệt tình hơn lên khi Tôn giả *Sàriputta* nghĩ rằng: "Tôn giả *Bhaddiya* người lùn là một vị hữu học". Thế Tôn thấy Tôn giả *Sàriputta* với pháp thoại gồm nhiều pháp môn, là một vị hữu học. Sau khi hiểu biết ý nghĩa này, Thế Tôn ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

> *2. Cắt đứt được luân chuyển,*
> *Đạt được sự không dục,*
> *Hoàn toàn được khô cạn,*
> *Nước sông không chảy nữa,*
> *Cắt đứt, lưu chuyển đứng,*
> *Là giải thoát đau khổ.*

(III) (Ud 75)

Như vầy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn ở *Sàvatthi,* tại *Jetavana,* khu vườn ông *Anàthapindika.* Lúc bấy giờ, nhiều người ở *Sàvatthi*, phần lớn đắm say quá độ về các dục, sống say đắm, tham đắm, tham muốn, tham mê, bị trói buộc, bị mê say trong các dục. Rồi một số đông Tỷ-kheo vào buổi sáng đắp y, cầm bát đi vào S*àvatthi*

để khất thực. Khất thực ở *Sàvatthi* xong, sau buổi ăn, khi đã khất thực trở về, họ đi đến Thế Tôn, sau khi đến đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, họ bạch Thế Tôn:

Ở đây, bạch Thế Tôn, những người ở *Sàvatthi*,... bị mê say trong các dục.

Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

> *3. Chúng sanh bị tham đắm,*
> *Trong các loại ái dục,*
> *Họ không thấy lỗi lầm,*
> *Trong phiền não kiết sử,*
> *Chắc chắn các chúng sanh,*
> *Tham đắm trong ái dục,*
> *Họ không vượt qua được,*
> *Thác nước rộng và lớn.*

(IV) (Ud 75)

Như vầy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở *Sàvatthi,* tại *Jetavana,* khu vườn ông *Anàthapindika.* Lúc bấy giờ, nhiều người ở *Sàvatthi* phần lớn đắm say quá độ về các dục (như trên III)... trong các dục. Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm bát đi vào *Sàvatthi* để khất thực. Rồi Thế Tôn thấy các người ấy ở *Sàvatthi*... trong các dục.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

> *4. Bị mù bởi các dục,*
> *Bị bao phủ bởi lưới,*
> *Bị ái dục bao trùm,*
> *Lại còn bị trói buộc,*
> *Bởi trói buộc phóng dật,*
> *Như cá mắc miệng lưới,*
> *Họ đi đến già chết,*
> *Như con bê bú sữa.*

(V) (Ud 76)

Như vầy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở *Sàvtthi*, tại *Jetavana,* khu vườn của ông *Anàthapindika*. Lúc bấy giờ, Tôn giả *Lakumthakabhaddiya* đi theo sau lưng nhiều Tỷ-kheo, đi đến Thế Tôn, Thế Tôn thấy Tôn giả *Lakumthakabhaddiya* đi theo sau lưng nhiều Tỷ-kheo, xấu xí, khó nhìn, khòm lưng, phần lớn bị các Tỷ-kheo khinh bỉ; thấy vậy, nói với các Tỷ-kheo:

- Này các Tỷ-kheo, các Thầy có thấy chăng Thầy Tỷ-kheo này từ đàng xa... bị các Tỷ-kheo khinh bỉ?

- Thưa có, bạch Thế Tôn. Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo, có đại thần lực, có đại uy lực, thiền chứng không dễ gì chứng được, thiền chứng ấy trước đây Tỷ-kheo ấy không thực hành tốt đẹp. Và vì mục đích gì các thiện nam tử chơn chánh xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình, tức là vô thượng cứu cánh Phạm hạnh, vị ấy ngay trong hiện tại tự mình với thắng trí chứng ngộ chứng đạt và an trú.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

5. Bộ phận không khuyết thiếu,
Có tán trắng che trên,
Chỉ có một bánh xe,
Chiếc xe được di chuyển.
Hãy thấy vị ấy đến,
Không phiền muộn khó khăn,
Dòng nước đã cắt đứt,
Vị ấy không trói buộc.

(VI) (Ud 77)

Như vầy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở *Sàvatthi,* tại *Jetavana,* khu vườn ông *Anàthapindika.* Lúc bấy giờ, Tôn giả *Annatakondanna* ngồi không xa Thế Tôn bao nhiêu, ngồi kiết già, lưng thẳng, suy tư đến sự giải thoát do ái được diệt. Thế Tôn thấy Tôn giả *Annatakondanna* ngồi không xa bao nhiêu, ngồi kiết già lưng thẳng, suy tư đến sự giải thoát do ái được diệt.

Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

6. Rễ không có bén đất,
Không lá, đâu dây leo,
Bậc trí thoát trói buộc,
Ai xứng đáng được khen,
Chư Thiên khen người ấy,
Phạm Thiên cũng ngợi khen.

(VII) (Ud 77)

Như vầy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở *Sàvatthi,* tại *Jetavana* khu vườn của ông *Anàthapindika.* Lúc bấy giờ, Thế Tôn đang ngồi quán sát sự từ bỏ, đoạn diệt các hý luận tưởng. Rồi Thế Tôn sau khi biết sự từ bỏ, đoạn diệt các tưởng hý luận của mình, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

7. Với ai các hý luận,
Không còn có an trú,
Thoát ly được liên hệ,
Thoát ly được ảo tưởng,
Chư Thiên và thế giới,
Không thể nào rõ biết,
Sở hành vị ẩn sĩ,
Đã vượt khỏi tham ái.

(VIII) (Ud 77)

Như vầy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở *Sàvatthi,* tại *Jetavana,* khu vườn ông *Anàthapindika*. Lúc bấy giờ, Tôn giả *Mahàkaccàna* ngồi không xa Thế Tôn bao nhiêu, ngồi kiết-già, lưng thẳng, với thân hành niệm khéo an trú trước mặt và trong nội tâm. Thế Tôn thấy Tôn giả *Mahàkaccàna* ngồi không xa bao nhiêu, ngồi kiết già, lưng thẳng, với thân hành niệm khéo an trú trước mặt trong nội tâm.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

8. Với ai thường thường niệm,
Liên tục trú thân hành,
"Trước không thể có được,
Với tôi, nay không có,
Sẽ không thể có được,
Với tôi, nay sẽ không".
Tiếp tục trú như vậy,
Đúng thời vượt dục ái.

(IX) (Ud 78)

Như vầy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn đang bộ hành giữa dân chúng *Mallà* cùng với đại chúng Tỷ-kheo, đi đến làng Bà-la-môn của dân chúng *Malà* tên là *Thùna*. Các Bà-la-môn gia chủ ở Thùna được nghe: "Sa-môn *Gotama* từ dòng họ Thích Ca xuất gia, đang bộ hành giữa dân chúng *Mallà* cùng với đại chúng Tỷ-kheo, nay đã đến *Thùna*". Họ đổ đầy miệng giếng với cỏ và trấu với ý nghĩ: "Mong rằng các Sa-môn trọc đầu ấy không có nước uống".

Rồi Thế Tôn từ trên đường bước xuống, đi đến dưới một gốc cây, sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn nói với Tôn giả *Ananda:*

- Này *Ananda,* hãy đem nước uống từ nơi giếng này cho Ta.

Khi được nói vậy, Tôn giả *Ananda* bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, nay các giếng ấy bị các gia chủ Bà-la-môn ở *Thùna* lấp đầy miệng với cỏ và trấu với ý nghĩ: "Mong rằng các Sa-môn trọc đầu ấy không có nước uống".

Lần thứ hai, Thế Tôn bảo Tôn giả *Ananda:*

- Này *Ananda*, hãy đem nước uống từ nơi giếng này cho Ta!.

Lần thứ hai, Tôn giả *Ananda* bạch Thế Tôn:

- Nay các giếng ấy... không có nước uống.

Lần thứ ba, Thế Tôn bảo Tôn giả *Ananda:*

- Này *Ananda*, hãy đem nước uống từ nơi giếng này cho Ta.

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả *Ananda* vâng đáp Thế Tôn, lấy bình bát, đi đến cái giếng ấy. Tại cái giếng ấy, khi Tôn giả *Ananda* đi đến, phun ra tất cả cỏ và trấu khỏi miệng giếng, và nước trong sáng không cấu uế, trong lặng, tràn đầy miệng, cho đến như là tràn ra ngoài. Rồi Tôn giả *Ananda* suy nghĩ: "Thật vi diệu thay!. Thật hy hữu thay là đại thần lực, đại uy lực của Như Lai. Cái giếng này khi ta đến, phun ra tất cả cỏ và trấu khỏi miệng giếng... như là tràn ra ngoài". Rồi Tôn giả *Ananda* cầm lấy bát nước, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay! Thật hy hữu thay là đại thần lực... như là tràn ra ngoài! Bạch Thế Tôn hãy uống nước. Bạch Thiện Thệ, hãy uống nước!.

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

9. Cần làm gì với giếng,
Khi nước có cùng khắp,
Chặt đứt ái từ gốc,
Cần hành tầm cầu gì?

(X) (Ud 79)

Như vầy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở *Kosambi* tại khu vườn *Ghosita.* Lúc bấy giờ, vua *Udena* đang đi ngoài vườn, thì nội cung bị cháy và năm trăm nữ nhân bị chết, đứng đầu là *Sàmavati.* Rồi nhiều Tỷ-kheo vào buổi sáng đắp y, cầm bát đi vào *Kosambi* để khất thực. Các Tỷ-kheo ấy khất thực ở *Kosambi* xong, sau buổi ăn, sau khi đi khất thực trở về đi đến Thế Tôn, sau khi đến đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Ở đây, bạch Thế Tôn, trong khi vua *Udena* đi ra ngoài vườn, nội cung bị cháy, năm trăm nữ nhân bị chết, đứng đầu là *Sàmàvati.* Các nữ cư sĩ ấy, sanh thú họ là gì? Tương lai họ thế nào?

- Này các Tỷ-kheo, có nữ cư sĩ là bậc Dự lưu, có nhất bậc Nhất lai, có bậc Bất Lai. Này các Tỷ-kheo, tất cả các nữ cư sĩ ấy mạng chung không phải không có kết quả.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

10. Đời bị si trói buộc,
Được thấy bị tái sanh,
Bị trói bởi sanh y,
Kẻ ngu bị mù vây,
Tự thấy mình thường còn,
Nhưng với ai thấy được,
Sẽ không có vật gì.

CHƯƠNG VIII
PHẨM PÀTALIGÀMIYA

(I) (Ud 80)

Như vầy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở *Sàvatthi,* tại *Jetavana* ngôi vườn ông *Anàthapindika.* Lúc bấy giờ, Thế Tôn đang thuyết giảng pháp thoại liên tưởng đến Niết-bàn cho các Tỷ-kheo, khích lệ làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ. Các Tỷ-kheo ấy chú tâm, tác ý, dồn tất cả tâm tư lắng nghe pháp.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

- Này các Tỷ-kheo, có xứ này, tại đây không có đất, không có nước, không có lửa, không có gió; không có Hư không vô biên, không có Thức vô biên xứ, không có Vô sở hữu xứ, không có Phi tưởng phi phi tưởng xứ; không có đời này, không có đời sau, không có cả hai mặt trăng mặt trời. Do vậy, này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố không có đến, không có đi, không có trú, không có diệt, không có sanh; không có an trú, không có chuyện vận, không có sở duyên, đây là sự đoạn tận khổ đau.

(II) (Ud 81)

(Như kinh trên (I), chỉ khác lời cảm hứng)

1. Khó thấy là vô ngã,
Không dễ thấy, sự thật,
Với bậc có hiểu biết,
Khéo xâm nhập được ái,
Với vị ấy thấy rõ,
Đâu còn có vật gì.

(III) (Ud 82)

(Như kinh trên, chỉ khác lời cảm hứng)

- Này các Tỷ-kheo, có sự không sanh, không hiện hữu, không bị làm, không hữu vi, này các Tỷ-kheo, nếu không có cái không sanh, không hiện hữu, không bị làm, không hữu vi, thì ở đây không thể trình bày sự xuất ly khỏi sanh, hiện hữu, bị làm, hữu vi. Vì rằng, này các Tỷ-kheo, có cái không sanh, không hiện hữu, không bị làm, không hữu vi, nên có trình bày sự xuất ly khỏi sanh, hiện hữu, bị làm, hữu vi.

(IV) (Ud 83)

(Như các kinh trước, chỉ khác lời cảm hứng).

- Cái gì có nương tựa, cái ấy có dao động. Cái gì không nương tựa, cái ấy không dao động. Không có dao động thì có khinh an. Có khinh an thì không có thiên về. Không có thiên về thì không có đến và đi; không có đến và đi thì không có diệt và sanh; không có diệt và sanh thì không có đời này, không có đời sau, không có đời ở giữa. Đây là sự đoạn tận khổ đau.

(V) (Ud 84)

Như vầy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn đang bộ hành đi giữa dân chúng *Mallà*, cùng với đại chúng Tỷ-kheo, và đã đến *Pàvà*. Rồi Thế Tôn trú ở *Pàvà,* tại rừng xoài của thợ rèn *Cunda.* Thợ rèn *Cunda* được nghe: "Thế Tôn đang bộ hành giữa dân chúng *Mallà,* đã đến *Pàvà* cùng với đại chúng Tỷ-kheo, và trú ở *Pàvà*, trong rừng xoài của ta". Thợ rèn *Cunda* đi đến Thế Tôn, sau khi đến đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn thuyết pháp thoại cho thợ rèn *Cunda* đang ngồi một bên, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ. Thợ rèn *Cunda* sau khi được Thế Tôn thuyết pháp, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, liền bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn nhận lời mời của con ngày mai đến dùng cơm với chúng Tỷ-kheo.

Thế Tôn im lặng nhận lời. Thợ rèn *Cunda*, sau khi biết Thế Tôn đã nhận lời, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

Thợ rèn *Cunda,* sau khi đêm đã mãn, liền cho sửa soạn tại nhà của mình các món ăn thượng vị, loại cứng, loại mềm và nhiều thứ mộc nhĩ và báo tin cho Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, giờ đã đến, cơm đã sẵn sàng.

Thế Tôn buổi sáng đắp y, mang theo y bát, cùng với chúng Tỷ-kheo đến nhà thợ rèn *Cunda*, khi đến liền ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn nói với thợ rèn *Cunda:*

- Này *Cunda*, loại mộc nhĩ đã soạn sẵn, hãy dọn cho Ta. Còn các món ăn khác đã soạn sẵn, loại cứng và loại mềm, hãy dọn cho chúng Tỷ-kheo.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Thợ rèn *Cunda* vâng lời Thế Tôn, dọn cho Thế Tôn các món mộc nhĩ đã soạn sẵn, và dọn cho chúng Tỷ-kheo các món ăn khác, loại cứng và loại mềm. Rồi Thế Tôn nói với thợ rèn *Cunda:*

- Này *Cunda,* món ăn mộc nhĩ còn lại, hãy đem chôn. Này *Cunda*, Ta không thấy một ai, ở cõi trời, cõi Người, ở Ma giới, ở Phạm thiên giới, không một người nào trong chúng Sa-môn và chúng Bà-la-môn, giữa những Thiên nhân, ăn món mộc nhĩ này mà có thể tiêu hóa được, trừ Như Lai.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Thợ rèn *Cunda* vâng đáp Thế Tôn, đem chôn món ăn mộc nhĩ còn lại vào một lỗ, đi đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Rồi Thế Tôn thuyết pháp cho thợ rèn *Cunda* đang ngồi xuống một bên, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ rồi từ chỗ đứng dậy và ra đi.

Sau khi dùng cơm của thợ rèn *Cunda.* Thế Tôn bị nhiễm bịnh nặng, bệnh ly huyết, đau đớn gần như đến chết, và Thế Tôn chánh niệm tỉnh giác, nhẫn nại chịu đựng cơn bệnh.

Thế Tôn nói với Tôn giả *Ananda:*

- Này *Ananda*, chúng ta hãy đi đến *Kusinàra*. Xin vâng, bạch Thế Tôn, Tôn giả *Ananda* vâng đáp Thế Tôn:

2. Dùng cơm Cunda xong,

Như vậy tôi được nghe,
Bậc trí cảm bệnh nặng,
Bạo bệnh, gần như chết,
Khi ăn loại mộc nhĩ
Đạo Sư bị bệnh nặng,
Khi bệnh được lắng dịu,
Thế Tôn nói như sau:
"Ta nay sẽ đi đến,
Đến Kusinàra".

Rồi Thế Tôn bước xuống đường, đến một góc cây và nói với Tôn giả *Ananda:*

- Này *Ananda*, hãy xếp tư áo *Sanghàti.* Ta cảm thấy mệt mỏi và muốn ngồi nghỉ, này *Ananda.*

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả *Ananda* vâng đáp Thế Tôn và xếp áo *Sanghàti* lại. Thế Tôn ngồi trên chỗ đã soạn sẵn, và nói với Tôn giả *Ananda:*

- Này *Ananda,* hãy đem nước cho Ta. Này *Ananda*. Ta nay đang khát và muốn uống nước.

Khi được nói vậy, Tôn giả *Ananda* bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn vừa mới có khoảng năm trăm cỗ xe chạy qua. Do bánh xe khấy lên nước trở thành nông cạn, khuấy động và vẫn đục. Bạch Thế Tôn, sông *Kakutthà* không xa ở đây, nước thuần tịnh, dễ chịu, mát mẻ, trong sáng, dễ đến và khả ái. Tại đó, Thế Tôn có thể uống nước và làm mát dịu chân tay.

Lần thứ hai, Thế Tôn nói với Tôn giả *Ananda:*

- Này *Ananda*, hãy đem nước uống cho Ta. Này *Ananda*, Ta nay đang khát và muốn uống nước.

Lần thứ hai, Tôn giả *Ananda* bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, vừa mới có khoảng năm trăm cỗ xe chạy qua. Do bánh xe khuấy lên, nước trở thành nông cạn, khuấy động và vẫn đục. Bạch Thế Tôn, sông Kakutthà không xa ở đây, nước thuần tịnh, dễ chịu, mát mẻ, trong sáng, dễ đến và khả ái. Tại đó, Thế Tôn có thể uống nước và làm mát dịu chân tay.

Lần thứ ba, Thế Tôn nói với Tôn giả *Ananda:*

- Này *Ananda*, hãy đem nước uống cho Ta. Này *Ananda,* Ta nay đang khát và muốn uống nước.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả *Ananda* vâng đáp Thế Tôn, lấy bát và đi đến con sông nhỏ. Con sông đang chảy nông cạn, khuấy động và vẫn đục, khi Tôn giả *Ananda* đến, liền chảy trong trẻo, sáng lặng và không vẩn đục.

Tôn giả *Ananda* tự nghĩ: "Thật kỳ diệu thay! Thật hi hữu thay! Thần lực và uy lực của Như Lai. Con sông nhỏ đang chảy nông cạn, khuấy động và vẫn đục này, khi ta đến, liền trở thành trong trẻo, sáng lặng và không vẩn đục". Sau khi dùng bát lấy nước,*Ananda* đến chỗ Thế Tôn và bạch với Ngài:

- Bạch Thế Tôn, thật là kỳ diệu! Bạch Thế Tôn, thật là hy hữu! Bạch Thế Tôn, con sông nhỏ đang chảy nông cạn, khuấy động và vẫn đục này, khi con đến, liền trở thành trong trẻo, sáng lặng và không vẩn đục. Xin thỉnh Thế Tôn dùng nước, xin thỉnh Thiện Thệ dùng nước và Thế Tôn uống nước.

Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến con sông *Kakutthà,* xuống sông tắm và uống nước, rồi lội qua bờ bên kia, đi đến rừng xoài và tại đây, nói với Tôn giả *Cundaka:*

- Này Cundaka, hãy xếp áo *Sanghati* làm bốn cho Ta, này *Cundaka*, Ta nay mệt mỏi, muốn nằm nghỉ.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả *Cundaka* vâng lời Thế Tôn và xếp áo *Sanghati* làm bốn. Rồi Thế Tôn nằm xuống phía hông bên mặt như dáng điệu con sư tử, hai chân để trên nhau, chánh niệm, tỉnh giác, tác ý đến tưởng ngồi dậy, Tôn giả *Cundaka* ngồi phía trước Thế Tôn.

3. Đức Phật tự đi đến,
Con sông Kakutthà,
Con sông chảy trong sáng,
Mát lạnh và thanh tịnh,
Vị Đạo Sư mỏi mệt,
Đi dần xuống mé sông,
Như Lai đấng vô thượng
Ngự trị ở trên đời.
Tắm xong uống nước xong,
Lội qua bên kia sông,
Bậc Đạo sư đi trước,
Giữa Tăng chúng Tỷ-kheo,
Vừa đi vừa diễn giảng,
Chánh pháp thật vi diệu,
Rồi bậc Đại Sĩ đến,
Tại khu vực rừng xoài,
Cho gọi vị Tỷ-kheo,
Tên họ Cundaka;
"Hãy gấp tư áo lại,
Trải áo cho Ta nằm"
Nghe dạy, Cundaka,
Lập tức vâng lời dạy,
Gấp tư và trải áo,
Một cách thật mau lẹ,
Bậc Đạo Sư nằm xuống,
Thân mình thật mệt mỏi.
Tại đây Cundaka,
Ngồi ngay ngắn trước mặt.

Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả *Ananda:*

- Này *Ananda*, rất có thể có người làm cho thợ rèn *Cunda* hối hận: "Này Hiền giả *Cunda,* thật không lợi ích gì cho Ông, thật là tai hại cho Ông, vì Như Lai dùng bữa ăn cuối cùng từ Ông cúng dường, và nhập diệt". Này *Ananda*, cần phải làm tiêu tan sự hối hận ấy của thợ rèn *Cunda*: "Này Hiền giả, thật lợi ích cho bạn, thật là công đức cho bạn, vì được Như Lai dùng bữa ăn cuối cùng từ bạn cúng dường, và nhập

diệt. Nay Hiền giả Cunda, tôi tự thân nghe, tôi tự thân lãnh thọ lời nói này của Thế Tôn: "Có hai sự cúng dường ăn uống đồng một quả báo, đồng một di thục quả, quả báo lớn hơn, lợi ích hơn các sự cúng dường ăn uống khác. Thế nào là hai? Một là, bữa ăn trước khi Như Lai chứng Vô thượng Chánh Đẳng Giác; hai là, bữa ăn trước khi Như Lai diệt độ Niết-bàn giới, không còn di hưởng sanh tử". Hai bữa ăn này đồng một quả báo, đồng một dị thục quả, quả báo lớn hơn, lợi ích hơn các sự cúng dường ăn uống khác. Nhờ hành động này, Tôn giả Cunda sẽ được hưởng tuổi thọ; nhờ hành động này, Tôn giả Cunda sẽ được hưởng sắc đẹp; nhờ hành động này, Tôn giả Cunda sẽ được hưởng an lạc; nhờ hành động này, Tôn giả Cunda sẽ được hưởng danh tiếng; nhờ hành động này, Tôn giả Cunda sẽ được hưởng cõi Trời; nhờ hành động này, Tôn giả Cunda sẽ được hưởng uy quyền".

Này Ananda, cần phải làm cho thợ rèn tiêu tan hối hận.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu ý nghĩa này, liền thốt lời cảm khái như sau:

4. Công đức người bố thí,
Luôn luôn được tăng trưởng,
Trừ được tâm hận thù,
Không chất chứa chế ngự,
Kẻ chí thiện từ bỏ,
Mọi ác hạnh bất thiện,
Diệt trừ tham, sân, si.
Tâm giải thoát thanh tịnh.

(VI) (Ud 85)

Như vầy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn đang đi bộ hành giữa dân chúng *Magadha* cùng với đại chúng Tỳ-kheo, và đã đến làng *Magadha* cùng với đại chúng Tỳ-kheo, và đã đến làng *Pàtali*. Các nam cư sĩ ở làng *Pàtali* được nghe: "Thế Tôn đang đi bộ hành giữa dân chúng *Magadha* với đại chúng Tỳ-kheo, và đã đến làng *Pàtali*". Rồi các nam cư sĩ ở làng *Pàtali* đi đến Thế Tôn, sau khi đến đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các nam cư sĩ làng *Pàtali* bạch Thế Tôn:

- Mong Thế Tôn trú ở giảng đường chúng con.

Thế Tôn im lặng nhận lời. Rồi các nam cư sĩ ở làng *Pàtali,* sau khi được biết Thế Tôn đã nhận lời, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài rồi đi đến giảng đường, sau khi đến chúng cho trải thảm toàn bộ giảng đường, sửa soạn các chỗ ngồi, đặt một ghè nước, cho treo đèn dầu, rồi đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, các nam cư sĩ ở làng Pàtali, bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, giảng đường đã được trải thảm, các chỗ ngồi đã sửa soạn, ghè nước đã đặt xong, đèn dầu đã được treo, Thế Tôn hãy làm những gì Thế Tôn nghĩ là hợp thời.

Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm bát, cùng với chúng Tỳ-kheo, đi đến giảng đường, sau khi đến rửa chân, bước vào giảng đường, dựa nơi cây cột ở giữa, ngồi hướng mặt về phía đông. Chúng Tỳ-kheo, sau khi rửa chân, bước vào giảng đường, ngồi xuống dựa vào tường giữa, mặt hướng về phía đông có đức Phật trước mặt. Các nam cư sĩ ở làng Pàtalli, sau khi rửa chân, bước vào giảng đường, dựa vào tường phía đông, mặt hướng về phía Tây, và ngồi xuống, với đức Phật ở trước mặt.

Rồi Thế Tôn bảo các nam cư sĩ ở làng Pàtali:

- Này các Gia Chủ, có năm điều nguy hiểm này cho người ác giới, người phạm giới. Thế nào là năm? Ở đây, này các Gia chủ, người ác giới, phạm giới, do nhân duyên phóng dật, nên hao mất tài sản lớn. Đây là nguy hiểm thứ nhất cho người ác giới, người phạm giới. Lại nữa, này các Gia chủ, người ác giới, phạm giới, tiếng xấu đồn xa. Đây là nguy hiểm thứ hai cho người ác giới, cho người phạm giới. Lại nữa, này các Gia chủ, người ác giới, người phạm giới khi đến hội chúng nào, hoặc là hội chúng Sát-đế-ly, hoặc là hội chúng Bà-la-môn, hoặc là hội chúng gia chủ, hoặc là hội chúng Sa-môn, vị ấy đến với sự sợ hãi, với sự ngỡ ngàng. Đây là nguy hiểm thứ ba cho người ác giới, cho người phạm giới. Lại nữa, này các Gia chủ, người ác giới, phạm giới, khi chết bị si ám. Đây là nguy hiểm thứ tư cho người ác giới, cho người phạm giới. Lại nữa, này các Gia chủ, người ác giới, người phạm giới, khi thân hoại mạng chung bị sanh vào ác xứ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Đây là nguy hiểm thứ năm của người ác giới, của người phạm giới. Này các Gia chủ, có năm điều nguy hiểm này cho người ác giới, cho người phạm giới.

Này các Gia chủ, có năm điều lợi ích này cho người giữ giới, cho người đầy đủ giới. Thế nào là năm? Ở đây, này các Gia chủ người giữ giới, người đầy đủ giới, do nhân duyên không phóng dật được tài sản lớn. Đây là lợi ích thứ nhất cho người giữ giới, cho người đầy đủ giới. Lại nữa, này các Gia chủ, với người giữ giới, người đầy đủ giới, tiếng tốt lành được đồn xa. Đây là lợi ích thứ hai cho người giữ giới, cho người đầy đủ giới. Lại nữa, này các Gia chủ, người giữ giới, người đầy đủ giới khi đi đến hội chúng nào, hoặc là Sát-đế-ly hoặc là Bà-la-môn, hoặc là gia-chủ, hoặc là Sa-môn, người ấy đi đến không có sợ hãi, không có ngỡ ngàng. Đây là lợi ích thứ ba cho người giữ giới cho người có đầy đủ giới. Lại nữa, này các Gia chủ, người giữ giới, người đầy đủ giới, khi chết không có si ám. Đây là lợi ích thứ tư cho người giữ giới, cho người có đầy đủ giới. Lại nữa, này các Gia chủ, người giữ giới, người đầy đủ giới khi thân hoại mạng chung được sanh thiện thú, Thiên giới, cõi đời này. Đây là lợi ích thứ năm cho người giữ giới, cho người đầy đủ giới. Này các Gia chủ, có năm lợi ích này cho người giữ giới, cho người đầy đủ giới.

Rồi Thế Tôn, sau khi thuyết giảng pháp thoại cho đến đêm khuya cho các cư sĩ ở làng *Pàtali*, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, liền giải tán chúng, nói rằng:

- Đêm đã khuya, này các Gia chủ, hãy làm những gì các vị nghĩ là hợp thời!.

Rồi các Gia chủ ở làng *Pàtali* hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

Rồi Thế Tôn, sau khi các nam cư sĩ ở làng *Pàtali* ra đi không bao lâu, đi vào căn nhà trống. Lúc bấy giờ, *Sunìdha* và *Vassakàra* đại thần ở Magadha đang cho xây dựng một thành phố ở *Pàtaligàma* để ngăn chận các người *Vajjì*. Lúc bấy giờ, rất nhiều chư Thiên có đến con số ngàn, đang trú ở các trú xứ ở làng *Pàtali*. Tại chỗ nào các chư Thiên có đại uy lực trú ở tại chỗ ấy chúng làm cho tâm các vua, các đại thần có đại uy lực thiên về, hướng về xây dựng các trú xứ. Tại chỗ nào các chư Thiên có uy lực trung bình trú ở, tại chỗ ấy chúng làm cho tâm các vua, các vị đại thần có uy lực trung bình thiên về, hướng về xây dựng các trú xứ. Tại chỗ nào các chư Thiên thấp kém trú ở, tại chỗ ấy, chúng làm cho tâm các vua, các đại thần có uy lực thấp kém thiên về, hướng về xây dựng các trú xứ.

Thế Tôn với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân thấy hàng ngàn chư Thiên ở làng *Pàtali* đang trú ở các trú xứ ở làng *Pàtali*. Tại chỗ nào các chư Thiên có đại uy lục trú ở... Họ làm cho tâm các vua, các đại thần uy lực thấp kém thiên về, hướng về xây dựng các trú xứ.

Rồi Thế Tôn, vào lúc tảng sáng đêm ấy, thức dậy và bảo Tôn giả Ananda:

- Này Ananda, ai cho xây dựng thành phố ở làng Pàtali?

- Bạch Thế Tôn, các đại thần *Sunìdha và Vassa-kàra* cho xây dựng thành phố ở làng *Pàtali* để ngăn chận các người *Vajjì.*

- Này *Ananda,* ví như họ làm như vậy sau khi đã hỏi chư Thiên ở cõi trời Ba mươi ba. Cũng vậy, *Sunìdha* và *Vasakàra* đại thần ở *Magadha*, đang cho xây dựng thành phố ở làng Pàtali để ngăn chận các người *Vajjì.*

Ở đây, này *Ananda*, với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, Ta thấy hàng ngàn chư Thiên ở làng *Pàtali*... hướng về xây dựng các trú xứ. Này *Ananda*, xa cho đến thánh xứ, xa cho đến con người buôn bán đây sẽ trở thành một thành phố tối thượng, một chỗ mà các kiện hàng được mở ra. Này *Ananda*, ba tai nạn sẽ đến với *Pàtaliuputta,* nạn lửa, nạn lụt và nạn phản bội.

Rồi *Sunìdha* và *Vassakàra* đại thần ở *Magadha* đi đến Thế Tôn, sau khi đến nói lên với Thế Tôn những lời chào đón thăm hỏi, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi đứng một bên. Đứng một bên, các *Sunìdha* và *Vassakàra,* đại thần xứ *Magadha,* bạch Thế Tôn:

- Mong Tôn giả *Gotama* hôm nay nhận lời mời dùng cơm của chúng con với chúng Tỷ-kheo!

Thế Tôn im lặng nhận lời.;

Rồi *Sunìdha* và *Vassakara* đại thần *Magadha,* sau khi biết Thế Tôn đã nhận lời, đi đến chỗ của mình, sau khi đến sửa soạn các món ăn thượng vị, loại cứng và loại mềm và báo thời giờ cho Thế Tôn:

- Thưa Tôn giả *Gotama,* nay đã đến thời. Cơm đã sẵn sàng.

Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm bát cùng với chúng Tỷ-kheo đi đến trú xứ của *Sunìdha* và *Vassakara,* đại thần xứ *Magadha,* sau khi đến ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Rồi *Sunìdha* và *Vassakara*, đại thần xứ *Magadha* tự tay thân mời chúng Tỷ-kheo với đức Phật là vị Thượng thủ và làm cho thỏa mãn với các món ăn thượng vị, loại cứng và loại mềm. Rồi *Sunìdha* và *Vassakara,* đại thần xứ *Magadha*, sau khi Thế Tôn ăn đã xong, tay đã rời khỏi bát, lấy một ghế ngồi thấp khác. Thế Tôn với những bài kệ này, nói lên lời tuỳ hỷ công đức với *Sunìdha* và *Vassakara*, đại thần xứ *Magadha:*

5. Tại chỗ nào bậc trí,
Làm thành chỗ an trú,
Hãy cúng các món ăn,
Cho những người giữ giới,
Cho người biết chế ngự,
Sống đời sống Phạm hạnh,
Ở đấy chư Thiên trú,
Hãy cúng dường chư Thiên
Được cúng dường, chư Thiên,
Cúng dường lại vị ấy,
Được cung kính, chư Thiên,
Cung kính lại vị ấy,
Họ từ mẫn vị ấy
Như mẹ thương con mình,
Người được chư Thiên thương,
Luôn luôn thấy hiền thiện.

Rồi Thế Tôn sau khi nói lời tuỳ hỷ công đức với những bài kệ này cho *Sunìdha* và *Vasakara*, đại thần xứ *Magadha*, từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. Lúc bấy giờ *Sunìdha* và *Vassakara,* đại thần xứ *Magadha* đi theo sau lưng Thế Tôn và nghĩ rằng: "Hôm nay, Sa-môn *Gotama* đi ra cửa nào, cửa ấy sẽ đặt tên là cửa thành *Gotama.* Tại bến nước nào Sa-môn *Gotama* sẽ đi qua sông Hằng, bến nước ấy sẽ đặt tên là bến nước *Gotama*". Và cửa nào Thế Tôn đã đi ra khỏi, các vị ấy đặt tên là cửa thành *Gotama*. Và Thế Tôn đi đến sông Hằng, nước sông tràn đầy đến bờ, con quạ có thể uống được, một số người đi tìm thuyền, một số người đi tìm bè, một số người cột chiếc bè để đi qua sông. Rồi như người lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại, hay co lại bàn tay đang duỗi ra, cũng vậy Thế Tôn biến mất từ bờ bên này sông Hằng và đứng qua bờ bên kia với chúng Tỳ-kheo. Thế Tôn thấy các người ấy, một số người đi tìm thuyền, một số người đi tìm bè, một số người cột lại chiếc bè để qua sông, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, Thế Tôn ngay trong lúc ấy, nói lên bài kệ:

6. Sau khi làm cái cầu,
Họ vượt qua thác nước,
Họ vượt qua hồ nước,
Họ vượt qua đầm lầy,
Có người cột chiếc bè,
Bậc trí đã qua sông.

(VII) (Ud 90)

Như vầy tôi nghe: Một thời Thế Tôn đang đi giữa đường cùng với Tôn giả *Nàgasamàla* là Sa-môn tuỳ tùng. Tôn giả *Nàgasamàla* giữa đường thấy một con đường rẽ, thấy vậy bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, đây là con đường, chúng ta đi con đường này.

Khi được nói vậy, Thế Tôn nói với Tôn giả *Nàgasamàla:*

- Này *Nàgasasmàla*, đây là con đường. Chúng ta sẽ đi con đường này.

Lần thứ ba, Tôn giả *Nàgasamàla* bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, đây là con đường, chúng ta hãy đi con đường này.

Lần thứ ba, Thế Tôn nói:

- Này *Nàgasamàla*, đây là con đường. Chúng ta đi con đường này.

Rồi Tôn giả *Nàgasamàla* đặt xuống đất y và bát của Thế Tôn, bỏ đi và nói:

- Bạch Thế Tôn, đây là y bát của Thế Tôn.

Rồi Tôn giả *Nàgassamàla* đi theo con đường ấy, giữa đường bị các tên cướp xuất hiện đánh bằng tay hay chân, đập vỡ bình bát và xé rách thượng y của Tôn giả. Rồi Tôn giả *Nàgasamàla* với bình bát bị vỡ, với thương y bị xé rách đi đến Thế Tôn, sau khi đến đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả *Nàgasamàla* bạch Thế Tôn:

- Ở đây, bạch Thế Tôn, con đi con đường ấy các tên cướp xuất hiện, đánh con bằng tay hay bằng chân, đập vỡ bình bát và xé rách thượng y.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

7. Cùng đi với kẻ ngu,
Kẻ trí phải chen vai,
Khi biết nó là ác,
Lập tức từ bỏ nó,
Như con bò bỏ nước,
Được nuôi ăn với sữa.

(VIII) (Ud 91)

Như vầy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở *Sàvatthi*, tại Đông Viên, Lộc Mẫu giảng đường. Lúc bấy giờ, người cháu trai của *Visàkhà* mẹ của *Migàra* khả ái và dễ thương bị mệnh chung. Và *Visàkhà* mẹ của *Migàra*, với áo đẫm ướt, với tóc đẫm ướt, thật sáng sớm đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với *Visàkhà*, mẹ của *Migàra*, đang ngồi một bên:

- Này *Visàkhà*, Bà từ đâu đến, với áo ướt đẫm, với tóc đẫm ướt, đi đến đây quá sớm như vậy?

- Bạch Thế Tôn, đứa cháu khả ái dễ thương của con đã mệnh chung. Cho nên con, với áo đẫm ướt, với tóc đẫm ướt, con đến đây sáng sớm như vậy.

- Này *Visàkhà*, Bà có muốn tất cả người ở *Sàvatthi* là con và là cháu của Bà không?

- Bạch Thế Tôn, con muốn tất cả người ở *Sàvatthi* là con và cháu của con.

- Nhưng này *Visàkhà*, có bao nhiêu người ở *Sàvatthi* mạng chung hàng ngày?

- Bạch Thế Tôn, có mười người ở *Sàvatthi* mạng chung hàng ngày, chín... tám... bảy.. sáu... năm... bốn... ba.. hai. Bạch Thế Tôn có một người ở Sàvatthi mạng chung hàng ngày. Bạch Thế Tôn, *Sàvatthi* không có thoát được số người bị chết!

- Bà nghĩ thế nào, này *Visàkhà*? Như vậy Bà có khi nào được khỏi vải bị ướt, hay tóc khỏi bị ướt không?

- Thưa không, bạch Thế Tôn! Thật là vừa đủ cho con, bạch Thế Tôn, số nhiều như vậy về con và về cháu!

- Này Visàkhà, những ai có một trăm người thân yêu, những người ấy có trăm sự đau khổ! Những ai có chín mươi người thân yêu, những người ấy có chín mươi sự đau khổ! Những ai có tám mươi người thân yêu, những người ấy có tám mươi sự đau khổ! Những ai có bảy mươi.. có sáu mươi... có năm mươi... có bốn mươi... có ba mươi.. có hai mươi... có mười.. có chín... có tám... có bảy..có sáu.. có năm... có bốn... có ba... có hai... có một người thân yêu, những người ấy có một sự đau khổ. Những ai không có người thân yêu, những người ấy không có sự đau khổ. Ta nói rằng họ là người không có sầu, không có tham đắm, không có ưu não.

8. Sầu, than và đau khổ,
Sai biệt có ở đời,
Duyên thân ái, chúng có,
Không thân ái, chúng không,

Do vậy, người an lạc,
Người không có sầu muộn,
Là những ai ở đời,
Không có người thân ái,
Do vậy ai tha thiết,
Được không sầu, không tham,
Chớ làm thân làm ái,
Với một ai ở đời.

(IX) (Ud 92)

Như vầy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Vương Xá, tại Trúc Lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Rồi Tôn giả *Dabha Mallputta* đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả *Dabha Mallaputta* bạch Thế Tôn:

- Nay đã đến thời, con nhập Niết Bàn, bạch Thiện Thệ.

- Này *Dabba*, Thầy hãy làm những gì Thầy nghĩ là hợp thời!.

Rồi Tôn giả *Dabha Mallaputta* từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài, bay lên hư không, ngồi kiết-già giữa hư không, nhập định hỏa giới, xuất khỏi định và nhập Niết-bàn. Khi Tôn giả *Dabha Mallaputta* bay lên hư không, ngồi kiết-già giữa hư không, nhập định hỏa giới, xuất khỏi định và nhập Niết Bàn, thân của Tôn giả được cháy sạch, đốt sạch, không còn có than hay có tro có thể thấy được. Ví như bơ hay dầu được cháy, được đốt, không còn có than hay có tro có thể thấy được. Cũng vậy, khi Tôn giả *Dabha Mallaputta* bay lên hư không, ngồi kiết già giữa hư không, nhập định hỏa giới, xuất khỏi định và nhập Niết-bàn, thân của Tôn giả được cháy sạch, đốt sạch, không còn có than hay có tro có thể thấy được.

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

9. Thân bị hoại, tưởng diệt,
Mọi thọ được nguội lạnh,
Các hành được lắng dịu,
Thức đạt được mục đích.

(X) (Ud 93)

Như vầy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở *Sàvatthi,* tại *Jetavana*, khu vườn ông *Anàthapindika*. Tại đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

- Này các Tỷ-kheo.

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Thế Tôn nói như sau:

- Này các Tỷ-kheo, Dabbha Mallaputta bay lên hư không, ngồi kiết-già giữa hư không, nhập định hỏa giới, xuất khỏi định và nhập Niết Bàn... hay có tro có thể thấy được. Ví như bơ hay dầu... hay có tro có thể thấy được... không còn có tro có thể thấy được.

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

10. Như tia lửa cháy sáng,
Phát từ búa sắt đập,
Dần dần được nguội lạnh,
Sanh thú không biết được,
Cũng vậy là những bậc
Đã chân chánh giải thoát,
Đã vượt qua thác nước,
Trói buộc bởi các dục,
Họ đạt được an lạc,
Không có bị dao động,
Họ không có sanh thú,
Để có thể chỉ bày.

-ooOoo-

1.4 KINH PHẬT THUYẾT NHƯ VẬY
(Itivuttaka)
GIỚI THIỆU TẬP KINH PHẬT THUYẾT NHƯ VẬY
(Itivuttaka)
Tỳ Kheo Thanissaro

Tập kinh Phật Thuyết Như Vậy (Itivuttaka), thuộc Tiểu Bộ Kinh (Khudaka Nikaya), là một tập hợp 112 bài kinh ngắn, có tựa đề bắt nguồn từ câu "Đức Thế Tôn thuyết giảng như vầy" (Itivuttam). Tập kinh chia thành bốn chương: chương một pháp, chương hai pháp, chương ba pháp, và chương bốn pháp.

Tập kinh nầy do một vị nữ cư sĩ tên là Khujjuttara kết hợp sau khi thuật lại các lời giảng của Đức Phật, cho Hoàng hậu Samavati và các cung nữ khác của Vua Udena, xứ Kosambi. Hoàng hậu không thể rời hoàng cung để đến nơi Phật ngụ nghe Phật thuyết giảng, cho nên Hoàng hậu sai bà Khujjuttara đi nghe thuyết giảng, ghi nhớ, rồi trở về hoàng cung để thuật lại cho bà và 500 vị cung phi khác nghe. Bà Khujjuttara có trí nhớ lạ thường và rất thông minh, khéo giảng pháp, nên Đức Phật đã từng khen ngợi rằng bà là vị Đệ Nhất Thanh Văn trong hàng nữ đệ tử cư sĩ (Tăng Chi Bộ I.14). Bà cũng là một vị thầy tài giỏi để hướng dẫn hoàng hậu và các cung phi khác trong việc hành trì Chánh Pháp. Khi nội cung bị hỏa hoạn làm thiệt mạng hoàng hậu và tất cả các cung phi, Đức Phật cho biết rằng tất cả các vị đó đã đắc quả giải thoát, tối thiểu là quả Nhập Lưu (Tu Đà Hoàn) - như đã ghi lại trong kinh Phật Tự Thuyết (Ud VII.10).

Tên gọi "Itivuttaka" cũng được dùng trong bảng phân loại đầu tiên về 9 thể tài kinh điển Phật Giáo (*), một bảng phân loại có mặt trước khi có sự sắp đặt Tam Tạng Pali như chúng ta biết hiện nay. Thật khó mà biết chắc chắn rằng bản Itivuttaka Pali ngày nay có phải hoàn toàn là bản Itivuttaka nêu ra trong bảng phân loại đó hay không. Kinh tạng Hán văn có chứa bản dịch của Itivuttaka, thường cho rằng do ngài Huyền Trang dịch. Bản dịch nầy có rất nhiều đoạn giống như bản Itivuttaka Pali. Sự khác biệt chính yếu là bản dịch của ngài Huyền Trang không có nhiều bài kinh trong Chương III và hoàn toàn không có Chương IV. Có thể là những phần nầy đã được kết tập về sau trong tạng Pali, nhưng không được kết tập vào tạng Sanskrit để dịch ra Hán văn. Cũng có thể là ngài Huyền Trang không hoàn tất bản dịch vì nó được dịch trong những tháng cuối trong đời của ngài.

Lịch sử nguyên thủy của kinh Phật Thuyết Như Vậy có nhiều vấn đề phức tạp vì khởi thủy, kinh chỉ được truyền khẩu qua nhiều thế kỷ rồi mới được viết xuống giấy. Tuy nhiên đây là một trong những bộ kinh trong tạng Pali rất được nhiều người quý chuộng vì tập kinh bao gồm các bài giảng của Đức Phật với nhiều đề tài giáo lý căn bản - từ giản dị đến sâu sắc - trong một hình thức rõ ràng, ngắn gọn và trực tiếp.

(*) 9 thể tài: kinh (sutta), ứng tụng (gaya), kệ tụng (gatha), như thị ngữ (itivuttaka), bổn sanh (jataka), vị tằng hữu (adbhutahdarma), cảm hứng ngữ (udana), phương quảng (valpulya), và giải thuyết (upadisa).

Tỳ Kheo Thanissaro
(Bình Anson lược dịch)

GIỚI THIỆU KINH PHẬT THUYẾT NHƯ VẬY

(Itivuttaka)

Hòa Thượng Thích Minh Châu

Tập Itivuttaka - "Kinh thuyết như vậy", thuộc Bộ Khuddaka Nikàya (Tiểu Bộ Kinh) gồm có 112 kinh với các bài kệ, chia thành 4 chương, chương một pháp, chương hai pháp, chương ba pháp, chương bốn pháp. Như vậy là một sự phân loại các đề tài theo pháp số, như kiểu tập Tăng Chi Bộ Kinh. Sở dĩ được gọi là "Itivuttaka: Thuyết như vậy", là vì phần lớn các kinh này đều bắt đầu với câu: "Đây là điều đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A la hán nói đến và tôi đã được nghe", và được kết luận với câu: "Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe". Có một số kinh ở chặng giữa không có các câu mở đầu và câu kết như thế này, nhưng đến các kinh cuối lại được ghi trở lại.

Theo truyền thống, như đã được ghi trong tập sớ được xem là của tôn giả Dhammapàla, Khujjuttarà một nữ cư sĩ, thường đi nghe Thế Tôn thuyết pháp cho chúng tỷ kheo, nàng ngồi sau lưng một bức màn trở thành một bậc đa văn, nghe nhiều, giỏi về chánh pháp và giỏi về trí tuệ. Nàng được nội cung của Vua Udena yêu cầu nói lại những điều đã được nghe và sau khi nghe, học thuộc lòng những điều đã được nghe. Nàng được Thế Tôn khen và gọi là đa văn đệ nhất. Theo truyền thống, chính là tập Itivuttaka này, nàng đã được nghe và truyền tụng lại. Tập sớ có ghi rằng chúng tỷ kheo cũng học thuộc lòng tập kinh này, và chính tôn giả Ananda đã đọc lại bộ kinh này, trong kỳ kiết tập thứ nhất ở Ràjagahà (Vương xá). Các kinh ở chương bốn pháp dài hơn và không có kinh Hán tạng tương đương và được xem là ghi chép về sau. Một số kinh trong tập này được tìm thấy trong tập Tăng Chi Bộ Kinh và Puggala-pannatti. (Theo sự chú giải của bản dịch Anh văn).

Về phương diện nội dung tập Itivuttaka không đề cập tới đời sống đức Phật, đời sống các đại đệ tử của đức Phật như chúng ta được thấy trong tập Udàna. Tập này chú trọng nhiều hơn đến phần giáo lý căn bản, định nghĩa những pháp số, phân loại theo bốn chương một pháp, hai pháp, ba pháp, bốn pháp. Nói một cách khác, một số đề tài đã được lựa chọn, định nghĩa, giải thích một cách ngắn gọn để các đệ tử có thể tìm hiểu, học thuộc lòng và nắm giữ được phần căn bản trong giáo lý của đức Phật. Như vậy, giải thích được truyền thống: xem rằng chính Khujjuttarà, nghe được những lời Thế Tôn dạy, nhớ lấy rồi thuyết lại cho các đệ tử khác, nhờ vậy tập nầy được lưu truyền.

Kinh "Phật thuyết như vậy", xuất xứ từ kinh Tạng Pàli là kinh thuộc kinh điển Thượng Tọa Bộ, trung thành gìn giữ lời dạy của đức Phật.

Trước hết, kinh này không đề cập đến Abhidhamma (Thắng Pháp, Vi Diệu Pháp), không đề cập đến các chuyện tiền thân (Jàtaka) và như vậy kinh này không thuộc về văn học Abhidhamma và văn học Jàtaka -- hai văn học này chỉ được bắt nguồn, kết thành trong giai đoạn thứ hai là giai đoạn các học phái, từ khoảng 300 năm đến 100 năm trước kỷ nguyên. Kinh này không nằm trong giai đoạn phát triển thứ ba là thời hưng khởi của Đại thừa (100 năm trước kỷ nguyên đến 100 năm sau kỷ nguyên). Như vậy, kinh này nằm trong giai đoạn đạo Phật nguyên thủy khoảng 450 năm đến 350 năm trước kỷ nguyên khi lời dạy của đức Phật chưa bị pha trộn, xen lẫn bởi những phát triển về sau. Sự kiện này được phần nội dung của kinh này chứng minh như chúng ta sẽ rõ sau này, và cũng được xác định theo truyền thống, vì kinh này được nữ cư sĩ Khujjuttarà đích thân nghe đức Phật rồi về thuyết giảng lại để được học hỏi ghi nhớ và truyền lại cho đến ngày nay.

Nói về đức Phật hiện tại và rộng hơn nữa, nói về Như Lai (Tathagata), chúng ta sẽ thấy đức Phật chưa được thần thánh hóa, chưa dùng thần thông để hóa độ chúng sanh.

Như Lai được diễn tả như một bực đã giác ngộ thế giới, "Thế giới tập khởi, thế giới đoạn diệt, con đường đưa đến thế giới đoạn diệt."

"Này các tỷ kheo, thế giới được Như Lai Chánh đẳng giác, Như Lai không hệ lụy đối với đời. Này các tỷ kheo, thế giới tập khởi được Như Lai Chánh Đẳng Giác. Thế giới tập khởi được Như Lai đoạn tận. Này các tỷ kheo, Thế giới đoạn diệt được Như Lai giác ngộ. Này các tỷ kheo, con đường đưa đến thế giới đoạn diệt được Như Lai Chánh đẳng giác; con đường đưa đến thế giới đoạn diệt được Như Lai đã tu tập."

"Cái gì này các tỷ kheo, trong toàn thế giới với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới cùng với quần chúng Sa môn, Bà la môn chư Thiên và loài người được thấy, được nghe, được thọ tưởng, được thức tri, được đạt đến, được tầm cầu, được ý tư sát, tất cả đều được Như Lai Chánh đẳng giác. Do vậy được gọi là Như Lai. Này các tỷ kheo, từ đêm Như Lai chứng ngộ vô thượng Chánh đẳng giác đến đêm Ngài nhập Niết bàn, không có dư y, trong thời gian ấy điều gì Ngài nói, tuyên bố nêu rõ lên, tất cả là như vậy, không có khác được, do vậy được gọi là Như Lai.

"Này các tỷ kheo, Như Lai nói gì làm vậy, làm gì nói vậy; vì rằng nói gì làm vậy, làm gì nói vậy, nên được gọi Như Lai.

"Này các tỷ kheo, trong toàn thể thế giới, Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với quần chúng Sa môn, Bà la môn, chư Thiên và loài người, Như Lai là bậc chiến thắng, không bị chiến bại, toàn tri, toàn kiến, được tự tại, do vậy được gọi là Như Lai (Kinh số 112)."

Hình ảnh Như Lai là vậy, hình ảnh Thế Tôn không có khác hơn, ở đây Thế Tôn tượng trưng cho Pháp và những ai thấy pháp, sống theo Pháp, người ấy mới gần Thế Tôn như kinh số 92 nêu rõ:

"Này các tỷ kheo, nếu một tỷ kheo nắm lấy viền áo Tăng già lê đi theo sau lưng Ta, chân bước theo chân, nhưng vị ấy có tham ái trong các dục, với lòng sắc xảo, với tâm sân hận, ý tư duy nhiễm ác, thất niệm, không tỉnh giác, không định tỉnh, tâm tán loạn, với các căn hoang dại, vị ấy xa hẳn Ta và Ta xa vị ấy.

"Vì cớ sao? Này các tỷ kheo, tỷ kheo ấy không thấy pháp. Do không thấy pháp nên không thấy Ta. Này các tỷ kheo, nếu tỷ kheo sống xa đến 100 do tuần và vị ấy không có tham ái trong các dục, với lòng tham không sắc xảo, tâm không sân hận, ý tư duy không nhiễm ác, chánh niệm tỉnh giác, định tỉnh nhất tâm, các căn được chế ngự, vị ấy gần hẳn Ta và Ta gần vị ấy.

"Vì cớ sao? Này các tỷ kheo, tỷ kheo ấy thấy pháp. Do thấy pháp nên thấy Ta".

Trong kinh số 100, chính Đức Phật tự tả mình như sau:

"Này các tỷ kheo, Ta là Bà la môn, người được đến yêu cầu (yàcayogo), tay luôn luôn thanh tịnh (payatapàni) mang thân cuối cùng, vô thượng y sĩ chữa trị (bhisakko) y sĩ giải phẫu (sallakatta). Các ngươi thật là con của Ta (arasà) từ miệng sanh, từ pháp sanh, từ pháp tạo thành, thừa tự pháp, không thừa tự tài vật."

Đức Phật tự xưng là y sĩ chữa trị (bhisakkà), tự xưng là y sĩ giải phẫu (sallakatta). Ngài xem các đệ tử như con của Ngài, từ miệng sanh, từ pháp sanh, là những con cháu thừa tự pháp. Đâu đâu cũng thấy vai trò trọng yếu của chánh pháp, vì đức Phật là tượng trưng cho Pháp, tự miệng mình thuyết pháp độ chúng sanh. Rõ hơn nữa là xác nhận hai loại thuyết pháp của đức Phật, như kinh 35 đã nêu rõ:

"Có hai loại thuyết pháp của Như Lai, bậc A la hán, chánh đẳng giác, cái này tiếp nối cái kia. Thế nào là hai? Hãy thấy Ác là ác. Đây là thuyết pháp thứ nhất. Sau khi thấy ác là ác, ở đây hãy nhàm chán, hãy từ bỏ, hãy thoát ly! Đây là thuyết pháp thứ hai!"

Đức Phật đã là đức Phật nguyên thủy, thời mục đích của sự tu hành, sự cứu cánh của Phạm hạnh và mục tiêu giải thoát giác ngộ là những mục tiêu trung thành với giáo pháp chánh thống nguyên thủy.

Mục đích của đạo Phật là giải quyết vấn đề sanh lão bệnh tử, tức là chấm dứt sự đau khổ cho con người. Và đoạn kinh sau này xác chứng rằng sự đau khổ có thể được chấm dứt và trạng thái đau khổ được chấm dứt là Niết bàn. Dưới đây là định nghĩa của Niết bàn ấy trong kinh số 44:

"Này các tỷ kheo, có hai Niết bàn giới này. Thế nào là hai? Niết bàn giới có dư y và Niết bàn giới không dư y.

"Này các tỷ kheo, thế nào là Niết bàn giới có dư y? Ở đây, này các tỷ kheo, tỷ kheo là bậc A la hán, các lậu hoặc đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích: hữu kiết sử đã diệt, đã giải thoát nhờ chánh trí. Trong vị ấy, năm căn còn tồn tại. Ngang qua các căn ấy, vị ấy hưởng thọ khả ý, không khả ý, vì rằng tự ngã không có thương hại nên cảm giác lạc khổ. Với vị ấy, tham diệt, sân diệt, si diệt. Này các tỷ kheo, đây gọi là Niết bàn có dư y.

"Này các tỷ kheo, thế nào là Niết bàn không có dư y? Ở đây, này các tỷ kheo, tỷ kheo là bậc A la hán, các lậu hoặc đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích, hữu kiết sử đã diệt, đã giải thoát nhờ chánh trí. Ở đây, đối vị ấy, mọi cảm thọ đều không có hoan hỷ ưa thích, sẽ được lắng dịu".

Một kinh nữa, kinh số 43 xác nhận sự hiện diện của trạng thái giải thoát này, ngay trong đời hiện tại, có mặt trên quả đất này:

"Này các tỷ kheo, có cái không sanh, không hiện hữu, không tác thành, không làm ra. Này các tỷ kheo, nếu không có cái không sanh, không hiện hữu, không tác thành, không làm ra, thời ở đây không có thể trình bày sự xuất ly khỏi sanh, khỏi hiện hữu, khỏi tác thành, khỏi làm ra. Do vì này các tỷ kheo, có cái không sanh, không hiện hữu, không tác thành, không làm ra, nên có thể trình bày được sự xuất ly khỏi sanh, khỏi hiện hữu, khỏi tác thành, khỏi làm ra".

Ở đây, có hai nhận xét quan trọng. Đức Phật khi nhập Niết bàn có dư y ở Kusinàra, không phải là mất hẳn, tiêu diệt hoàn toàn, vì như vậy là theo thuyết đoạn diệt đạo Phật không chấp nhận. Ở đây, tham sân si không còn, lạc thọ khổ thọ không khởi lên, nhưng mọi cảm thọ đều được lắng dịu, mát lạnh, thanh lương. Nhận xét quan trọng thứ hai là sự đau khổ có thể đoạn diệt ngay trong đời sống hiện tại với những vị đã chứng quả A la hán. Và dầu chưa chứng được quả A la hán, nếu hành trì theo lời Phật dạy, thời có thể đoạn trừ dần dần các sự khổ đau.

Vấn đề quan trọng thứ hai, sau mục đích giải thoát và giác ngộ là những pháp môn giúp người tu hành đạt đến mục đích đoạn tận khổ đau. Chúng ta sẽ thấy pháp môn tuy nhiều, nhưng không bao giờ ra ngoài pháp môn Giới-Định-Tuệ, pháp môn duy nhất để đưa người hành trì đoạn tận khổ đau.

"Này các tỷ kheo, một tỷ kheo có giới tốt lành (kalyàmasìlo), có pháp tốt lành, có tuệ tốt lành, được gọi trong pháp và luật này là vị toàn hảo.

"Này các tỷ kheo, một tỷ kheo có giới tốt lành, có pháp tốt lành, có tuệ tốt lành được gọi trong pháp và luật này là vị toàn hảo (kevalì). Này các tỷ kheo, thế nào là giới tốt lành? Ở đây, này các tỷ kheo, tỷ kheo giữ giới, sống chế ngự với sự chế ngự của giới bổn Pàtimokkha đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong những lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập trong các học pháp. Như vậy này các tỷ kheo, là tỷ kheo có giới tốt lành. Và thế nào là có pháp tốt lành? Ở đây, này các tỷ kheo, tỷ kheo sống chuyên tâm chuyên chú tu tập bảy pháp giác chi. Như vậy này các tỷ kheo, là tỷ kheo có pháp tốt lành. Và thế

nào là tuệ tốt lành? Ở đây này các tỷ kheo, tỷ kheo do diệt trừ các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng tri chứng ngộ chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Như vậy, này các tỷ kheo là tỷ kheo có tuệ tốt lành. Như vậy, một người có giới tốt lành, có pháp tốt lành, có tuệ tốt lành được gọi trong pháp và luật này là vị toàn hảo (kevalì) (Kinh số 97)."

Cũng theo chiều hướng trên, ba hình ảnh được phát họa diễn tả ba hạng người, tùy theo mức độ đối trị được với dục và hữu:

"Này các tỷ kheo, những ai bị trói buộc bởi trói buộc của dục, những ai bị trói buộc bởi trói buộc của hữu, là những bậc đến lại, đi đến lại có mặt ở đây. Những ai chế ngự được sự trói buộc của dục, này các tỷ kheo, nhưng còn bị trói buộc bởi trói buộc của hữu, những vị ấy là hạng bất lai, không trở lui lại có mặt ở đây. Những ai chế ngự được sự trói buộc của dục, chế ngự được sự trói buộc của hữu, những vị ấy là những bậc A la hán, đã đoạn tận các lậu hoặc (Kinh 97)."

Tiếp theo là một số phương pháp tu học, một nếp sống đưa đến hai quả Chánh trí hay nếu có dư y thời được quả Bất lai, những quả cao nhất trong con đường tu hành, nghĩa là đoạn tận được khổ đau.

"Này các tỷ kheo, hãy sống ưa muốn ẩn dật, thiền tịnh, thích thú ẩn dật thiền tịnh, thành tựu quán tri, hành trì hạnh đi đến các ngôi nhà trống (Kinh số 45)."

"Này các tỷ kheo, hãy an trú vào lợi ích của học tập, cho trí tuệ tối thượng, cho lỏi cây giải thoát, cho niệm được tăng trưởng... (Kinh số 46)."

"Này các tỷ kheo, tỷ kheo phải sống cảnh giác, chánh niệm tỉnh giác, thiền tịnh, hoan hỷ, tín thanh và ở đây quán tri đúng thời trong các pháp thiện... (Kinh số 47)"

Những vị thực hành theo pháp môn này thời có hy vọng đoạn trừ được khổ đau.

Đức Phật còn dạy tỷ kheo làm thế nào đã đối trị 3 cảm thọ -- lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ:

"Này các tỷ kheo, lạc thọ cần phải được xem như là khổ, khổ thọ cần phải được xem như là vô thường. Vì rằng, này các tỷ kheo, tỷ kheo đã xem lạc thọ như là khổ, đã xem khổ thọ như là mũi tên, đã xem bất khổ bất lạc thọ như là vô thường. Này các tỷ kheo, tỷ kheo này gọi là bậc Thánh, đã chân chánh thấy, đã chặt đứt ái, đã giải tỏa kiết sử, đã chân chánh thắng tri mạn, đã đoạn tận khổ đau." (Kinh số 53)

"Này các tỷ kheo, cần phải quán sát một cách như thế nào, do quán sát như vậy, thức của vị ấy đối với ngoại trần không có tán loạn, không có tản rộng, tâm không trú trước nội tâm, không chấp thủ không bị khủng bố, sẽ không có sự sanh, tập khởi của khổ về sanh già chết trong tương lai (Kinh số 94)."

"Này các tỷ kheo, những Sa môn hay Bà la môn nào không như thật quán tri đây là khổ tập, không như thật quán tri đây là khổ diệt, không như thật quán tri đây là con đường đưa đến khổ diệt. Những Bà là môn ấy, này các tỷ kheo, không được Ta chấp nhận là Sa môn trong các hạng Sa môn hay Bà la môn trong các hạng Bà la môn. Với các vị tôn giả ấy ngay trong hiện tại cũng không tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích Sa môn hạnh hay mục đích Bà la môn hạnh. Những Sa môn hay Bà la môn nào, này các tỷ kheo, như thật quán tri đây là khổ, như thật quán tri đây là khổ tập, như thật quán tri đây là khổ diệt, như thật quán tri đây là con đường đưa đến khổ diệt, thời, này các tỷ kheo, các Sa môn hay Bà la môn ấy được Ta chấp nhận là Sa môn trong các hạng Sa môn hay Bà la môn trong các hạng Bà la môn và các vị tôn giả ấy, ngay trong hiện tại tự mình với thắng trí chứng ngộ chứng đạt và an trú mục đích Sa môn hạnh hay mục đích Bà la môn hạnh (Kinh số 103)." (...)

Hòa Thượng Thích Minh Châu
Thiền Viện Vạn Hạnh
Sài Gòn, 1978 (PL. 2522)

CHƯƠNG I - MỘT PHÁP
PHẨM I

(I) (Ek I, 1) (It. 1)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, hãy từ bỏ một pháp. Ta bảo đảm cho các Thầy không có tái sanh. Thế nào là một pháp? Tham, này các Tỷ-kheo, là một pháp, các Thầy hãy từ bỏ! Ta bảo đảm cho các Thầy không có tái sanh.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến.

Với tham bị tham đắm,
Chúng sanh đi ác thú,
Bậc thiền quán, chánh trí,
Từ bỏ tham ái ấy,
Từ bỏ, không bao giờ
Trở lại tại đời này.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến, và tôi đã được nghe.

(II) (Ek I, 2) (It. 1)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo hãy từ bỏ một pháp. Ta bảo đảm cho các Thầy không có tái sanh. Thế nào là một pháp? Sân, này các Tỷ-kheo, là một pháp các Thầy hãy từ bỏ. Ta bảo đảm cho các Thầy không có tái sanh.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

Với sân bị sân hận,
Chúng sanh đi ác thú,
Bậc thiền quán, chánh trí
Từ bỏ sân hận ấy,
Từ bỏ, không bao giờ
Trở lại tại đời này.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến, và tôi đã được nghe.

(III) (Ek I, 3) (It. 2)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, hãy từ bỏ một pháp. Ta bảo đảm cho các Thầy không có tái sanh. Thế nào là một pháp? Si, này các Tỷ-kheo, là một pháp các Thầy hãy từ bỏ. Ta bảo đảm cho các Thầy không có tái sanh.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

Với si bị si mê
Chúng sanh đi ác thú,
Bậc thiền quán, chánh trí
Từ bỏ si mê ấy,
Từ bỏ, không bao giờ
Trở lại tại đời này.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến, và tôi đã được nghe.

(IV) (Ek I, 4) (It. 2)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, hãy từ bỏ một pháp. Ta bảo đảm cho các Thầy không có tái sanh. Thế nào là một pháp? Phẫn nộ, này các Tỷ-kheo, là một pháp các Thầy hãy từ bỏ. Ta bảo đảm cho các Thầy không có tái sanh.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

Với phẫn nộ phẫn uất.
Chúng sanh đi ác thú,
Bậc thiền quán, chánh trí
Từ bỏ phẫn nộ ấy,
Từ bỏ, không bao giờ
Trở lại tại đời này.

Đây là ý nghĩa đã được Thế Tôn nói đến, và tôi đã được nghe.

(V) (Ek 1,5) (It. 3)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, hãy từ bỏ một pháp. Ta bảo đảm cho các Thầy không có tái sanh. Thế nào là một pháp? Gièm pha, này các Tỷ kheo, là một pháp các Thầy hãy từ bỏ. Ta bảo đảm cho các Thầy không có tái sanh.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

Với gièm pha, gièm người,
Chúng sanh đi ác thú,
Bậc thiền quán, chánh trí
Từ bỏ gièm pha ấy,
Từ bỏ, không bao giờ
Trở lại tại đời này.

Ý nghĩa này đã được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

(VI) (Ek1,6) (It.3)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, hãy từ bỏ một pháp. Ta bảo đảm cho các Thầy không có tái sanh. Thế nào là một pháp? Mạn, này các Tỷ kheo, là một pháp các Thầy hãy từ bỏ. Ta bảo đảm cho các Thầy không có tái sanh.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

Với kiêu mạn kiêu căng,
Chúng sanh đi ác thú,
Bậc thiền quán, chánh trí
Từ bỏ kiêu mạn ấy,
Từ bỏ, không bao giờ
Trở lại tại đời này.

Ý nghĩa này đã được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

(VII) (Ek I, 7) (It. 3)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, ai không thắng tri, không liễu tri tất cả, ở đây tâm không ly tham, từ bỏ, không thể diệt được khổ đau. Này các Tỷ-kheo, ai thắng tri, liễu tri tất cả, ở đây tâm ly tham, từ bỏ, có thể diệt được khổ đau.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

Ai hiểu, rõ biết được,
Tất cả là tất cả,
Đối với tất cả chỗ,
Không có sự tham đắm,
Vị như vậy chắc chắn,
Liễu tri được tất cả,
Và có thể vượt qua,
Tất cả mọi đau khổ.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

(VIII) (Ek I, 8) (It. 4)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, ai không thắng tri không liễu tri Mạn, ở đây tâm không ly tham, không từ bỏ, thời không có thể diệt được khổ đau. Này các Tỷ-kheo, ai thắng tri liễu tri Mạn, ở đây tâm ly tham, từ bỏ, có thể diệt được khổ đau.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến.

Người bị mạn chi phối,
Do bị mạn trói buộc,
Nên hoan hỷ sanh hữu,
Do không liễu tri mạn,

Nên đi đến tái sanh.
Những ai đoạn diệt mạn,
Giải thoát, mạn hoại diệt,
Họ thắng mạn trói buộc,
Họ vượt qua nhiếp phục,
Tất cả mọi đau khổ.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

(IX) (Ek I, 9) (It. 5)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, ai không thắng tri không liễu tri Tham, ở đây tâm không ly tham, không từ bỏ, không có thể diệt trừ khổ đau. Này các Tỷ-kheo, ai thắng tri liễu tri Tham, ở đây tâm ly tham, từ bỏ, thời có thể diệt được khổ đau.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến.

Với tham, bị tham đắm,
Chúng sanh đi ác thú,
Bậc thiền quán, chánh trí
Từ bỏ tham ái ấy,
Từ bỏ, không bao giờ
Trở lại tại đời này.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

(X) (Ek I, 10) (It. 5)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, ai không thắng tri không liễu tri Sân, ở đây tâm không ly tham, không từ bỏ, không có thể diệt trừ khổ đau. Này các Tỷ-kheo, ai thắng liễu tri Sân, ở đây, tâm ly tham, từ bỏ, có thể diệt được khổ đau.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến.

Với sân bị sân hận,
Chúng sanh đi ác thú,
Bậc thiền quán, chánh trí
Từ bỏ sân hận ấy,
Từ bỏ, không bao giờ
Trở lại tại đời này.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

PHẨM II

(XI) (Ek II, 1) (It. 6)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, ai không thắng tri, không liễu tri Si, ở đây tâm không ly tham, không từ bỏ, không có thể diệt trừ khổ đau. Này các Tỷ-kheo, ai thắng tri liễu tri Si, ở đây tâm ly tham, từ bỏ, có thể diệt được khổ đau.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

Với si, bị si mê,
Chúng sanh đi ác thú,
Bậc thiền quán, chánh trí
Từ bỏ si mê ấy,
Từ bỏ không bao giờ,
Trở lại tại đời này.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

(XII) Ek II, 2) (It. 7)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, ai không thắng tri không liễu tri Phẫn nộ, ở đây tâm không ly tham, không từ bỏ, không có thể diệt trừ khổ đau. Này các Tỷ-kheo, ai thắng tri liễu tri Phẫn nộ, ở đây tâm ly tham, từ bỏ có thể diệt được khổ đau.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

Với phẫn nộ phẫn uất,
Chúng sanh đi ác thú,
Bậc thiền quán, chánh trí,
Từ bỏ phẫn nộ ấy,
Từ bỏ, không bao giờ
Trở lại tại đời này.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

(XIII) (Ek II, 3) (It. 7)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, ai không thắng tri không liễu trí Gièm pha, ở đây tâm không ly tham, không từ bỏ, không có thể diệt trừ khổ đau. Này các Tỷ-kheo, ai thắng tri liễu tri Gièm pha, ở đây tâm ly tham, từ bỏ, có thể diệt được khổ đau.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

Với gièm pha gièm người,
Chúng sanh đi ác thú,
Bậc thiền quán, chánh trí
Từ bỏ, gièm pha ấy,
Từ bỏ, không bao giờ
Trở lại tại đời này.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến, và tôi đã được nghe.

(XIV) (Ek II, 4) (It. 7)

Điều này được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, Ta không thấy một triền cái nào khác, do bị bao trùm bởi triền cái ấy, chúng sanh trong một thời gian dài, lưu chuyển. Này các Tỷ-kheo, tức là Vô minh triền cái. Này các Tỷ-kheo, bị bao trùm bởi Vô minh triền cái, chúng sanh trong một thời gian dài chạy dài, lưu chuyển.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa naỳ. Ở đây, điều này đã được nói đến.

Không có một pháp khác,
Quần sanh bị bao phủ,
Ngày đêm chạy lưu chuyển,
Như bao phủ bởi si
Và ai đoạn diệt si,
Đâm thủng khối u ám,
Họ không lưu chuyển nữa,
Trong họ, nhân không còn.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

(XV) (Ek II, 5) (It. 8)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, Ta không thấy một kiết sử nào khác, do bị cột bởi kiết sử ấy, chúng sanh trong một thời gian dài, chạy dài, lưu chuyển, này các Tỷ-kheo tức là ái kiết sử. Này các Tỷ-kheo, bị cột với ái kiết sử, chúng sanh trong một thời gian dài, chạy dài lưu chuyển.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến.

Người có ái làm bạn,
Thời gian dài, lưu chuyển,
Không vượt được lưu chuyển,
Sanh hữu vậy hay khác.
Ai biết nguy hiểm này,
Biết ái tác thành khổ,
Bỏ ái, không chấp trước,
Tỷ-kheo giữ chánh niệm,
Bỏ gia đình xuất gia,
Sống nếp sống như vậy.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

(XVI) (Ek II. 6) (It. 9)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, với vị Tỷ-kheo hữu học, tâm chưa thành tựu, đang sống cần cầu vô thượng an ổn khỏi các triền ách, sau khi làm thành nội chi phần, Ta không thấy một chi phần nào khác, được nhiều lợi ích như vậy, này các Tỷ-kheo, tức là Như lý tác ý. Này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo tác như lý tác ý, từ bỏ bất thiện, tu tập thiện.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến.

Vị Tỷ kheo hữu học,
Hành như lý tác ý,
Không một pháp nào khác,
Nhiều lợi ích như vậy.
Để đạt cho bằng được,
Lợi ích thật tối thượng.
Vị Tỷ kheo như lý,
Tinh tấn và tinh cần,
Có thể thành đạt được,
Sự đoạn diệt khổ đau.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

(XVII) (Ek II. 7) (It. 10)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, với vị Tỷ-kheo hữu học, tâm chưa thành tựu, đang sống cần cầu vô thượng an ổn khỏi các triền ách, sau khi làm thành ngoại chi phần, Ta không thấy một chi phần nào khác, được nhiều lợi ích như vậy, này các Tỷ-kheo, tức là làm bạn với thiện. Này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo làm bạn với thiện, từ bỏ bất thiện, tu tập thiện.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến.

Tỷ-kheo làm bạn thiện,
Tôn kính và kính trọng,
Làm theo những lời nói,
Của bạn bè thân hữu,
Tỉnh giác và chánh niệm,
Vị ấy sẽ tuần tự,
Đạt được sự hoại diệt,
Tất cả mọi kiết sử.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

(XVIII) (Ek II, 8) (It. 10)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, có một pháp khởi lên ở đời, khi khởi lên đem lại bất hạnh cho nhiều người, đem lại bất lợi cho nhiều người, đem lại không lợi ích cho nhiều người, đem lại bất hạnh, đau khổ cho chư Thiên và loài Người.

Thế nào là một pháp? Phá hòa hợp Tăng. Này các Tỷ-kheo, khi chúng Tăng bị phá hoại, thì có những tranh luận với nhau, có những mắng nhiếc lẫn nhau, có những ngăn cách lẫn nhau, có những từ bỏ lẫn nhau. Ở tại đấy, những người không hòa hợp, không đi đến hòa hợp và những người có hòa hợp, sự nhất trí đi đến nơi khác.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

Bị rơi vào đọa xứ,
Bị rơi vào địa ngục,
Trú đến trọn cả kiếp,
Người phá hòa hợp Tăng.
Ưa thích phá hòa hợp,
An trú trên phi pháp,
Rơi rớt, vượt ra khỏi.
An ổn khỏi khổ ách;
Kẻ phá sự hòa hợp,
Của Tăng chúng hòa hợp,
Bị nung nấu trọn kiếp,
Trong cảnh giới địa ngục.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

(XIX) (Ek II, 9) (It. 11)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo có một pháp khởi lên ở đời, khi khởi lên đem lại hạnh phúc cho nhiều người, đem lại lợi ích cho nhiều người, không đem lại lợi ích cho nhiều người, không đem lại bất hạnh, đau khổ cho chư Thiên và loài Người.

Thế nào là một pháp? Sự hòa hợp chúng Tăng. Này các Tỷ-kheo, khi chư Tăng được hòa hợp, không có những tranh luận với nhau, không có những mắng nhiếc lẫn nhau, không có những ngăn cách lẫn nhau, không có những từ bỏ lẫn nhau. Ở tại đây, những người không hòa hợp đi đến hòa hợp, và những người hòa hợp lại càng hòa hợp hơn nữa.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến.

Hạnh phúc là chúng Tăng,
Được sống trong hòa hợp,
Giúp đỡ, ưa hòa hợp,
Thích hòa hợp, trú pháp
Không rơi rớt, vượt khỏi,
An ổn khỏi khổ ách,
Kẻ tạo được hòa hợp,

Giữa Tăng chúng Tỷ-kheo,
Trọn kiếp được an vui,
Trong cảnh giới chư Thiên.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

(XX) (Ek II, 11) (It. 12)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Ở đây này các Tỷ-kheo, với tâm của Ta, Ta rõ biết tâm của một người ác ý như vậy, và nếu trong thời gian này, người này mạng chung, như vậy tương xứng người này bị rơi vào địa ngục. Vì cớ sao? Này các Tỷ-kheo, vì tâm người ấy ác ý. Này các Tỷ-kheo, vì nhân tâm ác ý, như vậy ở đây một số loài hữu tình su khi thân hoại mạng chung bị sanh vào cõi ác, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

Biết được tâm ác ý,
Của hạng người ở đời,
Đức Phật giữa Tỷ-kheo,
Đã nói ý nghĩa này.
Chính trong thời gian này,
Người ấy bị mạng chung,
Sẽ bị sanh địa ngục,
Vì tâm nó ác độc,
Tùy theo lấy những gì,
Tương xứng bị rơi xuống,
Như vậy được tương xứng,
Do nhân tâm ác ý,
Chúng sanh đi ác thú.

Ý nghĩa này đã được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

PHẨM III

(XXI) (Ek III, 1) (It. 13)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-há nói đến, và tôi đã được nghe:

Ở đây, này các Tỷ-kheo, với tâm của Ta, Ta rõ biết tâm của một người thiện ý như vậy, và nếu trong thời gian này, người này mạng chung, như vậy tương xứng, người này được sanh lên thiên giới. Vì có sao? Này các Tỷ-kheo, vì tâm người ấy thiện ý. Này các Tỷ-kheo, vì nhân tâm thiện ý, như vậy ở đây, một số loài hữu tình, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

Biết được tâm thiện ý,
Của hạng người ở đời,
Đức Phật giữa Tỷ-kheo,
Đã nói ý nghĩa này,
Chính trong thời gian này,
Người ấy bị mạng chung,
Người ấy sẽ được sanh,
Lên thiên giới thiện thú,
Vì tâm có thiện ý,
Tuỳ theo lấy những gì,
Tương xứng được lãnh thọ,
Như vậy được tương xứng.
Do nhân tâm thiện ý,
Chúng sanh đi thiện thú.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến, và tôi đã được nghe.

(XXII) (Ek III, 2) (It. 14)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, chớ có sợ hãi các công đức. Này các Tỷ-kheo, công đức là đồng nghĩa với an lạc, cái gì khả lạc, khả hỷ, khả ái, khả ý, tức là công đức. Này các Tỷ-kheo, Ta thắng tri thọ hưởng quả dị thục, khả lạc, khả hỷ, khả ái, khả ý trong một thời gian dài của các công đức đã làm trong một thời gian dài. Sau khi tu tập từ tâm trong bảy năm, Ta đã không trở lui lại đời này trong bảy tăng kiếp và hoại kiếp. Trong thời kỳ kiếp tăng, Ta là chư Thiên Quang Âm; Trong thời kỳ kiếp giảm, Ta sanh trong lâu đài trống không ở Phạm Thiên. Tại đấy Ta là Phạm Thiên, Đại Phạm Thiên bậc chinh phục, bậc không bị ai chinh phục, bậc nhìn thấy tất cả, bậc có quyền lực. Này các Tỷ-kheo, ba mươi sáu lần Ta đã là Thiên chủ Đế Thích. Nhiều trăm lần, Ta đã làm vua, vị vua Chuyển Luân, trị vì đúng pháp, bậc Pháp vương, bậc chiến thắng bốn phương, bậc đã đạt được sự an ổn trong quốc độ, bậc đầy đủ bảy báu. Còn nói gì khi Ta là vị vua ở địa phương. Này các Tỷ-kheo, Ta suy nghĩ như sau: "Quả này là do nghiệp nào Ta đã làm, là quả dị thục của nghiệp nào mà nay, Ta được đại thần lực như vậy, đại uy lực như vậy? ". Rồi này các Tỷ-kheo, Ta suy nghĩ như sau: "Đây là quả ba nghiệp Ta đã làm, là quả dị thục của ba nghiệp, do vậy Ta nay được đại thần lực như vậy, đại uy lực như vậy. Tức là bố thí, nhiếp phục, chế ngự ".

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

Hãy để cho vị ấy,
Học tập về công đức,
Công đức là lạc căn,
Tối thượng trong tương lai,
Hãy tu tập bố thí,
Sống nếp sống an tịnh,
Và tu tập từ tâm.
Sau khi đã tu tập,
Các pháp này như vậy,
Tức là cả ba pháp,
Khiến an lạc sanh khởi,
Bậc Hiền trí được sanh
Trong thế giới an lạc,
Thế giới không sân hận.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến, và tôi đã được nghe.

(XXIII) (Ek III,3) (It. 16)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Có một pháp, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đem lại hai lợi ích, an trú ngay hiện tại và lợi ích cho tương lai.

Thế nào là một pháp? Không phóng dật trong các thiện pháp. Này các Tỷ-kheo, đây là một pháp được tu tập, được làm cho sung mãn, đem lại được hai lợi ích, an trú ngay trong hiện tại và lợi ích cho tương lai.

Thế Tôn đã nói lên lợi ích này. Ở đây, điều này được nói đến.

Bậc Hiền trí tán thán,
Không phóng dật hành thiện,
Bậc Hiền không phóng dật,
Đem lại hai lợi ích,
Lợi ích ngay đời này,
Và lợi ích tương lai
Bậc trí do thắng trí,
Chứng đắc được lợi ích,
Nên được gọi bậc trí.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến, và tôi đã được nghe.

(XXIV) (Ek III, 4) (It. 17)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Các xương của một người, này các Tỷ-kheo, chạy dài, lưu chuyển có thể lớn như một đồi xương, một chồng xương, một đống xương, như núi Vepulla này, nếu có người thâu người lượm xương lại, gìn giữ chúng không làm chúng hủy hoại.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây điều này được nói đến.

Chồng chất như xương người,
Chỉ sống có một kiếp,
Chất đống bằng hòn núi,
Bậc Đại sĩ nói vậy,
Đống xương ấy được nói,
Lớn như Vepulla,
Phía Bắc núi Linh Thứu,
Thành núi Magadha,
Người thấy bốn sự thật,
Với chân chánh trí tuệ
Khổ và khổ tập khởi
Sẽ vượt qua đau khổ
Con đường Thánh tám ngành,
Dẫn đến khổ tịnh chỉ,
Người ấy phải luân chuyển,
Tối đa là bảy lần,
Là vị đoạn tận khổ,
Đoạn diệt mọi kiết sử.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến, và tôi đã được nghe.

(XXV) (Ek III, 5) (It. 18)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe.

Phàm một người nào đã vi phạm một pháp, Ta nói rằng không có ác nghiệp nào vị ấy không làm được. Thế nào là một pháp? Này các Tỷ-kheo, tức là rõ biết mà nói láo.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

Người nào đã nói láo,
Là vi phạm một pháp,
Không kể đến đời sau,
Không ác gì không làm.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến, và tôi đã được nghe.

(XXVI) (Ek III, 6) (It. 18)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, nếu các chúng sanh có thể biết như Ta đã biết, quả dị thục của sự san sẻ bố thí họ sẽ không thụ hưởng nếu họ không bố thí và uế nhiễm xan tham không có ám ảnh tâm của họ và an trú. Dầu là miếng cuối cùng của họ, dầu là miếng ăn tối hậu, họ sẽ không thọ hưởng nếu họ không san sẻ, khi có người nhận của họ. Do vậy, này các Tỷ-kheo, nếu các chúng sanh không biết như Ta đã biết quả dị thục của san sẻ bố thí họ sẽ thọ hưởng, không có bố thí, và uế nhiễm xan tham ám ảnh tâm của họ và an trú.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

Nếu các hàng chúng sanh,

Có thể biết như vậy,
Như bậc Đại ẩn sĩ,
Đã nói, tuyên bố lên,
Qua dị thục lớn thay,
Của san sẻ bố thí!
Nhiếp phục uế xan tham,
Với tâm thật thanh tịnh
Đúng thời họ bố thí,
Đối với các thánh nhân,
Tại đây bố thí vậy,
Có quả thật to lớn
Cho nhiều các thức ăn,
Kính lễ người đáng kính,
Từ đãy xả, từ bỏ,
Địa vị làm con người,
Các người làm bố thí
Được đi đến cõi Trời,
Họ đi đến cõi trời,
Tại đấy chúng hoan hỷ,
Với mọi điều sở thích,
Họ thọ hưởng như ý,
Vị không có xan tham,
Được thọ hưởng đầy đủ,
Quả dị thục của chúng,
Nhờ san sẻ bố thí.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

(XXVII) (Ek III, 7) (It. 19)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, phàm có những phước nghiệp sự nào đưa đến sanh y, tất cả những nghiệp sự ấy không bằng một phần mười sáu từ tâm giải thoát. Chỉ có từ tâm giải thoát vượt qua chúng những nghiệp sự ấy, chói sáng, bừng sáng và rực sáng.

Này các Tỷ-kheo, ví như ánh sáng của chùm sao, tất cả ánh sáng ấy không bằng một phần mười sáu ánh sáng của mặt trăng. Ánh sáng của mặt trăng vượt quả ánh sáng của chùm sao chói sáng, bừng sáng, và rực sáng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có những nghiệp vụ đưa đến sanh y, tất cả những nghiệp vụ ấy không bằng một phần mười sáu từ tâm giải thoát. Chỉ có từ tâm giải thoát, vượt qua chúng, chói sáng, bừng sáng và rực sáng.

Này các Tỷ-kheo, ví như vào tháng cuối mùa mưa, vào mùa thu, trên bầu trời thanh tịnh, các mây được quét sạch, mặt trời mọc lên trên bầu trời, phá tan mọi tối tăm ở hư không, chói sáng, bừng sáng và rực sáng. Cũng vậy này các Tỷ-kheo, phàm có những nghiệp vụ đưa đến sanh y, tất cả những nghiệp vụ ấy không bằng một phần mười sáu từ tâm giải thoát. Chỉ có từ tâm giải thoát, vượt qua chúng, chói sáng, bừng sáng và rực sáng.

Ví như này các Tỷ-kheo, vào tháng cuối mùa mưa, vào tiết mùa thu, khi hư không mở rộng không có mây mù, mặt trời vươn thẳng lên trời không, quét sạch mọi tối tăm trên trời, chói sáng, bừng sáng và rực sáng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có những nghiệp vụ nào đưa đến sanh y, tất cả những nghiệp vụ

ấy không bằng một phần mười sáu từ tâm giải thoát. Chỉ có từ tâm giải thoát vượt qua chúng, chói sáng, bừng sáng và rực sáng.

Ví như này các Tỷ-kheo, khi đêm đã gần tàn, sao mai chói sáng, bừng sáng và rực sáng. Cũng vậy này các Tỷ-kheo, phàm có những nghiệp vụ nào đưa đến sanh y, tất cả những nghiệp vụ ấy không bằng một phần mười sáu từ tâm giải thoát. Chỉ có từ tâm giải thoát vượt qua chúng, chói sáng, bừng sáng và rực sáng.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến.

Ai tu tập từ tâm,
Không phóng dật chánh niệm,
Các kiết sử giảm thiểu,
Nhờ thấy sanh y diệt.
Nếu tâm không độc ác,
Đối với một hữu tình,
Với từ tâm như vậy,
Vị ấy là bậc Thiện,
Với tâm tư từ mẫn,
Đối tất cả hữu tình,
Bậc Thánh tự tác thành,
Công đức thật vô lượng.
Ai chiến thắng quả đất,
Đầy dẫy những hữu tình,
Bậc vua chúa chơn chánh,
Như các vị tiên nhân,
Tổ chức khắp mọi nơi,
Đủ các loại tế đàn,
Lễ tế đàn với ngựa,
Lễ tế đàn với người,
Quăng cọc, rượu chiến thắng,
Lễ chốt cửa dẹp lại,
Họ không tác thành được
Một phần thứ mười sáu,
Với người khéo tu tập,
Tâm ý thật từ mẫn,
Như ánh sáng mặt trăng,
Thắng sáng mọi vì sao,
Ai không có giết hại,
Không khiến người giết hại,
Không có chinh phục người,
Không khiến người chinh phục,
Với tâm tư từ mẫn,
Đối với mọi chúng sanh,
Vị ấy không hận thù,
Đối với bất cứ ai.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến, và tôi đã được nghe.

CHƯƠNG II - HAI PHÁP
PHẨM I

(XXVIII) (Duk. I, 1) (It. 22)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ hai pháp, ngay trong hiện tại, an trú đau khổ có hoạn nạn, có ưu não, có nhiệt não, sau khi thân hoại mạng chung, chờ đợi là ác thú. Thế nào là hai? Không hộ trì các căn và không tiết độ trong ăn uống. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ hai pháp này, ngay trong hiện tại an trú đau khổ, có hoạn nạn, có ưu não, có nhiệt não, sau khi thân hoại mạng chung, chờ đợi là ác thú.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

Mắt, tai, mũi và lưỡi,
Kể cả thân và ý,
Những cửa này ở đây,
Tỷ-kheo không hộ trì,
Ăn uống không tiết độ,
Đau khổ về thân thể,
Các căn không hộ trì,
Đau khổ về tâm tư
Vị ấy phải thọ lãnh
Những đau khổ như vậy,
Thân thể bị thiêu đốt,
Tâm tư bị thiêu đốt,
Dầu là đêm hay ngày,
An trú khổ như vậy.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến, và tôi đã được nghe.

(XXIX) (Duk. I, 2) (It. 23)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ hai pháp, ngay trong hiện tại, an trú an lạc, không có hoạn nạn, không có ưu não, không có nhiệt não, sau khi thân hoại mạng chung, được chờ đợi là thiện thú. Thế nào là hai? Hộ trì các căn và tiết độ trong ăn uống. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ hai pháp này, ngay trong hiện tại, an trú an lạc, không có hoạn nạn, không có ưu não, không có nhiệt não, sau khi thân hoại mạng chung, được chờ đợi là thiện thú.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

Mắt, tai, mũi và lưỡi,
Kể cả thân và ý,
Những cửa này ở đây,
Tỷ-kheo khéo hộ trì,
Ăn uống có tiết độ,
An lạc về thân thể,
Các căn có hộ trì,
An lạc về tâm tư,

Vị ấy được thọ lãnh
Những an lạc như vậy.
Thân không bị thiêu đốt,
Tâm không bị thiêu đốt,
Dầu là đêm hay ngày,
An trú lạc như vậy.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến, và tôi đã được nghe.

(XXX) (Duk. I, 3) (It. 24)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, có hai pháp này làm cho nung nấu. Thế nào là hai? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người không làm điều lành, không làm điều thiện, không che chở người sợ hãi, làm điều ác, ngoan cố trong việc làm, làm điều không thiện. Người ấy bị nung nấu bởi ý nghĩ: "Ta đã làm điều ác ". Này các Tỷ-kho, hai pháp này làm cho nung nấu.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến.

Làm xong thân ác hạnh,
Hay nói các lời ác,
Làm xong ý ác hạnh,
Hay bất cứ gì khác
Có liên hệ lỗi lầm.
Không làm các nghiệp lành,
Làm các điều bất thiện,
Khi thân hoại mạng chung,
Người có ác trí tuệ
Bị sanh vào địa ngục.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến, và tôi đã được nghe.

(XXXI) (Duk. I,4) (It. 25)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, có hai pháp không làm cho nung nấu. Thế nào là hai? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người làm điều lành, làm điều thiện, che chở người sợ hãi, không làm điều ác, không ngoan cố trong việc làm, làm điều thiện. Người ấy không bị nung nấu vì nghĩ rằng: "Ta đã làm điều lành ", không bị nung nấu vì nghĩ rằng: "Ta không làm điều ác ". Này các Tỷ-kheo, hai pháp này không làm cho nung nấu.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

Từ bỏ thân làm ác,
Hay nói các lời ác,
Từ bỏ ý ác hành,
Hay bất cứ gì khác
Có liên hệ lỗi lầm.

Không làm các nghiệp ác,
Làm nhiều điều thiện sự,
Khi thân hoại mạng chung,
Người có thiện trí tuệ,
Được sanh lên cõi trời.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến, và tôi đã được nghe.

(XXXII) (Duk. I,5) (It. 26)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, đầy đủ hai pháp, một người như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thế nào là hai? Ác giới và ác kiến. Này các Tỷ-kheo, đầy đủ hai pháp này, một người, như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

Người nào được thành tựu,
Đầy đủ hai pháp này,
Đầy đủ với ác giới,
Và đầy đủ ác kiến,
Khi thân hoại mạng chung,
Người có ác trí tuệ,
Người ấy phải bị sanh,
Vào cảnh giới địa ngục.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến, và tôi đã được nghe.

(XXXIII) (Duk. I,6) (It. 26)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Đầy đủ hai pháp, này các Tỷ-kheo, một người như vậy tương xứng được sanh lên thiên giới. Thế nào là hai? Giới hiền thiện và Kiến hiền thiện. Đầy đủ hai pháp này, này các Tỷ-kheo, một người như vậy tương xứng được sanh lên thiên giới. Thế nào là hai? Giới hiền thiện và Kiến hiền thiện. Đầy đủ hai pháp này, này các Tỷ-kheo, một người như vậy tương xứng được sanh lên thiên giới.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

Người nào được thành tựu,
Đầy đủ hai pháp này,
Đầy đủ Giới hiền thiện,
Đầy đủ Kiến hiền thiện
Khi thân hoại mạng chung,
Người có chánh trí tuệ,
Người ấy sẽ được sanh
Vào cảnh giới cõi trời

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến, và tôi đã được nghe.

(XXXIV) (Duk. I,7) (It. 27)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không có nhiệt tình, không có sợ hãi, không có thể chứng được Chánh giác, không có thể chứng được Niết-bàn, không có thể chứng được vô thượng an ổn khỏi các khổ ách. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có nhiệt tình, có sợ hãi, có thể chứng được giác ngộ, có thể chứng được Niết-bàn, có thể chứng được vô thượng an ổn khỏi các khổ ách.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

Người không có nhiệt tình,
Không có biết sợ hãi,
Biếng nhác, không tinh cần,
Nhiều hôn trầm thụy miên,
Không biết đến xấu hổ,
Không có lòng tôn kính,
Vị Tỷ-kheo như vậy,
Không có thể đạt tới,
Tối thượng Chánh-Đẳng-Giác.
Ai giữ được chánh niệm,
Thông minh, tu thiền định,
Nhiệt tình, biết sợ hãi,
Và không có phóng dật,
Sau khi chặt đứt được
Kiết sử sanh và già,
Ở đây có thể đạt,
Chánh Đẳng Giác vô thượng.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

(XXXV) (Duk. I,8) (It. 28)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, Phạm hạnh được sống, không vì mục đích lừa dối quần chúng, không vì mục đích nịnh hót quần chúng, không vì mục đích được lợi ích, lợi dưỡng, cung kính, danh vọng, nghĩ rằng: "Mong rằng quần chúng biết đến ta". Này các Tỷ-kheo, Phạm hạnh được sống vì mục đích chế ngự và vì mục đích đoạn tận.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nghe:

Với mục đích chế ngự,
Với mục đích đoạn tận,
Không kể người nói gì,
Thế Tôn đã thuyết giảng
Về nếp sống Phạm hạnh,
Một nếp sống đưa đến
Thể nhập vào Niết-bàn,
Đường này là con đường

Được các bậc Đại nhân,
Được các Đại ẩn sĩ,
Noi theo và thực hiện,
Và những ai dấn bước,
Chính trên con đường ấy,
Như đức Phật đã dạy,
Sẽ làm khổ lắng dịu,
Và thực hành làm đúng,
Như lời Đạo sư dạy.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

(XXXVI) (Duk. I,9) (It. 26)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, Phạm hạnh được sống, không vì mục đích lừa dối quần chúng, không vì mục đích nịnh hót quần chúng, không vì mục đích được lợi ích, lợi dưỡng, cung kính, danh vọng, nghĩ rằng: "Mong rằng quần chúng biết đến ta". Này các Tỷ-kheo, Phạm hạnh được sống vì mục đích thắng tri, vì mục đích liễu tri.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

Với mục đích thắng tri,
Với mục đích liễu tri
Không kể người nói gì,
Thế Tôn đã thuyết giảng
Về nếp sống Phạm hạnh,
Một nếp sống đưa đến,
Thể nhập vào Niết-bàn,
Đường này là con đường
Được các bậc Đại nhân,
Được các Đại ẩn sĩ
Noi theo và thực hiện,
Và những ai dấn bước,
Chính trên con đường ấy,
Như đức Phật đã dạy.
Sẽ làm khổ lắng dịu,
Và thực hành làm đúng,
Như lời Đạo sư dạy.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

(XXXVII) (Duk. I,10) (It. 27)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Đầy đủ hai pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ngay trong hiện tại an trú với nhiều lạc hỷ, như lý nỗ lực để diệt tận các lậu hoặc. Thế nào là hai? Với sự hứng khởi đối với những trường hợp đáng phấn khởi, và như lý tinh cần đối với phấn khởi. Thành tựu hai pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ngay trong hiện

tại sống với nhiều lạc hỷ, như lý nỗ lực để diệt tận các lậu hoặc.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến.

Bậc có trí phấn khởi,
Trường hợp đáng phấn khởi,
Vị Tỷ-kheo nhiệt tình,
Thông minh và cẩn trọng,
Quán xuyến nhìn sự vật,
Với trí tuệ Bát-nhã,
Nhiệt tình trú như vậy,
Sống đời sống an tịnh,
Không bồng bột hăng say,
Chú lực tâm tịnh chỉ,
Có thể đạt chứng được,
Đoạn diệt các khổ đau.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

PHẨM II

(XXXVIII) (Duk. II, 1) (It. 31)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo. Với Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, hai tầm tứ được hành trì nhiều đó là an ổn và ẩn dật. Này các Tỷ-kheo, Như Lai ưa thích không làm hại, thích thú không làm hại. Với Như Lai ấy, này các Tỷ-kheo, ưa thích không làm hại này, thích thú không làm hại này, tầm tứ này được hành trì nhiều. "Với cử chỉ uy nghi này Ta không làm hại một ai, dầu là loài động vật hay không động vật". Này các Tỷ-kheo, Như Lai ưa thích ẩn dật, thích thú ẩn dật. Với Như Lai ấy, này các Tỷ-kheo, ưa thích ẩn dật này, thích thú ẩn dật. Với Như Lai ấy, này các Tỷ-kheo, ưa thích ẩn dật này, thích thú ẩn dật này, tầm tứ này được hành trì nhiều! Phàm có bất thiện gì, thì đều được đoạn tận. Do vậy, này các Tỷ-kheo, các Thầy hãy an trú, hân hoan trong không làm hại, thích thú trong không làm hại. Này các Tỷ-kheo, với các Thầy an trú, hân hoan trong không làm hại, thích thú trong không làm hại, tầm tứ này sẽ được hành trì nhiều. "Với cử chỉ uy nghi naỳ, chúng ta không làm hại một ai, dầu là loài động vật hay không động vật". Này các Tỷ-kheo, hãy an trú hân hoan trong ẩn dật, thích thú trong ẩn dật. Này các Tỷ-kheo, với các Thầy an trú hân hoan trong ẩn dật, thích thú trong ẩn dật, tầm tứ này sẽ được hành trì nhiều. Còn có gì bất thiện, còn có gì chưa đoạn tận, còn có gì chúng ta phải từ bỏ nữa đâu?

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

Như Lai, bậc Giác ngộ,
Bậc có thể nhẫn nại,
Những gì mà người khác,
Không có thể nhẫn nại,
Hai tầm tứ, vị ấy
Hành trì và thực hiện,
Trước hết được nói đến,
Là an ổn tầm tứ,
Thứ đến là ẩn dật,
Thứ hai được trình bày,
Phá tan màn hắc ám,
Đã đến bờ bên kia,
Bậc Đại sĩ đạt được,
Quyền lực không lậu hoặc,
Đạt thân mạng tối hậu
Trong ái diệt, giải thoát.
Vị ẩn sĩ như vậy,
Chắc mang thân tối hậu,
Ta nói rằng vị ấy
Từ bỏ được kiêu mạn,
Thoát khỏi được già lão,
Đạt được bờ bên kia.
Như đứng trên tảng đá,
Trên đỉnh núi đầu non,
Đưa mắt nhìn xung quanh,
Quần chúng dưới chân mình,
Cũng vậy bậc Thiện tuệ,
Leo lên lầu Chánh pháp
Biến nhãn không sầu muộn,

Nhìn xuống đám quần sanh,
Bị ưu tư sầu khổ,
Bị sanh già áp bức.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

(XXXIX) (Duk. II, 2) (It. 33)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Có hai loại thuyết pháp của Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh-Ðẳng Giác, cái này tiếp nối cái kia. Thế nào là hai? "Hãy thấy ác là ác", đây là thuyết pháp thứ nhất. Sau khi thấy ác là ác, ở đây, "Hãy nhàm chán, hãy từ bỏ, hãy thoát ly", đây là thuyết pháp thứ hai. Này các Tỷ-kheo, có hai loại thuyết pháp này của Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Ðẳng Giác, cái này tiếp nối cái kia.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

Với Như Lai, Phật Ðà,
Từ mẫn mọi chúng sanh,
Hãy thấy lời thuyết giảng,
Tuần tự pháp theo pháp,
Hai pháp được trình bày,
Một là hãy nhìn rõ,
Pháp ác là pháp ác
Và chính tại ở đây,
Từ bỏ, không tham đắm.
Từ đây, không tham đắm,
Hãy làm cho an tịnh,
Mọi khổ đau phiền não.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

(XL) (Duk. II, 3) (It. 34)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, vô minh đi trước, làm cho đạt được các pháp bất thiện; tiếp theo là không xấu hổ, không sợ hãi. Này các Tỷ-kheo, minh đi trước, làm cho đạt được các pháp thiện; tiếp theo là xấu hổ và sợ hãi.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

Phàm có ác thú gì,
Ðời này và đời sau,
Tất cả do vô minh,
Làm gốc, làm cội rễ,
Dục tham được cất chứa,
Vì rằng kẻ ác dục,
Không xấu hổ, không kính,
Từ đó nó khởi ác,

Do vậy đi đọa xứ.
Vậy hãy nên từ bỏ,
Dục tham và vô minh,
Muốn minh được sanh khởi,
Tỷ-kheo cần từ bỏ
Tất cả mọi ác thú.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

(XLI) (Duk. II, 4) (It. 35)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, những chúng sanh nào bị thối đọa khỏi Thánh trí tuệ, những chúng sanh ấy là khéo thối đọa, ngay trong hiện tại, họ an trú trong đau khổ, với tàn hại, với ưu não, với nhiệt não. Sau khi thân hoại mạng chung, chờ đợi là ác thú. Này các Tỷ-kheo, những chúng sanh nào không bị thối đọa khỏi Thánh trí tuệ, những chúng sanh ấy không có thối đọa. Ngay trong hiện tại, họ an trú trong an lạc, không có tàn hại, không có ưu não, không có nhiệt não. Sau khi thân hoại mạng chung, chờ đợi là thiện thú.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

Thối đọa khỏi trí tuệ,
Hãy nhìn xem, thế giới
Với hàng ngũ chư Thiên,
An trú trong danh sắc,
Nghĩ rằng: "Đây sự thật"
Nhưng thù thắng ở đời,
Lại chính là trí tuệ,
Chính tuệ dắt dẫn đến
Thể nhập được Niết-bàn,
Và chơn chánh quán tri,
Sự hoại diệt sanh hữu,
Chư Thiên và loài Người,
Hoan hỷ được chiêm ngưỡng,
Chư Phật Chánh Đẳng Giác,
Những bậc giữ chánh niệm,
Đầy đủ với trí tuệ,
Mang thâm này cuối cùng.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

(XLLII) (Duk. II, 5) (It. 36)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, có hai pháp trắng này che chở cho đời. Thế nào là hai? Xấu hổ và sợ hãi. Này các Tỷ-kheo, nếu hai pháp này không che chở cho đời, thời ở đây không có sự phân biệt giữa mẹ, chị em của mẹ, vợ của anh em của mẹ hay giữa vợ của bậc giáo thọ sư, giữa những người vợ của những bậc đáng được kính trọng; thế giới sẽ rơi vào loạn luân như các loài dê cừu, gia cầm, heo, chó và các con chó rừng. Vì rằng, này các Tỷ-kheo, có hai pháp trắng này che chở cho đời, cho nên ở đây có sự phân biệt

giữa mẹ, chị em của mẹ, vợ của anh em của mẹ, hay vợ của bậc giáo thọ sư, giữa những người vợ của những bậc đáng được kính trọng.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

Với những ai không có,
Xấu hổ và sợ hãi,
Liên tục và thường xuyên,
Họ đi xuống bào thai,
Dựa trên gốc tinh dịch
Họ đi đến sanh tử,
Với những ai chánh trí,
Xấu hổ và sợ hãi,
Liên tục và thường xuyên,
Vững trú trên Phạm hạnh,
Họ được sự an tịnh,
Tái sanh được diệt tận.

ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

(XLIII) (Duk. II, 6) (It. 37)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, có hai cái không sanh, không hiện hữu, không tác thành, không làm ra. Này các Tỷ-kheo, nếu không có cái không sanh, không hiện hữu, không tác thành, không làm ra, thì ở đây không thể trình bày được sự xuất ly khỏi sanh, khỏi hiện hữu, khỏi tác thành, khỏi làm ra. Do vì, này các Tỷ-kheo, có cái không sanh, không hiện hữu, không tác thành, không làm ra, nên có thể trình bày được sự xuất ly khỏi sanh, khỏi hiện hữu, khỏi tác thành, khỏi làm ra.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

Có cái sanh, hiện hữu,
Cái khởi lên làm ra,
Hữu vi không thường hằng,
Tác thành ra già chết,
Một ổ của bệnh hoạn,
Mỏng manh, giòn, dễ vỡ,
Nhờ đồ ăn nuôi dưỡng,
Nên mới được hiện hữu,
Vật ấy thật không đủ
Để hoan hỷ ưa thích,
Thật có cái xuất ly,
Ra khỏi được cái ấy,
Thật có vượt lý luận,
Thường hằng, không sanh khởi,
Không có cái khởi lên,
Con đường không cấu uế,
Không đưa đến sầu muộn,
Đoạn diệt các pháp khổ,

Sự tịnh chỉ mọi hành,
An lạc thật tịnh lạc.

Ý nghĩa này đã được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

(XLIV) (Duk. III, 7) (It. 38)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, có hai Niết-bàn giới này. Thế nào là hai? Niết bàn giới có dư y và Niết-bàn giới không có dư y.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là Niết-bàn giới có dư y? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là bậc A-la-hán, các lậu hoặc đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích, hữu kiết sử đã diệt, đã giải thoát nhờ chánh trí. Trong vị ấy, năm căn còn tồn tại, ngang qua các căn ấy, vị ấy hưởng thọ khả ý, không khả ý vì rằng tự ngã không có thương hại cảm giác lạc khổ. Với vị ấy, tham diệt, sân diệt, si diệt. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là Niết-bàn có dư y.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là Niết-bàn giới không có dư y? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là bậc A-la-hán, các lậu hoặc đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích, hữu kiết sử đã diệt, đã giải thoát nhờ chánh trí. Ở đây, đối vị ấy, mọi cảm thọ đều không có hoan hỷ ưa thích, sẽ được lắng dịu. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là Niết-bàn không có dư y. Này các Tỷ-kheo có hai Niết-bàn giới này.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này, ở đây điều này được nói đến.

Hai Niết-bàn giới này,
Được vị có pháp nhãn,
Trình bày và thuyết giảng,
Không y tựa như vậy,
Một loại Niết-bàn giới,
Ở đây, thuộc hiện tại
Còn có các dư y,
Nuôi dưỡng hữu bị diệt.
Không dư y Niết bàn,
Lại thuộc về tương lai,
Với vị đạt giới này,
Mọi hữu diệt hoàn toàn.
Những ai với chánh trí,
Biết con đường vô vi,
Tâm tư được giải thoát,
Nuôi dưỡng hữu bị diệt,
Những ai chứng đạt được
Gốc lõi của các pháp,
Hoan hỷ trong diệt tận,
Những vị ấy như vậy,
Đã từ bỏ hoàn toàn,
Tất cả mọi sanh hữu.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

(XLV) (Duk. II, 8) (It 39)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, hãy sống ưa muốn ẩn dật thiền định, thích thú ẩn dật thiền định, chuyên chú nội tâm tịnh chỉ, không gián đoạn thiền tịnh, thành tựu quán tri, hành trì hạnh đi đến các ngôi nhà trống. Này các Tỷ-kheo sống ưa muốn ẩn dật thiền định, thích thú ẩn dật thiền tịnh, chuyên chú vào nội tâm tịnh chỉ, không gián đoạn thiền tịnh, thành tựu quán trí, hành tri hạnh đi đến các ngôi nhà trống, thời được chờ đợi là một trong hai quả này: ngay trong hiện tại được chánh trí, hay nếu có dư y, được quả Bất Lai.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

Những ai tâm an tịnh,
Thông minh và thận trọng,
Chánh niệm tu thiền định,
Quán nhìn pháp chơn chánh,
Không chờ đợi ham muốn,
Đối với các loại dục,
Ưa muốn không phóng dật,
Sống an tịnh có mặt,
Thấy được sự sợ hãi,
Trong nếp sống phóng dật,
Họ không bị thối đọa,
Họ đến gần Niết bàn.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

(XLVI) (Duk. II, 9) (It. 40).

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, hãy an trú cho lợi ích của học tập, cho trí tuệ tối thượng, cho lõi cây giải thoát, cho niệm được tăng thượng. Này các Tỷ-kheo, an trú cho lợi ích của học tập, cho trí tuệ tối thượng, cho lõi cây giải thoát, cho niệm được tăng thượng, thời được chờ đợi là một trong hai quả này: được chánh tri ngay trong hiện tại, hay nếu có dư y, chứng được Bất-lai.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

Bậc hữu học viên mãn,
Không còn bị thối đọa,
Đạt tối thượng trí tuệ,
Thấy sanh được diệt tận.
Ta nói chắc chắn rằng,
ẩn sĩ Mâu-ni ấy,
Mang sắc thân cuối cùng.
Đã từ bỏ kiêu mạn,
Đã vượt qua bờ kia,
Thoát khỏi sự già yếu.

Do vậy hãy luôn luôn,
Vui trong thiền, thiền định,
Nhiệt tâm và nỗ lực,
Thấy sanh được diệt tận,
Hỡi này các Tỷ-kheo,
Hãy nhiếp phục ma quân,
Tu tập vượt qua được,
Thoát khỏi sự già chết.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

(LVIII) (Duk. II, 10) (It. 41)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo phải sống cảnh giác, chánh niệm, tỉnh giác, thiền định, hoan hỷ, tín thành, và ở đây quán tri đúng thời trong các pháp thiện. Này các Tỷ-kheo, với Tỷ-kheo sống cảnh giác, chánh niệm, tỉnh giác, thiền định, hoan hỷ, tín thành, quán tri đúng thời trong các pháp thiện, thời được chờ đợi là một trong hai quả này: Được chánh tri ngay trong hiện tại, hay nếu có dư y, chứng được Bất lai.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến.

Hỡi các bậc cảnh giác,
Hãy lắng nghe điều này,
Những ai còn nằm ngủ,
Hãy thức dậy tỉnh thức,
Thức tỉnh là tốt hơn,
Hơn kẻ đang nằm ngủ,
Đối với người thức tỉnh,
Không có sự sợ hãi,
Người thức tỉnh, thức giấc,
Chánh niệm và tỉnh giác,
Thiền định, tâm hoan hỷ,
Nhiệt tình đầy tín thành,
Chơn chánh biết thời giờ,
Thắng quán đến Chánh pháp,
Đạt được sự nhất tâm,
Quét sạch mọi tăm tối.
Do vậy hãy tu tập,
Thức tỉnh và nhiệt tình,
Vị Tỷ-kheo thông minh,
Thận trọng, chứng cảnh thiền,
Chặt đứt các kiết sử,
Trói buộc sanh với già,
Chính tại ở đời này,
Chứng chánh giác Vô thượng.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

(XLVIII) (Duk. II, 11) (It. 42)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, có hai hạng người bị đọa lạc, bị đọa vào địa ngục nếu họ không đoạn tận lỗi lầm của họ. Thế nào là hai? Ai sống phi Phạm hạnh, lại tự cho sống Phạm hạnh. Ai đối với người sống Phạm hạnh viên mãn, thanh tịnh, lại buộc tội chỉ trích là phi Phạm hạnh không có căn cứ. Này các Tỷ-kheo, hai hạng người này bị đọa lạc, bị đọa vào địa ngục, nếu họ không đoạn tận lỗi lầm của họ.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

Ai nói lời không chơn,
Rơi vào cõi địa ngục,
Ai sau khi đã làm,
Lại nói tôi không làm,
Cả hai sau khi chết,
Đều đồng đẳng như nhau,
Họ đều là những người,
Làm các nghiệp hạ liệt,
Thuộc về cảnh đời sau,
Lại có rất nhiều người,
Tuy mang áo cà-sa,
Họ không có chế ngự,
Đối với các pháp ác,
Do họ làm nghiệp ác,
Họ phải sanh địa ngục,
Tốt hơn đối với họ,
Là nuốt cục sắt tròn
Cháy đỏ như đống lửa,
Còn hơn kẻ ác giới,
Không biết có chế ngự,
Nếu có ăn dùng gì,
Các món ăn quốc độ.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

(XLIX) (Duk. II, 12) (It. 43)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, chư Thiên và loài Người bị xâm chiếm bởi hai tà kiến, một số người chấp chặt, một số người đi quá trớn, một số người có mắt thấy được.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là một số người chấp chặt? Này các Tỷ-kheo, có chư Thiên và loài Người ưa muốn sanh hữu, khi các pháp đoạn diệt sanh hữu được giảng cho họ, tâm họ không có phấn khởi, không có tín thành, không có an trú, không có bị lôi cuốn. Như vậy, này các Tỷ-kheo, đó là một số người chấp chặt.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là một số người đi quá trớn? Nhưng có một số người lo âu, xấu hổ, nhàm chán với sanh hữu, hoan hỷ, phi sanh hữu. Họ nói: "Vì rằng khi thân hoại mạng chung, tự ngã này bị chặt đứt, bị hoại diệt, không có tồn tại sau khi chết. Quan điểm này là thiết thực, là thù thắng, là chân thật ". Như vậy này các Tỷ-kheo, đó là một số người đi quá trớn.

Và này các Tỳ Kheo, thế nào là một số có mắt được thấy? Ở đây, Tỷ-kheo thấy sự sanh hữu là sanh hữu, sau khi thấy sự sanh hữu, vị ấy hướng đến nhàm chán, ly tham, đoạn diệt. Như vậy này các Tỷ-kheo, đó là những người có mắt được thấy.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

Những ai đã thấy được
Sanh hữu là sanh hữu,
Thấy được sự vượt qua
Của sự sanh hữu ấy.
Những vị ấy giải thoát,
Đối như thật hiện hữu,
Vì nhờ đoạn diệt được
Tham ái đối sanh hữu.
Nếu vị ấy liễu tri,
Sanh hữu là sanh hữu,
Vị ấy ly tham ái
Đối hữu và phi hữu,
Tỷ-kheo quyết phi hữu,
Đối với chính sanh hữu,
Sẽ không còn đi đến
Sanh đi rồi sanh lại.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

CHƯƠNG III - BA PHÁP
PHẨM I

(L) (Tik. I, 1) (It. 45)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, có ba căn bản bất thiện này. Thế nào là ba? Tham là căn bản bất thiện; Sân là căn bản bất thiện; Si là căn bản bất thiện. Này các Tỷ-kheo, có ba căn bản bất thiện này.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

Tham, sân, si làm hại,
Người có tâm ác độc,
Họ tự mình hiện hữu,
Như giả từ lõi, vỏ.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

(LI) (Tik. I, 2) (It. 45)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, có ba giới này. Thế nào là ba? Sắc giới, vô sắc giới, diệt giới. Này các Tỷ-kheo, có ba giới này.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

Ai liễu tri sắc giới,
Không an trú vô sắc,
Những ai được giải thoát,
Đối với đoạn diệt giới,
Các chúng sanh như vậy,
Xả ly được thần chết,
Với thân cảm giác được,
Bất tử, không sanh y,
Xả ly, từ bỏ hẳn,
Sanh y đưa đến hữu,
Sau khi tự chứng được,
Không còn có lậu hoặc,
Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác,
Thuyết pháp con đường chánh,
Không có gì sầu muộn,
Trong sạch không cấu uế.

Ý nghĩa này đã được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

(LII) (Tik. I, 3) (It. 46)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, có ba cảm thọ này. Thế nào là ba? Lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ. Này các Tỷ-kheo, có ba cảm thọ này.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

Định tĩnh và tỉnh giác,
Chánh niệm đệ tử Phật,
Quán tri các cảm thọ,
Và hiện hữu các thọ.
Tại đấy, tâm được diệt,
Con đường đưa đến diệt,
Tỷ-kheo nhờ diệt thọ,
Không ham muốn, tịch tịnh.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

(LIII) (Tik. I, 4) (It. 47)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, có ba cảm thọ này. Thế nào là ba? Lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ. Này các Tỷ-kheo, lạc thọ cần phải được xem như là khổ. Khổ thọ cần phải được xem như là mũi tên. Bất khổ bất lạc thọ cần phải được xem như là vô thường. Vì rằng này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đã xem lạc thọ như là khổ, đã xem khổ thọ như là mũi tên, đã xem bất khổ bất lạc thọ như là vô thường, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo này gọi là bậc Thánh đã chơn chánh thấy, đã chặt đứt ái, đã giải toả kiết sử đã chơn chánh thắng tri mạn, đã đoạn tận khổ đau.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

Ai thấy lạc là khổ,
Thấy khổ là mũi tên,
Thấy bất khổ bất lạc
Thọ ấy là vô thường,
Tỷ-kheo ấy thật sự
Đã thấy thật chơn chánh,
Chính tại ở nơi đây,
Từ đấy được giải thoát.
Thành tựu được thắng trí,
Bậc ẩn sĩ an tịnh
Chắc chắn đã vượt qua
Các ách nạn trói buộc.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

(LIV) (Tik. I, 5) (It. 48)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, có ba tầm cầu này. Thế nào là ba? Dục tầm cầu, hữu tầm cầu, Phạm hạnh tầm cầu. Này các Tỷ-kheo, có ba tầm cầu này.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

Định tĩnh và tỉnh giác,
Chánh niệm đệ tử Phật,
Quán tri các tầm cầu,
Và hiện hữu tầm cầu,
Ở đây, tâm ấy diệt.
Và con đường đến diệt.
Tỷ-kheo do diệt tận,
Các loại tầm cầu ấy,
Không còn có ước muốn
Được lắng dịu tịch tịnh.

Ý nghĩa này đã được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

(LV) (Tik. I, 6) (It. 48)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, có ba tầm cầu này. Thế nào là ba? Dục tầm cầu, hữu tầm cầu, Phạm hạnh tầm cầu. Này các Tỷ-kheo, có ba tầm cầu này.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

Dục và hữu tầm cầu,
Cùng Phạm hạnh tầm cầu
Nếu chấp trước nắm giữ
Chính đây là sự thật,
Như vậy là chất chứa,
Đủ mọi loại kiến xứ,
Với ai không ham muốn
Đối với các loại tham,
Vị ấy được giải thoát,
Nhờ diệt được khả ái,
Tầm cầu được từ bỏ,
Kiến xứ được nhổ lên,
Tỷ-kheo do diệt tận
Các loại tầm cầu ấy,
Không còn có mong cầu,
Không còn có nghi hoặc.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

(LVI) (Tik. I, 7) (It. 49)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, có ba lậu hoặc này. Thế nào là ba? Dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu. Này các Tỷ-kheo, có ba lậu hoặc này.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

Định tĩnh và tỉnh giác
Chánh niệm đệ tử Phật,
Quán tri các lậu hoặc,
Và hiện hữu lậu hoặc,
Ở đây tâm được diệt,
Và con đường đến diệt,
Tỷ-kheo đã diệt tận,
Các loại lậu hoặc ấy,
Không còn có ước muốn,
Được lắng dịu, tịch tịnh.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

(LVII) (Tik. I,8) (It. 49)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, có ba loại lậu hoặc này. Thế nào là ba? Dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Này các Tỷ-kheo, có ba lậu hoặc này. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, ý nghĩa này được nói đến.

Ai đoạn trừ dục lậu,
Ly tham thoát vô minh,
Hữu lậu được đoạn trừ,
Giải thoát khỏi sanh y,
Mang cái thân cuối cùng,
Dẹp tan cỗ xe ma.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

(LVIII) (Tik. I, 9) (It. 50)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, có ba khát ái này. Thế nào là ba? Dục ái, hữu ái, phi hữu ái. Này các Tỷ-kheo, có ba khát ái này.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, ý nghĩa này được nói đến.

Trói buộc bởi ái triền,
Tâm ưa hữu, phi hữu,
Bị ma triền trói buộc,
Chúng sanh ấy không được,
An ổn khỏi ách nạn.
Chúng sanh đi luân chuyển,
Đến sanh rồi đến chết.
Những ai đoạn được ái,
Ly ái hữu, phi hữu,
Họ đến bờ bên kia,

Trong thế giới hiện tại,
Họ đã chứng đạt được,
Các lậu hoặc đoạn tận.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

(LIX) (Tik. I, 10) (It. 50).

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Thành tựu với ba pháp, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo vượt qua được thế lực của Ác ma, và chói sáng như mặt trời. Thế nào là ba? Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo thành tựu vô học giới uẩn, thành tựu vô học định uẩn, thành tựu vô học tuệ uẩn. Thành tựu với ba pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo vượt qua được thế lực của Ác-ma, và chói sáng như mặt trời.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến.

Giới, định và trí tuệ,
Với ai khéo tu tập,
Vị ấy vượt qua khỏi
Thế lực của Ác ma,
Và chói sáng rực sáng,,
Như mặt trời chói sáng.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

PHẨM II

(LX) (Tik. II, 1) (It. 51)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, có ba phước nghiệp sự này. Thế nào là ba? Phước nghiệp sự do bố thí tác thành, phước nghiệp sự do giới tác thành, và phước nghiệp do sự tu tập tác thành. Này các Tỷ-kheo, có ba phước nghiệp sự này.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

Hãy để cho người ấy,
Học tập làm công đức,
Hướng dẫn đến tương lai
Đem lại căn an lạc.
Hãy tu tập bố thí,
Tập sở hành an tịnh,
Và tu tập từ tâm,
Tu xong ba pháp ấy,
Những pháp khởi lạc thọ.
Bậc Hiền trí được sanh,
Tại thế giới an lạc,
Không phiền não hận thù.

Ý nghĩa này đã được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

(LXI) (Tik. II, 2) (It. 52)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, có ba con mắt này. Thế nào là ba? Mắt thịt, mắt chư Thiên và mắt trí tuệ. Này các Tỷ-kheo có ba loại mắt này.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến.

Mắt thịt, mắt chư Thiên,
Vô thượng mắt trí tuệ,
Có ba loại mắt ấy,
Được bậc Vô thượng nhân,
Đã tuyên bố trình bày,
Sanh khởi của mắt thịt,
Con đường mắt chư Thiên,
Từ đấy, trí khởi lên,
Tuệ nhãn là tối thượng,
Ai chứng được mắt ấy,
Giải thoát mọi đau khổ.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

(LXII) (Tik. II, 3) (It. 53)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, có ba căn này. Thế nào là ba? Vị tri đương tri căn, tri căn, cụ tri căn *(căn: "Tôi sẽ biết điều chưa được biết"; căn về sự biết; căn của người đã biết)*. Này các Tỷ-kheo, có ba loại căn này.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến.

Vị hữu học học tập,
Đi theo con đường thẳng,
Ở trong sự diệt tận,
Trí thứ nhất khởi lên,
Từ đó không gián đoạn,
Tiếp theo là chơn trí,
Chính từ chơn trí ấy,
Đạt được sự giải thoát
Chắc chắn vị như vậy,
Là vị có chánh trí,
Giải thoát ta bất động,
Nhờ diệt hữu kiết sử,
Vị đầy đủ các căn
Chắc chắn được an tịnh,
Và ưa thích con đường,
Đưa đến sự an tịnh,
Mang thân thể cuối cùng,
Sau khi đánh bại được
Ác ma với con voi
Được cỡi khi lâm trận.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

(LXIII) (Tip. II, 4) (It. 53)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, có ba thời gian này. Thế nào là ba? Thời gian quá khứ, thời gian tương lại, thời gian hiện tại. Này các Tỷ-kheo, có ba thời gian này.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

Chúng sanh cần tưởng đến
Những gì được tuyên bố,
An trú thật vững vàng,
Trên điều được tuyên bố
Nếu không có liễu tri,
Điều đáng được tuyên bố,
Họ đi đến ách nạn,
Dưới ách của thần chết.
Nếu đã liễu tri được

Điều đáng được tuyên bố,
Vị ấy không nghĩ đến,
Điều đã được nói lên,
Chính nhờ có tâm ý,
Giải thoát được cảm giác,
Về con đường an tịnh
Vô thượng không gì hơn.
Ai thật được đầy đủ,
Về điều đáng tuyên bố,
Tự mình được an tịnh,
Ưa thích đường an tịnh,
Sống bình tĩnh tinh tấn.
An trú trên chánh pháp,
Vị ấy vượt tên gọi,
Thành đạt được trí tuệ.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

(LXIV) (Tik. II, 5) (It. 54)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, có ba ác hành này. Thế nào là ba? Thân ác hành, ngữ ác hành, ý ác hành. Này các Tỷ-kheo, có ba ác hành này.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

Làm ác hạnh về thân,
Làm ác hạnh về lời,
Làm ác hạnh về ý,
Và bất cứ hạnh gì,
Đều được gọi hạnh ác,
Không làm nghiệp lành nào,
Làm nhiều nghiệp không thiện,
Khi thân hoại mạng chung,
Với trí tuệ hạ liệt,
Vị ấy phải sanh vào
Trong cảnh giới địa ngục.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

(LXV) (Tik. II, 6) (It. 55)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, có ba thiện hành này. Thế nào là ba? Thân thiện hành, ngữ thiện hành, ý thiện hành. Này các Tỷ-kheo, có ba thiện hành này.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

Từ bỏ thân làm ác,
Từ bỏ lời nói ác,
Từ bỏ ý nghĩ ác,
Và bất cứ hạnh gì,
Được gọi là hạnh ác,
Không làm các điều ác,
Làm nhiều những hạnh lành,
Khi thân hoại mạng chung,
Với trí tuệ thù thắng,
Vị ấy được sanh lên,
Trong cảnh giới chư Thiên.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

(LXVI) (Tik. II, 7) (It. 55)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, có ba thanh tịnh này. Thế nào là ba? Thân thanh tịnh, lời thanh tịnh, ý thanh tịnh. Này các Tỷ-kheo, có ba thanh tịnh này.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến.

Thân và lời thanh tịnh
Và ý cũng thanh tịnh,
Không có các lậu hoặc,
Đầy đủ sự thanh tịnh,
Vị như vậy được gọi
Đã từ bỏ tất cả.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

(LXVII) (Tik. II, 8) (It. 56)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, có ba trầm lặng này. Thế nào là ba? Thân trầm lặng, lời trầm lặng, ý trầm lặng. Này các Tỷ-kheo, có ba trầm lặng này.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

Thân và lời trầm lặng
Và ý cũng trầm lặng,
Không có các lậu hoặc,
Đầy đủ với trầm lặng
Của các bậc chân ẩn sĩ,
Được tên gọi là vị
Đã tắm sạch điều ác.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

(LXVIII) (Tik. II, 9) (It. 56)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, với ai tham chưa đoạn tận, sân chưa đoạn tận, si chưa đoạn tận. Này các Tỷ-kheo, người ấy được gọi là người bị trói buộc với Ác ma, bị bẫy lưới của Ác ma bao trùm, bị làm theo ý Ác ma muốn. Này các Tỷ-kheo, với ai tham đã đoạn tận, sân đã đoạn tận, si đã đoạn tận, này các Tỷ-kheo, người ấy được gọi là người không trói buộc với Ác ma, được thoát khỏi bẫy lưới của Ác ma, không bị làm theo Ác ma muốn.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến

Với ai đã từ bỏ
Tham, sân và vô minh,
Vị ấy được gọi là
Đã tu tập tự ngã,
Đã trở thành Phạm Thiên
Bậc Như Lai, Phật-đà,
Bậc đã vượt qua được,
Hận thù và sợ hãi,
Bậc đoạn tận tất cả,
Được gọi danh như vậy.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

(LXIX) (Tik. II, 10) (It. 57)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Với Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào, này các Tỷ-kheo, tham chưa đoạn tận, sân chưa đoạn tận, si chưa đoạn tận; này các Tỷ-kheo, vị ấy được gọi là vị chưa vượt qua đại dương, với sóng biển, với sóng ngầm, với nước xoáy, với cá mập, với các loài La-sát. Này các Tỷ-kheo, với Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo ni nào, tham đã đoạn tận, sân đã đoạn tận, si đã đoạn tận; này các Tỷ-kheo, vị ấy được gọi là: "Đã vượt qua đại dương, với sóng biển, với sóng ngầm, với nước xoáy, với cá mập, với các loài la-sát, đã vượt qua bờ kia, là vị Bà-la-môn đã đứng trên đất liền.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

Với ai đã từ bỏ
Tham, sanh và vô minh,
Vị ấy được gọi là
Đã vượt qua biển này,
Với cá mập, Dạ-xoa,
Với sóng biển hãi hùng,
Rất khó được vượt qua,
Là vị vượt ác triền,
Đã từ bỏ thần chết,
Không còn có sanh y,
Đã từ bỏ đau khổ,
Không còn có tái sanh,

Đã đi đến mục đích,
Không thể ước lượng được,
Ta nói rằng vị ấy
Làm ma vương si ám.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

PHẨM III

(LXX) (Tik. III, 1) (It. 58)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Ta đã thấy, này các Tỷ-kheo, các chúng sanh thành tựu thân làm ác, thành tựu lời nói ác, thành tựu ý nghĩ ác, chỉ trích các bậc Thánh, có tà kiến, chấp nhận các nghiệp bị tà kiến chi phối. Sau khi thân hoại mạng chung, họ bị sanh vào cõi dữ, ác thú đọa xứ, địa ngục. Này các Tỷ-kheo, sau khi không nghe một Sa-môn hay Bà-la-môn nào khác nói lên, Ta nói nên lời nói này: "Này các Tỷ-kheo, Ta đã thấy các chúng sanh thành tựu thân làm ác, thành tựu lời nói ác, thành tựu ý nghĩ ác, chỉ trích các bậc Thánh, có tà kiến, chấp nhận các nghiệp bị tà kiến chi phối, sau khi thân hoại mạng chung, chúng phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục". Và này các Tỷ-kheo, vì rằng Ta tự mình biết, tự mình thấy, tự mình tìm ra, nên Ta tuyên bố rằng: "Này các Tỷ-kheo, Ta đã thấy các chúng sanh, thành tựu thân làm ác, thành tựu lời nói ác, thành tựu ý nghĩ ác, chỉ trích các bậc Thánh, có tà kiến, chấp nhận các nghiệp bị tà kiến chi phối, sau khi thân hoại mạng chung, họ phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục".

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến.

Dẫn ý vào đường tà
Nói những lời tà ngữ,
Với thân làm nghiệp tà,
Người ở đời làm vậy.
Ít nghe, ít học hỏi,
Không làm các công đức,
Ở đây sống trong đời,
Với sanh mạng ít oi,
Khi thân hoại mạng chung,
Người ấy với liệt tuệ,
Bị sanh vào địa ngục.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

(LXXI) (Tik, III, 2) (It. 59)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Ta đã thấy, này các Tỷ-kheo, các chúng sanh thành tựu thân làm thiện, thành tựu nói lời thiện, thành tựu ý nghĩ thiện, không chỉ trích các bậc Thánh, có chánh kiến, chấp nhận các nghiệp được chánh kiến chi phối, sau khi thân hoại mạng chung, họ được sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Này các Tỷ-kheo, sau khi không nghe một Sa-môn hay Bà-la-môn nào khác nói lên, Ta nói lên lời nói này: "Này các Tỷ-kheo, Ta đã thấy các chúng sanh thành tựu thân làm thiện, thành tựu lời nói thiện, thành tựu ý nghĩa thiện không chỉ trích các bậc Thánh, có chánh kiến, chấp nhận các nghiệp được chánh kiến chi phối, sau khi thân hoại mạng chung, họ được sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này". Và này các Tỷ-kheo, vì rằng Ta tự mình biết, tự mình thấy, tự mình tìm ra, nên Ta tuyên bố rằng: "Này các Tỷ-kheo, Ta đã thấy các chúng sanh, thành tựu thân làm thiện, thành tựu lời nói thiện, thành tựu ý nghĩ thiện, không chỉ trích các bậc Thánh, có chánh kiến, chấp nhận các nghiệp được chánh kiến chi phối, sau khi thân hoại mạng chung, họ sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này".

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

Dẫn ý vào đường chánh,
Nói những lời chánh ngữ,
Với thân làm nghiệp chánh,
Người ở đời làm vậy.
Nghe nhiều học hỏi nhiều
Làm các việc công đức,
Ở đây sống trong đời,
Với sanh mạng ít oi,
Khi thân hoại mạng chung,
Người ấy với trí tuệ.
Người ấy làm như vậy,
Được sanh lên cõi Trời.

Ý nghĩa này đã được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

(LXXII) (Tik, III, 3) (It. 60)

Điều này được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, có ba xuất ly giới này. Thế nào là ba? Sự xuất ly này khỏi các dục, tức là viễn ly. Sự xuất ly này khỏi các sắc, tức là vô sắc. Sự đoạn diệt cái gì được hiện hữu, được làm ra, được duyên khởi, là sự xuất ly cái ấy. Này các Tỷ-kheo, có ba xuất ly giới này.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

Biết được xuất ly dục,
Vượt qua được các sắc,
Tịnh chỉ tất cả hành,
Luôn luôn cảm nhiệt tình,
Tỷ-kheo ấy thấy chánh,
Từ đấy, chính ở đây,
Vị ấy được giải thoát,
Thắng trí được viên thành,
Sống nếp sống an tịnh
Vị ấy sống như vậy,
Thật sự là ẩn sĩ,
Đã vượt khỏi các ách.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến, và tôi đã được nghe.

(LXXIII) (Tik. III, 4) (It. 61)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, các pháp vô sắc an tịnh tốt hơn các sắc pháp; đoạn diệt an tịnh tốt hơn các pháp vô sắc.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

Chúng sanh đi đến sắc,

Có chúng trú vô sắc,
Không quán tri đoạn diệt,
Họ đi đến tái sanh.
Những ai liễu tri sắc,
Không an trú vô sắc,
Chính trong sự đoạn diệt,
Họ đạt được giải thoát,
Các hạng người như vậy,
Họ bỏ rơi thần chết.
Với thân cảm xúc được,
Bất tử không sanh y,
Sanh y được xả ly,
Chứng được, không lậu hoặc,
Vị Chánh đẳng Chánh giác,
Thuyết giảng về con đường
Con đường không sầu muộn
Con đường không cấu uế.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe:

(LXXIV) (Tik. III, 5) (It. 62)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, các ba hạng con trai này xuất hiện, có mặt ở đời. Thế nào là ba? Ưu sanh, tùy sanh, liệt sanh.

Và này các Tỷ-kheo. Thế nào là ưu sanh? Ở đây, này các Tỷ-kheo, cha mẹ của người con không quy y Phật, không quy y Pháp, không quy y Tăng, không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ lấy của không cho, không từ bỏ tà hạnh trong các dục, không từ bỏ nói láo, không từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu, ác giới theo ác pháp. Còn người con của họ quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu, giữ giới, theo pháp lành. Như vậy, này các Tỷ-kheo, người con ấy được ưu sanh.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào người con trai tùy sanh? Ở đây này các Tỷ-kheo, cha mẹ của người con quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu, giữ giới, theo các pháp lành. Người con trai của họ cũng quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu, giữ giới, theo các pháp lành. Như vậy này các Tỷ-kheo, là người con tùy sanh.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người con trai liệt sanh? Ở đây, này các Tỷ-kheo, cha mẹ của người con trai này quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ đắm say rượu men, rượu nấu, giữ giới, theo các pháp lành. Và người con của họ không quy y Phật, không quy y Pháp, không quy y Tăng, không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ lấy của không cho, không từ bỏ tà hạnh trong các dục, không từ bỏ nói láo, không từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu, ác giới, theo ác pháp. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người con liệt sanh. Này các Tỷ-kheo, có ba hạng con trai này có mặt, xuất hiện ở đời.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

Bậc Hiền trí ước muốn,
Con trai ưu, tùy sanh,
Không ước muốn liệt sanh,
Một gánh nặng gia đình,
Đời có những con này,
Trở thành nam cư sĩ,
Sống đầy đủ tín giới,
Biết nghe lời người khác,
Xa lìa sự xan tham.
Những người con như vậy,
Như trăng thoát đám mây,
Chói sáng giữa hội chúng.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

(LXXV) (Tik. III, 6) (It. 64)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, có ba hạng người này có mặt, hiện hữu ở đời. Thế nào là ba? Hạng người như hạn hán, hạng người như chỉ mưa trong địa phương và hạng người như mưa đổ xuống khắp tất cả.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người như hạn hán? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người không bố thí cho ai cả, không cho đồ ăn, đồ uống, vải, xe cộ, vòng hoa, hương, dầu xoa, sàng tọa, đèn đuốc cho Sa-môn, Bà-la-môn, cho các người ăn xin nghèo khổ khốn cùng. Này các Tỷ-kheo, hạng người như vậy như hạn hán không mưa.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người như chỉ mưa trong địa phương? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người có bố thí cho một số người, nhưng không bố thí cho một số người. Dầu số người đó là Sa-môn, Bà-la-môn hay các người ăn xin nghèo khổ, khốn cùng, họ không bố thí đồ ăn đồ uống, vải, xe cộ, vòng hoa, hương dầu xoa, sàng tọa, đèn đuốc. Này các Tỷ-kheo, hạng người như vậy là hạng người như mưa chỉ trong địa phương.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người như mưa đổ xuống khắp tất cả? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người cho tất cả mọi người, cho đồ ăn, đồ uống, vải mặc, xe cộ, vòng hoa, hương, dầu xoa, sàng tọa, đèn đuốc, cho các người Sa-môn, Bà-la-môn cho các người ăn xin nghèo đói khốn cùng. Này các Tỷ-kheo, có ba hạng người này, có mặt, hiện hữu ở đời.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

Không cho hạng Sa-môn,
Không cho Bà-la-môn,
Không cho kẻ khốn cùng,
Không cho người ăn xin
Không san sẻ cho người,
Những đồ thâu hoạch được,
Như đồ ăn, đồ uống,
Cùng các vật thực khác,
Hạng ấy thật giống như,
Hạn hán không mưa móc,

Hạng người ấy được gọi
Là hạng người hạ liệt.

Không cho một hạng người,
Chỉ lựa cho một số,
Hạng ấy được Hiền trí,
Gọi là những hạng người
Chỉ mưa tại địa phương,
Không mưa tại chỗ khác.

Hạng người mưa bố thí,
Cùng khắp tất cả chỗ,
Có lòng thương từ mẫn,
Đối với mọi loại hữu tình,
Với tâm thật hoan hỷ,
Tung vải cho cùng khắp.
Hãy cho! Hãy cho nữa,
Vị ấy luôn nói vậy.
Như mây giông gầm thét
Chớp sáng mưa đổ xuống,
Tràn ngập chỗ đất cao,
Tràn đầy chỗ đất trũng,
Chảy tràn với nước ngập.
Cũng vậy ở đời này,
Có một số hạng người,
Hạng người giống như vậy.
Thâu hoạch được đúng pháp,
Tài sản do nỗ lực.
Với đồ ăn đồ uống
Vị ấy chơn chánh đãi,
Những chúng sanh khốn cùng.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

(LXXVI) (Tik, III, 7) (It. 67)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Do hy vọng được ba lạc này, bậc Hiền trí hộ trì giới. Thế nào là ba? "Mong rằng lời tán thán sẽ đến với ta", bậc Hiền trí hộ trì giới. "Mong rằng, tài sản sẽ khởi lên cho ta", bậc Hiền trí hộ trì giới. "Mong rằng khi thân hoại mạng chung, ta sẽ sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này" bậc Hiền trí hộ trì giới. Này các Tỷ-kheo, do hy vọng được ba lạc này, bậc Hiền trí hộ trì giới.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, ý nghĩa này được nói đến.

Bậc trí hộ trì giới,
Hy vọng được ba lạc,
Được khen, được tài sản,
Đời sau sống hoan hỷ,
Trong cảnh giới chư Thiên.

Nếu không làm điều ác,
Nhưng theo kẻ làm ác,
Thì bị nghi làm ác,
Và bị tăng tiếng xấu.
Giống như người làm bạn,
Giống như người làm theo,
Người này giống người ấy
Giống như người cộng trú.
Người theo, người được theo,
Xúc chạm, được xúc chạm,
Như cây tên nhiễm độc
Nhiễm bó tên chưa nhiễm,
Bậc Trí vì sợ nhiễm,
Nên không bạn kẻ ác.
Với ngọn cỏ kusa,
Dùng gói đồ cá thúi,
Kusa hay mùi thúi,
Cũng vậy, gần kẻ ngu.
Còn người dùng ngọn lá,
Gói hương Ta-ga-ra,
Ngọn lá bay mùi thơm
Cũng vậy, gần bậc Trí.
Do vậy, nhờ nghĩ đến
Cái giỏ bằng lá ấy,
Biết được những cái gì
Sẽ rơi vào tự mình,
Bậc Hiền trí không theo,
Những hạng người bất thiện,
Chỉ biết làm bạn thân,
Những người lành hiền thiện.
Những kẻ ác, bất thiện,
Dắt dẫn đến địa ngục,
Còn những kẻ tốt lành,
Đạt đến cảnh thiện thú.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

(LXXVII) (Tik. III, 8) (It. 69)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, thân này bị hủy hoại, thức bị lụn tàn, tất cả sanh y là vô thường, khổ, chịu sự biến hoại.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, ý nghĩa này được nói đến.

Biết thân bị huỷ hoại,
Còn thức bị lụn tàn,
Thấy sợ trong sanh y,
Hiểu được sanh và chết.
Sau khi chứng đạt được,

Sự an tịnh tối thượng,
Tự ngã được tu tập,
Chỉ còn đợi thời gian.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

(LXXVIII) (Tik. III, 9) (It. 69)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, các chúng sanh tùy theo giới, giao thân chung dòng với các chúng sanh. Hạng chúng sanh hướng hạ giao thân, chung dòng với các chúng sanh hướng hạ. Các chúng sanh hướng thượng giao thân, chung dòng với các chúng sanh hướng thượng.

Này các Tỷ-kheo, trong thời gian quá khứ, các chúng sanh tùy theo giới đã giao thân, chung dòng với các chúng sanh. Hạng chúng sanh hướng hạ đã giao thân, chung dòng với các chúng sanh hướng hạ. Hạng chúng sanh hướng thượng đã giao thân, chung dòng với các chúng sanh hướng thượng.

Này các Tỷ-kheo, trong thời tương lai, các chúng sanh tùy theo giới, sẽ giao thân, sẽ chung dòng với các chúng sanh. Hạng chúng sanh hướng hạ sẽ giao thân, chung dòng với các chúng sanh hướng hạ. Hạng chúng sanh hướng thượng sẽ giao thân, chung dòng với các chúng sanh hướng thượng.

Này các Tỷ-kheo, hiện nay cũng vậy, trong thời hiện tại, các chúng sanh tùy theo giới, giao thân chung dòng với các chúng sanh. Hạng chúng sanh hướng hạ giao thân, chung dòng với các chúng sanh hướng hạ. Hạng chúng sanh hướng thượng giao thân, chung dòng với các chúng sanh hướng thượng.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

Rừng dục được sanh lên,
Chính do sự cộng trú,
Rừng dục được chặt đứt,
Chính nhờ không cộng trú,
Như leo tấm gỗ nhỏ,
Bị chìm dưới sông lớn,
Cũng vậy, nếu đi đến
Với kẻ lười, biếng nhác,
Bậc sống đời tốt lành,
Rồi cũng bị chìm luôn.
Do vậy hãy tránh xa,
Kẻ lười không tinh tấn,
Hãy chung sống cộng trú,
Với bậc Thánh viễn ly,
Với những bậc tinh cần
Sống trong cảnh thiền định,
Với những vị thường xuyên,
Siêng năng và cần mẫn.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

(LXXIX) (Tik. III, 10) (It. 71)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, có ba pháp này đưa đến tổn giảm cho Tỷ-kheo hữu học. Thế nào là ba? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo hữu học ưa thích công việc, thích thú công việc, đam mê ưa thích công việc; ưa thích nói chuyện, thích thú nói chuyện, đam mê ưa thích nói chuyện; ưa thích nằm ngủ, thích thú nằm ngủ, đam mê ưa thích nằm ngủ. Này các Tỷ-kheo, có ba pháp này đưa đến sự tổn giảm cho Tỷ-kheo hữu học.

Này các Tỷ-kheo, có ba pháp này không đưa đến tổn giảm cho Tỷ-kheo hữu học. Thế nào là ba? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo hữu học không ưa thích công việc, không thích thú công việc, không đam mê ưa thích công việc; không ưa thích nói chuyện, không thích thú nói chuyện, không đam mê ưa thích nói chuyện; không ưa thích nằm ngủ, không thích thú nằm ngủ, không đam mê ưa thích nằm ngủ. Này các Tỷ-kheo, có ba pháp này không đưa đến tổn giảm cho Tỷ-kheo hữu học.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

Tỷ-kheo thích công việc,
Thích thú trong nói chuyện,
Và ưa thích nằm ngủ,
Sống dao động trạo cử;
Vị Tỷ-kheo như vậy,
Không thể nào chứng ngộ,
Chứng Bồ-đề tối thượng,
Do vậy, đối vị ấy,
Cần phải ít công việc,
Phải ít sự nằm ngủ,
Không được có tháo động,
Vị Tỷ-kheo như vậy,
Mới có thể chứng được,
Chứng tối thượng Bồ-đề.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

PHẨM IV

(LXXX) (Tik. IV, 1) (It. 72)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, có ba tầm tư bất thiện này. Thế nào là ba? Tầm tư liên hệ đến tự đề cao mình; tầm tư liên hệ đến lợi dưỡng, cung kính, danh vọng; tầm tư liên hệ đến lo lắng cho người khác. Này các Tỷ-kheo, có ba tầm tư bất thiện này.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

Ai có sự liên hệ,
Tự đề cao chính mình,
Liên hệ đến lợi dưỡng
Cung kính và tôn trọng,
Ai ưa thích, vui thích,
Làm thân, làm bạn hữu,
Những vị ấy đứng xa
Diệt tận các kiết sử.
Ai từ bỏ con cái,
Từ bỏ các loài vật,
Từ bỏ các lễ cưới
Bỏ cất chứa tài sản
Tỷ-kheo ấy có thể,
Chứng Bồ-đề vô thượng.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến, và tôi đã được nghe.

(LXXXI) (Tik. IV, 2) (It. 73)

Này các Tỷ-kheo, Ta đã thấy các chúng sanh bị cung kính chinh phục, bị tâm cung kính xâm chiếm, sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Này các Tỷ-kheo, Ta đã thấy các chúng sanh bị không cung kính chinh phục, tâm bị không cung kính xâm chiếm, sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Này các Tỷ-kheo, Ta đã thấy các chúng sanh khi tâm bị chinh phục, bị xâm chiếm bởi cả hai cung kính và không cung kính, sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Này các Tỷ-kheo, sau khi không nghe một Sa-môn hay Bà-la-môn nào khác nói lên, Ta nói lên lời nói này: "Này các Tỷ-kheo, Ta đã thấy các chúng sanh, bị cung kính chinh phục, tâm bị cung kính xâm chiếm, sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Này các Tỷ-kheo, Ta đã thấy các chúng sanh, khi bị không cung kính chinh phục, tâm bị không cung kính xâm chiếm, sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Này các Tỷ-kheo, Ta đã thấy các chúng sanh khi bị chinh phục, tâm bị xâm chiếm bởi cả hai cung kính và không cung kính, sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục".

Và này các Tỷ-kheo, vì rằng Ta tự mình biết, tự mình thấy, tự mình tìm ra nên Ta tuyên bố rằng: "Này các Tỷ-kheo, ta đã thấy các chúng sanh, khi bị cung kính chinh phục, tâm bị cung kính xâm chiếm, sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Này các Tỷ-kheo, Ta đã thấy các chúng sanh, khi bị không cung kính chinh phục, tâm bị không cung kính xâm chiếm, sau khi thân hoại mạng chung bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đoạ xứ, địa ngục. Này các Tỷ-kheo, Ta đã thấy các chúng sanh, khi bị chinh phục, tâm bị xâm chiếm bởi cả hai cung kính và không cung kính, sau khi thân hoại mạng chung bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục".

Ai khi được cung kính,
Khi không được cung kính,
Trong cả hai trường hợp,
Tâm định không lay chuyển.
Sống hạnh không phóng dật,
Tâm thường nhập thiền tư,
Với tâm tưởng tế nhị,
Chánh quán các sở kiến,
Ưa thích chấp thủ diệt,
Được gọi bậc chân nhân.

(LXXXII) (Tik. IV, 3) (It. 75)

Này các Tỷ-kheo, giữa chư Thiên, có ba tiếng chư Thiên này thỉnh thoảng được vang lên, tuỳ thời được khởi lên. Thế nào là ba?

Này các Tỷ-kheo, khi nào bậc Thánh đệ tử cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, nghĩ đến xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình; trong khi ấy, này các Tỷ-kheo, tiếng chư Thiên được vang lên: "Vị Thánh đệ tử này nghĩ đến chiến đấu với Ác ma". Này các Tỷ-kheo, đây là tiếng chư Thiên thứ nhất, thỉnh thoảng được vang lên giữa chư Thiên, tùy thời được khởi lên.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, khi nào bậc Thánh đệ tử sống chuyên tâm tu tập về Bảy Bồ-đề phần; trong khi ấy, này các Tỷ-kheo, tiếng chư Thiên được vang lên: "Vị Thánh đệ tử này chiến đấu với Ác ma". Này các Tỷ-kheo, đây là tiếng chư Thiên thứ hai, thỉnh thoảng được vang lên giữa chư Thiên, tùy thời được khởi lên.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, khi nào bậc Thánh đệ tử, với sự diệt tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, trong khi ấy, này các Tỷ-kheo, tiếng chư Thiên vang lên: "Vị Thánh đệ tử này đã chiến thắng trong chiến trận. Đứng đầu trong chiến trận, sau khi chiến thắng, vị ấy an trú". Này các Tỷ-kheo, đây là tiếng chư Thiên thứ ba, thỉnh thoảng được vang lên giữa chư Thiên, tùy thời được khởi lên.

Này các Tỷ-kheo, giữa chư Thiên có tiếng chư Thiên này, thỉnh thoảng được vang lên, tuỳ thời được khởi lên.

Thấy đệ tử chánh giác
Chiến thắng trong chiến trận,
Chư Thiên cũng đảnh lễ,
Bậc vĩ đại như vậy,
Bậc trí tuệ chín muồi.
Chúng tôi đảnh lễ Ngài,
Người được luyện thuần thục,

Vì Ngài đã chiến thắng,
Trận đánh rất khó thắng.
Ngài đã chiến thắng được
Quân đội của thần chết,
Không còn trở ngại gì,
Nhờ giải thoát của Ngài.
Như vậy các Thiên nhân,
Đảnh lễ vị như vậy,
Vị đạt được mục đích,
Chắc chắn các Thiên nhân,
Đảnh lễ trong vị ấy,
Pháp gì giúp thoát được,
Khỏi thần chết chi phối.

(LXXXIII) (Tik. IV, 4) (It. 76)

Này các Tỷ-kheo, khi nào một Thiên nhân mệnh chung từ bỏ thân chư Thiên, có năm tướng xuất hiện ra trước: "Các vòng hoa héo úa, áo quần bị uế nhiễm, mồ hôi chảy ra từ nách, thân sắc trở thành xấu xí, Thiên nhân không hoan hỷ tại chỗ ngồi chư Thiên". Này các Tỷ-kheo, chư Thiên sau khi biết Thiên tử này mệnh chung, nói ba lời để cổ vũ: "Từ đây, Hiền giả hãy đi đến cõi lành! Sau khi đi đến cõi lành, hãy nhận được những gì khéo nhận được. Sau khi nhận được những gì khéo nhận, hãy khéo an trú".

Được nghe nói vậy, một Tỷ-kheo bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, thế nào được gọi là đi đến cõi lành của chư Thiên? Bạch Thế Tôn, thế nào được gọi là nhận được những gì khéo nhận được của chư Thiên? Bạch Thế Tôn, thế nào được gọi là khéo an trú của chư Thiên?

- Này các Tỷ-kheo, được địa vị làm người được gọi là đi đến cõi lành của chư Thiên. Khi được địa vị làm người, được lòng tin trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng, này các Tỷ-kheo, đây được gọi là nhận được những gì khéo nhận được của chư Thiên. Khi lòng tin được nhập vào, được an trú thành gốc rễ, kiên trì, không bị làm tan nát bởi Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên nhân, Ác ma, Phạm thiên hay bất cứ ai ở đời thì được gọi là khéo an trú của chư Thiên.

Khi nào vị Thiên nhân,
Từ bỏ thân chư Thiên,
Vì thọ mạng đã hết,
Ba tiếng được thốt lên,
Do chư Thiên an ủi,
Cổ vũ khiến hoan hỷ.
Từ đây, này Hiền giả,
Hãy đi đến cõi lành,
Cộng trú với loài Người.
Khi đã được làm người,
Trong Chánh pháp vi diệu,
Hãy lấy được lòng tin,
Lòng tin ấy vô thượng.
Hiền giả hãy thâm nhập,
Vào trong lòng tin ấy,
An trú thành gốc rễ,
Cho đến trọn sanh mạng,

Không bị làm tan nát,
Trong điệu pháp khéo giảng.
Từ bỏ thân làm ác,
Từ bỏ lời nói ác,
Từ bỏ ý nghĩ ác,
Và mọi hành động khác,
Được xem là thuộc ác.
Thân làm các hạnh lành,
Làm nhiều lời nói lành,
Sau khi ý nghĩ lành,
Vô lượng, không sanh y.
Rồi làm các công đức
Cho sanh y đời sau
Làm xong nhiều công đức
Với bố thí rộng rãi,
Rồi an trú người khác,
Bị tử vong chi phối,
Trong đời sống Phạm hạnh,
Trong Chánh pháp vi diệu.
Với lòng từ mẫn này,
Chư Thiên khi biết được.
Một Thiên nhân mệnh chung,
Liền nói lời cổ vũ.
Thiên nhân hãy đến đây,
Hãy đến lại nhiều lần.

(LXXXIV) (Tik. IV, 5) (It. 78)

Có ba hạng người này xuất hiện ở đời, xuất hiện đem lại hạnh phúc cho nhiều người, an lạc cho nhiều người, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người. Thế nào là ba?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Như Lai xuất hiện ở đời, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Ngài thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa, có văn, trình bày Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh. Này các Tỷ-kheo, đây là hạng người thứ nhất xuất hiện ở đời, xuất hiện đem lại hạnh phúc cho nhiều người, an lạc cho nhiều người, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc, cho chư Thiên và loài Người.

Lại nữa này các Tỷ-kheo, đệ tử của bậc Đạo Sư ấy, bậc A-la-hán, các lậu hoặc đã đoạn tận, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã làm, gánh nặng đã đặt xuống, mục đích của mình đã đạt được, hữu kiết sử đã đoạn tận, đã giải thoát nhờ chánh trí. Vị ấy thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa, có văn, trình bày Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh. Này các Tỷ-kheo, đây là hạng người thứ hai xuất hiện ở đời, xuất hiện đem đến hạnh phúc cho nhiều người, an lạc cho nhiều người vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, đệ tử bậc Đạo Sư ấy là bậc hữu học, đang đi trên con đường, vị nghe nhiều, giới cấm được gìn giữ. Vị ấy cũng thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa, có văn, trình bày Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh. Này các Tỷ-kheo, đây là hạng người thứ ba xuất hiện ở đời, xuất hiện đem đến hạnh phúc cho nhiều người, an lạc cho nhiều người, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người. Này các Tỷ-kheo, có ba hạng người

xuất hiện ở đời, xuất hiện đem đến hạnh phúc cho nhiều người, an lạc cho nhiều người, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người.

Bậc Đạo Sư ở đời,
Đại ẩn sĩ thứ nhất,
Tiếp nối theo vị ấy
Là đệ tử Đạo Sư,
Đã tu tập tự ngã,
Tiếp đến bậc hữu học,
Đang đi trên con đường,
Bậc nghe nhiều học nhiều,
Bậc giới cấm đầy đủ.

Ba vị tối thượng này,
Giữa chư Thiên, loài Người,
Bậc tác thành hào quang,
Bậc tuyên bố Chánh pháp
Mở toang cửa bất tử,
Đã giúp đỡ nhiều người.
Thoát ly khỏi ách nạn.

Những ai tùy bước theo,
Con đường khéo thuyết giảng,
Bởi bậc Vô Thượng Sĩ,
Bậc cầm đầu lữ hành,
Vị ấy tại đời này,
Chấm dứt mọi khổ đau,
Những vị không phóng dật,
Trong giáo lý Thiện Thệ.

(LXXXV) (Tik. IV, 6) (It. 80)

Này các Tỷ-kheo, hãy sống tuỳ quán bất tịnh trên thân, hãy khéo an trú niệm hơi thở vô hơi thở ra, đặt niệm trước mặt, hướng về nội tâm; hãy sống tùy quán vô thường trong tất cả các hành.

Này các Tỷ-kheo, khi sống tùy quán bất tịnh trên thân tham tùy miên đối với tịnh giới được đoạn trừ; khi khéo an trú niệm hơi thở vô hơi thở ra, đặt niệm trước mặt, hướng về nội tâm, thời các tâm hướng ngoại, dự phần vào tổn hại không có; khi sống tùy quán vô thường trong tất cả hành, thời vô minh trừ diệt, minh được khởi lên.

Quán bất tịnh trên thân,
Niệm thở vô thở ra,
Tịnh chỉ tất cả hành,
Thường nhiệt tâm, chánh kiến,
Vị Tỷ-kheo như vậy,
Đã thấy rất chơn chánh,
Từ đấy ở nơi đây,
Vị ấy được giải thoát,
Thắng trí được thành tựu,
Lắng dịu thật an tịnh,
Vị ẩn sĩ như vậy,

Chắc vượt khỏi ách nạn.

(LXXXVI) (Tik. IV, 7) (It, 81)

Với vị Tỷ-kheo hành trì tùy pháp đúng pháp, đây là cách thức đúng đắn để giải thoát những chữ: "Thực hành tùy pháp đúng pháp". Khi vị ấy nói vị ấy nói đúng pháp không phải phi pháp; khi vị ấy suy tư, vị ấy suy tư với suy tư đúng pháp, không phải suy tư phi pháp. Do từ bỏ hai điều ấy, vị ấy trú xả, chánh niệm tỉnh giác.

Thích pháp, hân hoan pháp,
Suy tư trên Chánh pháp,
Tỷ-kheo tùy niệm pháp,
Chánh pháp không tổn giảm,
Khi đi hoặc khi đứng,
Khi ngồi hoặc khi nằm,
Nội tâm được chế ngự
Vị ấy đạt an tịnh.

(LXXXVII) (Tik. IV, 8) (It. 82)

Này các Tỷ-kheo, có ba tầm bất thiện này, tác thành mù, tác thành không mắt, tác thành không trí, đưa đến tuệ đoạn diệt, dự phần vào tổn hại, không đưa đến Niết-bàn. Thế nào là ba?

Này các Tỷ-kheo, dục tầm tác thành mù, tác thành không mắt, tác thành không trí, đưa đến tuệ đoạn diệt, dự phần vào tổn hại, không đưa đến Niết-bàn. Này các Tỷ-kheo, sân tầm tác thành mù, tác thành không mắt, tác thành không trí, đưa đến tuệ đoạn diệt, dự phần vào tổn hại, không đưa đến Niết-bàn. Này các Tỷ-kheo, hại tầm tác thành mù, tác thành không mắt, tác thành không trí, đưa đến tuệ đoạn diệt, dự phần vào tổn hại, không đưa đến Niết-bàn. Này các Tỷ-kheo, có ba tầm bất thiện này, tác thành mù, tác thành không mắt, tác thành không trí, đưa đến tuệ đoạn diệt, dự phần vào tổn hại, không đưa đến Niết-bàn.

Này các Tỷ-kheo, có ba thiện tầm này, tác thành không mù, tác thành mắt, tác thành trí, làm tăng trưởng trí tuệ, không dự vào phần tổn hại, đưa đến Niết-bàn. Thế nào là ba? An ổn tầm, này các Tỷ-kheo, tác thành không mù, tác thành mắt, tác thành trí, làm tăng trưởng trí tuệ, không dự phần làm tổn hại, đưa đến Niết-bàn. Vô sân tầm, này các Tỷ-kheo, tác thành không mù, tác thành mắt, tác thành trí, làm tăng trưởng trí tuệ, không dự phần vào tổn hại, đưa đến Niết-bàn. Vô hại tầm, này các Tỷ-kheo, tác thành không mù, tác thành mắt, tác thành trí, làm tăng trưởng trí tuệ, không dự phần vào tổn hại, đưa đến Niết-bàn. Này các Tỷ-kheo, có ba thiện tầm này, tác thành không mù, tác thành mắt, tác thành trí, làm tăng trưởng trí tuệ, không dự phần vào tổn hại, đưa đến Niết-bàn.

Hãy suy tư, suy tầm,
Ba tầm thuộc chánh thiện,
Đối ba tư duy ác,
Hãy từ bỏ, lánh xa.
Vị ấy chăc chế ngự,
Hành tướng các tư duy,
Như cơn mưa dẹp sạch,
Các bụi bậm chất chứa.
Vị ấy thật chắc chắn
An tịnh tầm với tâm.
Ở đây vị ấy đạt,

Con đường an tịnh đạo.

(LXXXVIII) (Tik. IV, 9) (It. 83)

Này các Tỷ-kheo, có ba nội uế, nội thù này, nội đối thủ, nội sát nhân, nội thù địch này. Thế nào là ba?

Tham, này các Tỷ-kheo, là nội uế, nội thù, nội đối thủ, nội sát thủ, nội sát nhân, nội thù địch. Sân, này các Tỷ-kheo, là nội uế, nội thù, nội đối thủ, nội sát nhân, nội thù địch. Si, này các Tỷ-kheo, là nội uế, nội thù, nội đối thủ, nội sát nhân, nội thù địch. Này các Tỷ-kheo, có ba nội uế, nội thù, nội đối thủ, nội sát nhân, nội thù địch này.

Tham sanh ra bất hạnh,
Tham làm tâm dao động,
Tham chính là sợ hãi,
Sanh ra từ bên trong,
Loài Người không rõ biết
Loại tham đặc biệt ấy.
Người tham không biết rõ
Đâu chính là lợi ích,
Người tham không thấy được
Đâu chính là Chánh pháp.
Mù lòa và tối tăm,
Sẽ xuất hiện, có mặt,
Ở nơi một người nào,
Có tham cùng chung sống.
Ai đoạn trừ được tham,
Không tham vật đáng tham,
Với ai tham đoạn trừ
Như giọt nước lá sen.
Sân sanh ra bất hạnh,
Sân làm tâm dao động.
Sân chính là sợ hãi,
Sanh ra từ bên trong
Loài Người không rõ biết,
Lòng sân đặc biệt ấy.
Người sân không biết rõ
Đâu chính là lợi ích,
Người sân không thấy được
Đâu chính là Chánh pháp,
Mù lòa và tối tăm,
Sẽ xuất hiện, có mặt,
Ở nơi sân người nào,
Có sân cùng chung sống.
Ai đoạn trừ được sân,
Không sân việc đáng sân,
Với ai, sân đoạn trừ,
Như quả cây ta-la
Được chặt đứt khỏi cành.
Si sanh ra bất hạnh,
Si làm tâm dao động,
Si chính là sợ hãi,

Sanh ra từ bên trong,
Loài Người không rõ biết
Lòng si đặc biệt ấy
Người si không rõ biết
Đâu chính là lợi ích,
Người si không thấy được
Đâu chính là Chánh pháp,
Mù lòa và tối tăm
Sẽ xuất hiện, có mặt,
Ở nơi một người nào,
Có si cùng chung sống.
Ai đoạn trừ được si,
Không si việc đáng si,
Vị ấy quét sạch được
Tất cả mọi si ám,
Như mặt trời mọc lên,
Quét sạch mọi tăm tối.

(LXXXIX) (Tik. IV, 10) (It. 85)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, bị chinh phục bởi ba phi diệu pháp, với tâm bị chúng xâm chiếm, Devadatta bị rơi vào đọa xứ, bị rơi vào địa ngục, trú cả kiếp ở đây, không thể cứu chữa. Thế nào là ba? Bị chinh phục bởi ác dục tâm bị ác dục xâm chiếm, Devadatta bị rơi vào đoạ xứ, bị rơi vào địa ngục, trú cả kiếp ở đấy, không thể cứu chữa. Bị chinh phục bởi ác bằng hữu, với tâm bị ác bằng hữu xâm chiếm, Devadatta bị rơi vào đọa xứ, bị rơi vào địa ngục, trú cả kiếp ở đấy, không thể cứu chữa. Dầu cho còn có những thượng pháp cần phải làm, do đạt được những chứng đắc đặc biệt, nhưng chỉ có giá trị tầm thường, Devadatta đã dừng lại giữa đường. Này các Tỷ-kheo, bị chinh phục bởi ba phi diệu pháp này, với tâm bị chúng xâm chiếm, Devadatta bị rơi vào đọa xứ, bị rơi vào địa ngục, trú cả kiếp ở đấy, không thể cứu chữa.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

Người khởi lên ác dục,
Không được sanh đời này,
Hãy biết nhờ điểm này,
Sanh thú người ác dục.
Ta được nghe như sau
Về Đề-va-đát-ta:
Được biết là Hiền trí,
Được nhận có tự ngã,
Đã đứng, được chói sáng,
Chói sáng với danh vọng.
Tự xem mình bằng Ngài
Đã chống lại Như Lai,
Do vậy, bị rơi vào,
Cõi địa ngục A-tỳ,
Với bốn cửa đóng chặt,
Đầy đủ những sợ hãi.
Chắc chắn ai xâm phạm,
Vị không có ác tâm,

Vị không làm điều ác,
Phải cảm xúc ác ấy,
Vì tâm bị uế nhiễm,
Không có biết tôn trọng.
Ai nghĩ làm ô nhiễm,
Toàn cả bể đại dương,
Với các ghè đựng đầy,
Đầy cả với thuốc độc.
Không thể ô nhiễm được,
Vì đại dương quá lớn.
Cũng vậy đối với Như Lai,
Ai lấy lời làm hại,
Vị đường đi chơn chánh,
Vị có tâm an tịnh,
Lời nói không dùng tới,
Bậc chứng ngộ như vậy.
Bậc trí cần làm bạn
Với một người như vậy,
Cần phải gần thân cận,
Với người được như vậy,
Tỳ-kheo cùng đi theo,
Một tuyến đường người ấy,
Vị ấy sẽ đạt đến,
Sự đoạn diệt khổ đau.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

PHẨM V

(XC) (Tik. V, 1) (It. 87)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, có ba tín thành tối thượng này. Thế nào là ba?

Này các Tỷ-kheo, so sánh các chúng sanh, không chân, hai chân, bốn chân hay nhiều chân, có sắc hay không có sắc, có tưởng, không có tưởng, hay không có tưởng không không có tưởng. Như Lai được xem là tối thượng đối với chúng, tức là bậc A-la-hán, Chánh đẳng Chánh giác. Này các Tỷ-kheo, những ai có lòng tin thành với đức Phật, những vị ấy có lòng tín thành nơi tối thượng. Với những ai có lòng tín thành nơi tối thượng, quả dị thục là quả tối thượng.

Này các Tỷ-kheo, so sánh các pháp hữu vi hay vô vi, ly tham được xem là tối thượng đối với họ, tức là kiêu mạn bị nhiếp phục, khát ái bị chế ngự, chấp nhận được nhổ lên, lưu chuyển bị cắt đứt, ái diệt, ly tham, đoạn diệt, Niết-bàn. Này các Tỷ-kheo, những ai có lòng tín thành nơi ly tham, những vị ấy có lòng tín thành nơi tối thượng; với những ai có lòng tin nơi tối thượng, quả dị thục là quả tối thượng.

Này các Tỷ-kheo, so sánh Tăng chúng hay hội chúng, Tăng chúng đệ tử của Như Lai được xem là tối thượng, tức là bốn đôi, tám vị. Chúng đệ tử này của Thế Tôn là đáng cung kính, đáng tôn trọng, đáng cúng dường, đáng chắp tay, là ruộng phước vô thượng ở đời. Này các Tỷ-kheo, những ai có lòng tín thành nơi Tăng chúng, những vị ấy có lòng tín thành nơi tối thượng. Với những ai có lòng tín thành nơi tối thượng, này các Tỷ-kheo có ba quả dị thục là quả tối thượng.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây điều này được nói đến.

Những ai có lòng tin,
Lòng tín nơi tối thượng,
Chính là sự rõ biết,
Biết Chánh pháp tối thượng.
Những ai có lòng tin,
Nơi đức Phật tối thượng,
Bậc Vô thượng xứng đáng,
Xứng đáng được cúng dường.
Những ai có lòng tin,
Nơi Chánh pháp tối thượng,
Những pháp rời bỏ tham,
An tịnh, thật tịnh lạc.
Những ai có lòng tin,
Nơi Tăng chúng tối thượng.
Những ruộng phước công đức,
Vô thượng không gì hơn.

Những ai đã bố thí,
Với đối tượng tối thượng,
Công đức được tăng trưởng,
Tăng trưởng đến tối thượng.
Thọ mạng được tối thượng,
Dung sắc cũng tối thượng,

Danh vọng, tiếng đồn tốt,
An lạc và sức mạnh.
Bậc trí có bố thí,
Bố thí vị tối thượng,
Vị định tĩnh, thiền định,
Trong Chánh pháp tối thượng,
Chư Thiên hay loài Người,
Đạt được sự tối thượng,
Họ sung sướng hân hoan.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

(XCI) (Tik. V, 2) (It. 89)

Này các Tỷ-kheo, nghĩa này là nghề tận cùng trong các nghề nuôi sống, tức là đi bát khất thực; Này các Tỷ-kheo, danh từ nhiếc mắng ở trong đời là nói rằng: "Ông là kẻ đi bát, với bát cầm tay, ông đi khắp mọi nơi". Tuy vậy chính nghề nuôi sống này được các thiện gia nam tử chấp nhận, những người sống vì lý tưởng, vì duyên sống với lý tưởng, không bị thúc đẩy làm nghề ấy vì sợ vua, vì sợ ăn trộm, vì mắc nợ, vì sợ hãi, không phải vì mất nghề nuôi sống; nhưng vì nghĩ rằng: "Nay ta bị rơi vào sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não, bị khổ tràn đầy, bị khổ chinh phục. Rất có thể, một số phương pháp chấm dứt toàn bộ khổ uẩn này có thể trình bày".

Này các Tỷ-kheo, thiện nam tử này xuất gia như vậy, tham ái trong các dục, với lòng tham sắc xảo, với tâm sân hận, ý tư duy nhiễm ác, thất niệm, không tỉnh giác, không định tĩnh, tâm tán loạn, với các căn hoang dại. Này các Tỷ-kheo, như một que lửa lấy từ chỗ thiêu xác, cả hai đầu đều cháy đỏ, ở giữa lại lấm phân, không hoàn thành được mục đích làm que củi ở trong làng hay ở trong rừng. Này các Tỷ-kheo, Ta nói người này như ví dụ như vậy, dầu cho bỏ tài sản gia đình nhưng không làm viên mãn mục đích Sa-môn hạnh.

Tài sản ở gia đình,
Được đoạn tận từ bỏ,
Nhưng khó dự phần được,
Mục đích Sa-môn hạnh,
Tự đưa đến tổn hại,
Và đưa đến tán loạn,
Giống que lửa thiêu xác,
Đi đến chỗ hoại vong.
Tốt hơn nuốt hòn sắt,
Chảy đỏ, một cục lửa,
Nếu kẻ hành ác giới,
Ăn đồ ăn quốc độ,
Không biết có chế ngự.

(XCII) (Tik. V, 3) (It. 90)

Này các Tỷ-kheo, nếu một Tỷ-kheo nắm lấy viền áo Tăng-già lê đi theo sau lưng Ta, chân bước theo chân, nhưng vị ấy có tham ái trong các dục, với lòng sắc xảo, với tâm sân hận, ý tư duy nhiễm ác, thất niệm, không tỉnh giác, không định tĩnh, tâm tán loạn, với các căn hoang dại, vị ấy xa hẳn Ta và Ta xa vị ấy. Vì cớ sao?

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy không thấy Pháp. Do không thấy Pháp nên không thấy Ta. Này các Tỷ-

kheo, nếu Tỷ-kheo sống xa đến một trăm do-tuần và vị ấy không có tham ái trong các dục, với lòng tham không sắc xảo, tâm không sân hận, ý tư duy không nhiễm ác, chánh niệm tỉnh giác, định tĩnh nhất tâm, các căn được chế ngự, vị ấy gần hẳn Ta và Ta gần vị ấy. Vì cớ sao? Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy thấy Pháp. Do thấy Pháp nên thấy Ta.

Nếu có thể bước theo,
Nhưng nhiều dục bực phiền.
Hãy xem người như vậy,
Thật là xa, rất xa,
Xa giữa người ái dục
Và người không ái dục,
Xa giữa người lắng dịu
Và người không lắng dịu,
Xa giữa người tham ái
Và người đã trừ ái.
Sau khi thắng tri Pháp,
Bậc Hiền trí biết Pháp,
Như ao không gió thổi,
Không dao động, tịnh chỉ.
Hãy xem người như vậy,
Thật là gần, rất gần,
Gần giữa người không ái,
Và người không có ái,
Gần giữa người lắng dịu,
Và người được lắng dịu,
Gần giữa người không tham,
Và người trừ tham ái.

(XCIII) (Tik. V, 4) (It. 92)

Này các Tỷ-kheo, có ba loại lửa này. Thế nào là ba? Lửa tham, lửa sân, lửa si. Này các Tỷ-kheo, có ba loại lửa này.

Lửa tham đốt cháy người,
Say mê trong các dục,
Còn lửa sân đốt cháy,
Những người có sân hận,
Những người giết, sát hại,
Các loại có sanh mạng.
Còn lửa si đốt cháy,
Những kẻ bị mê muội,
Những kẻ không tinh luyện,
Trong giáo pháp bậc Thánh,
Do không được biết rõ
Các loại lửa như vậy,
Nên loài Người ưa thích,
Vui thích với có thân.
Họ làm cảnh dịa ngục,
Được lớn mạnh tăng trưởng,
Kể cả giới bàng sanh,
Chỗ sanh xứ súc vật,

Cùng với A-tu-la,
Với cảnh giới quỷ đói,
Họ không được thoát khỏi,
Trói buộc của Ác ma.
Nhưng ai ngày và đêm,
Chú tâm vào, chuyên học,
Học những lời giảng dạy,
Bậc Chánh đẳng Chánh giác.
Họ làm cho lắng dịu
Ngọn lửa của lòng tham,
Luôn luôn ý thức được,
Tánh bất tịnh sự vật.
Với lòng thương, từ mẫn,
Những hạng người tối thượng,
Làm lắng dịu, chỉ tịnh,
Ngọn lửa của sân hận.
Còn ngọn lửa si mê,
Với trí tuệ dập tắt,
Trí tuệ này đưa đến
Thể nhập vào chân lý,
Bậc thận trọng sáng suốt,
Ngày đêm làm lắng dịu
Các loại lửa như vậy,
Không có biết mệt mỏi,
Họ làm cho lắng dịu,
Không một chút dư tàn,
Những bậc Thánh đã thấy,
Bậc trí tuệ hiểu biết,
Là những bậc Hiền trí,
Thấy được nhờ chánh trí
Do họ thắng tri được,
Sự diệt tận của sanh,
Nên họ không đi đến,
Sanh đi rồi sanh lại.

(XCIV) (Tik. V, 5) (It. 93)

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo cần phải quán sát một cách như thế nào, như thế nào, do quán sát như vậy, thức của vị ấy đối với ngoại trần không có tán loạn, không có tản rộng, tâm không trú trước nội trần, không chấp thủ, không bị khủng bố, sẽ không có sự sanh khởi, sự tập khởi của khổ về sanh già, chết, trong tương lai.

Tỷ-kheo đã đoạn tận,
Cả bảy loại trói buộc,
Đã chấm dứt sợi dây,
Vòng sanh tử luân chuyển,
Đã đoạn tận chặn đứng,
Vị ấy không tái sanh.

(XCV) (Tik. V, 6) (It. 94)

Này các Tỷ-kheo, có ba sanh khởi của dục. Thế nào là ba? Dục đối với sự vật hiện tại, sự thích thú đối với sự vật mình tạo ra, sự chấp nhận sự vật do người khác tạo ra. Này các Tỷ-kheo, có ba sanh khởi này của dục.

Những ai có lòng dục,
Đối sự vật hiện tại,
Và các loại chư Thiên,
Chi phối các sự vật
Do người khác tạo ra,
Chư thiên ưa thích thú,
Đối sự vật mình tạo,
Cùng các chúng sanh khác,
Thọ dụng các loại dục.
Thái độ người Hiền trí,
Đối thọ dụng các dục,
Trong đời này đời khác,
Từ bỏ tất cả dục,
Dầu thuộc về chư Thiên
Và dục thuộc loài Người.
Những ai được chặt đứt
Dòng nước khó vượt qua,
Sự say đắm sự vật,
Thân ái và tốt đẹp,
Họ làm cho lắng dịu,
Không có vật dư thừa,
Họ vượt qua đau khổ,
Không còn chút dư tàn,
Những bậc Thánh đã thấy.
Bậc trí tuệ hiểu biết,
Là những bậc Hiền trí,
Thấy được nhờ chánh trí.
Do họ thắng tri được
Sự diệt tận của sanh,
Nên họ không đi đến,
Sanh đi rồi sanh lại.

(XCVI) (Tik. V, 7) (It. 95)

Này các Tỷ-kheo, những ai bị trói buộc bởi trói buộc của dục, những ai bị trói buộc bởi trói buộc của hữu là những bậc đến lại, đi đến lại có mặt ở đây. Những ai chế ngự được sự trói buộc của dục, này các Tỷ-kheo, nhưng còn bị trói buộc bởi trói buộc của hữu, những vị ấy là hạng Bất lai, không trở lui lại có mặt ở đây. Những ai chế ngự được sự trói buộc của dục, chế ngự được sự trói buộc của hữu, những vị ấy là bậc A-la-hán, đã đoạn tận các lậu hoặc.

Những ai bị nhiếp phục,
Bởi trói buộc của dục,
Bởi trói buộc của hữu,
Bởi trói buộc cả hai,
Chúng sanh ấy đi đến,
Luân chuyển trong luân hồi,
Họ đi đến sanh tử.

Những ai đoạn tận dục,
Nhưng chưa đạt thành được,
Sự diệt tận lậu hoặc,
Họ còn bị nhiếp phục,
Bởi trói buộc của hữu,
Họ được gọi Bất lai.
Những ai chặt đứt được,
Mọi nghi hoặc phân vân,
Đoạn tận được kiêu mạn,
Đoạn tận được tái sanh,
Chắc chắn trong đời này,
Họ đi đến bờ kia,
Vì họ đã đạt tới,
Sự đoạn diệt lậu hoặc.

(XCVII) (Tik. V,8) (It. 96)

Này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo, có giới tốt lành, có pháp tốt lành, có tuệ tốt lành được gọi trong Pháp và Luật này là vị toàn hảo.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là Giới tốt lành? Ở đây này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo giữ giới, sống chế ngự với sự chế ngự của giới bổn Patimokkha, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong những lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập trong các học pháp. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là vị Tỷ-kheo có giới tốt lành.

Và thế nào là có Pháp tốt lành? Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo sống chuyên tâm chuyên chú tu tập Bảy pháp giác chi. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là vị có pháp tốt lành. Như vậy là giới tốt lành và pháp tốt lành.

Và thế nào là Tuệ tốt lành? Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo do diệt trừ các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là vị Tỷ-kheo có tuệ tốt lành.

Như vậy, một người có giới tốt lành, có pháp tốt lành, có tuệ tốt lành được gọi trong Pháp và Luật là vị toàn hảo.

Ai với thân, với lời,
Với ý, không làm ác,
Vị ấy giới tốt lành,
Được gọi là Tỷ-kheo
Có được lòng xấu hổ,
Ai, pháp khéo tu tập,
Những pháp giúp đạt đến,
Chứng được quả Bồ-đề,
Vị ấy pháp tốt lành,
Được gọi là Tỷ-kheo
Không có dục trào ra.
Ai quán tri đau khổ,
Ở đây, diệt trừ khổ,
Vị ấy tuệ tốt lành,
Được gọi là Tỷ-kheo

Không có các lậu hoặc,
Đầy đủ những pháp ấy,
Thoát khỏi sự phiền muộn
Chặt đứt mọi nghi ngờ,
Không luyến ái tham đắm
Mọi sự vật ở đời,
Vị ấy được xưng gọi
Vị đoạn tận tất cả.

(XCVIII) (Tik. V, 9) (It. 98)

Này các Tỷ-kheo, có hai loại bố thí: Bố thí tài vật và bố thí Pháp. Này các Tỷ-kheo, đây là bố thí tối thượng trong hai loại bố thí này, tức là bố thí Pháp. Này các Tỷ-kheo, có hai sự phân phát này: Phân phát tài vật và phân phát Pháp. Đây là phân phát tối thượng trong hai loại phân phát này, tức là phân phát Pháp. Này các Tỷ-kheo, có hai loại nhiêu ích này, nhiêu ích tài vật và nhiêu ích Pháp. Này các Tỷ-kheo, đây là nhiêu ích tối thượng trong hai loại nhiêu ích này, tức là nhiêu ích Pháp.

Điều được gọi bố thí,
Thù thắng và vô thượng,
Và sự phân phát nào,
Được Thế Tôn tán thán,
Với tâm tư tín thành,
Trong ruộng phước tối thượng,
Bậc trí rõ biết vậy,
Ai lại không cúng dường,
Ai làm được cả hai,
Nói lên và lắng nghe,
Với tâm tư tịnh tín,
Trong lời dạy Thiện Thệ,
Lợi ích ấy của họ,
Là tối thắng thanh tịnh,
Những ai không phóng dật,
Trong lời dạy Thiện Thệ.

(XCIX) (Tik. V,10) (It. 98)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng: "Một Bà-la-môn có được ba minh, một cách đúng pháp, không phải người nào khác được gọi vậy chỉ vì người này bập bẹ nói lên". Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Ta tuyên bố rằng một Bà-la-môn có được ba minh một cách đúng pháp, không phải người nào khác được gọi vậy chỉ vì người này bập bẹ nói lên?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo nhớ đến người đời quá khứ, ví như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều thành kiếp, nhiều hoại kiếp, nhiều thành hoại kiếp. Vị ấy nhớ rằng: "Tại chỗ kia ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh ra tại chỗ nọ. Tại chỗ ấy ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ra ở đây". Như vậy, Tỷ-kheo nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết. Đây là minh thứ nhất, vị ấy chứng đạt; vô minh diệt,

minh sanh; tối tăm diệt, ánh sáng sanh, do vị ấy sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng, chúng sanh người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của chúng. Các vị chúng sanh này làm những ác hạnh về thân, về lời, về ý, phỉ báng các bậc Thánh theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến. Những người này sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đoạ xứ, địa ngục. Còn những vị chúng sanh này làm những thiện hạnh về thân, về lời, về ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến. Những người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này. Như vậy với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của chúng. Đây là minh thứ hai vị ấy chứng đạt; vô minh diệt, minh sanh; tối tăm diệt, ánh sáng sanh, do vị ấy sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do diệt tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Đây là minh thứ ba, vị ấy chứng đạt, vô minh diệt, minh sanh; tối tăm diệt, ánh sáng sanh, do vị ấy sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng một Bà-la-môn có được ba minh một cách đúng pháp, không phải người nào khác được gọi vậy chỉ vì người này bập bẹ nói lên.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

Ai biết được đời trước,
Với Thiên giới đọa xứ,
Người ấy, Ta tuyên bố,
Là vị Bà-la-môn,
Chớ không phải ai khác,
Chỉ mở miệng bập bẹ.
Ai biết được đời trước,
Thấy Thiên giới, đọa xứ,
Vị ấy đạt sanh diệt,
Thật là bậc ẩn sĩ,
Đã thành tựu thắng trí.
Ba minh này thành tựu,
Là Phạm chí ba minh,
Ta gọi vị như vậy,
Chính là bậc Ba minh,
Chớ không phải ai khác,
Do nói lời bập bẹ.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

CHƯƠNG IV - BỐN PHÁP
PHẨM I

(C) (Cat. I) (It. 101)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, Ta là Bà-la-môn, người được đến yêu cầu, tay luôn luôn thanh tịnh, mang thân cuối cùng, vô thượng y sĩ chữa trị, y sĩ giải phẫu. Các Thầy thật là con của Ta từ miệng sanh, từ Pháp sanh, từ Pháp tạo thành, thừa tự Pháp, không thừa tự tài vật.

Này các Tỷ-kheo, có hai loại bố thí. Bố thí tài vật và bố thí Pháp. Này các Tỷ-kheo, đây là tối thượng trong hai bố thí này, tức là bố thí Pháp. Này các Tỷ-kheo, có hai loại phân phát này, phân phát tài vật và phân phát Pháp. Này các Tỷ-kheo, đây là tối thượng trong hai phân phát này, tức là phân phát Pháp.

Này các Tỷ-kheo, có hai nhiêu ích này, nhiêu ích tài vật và nhiêu ích Pháp. Này các Tỷ-kheo, đây là tối thượng trong hai nhiêu ích này, tức là nhiêu ích Pháp. Này các Tỷ-kheo, có hai loại tế tự này. Tế tự tài vật và tế tự Pháp. Này các Tỷ-kheo, đây là tối thượng trong hai tế tự này, tức là tế tự Pháp.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

Ai tế tự Chánh pháp,
Tế tự, không xan tham,
Như Lai có lòng từ,
Đối tất cả sinh vật,
Bậc tối thắng như vậy,
Giữa chư Thiên loài Người,
Chúng sanh kính đảnh lễ,
Vị đã vượt qua được,
Vượt qua dòng sanh hữu,
Đến được bờ bên kia.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

(CI) (Cat. 2) (It. 102)

Này các Tỷ-kheo, có bốn pháp này ít oi, dễ được và không có phạm lỗi. Thế nào là bốn? Trong các loại y, này các Tỷ-kheo, y phấn tảo lượm từ đống rác là ít oi, dễ được và không phạm lỗi. Trong các loại, để ăn, này các Tỷ-kheo, đi khất thực từng miếng là ít oi, dễ được và không có phạm lỗi. Trong các sàng tọa, này các Tỷ-kheo, gốc cây là ít oi, dễ được và không có phạm lỗi. Trong các loại dược phẩm, này các Tỷ-kheo, nước tiểu hôi là ít oi, dễ được, không có phạm lỗi. Này các Tỷ-kheo, có bốn loại ít oi, dễ được, không có phạm lỗi nào. Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo biết đủ, với các loại ít oi, dễ được này, Ta tuyên bố rằng đây là một chi phần Sa-môn hạnh của vị ấy.

Biết đủ với sự vật,
Ít oi, dễ tìm được,
Lại không có phạm tội,
Tâm không bị phiền nhiễu,
Về vấn đề sàng tọa,
Y áo và ăn uống;
Tâm không bị lo lắng,

Về phương hướng phải đi,
Các pháp được tuyên bố,
Thuận lợi Sa-môn hạnh,
Họ được có đầy đủ,
Với Tỷ-kheo biết đủ,
Với vị không phóng dật.

(CII) (Cat. 3) (It. 103)

Này các Tỷ-kheo, Ta thuyết sự diệt tận các lậu hoặc cho người biết, cho người thấy, không phải cho người không biết, cho người không thấy. Và này các Tỷ-kheo, cho người biết gì, cho người thấy gì là sự diệt tận các lậu hoặc?

Này các Tỷ-kheo, cho người biết, cho người thấy rằng: "Đây là Khổ ", là sự diệt tận các lậu hoặc. Này các Tỷ-kheo, cho người biết, cho người thấy rằng: "Đây là Khổ tập ", là sự diệt tận các lậu hoặc. Này các Tỷ-kheo, cho người biết, cho người thấy rằng: "Đây là khổ diệt " Là sự diệt tận các lậu hoặc. Như vậy, này các Tỷ-kheo, cho người biết, cho người thấy, "Đây là Con đường đưa đến khổ diệt ". là sự diệt tận các lậu hoặc. Như vậy này các Tỷ Kheo cho người biết cho người thấy là sự diệt tận các lậu hoặc.

Vị hữu học học tập,
Hành trì đường chánh trực,
Trong diệt tận ác pháp,
Là trí bậc thứ nhất,
Tiếp đến là chánh trí,
Chánh trí này vô thượng,
Tiếp theo chánh trí ấy,
Chính là sự giải thoát,
Giải thoát trí vô thượng,
Trong diệt tận, trí khôn,
Với các loại, kiết sử,
Được đoạn tận ở đây,
Không phải kẻ biếng nhác,
Kẻ ngu, không biết gì,
Có thể chứng ngộ được
Niết-bàn vô thượng này,
Sự giải thoát hoàn toàn,
Tất cả mọi trói buộc.

(CIII) (Cat. 4) (It. 104)

Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không như thật quán tri: "Đây là Khổ", không như thật quán tri: "Đây là Khổ tập", không như thật quán tri: "Đây là Khổ diệt", không như thật quán tri: "Đây là Con đường đưa đến khổ diệt". Những Sa-môn, Bà-la-môn ấy, này các Tỷ-kheo, không được Ta chấp nhận là Sa-môn trong các hàng Sa-môn, hay là Bà-la-môn trong các Bà-la-môn. Và các vị Tôn giả ấy, ngay trong hiện tại cũng không tự mình với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn hạnh hay mục đích Bà-la-môn hạnh.

Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, như thật quán tri: "Đây là Khổ", như thật quán tri: "Đây là Khổ tập", như thật quán tri: "Đây là Khổ diệt", như thật quán tri: "Đây là Con đường đưa đến khổ diệt", thời này các Tỷ-kheo, các Sa-môn hay Bà-la-môn ấy được Ta chấp nhận là Sa-môn trong các hàng Sa-môn, hay Bà-la-môn trong các hàng Bà-la-môn. Và các vị Tôn giả ấy ngay trong hiện tại, tự

mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn hạnh hay mục đích Bà-la-môn hạnh.

Những ai không quán tri,
Khổ và khổ hiện hữu,
Ở đấy, khổ hoàn toàn,
Được đoạn tận, không dư,
Và không biết đường ấy,
Đưa đến chỉ tịnh khổ,
Những vị ấy không có
Tâm và tuệ giải thoát,
Họ không thể chấm dứt,
Phải đi đến sanh già.

Những vị nào quán tri,
Khổ và khổ tập khởi,
Ở đấy, khổ hoàn toàn,
Được đoạn tận, không dư;
Rõ biết con đường ấy,
Đưa đến chỉ tịnh khổ,
Tâm giải thoát thành tựu,
Và cả tuệ giải thoát,
Họ có thể chấm dứt,
Không đi đến sanh già.

(CIV) (Cat. 5) (It. 106)

Này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo nào đầy đủ giới, đầy đủ định, đầy đủ tuệ, đầy đủ giải thoát, đầy đủ giải thoát tri kiến, những vị giáo giới, những vị giảng dạy, những vị tuyên bố, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, những bậc xứng đáng thuyết minh diệu pháp, này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng chỉ thấy các vị như vậy là lợi ích nhiều cho các Tỷ-kheo ấy; này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng chỉ nghe các vị như vậy là lợi ích nhiều cho các Tỷ-kheo ấy; này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng chỉ đi đến yết kiến các vị như vậy là lợi ích nhiều cho các Tỷ-kheo ấy; này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng chỉ thân cận các vị như vậy là lợi ích nhiều cho các Tỷ-kheo ấy; này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng chỉ nhớ nghĩ đến các vị như vậy là lợi ích nhiều cho các Tỷ-kheo ấy. Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng chỉ tùy theo các vị như vậy xuất gia là lợi ích nhiều cho các Tỷ-kheo ấy. Vì cớ sao?

Này các Tỷ-kheo, khi phục vụ, chia sẻ, thân cận những Tỷ-kheo như vậy, thời giới uẩn chưa được đầy đủ đi đến được tu tập đầy đủ, định uẩn chưa được đầy đủ đi đến được tu tập đầy đủ, tuệ uẩn chưa được đầy đủ đi đến tu tập đầy đủ, giải thoát uẩn chưa được đầy đủ, đi đến được tu tập đầy đủ, giải thoát tri kiến uẩn chưa được đầy đủ đi đến được tu tập đầy đủ. Này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo như vậy được gọi là những bậc Đạo sư, được gọi là những người cầm đầu đoàn lữ hành, được gọi là những vị đã từ bỏ những nguyên nhân tác hại, được gọi là những vị quét sạch tối tăm, được gọi là những vị tác thành minh, được gọi là những vị tác thành quang; được gọi là những vị tác thành ánh sáng, được gọi là những vị cầm bó đuốc, được gọi là những vị phóng quang, được gọi là những bậc Thánh, được gọi là những người có mắt.

Đây là căn cứ địa
Những vị phóng hào quang,
Chính nhờ hiểu biết vậy,
Tức là, đối tự ngã,

Những vị có tu tập,
Là những bậc Hiền Thánh,
Sống đúng theo Chánh pháp,
Họ chói sáng diệu pháp,
Họ nói lên diệu pháp,
Họ phóng được hào quang
Là những bậc có trí,
Tác thành ra ánh sáng,
Họ là người có mắt,
Họ từ bỏ nguyên nhân
Tạo ra điều tác hại,
Bậc trí với chánh trí,
Nghe lời dạy vị ấy,
Do thắng tri sanh diệt,
Không đi đến tái sanh.

(CV) (Cat. 6) (It. 109)

Này các Tỷ-kheo, có bốn sự sanh khởi này của ái, ở đây ái sanh khởi lên cho Tỷ-kheo. Thế nào là bốn? Do nhân y áo, này các Tỷ-kheo, ái sanh khởi cho Tỷ-kheo. Do nhân đồ ăn khất thực, này các Tỷ-kheo, ái khởi sanh cho Tỷ-kheo. Do nhân sàng tọa, này các Tỷ-kheo, ái khởi sanh cho Tỷ-kheo. Do nhân sanh hữu, không sanh hữu, này các Tỷ-kheo, ái sanh khởi cho Tỷ-kheo. Này các Tỷ-kheo, có bốn sự sanh khởi này của ái. Ở đây, ái sanh khởi lên cho Tỷ-kheo.

Người có ái làm bạn,
Bị luân hồi dài dài,
Nó không vượt luân hồi,
Đời này qua đời khác.
Do biết nguy hại vậy,
Ái tác thành ra khổ,
Không còn có khát ái,
Không còn có chấp trước,
Vị Tỷ-kheo chánh niệm
Du hành khắp đó đây.

(CVI) (Cat. 7) (It. 109)

Những gia đình nào, này các Tỷ-kheo, trong ấy các con cái kính lễ mẹ cha ở trong nhà, những gia đình ấy được chấp nhận ngang bằng với Phạm thiên. Những gia đình nào, này các Tỷ-kheo, trong ấy các con cái kính lễ mẹ cha ở trong nhà, những gia đình ấy được chấp nhận như các đạo sư thời xưa. Những gia đình nào, này các Tỷ-kheo, trong ấy con cái kính lễ mẹ cha ở trong nhà, những gia đình ấy được chấp nhận là đáng được cúng dường.

Phạm thiên, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với mẹ cha. Các đạo sư thời xưa, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với mẹ cha. Đáng được cúng dường, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với mẹ cha. Vì cớ sao? Giúp đỡ rất nhiều, này các Tỷ-kheo, là mẹ cha đối với con cái, nuôi chúng lớn, dưỡng dục chúng, giới thiệu chúng vào đời.

Mẹ cha gọi Phạm thiên,
Bậc Đạo Sư thời trước,
Xứng đáng để con cháu,

Nuôi dưỡng và cúng dường.
Do vậy, bậc hiền triết,
Đảnh lễ và tôn trọng,
Dâng đồ ăn đồ uống,
Vải mặc và giường nằm,
Thoa bóp cả thân mình,
Tắm rửa cả chân tay,
Với sở hành như vậy,
Đối với mẹ và cha,
Đời này người hiền khen,
Dời sau hưởng Thiên lạc.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến, và tôi đã được nghe.

(CVII) (Cat. 8) (It. 111)

Này các Tỷ-kheo, các Bà-la-môn gia chủ rất có lợi ích cho các Thầy, chính họ đã sắp đặt y áo, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh cho các Thầy. Này các Tỷ-kheo, các Thầy cũng rất có lợi ích cho các người Bà-la-môn gia chủ, vì các Thầy thuyết pháp cho họ, pháp ấy sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa có văn, nói lên Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Phạm hạnh này được sống, do tương duyên với nhau, với mục đích vượt qua dòng nước mạnh, đoạn tận khổ đau.

Có nhà và không nhà,
Cả hai nương tựa nhau,
Chứng đạt được diệu pháp,
Ách an ổn, vô thượng,
Từ các vị có nhà,
Vị không nhà nhận được
Y áo, các vật dụng,
Giường nằm và chỗ ngồi,
Nhờ vậy tránh khỏi được,
Các nguy hiểm nhọc nhằn.
Các vị trú gia đình,
Ước mong mến gia đình,
Nương tựa bậc Thiện Thệ,
Lòng tin bậc Ứng Cúng,
Lòng tin Thánh trí tuệ,
Họ tu tập thiền định,
Ở đây, hành trì pháp,
Con đường đến cõi lành,
Hân hoan trong thiên giới,
Họ sống được hoan hỷ,
Như điều họ mong muốn.

(CVIII) (Cat. 9) It. 112)

Này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo nào lừa đảo ngoan cố, lắm mồm, lắm miệng, buông thả hỗn hào vô lễ không định tỉnh, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo ấy không phải đệ tử của Ta; này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo ấy rơi khỏi Pháp và Luật này; và này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo ấy không đi đến tăng trưởng, tăng thịnh, tăng rộng trong Pháp và Luật này. Và này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo nào không lừa đảo, không

lắm mồm, lắm miệng, nghiêm trang, không ngoan cố, khéo định tĩnh; này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo ấy là đệ tử của Ta; này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo ấy không rơi khỏi Pháp và Luật này; và này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo ấy đi đến tăng trưởng, tăng thịnh, tăng rộng trong Pháp và Luật này.

Lừa đảo và ngoan cố,
Lắm mồm và buông thả,
Hỗn hào không định tĩnh,
Những hạng người như vậy,
Không lớn mạnh trong Pháp,
Được bậc Chánh giác giảng.
Không lừa đảo lắm mồm,
Nghiêm trang và bình tĩnh
Không ngoan cố, khéo định,
Họ lớn mạnh trong Pháp,
Được bậc Chánh giác giảng.

(CIX) (Cat. 10) (It. 113)

Này các Tỷ-kheo, ví như có người bị dòng sông cuốn trôi, dòng sông đẹp đẽ, dễ thương. Có người có mắt, đứng trên bờ thấy người ấy, nói rằng: "Này người kia, tuy người bị cuốn trôi bởi dòng sông đẹp đẽ dễ thương nhưng ở dưới kia có một cái hồ, đầy sóng và nước xoáy, đầy cá sấu và quỷ Dạ-xoa; nếu Ông đến chỗ ấy, Ông sẽ bị chết, hay đau khổ gần như chết. Rồi người ấy, sau khi nghe tiếng của người kia, liền với tay và với chân, bơi ngược dòng".

Này các Tỷ-kheo, Ta ví dụ này là để giải thích ý nghĩa. Ở đây, ý nghĩa là như sau: "Dòng sông, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với ái. Sắc khả ái dễ thương, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với sáu nội xứ. Cái hồ ở dưới, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với năm hạ phần kiết sử. Sóng, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với phẫn nộ, ưu não. Nước xoáy, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với năm dục tăng trưởng. Cá sấu, với quỷ Dạ-xoa, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với đàn bà; ngược dòng, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa xuất ly. Tinh tấn với tay với chân là đồng nghĩa với tinh cần tinh tấn. Người có mắt đứng trên bờ, này các Tỷ-kheo, là Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác".

Cùng với sự đau khổ,
Hãy từ bỏ các dục,
Mong cầu trong tương lai,
An ổn khỏi khổ ách,
Chơn chánh hiểu biết rõ,
Tâm khéo được giải thoát,
Tại đấy, ở tại đấy,
Cảm xúc được giải thoát,
Vị ấy đạt hiểu biết,
Phạm hạnh được thành tựu,
Đến tận cùng thế giới,
Đến được bờ bên kia.
Vị ấy được gọi vậy.

(CX) (Cat. 11) (It. 115)

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo khi đang đi khởi lên dục tầm, sân tầm hay hại tầm, nếu Tỷ-kheo chấp nhận không có từ bỏ, không có tẩy sạch, không có chấm dứt, không đi đến, không hiện hữu. Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo đang đi có sở hành như vậy, vị ấy được gọi là người không có nhiệt tình, không

có sợ hãi, liên tục thường hằng biếng nhác, tinh tấn hạ liệt.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo khi đang đứng.... khi đang ngồi... khi đang nằm thức khởi lên dục tầm, hay sân tầm, hay hại tầm. Nếu Tỷ-kheo chấp nhận, không có từ bỏ, không có tẩy sạch, không có chấm dứt, không đi đến, không hiện hữu, này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo khi đang nằm thức có sở hành như vậy, vị ấy được gọi là vị không có nhiệt tình, không có sợ hãi, liên tục thường hằng biếng nhác, tinh tấn hạ liệt.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo khi đang đi khởi lên dục tầm, sân tầm hay hại tầm; nếu Tỷ-kheo không chấp nhận, từ bỏ, tẩy sạch, chấm dứt, đi đến không hiện hữu; thì này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo khi đang đi có sở hành như vậy, vị ấy là có nhiệt tình, có sợ hãi, liên tục thường hằng tinh cần tinh tấn, siêng năng. Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo khi đang ngồi. Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo khi đang nằm thức khởi lên dục tầm, sân tầm hay hại tầm, nếu Tỷ-kheo không chấp nhận, từ bỏ, tẩy sạch, chấm dứt, đi đến không hiện hữu... thì này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo khi đang nằm thức có sở hành như vậy, vị ấy được gọi là vị có nhiệt tình, có sợ hãi, liên tục thường hằng tinh cần tinh tấn, siêng năng.

Khi đi hoặc khi đứng,
Khi ngồi hay khi nằm,
Khởi lên ác tâm tư,
Liên hệ đến gia đình,
Thực hành theo ác đạo,
Mờ ám bởi si mê,
Vị Tỷ-kheo như vậy,
Không chứng Vô thượng giác.
Ai khi đi, khi đứng,
Khi ngồi hay khi nằm,
Tập trung được tâm tư,
Ưa thích tầm chỉ tịnh,
Vị Tỷ-kheo như vậy,
Chứng được Vô thượng giác.

(CXI) (Cat. 12) (5 It. 118)

Này các Tỷ-kheo, hãy sống đầy đủ giới, đầy đủ giới bổn Pàtimokkha, được chế ngự với chế ngự giới bổn Pàtimokkha. Hãy sống đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong các lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập trong các học pháp. Đã sống đầy đủ giới, này các Tỷ-kheo, đầy đủ giới bổn Pàtimokkha, được chế ngự với sự chế ngự của giới bổn Pàtimokkha, sống đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong các lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập trong các học pháp, còn có gì cần phải làm thêm nữa?

Nếu Tỷ-kheo trong khi đi, tham, sân được từ bỏ, hôn trầm thụy miên được từ bỏ, trạo hối được từ bỏ, nghi được đoạn tận, tinh cần tinh tấn, không có thụ động, niệm được an trú không có thất niệm, thân được khinh an không có cuồng nhiệt, tâm được định tĩnh nhất tâm. Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo trong khi đi có sở hành như vậy, vị ấy được gọi là người có nhiệt tâm, có sợ hãi liên tục thường hằng tinh tấn, siêng năng.

Nếu Tỷ-kheo trong khi đứng... nếu Tỷ-kheo trong khi ngồi... nếu Tỷ-kheo trong khi nằm, thức, tham được trừ bỏ, sân được từ bỏ, hôn trầm thụy miên được từ bỏ, trạo hối được từ bỏ, nghi được đoạn tận, tinh cần tinh tấn, không có thụ động, niệm được an trú, không có thất niệm, thân được khinh an, không có cuồng nhiệt, tâm được định tĩnh, nhất tâm. Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo trong khi đang nằm thức có sở hành như vậy, vị ấy được gọi là người nhiệt tâm, có sợ hãi, liên tục thường hằng, tinh tấn, siêng năng.

Đi đứng biết tự chế,
Ngồi nằm biết tự chế,
Tỷ-kheo biết tự chế,
Khi co tay, duỗi tay.
Phía trên, ngang, cùng khắp,
Xa cho đến cùng tột,
Bất cứ sanh thú nào,
Ở tại thế giới này,
Khéo quán sát sanh diệt,
Của tất cả pháp uẩn,
Sống như vậy nhiệt tâm,
Tâm chỉ tịnh, đúng pháp,
Tâm an tịnh, không động,
Thường xuyên chuyên học tập,
Liên tục, thường siêng năng,
Tỷ-kheo được gọi vậy.

(CXII) (Cat. 13) (It. 121)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, thế giới được Như Lai Chánh đẳng giác. Như Lai không hệ lụy đối với đời. Này các Tỷ-kheo, thế giới tập khởi được Như Lai Chánh đẳng giác; thế giới tập khởi được Như Lai đoạn tận. Này các Tỷ-kheo, thế giới đoạn diệt được Như Lai chánh đẳng giác; thế giới đoạn diệt được Như Lai giác ngộ. Này các Tỷ-kheo, con đường đưa đến thế giới đoạn diệt được Như Lai chánh đẳng giác; con đường đưa đến thế giới đoạn diệt Như Lai đã tu tập.

Cái gì này các Tỷ-kheo, trong toàn thế giới với Thiên giới, Mạ giới, Phạm thiên giới, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, được thấy, được nghe, được thọ tưởng, được thức tri, được đạt đến, được tầm cầu, được ý tư sát, tất cả đều được Như Lai chánh đẳng giác. Do vậy được gọi là Như Lai. Này các Tỷ-kheo, từ đêm Như Lai chứng ngộ Vô thượng Chánh đẳng giác đến đêm Ngài nhập Niết-bàn không có dư y trong thời gian ấy, điều gì Ngài nói, tuyên bố, nêu rõ lên tất cả là như vậy, không có khác được. Do vậy Ngài được gọi là Như Lai.

Này các Tỷ-kheo, Như Lai nói gì làm vậy, làm gì nói vậy. Vì rằng nói gì làm vậy, làm gì nói vậy, nên Ngài được gọi Như Lai.

Này các Tỷ-kheo, trong toàn thể thế giới, Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, Như Lai là bậc chiến thắng, không bị ai chiến bại, toàn tri, toàn kiến, đại tự tại, do vậy Ngài được gọi là Như Lai.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây điều này được nói đến:

Thắng tri mọi thế giới,
Mọi thế giới như thật,
Ly hệ mọi thế giới,
Không giống mọi thế giới.
Thắng tất cả bậc trí,
Giải thoát mọi buộc ràng.
Cảm thọ tối thắng tịnh,

Niết-bàn, không sợ hãi,
Vị này đoạn lậu hoặc,
Bậc giác ngộ trí giả,
Không dao động nhiễu loạn,
Nghi ngờ được chặt đứt,
Đạt diệt tận mọi nghiệp
Giải thoát diệt sanh y,
Là Thế Tôn, là Phật
Bậc Sư tử vô thượng,
Trong thế giới thiên giới
Chuyển bánh xe Phạm luân.
Như vậy loài Trời, Người,
Đến quy y đức Phật,
Gặp nhau, đảnh lễ Ngài,
Vĩ đại không sanh hữu,
Điều phục, bậc Tối thượng,
Trong người được điều phục
An tịnh, bậc ẩn sĩ,
Những người được an tịnh.
Giải thoát bậc tối thượng,
Những người được giải thoát
Vượt qua bậc tối thắng,
Những người được vượt qua.
Như vậy họ lễ Ngài
Vĩ đại, không sanh hữu,
Thiên giới, thế giới này,
Không ai được bằng Ngài.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

-ooOoo-

1.5 KINH TẬP
(Sutta Nipata)
GIỚI THIỆU KINH TẬP
(Sutta Nipata)
Hoà Thượng Thích Minh Châu

Tập Sutta Nipatà là kinh thứ 5, trong 15 kinh thuộc Bộ Khuddaka Nipàta tức là Tiểu Bộ Kinh. Bộ Tiểu Bộ Kinh gồm có 15 kinh:

Khuddakapàtha (Tiểu Tụng Kinh),
Dhammapada (Pháp Cú),
Udàna (Phật Tự Thuyết Kinh, Cảm Hứng Ngữ),
Itivuttaka (Như Thị Ngữ Kinh, Phật Thuyết Như Vậy),
Vimànavatthu (Thiên Cung Sự Kinh),
Petavatthu (Ngạ Quỷ Sự Kinh),
Theragàthà (Trưởng Lão Tăng Kệ),
Therigàthà (Trưởng Lão Ni Kệ),
Jàtaka (Bổn Sanh),
Mahàniddesa (Đại Nghĩa Tích),
Cùlaniddesa (Tiểu Nghĩa Tích),
Patisambhidàmagga (Vô Ngại Giải Đạo),
Apadàna (Thí Dụ Kinh),
Buddhavamsa (Phật Sử) và
Cariyàpitaka (Tiểu Nghĩa Kinh, Sở Hạnh Tạng).

Theo một phân loại khác, Luật Tạng, Luận Tạng và tất cả kinh chưa được sưu tập vào 4 Bộ Nikàyà chính, lập thành Tiểu Bộ Kinh. Các vị thọ trì Trường Bộ Kinh không chấp nhận các kinh Khuddakapàtha, Cariyàpitaka và Apadàna, và phân loại các kinh khác vào Luận Tạng. Các vị thọ trì Trung Bộ Kinh không chấp nhận tập Khuddakapàtha, nhưng chấp nhận các kinh còn lại và phân loại chúng vào Kinh tạng. Theo truyền thống Miến Điện, 4 tập khác được cộng thêm vào, như Milindapanha, Suttasamgaha, Petakopadesa và Nettipakarana.

Kinh Tập này gồm có 5 Chương:

Chương I, Phẩm Rắn (Uragavagga) gồm có 12 kinh;
Chương II, Tiểu Phẩm gồm có 14 kinh.
Chương III, Đại Phẩm gồm có 12 kinh;
Chương IV, Phẩm Tám gồm có 16 kinh; và
Chương V, PhẩmTrên Con Đường Đến Bờ Bên Kia, gồm có 17 kinh tất cả.

Tổng cộng kinh này có 5 Chương và 71 bài kinh.

Đặc biệt của tập này gồm những kinh có thể được xem là những kinh xưa nhất, cổ nhất, nghĩa là gần với thời đức Phật nhất. Chúng tôi dựa trên một số yếu tố để xác nhận tánh chất thật sự nguyên thủy của Bộ Suttànipàta này, về cả hai mặt Văn cú và Nội dung.

Trước hết, Tập Suttanipàta viết bằng một thể văn Pàli xưa nhất và cổ kính nhất, so sánh với các thể văn chúng ta thường được gặp trong các Bộ Dìgha Nikàya (Trường Bộ), Majjhima Nikàya (Trung Bộ), Samyutta Nikàya (Tương Ưng Bộ), Anguttara Nikàya (Tăng Chi Bộ). Nhiều thể văn gần với văn Vedà (Vệ Đà) được tìm thấy rất nhiều trong tập này, nhưng không tìm thấy trong các tập khác, như các danh từ và động từ số nhiều: *sitàse, upatthitàse, caramàse*. Các hình thức chủ cách số nhiều và sử dụng cách

số ít của một số danh từ như: *vinicchayà* thế cho *vinicchayàni*, *lakkhanà* thế cho *lakkhanàni*, *mantà* thế cho *mantàya*. Ngoài ra, chúng ta thường gặp các nguyên mẫu Vedà như *vippahàtane, sampayàtave, unnametave* rất ít khi được tìm thấy trong các tập kinh khác. Nhiều khi chúng ta thấy một số danh từ đặc biệt như chữ *datthu* thế cho *disvà*, *atisìtvà* thế cho *atikkamivà*, *maga* thế cho *miga*, *tumo* thế cho *so* v.v... Những danh từ này rất gần với tiếng Vệ đà không tìm thấy ở các bộ kinh khác. Như vậy, chứng tỏ Tập Suttanipàta được viết trong thời kỳ xưa nhất của ngôn ngữ Pàli, chưa được trau chuốt lưu loát, nhiều âm điệu như ngôn ngữ Pàli sau này. Giá trị cổ kính của ngôn ngữ Pàli trong tập này đánh giá tánh chất nguyên thủy của tập Suttanipàta.

Một yếu tố nữa giúp chúng ta biết giá trị cổ kính của tập này là một số kinh của tập này được tìm thấy trong các bộ kinh khác, và chứng tỏ các kinh khác đã sưu tầm một số kinh hiện có trong bộ Suttanipàta. Ví dụ kinh Seta (Sn. 548-573) được tìm thấy trong Majjhima Nikàya M.i. 146; kinh Vàsettha (Sn. 594-656) được tìm thấy cũng trong Majjhima Nikàya M.ii. 196.

Ngoài ra, tập Suttanipàta có ghi chép lại một vài giai đoạn trong đời sống tìm đạo và học đạo của Thái tử, những mẫu chuyện này rất giản dị và mộc mạc, không có xen lẫn thần thông phù phép với những hình ảnh thật đơn sơ và tươi đẹp.

Kinh Xuất gia (Sn. 405-424) diễn tả cuộc gặp gỡ giữa Thái tử với Vua Bimbisàra, khi Thái tử vừa mới xuất gia. Vua Bimbisàra đứng trên lầu nhìn xuống thấy Thái tử đang đi khất thực.

"Bình Sa Vương thấy Ngài,
Đứng trên sân lầu thượng
Thấy đầy đủ tướng tốt,
Bèn nói lên lời này." (409)

Sau khi sai sứ giả đi theo để tìm chỗ Thái tử, Vua Bimbisàra liền đi đến gặp Thái tử và thưa:

"Ngài thanh niên tuổi trẻ,
Ngây thơ, bước vào đời,
Cao đẹp được viên mãn,
Thiện sanh giòng Sát ly...
Tài sản ta cho ngươi.
Hãy hưởng và trả lời." (420-421)

Và Thái tử dứt khoát trả lời :

"Giòng họ thuộc mặt trời
Sanh tộc là Thích Ca,
Từ bỏ gia tộc ấy,
Thưa vua Ta xuất gia.
Ta không có thiết tha,
Đối với các loại dục,
Thấy nguy hiểm trong dục,
Bỏ chúng, là an ổn;
Ta sẽ đi, tinh tấn,
Ý Ta được hoan hỷ." (423-424)

Kinh Tinh Tấn tiếp theo nói lên sự cám dỗ của Ác ma. Khi Thái tử ngồi dưới cây Bồ đề tu hành, Ác ma đến gần, nói lên giọng từ mẫn :

"Ngươi ốm, không dung sắc
Nhà ngươi gần chết rồi,
Cả ngàn phần, ngươi chết;
Chỉ một phần còn sống.
Hãy sống, sống tốt hơn,
Sẽ làm các công đức." (426-427)

Thái tử trả lời từ tốn, nhưng không kém phần nghị lực :

"Bà con ác phóng dật,
Ngươi đến đây làm gì?
Với công đức nhỏ bé,
Ta đâu có cần đến!
Đây có tín, tinh tấn,
Và Ta có trí tuệ,
Như vậy Ta tinh tấn
Sao ngươi hỏi Ta sống." (431-432)

Và Thái tử nói lên quyết tâm chiến đấu của mình :

"Ôi này Ma Nu Ci!
Đây là quân đội ngươi,
Đây quân đội chiến trận
Của giòng họ Kanhà,
Kẻ nhát, không thắng ngươi
Ai thắng ngươi được lạc.
Ta mang cỏ Munja
Vững thay, đáng đời sống
Thà Ta chết chiến trận
Tốt hơn sống thất bại." (439-440)

Và cuối cùng, Ác ma thất bại trước dũng chí của Thái tử và vừa bỏ đi vừa than:

"Bảy năm ta bước theo
Chân theo chân Thế Tôn,
Không tìm được lỗi lầm
Nói Thế Tôn chánh niệm,
Như quạ bay xung quanh,
Hòn đá như đống mỡ."
"Có thể có gì mềm?
Có thể có gì ngọt?
Không tìm được vị ngọt
Quạ từ đó bay đi!
Như quạ mổ hòn đá
Ta bỏ Gotama." (446-448)

Câu chuyện thứ ba nói về ẩn sĩ Asita (A Tư Đà) đoán tướng cho Thái tử. Asita thấy Chư thiên vui mừng liền hỏi duyên cớ. Chư thiên đáp :

"Tại xứ Lâm tì ni

Trong làng các Thích Ca,
Có sanh vị Bồ tát
Báu tối thắng, vô tỷ.
Ngài sanh, đem an lạc
Hạnh phúc cho loài người,
Do vậy chúng tôi mừng
Tâm vô cùng hoan hỷ.
Ngài, chúng sanh tối thượng
Ngài, loài người tối thắng,
Bậc Ngưu Vương loài người
Thượng Thủ mọi sanh loại.
Ngài sẽ chuyển Pháp luân,
Trong khu rừng ẩn sĩ,
Rống tiếng rống sư tử,
Hùng mạnh, nhiếp loài thú." (683-684)

Đạo sư Asita liền vội vàng đi đến Kapilavatthu để được chiêm ngưỡng Thái tử.

"Sau khi thấy Thái tử,
Chói sáng như lửa ngọn,
Thanh tịnh như Sao ngưu
Vận hành giữa hư không
Sáng chiếu như mặt trời
Giữa trời thu mây tịnh
Ẩn sĩ tâm hoan hỷ
Được hỷ lạc rộng lớn." (687)

Khi thấy Thái tử chói sáng như mặt trời, khi nghĩ đến viễn ảnh chánh pháp được tuyên thuyết, nghĩ đến phận mình già yếu, A Tư Đà đã phát khóc.

"Khi vị ấy nghĩ đến
Số mệnh của tự mình,
Số mệnh không tốt đẹp,
Vị ấy rơi nước mắt"... (691)

Trước sự lo lắng của các vị Thích Ca, ẩn sĩ A Tư Đà giải tỏa mối lo lắng:

"Thấy họ Thích lo lắng
Vị ẩn sĩ trả lời:
Ta không thấy bất hạnh
Xảy đến cho Thái tử
Đối với (Thái tử) ấy,
Chướng ngại sẽ không có.
Vị này không hạ liệt,
Chớ có lo lắng gì.
Thái tử này sẽ chứng
Tối thượng quả Bồ đề,
Sẽ chuyển bánh xe Pháp
Thấy thanh tịnh tối thắng
Vì lòng từ thương xót,
Vì hạnh phúc nhiều người,

Và đời sống Phạm hạnh
Được truyền bá rộng rãi
Thọ mạng ta ở đời
Còn lại không bao nhiêu
Đến giữa đời sống Ngài,
Ta sẽ bị mệnh chung.
Ta sẽ không nghe Pháp
Bậc tinh cần vô tỷ
Do vậy ta sầu não,
Bất hạnh và khổ đau." (692-694)

Yếu tố thứ tư xác nhận sự cổ kính của Kinh Tập này là một số câu văn, một số ví dụ, một số hình ảnh được diễn tả, đã trở thành những câu cách ngôn dân gian.

Biển lớn thì im lặng. Khe nước thời chảy ồn. Cái gì trống kêu to. Cái gì đầy thì yên lặng. Những ví dụ này cho chúng ta thấy những kẻ ít hiểu biết thì hay nói nhiều, những kẻ hiểu biết nhiều thời thường im lặng như 2 câu kệ sau đây :

"Hãy học các giòng nước,
Từ khe núi vực sâu
Nước khe núi chảy ồn
Biển lớn đầy im lặng." (720)

"Cái gì trống kêu to,
Cái gì đầy, im lặng,
Ngu như ghè vơi nước
Bậc Trí như ao đầy." (721)

Với những kẻ hay nói, họa sẽ tự miệng sanh, như câu kệ khéo diễn tả dưới đây:

"Phàm con người đã sanh,
Sanh với búa trong miệng,
Kẻ ngu khi nói bậy,
Tự chặt đứt lấy mình." (657)

Hình ảnh sau đây, có vẻ trào phúng, nói đến đàn quạ thấy hòn đá lầm tưởng là miếng thịt mỡ, đến mổ để tìm cái gì ngọt, khi mổ xong biết mình lầm liền bay đi. Câu kệ châm biếm Ác ma đi theo đức Phật để tìm cơ hội hại Ngài, cuối cùng hại Ngài không được nên bỏ đi.

"Như quạ bay xung quanh
Hòn đá như đống mỡ.
"Có thể có gì mềm?"
"Có thể có gì ngọt?" (447)

"Không tìm được gì ngọt
Quạ từ đó bay đi
Như quạ mổ hòn đá
Ta bỏ Gotama." (448)

Một câu kệ nữa nói đến sóng biển không sanh ở giữa biển đại dương, cho chúng ta biết, kẻ đã giải thoát

bao giờ cũng trầm tĩnh yên lặng, như bài kệ sau đây:

"Như chính giữa trung ương
Của biển cả đại dương,
Sóng biển không có sanh,
Biển hoàn toàn đứng lặng
Cũng vậy, vị tỷ kheo,
Đứng lặng không giao động
Không có sự bồng bột
Náo nức ở giữa đời." (920)

Đức Phật khuyên các người xuất gia, nên sống riêng một mình tinh tấn tu hành, như con tê giác chỉ có một sừng, sống một mình trong rừng.

"Do thân cận giao thiệp
Thân ái từ đấy sanh,
Tùy thuận theo thân ái,
Khổ này có thể sanh.
Nhìn thấy những nguy hại,
Do thân ái sanh khởi,
Hãy sống riêng một mình
Như tê ngưu một sừng". (36)

"Như nai trong núi rừng
Không gì bị trói buộc,
Tự đi chỗ nó muốn
Để tìm kiếm thức ăn,
Như các bậc hiền trí
Thấy tự do giải thoát,
Hãy sống riêng một mình
Như tê ngưu một sừng." (37)

Khi đức Phật thuyết pháp, giới thiệu đạo mới của Ngài, Ngài phải đương đầu với hai hệ thống xã hội rất hùng mạnh đang ngự trị trên xã hội Ấn Độ bấy giờ, tức là tổ chức Sa môn và tổ chức Bà la môn. Mỗi hệ thống có một số giáo chủ cầm đầu với hội chúng, với chủ thuyết, với phương pháp tu hành sai biệt và nhiều khi mâu thuẫn nhau. Đức Phật đã mạnh dạn loại bỏ những gì Ngài xem là trở ngại cho con người giác ngộ và giải thoát, và tự mình vạch ra một con đường mới mẻ đặc biệt của Ngài.

Trước hết, đức Phật không chấp nhận đời sống người tu hành mà còn đoán số, đoán mộng, bói toán, ăn các đồ ăn do kệ tụng đem lại :

"Ta không có thọ dụng
Đồ ăn từ kệ tụng,
Hỡi này Bà la môn,
Đây không phải là pháp,
Của những người có trí.
Chư Phật đều từ bỏ,
Ca hát các bài kệ." (480)

"Chớ có dùng bùa chú,

Anthava Vedà,
Chớ tổ chức đoán mộng,
Coi tướng và xem sao,
Mong rằng đệ tử Ta,
Không đoán tiếng thú kêu
Không chữa bệnh không sanh,
Không hành nghề lang băm." (927)

Đức Phật cũng không chấp nhận cầu mong điềm lành. Các chư Thiên hỏi đức Phật làm thế nào được điềm lành (Mangalam), đức Phật trả lời bằng 48 hành động tốt, vì chỉ có hành động lành là điềm lành tối thượng, như kinh Mangala sutta đã khéo diễn tả :

"Không thân cận kẻ ngu
Như gần gũi bậc trí,
Đảnh lễ người đáng lễ
Là điềm lành tối thượng." (259)

"Học nhiều nghề nghiệp giỏi,
Khéo huấn luyện, học tập
Nói những lời khéo nói.
Là điềm lành tối thượng." (261)

"Hiếu dưỡng mẹ và cha
Nuôi dưỡng vợ và con
Làm nghề không rắc rối,
Là điềm lành tối thượng." (262)

"Bố thí, hành đúng pháp,
Săn sóc các bà con,
Làm nghiệp, không lỗi lầm,
Là điềm lành tối thượng." (263)

"Chấm dứt, từ bỏ ác,
Chế ngự đam mê rượu,
Trong pháp không phóng dật,
Là điềm lành tối thượng." (264)

"Kính lễ và hạ mình
Biết đủ và biết ơn
Đúng thời, nghe chánh pháp
Là điềm lành tối thượng." (265)

Như vậy, đức Phật bác bỏ sự tin tưởng ở điềm lành và khuyến khích làm các hạnh lành, vì các hạnh lành là điềm lành tối thượng.

Thêm một bước nữa, đức Phật không chấp nhận quan điểm của các Bà la môn, tin tưởng ở thuyết thọ sanh tử cho mình là giai cấp đáng tôn trọng nhất, chỉ vì sanh ra từ miệng Phạm thiên và do vậy các giai cấp Sát đế ly, Phệ xá và Thủ đà phải tôn trọng phục vụ giai cấp Bà la môn. Đức Phật chống lại quan điểm thọ sanh này và tuyên bố rằng chỉ do hành động mới đánh giá giá trị con người, xem con người có đáng tôn trọng hay không.

"Bần tiện không vì sanh.
Phạm chí không vì sanh,
Do hành, thành bần tiện,
Do hành thành Phạm chí." (136)

"Không phải do thọ sanh (*)
Được gọi Bà la môn!
Không phải do thọ sanh,
Gọi phi Bà la môn
Chính do sự hành động,
Được gọi Bà la môn
Chính do sự hành động
Gọi phi Bà la môn." (Trung Bộ Kinh)

(*) thọ sanh: đẻ

Bước thêm một bước nữa, đức Phật bác bỏ các luận thuyết, các triết lý suông, vì chúng không thể đưa con người đến giải thoát, an tịnh. Có đến 63 luận thuyết thịnh hành trong thời đức Phật và đức Phật đều bác bỏ chúng, vì chúng chỉ gây thêm tranh luận :

"Các Sa môn tranh luận,
Có đến 63 thuyết,
Các ngôn thuyết văn tự
Y đây, các tưởng khởi." (538)

"Ai thiên trú trong kiến,
Xem kiến ấy tối thắng
Ở đời đặt kiến ấy
Vào địa vị tối thượng,
Người ấy nói tất cả,
Người khác là hạ liệt,
Do vậy không vượt khỏi
Sự tranh luận ở đời." (796)

"Những ai muốn tranh luận
Sau khi vào hội chúng,
Chúng công kích lẫn nhau,
Chúng gọi nhau là ngu
Cái làm nó cống cao
Cũng là đất hại nó,
Tuy vậy nó vẫn nói
Lời cống cao kiêu mạn." (830)

"Không phải từ tri kiến
Từ truyết thống, từ trí
Không phải từ giới cấm,
Thanh tịnh được đem đến." (839)

"Ngươi đã có cuồng tín,
Không đưa đến thanh tịnh

Vì đã có thiên vị,
Với tri kiến tác thành." (910)

Sau khi bác bỏ mê tín dị đoan, tà kiến, truyền thống, điềm lành, các luận thuyết, tế thần, tế lửa, v.v... Đức Phật tự mình xây dựng con đường giải thoát, giác ngộ của mình. Và tập Suttanipàta sưu tầm cho chúng ta thấy, những bài kệ diễn tả đức Phật, sai khác với các ngoại đạo sư hiện tại như thế nào.

Trước hết, Ngài là bậc có mắt, cakkhumantu, có pháp nhãn thấy rõ tất cả :

"Đức Phật thật có mắt
Đối với tất cả pháp. (161)

"Bậc có mắt xuất hiện
Đời này và thiên giới
Quét sạch mọi u ám,
Độc cư, chứng an lạc." (956)

"Vị ấy Chánh đẳng giác
Hỡi này Bà la môn,
Bậc có mắt thấy được
Trong tất cả các pháp." (992)

Đức Phật là vị có một cái nhìn sáng suốt, một sự hiểu biết thấu triệt, thấy đau khổ trong các chủ thuyết, không chấp nhận chủ thuyết nào, tìm đến chân lý, Ngài thấy được sự an tịnh nội tâm.

"Với Ta không có nói!
Ta nói như thế này,
Sau khi quan sát kỹ
Sự chấp thủ trong pháp
Trong tất cả tri kiến.
Ta không có chấp trước,
Ta thấy sự cất chứa
Tịch tịnh trong nội tâm." (837)

"Ai đã chặt sanh hữu,
Không còn gieo giống thêm,
Sanh hữu đã đoạn tận,
Không còn muốn thọ sanh,
Được gọi là ẩn sĩ
Một mình đi im lặng,
Bậc ẩn sĩ đã thấy
Con đường tịch tịnh ấy." (208)

Nếp sống đức Phật giới thiệu là một nếp sống của vị ẩn sĩ, Mâu ni, một vị đã từ bỏ gia đình sống không gia đình, không có trú xứ nào.

"Thân mật, sinh sợ hãi,
Trú xứ sanh bụi bậm
Không trú xứ, không thân
Hình ảnh bậc ẩn sĩ." (207)

Một vị đã nhiếp phục tham ái và ái dục, không để ái dục chi phối.

"Vị ấy sống viễn ly
Mọi sự việc ở đời...
Như hoa sen có gai,
Sinh ra ở trong nước,
Không bị nước và bùn
Mắc dính và thân ướt,
Như vậy bậc ẩn sĩ
Nói an tịnh, không tham,
Không bị dục và đời,
Mắc dính và thấm ướt." (845)

Một vị ẩn sĩ không có thiếu thốn, không có tri kiến, không có tà kiến, từ bỏ các chủ thuyết và không có tranh luận với ai ở đời.

"Chính đối với vị ấy,
Ngã, phi ngã đều không
Vị ấy đã tẩy sạch,
Mọi tà kiến ở đời." (787)

"Một số người nói rằng
Đây mới là sự thật,
Chúng nói các người khác,
Là trống không giả dối.
Do chấp thủ như vậy,
Chúng tranh luận đấu tranh,
Vì sao bậc Sa môn.
Không cùng nói một lời." (88)

"Thường trú xả, chánh niệm,
Không nghĩ mình bằng người.
Hơn người thua kém người
Vị ấy không bồng bột." (855)

Sống đời sống viễn ly, không tham đắm vật gì, vị ẩn sĩ sống đời sống vô hữu, không có "Ta"; không có "của Ta", thực hành hạnh vô ngã một cách tốt đẹp.

"Vị ấy không con cái,
Thú vật, ruộng, tài sản,
Không có gì nắm lấy,
Là ta, là không ta." (858)

"Ai không có vật gì,
Không có, không sầu muộn,
Không đi đến các pháp
Vị ấy gọi an tịnh." (861)

"Không nghĩ: "đây của tôi"
Không nghĩ: "đây của người"

Người không có tự ngã
Không sầu gì không ngã." (951)

Nhờ thực hành vô ngã, vị ẩn sĩ đi đến an tịnh trong nội tâm:

"Hãy giữ được an tịnh
Về phía từ nội tâm,
Đã không có tự ngã,
Từ đâu có vô ngã!" (919)

Và đích cuối cùng của con đường tu hành, đối với vị ẩn sĩ là "Niết bàn tịch tịnh".

"Từ bỏ lòng tham dục,
Đây tỷ kheo có tuệ,
Chứng bất tử tịch tịnh,
Niết bàn giới, thường trú!" (204)

Một điểm son đáng chú ý là tập này có một số kinh rất được phổ thông, và được chư Tăng các nước Nam Tông tụng đọc thường xuyên như kinh Ratanasutta (kinh Châu Báu), kinh Mangalasutta (kinh Điềm Lành) và kinh Mettasutta (kinh Từ Bi). Ngoài ra có nhiều bài kinh ngắn gọn, ý tứ hàm xúc, tán thán hạnh ẩn sĩ làm nổi bật đặc điểm của kinh này là tán dương ở đời sống của vị xuất gia tầm đạo, như kinh Rắn, kinh Vị ẩn sĩ, kinh Ràhula, kinh Dhammika, kinh Nàlaka, kinh Paràbhida, kinh Tuvataka, kinh Attadanda, kinh Sàriputta. Những kinh này phần lớn đề cập đến hạnh ẩn sĩ, và như vậy làm nổi bật bối cảnh an tịnh tu hành mà Kinh Tập này đề cao một cách đặc biệt.

Hòa Thượng Thích Minh Châu
Thiền Viện Vạn Hạnh
Sài Gòn, 1978 (PL. 2522)

CHƯƠNG I
PHẨM RẮN
(Uragavagga)

(I) Kinh Rắn (Sn 1)

*1. Ai nhiếp phục phẫn nộ
Đang được dấy khởi lên,
Như dùng chất linh dược,
Ngăn độc rắn lan rộng
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ
Da rắn cũ già xưa.*

*2. Ái cắt đứt tham dục,
Không còn chút dư tàn,
Như kẻ hái hoa sen
Sanh ra từ ao hồ.
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ
Da rắn cũ già xưa.*

*3. Ai cắt đứt tham ái,
Không còn chút dư tàn,
Làm cho nước cạn khô,
Dòng nước chảy nhanh mạnh
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ
Da rắn cũ già xưa.*

*4. Ai phá hoại kiêu mạn
Không còn chút dư tàn,
Như nước mạnh tàn phá
Cây cỏ lau yếu hèn,
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ
Da rắn cũ già xưa.*

*5. Ai trong các sanh hữu,
Không tìm thấy lõi cây,
Như kẻ đi hái hoa,
Trên cây sung không hoa.
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ
Da rắn cũ già xưa.*

6. Với ai trong nội tâm,
Không còn có phẫn hận,
Đã vượt thoát ra khỏi,
Cả hữu và phi hữu.
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ
Da rắn cũ già xưa.

7. Với ai những tầm tư,
Được làm cho tan biến
Nội tâm khéo sửa soạn,
Không còn chút dư tàn.
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ
Da rắn cũ già xưa.

8. Ai không đi quá trớn,
Cũng không quá chậm trễ,
Đã nhiếp phục toàn diện,
Hý luận chướng ngại này.
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ
Da rắn cũ già xưa.

9. Ai không đi quá trớn,
Cũng không quá chậm trễ,
Biết rõ được ở đời,
Sự này toàn hư vọng.
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ
Da rắn cũ già xưa.

10. Ai không đi quá trớn,
Cũng không quá chậm trễ,
Từ bỏ, không có tham,
Sự này toàn hư vọng.
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ
Da rắn cũ già xưa.

11. Ai không đi quá trớn,
Cũng không quá chậm trễ,
Từ bỏ, không tham dục,
Sự này toàn hư vọng.
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,

Như loài rắn thoát bỏ
Da rắn cũ già xưa.

12. Ai không đi quá trớn,
Cũng không quá chậm trễ,
Từ bỏ, ly sân hận,
Sự này toàn hư vọng.
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ
Da rắn cũ già xưa.

13. Ai không đi quá trớn,
Cũng không quá chậm trễ,
Từ bỏ, ly si ám,
Sự này toàn hư vọng.
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ
Da rắn cũ già xưa.

14. Với ai, các tùy miên,
Hoàn toàn không hiện hữu,
Các nguồn gốc bất thiện
Được nhổ lên trừ sạch.
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ
Da rắn cũ già xưa.

15. Với ai, không có gì,
Do phiền não sanh khởi,
Làm duyên trở lui lại,
Về lại bờ bên này.
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ
Da rắn cũ già xưa.

16. Với ai, không có gì,
Do rừng ái sanh khởi,
Tạo nhân khiến trói buộc
Con người vào tái sanh.
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ
Da rắn cũ già xưa.

17. Ai đoạn năm triền cái,
Không sầu khổ bực phiền,
Vượt qua được nghi hoặc,

Thoát mũi tên phiền não.
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ
Da rắn cũ già xưa.

(II) Kinh *Dhaniya* (Sn 3)

Dhaniya:

18. Cơm ta, nấu đã chín,
Sữa uống, ta vắt xong,
Mục đồng Dhaniya,
Đã nói lên như vậy.
Trên bờ sông Mahì,
Ta chung sống đồng cư,
Chòi lá được khéo lợp,
Lửa đốt được cháy đỏ.
Nếu là ý người muốn,
Thần mưa, hãy mưa đi.

Thế Tôn:

19. Ta đoạn được phẫn nộ,
Tâm hoang vu không còn,
Bậc Thế Tôn, Chánh Giác
Đã nói lên như vậy.
Trên bờ sông Mahì,
Ta chỉ sống một đêm,
Chòi lá được rộng mở,
Lửa đốt được tịch tịnh.
Nếu là ý người muốn,
Thần mưa, hãy mưa đi.

Dhaniya:

20. Ruồi lằn và muỗi mòng,
Ở đây không tìm thấy,
Mục đồng Dhaniya,
Đã nói lên như vậy.
Trên cánh đồng cỏ mọc,
Đàn bò đi ăn cỏ,
Dầu cơn mưa có đến,
Chúng có thể chịu đựng.
Nếu là ý người muốn,
Thần mưa, hãy mưa đi.

Thế Tôn:

21. Các bè đã được cột,

Khéo tác thành tốt đẹp,
Bậc Thế Tôn, Chánh Giác
Đã nói lên như vậy.
Ai qua được bờ kia,
Nhiếp phục dòng nước mạnh,
Lợi ích của chiếc bè,
Đâu còn thấy cần thiết.
Nếu là ý người muốn,
Thần mưa, hãy mưa đi.

Dhaniya:

22. Vợ ta khéo nhu thuận,
Không có tham dục gì,
Mục đồng Dhaniya
Đã nói lên như vậy.
Đã lâu ngày chung sống,
Vừa đẹp ý đẹp lòng,
Ta không nghe điều gì,
Thuộc ác hạnh về nàng.
Nếu là ý người muốn,
Thần mưa, hãy mưa đi.

Thế Tôn:

23. Tâm Ta khéo nhu thuận,
Được giải thoát, mở rộng,
Bậc Thế Tôn, Chánh Giác
Đã nói lên như vậy.
Lâu ngày tu viên mãn,
Khéo nhiếp phục chế ngự,
Trong Ta các pháp ác,
Không còn được tìm thấy.
Nếu là ý người muốn,
Thần mưa, hãy mưa đi.

Dhaniya:

24. Với lợi tức thâu hoạch,
Ta tự nuôi sống ta,
Mục đồng Dhaniya
Đã nói lên như vậy,
Con ta và cả ta,
Sống chung không bệnh hoạn,
Ta không nghe điều gì,
Thuộc ác hạnh về chúng.
Nếu là ý người muốn,
Thần mưa, hãy mưa đi.

Thế Tôn:

25. Ta không có làm mướn,
Cho một ai ở đời,
Bậc Thế Tôn, Chánh Giác
Đã nói lên như vậy
Với điều được chứng đắc,
Ta du hành thế giới,
Về tiền công cần thiết,
Không thể có nơi Ta.
Nếu là ý người muốn,
Thần mưa, hãy mưa đi.

Dhaniya:

26. Đây có các bò cái,
Đây có các bò con,
Mục đồng Dhaniya
Đã nói lên như vậy.
Đây có những bò mẹ,
Mang thai, nối giống dòng,
Đây có những bò đực,
Những con chúa đầu đàn.
Nếu là ý người muốn,
Thần mưa, hãy mưa đi.

Thế Tôn:

27. Đây không có bò cái,
Đây không có bò con,
Bậc Thế Tôn, Chánh Giác
Đã nói lên như vậy.
Đây không có bò mẹ,
Mang thai, nối giống dòng,
Đây không có bò đực,
Những con chúa đầu đàn.
Nếu là ý người muốn,
Thần mưa, hãy mưa đi.

Dhaniya:

28. Cây cột được đóng sâu,
Không còn bị dao động,
Mục đồng Dhaniya
Đã nói lên như vậy.
Các dây bằng cây lau,
Được bện lại mới chắc,
Và các con bò con,
Không thể nào giật đứt.
Nếu là ý người muốn,
Thần mưa, hãy mưa đi.

Thế Tôn:

29. Giống như con bò đực,
Giật đứt các trói buộc,
Bậc Thế Tôn, Chánh Giác
Đã nói lên như vậy.
Như voi làm bựt đứt
Các giây leo héo mục,
Ta không còn đi đến,
Chỗ thai tạng tái sanh.
Nếu là ý người muốn,
Thần mưa, hãy mưa đi.

30. Rồi mưa lớn đổ xuống,
Làm đầy tràn đất trũng,
Làm tràn ngập đất cao,
Nghe trời gầm, mưa, thét,
Mục đồng Dhaniya,
Nói lên lời như sau:

Dhaniya:

31. Lợi thay cho chúng ta,
Đâu phải là lợi nhỏ,
Chúng ta được chiêm ngưỡng,
Bậc Chánh Giác, Thế Tôn.
Ôi! Kính bậc Pháp nhãn,
Con xin quy y Ngài,
Kính bậc Đại ẩn sĩ,
Hãy là Thầy chúng con.

32. Vợ con và cả con,
Là những người nhu thuận,
Xin sống đời Phạm hạnh,
Dưới chân bậc Thiện Thệ.
Được đến bờ bên kia,
Vượt khỏi sanh già chết,
Chúng con sẽ trở thành
Người đoạn tận đau khổ.

Màra:

33. Ai có các con trai,
Hoan hỷ với con trai,
Đây là lời Ác ma,
Đã nói lên như vậy
Người chủ các con bò,
Hoan hỷ với con bò.
Còn người thì hoan hỷ,
Đối với sự sanh y,

Ai không có sanh y,
không thể có hoan hỷ.

Thế Tôn:

34. Ai có các con trai,
Sầu muộn với con trai,
Bậc Thế Tôn, Chánh Giác,
Đã nói lên như vậy.
Người chủ các con bò,
Sầu muộn với con bò;
Sầu muộn của con người,
Chính do sự sanh y,
Ai không có sanh y,
Không thể có sầu muộn.

(III) Kinh Con Tê Ngưu Một Sừng (Sn 6)

35. Đối với các hữu tình,
Từ bỏ gậy và trượng,
Chớ làm hại một ai
Trong chúng hữu tình ấy.
Con trai không ước muốn,
Còn nói gì bạn bè,
Hãy sống riêng một mình
Như tê ngưu một sừng.

36. Do thân cận giao thiệp,
Thân ái từ đấy sanh,
Tùy thuận theo thân ái,
Khổ này có thể sanh.
Nhìn thấy những nguy hại,
Do thân ái sanh khởi,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

37. Do lòng từ thương mến,
Đối bạn bè thân hữu,
Mục đích bị bỏ quên,
Tâm tư bị buộc ràng,
Do thấy sợ hãi này,
Trong giao du mật thiết,
Hãy sống riêng một mình
Như tê ngưu một sừng.

38. Ai nhớ nghĩ chờ mong,
Đối với con và vợ,
Người ấy bị buộc ràng,
Như cành tre rậm rạp,
Còn các ngọn tre cao,
Nào có gì buộc ràng,

Hãy sống riêng một mình
Như tê ngưu một sừng.

39. Như nai trong núi rừng,
Không gì bị trói buộc,
Tự đi chỗ nó muốn
Để tìm kiếm thức ăn.
Như các bậc Hiền trí,
Thấy tự do giải thoát,
Hãy sống riêng một mình
Như tê ngưu một sừng.

40. Giữa bạn bè thân hữu,
Bị gọi lên gọi xuống,
Tại chỗ ở trú xứ,
Hay trên đường bộ hành.
Thấy tự do giải thoát,
Không có gì tham luyến,
Hãy sống riêng một mình
Như tê ngưu một sừng.

41. Giữ bạn bè thân hữu,
Ưa thích, vui cười đùa,
Đối với con, với cháu,
Ái luyến thật lớn thay,
Nhàm chán sự hệ lụy,
Với những người thân ái,
Hãy sống riêng một mình
Như tê ngưu một sừng.

42. Khắp cả bốn phương trời,
Không sân hận với ai,
Tự mình biết vừa đủ,
Với vật này vật khác,
Vững chịu các hiểm nguy,
Không run sợ dao động,
Hãy sống riêng một mình
Như tê ngưu một sừng.

43. Có số người xuất gia,
Chung sống thật khó khăn,
Cũng như các gia chủ,
Ở tại các cửa nhà,
Sống vô tư vô lự,
Giữa con cháu người khác,
Hãy sống riêng một mình
Như tê ngưu một sừng.

44. Từ bỏ, để một bên,
Mọi biểu dương gia đình,
Như loại cây san hô,

Tước bỏ mọi lá cây,
Bậc anh hùng cắt đứt,
Mọi trói buộc gia đình.
Hãy sống riêng một mình
Như tê ngưu một sừng.

45. Nếu tìm được bạn lành,
Thận trọng và sáng suốt,
Bạn đồng hành chung sống,
Bạn thiện trú Hiền trí.
Cùng nhau đồng nhiếp phục,
Tất cả mọi hiểm nạn,
Hãy sống với bạn ấy,
Hoan hỷ, giữ chánh niệm.

46. Nếu không được bạn lành,
Thận trọng và sáng suốt,
Bạn đồng hành chung sống,
Bạn thiện trú Hiền trí.
Hãy như vua từ bỏ,
Đất nước bị bại vong,
Hãy sống riêng một mình
Như tê ngưu một sừng.

47. Thật chúng ta tán thán,
Các bằng hữu chu toàn,
Bậc hơn ta, bằng ta,
Nên sống gần thân cận.
Nếu không gặp bạn này.
Những bậc không lầm lỗi,
Hãy sống riêng một mình
Như tê ngưu một sừng.

48. Thấy đồ trang sức vàng,
Lấp lánh và sáng chói,
Được con người thợ vàng,
Khéo làm, khéo tay làm,
Hai chúng chạm vào nhau,
Trên hai tay đeo chúng,
Hãy sống riêng một mình
Như tê ngưu một sừng.

49. Như vậy nếu ta cùng
Với một người thứ hai,
Tranh luận cãi vã nhau,
Sân hận, gây hấn nhau,
Nhìn thấy trong tương lai,
Sợ hãi hiểm nguy này,
Hãy sống riêng một mình
Như tê ngưu một sừng.

50. Các dục thật mỹ miều,
Ngọt thơm và đẹp ý,
Dưới hình sắc, phi sắc,
Làm mê loạn tâm tư,
Thấy sự nguy hiểm này,
Trong các dục trưởng dưỡng,
Hãy sống riêng một mình
Như tê ngưu một sừng.

51. Đây là một mụn nhọt,
Và cũng là tai họa,
Một tật bệnh, mũi tên,
Là sợ hãi cho ta,
Thấy sự nguy hiểm này,
Trong các dục trưởng dưỡng,
Hãy sống riêng một mình
Như tê ngưu một sừng.

52. Lạnh lẽo và nóng bức,
Đói bụng và khát nước,
Gió thổi, ánh mặt trời.
Muỗi lằn và rắn rết.
Tất cả xúc chạm này,
Đều chịu đựng vượt qua,
Hãy sống riêng một mình
Như tê ngưu một sừng.

53. Như con voi to lớn,
Từ bỏ cả bầy đàn,
Thân thể được sanh ra,
To lớn tợ hoa sen,
Tùy theo sự thích thú,
Sống tại chỗ rừng núi,
Hãy sống riêng một mình
Như tê ngưu một sừng.

54. Ai ưa thích hội chúng,
Sự kiện không xảy ra,
Người ấy có thể chứng,
Cảm thọ thời giải thoát.
Cân nhắc lời giảng dạy,
Đấng bà con mặt trời,
Hãy sống riêng một mình
Như tê ngưu một sừng.

55. Được giải thoát vượt khỏi,
Các tri kiến hý luận,
Đạt được quyết định tánh,
Chứng đắc được con đường.
Nơi ta trí được sanh,
Không cần nhờ người khác,

Hãy sống riêng một mình
Như tê ngưu một sừng.

56. Không tham, không lừa đảo,
Không khát dục, gièm pha,
Mọi si mê ác trược,
Được gạn sạch quạt sạch.
Trong tất cả thế giới,
Không tham ái ước vọng,
Hãy sống riêng một mình
Như tê ngưu một sừng.

57. Với bạn bè độc ác,
Hãy từ bỏ lánh xa,
Bạn không thấy mục đích,
Quen nếp sống quanh co,
Chớ tự mình thân cận,
Kẻ đam mê phóng dật,
Hãy sống riêng một mình
Như tê ngưu một sừng.

58. Bậc nghe nhiều trì pháp,
Hãy gần gũi người ấy,
Bạn người tâm rộng lớn,
Người thông minh biện tài,
Biết điều không nên làm,
Nhiếp phục được nghi hoặc,
Hãy sống riêng một mình
Như tê ngưu một sừng.

59. Mọi du hí vui đùa,
Và dục lạc ở đời,
Không điểm trang bày biện,
Không ước vọng mong cầu,
Từ bỏ mọi hào nhoáng,
Nói lên lời chân thật,
Hãy sống riêng một mình
Như tê ngưu một sừng.

60. Với con và với vợ,
Với cha và với mẹ,
Tài sản cùng lúa gạo,
Những trói buộc bà con,
Hãy từ bỏ buộc ràng,
Các dục vọng như vậy,
Hãy sống riêng một mình
Như tê ngưu một sừng.

61. Chúng đều là trói buộc,
Lạc thú thật nhỏ bé,
Vị ngọt thật ít oi,

Khổ đau lại nhiều hơn,
Chúng đều là câu móc,
Bậc trí biết như vậy,
Hãy sống riêng một mình
Như tê ngưu một sừng.

62. Hãy chặt đứt, bẻ gãy,
Các kiết sử trói buộc,
Như các loài thủy tộc,
Phá hoại các mạng lưới.
Như lửa đã cháy xong,
Không còn trở lui lại,
Hãy sống riêng một mình
Như tê ngưu một sừng.

63. Với mắt cúi nhìn xuống,
Chân đi không lưu luyến,
Các căn được hộ trì,
Tâm ý khéo chế ngự.
Không đầy ứ, rỉ chảy,
Không cháy đỏ bừng lên,
Hãy sống riêng một mình
Như tê ngưu một sừng.

64. Hãy trút bỏ, để lại,
Các biểu tượng gia chủ,
Như loại cây san hô,
Loại bỏ các nhành lá.
Đã đắp áo cà sa,
Xuất gia bỏ thế tục,
Hãy sống riêng một mình
Như tê ngưu một sừng.

65. Không tham đắm các vị,
Không tác động, không tham,
Không nhờ ai nuôi dưỡng,
Chỉ khất thực từng nhà.
Đối với mọi gia đình,
Tâm không bị trói buộc,
Hãy sống riêng một mình
Như tê ngưu một sừng.

66. Từ bỏ năm triền cái
Che đậy trói buộc tâm,
Đối với mọi kiết sử,
Hãy trừ khử, dứt sạch,
Không y cứ nương tựa,
Chặt đứt ái sân hận,
Hãy sống riêng một mình
Như tê ngưu một sừng.

67. Hãy xoay lưng trở lại
Đối với lạc và khổ,
Cả đối với hỷ ưu,
Được cảm thọ từ trước,
Hãy chứng cho được xả,
An chỉ và thanh tịnh;
Hãy sống riêng một mình
Như tê ngưu một sừng.

68. Tinh cần và tinh tấn,
Đạt được lý chân đế,
Tâm không còn thụ động,
Không còn có biếng nhác,
Kiên trì trong cố gắng,
Dõng lực được sanh khởi,
Hãy sống riêng một mình
Như tê ngưu một sừng.

69. Không từ bỏ độc cư,
Hạnh viễn ly thiền định,
Thường thường sống hành trì,
Tùy pháp trong các pháp.
Chơn chánh nhận thức rõ,
Nguy hiểm trong sanh hữu,
Hãy sống riêng một mình
Như tê ngưu một sừng.

70. Mong cầu đoạn diệt ái,
Sống hạnh không phóng dật,
Không đần độn câm ngọng,
Nghe nhiều, giữ chánh niệm.
Các pháp được giác sát,
Quyết định, chánh tinh cần.
Hãy sống riêng một mình
Như tê ngưu một sừng.

71. Như sư tử, không động,
An tịnh giữa các tiếng,
Như gió không vướng mắc,
Khi thổi qua màn lưới.
Như hoa sen không dính,
Không bị nước thấm ướt,
Hãy sống riêng một mình
Như tê ngưu một sừng.

72. Giống như con sư tử,
Với quai hà hùng mạnh,
Bậc chúa của loài thú,
Sống chinh phục chế ngự.
Hãy sống các trú xứ,
Nhàn tịnh và xa vắng,

Hãy sống riêng một mình
Như tê ngưu một sừng.

73. Từ tâm, sống trú xả,
Bi tâm, hạnh giải thoát,
Sống hành trì thực hiện,
Hỷ tâm, cho đúng thời,
Không chống đối và chậm,
Với một ai ở đời.
Hãy sống riêng một mình
Như tê ngưu một sừng.

74. Đoạn tận lòng tham ái,
Sân hận và si mê,
Chặt đứt và cắt đoạn,
Các kiết sử lớn nhỏ
Không có gì sợ hãi,
Khi mạng sống gần chung,
Hãy sống riêng một mình
Như tê ngưu một sừng.

75. Có những bạn vì lợi,
Thân cận và chung sống,
Những bạn không mưu lợi,
Nay khó tìm ở đời.
Người sáng suốt lợi mình,
Không phải người trong sạch,
Hãy sống riêng một mình
Như tê ngưu một sừng.

(IV) Kinh *Bhàradvàja*, Người Cày Ruộng (Sn 12)

Như vầy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở giữa dân chúng *Magadha*, tại núi *Dakkhinàgini*, trong một làng Bà-la-môn tên *Ekanàlà*. Lúc bấy giờ, Bà-la-môn *Kasibhàradvàja* có khoảng năm trăm lưỡi cày sẵn sàng, vì là thời gieo mạ. Rồi Thế Tôn, vào buổi sáng đắp y, cầm bát đi đến chỗ Bà-la-môn *Kasibhàradvàja* đang làm việc. Lúc bấy giờ Bà-la-môn *Kasibhàradvàja* đang phân phát đồ ăn. Rồi Thế Tôn đi đến chỗ phân phát đồ ăn, sau khi đến, Ngài đứng một bên, Bà-la-môn *Kasibhàradvàja* thấy Thế Tôn đang đứng một bên để khất thực, liền nói với Thế Tôn:

- Này Sa-môn, ta cày và ta gieo, sau khi cày, sau khi gieo, ta ăn. Và Sa-môn, hãy cày và gieo. Sau khi cày và gieo, hãy ăn!

- Này Bà-la-môn, Ta cũng cày và cũng gieo. Sau khi cày và sau khi gieo, Ta ăn.

- Nhưng chúng tôi không thấy cái ách, hay cái cày, hay lưỡi cày, hay gậy thúc trâu bò, hay các con bò đực của Tôn giả *Gotama*. Vậy mà Tôn giả *Gotama* nói: "Này Bà-la-môn, Ta có cày và Ta có gieo. Sau khi cày và sau khi gieo, Ta ăn ".

Rồi Bà-la-môn *Kasibhàradvàja* nói lên với Thế Tôn bài kệ:

Bhàradvàja:

76. Người tự nhận Người cày,
Ta không thấy Người cày,
Hãy trả lời chúng tôi,
Đã hỏi về Người cày,
Chúng tôi muốn rõ biết,
Người cày như thế nào?

Thế Tôn:

77. Lòng tin là hột giống,
Khổ hạnh là cơn mưa,
Trí tuệ đối với Ta
Là ách và lưỡi cày,
Xấu hổ là cán cày,
Ý là sợi dây buộc,
Và niệm đối với Ta
Là lưỡi cày, gậy thúc.

78. Với thân khéo phòng hộ,
Với lời khéo phòng hộ,
Với món ăn trong bụng,
Biết tiết độ, chế ngự,
Ta tác thành chơn thực,
Để cắt dọn cỏ rác,
Sự giải thoát của Ta
Thật hiền lành nhu thuận.

79. Với tinh cần tinh tấn,
Ta gánh chịu trách nhiệm,
Ta tự mình đem lại
An ổn khỏi khổ ách.
Như vậy, Ta đi tới,
Không trở ngại thối lui,
Chỗ nào Ta đi tới,
Chỗ ấy không sầu muộn.

80. Cày bừa là như vậy,
Được quả là bất tử,
Sau cày bừa như vậy,
Mọi khổ được giải thoát.

Rồi Bà-la-môn *Kasibhàradvàja* lấy một bát bằng đồng lớn, cho đổ đầy với cháo sữa dâng đức Phật và thưa:

- Thưa Tôn giả *Gotama,* hãy dùng cháo sữa, Tôn giả là người đi cày! Tôn giả *Gotama* đi cày quả bất tử!

Thế Tôn:

81. Ta không hưởng vật dụng,
Do tụng kệ đem lại,
Đây không phải là pháp,
Của bậc có chánh kiến
Chư Phật đều bác bỏ,
Tụng hát các bài kệ,
Khi pháp có hiện hữu,
Truyền thống là như vậy.

82. Hỡi này Bà-la-môn,
Người cần phải cúng dường,
Đồ ăn vật uống khác,
Bậc đại sĩ toàn diện,
Đã đoạn các lậu hoặc,
Đã lắng dịu dao động,
Ta chính là thửa ruộng,
Cho những ai cầu phước.

- Vậy, thưa Tôn giả *Gotama*, con sẽ cho ai cháo sữa này?

- Này Bà-la-môn, Ta không thấy ai ở thế giới, với chư Thiên, chư Ma, chư Phạm thiên, hay trên đời này với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, với chư Thiên và loài Người, có thể sau khi ăn, tiêu hóa được món cháo sữa này, trừ Như Lai hay đệ tử của Như Lai. Vậy, này Bà-la-môn, Ông hãy đổ cháo sữa này trên chỗ không có cỏ xanh, hay nhận chìm trong nước không có sinh vật.

Rồi Bà-la-môn *Kasibhàradvàja* đem nhận chìm cháo sữa ấy vào nước không có sinh vật. Cháo sữa ấy khi bị đổ xuống nước, nó sôi lên, sôi lên sùng sục, nó phun khói, nó bốc khói lên. Ví như một lưỡi cày, phơi cả ngày dưới ánh nắng, được đem quăng xuống nước, lưỡi cày ấy sôi lên sùng sục, nó phun khói, nó bốc khói lên. Cũng vậy, cháo sữa ấy, khi bị đổ xuống nước, nó sôi lên, sôi lên sùng sục, nó phun khói, nó bốc khói lên. Rồi Bà-la-môn *Kasibhàradvàja* hoảng hốt, rợn tóc gáy, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn, và bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả *Gotama*! Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả *Gotama*! Ví như, thưa Tôn giả *Gotama*, một người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, mở toang ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ đi lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối, để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, pháp được Tôn giả *Gotama* dùng nhiều phương tiện trình bày. Con xin qui y Tôn giả *Gotama,* qui y Pháp, qui y chúng Tỷ-kheo. Mong rằng con được xuất gia với Tôn giả *Gotama*, được thọ đại giới.

Rồi Bà-la-môn *Kasibhàradvàja* được xuất gia với Sa-môn Gotama, được thọ đại giới. Thọ đại giới không bao lâu, Tôn giả *Bhàradvàja* sống một mình, viễn ly, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần. Không bao lâu, do vì mục đích gì, bậc thiên nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú cứu cánh Phạm hạnh ấy. Vị ấy thắng tri: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa ". Tôn giả *Bhàradvàja* trở thành một vị A-la-hán.

(V) Kinh *Cunda* (Sn 16)

83. Người thợ rèn Cunda,

Nói lên lời như sau:
Con hỏi bậc Đại sĩ,
Bậc trí tuệ rộng lớn,
Đấng Giác ngộ, Pháp chủ,
Đã đoạn tận khát ái,
Bậc tối thượng hai chân,
Bậc đánh xe tối thắng,
Xin Ngài nói ở đời,
Có bao nhiêu Sa-môn?

Thế Tôn:

84. Chỉ có bốn Sa-môn,
Không có hạng thứ năm,
Thế Tôn đáp Cunda,
Này Cunda, là vậy.
Ta tỏ bày cho Ông,
Được hỏi điều tự thấy,
Bậc chiến thắng con đường,
Bậc thuyết giảng con đường,
Bậc sống trên con đường,
Kẻ làm ô uế đạo.

Cunda:

85. Người thợ rèn Cunda,
Liền bạch với Thế Tôn:
Chư Phật nói thế nào,
Bậc chiến thắng con đường,
Bậc thiền định con đường,
Sao gọi không ước lường?
Con hỏi xin trả lời,
Vị sống đúng con đường?
Xin trình bày cho con,
Kẻ làm đường ô uế.

Thế Tôn:

86. Ai vượt khỏi nghi hoặc,
Vị thoát khỏi mũi tên,
Ưa thích cảnh Niết-bàn,
Không tham đắm vật gì,
Bậc lãnh đạo thế giới,
Chư Thiên và loài Người,
Chư Phật gọi vị ấy,
Bậc chiến thắng con đường.

87. Ai ở đời biết được,
Pháp tối thượng, tối thượng,
Nói lên và phân tích,

Pháp ở đây là vậy.
Vị chặt đứt nghi hoặc,
Bậc ẩn sĩ, không dục,
Bậc Tỷ-kheo thứ hai
Được gọi thuyết con đường.

88. Ai sống trên con đường,
Con đường pháp khéo giảng,
Sống chế ngự chánh niệm,
Bước đường không lỗi lầm,
Tỷ-kheo thứ ba này
Được gọi sống trên đường.

89. Ai sống ưa che đậy,
Dưới hình thức giới cấm,
Xông xáo, nhớp gia đình,
Bạt mạng và man trá,
Không chế ngự nhiếp phục,
Sống lắm mồm lắm miệng.
Người sở hành như vậy
Là kẻ ô uế đạo.

90. Vị cư sĩ thâm hiểu
Các hạng người như vậy,
Thánh đệ tử, nghe nhiều,
Có trí tuệ thông hiểu,
Sau khi rõ biết chúng,
Tất cả là như vậy.
Thấy vậy, vững lòng tin,
Không có bị sút giảm
Làm sao lại lẫn lộn,
Kẻ ác với người thiện,
Làm sao xem giống nhau,
Bậc tịnh, kẻ không tịnh.

(VI) Kinh Bại Vong *(Paràbhava)* (Sn 18)

Như vầy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở *Sàvatthi,* tại *Jetavana*, khu vườn ông *Anàthapindika.* Rồi một Thiên nhơn, sau khi đêm gần mãn, với dung sắc thù thắng, chói sáng toàn vùng *Jetavana*, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, Thiên nhân ấy bạch Thế Tôn với những bài kệ:

Thiên nhân:

91. Về bại vong con người,
Con hỏi Gotama,
Con đến hỏi Thế Tôn,
Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

92. Thật dễ hiểu thành công,
Thật dễ hiểu bại vong,
Ưa mến pháp, thành công,
Thù ghét pháp bại vong.

Thiên nhân:

93. Như vậy, chúng con rõ,
Thứ nhất về bại vong,
Thứ hai, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

94. Ai mến kẻ bất thiện,
Không ái luyến bậc thiện,
Thích pháp kẻ bất thiện,
Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

95. Như vậy, chúng con rõ,
Thứ hai về bại vong,
Thứ ba, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

96. Người tánh ưa thích ngủ,
Thích hội chúng, thụ động,
Biếng nhác, thường phẫn nộ,
Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

97. Như vậy, chúng con rõ,
Thứ ba về bại vong.
Thứ tư, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

98. Ai với mẹ hay cha,
Già yếu, tuổi trẻ hết,
Tuy giàu không giúp đỡ,
Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

99. Như vậy, chúng con rõ,
Thứ tư về bại vong.
Thứ năm, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

100. Ai nói dối lường gạt,
Sa-môn, Bà-la-môn,
Hay các khất sĩ khác,
Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

101. Như vậy, chúng con rõ,
Thứ năm về bại vong.
Thứ sáu, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

102. Người giàu có tài sản,
Có vàng bạc thực vật,
Hương vị ngọt một mình,
Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

103. Như vậy, chúng con rõ
Thứ sáu về bại vong.
Thứ bảy, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

104. Người tự hào về sanh,
Về tài sản dòng họ,
Khinh miệt các bà con,
Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

105. Như vậy, chúng con rõ,
Thứ bảy về bại vong,
Thứ tám, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

106. Người đắm say nữ nhân,

Đắm say rượu, cờ bạc,
Hoang phí mọi lợi đắc,
Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

107. Như vậy, chúng con rõ,
Thứ tám về bại vong.
Thứ chín, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

108. Không vừa đủ vợ mình,
Được thấy giữa dâm nữ,
Được thấy với vợ người,
Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

109. Như vậy, chúng con rõ,
Thứ chín về bại vong.
Thứ mười, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

110. Người tuổi trẻ đã qua,
Cưới cô vợ vú tròn,
Ghen nàng không ngủ được,
Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

111. Như vậy, chúng con rõ,
Thứ mười về bại vong.
Thứ mười một, xin nói,
Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

112. Đàn bà, hay đàn ông,
Rượu chè, tiêu hoang phí,
Được địa vị quyền thế,
Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

113. Như vậy, chúng con biết,
Thứ mười một bại vong.

Thứ mười hai, xin nói,
Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

114. Tài sản ít, ái lớn,
Sanh gia đình hoàng tộc,
Ở đây muốn trị vì,
Chính cửa vào bại vong.

115. Bại vong này ở đời,
Bậc trí khéo quán sát,
Đầy đủ với chánh kiến,
Sống hạnh phúc ở đời.

(VII) Kinh Kẻ Bần Tiện (*Vasalasuttam*) (Sn 21)

Như vầy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở *Sàvathi*, tại *Jetavana*, khu vườn ông *Anàthapindika*. Rồi Thế Tôn vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào *Sàvatthi* để khất thực. Lúc bấy giờ, tại trú xứ của Bà-la-môn *Aggikabhàradvàja*, lửa tế lễ được đốt cháy, đồ cúng dường được dâng cao. Rồi Thế Tôn, trong khi thứ lớp khất thực ở *Sàvatthi*, đi đến trú xứ của Bà-la-môn *Aggibhàradvàja*. Bà-la-môn *Aggibhàradvàja* thấy Thế Tôn từ xa đi đến, thấy vậy bèn nói với Thế Tôn:

- Ở đây kẻ trọc đầu, ở đây kẻ Sa-môn ti tiện, ở đây kẻ bần tiện, hãy đứng lại.

Khi được nói vậy, Thế Tôn nói với Bà-la-môn *Aggibhàradvàja:*

- Này Bà-la-môn, Người có biết người bần tiện hay những pháp tạo ra kẻ bần tiện không?

- Này Tôn giả *Gotama*, tôi không biết kẻ bần tiện hay những pháp tạo ra kẻ bần tiện. Lành thay, nếu Tôn giả *Gotama* thuyết pháp như thế nào cho tôi, để tôi được biết về kẻ bần tiện hay các pháp tạo thành kẻ bần tiện.

- Vậy này Bà-la-môn, hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ nói.

- Thưa vâng, Tôn giả!

Bà-la-môn *Aggibhàradvàja* vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

116. Người phẫn nộ, hiềm hận,
Ác nhân, gièm pha người,
Ác tà kiến, man trá,
Được biết là bần tiện.

117. Ai ở đây hại vật,
Một sanh, hoặc hai sanh,
Không thương xót hữu tình,
Được biết là bần tiện.

118. Ai làm hại vây hãm,
Các làng, các thị trấn,
Kẻ cướp đoạt có tiếng,
Được biết là kẻ bần tiện.

119. Tại làng hay tại rừng,
Vật sở hữu của người,
Lấy trộm của không cho,
Được biết là kẻ bần tiện.

120. Ai vay nợ của người,
Bị đòi liền trốn tránh,
Ta đâu mắc nợ ngươi,
Được biết là kẻ bần tiện.

121. Ai vì ham vật mọn,
Kẻ đang đi trên đường,
Giết hại cướp vật mọn,
Được biết là kẻ bần tiện.

122. Ai vì mình, vì người,
Hay vì nhân tài sản,
Làm nhân họ nói láo,
Được biết là kẻ bần tiện.

123. Ai được thấy giữa vợ
Của bà con, bạn thân,
Ép buộc hay ưng thuận,
Được biết là kẻ bần tiện.

124. Ai với mẹ hay cha,
Già yếu, tuổi trẻ qua,
Tuy giàu không giúp đỡ,
Được biết là kẻ bần tiện.

125. Ai với mẹ hay cha,
Với anh chị, nhạc mẫu,
Làm hại, dùng lời mắng,
Được biết là kẻ bần tiện.

126. Ai được hỏi mục đích,
Lại khuyên lời trái đích,
Khuyên bảo nên che đậy,
Được biết là kẻ bần tiện.

127. Ai làm các nghiệp ác,
Muốn không biết mình làm,
Ai làm hạnh che đậy,
Được biết là kẻ bần tiện.

128. Ai đến nhà người khác,
Ăn món ăn ngon lành,
Lại không đáp lễ lại,
Được biết là bần tiện.

129. Ai nói dối lường gạt,
Sa-môn, Bà-la-môn,
Hay các người nghèo khác,
Được biết là bần tiện.

130. Dùng lời mắng, không cho,
Sa-môn, Bà-la-môn,
Khi thời ăn uống đến,
Được biết là bần tiện.

131. Ở đời nói không thật,
Bị si mê che đậy,
Tham cầu chút lợi nhỏ,
Được biết là bần tiện.

132. Ai đề cao tự ngã,
Khi miệt giá trị người,
Hạ mình với tự cao,
Được biết là bần tiện.

133. Ai gây hấn, hà tiện,
Ác dục và xan tham,
Xảo quyệt, không tàm quí,
Được biết là bần tiện.

134. Ai phỉ báng đức Phật,
Hay đệ tử của Ngài,
Hàng xuất gia, tại gia,
Được biết là bần tiện.

135. Ai không phải La-hán,
Tự nhận là La-hán,
Kẻ trộm Phạm thiên giới,
Chính tối hạ bần tiện.
Những hàng bần tiện này,
Ta nói rõ cho Ông.

136. Bần tiện không vì sanh,
Phạm chí không vì sanh,
Do hành, thành bần tiện,
Do hành, thành Phạm chí.

137. Do đây, nên hiểu biết,
Như Ta trình bày rõ,
Màtanga được danh,

Bần tiện, ăn thịt chó.

138. Danh tối thượng khó đạt,
Màtanga đạt được,
Nhiều Sát-ly, Phạm chí,
Đến hầu hạ vị ấy.
139. Vị ấy leo thiên xa,
Trên đường lớn không bụi,
Từ bỏ mọi dục tham,
Đạt được Phạm thiên giới,
Thọ sanh không ngăn chận,
Vị ấy sanh Phạm thiên.

140. Có những Bà-la-môn,
Sanh gia đình Đạo sư,
Hay sanh những gia đình
Quyến thuộc với bùa chú,
Họ vẫn thường được thấy,
Làm các điều ác nghiệp,

141. Hiện tại bị khinh miệt,
Đời sau sanh ác thú,
Thọ sanh không ngăn chận,
Sanh ác thú đáng khinh.

142. Bần tiện không vì sanh,
Phạm chí không vì sanh,
Do hành thành bần tiện,
Do hành thành Phạm chí.

Khi được nói vậy, Bà-la-môn *Bhàradvàja* bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả *Gotama*! Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả *Gotama*! Thưa Tôn giả *Gotama*, ví như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, mở toang ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối, để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Pháp được Tôn giả *Gotama* dùng nhiều phương tiện trình bày. Con nay qui y Tôn giả *Gotama,* qui y Pháp và qui y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả *Gotama* nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời qui ngưỡng.

(VIII) Kinh Từ Bi (Metta Sutta) (Sn 25)

143. Vị thiện xảo mục đích,
Cần phải làm như sau:
Sau khi hiểu thông suốt,
Con đường an tịnh ấy,
Có khả năng, trực tánh,
Thật sự, khéo chân trực,
Dễ nói và nhu hòa,
Không có gì cao mạn.

144. Sống cảm thấy vừa đủ,
Nuôi sống thật dễ dàng,
Ít có sự rộn ràng,
Sống đạm bạc giản dị.
Các căn được tịnh lạc,
Khôn ngoan và thật trọng,
Không xông xáo gia đình,
Không tham ái, tham vọng.

145. Các sở hành của mình,
Không nhỏ nhen vụn vặt,
Khiến người khác có trí,
Có thể sanh chỉ trích.
Mong mọi loài chúng sanh,
Được an lạc, an ổn,
Mong họ chứng đạt được,
Hạnh phúc và an lạc.

146. Mong tất cả những ai,
Hữu tình có mạng sống,
Kẻ yếu hay kẻ mạnh,
Không bỏ sót một ai,
Kẻ dài hay kẻ lớn,
Trung, thấp, loài lớn, nhỏ.

147. Loài được thấy, không thấy,
Loài sống xa, không xa,
Các loài hiện đang sống,
Các loài sẽ được sanh,
Mong mọi loài chúng sanh
Sống hạnh phúc an lạc.

148. Mong rằng không có ai,
Lường gạt lừa dối ai,
Không có ai khinh mạn,
Tại bất cứ chỗ nào.
Không vì giận hờn nhau,
Không vì tưởng chống đối.
Lại có người mong muốn,
Làm đau khổ cho nhau.

149. Như tấm lòng người mẹ,
Đối với con của mình,
Trọn đời lo che chở,
Con độc nhất mình sanh.
Cũng vậy, đối tất cả
Các hữu tình chúng sanh,
Hãy tu tập tâm ý,
Không hạn lượng rộng lớn.

150. Hãy tu tập từ tâm,

Trong tất cả thế giới,
Hãy tu tập tâm ý,
Không hạn lượng rộng lớn.
Phía trên và phía dưới,
Cũng vậy, cả bề ngang,
Không hạn chế, trói buộc,
Không hận, không thù địch.

151. Khi đứng, hay khi đi,
Khi ngồi, hay khi nằm,
Lâu cho đến khi nào,
Khi đang còn tỉnh thức,
Hãy an trú niệm này,
Nếp sống này như vậy,
Được đời để cập đến,
Là nếp sống tối thượng.

152. Ai từ bỏ tà kiến,
Giữ giới, đủ chánh kiến,
Nhiếp phục được tham ái,
Đối với các dục vọng,
Không còn phải tái sanh,
Đi đến thai tạng nữa.

(IX) Kinh *Hemavata* (Sn 27)

Sàtàgira:

153. Nay đúng vào ngày rằm,
Ngày trai giới, bố-tát,
Nói vậy là dạ-xoa,
Tên Sàtàgira,
Đêm đã được an trú,
Đêm đẹp như cõi trời,
Hãy gặp Gotama,
Bậc Đạo Sư vô thượng.

Hemavata:

154. Có phải ý vị ấy,
Tâm nguyện thật khéo phát?
Nói vậy là dạ-xoa,
Tên Hemavata,
Có phải đối sanh loại,
Có tâm tư như vậy?
Có phải các tư duy,
Được khéo léo điều phục
Đối với các pháp khả ái,
Và pháp không khả ái?

Sàtàgira:

155. Ý vị ấy là vậy,
Tâm nguyện thật khéo phát,
Nói vậy là dạ-xoa,
Tên Sàtàgira,
Đối với mọi sanh loại,
Có tâm tư như vậy,
Như vậy là tư duy,
Được khéo léo điều phục.

Hemavata:

156. Có phải là vị ấy
Không lấy vật không cho?
Nói vậy là dạ-xoa,
Tên Hemavata,
Có phải với hữu tình,
Vị ấy khéo chế ngự?
Có phải với phóng dật,
Vị ấy khéo viễn ly?
Có phải đối thiền định,
Vị ấy không từ bỏ?

Sàtàgira:

157. Vị ấy không có lấy
Những vật không được cho,
Nói vậy là dạ-xoa,
Tên Sàtàgira,
Vị ấy với hữu tình,
Rất khéo léo chế ngự,
Vị ấy với phóng dật,
Thật sự sống viễn ly,
Đức Phật đối thiền định,
Không từ bỏ, sao lãng.

Hemavata:

158. Có phải là vị ấy,
Không nói lời nói láo?
Nói vậy là Dạ-xoa,
Tên Hemavata,
Có phải là vị ấy
Đoạn tận các trách nhiệm?
Có phải là vị ấy
Không nói lời vu khống?
Có phải là vị ấy
Không nói lời phù phiếm?

Sàtàgira:

159. Và thật sự vị ấy,
Không nói lời nói láo,
Nói vậy là Dạ-xoa,
Tên Sàtàgira,
Đoạn tận đường ác ngữ,
Không nói lời vu khống,
Vị ấy nói những lời
Sáng suốt, có nghĩa lý.

Hemavata:

160. Có phải đối các dục,
Vị ấy không tham ái?
Đây là lời Dạ-xoa,
Tên Hemavata,
Có phải tâm vị ấy
Không có bị dao động?
Có phải tâm vị ấy
Vượt khỏi sự si ám?
Có phải thật vị ấy,
Có mắt đối các pháp?

Sàtàgira:

161. Vị ấy không tham ái
Đối với các dục vọng,
Đây là lời Dạ-xoa,
Tên Sàtàgira,
Tâm không có dao động,
Vượt khỏi mọi si ám,
Đức Phật thật có mắt
Đối với tất cả pháp.

Hemavata:

162. Có phải là vị ấy
Đầy đủ về các minh?
Đây là lời Dạ-xoa
Tên Hemavata,
Có phải là vị ấy
Sở hành thật thanh tịnh?
Có phải là vị ấy
Các lậu hoặc đoạn tận?
Có phải là vị ấy
Không còn có tái sanh?

Sàtàgira:

163. Sự thật là vị ấy,
Đầy đủ với các minh,
Đây là lời Dạ-xoa,
Tên Sàtàgira
Sở hành thật thanh tịnh,
Mọi lậu hoặc đoạn tận,
Thật sự đối vị ấy,
Không còn có tái sanh.

Hemavata:

163. (a) Có phải vị ẩn sĩ,
Với tâm được viên mãn,
Mọi việc làm vị ấy
Được làm khéo hoàn mãn,
Có phải người tán thán,
Một cách đúng Chánh pháp.
Vị đầy đủ trí đức,
Đầy đủ cả hạnh đức.

Sàtàgira:

163. (b) Thật sự vị ẩn sĩ,
Với tâm được viên mãn,
Mọi việc làm vị ấy
Được làm khéo hoàn mãn.
Thật sự Ông tùy hỉ
Một cách đúng Chánh pháp,
Vị đầy đủ trí đức,
Đầy đủ cả hạnh đức.

Cả hai:

164. Thật sự vị ẩn sĩ,
Với tâm được viên mãn,
Mọi việc làm vị ấy
Được làm khéo hoàn mãn.
Chúng ta hãy yết kiến
Tôn giả Gotama,
Vị đầy đủ trí đức,
Đầy đủ cả hạnh đức.

Hemavata:

165. Bắp chân giống như nai,
Thon vững chắc, bền bỉ,
Giản dị ít nhu cầu,
Không tham đắm vật gì.
Hãy đi đến yết kiến
ẩn sĩ Gotama,

Vị hành trì thiền định,
Trong rừng núi xa vắng.

166. Sống cô độc một mình,
Như sư tử, như voi,
Ngài không có tham đắm,
Không cầu mong các dục.
Chúng ta hãy đi đến,
Và hỏi thăm vị ấy
Về con đường giải thoát
Khỏi cạm bẫy Ác ma.

Cả hai:

167. Vị tuyên bố giải thích,
Vị đạt đến mọi pháp,
Bậc giác ngộ vượt khỏi
Hận thù và sợ hãi,
Chúng ta hãy đến học
Sa-môn Gotama.

Hemavata:

168. Do pháp nào có mặt,
Thế giới được sanh khởi,
Nói vậy là dạ-xoa,
Tên Hemavata.
Do pháp nào có mặt,
Tác thành sự giao hợp?
Sự chấp thủ ở đời,
Là chấp thủ cái gì?
Do pháp nào có mặt,
Thế giới bị tàn hại?

Thế Tôn:

169. Do sáu pháp có mặt,
Thế giới được sanh khởi,
Này Hemavata,
Thế Tôn nói như vậy.
Do sáu pháp có mặt,
Tác thành sự giao hợp,
Sự chấp thủ ở đời,
Là chấp thủ sáu pháp,
Do sáu pháp có mặt,
Thế giới bị tàn hại.

Hemavata:

170. Do chấp thủ cái gì,

Đây thế giới bị hại?
Được hỏi, hãy nói lên,
Về con đường thoát đời.
Làm thế nào đau khổ,
Được giải thoát hoàn toàn?

Thế Tôn:

171. Đây, năm dục trưởng dưỡng,
Ý được gọi thứ sáu,
Bỏ ước muốn ở đây,
Như vậy, thoát đau khổ.

172. Đây, con đường thoát đời.
Như thật nói Ông rõ,
Đường này Ta nói Ông,
Như vậy, thoát đau khổ.

Hemavata:

173. Đây, ai vượt bộc lưu?
Đây, ai vượt biển lớn?
Không chân đứng bám víu,
Ai không chìm vực sâu?

Thế Tôn:

174. Ai luôn luôn đủ giới,
Có tuệ, khéo thiền định,
Tâm hướng nội, chánh niệm,
Vượt bộc lưu khó vượt.

175. Ai từ bỏ dục tưởng,
Vượt khỏi mọi kiết sử,
Ai, hỷ, hữu đoạn tận,
Không chìm vào vực sâu.

Hemavata:

176. Vị trí tuệ thâm sâu,
Thấy được đích tế nhị,
Vị không có sở hữu,
Không tham đắm dục hữu.
Hãy yết kiến vị ấy,
Vị luôn luôn giải thoát,
Bậc đại sĩ tiến bước,
Trên con đường Thiên đạo.

177. Bậc danh xưng vô thượng,
Bậc thấy đích tế nhị,

Bậc ban bố trí tuệ,
Không tham đắm dục tạng.
Hãy yết kiến vị ấy,
Vị Toàn trí, Thiện tuệ,
Bậc Đại sĩ tiến bước
Trên con đường Thánh đạo.

178. Hôm nay thật chúng con
Được thấy điềm tốt lành,
Được hào quang chói sáng,
Của bình minh tốt lành.
Vì chúng con được thấy,
Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác,
Bậc đã vượt bộc lưu,
Bậc đã đoạn lậu hoặc.

179. Ngàn vị dạ-xoa này,
Có thần lực danh xưng,
Tất cả xin đi đến
Y tựa quy ngưỡng Ngài,
Ngài là bậc Đạo Sư,
Vô thượng của chúng con.

180. Chúng con sẽ bộ hành
Làng này qua làng khác,
Thành này qua thành khác,
Đảnh lễ bậc Chánh giác,
Đảnh lễ thiện pháp tánh,
Của Chánh pháp vi diệu.

(X) Kinh *Alavaka* (Sn 31)

Như vầy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở *Alavi,* tại trú xứ của Dạ-xoa *Alavaka.* Rồi Dạ-xoa *Alavaka* đi đến Thế Tôn, sau khi đến nói với Thế Tôn:

- Này Sa-môn, hãy đi ra.

- Lành thay, Hiền giả.

Thế Tôn đi ra.

- Này Sa-môn, hãy đi vào.

- Lành thay, Hiền giả.

Thế Tôn đi vào. Lần thứ hai, Dạ-xoa *Alavaka* nói với Thế Tôn:

- Này Sa-môn, hãy đi ra.

- Lành thay, Hiền giả.

Thế Tôn đi ra:

- Này Sa-môn, hãy đi vào.

- Lành thay, Hiền giả.

Thế Tôn đi vào.

Lần thứ ba, Dạ-xoa *Alavaka* nói với Thế Tôn:

- Này Sa-môn, hãy đi ra.

- Lành thay, Hiền giả.

Thế Tôn đi ra.

- Này Sa-môn, hãy đi vào.

- Lành thay, Hiền giả.

Thế Tôn đi vào.

Lần thứ tư, Dạ-xoa *Alavaka* nói với Thế Tôn:

- Này Sa-môn, hãy đi ra.

- Này Hiền giả, Ta sẽ không đi ra cho Ông. Ông cần gì hãy làm?

- Này Sa-môn, ta sẽ hỏi Ngài. Nếu Ngài không trả lời cho ta, ta sẽ làm tâm trí Ngài điên loạn, hay ta sẽ bóp nát quả tim của Ngài, hay nắm chân của Ngài, ta sẽ quăng qua bờ sông bên kia sông Hằng.

- Này Hiền giả, Ta không thấy một ai trong thế giới với chư Thiên, với Ác ma và với Phạm thiên, trong quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn với chư Thiên và loài Người, lại có thể làm tâm Ta điên loạn, hay bóp nát quả tim của Ta, hay nắm chân quăng Ta qua bên kia bờ sông Hằng. Tuy vậy, này Hiền giả, Ông cứ hỏi như ý Ông muốn.

Rồi Dạ-xoa với bài kệ nói với Thế Tôn:

Alavaka:

> *181. Ở đời, tài sản gì,*
> *Tối thắng cho con người?*
> *Cái gì khéo thực hành*
> *Đem lại chơn an lạc.*
> *Cái gì trong các vị,*
> *Là vị ngọt tối thượng?*

Nếp sống như thế nào,
Gọi nếp sống tối thắng?

Thế Tôn:

182. Ở đời này, lòng tin,
Tối thắng cho con người,
Cái gì khéo thực hành,
Đem lại chơn an lạc?
Chánh pháp khéo thực hiện,
Đem lại chơn an lạc,
Sự thật trong các vị,
Là vị ngọt tối thượng,
Nếp sống với trí tuệ,
Là nếp sống tối thắng.

Alavaka:

183. Thế nào vượt bộc lưu?
Thế nào vượt biển lớn?
Thế nào vượt qua khổ?
Thế nào thật thanh tịnh?

Thế Tôn:

184. Với tín, vượt bộc lưu,
Không phóng dật, vượt biển,
Tinh tấn, vượt đau khổ,
Với tuệ, được thanh tịnh.

Alavaka:

185. Thế nào được trí tuệ?
Thế nào được tài sản?
Thế nào đạt danh xưng?
Thế nào cột bạn hữu?
Đời này qua đời sau,
Thế nào, chết không sầu?

Thế Tôn:

186. Tin tưởng bậc La-hán,
Tin pháp, đạt Niết-bàn,
Khéo nghe, được trí tuệ,
Bậc trí, không phóng dật.

187. Làm thích đáng trách nhiệm,
Phấn đấu được tài sản,
Với sự thật được danh,
Bố thí cột bạn bè.

188. Ai là người gia chủ,
Tin tưởng bốn pháp này,
Sự thật và Chánh pháp,
Kiên trì và bố thí,
Vị ấy sau khi chết,
Nhất định không sầu muộn.

189. Hãy hỏi các vị khác,
Sa-môn, Bà-la-môn,
Nếu có pháp nào khác
Ở đời, lại thắng hơn,
Sự thật và nhiếp phục,
Bố thí và kham nhẫn?

Alavaka:

190. Sao nay con rộng hỏi,
Sa-môn, Bà-la-môn,
Nay con được rõ biết,
Hiện, vị lai hạnh phúc.

191. Vì hạnh phúc cho con,
Mong rằng bậc Giác Ngộ,
Hãy đi đến an trú,
Tại xứ Alavi.
Nay con đã rõ biết.
Chỗ nào thí, quả lớn.

192. Con sẽ đi bộ hành,
Làng này qua làng khác,
Thành này qua thành khác,
Đảnh lễ bậc Giác Ngộ,
Đảnh lễ thiện pháp tánh
Của Chánh pháp vi diệu.

(XI) Kinh Thắng Trận (Sn 34)

193. Hoặc là đi hay đứng,
Hoặc là ngồi hay nằm,
Hoặc co tay, duỗi tay,
Như vậy, thân dao động.

194. Ràng buộc với xương gân,
Trét thoa với da thịt,
Thân được da che đậy,
Như thật không thấy rõ.

195. Trong một bụng chứa đầy,
Cục gan, và bọng đái,
Quả tim và buồng phổi,

Cả thận, và tỳ tạng.

196. Nước mũi, và nước miếng,
Mồ hôi, và nước mỡ,
Máu, và nước khớp xương,
Mật, và bạch huyết cầu.

197. Từ chín nguồn nước này,
Bất tịnh luôn luôn chảy,
Từ mắt, đồ bẩn chảy,
Từ tai, đồ bẩn chảy.

198. Nước mũi từ lỗ mũi,
Từ miệng, có khi chảy,
Chảy mật, và niêm dịch,
Từ thân, mồ hôi bẩn.

199. Trong đầu thật trống rỗng,
Chứa đầy những óc, não.
Bị vô minh dắt dẫn,
Kẻ ngu nghĩ tịnh sạch.

200. Khi bị chết nằm xuống,
Phồng lên, và xanh bầm,
Quăng bỏ trong nghĩa địa,
Bà con không đoái hoài.

201. Chó, dã can đến ăn,
Chó sói, các côn trùng,
Quạ, diều hâu đến ăn,
Còn có hữu tình khác.

202. Được nghe lời Phật dạy,
Tỷ-kheo có trí tuệ,
Vị ấy liễu tri thân,
Thấy thân đúng như thật.

203. Đây thế nào, kia vậy,
Kia thế nào, đây vậy,
Đối với thân trong ngoài,
Từ bỏ mọi lòng dục.

204. Từ bỏ lòng tham dục,
Đây Tỷ-kheo có tuệ,
Chứng bất tử, tịch tịnh,
Niết-bàn giới thường trú.

205. Thân này với hai chân,
Bất tịnh và hôi thúi,
Đầy xác chết, chảy nước,

Lại được giữ, nâng niu.

206. Với thân thể như vậy,
Ai lại nghĩ đề cao,
Hay khinh miệt kẻ khác,
Trừ kẻ không thấy gì.

(XII) Kinh Vị Ẩn Sĩ (Sn 35)

207. Thân mật, sanh sợ hãi,
Trú xứ, sanh bụi bặm,
Không trú xứ, không thân,
Hình ảnh bậc ẩn sĩ.

208. Ai đã chặt sanh hữu,
Không còn gieo giống thêm,
Sanh hữu đã đoạn tận,
Không muốn nó tùy sanh,
Được gọi là ẩn sĩ,
Một mình đi im lặng,
Bậc đại sĩ đã thấy,
Con đường tịch tịnh ấy.

209. Sau khi ước lượng đất,
Tìm hiểu được hột giống,
Không còn muốn tham ái,
Được tiếp tục tùy sanh,
Vị ấy chân ẩn sĩ,
Thấy sanh diệt chấm dứt,
Đoạn tận mọi lý luận,
Không rơi vào tính toán.

210. Đã rõ mọi trú xứ,
Không ham trú xứ nào,
Vị ấy chân ẩn sĩ,
Không tham, không say đắm.
Không còn phải ra sức,
Đã đạt bờ bên kia.

211. Bậc chiến thắng toàn diện,
Bậc toàn tri, thiện tuệ,
Đối với tất cả pháp,
Không còn bị ô nhiễm.
Bậc từ bỏ tất cả,
Ái đoạn diệt, giải thoát.
Các bậc trí nhận thức,
Vị ấy thật ẩn sĩ.

212. Vị có trí tuệ lực,
Giới cấm được đầy đủ,

Định tĩnh, thích thiền định,
Gìn giữ trì chánh niệm,
Giải thoát các trói buộc,
Không hoang vu, lậu tận,
Các bậc trí nhận thức,
Vị ấy thật ẩn sĩ.

213. Bộ hành, riêng một mình,
ẩn sĩ, không phóng dật,
Trước chê bai, tán thán,
Không có bị dao động.
Như sư tử, không sợ,
Giữa các tiếng vang động.
Như gió không vướng lưới,
Như son không dính nước,
Bậc lãnh đạo mọi người,
Người không ai lãnh đạo.
Các bậc trí nhận thức,
Vị ấy thật ẩn sĩ.

214. Vị nào biết xử sự,
Như cột trụ hồ tắm,
Khi người khác nói lời,
Lời khen chê cực đoạn,
Vị không có tham ái,
Với căn khéo định tĩnh,
Các bậc trí nhận thức,
Vị ấy thật ẩn sĩ.

215. Ai thật tự mình đứng
Thẳng như cây thoi đưa,
Nhàm chán các nghiệp ác,
Quán sát chánh, bất chánh,
Các bậc trí nhận thức,
Vị ấy thật ẩn sĩ.

216. Ai biết tự chế ngự,
Không làm các điều ác,
Trẻ và hạng trung niên,
Bậc ẩn sĩ chế ngự,
Vị không nên chọc giận,
Vì không làm ai giận,
Các bậc trí nhận thức,
Vị ấy thật ẩn sĩ.

217. Ai sống nhờ người cho,
Nhận lãnh đồ khất thực,
Nhận từ trên, từ giữa,
Hay từ chỗ còn lại,
Không đủ để tán thán,
Không nói lời hạ mình,

Các bậc trí nhận thức,
Vị ấy thật ẩn sĩ.

218. Sống thụ hạnh ẩn sĩ,
Từ bỏ sự dâm dục,
Ai lúc còn tuổi trẻ,
Không bị trói buộc gì,
Từ bỏ mạn, phóng dật,
Được hoàn toàn giải thoát,
Các bậc trí nhận thức,
Vị ấy thật ẩn sĩ.

219. Rõ biết được thế giới,
Thấy được lý chân đế,
Vượt khỏi được bộc lưu,
Vượt biển lớn như vậy.
Vị chặt đứt trói buộc,
Không ỷ lại, vô lậu.
Các bậc trí nhận thức,
Vị ấy thật ẩn sĩ.

220. Hai nếp sống không giống.
An trú, thật xa nhau,
Gia chủ, có vợ con,
Không ngã sở, khéo nhiếp,
Gia chủ không chế ngự,
Ngăn chận hữu tình khác,
Bậc ẩn sĩ luôn luôn,
Che chở loài hữu tình.

221. Giống như loại chim công,
Loại chim có cổ xanh,
Không bao giờ sánh bằng
Chim thiên nga nhanh nhẹn.
Cũng vậy, người gia chủ,
Không sánh bằng Tỷ-kheo,
Bậc ẩn sĩ viễn ly,
Sống thiền định trong rừng.

CHƯƠNG II
TIỂU PHẨM

(I) Kinh Châu Báu (Ratana Sutta) (Sn 39)

222. Phàm ở tại đời này,
Có sanh linh tụ hội,
Hoặc trên cõi đất này,
Hoặc chính giữa hư không
Mong rằng mọi sanh linh,
Được đẹp ý vui lòng,
Vậy, hãy nên cẩn thận,
Lắng nghe lời dạy này.

223. Do vậy các sanh linh,
Tất cả hãy chú tâm,
Khởi lên lòng từ mẫn,
Đối với mọi loài, người.
Ban ngày và ban đêm,
Họ đem vật cúng dường,
Do vậy không phóng dật,
Hãy giúp hộ trì họ.

224. Phàm có tài sản gì,
Đời này hay đời sau,
Hay ở tại thiên giới,
Có châu báu thù thắng,
Không gì sánh bằng được,
Với Như Lai, Thiện Thệ
Như vậy, nơi Đức Phật,
Là châu báu thù diệu,
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

225. Đoạn diệt và ly tham,
Bất tử và thù diệu,
Phật Thích Ca Mâu-Ni,
Chứng pháp ấy trong thiền.
Không gì sánh bằng được,
Với pháp thù diệu ấy.
Như vậy, nơi Chánh pháp,
Là châu báu thù diệu,
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

226. Phật Thế Tôn thù thắng,
Nói lên lời tán thán,
Pháp thiền định trong sạch,
Liên tục không gián đoạn,
Không gì sánh bằng được,
Pháp thiền vi diệu ấy,

Như vậy, nơi Chánh pháp,
Là châu báu thù diệu
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

227. Tám vị bốn đôi này,
Được bậc thiện tán thán,
Chúng đệ tử Thiện Thệ,
Xứng đáng được cúng dường.
Bố thí các vị ấy,
Được kết quả to lớn.
Như vậy, nơi Tăng chúng,
Là châu báu thù diệu.
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

228. Các vị lòng ít dục,
Với ý thật kiên trì,
Khéo liên hệ mật thiết,
Lời dạy Gotama!.
Họ đạt được quả vị,
Họ thể nhập bất tử,
Họ chứng đắc dễ dàng,
Hưởng thọ sự tịch tịnh,
Như vậy, nơi tăng chúng,
Là châu báu thù diệu,
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

229. Như vậy cột trụ đá,
Khéo y tựa lòng đất,
Dầu có gió bốn phương,
Cũng không thể dao động,
Ta nói bậc chơn nhân,
Giống như ví dụ này.
Vị thể nhập với tuệ,
Thấy được những Thánh đế,
Như vậy, nơi Tăng chúng,
Là châu báu thù diệu.
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

230. Những vị khéo giải thích,
Những sự thật Thánh đế,
Những vị khéo thuyết giảng,
Với trí tuệ thâm sâu,
Dầu họ có hết sức,
Phóng dật không tự chế,
Họ cũng không đến nỗi,
Sanh hữu lần thứ tám.
Như vậy, nơi Tăng chúng,

Là châu báu thù diệu.
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

231. Vị ấy nhờ đầy đủ,
Với chánh kiến sáng suốt,
Do vậy, có ba pháp,
Được hoàn toàn từ bỏ.
Thân kiến và nghi hoặc,
Giới cấm thủ cũng không;
Đối với bốn đọa xứ,
Hoàn toàn được giải thoát;
Vị ấy không thể làm,
Sáu điều ác căn bản.
Như vậy, nơi Tăng chúng,
Là châu báu thù diệu.
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

232. Dầu vị ấy có làm
Điều ác gì đi nữa,
Với thân hay với lời,
Kể cả với tâm ý,
Vị ấy không có thể
Che đậy việc làm ấy,
Vị ấy được nói rằng,
Không thể thấy ác đạo.
Như vậy, nơi Tăng chúng,
Là châu báu thù diệu.
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

233. Đẹp là những cây rừng
Có bông hoa đầu ngọn,
Trong tháng ba nóng bức,
Những ngày hạ đầu tiên,
Pháp thù thắng thuyết giảng,
Được ví dụ như vậy,
Pháp đưa đến Niết-bàn,
Pháp hạnh phúc tối thượng.
Như vậy, nơi Đức Phật,
Là châu báu thù diệu
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

234. Cao thượng, biết cao thượng,
Cho, đem lại cao thượng,
Bậc vô thượng thuyết giảng,
Pháp cao thượng thù thắng.
Như vậy, nơi đức Phật,
Là châu báu thù diệu.

Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

235. Nghiệp cũ đã đoạn tận,
Nghiệp mới không tạo nên,
Với tâm tư từ bỏ,
Trong sanh hữu tương lai.
Các hột giống đoạn tận,
Ước muốn không tăng trưởng,
Bậc trí chứng Niết-bàn,
Ví như ngọn đèn này.
Như vậy, nơi Tăng chúng,
Là châu báu thù diệu.
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

236. Phàm ở tại đời này,
Có sanh linh tụ hội,
Hoặc trên cõi đất này,
Hoặc chính giữa hư không,
Hãy đảnh lễ đức Phật,
Đã như thực đến đây,
Được loài Trời, loài Người,
Đảnh lễ và cúng dường.
Mong rằng với hạnh này,
Mọi loài được hạnh phúc.

237. Phàm ở tại nơi này,
Có sanh linh tụ hội,
Hoặc trên cõi đất này,
Hoặc chính giữa hư không.
Hãy đảnh lễ Chánh pháp,
Đã như thực đến đây,
Được loài Trời, loài Người,
Đảnh lễ và cúng dường.
Mong rằng với hạnh này,
Mọi loài được hạnh phúc.

238. Phàm ở tại nơi này,
Có sanh linh tụ hội,
Hoặc trên cõi đất này,
Hoặc chính giữa hư không.
Hãy đảnh lễ chúng Tăng
Đã như thực đến đây,
Được loài Trời, loài Người,
Đảnh lễ và cúng dường.
Mong rằng với hạnh này,
Mọi loài được hạnh phúc.

(II) Kinh Hôi Thối *(Amagandha)* (Sn 42)

Bà-la-môn:

239. Các bậc Thiện chơn chánh,
Ăn hạt giống cây thuốc,
Ăn đậu đũa, đậu rừng,
Ăn lá, ăn rễ cây,
Ăn trái các dây leo,
Nhận được thật đúng pháp.
Vị ấy không nói láo,
Vì các dục thúc đẩy.

240. Ôi ngài Kassapa,
Ai ăn các món ăn,
Do người khác bố thí,
Khéo làm, khéo chưng dọn,
Trong sạch và thù thắng;
Ăn lúa gạo thơm ngon.
Ai ăn uống như vậy
Là ăn thịt hôi thối.

241. Này bà con Phạm thiên,
Chính Ngài tuyên bố rằng:
Ta không ăn đồ thối,
Để nuôi sống thân Ta.
Nhưng Ngài ăn món ăn
Bằng lúa gạo thơm ngon,
Ăn thịt các loài chim,
Nấu ăn thật khéo léo
Ta hỏi Kassapa:
Ý nghĩa sự kiện này,
Ngài định nghĩa thế nào,
Là ăn đồ hôi thối?

Đức Phật *Kassapa:*

242. Sát sanh và hành hình,
Đả thương và bắt trói,
Trộm cắp và nói láo,
Man trá và lừa đảo,
Giả bộ kẻ học thức,
Đi lại với vợ người,
Đây là đồ ăn thối,
Ăn thịt không phải thối.

243. Ở đời, các hạng người,
Không chế ngự lòng dục,
Đam mê các vị ngon,
Liên hệ đến bất tịnh,
Theo chủ nghĩa hư vô,
Bất chánh khó hướng dẫn,
Đây là ăn đồ thối,

Ăn thịt không phải thối.

244. Ai thô bạo, dã man,
Sau lưng nói gièm pha,
Phản bạn không từ bi,
Lại cống cao ngạo mạn,
Tánh không có bố thí,
Không cho ai vật gì,
Đây là ăn đồ thối,
Ăn thịt không phải thối,

245. Phẫn nộ và kiêu mạn,
Cứng đầu và chống đối
Man trá và tật đố,
Nói vô ích, huênh hoang,
Kiêu mạn và quá mạn,
Thân mật với kẻ ác,
Đây là ăn đồ thối,
Ăn thịt không phải thối,

246. Ác giới, nợ không trả,
Làm người điểm chỉ viên,
Làm những nghề dối trá,
Ở đây, kẻ giả vờ,
Ở đây người bần tiện,
Những người làm ác nghiệp,
Đây là ăn đồ thối,
Ăn thịt không phải thối.

247. Ở đời đối hữu tình,
Người không biết kiềm chế,
Lấy cướp sở hữu người,
Chú tâm làm hại người,
Ác giới và tàn nhẫn
Ác ngữ, thiếu lễ độ,
Đây là ăn đồ thối,
Ăn thịt không phải thối,

248. Hạng tham ô, thù nghịch,
Tìm cách để giết hại,
Luôn luôn hướng về ác,
Sau chết sanh tối tăm,
Chúng sanh ấy rơi vào,
Địa ngục đầu xuống trước.
Đây là ăn đồ thối,
Ăn thịt không phải thối,

249. Không phải do cá thịt,
Cùng các loại nhịn ăn,
Không phải do lõa thể,
Đầu trọc và bện tóc,

Không do tro trét mình,
Mặc da thú khô cứng,
Không phải do săn sóc,
Nuôi dưỡng lửa tế tự,
Không do nhiều khổ hạnh,
Để được chứng bất tử,
Không bùa chú tế tự,
Các tế đàn thời tiết,
Làm con người trong sạch,
Nếu nghi hoặc chưa đoạn.

250. Do sống hộ trì căn,
Với các căn nhiếp phục,
Vững trú trên Chánh pháp,
Thích chân trực, hiền hòa,
Vượt khỏi các tham ái,
Đoạn tận mọi khổ đâu,
Bậc trí không nhiễm dính,
Điều được thấy, được nghe.

251. Nhiều lần, Thế Tôn thuyết,
Ý nghĩa lời dạy này,
Bậc bác học kệ chú,
Thâm hiểu ý nghĩa ấy.
Bậc ẩn sĩ nói lên,
Với những kệ tuyệt diệu,
Bậc không ăn đồ thối,
Độc lập, khó hướng dẫn.

252. Nghe xong những lời dạy,
Lời Thế Tôn khéo nói,
Chấm dứt ăn đồ thối,
Đoạn tận mọi khổ đau,
Vị ấy đảnh lễ Phật,
Với tâm ý nhún nhường,
Thỉnh cầu được cho pháp,
Xuất gia tại nơi đây.

(III) Kinh Xấu Hổ (Sn 45)

253. Ai mở miệng tuyên bố:
Tôi là bạn của anh,
Sở hành vượt xấu hổ,
Lại khinh chán bạn mình,
Không chịu khó gắng làm,
Công việc có thể làm.
Cần biết người như vậy,
Không phải bạn của tôi.

254. Ai đối với bạn hữu,
Chỉ làm với lời nói,

Lời nói đẹp, khả ái,
Nhưng chỉ lời nói suông,
Bậc trí biết người ấy,
Người chỉ nói, không làm.

255. Người luôn luôn chú ý,
Nghi ngờ sự thiếu sót,
Tìm kiếm các nhược điểm,
Người ấy không phải bạn,
Với ai có thể nằm,
Như con nằm trên ngực,
Người ấy mới thật bạn,
Không bị ai chia ly.

256. Ai mong lợi ích quả,
Tu tập các sự kiện,
Đem lại sự hân hoan,
Tu tập sự an lạc,
Đem lại thưởng, tán thán,
Gánh trách nhiệm làm người.

257. Uống xong vị viễn ly,
Uống xong vị an tịnh,
Không sợ hãi, không ác,
Hưởng vị ngọt, pháp hỷ.

(IV) Kinh Điềm Lành Lớn (Kinh Đại Hạnh Phúc - Mahamangala Sutta) (Sn 46)

Như vầy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú tại *Sàvatthi*, ở *Jetavana*, khu vườn ông *Anàthapindika.* Rồi một Thiên nhân, khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng *Jetavana*, đi đến Thế Tôn, sau khi đến đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, vị Thiên nhân ấy với bài kệ bạch Thế Tôn:

Thiên nhân:

258. Nhiều Thiên nhân và Người,
Suy nghĩ đến điềm lành,
Mong ước và đợi chờ,
Một nếp sống an toàn,
Xin Ngài hãy nói lên
Về điềm lành tối thượng.

Thế Tôn:

259. Không thân cận kẻ ngu,
Nhưng gần gũi bậc trí,
Đảnh lễ người đáng lễ
Là điềm lành tối thượng.

260. Ở trú xứ thích hợp,
Công đức trước đã làm,
Chân chánh hướng tụ tâm,
Là điều lành tối thượng.

261. Học nhiều, nghề nghiệp giỏi,
Khéo huấn luyện học tập,
Nói những lời khéo nói
Là điềm lành tối thượng.

262. Hiếu dưỡng mẹ và cha,
Nuôi dưỡng vợ và con,
Làm nghề không rắc rối
Là điềm lành tối thượng.

263. Bố thí, hành đúng pháp,
Săn sóc các bà con,
Làm nghiệp không lỗi lầm
Là điềm lành tối thượng.

264. Chấm dứt, từ bỏ ác,
Chế ngự đam mê rượu,
Trong pháp, không phóng dật
Là điềm lành tối thượng.
265. Kính lễ và hạ mình,
Biết đủ và biết ơn,
Đúng thời, nghe Chánh pháp
Là điềm lành tối thượng.

266. Nhẫn nhục, lời hòa nhã,
Yết kiến các Sa-môn,
Đúng thời, đàm luận pháp,
Là điềm lành tối thượng.

267. Khắc khổ và Phạm hạnh,
Thấy được lý Thánh đế,
Giác ngộ quả Niết bàn
Là điềm lành tối thượng.

268. Khi xúc chạm việc đời,
Tâm không động, không sầu,
Không uế nhiễm, an ổn
Là điềm lành tối thượng.

269. Làm sự việc như vậy,
Không chỗ nào thất bại,
Khắp nơi được an toàn,
Là điềm lành tối thượng.

(V) Kinh *Sùciloma* (Sn 47)

Như vầy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú tại *Gayà*, ở *Tamkitamanca* tại trú xứ của Dạ-xoa *Sùciloma*. Lúc bấy giờ, Dạ-xoa *Khara*, Dạ-xoa *Sùciloma* đi qua Thế Tôn không bao xa. Dạ-xoa *Khara* nói với Dạ-xoa *Sùciloma*: Đây là Sa-môn. Đây không phải là Sa-môn. Đây là Sa-môn hay là Sa-môn giả hiệu. Rồi Dạ-xoa *Sùciloma* đi đến Thế Tôn, sau khi đến cọ xát thân Thế Tôn. Thế Tôn tránh né thân của mình, rồi Dạ-xoa *Sùciloma* nói với Thế Tôn:

- Có phải Sa-môn sợ ta?

- Này Hiền giả, Ta không sợ Ông, nhưng xúc phạm với Ông là ác.

- Này Sa-môn, ta sẽ hỏi Ngài, nếu Ngài không trả lời cho ta, ta sẽ làm cho tâm Ngài điên loạn, hay bóp nát quả tim của Ngài, hay nắm chân của Ngài, ta sẽ quăng qua bờ bên kia sông Hằng.

- Này Hiền giả, Ta không thấy một ai trong thế giới chư Thiên, với chư Thiên, Ác ma và Phạm Thiên, trong quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn với chư Thiên và loài Người, lại có thể làm cho tâm Ta điên loạn hay bóp nát quả tim của Ta, hay nắm chân của Ta, sẽ quăng Ta qua bờ bên kia sông Hằng. Tuy vậy, này Hiền giả, Ông cứ hỏi Ta như ý Ông muốn.

Rồi Dạ-xoa *Sùciloma* với câu kệ nói với Thế Tôn:

Sùciloma:

270. Từ những nguyên nhân nào,
Tham và sân khởi lên?
Không ưa thích, ưa thích,
Sợ hãi từ đâu sanh?
Từ đâu được sanh khởi,
Các suy tầm của ý,
Như đứa trẻ độc ác,
Thả cho con quạ bay?

Thế Tôn:

271. Từ những nguyên nhân này,
Tham, sân được khởi lên,
Không ưa thích, ưa thích,
Sợ hãi từ đây sanh,
Từ đây được sanh khởi,
Các suy tầm của ý,
Như đứa trẻ độc ác,
Thả cho con quạ bay.

272. Sự hiện hữu của ngã,
Chính do thân ái sanh,
Như các loại cây bàng,
Do thân cây bàng sanh.
Sự triền phược các dục,
Thật rộng lớn vô cùng,

Như cây Màluvà,
Tỏa rộng lan khắp rừng.

273. Hãy nghe! Này Dạ-xoa,
Những ai được rõ biết
Từ đâu, khiến sanh khởi,
Họ tẩy sạch nhân ấy.
Họ vượt qua dòng nước,
Chảy mạnh khổ vượt này,
Trước chưa được vượt qua,
Không còn có tái sanh.

(VI) Kinh Hành Chánh Pháp (Sn 49)

274. Pháp hạnh và Phạm hạnh,
Được gọi là tối thượng hạnh,
Nếu là người xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà.

275. Nếu bản tánh lắm mồm,
Ưa làm hại như thú,
Đời sống ấy ác độc,
Làm ngã tăng bụi trần.

276. Tỷ-kheo ưa cãi nhau,
Bị vô minh che đậy,
Không biết pháp luật dạy,
Pháp do Phật tuyên thuyết.

277. Bị vô minh lãnh đạo,
Hại bậc tu tập ngã,
Không biết đường ô nhiễm,
Đưa đến cõi địa ngục.

278. Vị Tỷ-kheo như vậy,
Rơi vào chỗ đọa xứ,
Đi đầu thai chỗ này,
Đến đầu thai chỗ khác,
Đi từ tối tăm này,
Đến chỗ tối tăm khác.
Vị ấy sau khi chết,
Rơi vào chỗ khổ đau.

279. Như hố phân đầy tràn,
Sau nhiều năm chất chứa,
Cũng vậy, kẻ uế nhiễm,
Thật khó lòng gột sạch.

280. Hỡi này các Tỷ-kheo,
Hãy biết người như vậy,

Hệ lụy với gia đình,
Ác dục, ác tư duy,
Ác uy nghi cử chi,
Ác sở hành, hành xứ.

281. Tất cả đều đồng tình,
Tránh xa người như vậy,
Hãy thổi nó như bụi,
Hãy quăng nó như rác.

282. Hãy đuổi kẻ nói nhiều,
Kẻ Sa-môn giả hiệu,
Sau khi đuổi ác dục,
Ác uy nghi hành xứ.

283. Hãy giữ mình trong sạch,
Chung sống kẻ trong sạch,
Sống thích đáng, chánh niệm,
Rồi hòa hợp, sáng suốt,
Hãy chấm dứt khổ đau.

(VII) Kinh Pháp Bà-la-môn (Sn 50)

Như vầy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở *Sàvatthi*, tại *Jetavana*, khu vườn ông *Anàthapindika.* Rồi nhiều Bà-la-môn đại phú ở *Kosala* già yếu, cao niên, trưởng lão, đã đến tuổi trưởng thượng, đã gần mãn cuộc đời, đi đến Thế Tôn, sau khi đến nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm. Sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Bà-la-môn đại phú ấy bạch Thế Tôn:

- Thưa Tôn giả *Gotama*, hiện nay còn có những Bà-la-môn nào được thấy là theo pháp Bà-la-môn của những Bà-la-môn thời xưa?

- Này các Bà-la-môn, hiện nay không còn thấy các Bà-la-môn theo pháp Bà-la-môn của các Bà-la-môn thời xưa?

- Lành thay, Tôn giả *Gotama* hãy nói cho pháp Bà-la-môn của các Bà-la-môn thời xưa. Nếu Tôn giả *Gotama* không thấy gì phiền phức.

- Vậy này các Bà-la-môn, hãy nghe và khéo tác ý. Ta sẽ nói.

- Thưa vâng, Tôn giả.

Các Bà-la-môn đại phú ấy vâng đáp Thế Tôn, Thế Tôn nói như sau:

284. Các ẩn sĩ thời xưa,
Chế ngự, sống khắc khổ,
Bỏ năm dục trưởng dưỡng,
Hành lý tưởng tự ngã.

285. Phạm chí, không gia súc,
Không vàng bạc lúa gạo,
Học hỏi là tài sản,
Họ che chở hộ trì,
Kho tàng tối thượng ấy.

286. Đồ ăn được sửa soạn,
Được đặt tại ngưỡng cửa,
Với lòng tin, họ soạn
Để cúng bậc Thánh cầu.

287. Với vải mặc nhiều màu,
Với giường nằm trú xứ,
Từ quốc độ giàu có,
Họ đảnh lễ Phạm chí.

288. Không bị ai xâm phạm
Là Phạm chí thời ấy,
Không bị ai chiến hại,
Họ được pháp che chở,
Không ai ngăn chận họ,
Tại ngưỡng cửa gia đình.

289. Từ trẻ đến bốn tám,
Các Phạm chí thời xưa,
Họ sống hành Phạm hạnh,
Tầm cầu minh và hạnh.

290. Các vị Bà-la-môn,
Không đến giai cấp khác,
Không mua người làm vợ,
Chung sống trong tình thương,
Họ đi đến với nhau,
Trong niềm hoan hỷ chung.

291. Ngoại trừ thời gian ấy,
Thời có thể thụ thai,
Là người Bà-la-môn,
Không đi đến giao cấu.

292. Họ tán thán Phạm hạnh,
Giới, học thức, nhu hòa,
Khắc khổ và hòa nhã,
Bất hại và nhẫn nhục.

293. Vị tối thắng trong họ,
Là Phạm thiên, nỗ lực,
Vị ấy không giao hợp,
Cho đến trong cơn mộng.

*294. Ở đời, bậc có trí,
Học theo hạnh vị ấy,
Họ tán thán Phạm hạnh,
Giới đức và nhẫn nhục.*

*295. Họ xin cơm, sàng tọa,
Vải mặc, bơ và dầu,
Thâu nhiếp thật đúng pháp,
Họ tổ chức tế tự,
Trong lễ tế tự ấy,
Họ không giết bò cái.*

*296. Như mẹ và như cha,
Như anh, như bà con,
Bò là bạn tối thượng,
Từ chúng, sanh được vị.*

*297. Bò cho ăn, cho sức,
Cho dung sắc, cho lạc
Biết được lợi ích này,
Họ không giết hại bò.*

*298. Họ đoan trang thân lớn,
Có dung sắc, danh xưng,
Bản tánh là nhiệt tình,
Trong hành thiện dứt ác,
Họ còn sống ở đời,
Dân chúng hưởng an lạc.*

*299. Giữa họ có đảo lộn,
Họ thấy vật nhỏ nhen.
Thấy huy hoàng nhà vua,
Thấy trang sức phụ nữ.*

*300. Các cỗ xe khéo làm,
Thắng với ngựa thuần thục,
Trang hoàng với tấm thảm,
Nhiều sắc lại nhiều màu.
Các trú xứ phòng ốc,
Khéo chia, khéo ngăn cách.*

*301. Đàn bà mập vây quanh,
Chúng người đẹp hầu hạ,
Bà-la-môn tham đắm,
Tài sản lớn của người.*

*302. Đọc các bài kệ tụng,
Họ đến Okkàla,
Ngài được tài sản lớn,
Ngài được lúa gạo nhiều.*

Hãy thiết lập tế đàn,
Vì tài sản ngài lớn,
Hãy thiết lập tế đàn,
Vì tiền bạc ngài lớn.

303. Rồi vua, bậc lãnh tụ,
Vương chủ các xa binh,
Được các Bà-la-môn
Nhiếp phục và cảm hóa,
Tổ chức các tế đàn,
Về ngựa và về người,
Quăng con nêm, nước thánh,
Với các cửa then cài.
Lễ tế đàn này xong,
Họ cho các Phạm chí,
Rất nhiều loại tài sản.

304. Bò, giường nằm, áo mặc,
Nữ nhân trang sức đẹp,
Các cỗ xe khéo làm,
Thắng với ngựa thuần thục,
Trang hoàng với tấm thảm,
Nhiều sắc lại nhiều màu.

305. Các trú xứ đẹp đẽ,
Khéo chia, khéo ngăn cách,
Đầy các loại lúa gạo,
Họ cho các Phạm chí,
Rất nhiều là tài sản.

306. Ở đây, được tài sản,
Phạm chí thích cất chứa,
Lòng dục chúng thỏa mãn,
Khát ái càng tăng trưởng,
Họ lại đọc kệ tụng,
Họ đến Okkàka.

307. Như nước, đất và vàng,
Tài sản và lúa gạo,
Cũng vậy là các bò,
Đối với các loài, người.
Chúng là những vật dụng,
Cần thiết cho hữu tình.
Hãy thiết lập tế đàn,
Vì tài sản ngài lớn,
Hãy thiết lập tế đàn,
Vì tiền bạc ngài lớn?

308. Rồi vua, bậc lãnh tụ,
Vương chủ các xa binh,
Được các Bà-la-môn,

Nhiếp phục và cảm hóa,
Tổ chức các tế đàn,
Trăm ngàn bò bị giết

309. Không phải với bàn chân,
Cũng không phải với sừng.
Con bò hại một ai,
Chúng được khéo nhiếp phục
Như con dê, con cừu,
Chúng cho nhiều ghè sữa,
Tuy vậy, vua ra lệnh,
Nắm sừng bắt lấy chúng,
Giết chúng bằng dao gươm.

310. Rồi chư Thiên, Tổ tiên,
Đế Thích, A-tu-la,
Với các hàng Dạ-xoa,
Đồng thanh cùng la lớn,
Như vậy là phi pháp,
Khi gươm giết hại bò.

311. Trước đã có ba bệnh,
Dục, ăn không đủ già,
Do giết hại muôn thú,
Chúng lên đến chín tám.

312. Trượng phạt phi pháp này,
Từ xưa truyền đến nay,
Vật vô tội bị giết,
Còn người lễ tế đàn,
Thối thất khỏi Chánh pháp,

313. Vậy tùy pháp cổ này,
Bị bậc trí khiển trách,
Chỗ nào lễ tế đàn,
Như vậy, được xem thấy,
Quần chúng liền chỉ trích,
Các vị lễ tế đàn.

314. Như vậy, pháp bị hoại,
Hạng Thủ-đà, Phệ-xá,
Bị phân ly chia rẽ,
Các hạng Sát-đế-lị
Bị chia năm, chẻ bảy
Còn vợ khinh rẽ chồng.

315. Các Sát-lị hoàng tộc,
Các bà con Phạm thiên,
Cùng với hạng người khác,
Được gia tộc che chở,

Họ bỏ quên sanh chủng,
Họ rơi vào các dục.

Khi nghe nói vậy, các Bà-la-môn đại phú ấy bạch Thế Tôn;

- Thật vi diệu thay, Tôn giả *Gotama*! Thật vi diệu thay, Tôn giả *Gotama*! Thưa Tôn giả *Gotama*, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, trình bày rõ những gì bị che kín chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, hay đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể nhìn thấy sắc. Cũng vậy, Pháp được Tôn giả *Gotama* với nhiều pháp môn trình bày giải thích. Chúng con xin quy y Tôn giả *Gotama* quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả *Gotama* nhận chúng con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, chúng con trọn đời quy ngưỡng.

(VIII) Kinh Chiếc Thuyền (Sn 55)

316. Từ vị nào một người,
Rõ biết được Chánh pháp,
Hãy đảnh lễ vị ấy,
Như chư Thiên, Inda,
Vị ấy được đảnh lễ,
Tâm tư sanh hoan hỷ,
Nghe nhiều, học hỏi nhiều,
Thuyết trình chơn diệu pháp.

317. Vị sáng suốt chú tâm,
Suy tư và quán sát
Thực hành pháp tuỳ pháp,
Trở thành vị hiểu biết,
Thông minh và thận trọng,
Không phóng dật, vị ấy,
Theo gương vị như vậy.

318. Ai phục vụ kẻ ngu,
Ngu si, tâm bé nhỏ,
Mục đích chưa đạt được,
Lại ganh tị tật đố,
Chính ở đây Chánh pháp,
Không phát triển tu tập,
Chưa vượt thoát nghi hoặc,
Người ấy bị tử vong.

319. Như người nhảy xuống sông,
Dòng sông nước ngập tràn,
Nước sông, nhớp đục ngầu,
Dòng nước chảy nhanh mạnh
Người ấy bị lôi cuốn,
Theo dòng nước trôi đi,
Làm sao nó có thể,
Giúp người khác vượt dòng.

320. Cũng vậy, với người nào,

Pháp không được tu tập,
Không quán sát ý nghĩa,
Của những vị nghe nhiều,
Tự mình không rõ biết,
Nghi hoặc chưa vượt qua,
Làm sao nó có thể,
Giúp người khác thiền định.

321. Như người được leo lên,
Chiếc thuyền mạnh vững chắc,
Được trang bị đầy đủ,
Mái chèo và tay lái;
Người như vậy ở đây,
Giúp nhiều người ngược dòng,
Rõ biết những phương tiện,
Thiện xảo và sáng suốt.

322. Như vậy, bậc sáng suốt,
Luôn luôn tự tu tập,
Bậc nghe nhiều hiểu nhiều,
Không còn bị dao động,
Vị ấy giúp đỡ được,
Các người khác tu thiền,
Làm khởi lên nguyên nhân,
Tha thiết muốn nghe pháp.

323. Do vậy, hãy thân cận,
Bậc chân nhân hiền sĩ,
Bậc sáng suốt, có trí,
Bậc nghe nhiều học nhiều.
Sau khi biết mục đích,
Cố gắng khéo hành trì,
Rõ biết được Chánh pháp,
Vị ấy được an lạc.

(IX) Kinh Thế Nào là Giới (Sn 56)

324. Thế nào là giới đức?
Thế nào là chánh hạnh?
Cần phải làm tăng trưởng.
Thân khẩu ý nghiệp nào?
Để người chánh nhập cuộc,
Đạt được đích tối thượng?

325. Kính lễ bậc trưởng thượng,
Không ganh tị một ai,
Cần phải biết thời gian,
Để yết kiến Đạo sư,
Biết được đúng thời khắc,
Thuyết pháp bắt đầu giảng,
Hãy cẩn thận lắng nghe,

Lời giảng được khéo nói.

326. Hãy đi đến đúng thời,
Trước mặt vị Đạo Sư,
Từ bỏ tánh cứng đầu,
Với thái độ khiêm tốn,
Hãy nhớ nghĩ ức niệm,
Hãy chơn chánh hành trì,
Mục đích và Chánh pháp,
Chế ngự và Phạm hạnh

327. Vui thích trong Chánh Pháp
Hoan hỷ trong Chánh Pháp,
An trú trên Chánh pháp,
Biết phân tích Chánh pháp,
Sở hành không làm gì,
Có lời uế nhiễm pháp,
Chịu hướng dẫn lãnh đạo,
Lời trung thực khéo nói.

328. Bỏ cười đùa, lắm miệng,
Khóc than và sân hận,
Làm những điều man trá,
Lừa đảo, tham, kiêu mạn,
Bồng bột và bạo ngôn,
Cứng rắn và đam mê,
Sống từ bỏ tất cả,
Ly say đắm, kiên trì.

329. Thức tri được cốt lõi,
Những lời được khéo nói,
Được nghe khéo thức tri,
Cốt lõi của thiền định,
Với con người hấp tấp,
Lại phóng dật buông lung,
Trí tuệ, đều được nghe,
Không có thể tăng trưởng.

330. An vui thích Chánh pháp,
Do bậc Thánh tuyên thuyết,
Họ trở thành vô thượng,
Về lời ý và nghiệp,
Họ an tịnh nhu hòa,
An trú trên thiền định,
Chứng đạt được cốt lõi,
Pháp được nghe, trí tuệ.

(X) Kinh Đứng Dậy (Sn 57)

331. Hãy đứng dậy, ngồi dậy,
Với người mộng ích gì?

Kẻ bệnh ngủ làm gì?
Khi mũi tên phiền lụy.

332. Hãy đứng dậy, ngồi dậy,
Hãy kiên trì học tập,
Đạt cho được an tịnh,
Đừng để cho thần chết,
Biết Ông là phóng dật,
Mê hoặc, chinh phục Ông.

333. Chư Thiên và loài Người,
Sống y chỉ tầm cầu,
Hãy vượt ái dục này,
Chớ để thời khắc qua,
Khi thời khắc đã qua,
Bị sầu khổ địa ngục.

334. Phóng dật là bụi nhơ,
Bụi do phóng dật khởi,
Với minh, không phóng dật,
Tự mình rút mũi tên

(XI) Kinh *Ràhula* (Sn 58)

Thế Tôn:

335. Thường chung sống người hiền,
Thầy có khinh miệt không?
Người cầm đuốc loài Người,
Được thầy tôn trọng không?

Ràhula:

336. Thường chung sống người hiền,
Con không có khinh miệt.
Người cầm đuốc loài Người,
Thường được con tôn trọng.

Thế Tôn:

337. Bỏ năm dục trưởng dưỡng,
Khả ái và đẹp ý,
Với lòng tin xuất gia,
Hãy trở thành con người,
Làm chấm dứt khổ đau.

338. Thân cận với bạn lành,
Sống trú xứ xa vắng,
Viễn ly không ồn ào,
Hãy tiết độ ăn uống

339. Y áo, đồ khất thực,
Vật dụng và sàng tọa,
Chớ có tham ái chúng,
Chớ trở lui đời này.

330. Chế ngự trong giới bổn,
Phòng hộ trong năm căn,
Hãy tu tập niệm thân,
Sống với nhiều nhàm chán.

341. Hãy từ bỏ tịnh tướng,
Hệ lụy với tham ái,
Tu tập tâm bất tịnh,
Nhất tâm, khéo định tĩnh.

342. Hãy tu tập vô tướng,
Bỏ đi, mạn tùy miên,
Do nhiếp phục kiêu mạn,
Ngươi sẽ sống an tịnh.

Như vậy, Thế Tôn thường giáo giới Tôn giả *Ràhula* với những bài kệ này.

(XII) Kinh *Vangìsa* (Sn 59)

Như vầy tôi nghe:

Một thời Thế tôn sống ở Alavi, tại điện *Aggàlava*. Lúc bấy giờ, giáo sư thọ sư của Tôn giả *Vangìsa*, tên là *Nigrodhakappa* tại điện *Aggalava*, mệnh chung không bao lâu. Rồi Tôn giả *Vangìsa*, trong khi thiền định độc cư, tư tưởng sau đây được khởi lên: "Không biết bậc giáo thọ sư của ta có hoàn toàn nhập Niết-bàn hay không hoàn toàn nhập Niết-bàn?". Rồi Tôn giả *Vangìsa* vào buổi chiều, từ thiền tịnh đứng dậy, đi đến Thế Tôn, sau khi đến đảnh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả *Vangìsa* bạch Thế Tôn:

- Ở đây, bạch Thế Tôn, trong khi Thiền tịnh độc cư, con khởi lên tư tưởng như sau: "Không biết bậc giáo thọ sư của con có hoàn toàn nhập Niết Bàn hay không, hoàn toàn nhập Niết-bàn?"

Rồi Tôn giả *Vangìsa*, từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp y vào một bên vai, chấp tay vái chào Thế Tôn và với bài kệ, nói lên với Thế Tôn:

Vangìsa:

343. Con hỏi bậc Đạo Sư,
Bậc trí tuệ tối thượng,
Ai chặt đứt nghi hoặc,
Ngay trong đời hiện tại?
Tại Aggàlava,
Tỷ-kheo đã mệnh chung,
Có danh vọng danh xưng,
Nhập Niết bàn tịch tịnh.

344. Nigrodhakappa,
Chính là tên vị ấy,
Chính Thế Tôn đặt tên,
Cho vị Phạm chí ấy,
Vị ấy đảnh lễ Ngài,
Sống tầm cầu giải thoát,
Tinh cần và tinh tấn,
Kiên cố thấy Chánh Pháp.

345. Bạch Thích Ca, chúng con
Đệ tử Ngài, tất cả
Chúng con đều muốn biết
Bậc Pháp nhãn biến tri,
An trú tại chúng con,
Sẵn sàng để được nghe,
Ngài Đạo sư chúng con,
Ngài là bậc Vô thượng.

346. Hãy đoạn nghi chúng con,
Cho con biết vị ấy,
Đã được tịch tịnh chưa
Bậc trí tuệ rộng lớn,
Hãy nói giữa chúng con,
Bậc có mặt cùng khắp,
Như Thiên chủ Đế Thích,
Lãnh đạo ngàn chư Thiên.

347. Phàm những cột gút gì,
Ở đây, đường si ám,
Dự phần với vô trí,
Trú xứ cho nghi hoặc;
Gặp được đức Như Lai,
Họ đều không còn nữa.
Mắt này mắt tối thắng,
Giữa cặp mắt loài Người.

348. Nếu không có người nào,
Đoạn trừ các phiền não,
Như gió thổi tiêu tan
Các tầng mây dưới thấp,
Màn đen tức bao trùm,
Tất cả toàn thế giới,
Những bậc có hào quang,
Không có thể chói sáng.

349. Bậc trí là những vị
Tạo ra những ánh sáng,
Con xem Ngài như vậy.
Ôi! Bậc trí sáng suốt,
Chúng con đều cùng đến,
Bậc tu hành thiền quán,

Giữa hội chúng, chúng con,
Hãy nói về Kappa!

350. Hãy gấp phát tiếng lên,
Tiếng âm thanh vi diệu,
Như con chim thiên nga,
Giương cổ lên để hót,
Phát âm từng tiếng một,
Với giọng khéo ngân nga,
Tất cả bạn chúng con,
Trực tâm nghe lời Ngài.

351. Vị đoạn tận sanh tử,
Không còn chút dư tàn,
Vị tẩy sạch phiền não,
Con cầu Ngài thuyết pháp,
Kẻ phàm phu không thể
Làm theo điều nó muốn.
Bậc Như Lai làm được,
Điều được ước định làm,

352. Câu trả lời của Ngài
Thật đầy đủ trọn vẹn,
Được chơn chánh nắm giữ,
Bậc chánh trực trí tuệ.
Đây chắp tay cuối cùng,
Con khéo vái chào Ngài,
Chớ làm con si ám,
Bậc trí tuệ tối cao.

353. Sau khi đã được biết
Thánh pháp thượng và hạ,
Chớ làm con si ám,
Bậc tinh tấn tối cao,
Như vào giữa mùa hè,
Nóng bức khát khao nước,
Chúng con ngóng trông lời,
Hãy mưa sự hiểu biết.

354. Kappa, sống Phạm hạnh,
Nếp sống có mục đích,
Phải chăng sống như vậy
Là sống không uổng phí?
Vị ấy chứng tịch tịnh,
Hay còn dư tàn lại,
Được giải thoát thế nào,
Hãy nói chúng con nghe!

Thế Tôn:

355. Vị ấy trên danh sắc,
Đã đoạn tận tham ái,
Thế Tôn ở nơi đây
Đã trả lời như vậy,
Vượt qua được già chết,
Không còn có dư tàn,
Thế Tôn nói như vậy,
Bậc tối thắng thứ năm.

Vangìsa:

356. Nghe vậy, con tịnh tín,
Với lời nói của Ngài,
Bậc ẩn sĩ thứ bảy?
Và lời hỏi của con.
Không phải là vô ích!
Và vị Bà-la-môn
Không có lừa dối con.

357. Nói gì thời làm vậy,
Thật xứng đệ tử Phật,
Chặt đứt lưới rộng chắc
Của thần chết xảo quyệt.

358. Ôi! Thế Tôn, Kappa
Thấy căn nguyên chấp thủ,
Thật sự đã vượt qua
Thế lực của Ma vương,
Thế lực thật khó vượt.

(XIII) Kinh Chánh Xuất Gia (Sn 63)

Người hỏi:

359. Tôi hỏi bậc ẩn sĩ,
Có trí tuệ rộng lớn,
Đã vượt qua bờ kia,
Tịch tịnh, tự an trú.
Làm sao một Tỷ-kheo,
Bỏ nhà, bỏ các dục,
Lại có thể chơn chánh
Du hành ở trên đời?

Thế Tôn:

360. Ai nhổ lên điềm lành,
Như vậy, Thế Tôn đáp
Các sao băng mộng mị,
Và các tướng lành dữ,
Vị ấy đoạn trừ được,

Các lỗi lầm điềm lành;
Tỷ kheo ấy chơn chánh
Du hành ở trên đời.

361. Tỷ-kheo nhiếp phục tham,
Đối với các dục vọng,
Tại thiên giới, nhân giới,
Vượt hữu, chứng tri pháp;
Tỷ kheo ấy chơn chánh
Du hành ở trên đời.

362. Tỷ kheo bỏ hai lưỡi,
Bỏ phẩn nộ, xan tham,
Với tùy thuộc chống đối,
Đoạn tận thật hoàn toàn,
Tỷ kheo ấy chơn chánh
Du hành ở trên đời.

363. Sau khi đã từ bỏ,
Cả ái và phi ái,
Không chấp thủ một ai,
Không y chỉ chỗ nào,
Giải thoát được hoàn toàn
Các kiết sử trói buộc,
Tỷ-kheo ấy chơn chánh
Du hành ở trên đời.

364. Ai không tìm lõi cây,
Đối với các sanh y,
Có thể nhiếp phục tham,
Đối với các chấp thủ,
Vị ấy không y chỉ,
Không để ai dắt dẫn,
Tỷ-kheo ấy chơn chánh
Du hành ở trên đời.

365. Với lời và với ý,
Và với cả nghiệp làm,
Không chống đối một ai,
Chơn chánh biết diệu pháp,
Thường cố gắng hướng đến,
Đường Niết bàn tịch tịnh,
Tỷ-kheo ấy chơn chánh
Du hành ở trên đời.

366. Tỷ-kheo không tự cao,
Khi người đảnh lễ mình,
Dầu có bị nhiếc mắng,
Không khởi tâm tức tối,
Được đồ ăn của người,
Không có sự tham đắm,

Tỷ kheo ấy chơn chánh
Du hành ở trên đời.

367. Tỷ-kheo sau khi đoạn,
Tham dục và sanh hữu,
Từ bỏ, không làm hại,
Không trói buộc một ai,
Vị ấy vượt nghi hoặc,
Đã rút ra mũi tên,
Tỷ-kheo ấy chơn chánh
Du hành ở trên đời.

368. Tỷ-kheo sau khi biết,
Điều thích đáng cho mình,
Không làm hại một ai,
Có mặt ở trên đời,
Sau khi đã biết pháp
Như thật, như thế nào,
Tỷ-kheo ấy chơn chánh
Du hành ở trên đời.

369. Với ai, các tuỳ miên,
Không còn có tồn tại,
Và cội gốc bất thiện,
Được nhổ lên tận trừ,
Vị ấy không tham dục,
Không có hy cầu gì.
Tỷ-kheo ấy chơn chánh
Du hành ở trên đời.

370. Ai đoạn tận lậu hoặc,
Đoạn trừ cả kiêu mạn,
Mọi con đường tham dục,
Được chế ngự nhiếp phục,
Được nhiếp phục tịch tịnh,
Tự ngã được an lập,
Tỷ-kheo ấy chơn chánh
Du hành ở trên đời.

371. Có lòng tin, nghe pháp,
Thấy được quyết định tánh,
Bậc hiền không phe phái,
Giữa rất nhiều phe phái,
Có thể nhiếp phục được,
Tham, sân và hận thù,
Tỷ-kheo ấy chơn chánh
Du hành ở trên đời.

372. Thanh tịnh và chiến thắng,
Kéo lên màn che kín,
Tự tại trong các pháp,

Đến bờ kia, bất động,
Đoạn diệt các sở hành,
Thiện xảo trong chánh trí,
Tỷ-kheo ấy chơn chánh
Du hành ở trên đời.

373. Trong những thời quá khứ,
Trong những thời vị lai,
Vượt qua các chủ thuyết,
Trí tuệ thật thanh tịnh,
Với tất cả mọi xứ,
Được hoàn toàn giải thoát.
Tỷ-kheo ấy chơn chánh
Du hành ở trên đời.

374. Rõ biết được Pháp cú,
Chứng tri được Chánh pháp,
Thấy được sự mở rộng,
Đoạn tận các lậu hoặc,
Đối tất cả sanh y,
Được trừ diệt hoàn toàn,
Tỷ-kheo ấy chơn chánh
Du hành ở trên đời.

Người hỏi:

375. Bạch Thế Tôn, chắc chắn,
Thực sự là như vậy,
Tỷ-kheo được chế ngự,
Đã an trú như vậy,
Đã nhiếp phục hoàn toàn,
Tất cả các kiết sử,
Tỷ-kheo ấy chơn chánh
Du hành ở trên đời.

(XIV) Kinh *Dhammika* (Sn 66)

Như vầy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở *Sàvatthi*, tại *Jetavana*, trong khu vườn ông *Anàthapindika*. Rồi nam cư sĩ *Dhammika* đi đến Thế Tôn với năm trăm nam cư sĩ, sau khi đến đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, nam cư sĩ *Dhammika* nói lên những bài kệ với Thế Tôn:

Dhammika:

376. Kính thưa Gotama,
Bậc trí tuệ rộng lớn,
Con xin kính hỏi Ngài,
Vấn đề đặc biệt này:
Với vị đệ tử Ngài,

Làm thế nào là thiện?
Nếu là vị xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Hay là vị có nhà,
Sống đời nam cư sĩ?

377. Ngài rõ biết đường đi,
Cùng mục đích tối hậu,
Của Thế Tôn đời này,
Và thế giới chư Thiên.
Không ai so sánh Ngài,
Bậc thầy nghĩa thù diệu,
Chính Ngài được tôn xưng,
Là đức Phật thù thắng.

378. Ngài biết tất cả trí,
Ngài trình bày Chánh pháp,
Vì lòng thương, từ mẫn,
Đối với mọi chúng sanh,
Ngài mở rộng bức màn,
Bậc có mắt mọi nơi
Không cấu uế, thanh tịnh,
Ngài chói toàn thế giới.

379. Vị vua loài Nàgà
Tên Eràvano,
Đã đến gần bên Ngài,
Được nghe: Ngài chiến thắng.
Vị ấy tìm đến Ngài,
Để nghe lời khuyên nhủ,
Sau khi nghe, thích thú
Nói lên lời: Lành thay!.

380. Vua Vessavana,
Kuvera đến Ngài,
Tìm hiểu hỏi han Ngài
Về vấn đề diệu pháp,
Được hỏi, ôi bậc trí,
Hãy nói lên cho vua!
Sau khi nghe, vị ấy,
Cũng thích thú, ưa thích.

381. Các bậc ngoại đạo này
Ưa luận tranh khẩu chiến,
Các tà mạng ngoại đạo,
Hay các Ni-kiền Tử,
Tất cả không vượt qua,
Hơn thắng trí của Ngài,
Như người đang đứng lại,
Không thắng kẻ đi mau.

382. Các Bà-la-môn này,
Ưa luận tranh khẩu chiến,
Có những bậc Phạm-chí,
Đã đến tuổi trưởng thượng,
Tất cả đều trói buộc,
Bởi tư tưởng của Ngài,
Kể cả những hạng người,
Tự phụ nói khoe khoang.

383. Pháp này là tế nhị,
Đem lại nguồn an lạc,
Đã được bậc Thế Tôn
Khéo nói, khéo thuyết giảng,
Tất cả mọi hạng người,
Đều thích thú ưa nghe,
Được hỏi, hãy nói lên,
Ôi đức Phật tối thượng.

384. Các vị Tỷ-kheo này,
Đang ngồi đây tất cả,
Kể cả nam cư sĩ,
Tất cả đều chờ nghe,
Hãy để họ nghe pháp,
Bậc Vô uế Giác ngộ,
Như chư Thiên nghe lời,
Vàsava khéo nói!

Thế Tôn:

385. Tỷ-kheo, hãy nghe Ta,
Ta khiến các Thầy nghe,
Pháp đoạn trừ điều ác,
Tất cả hãy trọ trì,
Với ai thấy ý nghĩa,
Nghĩ ngợi có suy tư,
Hãy sống theo chánh hạnh,
Thích hợp với xuất gia.

386. Tỷ-kheo chớ ra ngoài,
Trong thời gian phi thời,
Hãy vào làng khất thực,
Đúng thời, thì hãy đi,
Ai đi đứng phi thời,
Bị bẫy sập trói buộc.
Do vậy các đức Phật,
Không có đi phi thời.

387. Các sắc và các tiếng,
Các vị, hương và xúc,
Chính những loại pháp ấy
Làm mê hoặc chúng sanh.

Hãy nhiếp phục, lòng dục,
Đối với các pháp ấy,
Hãy vào cho đúng thời,
Để dùng buổi ăn sáng.

388. Tỷ-kheo được đúng thời,
Các đồ ăn khất thực,
Hãy đi về một mình,
Ngồi tại chỗ an tịnh,
Suy tư hướng nội tâm,
Ý không chạy ra ngoài,
Làm cho thoát ra khỏi,
Mọi chấp thủ tự ngã.

389. Nếu vị ấy có nói,
Với một vị đệ tử,
Hay nói với một vị
Một Tỷ-kheo nào khác,
Hãy nói cho vị ấy,
Sự thù diệu Chánh pháp,
Không có nói hai lưỡi,
Không bài xích một ai,

390. Nhưng có những hạng người,
Dùng khẩu chiến bằng lời,
Những hạng người tuệ nhỏ,
Chúng ta không tán thán,
Triền phược trói buộc họ,
Từ chỗ này chỗ kia,
Ở đây họ dẫn tâm,
Đưa tâm đi quá xa.

391. Đồ khất thực, tinh xá,
Cùng sàng tọa trú xứ,
Nước để trừ bụi nhớp,
Y áo Tăng-già-lê,
Sau khi nghe Chánh pháp,
Do Thiện Thệ thuyết giảng,
Bậc đệ tử thắng tuệ,
Quán sát, hãy dùng chúng.

392. Do vậy đồ khất thực,
Sàng tọa và trú xứ,
Nước để trừ bụi nhớp,
Y áo Tăng-già-lê,
Đối với những pháp ấy,
Đừng để cho dính nhiễm.
Tỷ-kheo như giọt nước,
Không dính trên lá sen.

393. Trách nhiệm của gia chủ,

Ta cũng nói các Ông,
Làm theo đúng như vậy,
Đệ tử là tốt lành.
Pháp Tỷ-kheo toàn diện,
Khó thành tựu đầy đủ,
Vì là người gia chủ,
Phải làm nhiều việc đời.

394. Chớ giết loài hữu tình,
Chớ bảo người giết hại,
Hay chấp nhận kẻ khác,
Giết hại các người khác,
Đối với mọi sanh loại,
Từ bỏ các hình phạt,
Đối với kẻ mạnh bạo,
Như đối kẻ run sợ.

385. Rồi hãy quyết từ bỏ,
Lấy của không được cho,
Đệ tử khéo sáng suốt,
Vật gì, vật của ai,
Chớ khiến người khác lấy,
Chớ chấp nhận lấy trộm.
Hãy từ bỏ, chấm dứt,
Mọi của cải không cho.

396. Hãy từ bỏ, tránh xa
Đời sống phi Phạm hạnh,
Như bậc trí tránh né,
Lửa cháy hố than hừng.
Nếu tự mình bất lực,
Không thể sống Phạm hạnh,
Thời chớ có xâm phạm
Vợ của các người khác.

397. Khi đi đến hội chúng,
Hay đi đến đoàn chúng,
Hay một mình một người,
Chớ nói lời nói láo,
Chớ khiến người nói láo,
Chớ chấp nhận nói láo,
Tất cả điều không thật,
Hãy tránh xa từ bỏ.

398. Chớ sống theo nếp sống,
Uống rượu và say rượu,
Với vị là cư sĩ,
Đã chấp nhận pháp này,
Chớ khiến nguời uống rượu,
Chớ chấp thuận uống rượu
Sau khi biết uống rượu,

Cuối đường là điên cuồng.

399. Chỉ kẻ ngu say rượu,
Mới làm các điều ác,
Và khiến các người khác,
Sống buông lung phóng dật,
Hãy từ bỏ, tránh xa
Xứ phi công đức này,
Khiến điên cuồng si mê,
Làm kẻ ngu thỏa thích.

400. Chớ có giết hữu tình,
Chớ lấy của không cho,
Chớ nói láo không thật,
Chớ uống rượu say mê,
Từ bỏ phi Phạm hạnh,
Không hành trì dâm dục
Không có ăn ban đêm,
Không ăn lúc phi thời.

401. Chớ mang các vòng hoa,
Chớ dùng các nước thơm,
Hãy nằm trên mặt đất,
Trên thảm chiếu trải dài,
Tám hạnh này được gọi
Là hạnh ngày trai giới,
Do đức Phật giảng dạy,
Để chấm dứt khổ đau.

402. Từ nay ngày trai giới,
Chia nửa tháng hai phần,
Ngày mười bốn, mười lăm,
Hay ngày tám mỗi tháng,
Với tâm ý hoan hỷ,
Thực hành thần thông pháp
Gồm có đủ tám phần,
Khéo đầy đủ vẹn toàn.

403. Do vậy, vào buổi sáng,
Thực hành ngày trai giới,
Bậc có trí sáng suốt,
Với tâm tư tín thành,
Với tâm ý tùy hỷ,
Cúng dường Tỷ-kheo Tăng,
Với món ăn đồ uống,
Hợp với khả năng mình.

404. Hãy nuôi dưỡng mẹ cha,
Hợp pháp và đúng pháp,
Và cũng đúng với pháp,
Hãy làm nghề buôn bán,

Người gia chủ như vậy,
Sở hành không phóng dật,
Được sanh làm Thiên nhân,
Tên là: "Tự chói sáng".

CHƯƠNG III
ĐẠI PHẨM

(I) Kinh Xuất Gia (Sn 72)

Ananda:

405. Xuất gia, tôi tán thán,
Như Pháp nhãn xuất gia,
Sau khi Ngài quán sát,
Chấp thuận hạnh xuất gia.

406.Trói buộc, sống gia đình,
Tụ hội mọi bụi đời,
Phóng khoáng, đời xuất gia,
Thấy vậy nên xuất gia.

407. Sau khi Ngài xuất gia,
Thân ác nghiệp Ngài tránh,
Từ bỏ lời nói ác,
Mạng sống Ngài thanh tịnh.

408. Phật đi đến Vương Xá,
Đến chỗ núi bao vây,
Tại nước Ma-kiệt-đà,
Ngài sống hạnh khất sĩ,
Mang theo thật đầy đủ,
Các tướng tốt quang minh.

409. Bình Sa vương thấy Ngài,
Đứng trên sân lầu thượng,
Thấy đầy đủ tướng tốt,
Bèn nói lên lời này:

410. Các Ông hãy chăm sóc
Người đẹp, lớn, thanh tịnh,
Thành tựu với hạnh đức,
Chỉ nhìn vừa một tầm.

411. Mắt nhìn xuống, chánh niệm,
Gia đình không hạ tiện,
Hãy cho sứ giả theo,
Tỷ-kheo sẽ đi đâu?

412. Được sai, sứ giả ấy
Đi theo sau lưng Ngài,
Tỷ-kheo sẽ đi đâu?
Trú xứ sẽ chỗ nào?

413. Khất thực, từng nhà một,

Căn hộ trì chế ngự,
Bình bát được mau đầy,
Tỉnh giác và chánh niệm.

414. Sau khi đi khất thực,
Ẩn sĩ ra khỏi thành,
Leo lên Pandava,
Sẽ trú xứ tại đấy.

415. Thấy vị ấy đến chỗ,
Các sứ giả ngồi chờ,
Còn một vị đi về,
Kể lại chuyện vua hay.

416. Đại vương, Tỷ-kheo ấy,
Phía đông Pandava,
Ngồi như cọp, bò chúa,
Như sư tử trong hang.

417. Nghe sứ giả, đức vua
Với cỗ xe thù thắng,
Vội vàng ra khỏi thành,
Đi đến Pandava.

418. Đi được, vua đi xe,
Rồi xuống xe đi bộ,
Đức vua tiến lại gần,
Và vào chỗ Ngài ở.

419. Ngồi xuống, vua nói lên
Lời hỏi thăm chào đón,
Lời lẽ chào đón xong,
Vua nói lên nghĩa này.

420. Người thanh niên tuổi trẻ,
Ngây thơ, bước vào đời,
Đẹp cao được đầy đủ,
Thiện sanh dòng Sát-ly.

421. Trang hoàng binh đội ngũ,
Trước mắt cả binh đoàn,
Tài sản ta cho Người,
Hãy hưởng và trả lời
Về vấn đề thọ sanh.

Thế Tôn:

422. Trên sườn núi Tuyết sơn,
Sống dân tộc đoạn trực,
Tài sản nghị lực đủ,

Ở xứ Kosala.

423. Dòng họ thuộc mặt trời,
Sanh tộc là Thích-ca,
Từ bỏ gia tộc ấy,
Thưa vua, Ta xuất gia,
Ta không có tha thiết,
Đối với các loại dục.

424. Thấy nguy hiểm trong dục,
Bỏ chúng, là an ổn,
Ta sẽ đi, tinh tấn,
Ý Ta, được hoan hỷ.

(II) Kinh Tinh Cần (Sn 74)

Thế Tôn:

425. Bên sông Ni-liên-thuyền,
Ta tinh cần tinh tấn,
Cố gắng, Ta thiền định,
Đạt an ổn khổ ách.

426. Ác ma đến gần Ta,
Nói lên lời từ mẫn,
Ông ốm không dung sắc,
Ông đã gần chết rồi.

427. Cả ngàn phần, Ông chết,
Chỉ một phần còn sống,
Hãy sống, sống tốt hơn,
Sẽ làm các công đức.

428. Như Ông sống Phạm hạnh,
Hãy đốt lửa tế tự,
Hãy chất chứa công đức,
Ông tinh tấn làm gì?

429. Khó thay, đường tinh tấn,
Khó làm, khó đạt được.
Ác ma đứng gần Phật,
Nói lên những kệ này.

430. Thế Tôn đã đáp lại
Lời Ác ma như sau:
Bà con ác phóng dật,
Ngươi đến đây làm gì?

431. Với công đức nhỏ bé,
Ta đâu có cần đến?

Với ai cần công đức,
Ác ma đáng nói chúng.

432. Đây có tín, tinh tấn,
Và Ta có trí tuệ,
Như vậy, Ta tinh tấn,
Sao Ngươi hỏi Ta sống?

433. Gió này làm khô cạn,
Cho đến các dòng sông,
Làm sao khô cạn máu,
Khi Ta sống tinh tấn?

434. Dầu máu có khô cạn,
Mật, đàm Ta khô cạn,
Dầu thịt có hủy hoại,
Tâm Ta càng tịnh tín,
Ta lại càng vững trú,
Niệm, tuệ và thiền định.

435. Do Ta sống như vậy,
Đạt được thọ tối thượng,
Tâm không cầu các dục,
Nhìn chúng sanh thanh tịnh.

436. Dục, đội quân thứ nhất.
Thứ hai, gọi bất lạc,
Thứ ba, đói và khát,
Thứ tư, gọi tham ái.

437. Năm, hôn trầm thụy miên,
Thứ sáu, gọi sợ hãi,
Thứ bảy, gọi nghi ngờ,
Tám, dèm pha ngoan cố.

438. Lợi, danh và cung kính,
Danh vọng được tà vạy,
Ai tự đề cao mình,
Hủy báng các người khác.

439. Ôi, này Na-mu-ci,
Đây là quân đội Ngươi,
Đây quân đội chiến trận,
Của dòng họ Kanhà,
Kẻ nhát, không thắng Ngươi,
Ai thắng Ngươi, được lạc.

440. Ta mang cỏ munja,
Vững thay, đây đời sống,
Thà Ta chết chiến trận,

Tốt hơn, sống thất bại.

441. Bị thấy đắm ở đây,
Số Sa-môn, Phạm chí,
Không biết được con đường,
Bậc giới đức thường đi.

442. Thấy khắp quân đội dàn,
Ác ma trên lưng voi,
Ta bước vào chiến trận,
Không để ai chiếm đoạt.

443. Đội ngũ quân nhà Ngươi,
Đời này và chư Thiên,
Không một ai thắng nổi,
Ta đến Ngươi với tuệ,
Như hòn đá dập nát,
Chiếc bát chưa nung chín.

444. Nhiếp phục được tâm tư,
Khéo an trú chánh niệm,
Ta sẽ đi bộ hành,
Nước này qua nước khác,
Để huấn luyện rộng rãi,
Cho những người đệ tử.

445. Không phóng dật, tinh cần,
Họ hành lời Ta dạy,
Dầu Ngươi không muốn vậy,
Họ vẫn sẽ đi tới,
Chỗ nào họ đi tới,
Chỗ ấy không sầu muộn.

Ác-ma:

446. Bảy năm, ta bước theo,
Chân theo chân Thế Tôn,
Không tìm được lỗi lầm,
Nơi Thế Tôn chánh niệm.

447. Như quạ bay xung quanh,
Hòn đá như đống mỡ,
Có thể có gì mềm?
Có thể có gì ngọt?

448. Không tìm được gì ngọt,
Quạ từ đó bay đi,
Như quạ mổ hòn đá,
Ta bỏ Gotama.

449. Bị sầu muộn chi phối,
Cây đàn rơi khỏi nách,
Kẻ Dạ-xoa ác ý,
Tại đấy liền biến mất.

(III) Kinh Khéo Thuyết (Sn 78)

Như vầy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở *Sàvatthi*, tại *Jetavana*... Thế Tôn nói như sau:

- Thành tựu bốn chi phần, này các Tỷ-kheo, lời nói được khéo nói, không phải vụng nói, không có lỗi lầm, không bị người trí quở trách. Thế nào là bốn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chỉ nói lời khéo nói, không nói lời vụng nói; chỉ nói lời đúng pháp, không nói lời phi pháp; chỉ nói lời khả ái, không nói lời phi khả ái; chỉ nói lời đúng sự thật, không nói lời không đúng sự thật. Thành tựu với bốn chi phần này, này các Tỷ-kheo, lời nói là được khéo nói không phải vụng nói, không có lỗi lầm, không bị người trí quở trách.

Thế Tôn thuyết như vậy. Thiện Thệ thuyết như vậy xong bậc Đạo Sư lại nói thêm như sau:

450. Bậc Thiện nhân nói lên,
Lời khéo nói tối thượng,
Thứ hai, nói đúng pháp,
Thứ ba, nói khả ái
Không nói phi khả ái,
Thứ tư, nói chân thật
Không nói không chân thật.

Rồi Tôn giả *Vangìsa* từ chỗ ngồi đứng dậy đắp y vào một bên vai, chắp tay hướng đến Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

- Ý nghĩ này đến với con, bạch Thiện Thệ.

- Hãy nói lên ý kiến ấy, này *Vangìsa*!.

Rồi Tôn giả Vangìsa, trước mặt Thế Tôn, nói lên lời tán thán với những bài kệ thích ứng:

Vangìsa:

451. Hãy nói lên lời nói,
Không thiêu đốt tự ngã,
Không làm hại người khác,
Lời nói ấy khéo nói.

452. Hãy nói lời khả ái,
Nói lời khiến hoan hỷ,
Không mang theo ác hại,
Khiến người khác ưa thích.

453. Chân thật, lời bất tử,

Đây thường pháp là vậy,
Họ nói, bậc Thiện nhân,
An trú trên chân thật,
Trên mục đích, trên pháp.

454. Lời gì đức Phật nói,
An ổn, đạt Niết-bàn,
Đoạn tận các khổ đau,
Đấy lời nói tối thượng.

(IV) Kinh *Sundarika Bhàradvàja (*Sn 80)

Như vầy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở phía dân chúng *Kosala*, trên bờ sông *Sundarikà*. Lúc bấy giờ, Bà-la-môn *Sundarikabhàradvàja* đốt lửa thiêng trên bờ sông *Sundarikà* và đang cử hành các tế lễ lửa. Rồi Bà-la-môn *Sundarikabhàradavàja*, sau khi đốt lửa thiêng, sau khi cử hành các lễ tế lửa, từ chỗ ngồi đứng dậy và ngó xung quanh bốn phương nghĩ rằng: "Ai có thể ăn đồ ăn còn lại của lễ tế tự này?".

Rồi Bà-la-môn *Sundarikabhàradvàja* thấy Thế Tôn ngồi dưới một gốc cây, không bao xa, đầu che trùm lại; thấy vậy, tay trái cầm đồ tế tự còn lại, tay mặt cầm cái bình nước, đi đến Thế Tôn. Thế Tôn nghe tiếng chân của Bà-la-môn *Sundarikabhàradvàja* liền mở đầu ra. Bà-la-môn *Sundarikabhàradvàja* nghĩ rằng: "Đầu trọc là vị này. Một kẻ đầu trọc là vị này", và muốn đi trở lại. Rồi Bà-la-môn *Sundarikabhàradvàja* suy nghĩ: "Ở đây, cũng có một số Bà-la-môn trọc đầu. Vậy ta hãy đi đến vị này và hỏi về thọ sanh". Rồi Bà-la-môn *Sundaikabhàradvàja* đi đến Thế Tôn, sau khi đến, nói với Thế Tôn:

- Thọ sanh của Tôn giả là thế nào?

Rồi Thế Tôn nói với Bà-la-môn *Sundarikabhàradvàja* những bài kệ:

Thế Tôn:

455. Ta không phải Phạm chí,
Cũng không phải con vua,
Cũng không phải buôn bán,
Không phải là ai hết,
Do liễu tri giai cấp,
Của các hàng phàm phu,
Ta kẻ trí ở đời,
Bộ hành, không sở hữu.

456. Mang áo Tăng-già-lê,
Ta sống, không gia đình,
Với tóc được cạo sạch,
Tự ngã được an tịnh,
Ở đời Ta không nhiễm,
Với các thiếu niên nào,
Không xứng đáng, Ông hỏi,
Hỏi Ta về thọ sanh.

Bà-la-môn:

457. Thật sự, thưa Tôn giả,
Các vị Bà-la-môn
Thường hỏi Bà-la-môn,
Có phải người Phạm chí?

Thế Tôn:

Nếu Ông nói lên rằng:
Ông là Bà-la-môn,
Và nếu Ông hỏi Ta
Không phải Bà-la-môn,
Vậy Ta sẽ hỏi Ông
Về Sàvitti này,
Gồm có mười hai câu,
Và hai mươi bốn chữ.

Bà-la-môn:

458. Do y tựa vào gì,
Các ẩn sĩ, loài Người,
Sát-đế-lị Phạm chí,
Đã tổ chức tế đàn,
Cho các hàng chư Thiên,
Rộng rãi trong đời này?

Thế Tôn:

Vị nào đạt cứu cánh,
Vị nào hiểu Vệ-đà,
Trong lễ tế đàn này,
Thọ hưởng đồ cúng dường,
Ta tuyên bố, nói rằng
Lễ ấy được tăng thịnh.

Bà-la-môn:

459. Chắc chắn tế đàn ấy,
Cúng dường được tăng thịnh.
Vì chúng ta thấy được,
Vị am hiểu Vệ-đà,
Nếu chúng ta không thấy,
Được một nguời như Ông,
Một người khác thọ hưởng
Đồ cúng dường tế đàn.

Thế Tôn:

460. Vì Ông, này Phạm chí,

Đến Ta vì cần thiết,
Với mục đích rõ ràng,
Vậy nay Ta hỏi Ông,
Ông có thể tìm được
Một bậc trí ở đây,
An tịnh, không sân hận,
Không khổ, không tầm cầu?

Bà-la-môn:

461. Tôi vui trong tế đàn,
Tôn giả Gotama,
Tôi tha thiết ao ước,
Được cúng dường tế đàn,
Nhưng tôi không được biết,
Tôn giả hãy dạy tôi!
Hãy nói lên cho tôi,
Chỗ cúng dường tăng thịnh.

Thế Tôn:

Vậy này Bà-la-môn,
Hãy lắng tai mà nghe,
Ta nay sẽ vì Ông,
Tuyên thuyết pháp vi diệu.

462. Chớ hỏi về thọ sanh,
Hãy hỏi về hạnh đức,
Thật vậy, từ củi gỗ,
Một ngọn lửa được sanh,
Từ gia đình thấp kém,
Bậc ẩn sĩ, có trí,
Được huấn luyện thuần thục,
Được xấu hổ chế ngự.

463. Được chân thật huấn luyện,
Được nhiếp phục chế ngự,
Bậc đạt đến hiểu biết,
Phạm hạnh được viên thành,
Hãy đúng thời cúng dường,
Đồ cúng dường vị ấy.
Vậy vị Phạm chí nào
Muốn nguyện cầu công đức,
Hãy tổ chức tế đàn,
Với cúng dường như vậy.

464. Những vị nào, bỏ dục,
Du hành, không gia đình,
Khéo chế ngự nhiếp phục,
Như con thoi trực chỉ.

Đúng thời đối vị ấy,
Hãy cúng đồ tế tự,
Vị Phạm chỉ cầu phước,
Hãy bố thí như vậy,
Hãy tổ chức tế đàn,
Với cúng dường như vậy.

465. Những vị đã ly tham,
Các căn khéo định tĩnh,
Như trăng được giải thoát,
Khỏi nanh vuốt Ràhu,
Hãy đúng thời cúng dường,
Đồ cúng dường vị ấy,
Vậy vị Phạm hạnh nào,
Muốn nguyện cầu công đức,
Hãy tổ chức tế đàn,
Với cúng dường như vậy.

466. Không tham dính vật gì,
Họ du hành ở đời,
Luôn luôn giữ chánh niệm,
Từ bỏ ngã sở kiến,
Hãy đúng thời cúng dường,
Đồ cúng dường vị ấy.
Vậy vị Phạm chí nào,
Muốn cầu nguyện công đức,
Hãy tổ chức tế đàn,
Với cúng dường như vậy.

467. Ai từ bỏ các dục,
Tự nhiếp phục, du hành.
Ai biết sự chấm dứt,
Của sanh và sự chết,
Tịch tịnh và mát lạnh.
Mát lạnh như nước hồ.
Như Lai thật xứng đáng,
Đồ cúng dường tế tự.

468. Bình đẳng kẻ bình đẳng,
Xa lánh không bình đẳng,
Như Lai chứng đạt được,
Trí tuệ không giới hạn,
Không bị dính, uế nhiễm,
Đời này hay đời sau.
Như Lai thật xứng đáng,
Đồ cúng dường tế tự.

469. Trong ai không man trá,
Không sống với kiêu mạn,
Ai không có tham dục,
Không của ta, không cầu,

Phẫn nộ được đoạn trừ,
Tự ngã thật tịch tịnh,
Vị Bà-la-môn ấy,
Cấu uế, sầu muộn đoạn,
Như Lai thật xứng đáng,
Đồ cúng dường tế tự.

470. Ai đoạn diệt hoàn toàn
Mọi trú xứ của ý,
Không còn có nắm giữ,
Sự vật gì ở đời,
Không còn có chấp thủ,
Đời này hay đời sau.
Như Lai thật xứng đáng,
Đồ cúng dường tế tự.

471. Tâm ai thật định tĩnh,
Vượt khỏi được bộc lưu,
Rõ biết được Chánh pháp,
Với tri kiến tối thượng,
Lậu hoặc được đoạn trừ,
Mang thân này tối hậu.
Như Lai thật xứng đáng,
Đồ cúng dường tế tự.

472. Với ai, các hữu lậu,
Và lời nói thô ác,
Được đoạn tận chấm dứt,
Không còn có tồn tại,
Vị ấy đạt hiểu biết,
Giải thoát mọi khía cạnh.
Như Lai thật xứng đáng,
Đồ cúng dường tế tự.

473. Giữa những người nhiễm trước,
Vị ấy không nhiễm trước,
Giữa chúng sanh kiêu mạn,
Vị ấy không kiêu mạn,
Liễu tri được đau khổ,
Kể cả ruộng và đất.
Như Lai thật xứng đáng,
Đồ cúng dường tế tự.

474. Không dựa vào ước vọng,
Vị ấy thấy viễn ly,
Vượt qua sự hiểu biết,
Cùng tri kiến người khác,
Đối với mọi sở duyên,
Vị ấy đều không có,
Như Lai thật xứng đáng,
Đồ cúng dường tế tự.

475. Vị ấy chứng tri được
Các pháp gần hay xa,
Được đoạn trừ, chấm dứt,
Không còn có hiện hữu,
An tịnh, không chấp thủ,
Được hoàn toàn giải thoát
Như Lai thật xứng đáng,
Đồ cúng dường tế tự.

476. Thấy được sự đoạn tận,
Sanh diệt các kiết sử,
Trừ được đường tham dục,
Không còn lại dư tàn.
Thanh tịnh, không lỗi lầm,
Không cấu uế, không nhiễm.
Như Lai thật xứng đáng,
Đồ cúng dường tế tự.

477. Ai không thấy tự ngã,
Với tự ngã của mình,
Định tâm và chánh trực,
Kiên trì không dao động,
Vị ấy không có dục,
Không cứng cỏi, phân vân.
Như Lai thật xứng đáng,
Đồ cúng dường tế tự.

478. Với ai không còn nữa,
Nguyên nhân của si mê,
Biết rõ và thấy rõ,
Đối với hết thảy pháp,
Và mang nặng thân này,
Thân này thân cuối cùng.
Chứng đạt Chánh Đẳng Giác,
Vô thượng an ổn xứ,
Đạt cho đến như vậy,
Bậc Dạ-xoa thanh tịnh.
Như Lai thật xứng đáng,
Đồ cúng dường tế tự.

Bà-la-môn:

479. Đây đồ con cúng dường,
Đồ cúng dường chân thật,
Con đã tìm thấy được,
Bậc trí đức như vậy,
Phạm thiên hãy chứng giám,
Thế Tôn hãy chấp nhận,
Thế Tôn hãy thọ hưởng,
Đồ cúng dường của con.

Thế Tôn:

480. Ta không có thọ dụng
Đồ ăn từ kệ tụng,
Hỡi này Bà-la-môn,
Đây không phải là pháp,
Của những người có trí,
Chư Phật đều từ bỏ,
Ca hát các bài kệ,
Chỗ nào pháp an trú,
Hỡi này Bà-la-môn,
Đấy chính là truyền thống.

481. Ông cần phải cúng dường,
Đồ ăn, đồ uống khác,
Bậc Đại sĩ toàn vẹn,
Đoạn tận các lậu hoặc,
Đã đoạn tận trao hối,
Không còn bị dao động,
Ngài chính là thửa ruộng,
Cho người cầu công đức.

Bà-la-môn:

482. Thế Tôn, con muốn biết,
Người có tin như con,
Ai có thể hưởng thọ,
Đồ cúng dường của con,
Trong khi lễ tế đàn,
Con phải tìm đến ai?
Lời Ngài dạy thế nào,
Con sẽ đạt cho được.

Thế Tôn:

483. Với ai, không xông xáo,
Với ai, tâm không động,
Giải thoát khỏi các dục,
Với ai bỏ hôn trầm,

484. Lãnh đạo kẻ biên giới,
Thiện xảo trong sanh tử,
Ẩn sĩ đầy đủ tuệ,
Đã đến lễ tế đàn.

485. Nhiếp phục kiêu ngạo xong,
Hãy chắp tay đảnh lễ,
Cúng dường đồ ăn uống,
Cúng dường vậy tăng trưởng.

Bà-la-môn:

486. Ngài là bậc Giác Ngộ,
Xứng đáng được cúng dường,
Ngài là ruộng phước đức,
Vô thượng, không gì hơn,
Vị tiếp nhận cúng dường,
Xứng đáng toàn thế giới.
Bố thí cho Tôn giả,
Kết quả thật to lớn.

Rồi Bà-la-môn *Sundarikabhàradvàja* bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, Tôn giả *Gotama*! Thật vi diệu thay, Tôn giả *Gotama*! Thưa Tôn giả *Gotama*, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, hay phơi bày ra những gì bị che kín, hay chỉ đường cho kẻ lạc hướng, hay đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mặt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp được Tôn giả *Gotama* dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích. Con nay quy y Tôn giả *Gotama*, quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo. Hãy cho con được xuất gia với Tôn giả *Gotama.* Hãy cho con thọ đại giới.

Và Bà-la-môn *Sundarikabhàradvàja*... trở thành một vị A-la-hán.

(V) Kinh *Màgha* (Sn 86)

Như vầy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở *Ràjagaha*, trên núi *Gijjhakàta*. Rồi thanh niên *Màgha* đi đến Thế Tôn, sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, thanh niên *Màgha* bạch Thế Tôn:

- Thưa Tôn giả *Gotama*, con là người bố thí, là thí chủ, rộng rãi, mong muốn được yêu cầu. Con tầm cầu tài sản đúng pháp, sau khi tầm cầu tài sản đúng pháp, với những tài sản thâu hoạch đúng pháp, tạo dựng đúng pháp, con cho một nguời, con cho hai người, con cho ba người, con cho bốn người, con cho năm người, con cho sáu người, con cho bảy người, con cho tám người, con cho chín người, con cho mười người, con cho hai mươi người, con cho ba mươi người, con cho bốn mươi người, con cho năm mươi người, con cho một trăm người, con cho nhiều hơn nữa. Thưa Tôn giả *Gotama*, con cho như vậy, con bố thí như vậy, con có được nhiều phước đức không?

- Này thanh niên, Con cho như vậy, Con bố thí như vậy Con được nhiều phước đức. Này thanh niên, ai là người bố thí, là người thí chủ rộng rãi, mong muốn được yêu cầu, ai tầm cầu tài sản đúng pháp sau khi tầm cầu tài sản đúng pháp, với những tài sản thâu hoạch đúng pháp, tạo dựng đúng pháp, nguời ấy cho một người... cho một trăm người, cho nhiều hơn nữa, người ấy được nhiều công đức.

Rồi thanh niên *Màgha* nói lên lời Thế Tôn những bài kệ:

Thanh niên *Màgha:*

487. Thanh niên Màgha thưa:
Tôn giả Gotama,
Con hỏi bậc Hiền hòa,

Mặc cà sa không nhà,
Ai ưa muốn được cầu,
Là thí chủ, gia chủ
Mong muốn được phước đức,
Bố thí, mong cầu phước.
Ở đây, thí người khác,
Đồ ăn và đồ uống,
Tại đâu nên bố thí,
Để đồ cúng được tịnh.

Thế Tôn:

488. Thế Tôn bèn trả lời:
Này thanh niên Màgha,
Ai ưa muốn được cầu,
Là thí chủ, gia chủ,
Mong muốn được phước đức,
Bố thí, mong cầu phước,
Ở đây, thí người khác
Đồ ăn và đồ uống,
Người ấy cần phải thí,
Người xứng đáng cúng dường.

Màgha:

489. Thanh niên Màgha thưa:
Tôn giả Gotama,
Ai ưa muốn được cầu,
Là thí chủ, gia chủ,
Mong muốn được phước đức,
Bố thí, mong cầu phước,
Ở đây, thí người khác
Đồ ăn và đồ uống,
Thế Tôn hãy nói con
Nên cúng dường cho ai?

Thế Tôn:

490. Những ai sống ở đời,
Thật sự không nhiễm trước,
Hoàn toàn không sở hữu,
Tự ngã được nhiếp phục,
Đúng thời, đối vị ấy,
Hãy cúng đồ tế tự.
Vị Phạm chí cầu phước,
Hãy bố thí như vậy.

491. Những ai đã chặt đứt,
Mọi kiết sử trói buộc,
Nhiếp phục được giải thoát,

Không dao động, mong cầu.
Đúng thời, đối vị ấy,
Hãy cúng đồ tế tự.
Vị Phạm chí cầu phước,
Hãy bố thí như vậy.

492. Những ai đã giải thoát
Mọi kiết sử trói buộc,
Nhiếp phục được giải thoát,
Không khổ, không mong cầu,
Đúng thời, đối vị ấy,
Hãy cúng đồ tế tự.
Vị Phạm chí cầu phước,
Hãy bố thí như vậy.

493. Vị nào đã đoạn tận,
Tham, sân và cả si,
Các lậu hoặc đã đoạn,
Phạm hạnh đã thành tựu,
Đúng thời, đối vị ấy,
Hãy cúng đồ tế tự.
Vị Phạm chí cầu phước,
Hãy bố thí như vậy.

494. Ai sống không man trá,
Và không có kiêu mạn,
Những vị sống không tham,
Không ngã sở, không cầu,
Đúng thời, đối vị ấy,
Hãy cúng đồ tế tự.
Vị Phạm chí cầu phước,
Hãy bố thí như vậy.

495. Những ai đối với ai,
Không rơi vào hệ lụy,
Vượt khỏi được bộc lưu,
Du hành không ngã sở,
Đúng thời, đối vị ấy,
Hãy cúng đồ tế tự,
Vị Phạm chí cầu phước,
Hãy bố thí như vậy.

496. Với ai không tham ái,
Một vật gì ở đời,
Không ái hữu, phi hữu,
Đời này hay đời sau,
Đúng thời, đối vị ấy,
Hãy cúng đồ tế tự.
Vị Phạm chí cầu phước,
Hãy bố thí như vậy.

497. Những ai từ bỏ dục,
Sống không có gia đình,
Khéo léo biết chế ngự,
Như con thoi, chính trực,
Đúng thời, đối vị ấy.
Hãy cúng đồ tế tự.
Vị Phạm chí cầu phước,
Hãy bố thí như vậy.

498. Những ai, ly tham ái,
Các căn khéo định tĩnh,
Như mặt trăng thoát khỏi,
Nanh vuốt của Ràhu,
Đúng thời, đối vị ấy,
Hãy cúng đồ tế tự.
Vị Phạm chí cầu phước,
Hãy bố thí như vậy.

499. Những ai được an tịnh,
Ly tham, ly phẩn nộ,
Sau khi bỏ đời này,
Không còn có sanh thú,
Đúng thời, đối vị ấy,
Hãy cúng đồ tế tự.
Vị Phạm chí cầu phước,
Hãy bố thí như vậy.

500. Đoạn sanh tử đã xong,
Không còn chút dư tàn,
Nghi ngờ và phân vân,
Tất cả được nhiếp phục,
Đúng thời, đối vị ấy,
Hãy cúng đồ tế tự.
Vị Phạm chí cầu phước,
Hãy bố thí như vậy.

501. Những ai sống ở đời
Tự mình làm hòn đảo,
Không có vật sở hữu,
Giải thoát được trọn vẹn,
Đúng thời, đối vị ấy,
Hãy cúng đồ tế tự.
Vị Phạm chí cầu phước,
Hãy bố thí như vậy.

502. Những ai ngay đời này,
Như thật rõ biết được,
Đây đời sống cuối cùng,
Không còn có tái sanh,
Đúng thời, đối vị ấy,
Hãy cúng đồ tế tự

Vị Phạm chí cầu phước,
Hãy bố thí như vậy.

503. Ai đạt tuệ tối thượng,
Ưa thiền, giữ chánh niệm,
Đạt được sự giác ngộ,
Chỗ quy ngưỡng nhiều người.
Đúng thời, đối vị ấy,
Hãy cúng đồ tế tự,
Vị Phạm chí cầu phước,
Hãy bố thí như vậy.

Màgha:

504. Thật sự câu con hỏi,
Không trống không, vô ích,
Thế Tôn nói cho con,
Những ai đáng cúng dường.
Ở đây Ngài đã biết,
Sự thật như thế nào.
Như vậy chính là pháp,
Ngài được biết như vậy.

505. Rồi thanh niên Màgha,
Lại thưa thêm như sau:
Ai ưa muốn được cầu,
Là thí chủ, gia chủ,
Mong muốn được phước đức,
Bố thí, mong cầu phước,
Ở đây, thí người khác,
Đồ ăn và đồ uống,
Thế Tôn hãy nói con,
Pháp tế tự hoàn toàn.

Thế Tôn:

506. Thế Tôn nói Màgha,
Hãy tế đàn, tế tự,
Phải làm cho trong sạch,
Hoàn toàn mọi tâm tư,
Đối người lễ tế đàn,
Đối tượng là đồ cúng,
Hãy an trú ở đây,
Từ bỏ sự sân hận.

507. Vị ấy đoạn tận tham,
Nhiếp phục cả sân hận,
Tu tập tâm từ bi,
Vô lượng khắp tất cả,
Với hạnh không phóng dật,

Ngày đêm luôn tu tập,
Cùng khắp mọi phương hướng,
Biến mãn vô lượng tâm.

Màgha:

508. Ai trong sạch, giải thoát,
Ai còn bị trói buộc,
Ai với tự thân mình,
Đi đến Phạm Thiên giới?
Vì không biết, con hỏi.
Hãy nói lên, ẩn sĩ,
Mong Thế Tôn chứng giám,
Cho con ngày hôm nay,
Con được thấy Phạm thiên,
Ngài đối với chúng con,
Thật sự Ngài ngang bằng,
Với Phạm thiên không khác,
Ôi! Bậc chói hào quang,
Làm thế nào được sanh,
Lên cảnh giới Phạm thiên?

Thế Tôn:

509. Thế Tôn đáp Màgha:
Ai tổ chức tế đàn,
Đầy đủ cả ba phần,
Tế đàn ấy tăng thịnh,
Với những người được cúng.
Xứng đáng được cúng dường.
Tế đàn như vậy xong,
Chơn chánh muốn được cầu,
Ta nói vị ấy sanh,
Tại cảnh giới Phạm thiên.

Khi nói được như vậy, thanh niên *Màgha* bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả *Gotama!*.

Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả *Gotama!*... Từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

(VI) Kinh *Sabhiya* (Sn 91)

Như vầy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở *Ràjagaha*, tại Trúc Lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Lúc bấy giờ, du sĩ *Sabhiya*, một du sĩ ngoại đạo, được một Thiên nhân trước kia là bà con huyết thống, nói lên những câu hỏi sau đây: "Này *Sabhiya*, vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào, khi được hỏi những câu hỏi này, trả lời cho Ông, thời Ông hãy sống Phạm hạnh với người ấy".

Rồi du sĩ *Sabhiya*, sau khi học những câu hỏi ấy từ vị Thiên nhân ấy, phàm có những Sa-môn, Bà-la-môn nào có hội chúng, có đồ chúng, bậc đạo sư đồ chúng được biết đến, có danh vọng, các ngoại đạo sư, được quần chúng ái mộ, như *Pùrana Kacsapa, Makkhali Gosàla, Ajita Kesa Kambali, Pakudha Kacàyana, Sanjaya Belatthiputta, Nigantha Nàtaputta, Sabhiya* đi đến các vị ấy và hỏi những câu hỏi ấy. Các vị ấy, được du sĩ *Sabhiya* hỏi những câu hỏi ấy, không có thể giải đáp. Do không có thể giải đáp, họ biểu lộ phẫn nộ, sân hận, bất mãn. Họ vặn hỏi trở lại du sĩ *Sabhiya.* Rồi du sĩ *Sabhiya* suy nghĩ như sau: "Các vị Tôn giả, Sa-môn, Bà-la-môn ấy có hội chúng, có đồ chúng, bậc đạo sư, đồ chúng được biết đến, có danh vọng, có ngoại đạo sư, được quần chúng ái mộ, như *Pùrana Kassapa... Nigantha Nàtaputta*. Các vị ấy được ta hỏi những câu hỏi không có thể giải đáp. Do không có thể giải đáp, họ biểu lộ phẫn nộ, sân hận, bất mãn họ vặn hỏi trở lại ta. Vậy ta haỹ trở lui đời sống hạ liệt, thọ hưởng các dục". Rồi du sĩ *Sabhiya* suy nghĩ như sau: "Có Sa-môn *Gotama* này, có hội chúng, có đồ chúng, bậc lãnh đạo hội chúng, được biết đến, có danh vọng, sáng lập ra giáo phái, được quần chúng ái mộ, vậy ta hãy đi đến Sa-môn *Gotama* và hỏi những câu hỏi này. Rồi du sĩ ngoại đạo *Sabhiya* suy nghĩ như sau: "Các vị Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy đã già, đã lớn tuổi, đã đến tuổi trưởng thượng, đã đi quá nửa đời người, đã đạt đến mức cuối tuổi thọ, là những bậc trưởng lão, được nhiều người biết đến, xuất gia đã lâu ngày, có hội chúng, có đồ chúng, bậc lãnh đạo hội chúng, được biết đến, có danh vọng, các ngoại đạo sư được quần chúng ái mộ, như *Pùrana Kassapa... Nigantha Nàtaputta.* Các vị ấy được ta hỏi những câu hỏi, không có thể giải đáp. Do không có thể giải đáp, họ biểu lộ phẫn nộ, sân hận, bất mãn. Và họ vặn hỏi trở lại ta. Không biết Sa-môn *Gotama* có thể trả lời những câu hỏi này của ta. Sa-môn *Gotama* còn trẻ và mới được xuất gia". Rồi du sĩ ngoại đạo *Sabhiya* suy nghĩ như sau: "Không nên gạt bỏ, không nên khinh thường một Sa-môn vì vị ấy còn trẻ tuổi; nếu vị Sa-môn còn trẻ, nhưng vị ấy có đại thần, đại uy lực. Vậy ta hãy đi đến Sa-môn *Gotama* và hỏi những câu hỏi này".

Rồi du sĩ ngoại đạo *Sabhiya* bộ hành ra đi đến *Ràjagaha*, tiếp tục bộ hành, đi đến Vương Xá Trúc Lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc, đi đến Thế Tôn, sau khi đến nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên du sĩ *Sabhiya* nói lên với Thế Tôn những bài kệ:

Sabhiya:

510. Sabhiya nói rằng:
Tôi đến, có nghi ngờ,
Hy vọng có thể hỏi
Những câu hỏi với Ngài.
Mong Ngài chấm dứt được,
Những câu hỏi cho tôi.
Những câu được tôi hỏi,
Hãy thứ lớp giải đáp.

Thế Tôn:

511. Thế Tôn đáp du sĩ:
Ông từ xa đi đến,
Hy vọng có thể hỏi,
Những câu hỏi với Ta,
Ta sẽ chấm dứt được,
Những câu hỏi cho Ông
Những câu được Ông hỏi,
Ta thứ lớp giải đáp.

512. Du sĩ Sabhiya,
Hãy hỏi Ta câu hỏi,

Tuỳ theo ý Ông muốn,
Ông hỏi câu hỏi nào,
Ta sẽ chấm dứt được,
Câu hỏi ấy cho Ông.

Rồi du sĩ *Sabhiya* suy nghĩ như sau: "Thật vi diệu thay! Thật hy hữu thay! Ta không bao giờ có được cơ hội, đối với các Sa-môn, Bà-la-môn khác. Nay cơ hội này được Sa-môn *Gotama* tạo ra cho ta, hân hoan, hoan hỷ, phấn chấn, hỷ lạc " Sabhiya hỏi Thế Tôn câu hỏi:

Sabhiya:

513. Sabhiya hỏi rằng:
Tôn giả Gotama,
Do đạt được những gì,
Được gọi là Tỷ-kheo?
Nhờ gì, gọi nhu hòa?
Thế nào gọi chế ngự?
Và phải như thế nào,
Được gọi bậc Giác ngộ?
Được con hỏi như vậy,
Mong Thế Tôn trả lời.

Thế Tôn:

514. Thế Tôn bèn đáp lại:
Hỡi này Sabhiya,
Ai chính với con đường,
Do tự mình tạo ra,
Đi đến sự tịch mịch,
Vượt qua các nghi hoặc,
Từ bỏ, đoạn tận hẳn
Cả hữu và phi hữu,
Phạm hạnh đã thành tựu,
Tái sanh đã đoạn tận,
Vị ấy được xứng danh,
Gọi là vị Tỷ-kheo.

515. Vị trú xả, chánh niệm,
Tại bất cứ chỗ nào,
Vị không làm hại ai,
Cùng khắp cả thế giới,
Vượt bộc lưu, tịnh ý,
Không có bị dao động,
Vị nào không đột khởi,
Vị ấy gọi nhu hòa.

516. Vị nào có các căn,
Được huấn luyện tu tập,
Cả nội và cả ngoại,
Trong tất cả thế giới,

Vị nào thông suốt được
Đời này và đời sau,
Đúng thời, nghi điều phục,
Vị ấy gọi chế ngự.

517. Ai phân tích các kiếp,
Toàn diện và hoàn toàn,
Luân chuyển cả hai mặt,
Chết đi và sanh lại,
Bụi bặm được dứt sạch,
Không uế nhiễm, thanh tịnh,
Đạt được sanh đoạn diệt,
Vị ấy gọi Phật-đà.

Rồi du sĩ *Sabhiya*, hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, hoan hỷ, hân hoan, phấn khởi, phát sanh hỷ tâm, liền hỏi Thế Tôn thêm câu nữa.

Sabhiya:

518. Sabhiya hỏi rằng:
Tôn giả Gotama,
Do đạt được những gì,
Được gọi là Bà-la-môn?
Nhờ gì, gọi Sa-môn?
Thế nào là tắm sạch?
Và phải như thế nào?
Được gọi là voi chúa?
Được con hỏi như vậy,
Mong Thế Tôn trả lời.

Thế Tôn:

519. Thế Tôn liền đáp lại:
Hỡi này Sabhiya,
Ai loại khỏi ra ngoài,
Tất cả các ác pháp,
Không uế, khéo định tĩnh,
Kiên trì, vững an trú,
Vượt qua được luân hồi,
Hoàn toàn về mọi mặt,
Không y chỉ vị ấy,
Được gọi Bà-la-môn.

520. Được an tịnh, tịch tịnh,
Đoạn tận cả thiện ác,
Không cấu uế, rõ biết,
Đời này và đời sau,
Chế ngự và nhiếp phục,
Cả vấn đề sanh tử,
Vị đức tánh như vậy,

Được gọi là Sa-môn.

521. Ai gột sạch, tắm sạch
Tất cả các ác pháp,
Kể cả trong lẫn ngoài,
Khắp tất cả thế giới,
Giữa chư Thiên, loài Người,
Bị thời kiếp chi phối,
Không rơi vào thời kiếp,
Được gọi đã tắm sạch.

522. Ai không làm điều ác,
Mọi điều ác ở đời,
Tất cả các kiết sử,
Không dính mắc, trói buộc,
Khắp tất cả mọi nơi,
Không dính, không trói buộc,
Vị đức tánh như vậy,
Được gọi là voi chúa.

Rồi du sĩ *Sabhiya* lại hỏi thêm câu nữa:

Sabhiya:

523. Sabhiya hỏi rằng:
Tôn giả Gotama,
Thế nào chư Phật gọi
Vị chiến thắng đất ruộng,
Do gì, gọi là thiện?
Thế nào gọi bậc trí,
Và phải như thế nào
Được gọi là ẩn sĩ?
Được con hỏi như vậy,
Mong Thế Tôn trả lời.

Thế Tôn:

524. Thế Tôn bèn đáp lại:
Hỡi này Sabhiya,
Ai quán sát nhiếp phục,
Ruộng đất thật toàn diện
Chư Thiên và loài Người,
Là đất ruộng Phạm thiên,
Giải thoát được trói buộc,
Cội gốc mọi đất ruộng,
Vị đức tánh như vậy,
Được gọi thắng đất ruộng.

525. Ai quán sát nhiếp phục,
Kho tàng thật toàn diện,

Chư Thiên và loài Người,
Là đất ruộng Phạm thiên,
Giải thoát được trói buộc,
Cội gốc mọi kho tàng,
Vị đức tánh như vậy,
Được gọi vị thiện xảo.

526. Ai quán sát nhiếp phục,
Cả hai tâm và ý,
Cả nội và cả ngoại,
Về trí tuệ thanh tịnh,
Nhiếp phục chế ngự được,
Các pháp đen và trắng,
Vị đức tánh như vậy,
Được gọi bậc Hiền trí,

527. Sau khi đã biết được,
Pháp bất thiện, pháp thiện,
Cả nội và cả ngoại,
Trong tất cả thế giới,
Vị ấy được cúng dường,
Chư Thiên và loài Người,
Vượt qua lưới trói buộc,
Vị ấy gọi ẩn sĩ.

Rồi du sĩ *Sabhiya*... lại hỏi Thế Tôn thêm câu hỏi nữa:

Sabhiya:

528. Sabhiya hỏi rằng:
Tôn giả Gotama,
Do đạt được những gì
Được gọi bậc có trí?
Nhờ gì, gọi tùy trí?
Thế nào xưng tinh tấn?
Thế nào được danh xưng,
Là vị đã thuần thục?
Được con hỏi như vậy,
Mong Thế Tôn trả lời.

Thế Tôn:

529. Thế Tôn liền đáp lại:
Hỡi này Sabhiya,
Ai quán sát Vệ-đà,
Hoàn toàn và toàn diện,
Được Sa-môn, Phạm chí,
Đạt được rất đầy đủ,
Vị ấy gọi ly tham,
Trong tất cả cảm thọ,

Do vượt qua Vệ-đà,
Được gọi bậc Vệ-đà?

530. Do quán sát, quán triệt,
Các hý luận, danh sắc,
Kể cả nội và ngoại,
Về cội gốc bệnh hoạn,
Vị ấy thoát trói buộc,
Cội gốc các bệnh hoạn,
Vị đức tánh như vậy
Được gọi vị rõ biết

531. Vị ở đời từ bỏ
Tất cả các pháp ác,
Với tinh tấn vượt qua,
Mọi khổ đau địa ngục,
Vị ấy có tinh tấn,
Có tinh cần, siêng năng,
Vị đức tánh như vậy,
Được gọi vị có trí.

532. Với ai các trói buộc,
Bị bựt đứt, huỷ hoại,
Nguồn gốc các tham ái,
Vị ấy được giải thoát,
Khỏi tất cả gốc tham,
Vị đức tánh như vậy,
Được gọi vị thuần thục.

Rồi du sĩ *Sabhiya*.. lại hỏi Thế Tôn thêm câu hỏi nữa:

Sahiya:

533. Sabhiya hỏi rằng:
Tôn giả Gotama,
Do đạt được những gì,
Được gọi vị được nghe?
Nhờ gì, gọi bậc Thánh?
Sở hành như thế nào,
Như thế nào được tên,
Là một người du sĩ?
Được con hỏi như vậy,
Mong Thế Tôn trả lời.

Thế Tôn:

534. Thế Tôn bèn đáp lại:
Hỡi này Sabhiya!
Do ở đời được nghe,
Thắng tri tất cả pháp,

Pháp có lỗi, không lỗi,
Phàm mọi pháp ở đời,
Là vị đã chiến thắng,
Đoạn nghi, được giải thoát,
Trọn vẹn không dao động,
Được gọi, vị có nghe.

535. Sau khi đoạn, chặt đứt,
Mọi lậu hoăc chấp trước,
Vị ấy sau khi biết
Không đi đến thai tạng,
Đoạn trừ và từ bỏ,
Ba loại tưởng bùn nhơ,
Không đi vào thời kiếp,
Được gọi là bậc Thánh.

536. Vị nào ở nơi đây,
Thành tựu các giới hạnh,
Thiện xảo mọi lãnh vực,
Rõ biết được Chánh Pháp,
Cùng khắp cả mọi nơi,
Không chấp trước, giải thoát,
Không sân hận một ai,
Được gọi là có hạnh.

537. Ai không làm các nghiệp
Đưa đến quả đau khổ
Phía trên và phía dưới,
Bề ngang và chặng giữa,
Sống với sự liễu tri,
Từ bỏ, không chấp nhận,
Man trá và kiêu mạn,
Tham ái và phẫn nộ,
Làm cho đến cùng tận,
Cả danh và cả sắc,
Vị này đã đạt được,
Tên gọi là du sĩ.

Rồi du sĩ *Sabhiya* hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy; hoan hỷ, hân hoan, phấn chấn, hỷ duyệt sanh khởi, từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thương y vào một bên vai, chấp tay hướng đến Thế Tôn, trước mặt Thế Tôn, thốt lên những câu kệ thích đáng:

538. Ôi, bậc tuệ rộng lớn!
Nhiếp phục sự tụ họp,
Các Sa-môn tranh luận,
Có đến sáu (mươi) ba thuyết,
Các ngôn thuyết văn tự,
Y đây các tưởng khởi,
Vị ấy vượt qua được,
Dòng nước mạnh sanh tử.

539. Ngài đi đến tận cùng,
Đến bờ kia đau khổ,
Bậc La-hán, Chánh Giác,
Con nghĩ Ngài lậu tận,
Ngài chói sáng, thông minh.
Với trí tuệ rộng lớn,
Ngài đoạn tận đau khổ,
Đưa con qua bờ kia.

540. Ngài thấy, Ngài biết rõ
Những điều con nghi ngờ,
Ngài giúp con vượt qua,
Con xin đảnh lễ Ngài,
Bậc ẩn sĩ đạt được,
Con đường thật an tịnh,
Ôi, bà con mặt trời!
Không hoang vu, nhu hòa.

541. Điều xưa con nghi ngờ,
Đều được Ngài giải đáp,
Ôi, bậc có Pháp nhân!
Ngài thật là ẩn sĩ
Bậc Chánh Đẳng, Chánh Giác,
Ngài không còn triền cái.

542. Với Ngài, mọi ưu não,
Được phá tan, đoạn diệt,
Ngài tịnh tịch, chế ngự,
Tâm kiên trì, thành thực.

543. Ngài là bậc long tượng,
Trong các hàng long tượng,
Ngài là đại anh hùng
Chư Thiên đều hoan hỷ,
Cả hai Nàrada,
Và cả Pabbatà,
Đều hoan hỷ tín thọ,
Lời thuyết giảng của Ngài.

544. Chúng con xin đảnh lễ,
Con người thuần thục nhất,
Chúng con xin đảnh lễ,
Con người tối thượng nhất,
Trong cảnh giới Trời, Người,
Không ai sánh được Ngài,

545. Ngài chính là Đức Phật,
Ngài chính là Đạo Sư,
Ngài là bậc ẩn sĩ,
Đã chiến thắng Ác ma,
Ngài chặt đứt tuỳ miên,

Đã vượt qua sanh tử,
Ngài giúp chúng sanh này,
Vượt qua bể sanh tử.

546. Ngài vượt khỏi sanh y,
Ngài phá tan lậu hoặc,
Ngài là bậc sư tử,
Không chấp thủ, chấp trước,
Mọi sợ hãi, hoảng hốt,
Ngài đoạn tận, trừ diệt.

547. Như hoa sen tươi đẹp.
Nước không thể dính vào,
Cũng vậy cả thiện ác,
Cả hai không dính Ngài,
Ôi anh hùng vĩ đại,
Xin Ngài duỗi chân ra,
Sabhiya chúng con,
Đảnh lễ bậc Đạo Sư.

Rồi du sĩ *Sabhiya* lấy đầu đảnh lễ chân Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn!... Con xin quy y Thế Tôn, Pháp và chúng Tỷ-kheo. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn cho con được xuất gia với Thế Tôn, mong cho con thọ đại giới.

- Này *Sabhiya*, ai trước kia thuộc ngoại đạo, nay xin xuất gia, xin thọ đại giới trong Pháp Luật này cần phải sống biệt trú trong bốn tháng. Sau bốn tháng, nếu tâm các Tỷ-kheo thỏa thuận, có thể cho vị ấy xuất gia, cho thọ đại giới để thành vị Tỷ-kheo. Nhưng ở đây, Ta biết sự sai biệt giữa các chúng sanh.

- Bạch Thế Tôn, nếu những ai trước kia thuộc ngoại đạo, nay xin xuất gia, xin thọ đại giới trong Pháp Luật này, sống biệt trú bốn tháng. Sau bốn tháng, nếu tâm các Tỷ-kheo thỏa thuận, có thể cho vị ấy xuất gia, cho thọ đại giới để thành vị Tỷ-kheo, con sẽ sống biệt trú bốn năm. Sau bốn năm, nếu tâm con thỏa thuận hãy cho xuất gia, cho con thọ đại giới để trở thành Tỷ-kheo.

Du sĩ *Sabhiya* được xuất gia với Thế Tôn, được thọ đại giới... rồi Tôn giả *Sabhiya* trở thành một vị A-la-hán.

(VII) Kinh *Sela* (Sn 102-112)

(Xem kinh *Sela*, Trung Bộ Kinh, Tập II)

(VIII) Kinh Mũi Tên (Sn 112)

574. Sinh mạng của loài Người,
Ở đời không ai biết,
Không tướng, nhiều phiền toái,
Nhỏ nhoi, liên hệ khổ.

575. Không có sự gắng nào,
Khiến sống thoát khỏi chết,

Sau khi già là chết,
Pháp hữu tình là vậy.

576. Như các trái chín muồi,
Có sợ bị rơi sớm,
Cũng vậy, người được sanh,
Thường có sợ bị chết.

577. Như người thợ làm ghè
Làm chén bát đất sét,
Cuối cùng, bể tất cả,
Mạng sống người là vậy.

578. Trẻ tuổi và lớn tuổi,
Người ngu và kẻ trí,
Tất cả đi đến chết,
Cuối cùng rồi cũng chết.

579. Những ai chết chi phối,
Đi qua đến đời sau,
Cha không cứu được con,
Hay bà con cứu nhau.

580. Hãy xem, các bà con
Đứng nhìn và than khóc,
Từng người, đi đến chết,
Như bò mang đi giết,

581. Như vậy, thế giới này
Bị già chết chi phối,
Do vậy, bậc nhiều trí,
Biết đời, nên không sầu

582. Ai không biết con đường,
Đường đến và đường đi,
Do không thấy hai ngã,
Than khóc, không lợi ích.

583. Nếu thật sự than khóc,
Đem lại lợi ích gì,
Kẻ ngu tự hại mình,
Người có mắt sẽ làm.

584. Không với sầu, nước mắt,
Khiến nội tâm an tịnh,
Khổ càng tăng trưởng thêm,
Thân càng bị gia hại.

585. Ốm yếu, sắc da tái,
Tự mình hại chính mình,

Kẻ chết không được hộ,
Than khóc thật vô ích.

586. Chúng sanh không bỏ sầu,
Càng gặp nhiều đau khổ,
Càng rên khóc kẻ chết,
Càng bị sau chi phối.

587. Hãy xem các người khác
Đi theo hạnh nghiệp mình,
Rơi vào giới thần chết,
Hữu tình đầy hoảng sợ.

588. Loài Người còn mong ước,
Thế này hay thế khác,
Nhưng sự việc xảy ra,
Hoàn toàn thật sai khác,
Như vậy tánh không có,
Xem định tánh của đời.

589. Nếu loài Người sống được,
Sống hơn một trăm năm,
Rồi không có bà con,
Ở đây, bỏ mạng sống.

590. Do vậy, sau khi nghe
Bậc La-hán thuyết giảng,
Hãy nhiếp phục than van,
Khi thấy kẻ bị chết,
Hãy suy nghĩ như sau,
Ta không còn vị ấy.

591. Như nhà lửa bị cháy,
Nhờ nước, lửa dập tắt,
Cũng vậy, bậc Hiền trí,
Có tuệ trí, thiện xảo,
mau chóng nhiếp phục sầu,
Như bông gió thổi bay.

592. Ai tự tìm hạnh phúc,
Hãy tự mình rút tên,
Mũi tên là than khóc,
Tham cầu tư ưu sầu.

593. Ai đã rút mũi tên,
Không nương tựa nhờ cậy,
Tâm vị ấy đạt được,
Sự an lành an tịnh,
Vượt khỏi mọi ưu sầu,
Tâm không sầu, tịch tịnh.

(IX) Kinh *Vàsettha* (Sn 115)

(Kinh này giống với kinh *Vàsettha,* số 98 của Trung Bộ Kinh, Tập II)

(X) Kinh *Kokàliya* (Sn 123)

Như vầy tôi nghe:

Một thời, Thế Tôn trú ở *Sàvatthi*, tại *Jetavana*, trong khu vườn của ông *Anàthapindika*. Rồi Tỷ-kheo *Kokàliya* đi đến Thế Tôn sau khi đến đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả *Kokàliya* bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, *Sàiputta* và *Moggallàna* là ác dục, bị ác dục chinh phục.

- Này *Kokàliya*, chớ có vậy! Này *Kokàliya,* chớ có vậy! Này *Kokàliya*, tâm hãy tinh tấn đối với *Sàriputta* và *Moggallàna*. Hiền thiện *Sàriputta* và *Moggallàna.*

Lần thứ hai, Tỷ-kheo *Kokàliya* bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, dầu Thế Tôn có lòng tin và tin tưởng, đối với con, *Sàriputta* và *Moggalàna* là ác dục, bị ác dục chinh phục.

- Này *Kokàaliya*, chớ có vậy! Này *Kokàliya*, chớ có vậy! Này *Kokàliya*, tâm hãy tinh tấn đối với *Sàriputta* và *Moggallàna.* Hiền thiện *Sàriputta* và *Moggallàna*

Lần thứ ba, Tỷ-kheo *Kokàliya* bạch Thế Tôn... Hiền thiện là *Sàriputta* và *Moggallàna...*

Rồi Tỷ-kheo *Kokàliya* từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi. Tỷ-kheo *Kokàliya* ra đi không lâu, toàn thân của Tỷ-kheo *Kokàliya* nổi lên những mụt to bằng hạt cải; sau khi lớn lên bằng hột đậu; chúng lớn lên bằng hột đậu lớn; sau khi lớn bằng hột đậu lớn, chúng lớn lên bằng hòn đá; sau khi lớn lên bằng hòn đá, chúng lớn lên bằng trái táo; sau khi lớn lên bằng trái táo, chúng lớn lên bằng trái *àmala*; sau khi lớn lên bằng trái *àmala*, chúng lớn lên bằng trái *vilva*; sau khi lớn lên bằng trái *vilva*, chúng lớn lên bằng trái *billi*, chúng bị phá vỡ, mủ và máu chảy ra.

Rồi Tỷ-kheo *Kokàliya* do bệnh này bị mệnh chung. Bị mệnh chung, Tỷ-kheo *Kokàliya* sanh trong địa ngục Sen hồng, với tâm hận thù đối với *Sàriputta* và *Moggallàna.*

Rồi Phạm thiên *Sahampati* sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng *Jetavana*, đi đến Thế Tôn, sau khi đến đảnh lễ Thế Tôn và đứng một bên. Đứng một bên, Phạm thiên *Sahampati* bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo *Kokàliya* phải sanh vào địa ngục Sen hồng, với tâm hận thù đối với *Sàriputta và Moggallàna.*

Phạm thiên *Sahampati* nói như vậy, sau khi nói xong, đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi biến mất tại chỗ ấy.

Rồi Thế Tôn, sau khi đêm ấy đã qua, liền bảo các Tỷ-kheo:

- Này các Tỷ-kheo, hồi hôm Phạm thiên *Sahampati*, khi đêm gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng

toàn vùng *Jetavana* đi đến Ta, sau khi đến đảnh lễ Ta rồi đứng một bên. Đứng một bên, này các Tỷ-kheo, Phạm thiên *Sahampati* bạch với Ta: "Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo *Kokàliya* đã mệnh chung và Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo *Kokàliya* sau khi mệnh chung đã sanh địa ngục Sen hồng với tâm hận thù đối với *Sàriputta* và *Moggallàna".*

Này các Tỷ-kheo, Phạm thiên *Sahampati* nói như vậy. Sau khi nói xong, đảnh lễ Ta, thân phía hữu hướng về Ta rồi biến mất tại chỗ.

Được nghe nói vậy, một Tỷ-kheo bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, bao nhiêu là tuổi thọ trong địa ngục Sen hồng?

- Thật dài, này Tỷ-kheo, là tuổi thọ trong địa ngục Sen hồng, không dễ gì tính được bao nhiêu năm, bao nhiêu trăm năm, bao nhiêu ngàn năm, hay bao nhiêu trăm ngàn năm.

- Bạch Thế Tôn, có thể tính được chăng bằng ví dụ?

Thế Tôn đáp:

- Có thể được, này Tỷ-kheo. Này Tỷ-kheo, ví như có hột đậu mè nặng hai mươi *khàrika*, theo đo lường nước *Kosala*. Ví dụ sau một trăm năm, một người lấy ra một lần một hột mè. Này Tỷ-kheo, còn mau hơn là bao hột mè, nặng hai mươi ngàn *khàrika* ấy, theo đo lường của nước *Kosala*, đi đến tiêu hao, đi đến hao mòn do phương tiện ấy, so sánh với tuổi thọ ở địa ngục *Abbuda*. Này Tỷ-kheo hai mươi tuổi thọ ở địa ngục *Abbuda;* bằng một tuổi thọ ở địa ngục *Nirabbuda*. Này Tỷ-kheo, hai mươi tuổi thọ ở địa ngục *Nirabbuda*, bằng một tuổi thọ ở địa ngục *Ababa*. Này Tỷ-kheo, hai mươi tuổi thọ ở địa ngục *Ahaha* bằng một tuổi thọ ở địa ngục *Atata*. Này Tỷ-kheo, hai mươi tuổi thọ ở địa ngục *Atata* bằng một tuổi thọ ở địa ngục *Kumuda*. Này Tỷ-kheo, hai mươi tuổi thọ ở địa ngục *Kumuda* bằng một tuổi thọ ở địa ngục *Sogandhika*. Này Tỷ-kheo, hai mươi tuổi thọ ở địa ngục *Sogandhika* bằng một tuổi thọ ở địa ngục *Uppala* (Hoa sen xanh). Này các Tỷ-kheo, hai mươi tuổi thọ ở địa ngục *Uppala* bằng một tuổi thọ ở địa ngục *Pundarika* (Hoa sen). Này Tỷ-kheo, hai mươi tuổi thọ ở địa ngục *Pundarika* bằng một tuổi thọ ở địa ngục *Pudumà*. Này Tỷ Kheo *Kokàliya* sanh tại địa ngục *Pudumà* với tâm hận thù *Sàripputta* và *Moggallàna.*

Thế Tôn nói như vậy. Sau khi nói như vậy, bậc Thiện Thệ lại nói thêm:

657. Phàm con người đã sanh,
Sanh với búa trong miệng,
Kẻ ngu khi nói bậy,
Tự chặt đứt lấy mình.

658. Ai khen kẻ đáng chê,
Ai chê người đáng khen,
Tự chất chứa bất hạnh,
Do lỗ miệng của mình,
Chính do bất hạnh ấy,
Nên không được an lạc.

659. Nhỏ thay bất hạnh này,
Trong canh bạc rủi may,
Do quăng con xúc xắc,

Tài sản bị hoại vong,
Lớn hơn bất hạnh này,
Tự mình gây cho mình,
Với người có ác ý,
Đối chư Phật, Thiện Thệ.

660. Trải thời gian trăm ngàn
Ở Nirabbuda,
Ba mươi sáu và năm
Ở tại Abbuda,
Với lời và ác ý,
Ai phỉ báng bậc Thánh,
Người ấy sẽ rơi vào
Các cõi dữ địa ngục.

661. Kẻ nói không chân thật,
Đi đến cõi địa ngục,
Ai tự mình có làm,
Lại nói: "Tôi không làm",
Cả hai sau khi chết,
Đều được xem đồng đẳng,
Hành động họ hạ liệt,
Đời sau, đồng làm người.

662. Ai khởi lên ác tâm,
Đối người không ác ý,
Đối người sống thanh tịnh,
Không có gì uế nhiễm,
Ác ấy trở lui lại,
Đến với kẻ ngu ấy,
Như bụi bặm nhỏ nhiệm
Quăng ngược chiều gió thổi.

663. Ai hệ lụy đắm trước,
Các chủng loại tham dục,
Người ấy với lời nói,
Chỉ trích các người khác,
Không lòng tin, xan lẫn,
Không rộng rãi với người,
Xan tham và keo kiết,
Quen thói nói xấu người.

664. Này Ông, miệng ác độc,
Không chân thật, không thánh,
Kẻ giết hại sanh linh,
Kẻ ác, kẻ làm ác,
Người hạ liệt, bất hạnh,
Thuộc về loại hạ sanh,
Ở đời, chớ nói nhiều
Ông là dân địa ngục.

*665. Ông rắc rải bụi trần,
Khiến mọi người bất hạnh,
Ông nói xấu bậc hiền,
Làm ác điều tội ác,
Sau khi Ông đã làm
Rất nhiều điều ác hạnh,
Ông đi đến vực thẳm,
Trong thời gian dài dài*

*666. Hành động bất cứ ai,
Không đi đến tiêu diệt,
Rồi nó cũng đến Ông,
Bắt gặp được nghiệp chủ,
Kẻ ngu làm điều ác,
Đời sau thấy mình khổ.*

*667. Nó đi đến tại chỗ
Bị đánh bằng roi sắt,
Tại chỗ có cọc sắt,
Với cạnh lưỡi bén nhọn
Ở đấy nó có được
Các món ăn thích đáng,
Giống như những hòn sắt,
Được nung nấu cháy đỏ,*

*668. Tại đấy không ai nói
Lời nhẹ nhàng an ủi,
Không có ai vội vã,
Đến che chở hộ trì,
Họ bước vào hầm lửa,
Đang cháy đỏ hừng hực.*

*669. Với lưới, kẻ giữ ngục,
Trùm kín bao phủ họ,
Tại đấy với gậy sắt,
Họ hành hạ đánh đập,
Họ đi qua vực đen,
Tối tăm không thấy đường,
Như đi qua đám mù,
Đang dầy đặc tràn rộng.*

*670. Họ đi đến bước vào
Các chum ghè bằng sát,
Họ bước vào hầm lửa,
Đang cháy đỏ hừng hực,
Tại đấy, họ bị nấu,
Trong thời gian lâu dài,
Họ nổi lên chìm xuống,
Trong những hầm lửa ấy.*

671. Rồi kẻ làm điều ác,

Bị nung nấu tại đấy,
Giữa đống mủ và máu,
Xen kẽ và lẫn lộn,
Tùy theo phương hướng nào,
Nó theo chiều hướng nằm,
Ở đấy, bị rửa nát,
Khi bị xúc chạm vào.

672. Trong nước, chỗ trú ẩn
Của các loài côn trùng,
Kẻ làm các điều ác,
Bị nung nấu tại đấy,
Cho đến những bờ bến
Không có cho nó đi,
Vì chum ghè mọi phía,
Đều tròn đầy như nhau.

673. Trong rừng đầy lá gươm,
Sắc bén và mũi nhọn,
Họ đi vào rừng ấy,
Chân tay bị chém đứt
Sử dụng các câu móc,
Chúng móc lưỡi dài ra
Rồi những kẻ ngục tối
Hành hạ đánh giết họ,

674. Họ đi vào cảnh giới,
Gọi Vêtarani,
Khó vượt qua, tràn đầy,
Lưỡi dao, búa sắc bén,
Tại chỗ ấy, kẻ ngu,
Bị rơi, bị rớt vào,
Những kẻ làm điều ác,
Sau khi tạo nghiệp ác.

675. Tại đấy, các chim thú,l
Ăn thịt kẻ rên la,
Những bầy, đàn quạ đen,
Đen thui và lốm đốm,
Các loài chó, dã can,
Cùng với các chim kên,
Các diều hâu, chim quạ,
Xé xác những kẻ ấy.

676. Thật rất là đau khổ
Nếp sống này, tại đấy,
Nếp sống kẻ làm ác,
Loài Người thấy được vậy,
Do vậy, ở đời này,
Với mạng sống còn lại,
Là người làm công việc,

Không biếng nhác thụ động.

677. Những hột mè mang lại,
Địa ngục Paduma,
Được kẻ trí đếm kỹ,
Số đến Nahuta,
Lên đến số năm tỷ,
Tức năm ngàn vạn triệu,
Còn nữa lên đến số,
Một trăm hai mươi ức.

678. Khổ cho đến như vậy,
Địa ngục được nói đến,
Tại đây cần phải sống,
Lâu cho đến như vậy.
Như vậy, giữa những người,
Trong sạch, thiện tốt lành,
Hãy luôn luôn hộ trì,
Lời nói và ý nghĩa.

(XI) Kinh *Nàlaka* (Sn 131)

679. ẩn sĩ Asita,
Trong lúc giữa ban ngày,
Thấy chúng các chư Thiên
Cõi trời Ba mươi ba,
Họ hoan hỷ vui vẻ,
Với y áo, thanh tịnh,
Họ cung kính In-đa,
Các vị ấy cầm áo
Với nhiệt tình nói lên,
Những lời khen tán thán.

680. Thấy chư Thiên hoan hỷ,
Dõng dạc và phấn chấn,
Với tâm tư cung kính,
Ở đây, vị ấy nói.

Asita:

Vì sao chúng chư Thiên
Lại nhiệt tình hoan hỷ?
Họ cầm áo vui múa,
Là do nhân duyên gì?

681. Trong thời gian chiến trận,
Với các Asura,
Dũng sĩ được thắng trận
Asura bại trận,
Thời gian ấy họ không,

Lông tóc dựng ngược dậy,
Họ thấy gì hy hữu,
Chư Thiên hoan hỷ vậy.

682. Họ la lớn ca hát,
Và họ tấu nhạc trời,
Họ múa tay, vỗ tay,
Họ múa nhảy vũ điệu,
Nay ta hỏi các Ông,
Trú đảnh núi Meru,
Các Ngài hãy mau chóng,
Giải tỏa điều ta nghĩ.

Chư Thiên:

683. Tại xứ Lumbini
Trong làng các Thích-ca,
Có sanh vị Bồ Tát,
Báu tối thắng, vô tỷ,
Ngài sanh, đem an lạc,
Hạnh phúc cho loài Người,
Do vậy chúng tôi mừng,
Tâm vô cùng hoan hỷ.

684. Ngài, chúng sanh tối thượng,
Ngài loài Người tối thắng,
Bậc Ngưu vương loài Người,
Thượng thủ mọi sanh loại;
Ngài sẽ chuyển Pháp luân,
Trong khu rừng ẩn sĩ,
Rống tiếng rống sư tử,
Hùng mạnh nhiếp loài thú.

685. Sau khi nghe lời ấy,
ẩn sĩ Asita,
Liền vội vàng bước xuống,
Và đi đến đầu đài,
Của đức vua Tịnh Phạn.
Đến nơi Ngài ngồi xuống,
Nói với các Thích-Ca:
"Hoàng tử nay ở đâu,
Ta nay muốn thấy Ngài".

686. Thấy Thái tử chói sáng
Rực rỡ như vàng chói
Trong lò đúc nấu vàng,
Được thợ khéo luyện thành,
Bừng sáng và rực rỡ,
Với dung sắc tuyệt mỹ,
Họ Thích trình Thái-tử,
Cho ẩn sĩ Tư-đà.

687. Sau khi thấy Thái tử
Chói sáng như lửa ngọn,
Thanh tịnh như sao ngưu
Vận hành giữa hư không,
Sáng chiếu như mặt trời
Giữa trời thu, mây tịnh,
Ẩn sĩ tâm hân hoan
Được hỷ lạc rộng lớn.

688. Chư Thiên cầm ngôi lọng
Đưa lên giữa hư không,
Cây lọng có nhiều cành,
Có hàng ngàn vòng chuyền.
Họ quạt với phất trần,
Có tán vàng, lông thú,
Nhưng không ai thấy được,
Kẻ cầm lọng, phất trần.

689. Bậc ẩn sĩ bện tóc,
Tên Kà-ha-xi-ri,
Thấy Thái tử nằm dài
Trên tấm chăn màu vàng,
Như đồng tiền bằng vàng,
Lại trên đầu Thái tử
Có lông trắng đưa lên,
Tâm ẩn sĩ phấn khởi,
Đẹp ý, lòng hân hoan
Đưa tay bồng Thái tử.

690. Sau khi ẩm bồng lên
Con trai dòng họ Thích,
Bậc cầu đạo tìm hiểu,
Vượt khổ, nhờ tướng, chú,
Tâm tư được hoan hỷ,
Thốt lên lời như sau:
Vị này bậc Vô thượng,
"Tối thượng loài hai chân".

691. Khi vị ấy nghĩ đến,
Số mệnh của tự mình,
Số mệnh không tốt đẹp,
Vị ấy rơi nước mắt,
Thấy vậy, các Thích Ca,
Hỏi ẩn sĩ đang khóc;
"Có sự gì chướng ngại
Sẽ xảy cho Thái tử?".

692. Thấy họ Thích lo lắng,
Vị ẩn sĩ trả lời:
"Ta không thấy bất hạnh
Xảy đến cho Thái tử,

Đối với Thái tử ấy,
Chướng ngại sẽ không có,
Vị này không hạ liệt,
Chớ có lo lắng gì.

693. Thái tử này sẽ chứng
Tối thượng quả Bồ đề,
Sẽ chuyển bánh xe pháp,
Thấy thanh tịnh tối thắng,
Vì lòng từ thương xót,
Vì hạnh phúc nhiều người,
Và đời sống Phạm hạnh,
Được truyền bá rộng rãi.

694. Thọ mạng ta ở đời
Còn lại không bao nhiêu,
Đến giữa đời sống Ngài
Ta sẽ bị mệnh chung.
Ta không được nghe pháp,
Bậc tinh cần vô tỷ,
Do vậy ta sầu não,
Bất hạnh và khổ đau".

695. Sau khi khiến họ Thích,
Sanh hoan hỷ rộng lớn,
Bậc sống theo Phạm hạnh,
Bước ra khỏi nội thành.
Vị ấy vì lòng từ,
Thương con trai của chị,
Khích lệ nó học pháp,
Bậc tinh cần vô tỷ.

696. Khi Ông nghe tiếng Phật,
Từ người khác nói lên,
Bậc đã đạt Bồ-đề,
Đã đi con đường pháp,
Hãy đi đến chỗ ấy,
Hỏi kỹ về đạo pháp,
Và sống đời Phạm hạnh,
Dưới bậc Thế Tôn ấy.

697. Như vậy, được khuyên bảo,
Bởi vị nghĩ hạnh phúc,
Vị thấy ở tương lai,
Đường tối thắng thanh tịnh.
Do vậy Nà-la-ka,
Với phước đức chất chứa,
Sống với căn hộ trì,
Chờ đợi bậc chiến thắng.

698. Khi nghe tin Pháp luân,

Được bậc chiến thắng chuyển,
Đến thấy được hoan hỷ,
Bậc ẩn sĩ Ngưu vương,
Hỏi Mâu ni tối thắng,
Pháp Mâu ni tối thượng,
Như A-xi-ta khuyên
Trong buổi gặp gỡ trước.

(Kệ mở đầu đã xong)

699. Lời A-xi-ta này,
Con biết là như thật,
Con hỏi Gotama,
Đường giải thoát mọi pháp.

700. Không nhà, con đi đến
Tìm hạnh người khất sĩ,
Con hỏi bậc ẩn sĩ
Hãy nói lên cho con,
Con đường đạo tối thượng,
Đưa đến đạo Mâu-ni,

701. Thế Tôn đáp như sau:
Khó hành, khó thực hiện,
Là đạo hạnh Mâu ni,
Ta sẽ cho Ông biết,
Hãy đến lắng tai nghe,
Ta sẽ nói cho Ông,
Hãy vững trí, an thần,
Hãy kiên trì bền chí.

702. Hãy tu hạnh Sa-môn,
Không để bị dao động,
Giữa khen chê trong làng,
Hãy chế ngự tâm sân,
Sống hạnh thật an tịnh,
Không cống cao kiêu mạn.

703. Tiếng cao thấp phát ra,
Như ngọn lửa trong vườn,
Nữ nhân hay cám dỗ,
Chớ cám dỗ ẩn sĩ.

704. Hãy từ bỏ dâm dục,
Xả mọi dục cao thấp.
Đối hữu tình yếu mạnh,
Không đối nghịch, tham đắm.

705. Ta thế nào, họ vậy,
Họ thế nào, Ta vậy,

Lấy ngã làm ví dụ,
Chớ giết, chớ bảo giết.

706. Hãy bỏ dục, bỏ tham,
Đây phàm phu bị nắm,
Bậc có mắt hành đạo,
Vượt địa ngục, loài Người.

707. Bụng đói, ăn chừng mực,
Ít dục, không tham lam.
Vị ấy không ham dục,
Không dục, thật tịch tịnh.

708. Sau khi đi khất thực,
Ẩn sĩ vào rừng sâu,
Đi đến dưới gốc cây,
Sửa soạn ngồi an tịnh.

709. Bậc Hiền trí hành thiền,
Hoan hỷ trong rừng sâu,
Hành thiền dưới gốc cây,
Thỏa mãn sở thích mình.

710. Khi đêm hết, sáng đến,
Cần phải đi đến làng,
Chớ hân hoan khất thực,
Đồ mang từ làng đi.

711. ẩn sĩ không đi gấp,
Đến làng, giữa gia đình,
Tìm ăn, cắt nói chuyện,
Không nói chuyện liên hệ.

712. Nếu được, thật là tốt,
Không được, cũng là tốt,
Nghĩ vậy, cả hai mặt,
Vị ấy trở về cây.

713. Đi với bát cầm tay,
Không câm, dáng như câm,
Chớ khinh, đồ cho ít,
Không chê người đem cho.

714. Bậc Sa-môn thuyết giảng,
Con đường cao và thấp,
Nhưng đến bờ bên kia,
Không có hai con đường,
Tuy vậy chớ nghĩ rằng,
Đường này chỉ là một.

715. Với ai, không có tham,
Tỷ-kheo cắt dòng nước,
Đoạn tận hành thiện ác,
Vị ấy không sầu não.

716. Thế Tôn lại nói thêm:
Ta dạy cho các Ông
Thức tri hạnh ẩn sĩ,
Hãy tu như lưỡi dao,
Với lưỡi ấn nóc họng,
Hãy hạn chế bao tử.

717. Tâm chớ có thụ động,
Nhưng chớ nghĩ quá nhiều.
Không hôi hám, độc lập,
Sống cứu cánh Phạm hạnh

718. Hãy tập ngồi một mình,
Sống đúng hạnh Sa-môn.
Sống một mình được gọi
Là hạnh bậc ẩn sĩ,
Nếu tự mình tìm được
Thoải mái trong cô độc.

719. Hãy chói sáng mười phương,
Sau khi nghe tiếng nói,
Của các bậc hiền sĩ,
Hãy hành thiền, bỏ dục,
Mong đệ tử của Ta,
Tăng trưởng tâm và tín.

720. Hãy học các dòng nước,
Từ khe núi vực sâu.
Nước khe núi chảy ồn,
Biển lớn động im lặng.

721. Cái gì trống kêu to,
Cái gì đầy yên lặng,
Ngu như ghè vơi nước,
Bậc trí như ao đầy.

722. Khi Sa-môn nói nhiều,
Nói liên hệ đến đích,
Tự biết nên thuyết pháp,
Tự biết nên nói nhiều.

723. Ai biết, biết tự chế,
Ai biết, không nói nhiều,
Vị ấy là ẩn sĩ,
Xứng đáng hạnh ẩn sĩ,

Vị ấy là ẩn sĩ,
Đạt được hạnh ẩn sĩ.

(XII) Kinh Hai Pháp Tuỳ Quán (Sn 139)

Như vầy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú tại *Sàvatthi*, ở Đông Viên, tại lâu đài mẹ của Migàra. Lúc bấy giờ, trong ngày trai giới Uposatha, vào ngày rằm, trăng tròn, trong đêm rằm, Thế Tôn ngồi giữa trời với chúng Tỷ-kheo đoanh vây. Rồi Thế Tôn nhìn xung quanh chúng Tỷ-kheo đang yên lặng, nói với các Tỷ-kheo:

- Này các Tỷ-kheo, phàm có những thiện pháp nào thuộc bậc Thánh có khả năng hướng thượng, đưa đến giác ngộ; này các Tỷ-kheo, đối với các thiện pháp thuộc bậc Thánh có khả năng hướng thượng đưa đến giác ngộ ấy do lý do gì các Thầy nghe những pháp ấy? Này các Tỷ-kheo, các Thầy có thể được hỏi như vậy, các Thầy có thể trả lời cho những người câu hỏi ấy như sau: "Vì muốn có như thật trí đối với hai pháp". Và nếu các Thầy nói: "Thế nào là hai?". - "Đây là khổ, đây là khổ tập", đây là tuỳ quán thứ nhất. "Đây là khổ diệt, đây là con đường đưa đến khổ diệt", đây là tùy quán thứ hai.

Này các Tỷ-kheo, như vậy do Tỷ-kheo chơn chánh tùy quán hai pháp, không có phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, được chờ đợi là một trong hai quả sau đây: Được chánh trí ngay trong hiện tại, và nếu có dư y, chứng quả Bất hoàn.

Thế Tôn nói như vậy, Thiện Thệ nói như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

724. Ai không tuệ tri khổ,
Và hiện hữu của khổ,
Và chỗ khổ hoàn toàn
Được đoạn tận không dư,
Vị ấy không biết đường,
Đưa đến khổ an tịnh.

725. Không có tâm giải thoát,
Không có tuệ giải thoát,
Vị ấy không có thể
Đoạn tận sanh và già.

726. Những ai tuệ tri khổ
Và hiện hữu của khổ
Và chỗ khổ hoàn toàn
Được đoạn tận không dư,
Vị ấy biết con đường,
Đưa đến khổ an tịnh.

727. Đầy đủ tâm giải thoát,
Với trí tuệ giải thoát,
Những vị ấy có thể
Với trí tuệ giải thoát,
Đoạn tận sanh và già.

Này các Tỷ-kheo, có thể các Thầy được hỏi thêm nữa như sau: "Có thể có chân chánh tuỳ quán hai

pháp, theo một pháp môn khác không?" Các Thầy cần phải trả lời: "Có thể có". Có thể có như thế nào? "Phàm có khổ gì hiện hữu, tất cả đều do duyên sanh y", đây là tuỳ quán pháp thứ nhất. "Do sự đoạn diệt, ly tham, các sanh y không có dư tàn, khổ không có hiện hữu", đây là tùy quán thứ hai.

- Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chơn chánh tuỳ quán hai pháp, không có phóng dật, nhiệt tâm tinh cần, được chờ đợi là một trong hai quả sau đây: Được chánh trí ngay trong hiện tại, và nếu có dư y, chứng quả Bất hoàn.

Thế Tôn nói như vậy, Thiện Thệ nói như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

728. Chính do duyên sanh y,
Các khổ được sanh khởi,
Tất cả các khổ đau,
Sai biệt ở trên đời,
Ai chính do vô minh
Tạo lên sự sanh y,
Kẻ ngu ấy gặp khổ
Nối tiếp nhau sanh trưởng,
Do vậy vị hiểu biết,
Không tạo lên sanh y,
Tuỳ quán được hiện hữu
Của sanh và của khổ.

Này các Tỷ-kheo, có thể các Thầy được hỏi thêm nữa như sau: "Có thể có chân chánh tùy quán hai pháp theo một pháp môn khác không?" Các Thầy cần phải trả lời: "Có thể có". Có thể có như thế nào? "Phàm có khổ gì hiện hữu, tất cả đều do duyên vô minh", đây là tùy quán thứ nhất. "Do đoạn diệt, ly tham, vô minh không có dư tàn, khổ không có hiện hữu", đây là tùy quán pháp thứ hai.

Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chơn chánh tùy quán hai pháp, không có phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, được chờ đợi là một trong hai quả sau đây: Được chánh trí ngay trong hiện tại, và nếu có dư y, chứng quả Bất hoàn.

Thế Tôn nói như vậy, Thiện Thệ nói như vậy xong, bậc Đạo sư lại nói thêm:

729. Những ai tiếp tục rơi,
Dòng luân chuyển sanh tử,
Đến hữu này hữu khác,
Sanh thú do vô minh.

730. Vô minh này, đại si,
Đưa đến luân chuyển dài,
Chúng sanh, minh đạt được,
Không còn phải tái sanh.

Này các Tỷ-kheo, có thể các Thầy được hỏi thêm nữa như sau:... "Phàm có khổ gì hiện hữu, tất cả đều do duyên các hành", đây là tuỳ quán pháp thứ nhất. "Do đoạn diệt, ly tham, các hành không có dư tàn, khổ không có hiện hữu", đây là tùy quán pháp thứ hai. Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chơn chánh tùy quán hai pháp.

Bậc Đạo sư lại nói thêm:

731. Phàm khổ gì hiện hữu,
Tất cả duyên các hành,
Do đoạn diệt các hành,
Khổ không có hiện hữu.

732. Do biết nguy hiểm này,
Khổ do duyên các hành,
Tịnh chỉ tất cả hành,
Do phá hoại các tưởng,
Như vậy, khổ được diệt,
Biết như thực là vậy.

733. Bậc Hiền trí chánh kiến,
Hiểu biết, với chánh trí,
Nhiếp phục Ma kiết sử,
Không đi đến tái sanh.

Này các Tỷ-kheo, có thể các Thầy được hỏi thêm nữa như sau:... "Phàm có khổ gì hiện hữu, tất cả đều do duyên thức", đây là tùy quán pháp thứ nhất. "Do đoạn diệt, ly tham thức không có dư tàn, khổ không có hiện hữu", đây là tùy quán pháp thứ hai.

Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chơn chánh tùy quán hai pháp, bậc Đạo sư lại nói thêm:

734. Phàm khổ gì hiện hữu,
Tất cả do duyên thức,
Với thức được đoạn diệt,
Khổ không có hiện hữu.

735. Do biết nguy hiểm hày,
Khổ do duyên các thức,
Tỷ-kheo tịnh chỉ thức,
Không dục ái, tịch tịnh.

Này các Tỷ-kheo, có thể các Thầy được hỏi thêm nữa như sau:.... "Phàm có khổ gì hiện hữu, tất cả đều do duyên xúc", đây là pháp tùy quán thứ nhất. "Do đoạn diệt, ly tham xúc không có dư tàn, khổ không có hiện hữu", đây là tùy quán pháp thứ hai.

Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chơn chánh tùy quán hai pháp. Bậc Đạo Sư lại nói thêm:

736. Những ai, xúc chi phối,
Chạy theo dòng sanh hữu,
Những người hành tà đạo,
Xa vời diệt kiết sử.

737. Những ai liễu tri xúc,
Nhờ trí, thích an tịnh,
Do họ thắng tri xúc,
Không dục ái, tịch tịnh.

Này các Tỷ-kheo, có thể các Thầy được hỏi thêm nữa như sau:... "Phàm có khổ gì hiện hữu, tất cả đều

do duyên thọ", đây là pháp tùy quán thứ nhất. "Do đoạn diệt, ly tham thọ không có dư tàn, khổ không có hiện hữu", đây là tùy quán pháp thứ hai. Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chơn chánh tùy quán hai pháp.

Bậc Đạo Sư lại nói thêm:

738. Với lạc thọ, khổ thọ,
Hay bất khổ, bất lạc;
Nội thọ và ngoại thọ,
Phàm có cảm thọ gì.

739. Biết được đây là khổ,
Giả dối bị hủy hoại.
Thấy các xúc hoại diệt,
Như vậy, đây ly tham,
Tỷ-kheo diệt các thọ,
Không dục ái, tịch tịnh.

Này các Tỷ-kheo, có thể các Thầy được hỏi thêm nữa như sau:... "Phàm có khổ gì hiện hữu, tất cả đều do duyên ái", đây là pháp tùy quán thứ nhất. "Do đoạn diệt, ly tham ái, không có dư tàn, khổ không có hiện hữu", đây là tùy quán pháp thứ hai. Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chơn chán tùy quán hai pháp.

Bậc Đạo Sư lại nói thêm:

740. Người có ái bạn đường,
Bị luân chuyển dài dài,
Đến hữu này, hữu khác,
Luân chuyển không dừng nghỉ.

741. Do biết nguy hiểm nầy,
Chính ái tác thành khổ,
Ly ái, không chấp thủ,
Chánh niệm, Tỷ-kheo hành.

Này các Tỷ-kheo, có thể các Thầy được hỏi thêm nữa như sau:.... "Phàm có khổ gì hiện hữu, tất cả đều do duyên thủ", đây là pháp tùy quán thứ nhất. "Do đoạn diệt, ly tham thủ không có dư tàn, khổ không có hiện hữu", đây là tùy quán pháp thứ hai. Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chơn chánh tùy quán hai pháp.

Bậc Đạo Sư lại nói thêm:

742. Do duyên thủ, có hữu,
Do hữu, đi đến khổ,
Từ sanh nên có chết,
Đây hiện hữu của khổ.

743. Do vậy, bậc Hiền trí,
Diệt thủ, nhờ chánh trí,
Nhờ thắng trí sanh diệt,
Không đi đến tái sanh.

Này các Tỷ-kheo, có thể các Thầy được hỏi thêm nữa như sau:... "Phàm có khổ gì hiện hữu, tất cả đều

do duyên khởi xướng", đây là pháp tùy quán thứ nhất. "Do đoạn diệt ly tham khởi xướng không có dư tàn, khổ không có hiện hữu", đây là tùy quán pháp thứ hai. Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chơn chánh tùy quán hai pháp.

Bậc Đạo Sư lại nói thêm:

744. Phàm khổ gì hiện hữu,
Tất cả duyên khởi xướng,
Do đoạn diệt khởi xướng,
Khổ không có hiện hữu.

745. Do biết nguy hiểm này,
Khổ do duyên khởi xướng,
Từ bỏ mọi khởi xướng,
Không khởi xướng, giải thoát.

746. Do đoạn tận hữu ái,
Tâm Tỷ-kheo tịch tịnh,
Vượt khỏi sanh luân chuyển
Vị ấy không tái sanh.

Này các Tỷ-kheo, có thể các Thầy được hỏi thêm nữa như sau:... "Phàm có khổ gì hiện hữu, tất cả đều do duyên thức ăn", đây là pháp tùy quán quán thứ nhất. "Do đoạn diệt, ly tham thức ăn không có dư tàn, khổ không có hiện hữu", đây là tùy quán pháp thứ hai. Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chơn chánh tùy quán hai pháp.

Bậc Đạo Sư lại nói thêm:

747. Phàm khổ gì hiện hữu,
Tất cả duyên thức ăn,
Do đoạn diệt thức ăn,
Khổ không có hiện hữu.

748. Do biết nguy hiểm này,
Khổ do duyên thức ăn,
Liễu tri mọi thức ăn,
Không y mọi thức ăn.

749. Nhờ chánh trí không bệnh,
Đoạn diệt các lậu hoặc,
Thọ dụng các thức ăn,
Giác sát, trú Chánh pháp,
Vị đạt được trí tuệ,
Không rơi vào ước lượng.

Này các Tỷ-kheo, có thể các Thầy được hỏi thêm nữa như sau:... "Phàm có khổ gì hiện hữu, tất cả đều do duyên dao động", đây là pháp tùy quán quán thứ nhất. "Do đoạn diệt, ly tham dao động không có dư tàn, khổ không có hiện hữu", đây là tùy quán pháp thứ hai. Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chơn chánh tùy quán hai pháp.

Bậc Đạo Sư lại nói thêm:

750. Phàm khổ gì hiện hữu,
Tất cả duyên dao động,
Do đoạn diệt dao động,
Khổ không có hiện hữu.

751. Do biết nguy hiểm này,
Khổ do duyên dao động,
Do vậy, bỏ dao động,
Chận dừng lại các hành,
Không có gì chướng ngại
Không chấp thủ, chánh niệm,
Vị Tỷ-kheo bộ hành,
Khắp tất cả chân trời.

Này các Tỷ-kheo, có thể các Thầy được hỏi thêm nữa như sau:... "Ai có nương tựa, thì bị dao động", đây là pháp tùy quán quán thứ nhất. "Ai không có nương tựa, không bị dao động", đây là pháp tùy quán thứ hai. Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chơn chánh tùy quán hai pháp.

Bậc Đạo Sư lại nói thêm:

752. Không nương tựa, không động,
Nương tựa có chấp thủ,
Chấp hữu này, hữu khác,
Không chinh phục luân chuyển.

753. Sau khi rõ biết được,
Nguy hiểm tai hại nầy,
Trong các sự nương tựa,
Có sợ hãi lớn lao,
Không nương tựa y chỉ,
Không chấp thủ, chánh niệm,
Vị Tỷ-kheo bộ hành,
Khắp tất cả chân trời.

Này các Tỷ-kheo, có thể các Thầy được hỏi thêm nữa như sau: "Có thể có như thế nào?" Này các Tỷ-kheo "Các pháp vô sắc an tịnh hơn các sắc pháp", đây là pháp tùy quán thứ nhất. "Sự đoạn diệt an tinh hơn các pháp vô sắc", đây là pháp tùy quán thứ hai. Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chơn chánh tùy quán hai pháp.

Bậc Đạo Sư lại nói thêm:

754. Chúng sanh thuộc sắc giới,
Chúng sanh trú vô sắc,
Không tuệ tri đoạn diệt,
Chúng đi đến tái sanh.

755. Những ai liễu tri sắc,
Khéo an trú vô sắc,

Giải thoát trong đoạn diệt,
Họ từ bỏ sự chết.

Này các Tỷ-kheo, có thể các Thầy được hỏi thêm nữa như sau: "Có thể có như thế nào?" Này các Tỷ-kheo, "Cái gì được thế giới với chư Thiên, các Ma, các Phạm thiên, được thế giới này với quần chúng Sa-môn và Bà-la-môn, với chư Thiên và loài Người suy tưởng: "Đây là sự thật", cái ấy được các vị Thánh khéo thấy như thật với chánh trí tuệ là: "Cái này là hư vọng", đây là pháp tùy quán thứ nhất. Này các Tỷ-kheo, "Cái gì được thế giới với chư Thiên, các Ma, các Phạm thiên, được thế giới này với quần chúng Sa-môn và Bà-la-môn, với chư Thiên và loài Người suy tưởng: "Đây là hư vọng", cái ấy được các vị Thánh khéo thấy như thật với chánh trí tuệ là: "Cái này là chân thật", đây là pháp tùy quán thứ hai. Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chơn chánh tùy quán hai pháp.

Bậc Đạo Sư lại nói thêm:

756. Hãy xem thế giới nầy,
Với thế giới chư Thiên,
Hoan hỷ với phi ngã,
An trú trên danh sắc,
Nghĩ rằng danh sắc này
Là chân thật không ngụy.

757. Dầu họ nghĩ thế nào,
Khi danh sắc đổi khác,
Danh sắc là hư vọng,
Giả dối sống tạm bợ,

758. Niết-bàn không hư ngụy,
Bậc Thánh chân thật biết,
Họ thắng tri chân thật,
Không ái dục, tịch tịnh.

Này các Tỷ-kheo, có thể các Thầy được hỏi thêm nữa như sau: "Có thể có như thế nào?" Này các Tỷ-kheo, "Cái gì được thế giới với chư Thiên, các Ma, các Phạm thiên, được thế giới này với quần chúng Sa-môn và Bà-la-môn, với chư Thiên và loài Người suy tưởng: "Đây là an lạc", cái ấy được các vị Thánh khéo thấy như thật với chánh trí tuệ là: "Cái này là khổ", đây là pháp tùy quán thứ nhất. Này các Tỷ-kheo, "Cái gì được thế giới với chư Thiên, các Ma, các Phạm thiên, được thế giới này với quần chúng Sa-môn và Bà-la-môn, với chư Thiên và loài Người suy tưởng: "Đây là khổ", cái ấy được các vị Thánh khéo thấy như thật với chánh trí tuệ là: "Cái này là lạc", đây là pháp tùy quán thứ hai. Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chơn chánh tùy quán hai pháp.

Bậc Đạo Sư lại nói thêm:

759. Sắc, tiếng, hương, vị, xúc,
Tất cả những pháp này,
Khả lạc, hỷ, khả ý,
Khi nào chúng hiện hữu.

760. Thế giới với chư Thiên
Xem chúng là khả lạc,
Khi chúng bị hoại diệt,

Mới thấy chúng là khổ.

761. Bậc Thánh thấy là lạc,
Khi có thân đoạn diệt,
Đây hoàn toàn trái ngược,
Điều mọi giới được thấy.

762. Điều người khác gọi lạc,
Bậc Thánh gọi là khổ,
Điều người khác gọi khổ,
Bậc Thánh biết là lạc,
Hãy xem pháp khó biết,
Kẻ không thấy mê mờ.

763. Kẻ bị che, tối tăm,
Kẻ không thấy, tối mù,
Bậc thiện, được rộng mở,
Bậc thấy, được ánh sáng,
Kẻ ngu dầu có gần,
Cũng không biết con đường,
Cũng không có thiện xảo,
Đối Chánh pháp Phật dạy.

764. Bị hữu tham chiến bại,
Bị trôi theo dòng hữu,
Rơi vào Ma chi phối,
Pháp này khó chánh giác.

765. Ai ngoài các bậc Thánh,
Xứng đáng đạo chánh giác.
Do chánh trí đạo ấy
Chứng vô lậu Niết-bàn.

Thế Tôn thuyết như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỉ tín thọ lời Thế Tôn dạy. Trong khi pháp này được giảng, tâm của hơn sáu mươi Tỷ-kheo giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.

CHƯƠNG IV
PHẨM TÁM

(I) Kinh Về Dục (Sn 151)

766. Ai ao ước được dục,
Nếu dục được thành tựu,
Chắc tâm ý hoan hỷ,
Được điều con người muốn.

767. Nếu người có dục ấy,
Ước muốn được sanh khởi,
Các dục ấy bị diệt,
Bị khổ như tên đâm.

768. Ai tránh né các dục
Như chân tránh đầu rắn,
Chánh niệm vượt thoát được,
Ái triền này ở đời.

769. Người nào tham đắm dục,
Ruộng đất, vàng, bò, ngựa,
Người nô tỳ, phục vụ,
Nữ nhân và bà con.

770. Như người không sức lực,
Bị các dục chinh phục,
Tai họa dẫm đạp nó,
Khổ đau bước theo nó,
Như nước ùa tràn vào,
Chiếc thuyền bị vỡ nát.

771. Do vậy người thường niệm,
Từ bỏ các loài dục,
Bỏ dục, vượt bộc lưu,
Tát thuyền đến bờ kia.

(II) Kinh Hang Động tám kệ (Sn 151)

772. Chúng sanh vào trong hang,
Chấp chặt bị bao trùm,
Người có thái độ vậy,
Chìm sâu trong si mê.
Hạnh viễn ly với nó,
Như vậy thật xa vời,
Các dục ở trong đời,
Không dễ gì đoạn tận.

773. Dục cầu làm nhân duyên,
Bị lạc hữu trói buộc,
Họ rất khó giải thoát,

Không thể có người khác,
Đến giải thoát cho mình,
Họ cầu việc đã qua,
Họ mong việc chưa lại;
Họ tham đắm các dục,
Những dục này hiện tại,
Và những dục quá khứ.

774. Ai tham đắm các dục,
Bị trí buộc si mê,
Họ xan tham keo kiết.
An trú trên bất chánh,
Khi rơi vào đau khổ,
Họ sầu muộn than khóc,
Ở đây sau khi chết,
Tương lai sẽ thế nào?

775. Do vậy ở tại đây,
Con người cần học tập,
Những gì mình biết được,
Là bất chánh ở đời.
Do nhân duyên như vậy,
Mà sống không bất chánh,
Vì rằng bậc Thánh nói:
Ngắn thay, sanh mạng này.

776. Ta thấy ở trên đời,
Loài Người run, sợ hãi,
Đi đến khát ái này,
Trong những loại sanh hữu.
Phàm những người thấp kém,
Than van trước miệng chết,
Chưa viễn ly khát ái,
Đối với hữu, phi hữu.

777. Hãy nhìn những người ấy,
Run sợ trong tự ngã,
Như cá chỗ ít nước,
Trong dòng sông khô cạn,
Thấy được sự kiện này,
Hãy sống không của ta,
Không làm sự việc gì,
Khiến tham đắm các hữu.

778. Hãy nhiếp phục ước muốn,
Đối với hai cực đoan,
Nhờ liễu tri các xúc,
Không còn có tham đắm,
Cái gì tự ngã trách,
Cái ấy không có làm,
Bậc trí không bị nhớp,

Bởi những gì thấy nghe.

779. Do liễu tri các tưởng,
Vượt qua khỏi bộc lưu,
Bậc Mâu-ni không nhiễm,
Đối với mọi chấp thủ,
Với mũi tên rút ra,
Sở hành không phóng dật,
Không cầu mong đời này,
Không mong ước đời sau.

(III) Kinh Sân Hận tám kệ (Sn 153)

780. Thật có một số người
Nói lên với ác ý,
Và thật cũng có người,
Nói lên ý chân thật.
Dầu có lời nói gì,
ẩn sĩ không liên hệ,
Do vậy bậc Mâu-ni,
Không chỗ nào hoang vu.

781. Người ước muốn dắt dẫn,
Thiên trú điều sở thích,
Làm sao từ bỏ được,
Điều tà kiến của mình,
Khi tự mình tác thành,
Quan điểm riêng của mình,
Như điều nọ được biết,
Hãy để nó nói vậy.

782. Người không có ai hỏi,
Lại nói cho người khác,
Biết đến những giới cấm,
Của tự cá nhân mình.
Bậc thiện xảo nói rằng,
Như vậy không Thánh pháp,
Nếu ai tự nói lên
Lời tán thán tự ngã.

783. Vị Tỷ-kheo an tịnh,
Sống hết sức tịch tịnh,
Khi tán thán giới đức,
Không nói "Tôi là vậy".
Bậc thiện xảo nói rằng
Như vậy là Thánh pháp
Với vị ấy đề cao,
Ở đời, không khởi lên.

784. Với những ai các pháp,
Được sửa soạn tác thành,

Được đặt ra phía trước,
Không phải không tranh luận,
Khi đã thấy lợi ích,
Trên tự thân của mình,
Y đấy, duyên dao động,
Đạt được sự tịch tịnh.

785. Đối với các thiên kiến,
Không dễ gì vượt qua,
Thẩm sát các pháp xong,
Mới tác thành chấp trước.
Do vậy là con người,
Đối với trú xứ ấy,
Có khi quyết từ bỏ,
Có khi chấp nhận Pháp.

786. Vị tẩy sạch loại bỏ,
Không tìm được ở đời,
Các kiến được sửa soạn,
Đối với hữu, phi hữu.
Bỏ man trá, kiêu mạn,
Vị tẩy sạch loại bỏ,
Vị ấy đi với gì,
Vị ấy không chấp thủ.

787. Với ai có chấp thủ,
Bị chỉ trích trong Pháp,
Với ai không chấp thủ,
Lấy gì có thể nói?
Chính đối với vị ấy,
Ngã, phi ngã đều không,
Vị ấy đã tẩy sạch,
Mọi tà kiến ở đời.

(IV) Kinh Thanh Tịnh Tám Kệ (Sn 154)

788. Ta thấy vị thanh tịnh,
Vị tối thượng, không bệnh,
Sự thanh tịnh con người,
Với tri kiến, đạt được.
Nắm giữ quan điểm này.
Xem đấy là tối thượng,
Vị này sẽ xem trí,
Là tùy quán thanh tịnh.

789. Nếu thanh tịnh con người,
Do tri kiến đạt được,
Hay với trí vị ấy,
Từ bỏ sự đau khổ
Vị ấy có sanh y,
Ngoài Thánh đạo được tịnh,

Vị ấy nói như vậy,
Do tri kiến cá nhân.

790. Bà-la-môn không nói,
Ngoài Thánh đạo được tịnh,
Với điều được thấy nghe,
Giới đức, được thọ tưởng;
Với công đức, ác đức,
Vị ấy không nhiễm trước,
Từ bỏ mọi chấp ngã,
Không làm gì ở đời.

791. Từ bỏ tri kiến cũ,
Y chỉ tri kiến mới,
Đi đến sự tham đắm,
Không vượt qua ái dục;
Họ nắm giữ chấp trước,
Họ từ bỏ xa lánh,
Như khỉ thả cành này,
Rồi lại nắm cành khác,

792. Người tự mình chấp nhận,
Các chủng loại giới cấm,
Đi chỗ cao chỗ thấp,
Sống bị tưởng chi phối;
Người có trí rộng lớn,
Nhờ trí tuệ, quán pháp,
Có trí, không đi đến
Các pháp cao và thấp.

793. Vị ấy đạt thù thắng,
Trong tất cả các pháp,
Phàm có điều thấy, nghe,
Hay cảm thọ, tưởng đến;
Với vị tri kiến vậy,
Sống đời sống rộng mở,
Không bị ai ở đời,
Có thể chi phối được.

794. Họ không tác thành gì,
Họ không đề cao gì,
Họ không có nói lên,
Đây tối thắng thanh tịnh,
Không dính líu tham đắm,
Mọi chấp trước triền phược,
Họ không tạo tham vọng,
Bất cứ đâu ở đời.

795. Với vị Bà-la-môn
Đã vượt khỏi biên giới,
Sau khi biết và thấy,

Không có kiến chấp trước.
Tham ái không chi phối,
Cũng không tham, ly tham,
Vị ấy ở đời này,
Không chấp thủ gì khác.

(V) Kinh Tối Thắng Tám Kệ (Sn 156)

796. Ai thiên trú trong kiến,
Xem kiến ấy tối thắng,
Ở đời đặt kiến ấy,
Vào địa vị tối thượng.
Người ấy nói tất cả,
Người khác là hạ liệt,
Do vậy không vượt khỏi,
Sự tranh luận ở đời.

797. Khi nó thấy lợi ích,
Đến với tự ngã nó,
Đối với vật thấy nghe,
Giới đức hay thọ tưởng;
Vị ấy ở tại đấy,
Liền chấp trước nắm giữ,
Nó thấy mọi người khác,
Là hạ liệt thấp kém.

798. Người y chỉ kiến ấy,
Thấy người khác hạ liệt,
Bậc thiện nói như vậy,
Đấy là sự trói buộc;
Do vậy đối thấy nghe,
Thọ, tưởng hay giới cấm,
Bậc Tỷ-kheo không có
Y chỉ, nương tựa vào.

799. Chớ có tác thành ra
Tri kiến ở trên đời,
Từ ở nơi chánh trí,
Hay từ nơi giới đức,
Không bận tâm so sánh,
Tự ngã bằng người khác,
Không có suy nghĩ đến,
Đây "liệt " hay đây "thắng".

800. Đoạn tận, từ bỏ ngã,
Không chấp thủ sự gì,
Không tác thành, dựng nên,
Nương tựa ở nơi trí,
Chân thật giữa tranh chấp
Không theo phe phái nào,
Vị ấy không đi theo

Một loại tri kiến nào.

801. Với ai, hay cực đoan,
Không có hướng nguyện gì,
Với hữu và phi hữu,
Hay đời này đời sau,
Vị ấy không an trú,
Tại một trú xứ nào,
Từ bỏ mọi chấp thủ,
Đối với tất cả pháp.

802. Đối vị ấy ở đây,
Những gì được thấy nghe,
Được cảm thọ tưởng đến,
Chút suy tưởng cũng không;
Vị Bà-la-môn ấy
Không chấp thủ tri kiến,
Không ai ở đời này
Có thể chi phối được.

803. Họ không tác thành gì,
Họ không đề cao gì,
Các pháp không được họ,
Chấp trước nắm giữ gì
Không một Phạm chí nào,
Bị giới cấm dắt dẫn,
Đi đến bờ bên kia,
Vị ấy không trở lui.

(VI) Kinh Già (Sn 158)

804. Sinh mạng này ngắn thay,
Trong trăm năm, rồi chết,
Nếu ai sống hơn nữa,
Rồi cũng chết vì già.

805. Loài Người sầu vì ngã,
Mọi chấp thủ vô thường,
Trống không là đời này,
Thấy vậy sống không nhà.

806. Vì loài Người nghĩ rằng
Cái này là của tôi,
Cái ấy bị sự chết,
Làm hoại diệt hư tàn.
Biết vậy, bậc Hiền trí,
Không gọi, không hướng đến,
Cái này ngã của ta,
Cái này là của ta.

807. Như những gì hiện lên,
Trong giấc ngủ mộng mị,
Con người khi tỉnh dậy,
Không còn thấy được gì.
Cũng vậy ở đời này,
Người được ưa, ái luyến,
Rồi sẽ chết mất đi,
Không ai còn thấy được.

808. Các loại hạng người ấy
Được thấy và được nghe,
Nên họ được gọi tên,
Tên này hay tên khác.
Với người đã chết đi,
Chỉ được gọi tên không,
Vì chỉ có tên suông,
Sẽ được còn tồn tại.

809. Tham đắm cái của ta,
Họ không có từ bỏ,
Sầu khổ và than van,
Cùng xan tham keo kiết.
Do vậy bậc ẩn sĩ,
Sau khi bỏ chấp thủ,
Đã sống một đời sống,
Thấy được sự an ổn.

810. Đối với vị Tỷ-kheo
Sống thanh vắng một mình,
Sống tu tập tâm ý,
Hướng đến hạnh viễn ly,
Nếp sống vậy được nói,
Hòa hợp với vị ấy,
Và không nêu tự ngã,
Trong hiện hữu của mình.

811. Vị ẩn sĩ không tựa,
Không y chỉ một ai,
Không làm thành thương yêu,
Không tác thành ghét bỏ.
Do vậy trong sầu than,
Trong xan tham keo kiết,
Như nước trên lá cây,
Không dính ướt làm nhơ.

812. Giống như một giọt nước,
Không dính ướt hoa sen,
Như nước trên bông sen,
Khôn dính ướt làm nhơ.
Đối với vật thấy nghe,
Được cảm thọ tưởng đến,

Cũng vậy bậc ẩn sĩ
Không dính ướt tham đắm.

813. Do vậy bậc tẩy sạch,
Không có suy tư đến,
Điều được thấy được nghe,
Được cảm thọ tưởng đến.
Vị ấy muốn thanh tịnh,
Không có dựa gì khác,
Vị ấy không tham đắm,
Cũng không có ly tham.

(VII) Kinh *Tissametteyya* (Sn 160)

814. Tissa Metteyya,
Tôn giả nói như sau:
Thế Tôn hãy nói lên,
Sự tai hại của người,
Đắm say về dâm dục,
Sau khi nghe, chúng con
Sẽ học tập lời Ngài,
Lời dạy về viễn ly.

815. Thế Tôn nói như sau:
Hỡi này Metteyya,
Ai đắm say dâm dục,
Quên mất lời giảng dạy,
Rơi vào đường tà vạy,
Nếp sống ấy không thánh.

816. Ai trước sống một mình,
Nay rơi vào dâm dục,
Như xe bị nghiêng ngã,
Người ấy ở trong đời,
Được gọi là phàm phu,
Được gọi là hạ liệt.

817. Tiếng tốt có từ trước,
Người ấy bị tổn giảm,
Thấy vậy hãy học tập,
Từ bỏ sự dâm dục.

818. Chi phối bởi suy tư,
Trầm ngâm như kẻ nghèo,
Nghe tiếng trách người khác,
Như kẻ bị thất vọng.

819. Bị người khác buộc tội,
Nó làm các đao kiếm,
Trở thành người tham lớn,

Chấp thủ điều vọng ngôn.

820. Được danh là Hiền trí,
An trú sống một mình,
Nếu rơi vào dâm dục,
Sầu não như kẻ ngu.

821. Thấy nguy hại như vậy,
Bậc ẩn sĩ trước sau,
Kiên trì sống cô độc,
Không thực hành dâm dục.

822. Hãy học tập viễn ly,
Đây hạnh thánh tối thượng,
Không nghĩ mình tối thắng,
Dầu gần được Niết-bàn.

823. Sở hành bậc ẩn sĩ,
Trống không, không mong dục,
Bậc vượt khỏi bộc lưu,
Được các người ở đời,
Bị tham dục trói buộc,
Ganh tị và thèm muốn.

(VIII) Kinh *Pasùra* (Sn 161)

824. Ở đây chính thanh tịnh,
Họ thuyết giảng như vậy,
Họ nói trong pháp khác,
Không có sự thanh tịnh,
Họ nói chỗ y chỉ,
Ở đây là thanh tịnh,
Họ rộng rãi an trú,
Trong sự thật của mình.

825. Những ai muốn tranh luận,
Sau khi vào hội chúng,
Họ công kích lẫn nhau,
Họ gọi nhau là ngu,
Họ đi đến người khác,
Và khởi lên tranh luận,
Họ muốn được tán thán,
Họ gọi chúng thiện xảo.

826. Ham mê thích tranh luận,
Ở giữa các hội chúng,
Ước muốn được tán thán,
Họ sợ hãi thất bại,
Khi bị đánh thất bại,
Họ trở thành rủn chí,

Bị chê, họ nổi giận,
Kẻ tìm lỗi người khác.

827. Khi các nhà thẩm sát,
Phê bình các câu hỏi,
Tuyên bố cuộc tranh luận,
Đi đến chỗ thất bại,
Kẻ nói lời hạ liệt,
Than khóc và sầu não,
Họ rên rỉ than van,
Nó đã đánh bại ta.

828. Giữa các vị Sa-môn,
Các tranh luận khởi lên,
Trong các tranh luận này,
Có chiến thắng chiến bại.
Do thấy rõ như vậy,
Không vui thích tranh luận
Dầu có được tán thán,
Cũng không lợi ích gì.

829. Hay trong tranh luận này,
Nó được lời tán thán,
Sau khi đã nói lên,
Chính giữa các hội chúng.
Do vậy nó vui cười,
Nó tự hào kiêu hãnh,
Đạt được mục đích ấy,
Như tâm ý nói lên.

830. Cái làm nó cống cao,
Cũng là đất hại nó,
Tuy vậy nó vẫn nói,
Lời cống cao kiêu mạn,
Khi thấy được như vậy,
Hãy đừng có tranh luận,
Bậc thiện xảo nói rằng,
Thanh tịnh không do vậy.

831. Cũng như bậc anh hùng,
Nuôi dưỡng đồ ăn vua,
La hét muốn tìm cầu,
Một địch thủ anh hùng,
Ôi anh hùng hãy tránh,
Chỗ nào có vị ấy,
Từ trước đã không có,
Sự đấu tranh như vậy.

832. Những ai chấp tri kiến,
Tranh luận về kiến ấy,
Tuyên bố thuyết giảng rằng:

Chỉ đây là sự thật,
Ông hãy nói với họ,
Ở đây không tranh luận,
Ông hãy nói thêm rằng
Ở đây không địch thủ.

833. Cuộc chiến đấu đã tàn,
Những ai sống như vậy,
Không có sự va chạm,
Giữa kiến này kiến khác,
Hỡi này Pasùra!
Ông được gì nơi họ,
Với người không chấp thủ,
Một sự gì tối thượng?

834. Vậy Ông hãy đi đến,
Suy tư ngẫm nghĩ kỹ,
Với tâm ý suy tư,
Trên những loại tri kiến,
Hãy hoà đồng chung hợp,
Với bậc đã tẩy sạch,
Ông không có thể không
Cùng vị ấy tiến bước.

(IX) Kinh *Màgandiya* (SN 163)

Thế Tôn:

835. Sau khi thấy khát ái,
Bất lạc và tham đắm,
Không thể có ưa muốn,
Đối với sự dâm dục.
Sao, với bao đầy tràn,
Nước tiểu, phân uế này,
Ta không có ước muốn,
Với chân động chạm nó.

Màgandiya:

836. Nếu Ngài không ước muốn:
Ngọc báu như thế này,
Nữ nhân được mong cầu,
Bởi rất nhiều đế vương,
Hãy nói như thế nào,
Là tri kiến của Ngài,
Giới cấm và sinh mạng,
Cùng sự hữu phát sanh.

Thế Tôn:

837. Thế Tôn liền trả lời,
Cho Màgandiya,
Với Ta không có nói,
Ta nói như thế này,
Sau khi quán sát kỹ
Sự chấp thủ trong pháp,
Trong tất cả tri kiến,
Ta không có chấp trước,
Ta thấy sự cất chứa,
Tịch tịnh trong nội tâm.

Màgandiya:

838. Màgandiya nói:
Các lý thuyết quyết định,
Ngài nói vị ẩn sĩ,
Không nắm giữ thuyết nào.
Còn về ý nghĩa này,
Của hai chữ nội tịnh,
Thế nào là bậc Hiền trí,
Hiểu biết hai chữ ấy?

Thế Tôn:

839. Thế Tôn nói như sau:
Này Màgandiya,
Không phải từ tri kiến,
Từ truyền thống, từ trí,
Không phải từ giới cấm,
Thanh tịnh được đem đến.
Người ta nói như vậy,
Nhưng cũng không phải là
Không kiến, không truyền thống,
Không trí, không giới cấm,
Từ bỏ tất cả chúng,
Không chấp thủ sự gì,
Bậc thiện không y chỉ,
Không ước muốn sanh hữu.

Màgandiya:

840. Màgandiya nói:
Nếu không từ tri kiến,
Từ truyền thống, từ trí,
Không phải từ giới cấm,
Thanh tịnh được đưa đến.
Người ta nói như vậy,
Cũng không phải không kiến,
Không truyền thống, không trí,
Không giới luật giới cấm,
Thanh tịnh được đem đến

Con nghĩ rằng pháp vậy,
Là pháp kẻ ngu si,
Vì rằng thật có người,
Nhờ kiến đến thanh tịnh.

Thế Tôn:

841. Thế Tôn nói như sau:
Này Màgandiya,
Nếu y vẫn tri kiến,
Ông còn tiếp tục hỏi,
Chính do những chấp thủ,
Đi đến sự ngu si,
Từ đó, Ông không thấy,
Một chút gì về tưởng,
Do vậy, Ông chớ thấy,
Tất cả là ngu si.

842. Bằng ta thắng hơn ta,
Hay thấp kém hơn ta,
Ai suy nghĩ như vậy,
Do vậy đấu tranh khởi,
Ai không bị dao động
Bởi ba vấn đề ấy,
Như vậy, đối vị ấy,
Không bằng, không thù thắng.

843. Sao Bà-la-môn ấy
Lại nói: "Đây sự thật ",
Đây chính là nói láo,
Để gây nên tranh luận,
Với ai không hề có,
Bằng nhau, không bằng nhau.
Do đâu nó có thể,
Mắc vào tranh luận được.

844. Đoạn tận mọi nhà cửa,
Sống là kẻ không nhà,
Ẩn sĩ không thân thiết,
Với một ai ở làng,
Trống không các dục vọng,
Không xem trọng sự gì,
Không nói chuyện tranh luận,
Với một ai ở đời.

845. Vị ấy sống viễn ly,
Mọi sự việc ở đời,
Bậc Long tượng không chấp,
Và không nói đến họ.
Như hoa sen có gai,
Sanh ra ở trong nước,

Không bị nước và bùn,
Mắc dính và thấm ướt.
Như vậy bậc ẩn sĩ,
Nói an tịnh, không tham,
Không bị dục và đời,
Mắc dính và thấm ướt.

846. Bậc trí, không do kiến,
Cũng không do thọ tưởng,
Đi đến sự kiêu mạn,
Không có tham dự vào,
Không để cho hành động,
Cho truyền thống dắt dẫn,
Không để bị chi phối,
Trong trú xứ của ý.

847. Người không ưa thích tưởng,
Không có bị trói buộc,
Vị được tuệ giải thoát,
Không có sự si mê,
Và những ai chấp thủ,
Tư tưởng và tri kiến,
Người ấy sống xung đột,
Với mọi người ở đời.

(X) Kinh Trước Khi Bị Hủy Hoại (Sn 166)

Người hỏi:

848. Người sống đời an tịnh,
Kiến và giới thế nào?
Con hỏi Gotama,
Là bậc người tối thượng.

Thế Tôn:

849. Thế Tôn đáp như sau:
Ly ái trước thân hoại,
Không y chỉ ban đầu,
Không y chỉ cuối cùng,
Không kể đến vật giữa,
Không có ưa thích nào.

850. Không phẫn nộ, không sợ,
Không khoa đại, không hối,
Nói hòa nhã, không động,
Bậc ẩn sĩ thận ngôn.
Không ước vọng tương lai,
Không sầu muộn quá khứ,
Thấy viễn ly giữa xúc,

Không để kiến dắt dẫn.

852. Sống riêng, không man trá,
Không thích, không xan tham,
Không xông xáo nhàm chán,
Không đi đến hai lưỡi.

853. Không mê vật khả ái,
Cũng không có quá mạn,
Nhu hòa, nhưng ứng biện,
Không vọng tín, không tham.

854. Không tu tập vì lợi,
Không được lợi, không sân,
Không bị ái kích thích,
Không đam mê các vị.

855. Thường trú xả, chánh niệm,
Ở đời, không nghĩ mình,
Bằng hơn hay thua người,
Vị ấy, không bồng bột.

856. Không y chỉ một ai,
Biết pháp, không y chỉ,
Vị ấy không có ái,
Đối với hữu, phi hữu.

857. Ta gọi vị an tịnh,
Không mong cầu các dục,
Vị ấy không triền phược,
Vượt khỏi các tham trước.

858. Vị ấy không con cái,
Thú vật, ruộng, đất đai,
Không có gì nắm lấy,
Là ta, là không ta.

859. Phàm phu có buộc tội,
Hoặc Sa-môn, Phạm chí,
Vị ấy không quan tâm,
Trong lời nói không động,

860. Không tham, không xan lẫn,
Ẩn sĩ không nói cao,
Không nói bằng, nói thấp,
Không đi đến thời kiếp,
Vì vị ấy vượt khỏi,
Sự chi phối thời kiếp.

861. Ai không có vật gì,

Không có, không sầu muộn,
Không đi đến các pháp,
Vị ấy gọi an tịnh.

(XI) Kinh Tranh luận (Sn 168)

Người hỏi:

862. Từ đâu được khởi lên,
Các tranh luận, đấu tranh,
Than van và sầu muộn,
Cùng với tánh xan tham,
Mạn và tăng thượng mạn,
Kể cả với hai lưỡi,
Từ đâu chúng sanh nhiều,
Mong Ngài hãy nói lên.

Thế Tôn:

863. Từ ái sanh khởi nhiều,
Các tranh luận, đấu tranh
Than van và sầu muộn,
Cùng với tánh xan tham,
Mạn và tăng thượng mạn,
Kể cả với hai lưỡi,
Các tranh luận, đấu tranh,
Đều liên hệ xan tham,
Những lời nói hai lưỡi,
Khởi lên từ tranh luận.

Người hỏi:

864. Do những nhân duyên nào,
Khả ái sanh ở đời?
Hay những tham lam nào,
Được lưu hành ở đời?
Ước vọng và thành đạt,
Là do nhơn duyên nào?
Khiến loài Người được sanh,
Trong thời gian tương lai?

Thế Tôn:

865. Do ước muốn là nhân,
Khả ái sanh ở đời,
Hay với những tham lam,
Được lưu hành ở đời,
Ước vọng và thành đạt,
Do ước muốn làm nhân,
Khiến loài Người được sanh,

Trong thời gian tương lai.

Người hỏi:

866. Ước muốn sanh ở đời
Là do nhân duyên nào?
Hay cả những quyết định,
Do nhân nào được sanh?
Phẫn nộ và vọng ngữ,
Cùng với cả nghi hoặc,
Hoặc là những pháp nào,
Được Sa-môn nói đến?

Thế Tôn:

867. Khả ý, bất khả ý,
Được gọi vậy ở đời,
Do y chỉ nơi chúng,
Ước muốn được sanh khởi.
Sau khi thấy trong sắc,
Cả hữu và phi hữu,
Chúng sanh mới làm được,
Những quyết định ở đời.

868. Phẫn nộ và vọng ngữ,
Cùng với cả nghi hoặc,
Những pháp này lưu hành,
Khi pháp đôi có mặt,
Kẻ nghi hãy học tập,
Trên con đường chánh trí,
Sau khi biết các pháp,
Do Sa-môn thuyết giảng.

Người hỏi:

869. Khả ý, bất khả ý,
Là do nhân duyên nào,
Do cái gì không có,
Họ không có hiện hữu.
Còn về ý nghĩa này,
Về phi hữu và hữu,
Hãy nói cho chúng con,
Nguyên nhân gì chúng sanh?

Thế Tôn:

870. Do nhân duyên cảm xúc,
Khả ý, bất khả ý,
Nếu không có cảm xúc,
Họ cũng không hiện hữu,

Còn về ý nghĩa này,
Về phi hữu và hữu,
Ta nói cho Ông rõ,
Nguyên nhân này, chúng sanh.

Người hỏi:

871. Còn cảm xúc ở đời,
Do nhân gì sanh khởi,
Hay các loại chấp thủ,
Do từ đâu sanh nhiều,
Do cái gì không có,
Ngã sở hữu không có,
Cái gì không hiện hữu,
Khiến không có cảm xúc?

Thế Tôn:

872. Do duyên danh và sắc,
Nên có các cảm xúc,
Do nhân các ước muốn,
Nên có những chấp thủ,
Nếu ước muốn không có,
Ngã sở hữu cũng không,
Do sắc không hiện hữu,
Khiến không có cảm xúc.

Người hỏi:

873. Sở hành như thế nào,
Sắc pháp không hiện hữu,
An lạc và khổ đau,
Thế nào không có mặt,
Hãy nói lên cho con,
Không có như thế nào,
Chúng con muốn được biết,
Tâm ý con nói vậy.

Thế Tôn:

874. Không có tưởng các tưởng,
Không có tưởng vô tưởng,
Phi tưởng cũng không có,
Vô hữu tưởng cũng không.
Do sở hành như vậy,
Sắc pháp không hiện hữu,
Do nhân duyên các tưởng,
Hý luận được hình thành.

Người hỏi:

875. Ngài đã nói chúng con,
Những điều chúng con hỏi,
Có điều nữa hỏi Ngài,
Mong Ngài trả lời cho,
Bậc Hiền trí nói rằng,
Như thế này tối thượng,
Nghĩa là ở đời này,
Sự thanh tịnh Dạ-xoa
Hay là chúng muốn nói,
Có điều gì khác nữa?

Thế Tôn:

876. Bậc Hiền trí nói rằng,
Như thế là tối thượng,
Nghĩa là ở đời này,
Sự thanh tịnh Dạ-xoa,
Như có người nói rằng,
Chính là sự hoại diệt,
Lại một số thiện nhân,
Nói rằng: "Không dư y".

877. Biết được những pháp ấy,
Đều nương tựa y chỉ,
Biết vậy bậc ẩn sĩ,
Suy tư trên y chỉ,
Biết được, nên giải thoát,
Không đi đến tranh luận,
Bậc Hiền không tìm đến,
Cả hữu và phi hữu.

(XII) Những vấn đề nhỏ bé (Sn 171)

Người hỏi:

878. Mỗi người tự thiên chấp,
Về tri kiến của mình,
Do chấp thủ sai biệt,
Bậc thiện xảo nói lên,
Ai biết như thế này,
Vị ấy biết được pháp,
Ai chỉ trích điểm này,
Vị ấy không hoàn toàn.

879. Do chấp thủ như vậy,
Họ tranh luận với nhau,
Họ nói kẻ khác ngu.
Không có khéo thiện xảo.
Trong những lời nói này,
Lời nói ai chân thật,
Hay tất cả vị này,

Là những bậc khéo nói?

Thế Tôn:

880. Nếu không có chấp thuận,
Pháp của các người khác,
Nói kẻ khác là ngu,
Tuệ như vậy thấp kém.
Tất cả là ngu si,
Có tuệ thật thấp kém.
Tất cả tri kiến này.
Đều chỉ là thiên chấp.

881. Nếu các cuộc tranh luận,
Được tri kiến gạn lọc,
Trí tuệ được thanh tịnh,
Thiện xảo trí sáng suốt,
Họ không có một ai,
Là trí tuệ hạ liệt,
Và tri kiến của họ,
Được hoàn toàn viên mãn.

882. Ta không có nói rằng:
"Đây chính là sự thật".
Các người ngu với nhau,
Cùng nhau nói như vậy,
Với tri kiến tự mình,
Họ nói là chân thật,
Do vậy các người khác,
Được họ xem là ngu.

Người hỏi:

883. Một số người nói rằng:
"Đây mới là sự thật"
Họ nói các người khác,
Là trống không, giả dối,
Do chấp thủ như vậy,
Họ tranh luận đấu tranh,
Vì sao bậc Sa-môn,
Không cùng nói một lời?

Thế Tôn:

884. Sự thật chỉ có một,
Không sự thật thứ hai,
Người hiểu biết tranh luận,
Với người có hiểu biết,
Nhưng chân thật họ khen,
Chỉ sự thật của họ,

Do vậy bậc Sa-môn,
Không cùng nói một lời.

Người hỏi:

885. Vì sao họ nói lên,
Những chân thật sai khác,
Vì sao bậc thiện xảo,
Lại nói lời tranh luận,
Nếu các sự thật ấy,
Là nhiều và sai biệt,
Hay họ chỉ nhớ đến,
Những suy luận của họ.

Thế Tôn:

886. Thật sự các sự thật,
Không có nhiều sai biệt,
Từ các luồng tư tưởng,
Về thường còn ở đời,
Do họ suy nghĩ đến,
Tư tưởng các tri kiến,
Họ nói có hai pháp,
Sự thật và giả dối.

887. Các pháp được thấy nghe,
Được giữ giới, thọ tưởng,
Họ y cứ pháp này,
Họ suy tư, nhìn thấy,
An trú các quyết định,
Họ chê cười người khác,
Họ nói các người khác,
Là ngu si bất thiện.

888. Vì rằng đối người khác,
Nó xem là ngu si,
Tự mình gọi chính mình,
Là thiện xảo tốt đẹp,
Do chính mình khen mình,
Vị ấy gọi thiện xảo,
Khinh thường các người khác,
Lời người ấy là vậy.

889. Vị ấy quá say mê,
Với tri kiến của mình,
Nên trở thành kiêu mạn,
Viên mãn tự ý mình,
Tự mình với tâm ý,
Làm lễ quán đảnh mình,
Do vậy, bị say mê,

Trong tri kiến của mình.

890. Nếu người khác nói rằng:
Nó là hạng hạ liệt.
Như vậy đối tự mình,
Kẻ kia cũng liệt tuệ,
Nếu tự nó sáng suốt,
Bậc Hiền trí hiểu biết,
Không có ai ngu si,
Giữa các bậc Sa-môn.

891. Những ai tuyên bố pháp,
Sai khác với pháp này,
Đi ngược lại thanh tịnh,
Không là người hoàn toàn,
Như vậy các ngoại đạo,
Tuyên bố thật rộng rãi,
Do lòng tham tri kiến,
Họ quá sức đam mê.

892. Những ai tuyên bố rằng,
Chính đây là thanh tịnh,
Họ nói không thanh tịnh,
Trong các pháp sai khác.
Như vậy các ngoại đạo,
An trú thật rộng rãi,
Họ kiên trì tuyên bố,
Con đường riêng của mình.

893. Ai kiên trì tuyên bố,
Con đường riêng của mình,
Sao ở đây có thể,
Nói người khác là ngu?
Vị ấy tự chê mình,
Đem lại tiếng liệt tuệ,
Người khác nói nói ngu,
Không được pháp thanh tịnh.

894. An trú trên quyết định,
Tự mình lượng sức người
Vị ấy ở trên đời,
Chỉ tăng thêm tranh luận,
Ai từ bỏ tất cả,
Mọi quyết định, chủ trương,
Không bị người ở đời,
Chê là kẻ liệt tuệ.

(XIII) Những vấn đề to lớn (Sn 174)

Người hỏi:

895. Với những ai thiên vị,
Đối với những tri kiến này,
Chỉ đây là sự thật,
Họ cãi cọ tranh luận,
Tất cả những người ấy,
Đem lại sự chỉ trích,
Hay chính tại ở đây,
Họ được lời tán thán?

Thế Tôn:

896. Đây chỉ là nhỏ bé,
Không đủ đem an tịnh,
Ta nói về hai quả
Của các loại đấu tranh.
Sau khi thấy như vậy,
Chớ có nên tranh luận,
Nên thấy rằng an ổn,
Không phải đất tranh luận.

897. Phàm những thế tục này,
Được sanh giữa phàm phu,
Bậc trí không dựa vào,
Tất cả thế tục này,
Đã không có quan tâm,
Sao nay tìm quan tâm,
Sao có thể kham nhẫn,
Với vật được thấy nghe.

898. Bậc xem giới tối thượng,
Nói tịnh nhờ chế ngự,
Chấp thủ giới cấm xong,
Họ an trú như vậy.
Ở đây họ tu tập,
Do đây được thanh tịnh,
Họ chỉ khéo nói năng,
Họ bị hữu dắt dẫn.

899. Nếu có ai vi phạm,
Giới hạnh và giới cấm,
Người ấy sẽ run sợ,
Vì sở hành khiếm khuyết.
Ở đây người ấy than,
Cố gắng được thanh tịnh,
Như lữ hành lạc đoàn,
Như kẻ bỏ gia đình.

900. Đối với giới cấm thủ,
Sau khi đoạn tất cả,
Cùng với các sở hành,
Có tội,không có tội,

Không còn có cố gắng,
Thanh tịnh, không thanh tịnh,
Hãy sống hạnh viễn ly,
Không chấp thủ an tịnh.

901. Người y chỉ khổ hạnh,
Người y chỉ nhàm chán,
Kẻ dựa vào nghe thấy,
Hay dựa vào thọ tưởng,
Họ là hạng nói lớn,
Tán thán sự thanh tịnh,
Chưa đoạn được tham ái,
Đối với hữu, phi hữu.

902. Với ai có nỗ lực,
Cầu mong và ham muốn,
Họ mới phải run sợ,
Với những kiến của mình,
Với những ai ở đời,
Không có sanh và chết,
Do gì, khiến họ sợ,
Họ tham vọng cái gì?

Người hỏi:

903. Có những người tuyên bố,
Pháp này là tối thượng,
Nhưng người khác lại nói,
Pháp ấy là hạ liệt.
Ai nói lời chân thật,
Giữa hai hạng người này,
Hay tất cả hạng này,
Đều là hạng khéo nói?

904. Với pháp tự của mình,
Nói pháp này viên mãn
Chỉ trích pháp người khác,
Là thấp kém hạ liệt,
Do chấp thủ như vậy,
Họ luận tranh đấu tranh,
Mọi thế tục tự mình,
Họ nói là chân thật.

Thế Tôn:

905. Nếu có bị người khác,
Khinh rẻ là hạ liệt,
Như vậy giữa các pháp,
Không gì thù thắng sao?
Kẻ phàm phu nói rằng

Pháp người khác hạ liệt,
Cương quyết tự đề cao,
Pháp mình không hạ liệt.

906. Như mọi người tôn thờ,
Chánh pháp của tự mình,
Giống như họ tán thán,
Mọi sở hành bản thân,
Tất cả những lời nói
Trở thành lời chân thật,
Sự thanh tịnh đối họ,
Tự mỗi người tác thành.

907. Với người Bà-la-môn,
Không người khác lãnh đạo,
Sau khi đã nghiên cứu,
Chấp thủ trong các pháp,
Do vậy nên vị ấy
Vượt khỏi các tranh luận,
Không thấy pháp người khác,
Có thể thù thắng hơn.

908. Họ nói: "Tôi thấy, biết,
Cái này là như vậy".
Họ đi đến quan điểm,
Thanh tịnh nhờ tri kiến,
Vị ấy đã thấy vậy,
Cần gì kiến người khác,
Vượt qua được quan điểm,
Thanh tịnh nhờ pháp khác.

909. Người có mắt thấy được,
Cả danh và cả sắc,
Sau khi thấy được họ,
Sẽ biết họ là vậy,
Hãy để họ được thấy,
Các dục nhiều hay ít,
Bậc thiện xảo không nói,
Thanh tịnh là nhờ dục.

910. Người đã gọi cuồng tín,
Không đưa đến thanh tịnh,
Vì đã có thiên vị,
Với tri kiến tác thành,
Y chỉ nơi cái gì,
Nơi đấy là tinh sạch,
Người tuyên bố thanh tịnh,
Thấy ở đấy như vậy.

911. Phạm chí không rơi vào,
Thời gian và ước lượng,

Không theo các tri kiến,
Không bà con với trí,
Biết được các thế tục,
Do phàm phu chấp thủ,
Các người khác học hỏi,
Vị ấy sống hỷ xả.

912. Không chấp thủ triền phược,
ẩn sĩ sống ở đời,
Giữa tranh luận khởi lên,
Không theo phe phái nào,
Sống an tịnh, hỷ xả,
Giữa những người không tịnh,
Các người khác học hỏi,
Vị ấy sống không học.

913. Từ bỏ lậu hoặc cũ,
Không tạo lậu hoặc mới,
Không đi đến ước muốn,
Không cuồng tín chấp thủ,
Vị Hiền trí như vậy,
Thoát khỏi các tà kiến,
Không tham dính ở đời,
Không bị ngã chỉ trích.

914. Không có sự thù hằn
Đối với tất cả pháp,
Phàm có thấy nghe gì,
Cùng với tưởng và thọ,
ẩn sĩ không hệ lụy,
Đã đặt gánh nặng xuống
Không liên hệ thời gian,
Không chấm dứt, không cầu,
Thế Tôn nói như vậy.

(XIV) Kinh *Tuvataka* (Con Đường Mau Chóng) (Sn 179)

Người hỏi:

915. Con hỏi bậc Đại tiên,
Bậc bà con mặt trời,
Con đường đến viễn ly,
Con đường đến an tịnh,
Tỷ-kheo sau khi thấy,
Làm thế nào mát lạnh,
Không có sự chấp thủ,
Một vật gì ở đời?

Thế Tôn:

916. Thế Tôn đáp như sau:
Hãy chặt đứt hoàn toàn,
Gốc rễ các hý luận,
Mọi tư tưởng "tôi là ",
Tất cả phải chấm dứt,
Phàm có nội ái nào,
Sau khi nhiếp phục chúng,
Thường chánh niệm học tập.

917. Phàm có loại pháp gì,
Được thắng tri hoàn toàn,
Hoặc thuộc về nội pháp,
Hay thuộc về ngoại pháp,
Chớ có làm kiên trì,
Bất cứ một pháp nào,
Trạng thái ấy không gọi,
Sự mát lạnh của tịnh.

918. Chớ có nghĩ như sau:
Cái kia là tốt hơn,
Đây là hạ liệt hơn,
Hay đây là ngang bằng,
Do phải bị xúc chạm,
Với các sắc sai biệt,
Hãy chớ để tự mình,
An trú trên vọng tưởng.

919. Hãy giữ được an tịnh,
Về phía tự nội tâm,
Tỷ-kheo không cầu tìm,
An tịnh từ chỗ khác,
Với người được an tịnh,
Từ phía tự nội tâm,
Đã không có tự ngã,
Từ đâu có vô ngã.

920. Như chính giữa trung ương,
Của biển cả đại dương,
Sóng biển không có sanh,
Biển hoàn toàn đứng lặng,
Cũng vậy, này Tỷ-kheo
Hãy đứng lặng không động,
Không tạo nên bồng bột,
Đối sự gì ở đời.

Người hỏi:

921. Vị có mắt rộng mở
Đã tuyên bố rõ ràng,
Pháp có thể chế ngự,
Mọi nguy hiểm khó khăn,

Bậc Hiền thiện mong Ngài,
Tuyên bố rõ con đường,
Hay về biệt giải thoát,
Hoặc về pháp thiền định?

Thế Tôn:

922. Chớ có những con mắt,
Đầy dẫy những tham đắm!
Hãy chận đứng lỗ tai,
Nghe câu chuyện của làng.
Lại chớ nên đắm say,
Các mùi vị ngon lành,
Chớ xem là của ta,
Mọi sự vật ở đời!

923. Trong khi được cảm giác,
Với các loại cảm xúc,
Tỷ-kheo không than van,
Bất cứ một điều gì.
Vị ấy không cầu mong,
Dầu lại sanh hữu nào,
Và không có run sợ,
Rơi vào các kinh hoàng.

924. Các đồ ăn thâu được,
Cùng với các đồ uống,
Các món ăn nhai được,
Các đồ vải mặc được,
Chớ có cất chứa chúng,
Những đồ vật nhận được,
Chớ có quá lo âu,
Nếu không thâu được chúng.

925. Hãy tu tập thiền định
Chớ làm kẻ lang thang,
Chớ ưa thích trạo cử,
Đừng rơi vào phóng dật,
Đối với các chỗ ngồi,
Cùng với các chỗ nằm,
Tỷ-kheo hãy an trú,
Những chỗ không tiếng động.

926. Ngủ nghỉ có chừng mực,
Chớ có ngủ quá nhiều,
Hãy luôn luôn tỉnh thức,
Nỗ lực và nhiệt tâm,
Hãy từ bỏ biếng nhác,
Man trá, cười, chơi đùa,
Hãy từ bỏ dâm dục,
Bỏ ưa thích trang điểm.

927. Chớ có dùng bùa chú,
A-thar-va Vệ-đà,
Chớ tổ chức đoán mộng,
Coi tướng và xem sao,
Mong rằng đệ tử Ta,
Không đoán tiếng thú kêu,
Không chữa bệnh không sanh,
Không hành nghề lang băm.

928. Tỷ-kheo không run sợ,
Khi bị người chỉ trích,
Cũng không có cống cao,
Khi được khen tán thán,
Hãy từ bỏ tham ái,
Cùng với tánh xan tham,
Kể luôn cả phẫn nộ,
Cùng với nói hai lưỡi.

929. Tỷ-kheo không an trú,
Trong nghề nghiệp bán buôn,
Lại không có chỉ trích,
Bất cứ tại chỗ nào,
Khi ở tại thôn làng,
Không tức giận một ai,
Chớ có vì lợi dưỡng,
Nói chuyện với quần chúng.

930. Tỷ-kheo không nên nói,
Khoa trương quá mức độ,
Và cũng không nói lời
Có dụng ý lợi dưỡng.
Chớ có học tập theo,
Lối sỗ sàng trâng tráo,
Chớ có thốt ra lời
Khiêu khích xung đột ai!

931. Chớ có bị dắt dẫn,
Rơi vào lời nói láo,
Không cố ý làm nên,
Điều man trá giả dối,
Chớ có khinh người khác,
Về vấn đề sinh mạng,
Về vấn đề trí tuệ,
Và vấn đề giới hạnh.

932. Sau khi phẫn uất nghe
Nhiều ngôn từ lời lẽ
Của các vị Sa-môn,
Hay những kẻ phàm phu,
Chớ có phản ứng họ,
Với những lời thô ác,

Bậc hiền lành an tịnh,
Không phản pháo một ai.

933. Sau khi rõ biết được
Pháp này là như vậy,
Tỷ-kheo hãy học tập,
Sáng suốt và chánh niệm,
Rõ biết sự mát lạnh,
Được gọi bậc "an tịnh ",
Chớ có sống phóng dật,
Trong lời dạy Cù-đàm.

934. Bậc đã được chiến thắng,
Không ai chiến thắng nổi
Tự mình thấy được pháp,
Không nghe theo tin đồn,
Do vậy hãy học tập
Luôn luôn không phóng dật,
Với tâm tư cung kính,
Lời dạy đức Thế Tôn,
Thế Tôn nói như vậy.

(XV) Kinh Chấp Trượng (Sn 182)

Thế Tôn:

935. Từ người cầm các trượng,
Sợ hãi được sanh ra,
Hãy xem các loài người,
Trong khi đấu tranh nhau,
Ta sẽ nói sợ hãi,
Như Ta đã được biết.

936. Thấy loài, người vùng vẫy,
Như cá trong nước cạn,
Thấy họ chống đối nhau,
Ta rơi vào sợ hãi.

937. Đời toàn không lõi cây,
Mọi phương đều dao động
Muốn cho mình ngôi nhà,
Ta không thấy nhà ở.

938. Cuối cùng là xung đột,
Thấy vậy Ta chán ngắt,
Đây Ta thấy mũi tên,
Khó thấy, gắn vào tim.

939. Ai bị mũi tên đâm,
Chạy khắp mọi phương hướng,

Ai rút mũi tên ra,
Không chạy, liền ngồi xuống.

940. Ở đây sự học tập,
Đã được nói rõ lên,
Phàm triền phược ở đời,
Chớ liên hệ với chúng,
Đâm thủng dục hoàn toàn,
Tự học tập Niết-bàn.

941. Chân thật không xông xáo,
Không man trá, hai lưỡi,
Không phẫn nộ, ẩn sĩ,
Vượt tham ác, xan tham.

942. Người nghĩ đến Niết-bàn,
Bỏ ngủ, nhác, thụy miên,
Không sống với phóng dật,
Không an trú, quá mạn.

943. Không rơi vào nói láo,
Không tham ái các sắc,
Cần liễu tri quá mạn,
Sống từ bỏ bạo ác.

944. Không hoan hỷ việc cũ,
Không nhẫn chịu sự mới,
Trong tổn giảm không sầu,
Không liên hệ tham ái,

945. Ái, Ta gọi bộc lưu,
Mong cầu gọi bọt nước,
Sở duyên gọi biến kể,
Bùn dục khó vượt qua.

946. ẩn sĩ không rời chân,
Phạm chí trú đất liền,
Vị từ bỏ tất cả,
Thật được gọi an tịnh.

947. Biết vậy, gọi người biết,
Biết rồi không y pháp,
Chơn chánh sống ở đời,
Không tham ái một ai.

948. Ai ở đây vượt dục,
Ái khó vượt ở đời,
Không sầu, không tham muốn,
Cắt dòng không trói buộc.

949. Trước Ông làm khô cạn
Sau Ông không vật gì,
Ở giữa không nắm giữ,
Ông sẽ sống an tịnh.

950. Toàn diện đối danh sắc,
Không gì nghĩ "của ta"
Không có gì không sầu,
Không có già ở đời.

951. Không nghĩ "đây của tôi ",
Không nghĩ "đây của người ",
Người không có tự ngã,
Không sầu vì không ngã.

952. Không tàn bạo, không tham,
Không dục, thường đồng đẳng,
Được hỏi Ta nói lên,
Lợi ích bậc bất động.

953. Bậc ly dục rõ biết,
Vị ấy không sở hành,
Thoát ly, không tinh cần,
Thấy an ổn khắp nơi.

954. Bậc ẩn sĩ, không nói,
Bằng nhau, thua, hơn nhau,
An tịnh, ly xan tham,
Không nhận, không bác bỏ.
Thế Tôn giảng như vậy.

(XVI) Kinh *Sàriputta* (Xá-Lợi-Phất) (Sn 185)

Sàriputta:

955. Trước con chưa từng thấy,
Chưa ai từng được nghe,
Tiếng nói thật ngọt ngào,
Như tiếng bậc Đạo Sư,
Từ cõi Đâu-suất đến,
Xá-lợi-phất nói vậy.

956. Bậc có mắt xuất hiện,
Đời này và thiên giới,
Quét sạch mọi u ám,
Độc cư, chứng an lạc.

957. Bậc Giác ngộ, độc lập,
Như thật, không man trá,
Ngài đến ở đời này,

Lãnh đạo các đồ chúng,
Từ nhiều người trói buộc,
Con đến với câu hỏi.

958. Vị Tỷ kheo nhàm chán,
Sống an tọa, trống không,
Tại gốc cây, nghĩa địa,
Hay núi rừng hang sâu.

959. Tại chỗ cao thấp ấy,
Có bao nhiêu sợ hãi,
Khiến Tỷ kheo không run,
Tại trú xứ vắng lặng?

960. Bao nguy hiểm ở đời,
Tỷ Kheo cần chinh phục,
Trong hướng đi bất tử,
Tại trú xứ xa vắng?

961. Ngôn ngữ và hành xử
Của vị ấy là gì?
Có bao nhiêu giới cấm,
Tỷ Kheo cần tinh tấn?

962. Chấp nhận học tập gì,
Vị Tỷ Kheo nhất tâm,
Thông minh, giữ chánh niệm,
Tẩy sạch các cấu uế,
Trên tự ngã của mình,
Như thợ lọc vàng bạc?

Thế Tôn:

963. Này Sàriputta,
Thế Tôn bèn trả lời:
Với người biết nhàm chán,
Có gì là khoan khoái!
Khi sử dụng sàng tọa,
Tại chỗ tịnh trống không,
Với ai muốn giác ngộ,
Sống đúng với tùy pháp,
Ta sẽ nói người ấy,
Như Ta đã quán tri.

964. Vị Tỷ kheo có trí,
Chánh niệm sống biên địa,
Không có sợ năm điều,
Đáng sợ hãi ở đời.
Các loại ruồi, muỗi bay
Cùng các loài bò sát,

Xúc chạm của loài người,
Cùng các loại bốn chân.

965. Vị ấy không nên sợ,
Tri kiến của người khác,
Khi đã được thấy biết,
Nhiều sợ hãi của chúng,
Bậc tìm đến chí thiện,
Thấy được các nguy hiểm
Cần phải lo khắc phục
Tất cả nguy hiểm khác.

966. Khi thọ lãnh bệnh hoạn,
Khi cảm xúc đói khổ,
Với lạnh và cực nóng,
Cần phải nhiếp phục chúng,
Bị chúng cảm xúc nhiều,
Kẻ không bỏ nhà cửa
Cần tinh tấn cần mẫn,
Lòng hết sức kiên trì.

967. Chớ ăn trộm, ăn cắp,
Chớ nói lời nói láo,
Hãy cảm xúc từ tâm,
Đối kẻ yếu, kẻ mạnh,
Khi rõ biết tâm tư,
Trong tình trạng dao động,
Hãy gột sạch, tẩy sạch,
Phần hắc ám đen tối.

968. Chớ để bị chi phối,
Bởi phẫn nộ, quá mạn,
Hãy đào chúng tận gốc,
Và an trú như vậy,
Đối những gì khả ái,
Hay đối không khả ái,
Hãy hoàn toàn nhiếp phục,
Chớ để bị chi phối.

969. Thiên trọng về trí tuệ,
Hoan hỷ trong chí thiện,
Hãy chận đứng loại bỏ,
Nguy hiểm ách nạn ấy,
Hãy khắc phục bất lạc,
Đối trú xứ vắng lặng,
Hãy khắc phục bốn pháp,
Khiến sầu muộn khóc than.

970. Ta sẽ ăn những gì,
Và được ăn tại đâu.
Thật khó khăn ta ngủ,

Nay ta ngủ tại đâu?
Với những tư tưởng ấy,
Vị ấy có thể than,
Bậc hữu học, không nhà,
Hãy nhiếp phục trừ chúng.

971. Với đồ ăn, vải mặc,
Đúng thời, thâu hoạch được,
Cần ước lượng vừa đủ,
Với mục đích thỏa mãn,
Chế ngự đối với chúng,
Sống nhiếp phục trong lòng,
Dầu phẫn uất, không nói,
Những lời độc thô ác.

972. Với mắt cúi nhìn xuống,
Chân không đi lang thang,
Chú tâm vào thiền định,
Với rất nhiều tỉnh giác,
Cố gắng tu tập xả,
Tự ngã khéo định tĩnh,
Hãy cắt đứt trừ khử,
Các nghi ngờ hối tiếc.

973. Bị buộc, tội bằng lời,
Chánh niệm, tâm hoan hỉ,
Phá hoại sự cứng rắn,
Giữa các đồng Phạm hạnh,
Nói lên những lời nói,
Hiền thiện và đúng thời,
Không để tâm suy tư,
Các chủ thuyết người khác.

974. Lại nữa, năm loại vua,
Hiện có ở trên đời,
Hãy học nhiếp phục chúng.
Luôn luôn giữ chánh niệm.
Đối với sắc và tiếng,
Đối với vị và hương,
Cùng đối các cảm xúc,
Hãy chế ngự tham ái.

975. Hãy chế ngự ước muốn,
Đối với những pháp ấy,
Vị Tỷ kheo chánh niệm,
Tâm tư khéo giải thoát,
Rồi đúng thời vị ấy,
Chơn chánh suy tư pháp,
Với chuyên tâm nhất trí,
Hãy đoạn tận hắc ám.
Thế Tôn nói như vậy.

CHƯƠNG V
PHẨM CON ĐƯỜNG ĐẾN BỜ BÊN KIA

(I) Bài Kệ Mở Đầu (Sn 190)

*976. Từ thành phố đẹp đẽ,
Của các Kô-xa-la,
Có vị Bà-la-môn,
Thông đạt các chú thuật,
Hướng tầm vô sở hữu,
Hướng phía Nam bước tới.*

*977. Trong nước Át-xa-ka,
Gần xứ A-la-ka,
Vị ấy sống trên bờ,
Sông Gô-đa-và-rà,
Nuôi sống bằng trái cây,
Bằng đồ ăn lượm vặt.*

*978. Gần chỗ vị ấy ở,
Có làng đất rộng rãi,
Với tài sản thâu thập,
Tổ chức tế đàn lớn.*

*979. Đại tế đàn lễ xong,
Vị ấy trở về am,
Trong khi bước vào am,
Một Phạm-chí khác đến.*

*980. Chân sưng húp, run rẩy
Đầy bùn, đầu lấm bụi,
Người ấy bước đến gần,
Và xin năm trăm tiền.*

*981. Sau khi thấy vị ấy,
Ba-va-ri mời ngồi,
Hỏi thăm, thiện, an lạc
Rồi nói lời như sau:*

Bàvarim:

*982. Những gì tôi cho được,
Tôi đã cho tất cả,
Phạm chí hãy tin tôi,
Tôi không có năm trăm.*

Phạm-chí:

*983. Nếu điều ta xin Ông,
Tôn giả không đáp ứng,*

Sau bảy ngày, đầu Ông
Sẽ bị vỡ, bảy mảnh!

984. Sau khi làm chú thuật,
Kẻ man trá tuyên bố,
Những lời nói đáng sợ,
Nghe những lời nói ấy,
Phạm-chí Ba-va-ri
Cảm thấy lòng đau khổ.

985. Gầy ốm, không uống ăn,
Bị tên sầu muộn đâm,
Với tâm tư như vậy,
Ý khó vui trong thiền,

986. Thấy lo sợ buồn khổ,
Một Thiên nhân đi đến,
Muốn bạn được hạnh phúc,
Nói với Ba-va-ri.

Thiên nhân:

987. Kẻ man trá muốn tiền,
Không rõ biết về đầu,
Về đầu, đánh bể đầu,
Trí ấy nó không có.

Bàvarim:

988. Này bạn,nếu bạn biết,
Hãy nói câu hỏi tôi,
Về đầu, đánh bể đầu,
Chúng tôi nghe lời người.

Thiên nhân:

989. Tôi không biết việc này,
Trí này, tôi không có,
Về đầu, đánh bể đầu,
Bậc chiến thắng thấy được.

Bàvarim:

990. Vậy ai có thể biết,
Trên quả đất tròn này,
Về đầu, đánh bể đầu,
Thiên nhân, nói tôi biết.

Thiên nhân:

991. Từ thành Ka-pi-la,
Bậc lãnh đạo thế giới,
Xuất hiện ra ở đời,
Là con cháu, hậu duệ,
Của vua Ok-ka-ka
Thích tử, chiếu hào quang.

992. Vị ấy Chánh Đẳng Giác,
Hỡi này Bà-la-môn,
Đã đi đến bờ kia,
Đối với tất cả pháp,
Đạt được cả sức mạnh,
Của tất cả thắng trí,
Bậc có mặt thấy được
Trong tất cả các pháp.
Đạt được sự diệt tận,
Của tất cả các pháp,
Được giải thoát, diệt tận,
Đối với các sanh y.

993. Bậc Giác ngộ, Thế Tôn,
Bậc có mắt thuyết pháp,
Hãy đến hỏi vị ấy,
Vị ấy sẽ trả lời.

994. Nghe tiếng Chánh Đẳng Giác,
Ba-va-ri phấn khởi,
Sầu muộn được giảm bớt,
Được hoan hỷ rộng lớn.

995. Vị Ba-va-ri ấy,
Hoan hỷ và phấn khởi,
Cảm thấy lòng cảm động,
Hỏi vị thiên nhân ấy.

Bàvarim:

995b. Ở tại thôn làng nào,
Ở tại thị trấn nào,
Ở tại quốc độ nào,
Lãnh đạo thế giới trú?
Tại đấy, tôi sẽ đi,
Đảnh lễ bậc Giác ngộ,
Bậc Vô thượng loài Người.

Thiên nhân:

996. Ở tại Xa-vat-thi,
Trong thành Kô-xa-la,
Bậc chiến thắng an trú,

Với trí tuệ rộng lớn,
Với hiểu biết thù thắng,
Rộng rãi và cùng khắp.
Vị ấy là Thích tử,
Không gánh nặng vô lậu,
Bậc Ngưu vương loài Người,
Biết rõ về đỉnh đầu,
Biết rõ đánh vỡ đầu.

997. Rồi vị Bà-la-môn,
Cho gọi các đệ tử,
Là những vị thông đạt,
Về bùa chú kệ tụng.

Bàvarim:

997b. Hãy đến, các thanh niên,
Ta sẽ nói, hãy nghe,
Những lời ta nói lên.

998. Vị ấy rất khó gặp,
Rất hiếm hiện ở đời,
Nay sanh ra ở đời,
Được danh bậc Chánh giác,
Hãy đi gấp Xá-vệ,
Thấy được bậc Vô thượng.

Các đệ tử:

999. Kính thưa Bà-la-môn,
Thế nào chúng con biết,
Sau khi thấy vị ấy,
Biết vị ấy là Phật,
Chúng con chưa được biết
Hãy nói chúng con biết!

Bàvarim:

1000. Trong những kệ bùa chú,
Được truyền lại đến nay,
Có nói đến tướng tốt,
Của một bậc Đại nhân,
Có nói ba mươi hai,
Trọn đủ, được liên tục.

1001. Ai có trên tay chân,
Đủ tướng đại nhân ấy,
Chỉ có hai sanh thú,
Không có cái thứ ba.

1002. Nếu trú tại gia đình,
Chinh phục quả đất này,
Không dùng trượng, dùng kiếm,
Giáo hóa đúng Chánh pháp.

1003. Nếu vị ấy xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Rộng mở màn vô minh,
Vị ấy, được trở thành,
Bậc Chánh đẳng Chánh giác,
Bậc Ứng cúng, Vô thượng.

1004. Với tâm ý, hãy hỏi,
Sanh, tánh tướng của ta,
Kệ chú, đệ tử ta,
Về đầu, đánh bể đầu.

1005. Nếu vị ấy là Phật,
Thấy rõ, không che kín,
Với lời, vị ấy đáp,
Các câu hỏi bởi ý.

1006. Nghe lời Ba-va-ri,
Mười sáu người đệ tử,
Tất cả là Phạm chí,
Tên là A-ji-ta,
Tis-xa-mêt-tê-ya,
Pun-na-ka, Mết-gu,
Cùng với Đo-ta-ka,
Và U-pa-xi-va,
Nan-da, Hê-ma-ka,
Tô-đê-ya, Kap-pa,
Với Ja-tu-kan-ni,
Là bậc danh Hiền trí.

1008. Và Bha-drà-vu-đa,
Cùng với U-da-ya,
Phạm Chí Po-xà-la,
Và Mo-gha-rà-jà,
Là bậc có trí tuệ,
Cùng với Pin-gi-ya,
Là vị đại ẩn sĩ,
Tất cả những vị ấy.

1009. Mỗi người có đồ chúng,
Có danh xưng ở đời,
Tu thiền, ưa thiền định,
Bậc có trí sáng suốt,
Mang theo những dấu tích,
Đời sống trước của mình.

1010. Đảnh lễ Ba-va-ri,
Thân phía hữu hướng Ngài,
Tất cả đều bện tóc,
Mặc áo vải da thú,
Mặt hướng về phía Bắc,
Tất cả chúng ra đi.

1011. Trước hết, họ đi ngang,
Đến Pa-tít-thà-na,
Của xứ A-la-ka,
Rồi Ma-hi-xa-ti,
Tiếp đến Uj-jê-ni,
Và đến Gô-nad-đăng,
Tiếp đến Vê-đi-xăng,
Va-na-xa-ha-yăng,

1012. Đi đến Kô-xăm-bi,
Đi đến Xa-kê-ta,
Rồi đến Xa-vat-thi,
Là thành phố tối thượng,
Kế đến Xê-ta-vyam,
Ka-pi-la-vat-thu,
Rồi đến tòa lâu đài,
Tên Ku-xi-na-ra,
Rồi đi đến Pa-va,
Và thành phố Bhô-ga,
Tiếp đến Vê-xá-ly,
Thành phố Ma-ga-đa,
Rồi Pa-xe-na-ka,
Ngôi điện đẹp, khả ái.

1014. Như người khát, nước mát,
Như người buôn, lợi lớn,
Như nóng bức, bóng mát,
Họ gấp leo ngọn núi.

1015. Thế Tôn, trong lúc ấy,
Dẫn đầu chúng Tỷ-kheo,
Ngài đang thuyết Chánh pháp,
Cho các vị Tỷ-kheo,
Giống như con sư tử,
Rống tiếng rống trong rừng.

1016. A-ja-ta thấy Phật,
Như mặt trời vàng chói,
Như mặt trăng ngày rằm,
Được tròn đầy viên mãn.

1017. Và thấy tay chân Ngài,
Đầy đủ các tướng tốt,
Hoan hỷ đứng một bên,

Hỏi câu hỏi tâm ý.

Ajita:

1018. Hãy nói về thọ sanh,
Nói dòng họ, các tướng,
Về tối thượng kệ chú,
Phạm chí đọc bao nhiêu?

Thế Tôn:

1019. Tuổi thọ trăm hai mươi,
Dòng họ Bà-va-ri,
Trên tay chân, ba tướng,
Thông đạt ba Vệ-đà.

1020. Về tướng và truyền thuyết,
Về tự vựng, lễ nghi,
Tụng đọc được năm trăm,
Đạt tối thượng diệu pháp.

Ajita:

1021. Bậc Vô thượng, đoạn ái,
Hãy nói lên tường tận
Các tướng Ba-va-ri,
Để chúng con không nghi.

Thế Tôn:

1022. Lưỡi che kín mặt mày,
Giữa hàng mi, lông trắng,
Có da bọc âm tàng,
Hãy biết vậy, thanh niên.

1023. Không nghe câu hỏi gì,
Chỉ nghe câu trả lời,
Quần chúng rất ngạc nhiên,
Chắp tay tự suy nghĩ.

Dân chúng:

1024. Thiên, Phạm thiên, Đế thích,
Hay Xu-jam-pa-ti
Ai, với ý hỏi Ngài,
Xin nói cho được biết?

Ajita:

1025. Ba-va-ri tìm hỏi,

Về đầu, đánh bể đầu,
Thế Tôn hãy trả lời,
Đoạn nghi hoặc chúng con?
Ôi, thưa bậc Tiên nhân!

Thế Tôn:

1026. Vô minh là đỉnh đầu,
Hãy hiểu biết như vậy,
Minh là đánh bể đầu,
Liên hệ dục tinh tấn,
Với lòng tin, chánh niệm,
Liên hệ với thiền định.

1027. Với cảm thọ lớn mạnh,
Thanh niên tự chế ngự,
Đắp áo da một bên,
Với đầu, đảnh lễ chân.

Ajita:

1028. Phạm chí Ba-va-ri,
Cùng đệ tử, thưa Ngài,
Tâm phấn khởi, đẹp ý,
Lễ chân, bậc có mắt.

Thế Tôn:

1029. Phạm chí Ba-va-ri,
Hãy sống được an lạc,
Cùng với các đệ tử!
Mong Ông sống an lạc,
Thọ mạng được lâu dài,
Hỡi này kẻ thanh niên.

1030. Ba-va-ri và Ông,
Có mọi nghi ngờ gì,
Cơ hội đến, hãy hỏi,
Tùy theo ý Ông muốn.

1031. Được bậc Chánh Đẳng Giác,
Cho cơ hội tốt đẹp,
A-ji-ta liền ngồi,
Chắp tay hỏi Như Lai,
Hỏi câu hỏi thứ nhất,
Chính ngay tại chỗ ấy,
Kệ mở đầu đã xong.

(II) Câu Hỏi Của Thanh Niên *A-ji-ta* (Sn 197)

Ajita:

1032. Tôn giả A-ji-ta:
Do gì, đời bị che,
Do gì, không chói sáng,
Hãy nói lên cái gì,
Làm uế nhiễm cuộc đời,
Cái gì sợ hãi lớn?

Thế Tôn:

1033. Thế Tôn liền đáp lại:
Đời bị vô minh che,
Do xan tham, phóng dật,
Đời không được chói sáng,
Ta nói do mong cầu,
Nên đời bị uế nhiễm,
Chính là sự đau khổ,
Nên có sợ hãi lớn.

Ajita:

1034. Tôn giả A-ji-ta:
Mọi nơi dòng nước chảy,
Cái gì ngăn dòng nước?
Hãy nói lên cái gì?
Chế ngự được dòng nước?
Cái gì đóng dòng nước?

Thế Tôn:

1035. Thế Tôn liền đáp lại:
Hỡi này A-ji-ta,
Các dòng nước ở đời,
Chánh niệm ngăn chận lại,
Chánh niệm được Ta gọi,
Chế ngự các dòng nước,
Và chính do trí tuệ,
Đóng lại các dòng nước.

Ajita:

1036. Tôn giả A-ji-ta:
Trí tuệ và chánh niệm,
Cùng với danh và sắc,
Kính thưa bậc Tôn giả,
Hãy nói điều con hỏi,
Từ đâu chúng bị diệt?

Thế Tôn:

1037. Câu hỏi gì Ông hỏi,
Hỡi này A-ji-ta,
Ta sẽ đáp cho Ông,
Chỗ nào danh và sắc,
Được đoạn diệt hoàn toàn,
Không còn lại dư tàn,
Chính do đoạn diệt thức,
Danh sắc được đoạn diệt.

Ajita:

1038. Những ai biết tư sát,
Các pháp thuộc hữu vi,
Cùng với bậc hữu học,
Và phàm phu ở đời,
Được hỏi, Ngài hãy nói,
Về nếp sống của họ?
Bậc thận trọng sáng suốt,
Hãy nói lên, thưa Ngài!

Thế Tôn:

1039. Chớ tham đắm các dục,
Giữ tâm tư an tịnh,
Thiện xảo trong các pháp,
Tỷ-kheo giữ chánh niệm,
Sống đời sống xuất gia.

(III) Các Câu Hỏi Của Thanh Niên *Tissametmeyya* (Sn 199)

Yissa:

1040. Tissa Met-tey-ya:
Ai thỏa mãn ở đời,
Với ai không dao động,
Ai thắng tri hai biên,
Ở giữa, không dính líu,
Ai Ngài gọi đại nhân,
Ở đời, ai vượt khỏi,
Thêu dệt các ái nhiễm?

Thế Tôn:

1041. Thế Tôn liền đáp rằng:
Hỡi này Met-tê-ya!
Giữa dục, sống Phạm hạnh,
Không ái, luôn chánh niệm,
Tỷ-kheo lặng tính toán,
An tịnh, không dao động.

1042. Ai thắng tri hai biên,
Chặng giữa, nhờ suy tư,
Không dính líu bị nhiễm,
Ta gọi là đại nhân,
Vị ấy, ở đời này,
Vượt khỏi sự thêu dệt,
Các ái nhiễm tham muốn.

(IV) Câu Hỏi Của Thanh Niên *Punnaka* (Sn 199)

Punnaka:

1043. Tôn giả Pun-na-ka:
Với ai không dao động,
Thấy rõ được cội gốc,
Con đến với câu hỏi,
Liên hệ đến mục đích,
Bậc ẩn sĩ, loài Người,
Sát-đế-ly, Phạm chí,
Do họ y chỉ gì,
Tế đàn cho chư Thiên.
Đã tổ chức rộng lớn?
Con hỏi bậc Thế Tôn,
Hãy trả lời cho con.

Thế Tôn:

1044. Thế Tôn bèn đáp rằng:
Hỡi này Pun-na-ka!
Bậc ẩn sĩ loài Người,
Sát-đế-ly, Phạm chí,
Đã tổ chức rộng lớn,
Tế đàn cho chư Thiên.
Khi họ thành già yếu,
Họ tổ chức tế đàn,
Vì rằng họ hy vọng,
Được sanh ở đời này,
Hỡi này Pun-na-ka!

Punnaka:

1045. Tôn giả Pun-na-ka:
Bậc ẩn sĩ loài Người,
Sát-đế-ly, Phạm chí,
Đã tổ chức rộng lớn,
Tế đàn cho chư Thiên.
Thế Tôn nghĩ thế nào,
Họ không có phóng dật
Trên con đường tế đàn,
Họ vượt qua già chết,
Được hay không, thưa Ngài,

Con hỏi đức Thế Tôn,
Con mong Ngài trả lời?

Thế Tôn:

1046. Thế Tôn trả lời rằng:
Hỡi này Pun-na-ka,
Họ hy vọng, tán thán,
Họ cầu nguyện, cúng lễ,
Họ cầu nguyện các dục,
Do duyên vì lợi dưỡng,
Chuyên tâm lo tế đàn,
Ưa thích, tham sanh hữu,
Họ không vượt già chết,
Ta nói lên như vậy.

Punnaka:

1047. Tôn giả Pun-na-ka:
Nếu chúng chuyên tế đàn,
Nhưng không thể vượt qua,
Già chết với tế đàn,
Thời ai sống ở đời,
Trong thế giới Nhơn, Thiên,
Đã vượt qua già chết,
Ai được vậy, thưa Ngài,
Con hỏi đức Thế Tôn,
Ngài trả lời cho con?

Thế Tôn:

1048. Thế Tôn trả lời rằng:
Hỡi này Pun-na-ka,
Ai tính toán cao thấp,
Ước lượng vậy ở đời,
Ai không bị dao động,
Bất cứ đâu ở đời,
An tịnh, không phun khói,
Không phiền não, không cầu,
Vị ấy vượt già chết,
Ta nói lên như vậy.

(V) Câu Hỏi Của Thanh Niên *Mettagu* (Sn 201)

Mettagu:

1049. Tôn giả Mêt-ta-gu:
Con xin hỏi Thế Tôn,
Mong Thế Tôn trả lời,
Vấn đề con đã hỏi,

Con nghĩ Ngài hiền trí,
Tự ngã đã tu tập,
Từ đâu, ở trong đời,
Đau khổ này khởi lên,
Với nhiều loại như vậy?

Thế Tôn:

1050. Thế Tôn trả lời rằng:
Hỡi này Mêt-ta-gu,
Ông hỏi ta vấn đề,
Sanh khởi của khổ đau,
Ta sẽ nói cho Ông,
Như Ta đã được biết,
Chính do duyên sanh y,
Nên khổ được khởi lên,
Với nhiều loại như vậy,
Khác biệt ở trong đời.

1051. Những ai vì vô minh,
Tác thành các sanh y,
Kẻ ngu tạo đau khổ,
Tiếp tục được sanh khởi,
Do vậy kẻ hiểu biết,
Không nên tạo sanh y,
Vì thấy sự sanh khởi,
Của sanh và đau khổ.

Mettagu:

1052. Điều chúng con đã hỏi,
Ngài đã đáp chúng rồi,
Nay xin hỏi câu khác,
Mong Ngài giải đáp cho,
Thế nào bậc Hiền trí,
Vượt khỏi dòng nước mạnh,
Vượt khỏi sanh và già,
Cùng sầu muộn than khóc,
Mong rằng bậc ẩn sĩ,
Hãy khéo trả lời con,
Đúng như Ngài đã biết,
Pháp nhĩ là như vậy?

Thế Tôn:

1053. Thế Tôn trả lời rằng:
Hỡi này Mêt-ta-gu,
Ta sẽ nói cho Ông,
Pháp thiết thực hiện tại,
Không do trao truyền lại,

Sau khi biết pháp ấy,
Vị ấy sống chánh niệm,
Vượt tham ái ở đời.

Mettagu:

1054. Thưa bậc Đại ẩn sĩ,
Con hết sức hoan hỷ,
Chánh pháp vô thượng ấy,
Sau khi biết pháp ấy,
Sống gìn giữ chánh niệm,
Vượt tham ái ở đời.

Thế Tôn:

1055. Thế Tôn đáp lại rằng:
Hỡi này Mêt-ta-gu,
Phàm Ông rõ biết gì,
Trên dưới, ngang ở giữa,
Hãy từ bỏ hoan hỷ,
Hãy từ bỏ trú xứ,
Chớ để cho ý thức,
An trú trên sanh hữu.

1056. An trú vậy, chánh niệm,
Tỷ-kheo không phóng dật,
Sau khi bỏ sở hành,
Đưa đến ngã, sở hữu.
Đối với sanh và già,
Sầu muộn và than khóc,
Ở đây, biết được vậy,
Hãy từ bỏ đau khổ.

Mettagu:

1057. Con cảm thấy hoan hỉ,
Lời nói bậc Đại sĩ;
Đoạn tận được sanh y,
Được Ngài khéo tuyên thuyết.
Chắc chắn đức Thế Tôn,
Đã đoạn tận đau khổ,
Vì pháp này được Ngài,
Rõ biết là như vậy.

1058. Những vị ấy hãy đoạn,
Hãy từ bỏ đau khổ,
Những người ấy được Ngài
Thường thường dạy, giáo hóa.
Con xin đảnh lễ Ngài,
Hãy đến, bậc Long tượng,

Mong Thế Tôn thường hằng,
Giáo hóa dạy dỗ con.

Thế Tôn:

1059. Vị Bà-la-môn nào,
Được thắng tri, có trí,
Không có sở hữu gì,
Không ái luyến dục hữu,
Chắc chắn vị như vậy,
Vượt qua bộc lưu này,
Đã đến được bờ kia,
Không cứng cỏi không nghỉ.

1060. Người ấy sau khi biết,
Thông suốt được Thánh điển,
Không dính ái triền này,
Về hữu và phi hữu,
Vị ấy ly tham ái,
Không phiền lụy không cầu,
Ta nói rằng vị ấy,
Đã vượt khỏi sanh già.

(VI) Câu Hỏi Của Thanh Niên *Dhotaka* (Sn 204)

Dhotaka:

1061. Tôn giả Dhô-ta-ka:
Con xin hỏi Thế Tôn,
Mong Ngài trả lời cho,
Con chờ đợi lời Ngài,
Kính thưa bậc Đại sĩ,
Nghe lời Ngài tuyên bố,
Chúng con sẽ tự mình,
Học tập giới Niết-bàn.

Thế Tôn:

1062. Thế Tôn đáp lại rằng:
Hỡi này Dhô-ta-ka,
Ở đây Ông nhiệt tâm,
Sáng suốt và chánh niệm,
Từ đây, nghe tuyên bố,
Tự học tập Niết-bàn.

Dhotaka:

1063. Con thấy ở thế giới,
Chư Thiên và loài Người,
Sở hành của Phạm chí,

Không một gì sở hữu.
Con đảnh lễ chính Ngài,
Bậc có mắt cùng khắp,
Kính thưa bậc Thích tử,
Hãy giải thoát cho con,
Tất cả mọi nghi ngờ.

Thế Tôn:

1064. Hỡi này Dhô-ta-ka,
Ta sẽ không đi đến,
Giải thoát cho một ai,
Có nghi ngờ ở đời,
Khi pháp được Ông biết,
Là tối thượng tối thắng,
Như vậy Ông vượt khỏi,
Dòng nước chảy mạnh này.

Dhotaka:

1065. Hãy giáo hóa, từ mẫn,
Ôi bậc đại Phạm thiên,
Để con được rõ biết,
Pháp viễn ly vô thượng,
Như vậy con sẽ sống,
Như trời không áp bức,
Sở hành ở đời này,
An tịnh và độc lập.

Thế Tôn:

1066. Thế Tôn liền nói rằng:
Hỡi này Dho-ta-ka,
Ta sẽ giảng cho Ông,
Pháp tịch tịnh hiện tại;
Không do xưa truyền lại,
Sau khi biết pháp này,
Hãy sống, giữa chánh niệm
Vượt tham ái ở đời.

Dhotaka:

1067. Con cảm thấy hoan hỷ,
Pháp bậc Đại sĩ giảng,
Pháp tịch tịnh vô thượng;
Sau khi biết pháp này,
Con sẽ sống chánh niệm,
Vượt tham ái ở đời.

Thế Tôn:

1068. Thế Tôn lời đáp lại:
Hỡi này Dho-ta-ka,
Phàm Ông rõ biết gì,
Cao, thấp, ngang, chặng giữa,
Sau khi được rõ biết,
Tham ái này ở đời,
Chớ tạo nên khát ái
Với hữu và phi hữu.

(VII) Câu Hỏi Của Thanh Niên *Upasiva* (Sn 205)

Upasiva:

1069. Tôn giả U-pa-si-va:
Kính thưa bậc Thích tử,
Một mình, không y chỉ,
Con không thể vượt khỏi,
Dòng nước lớn mạnh này,
Kính thưa bậc Biến nhãn,
Hãy nói cho sở duyên,
Y chỉ sở duyên này,
Có thể vượt qua khỏi,
Dòng nước chảy mạnh này.

Thế Tôn:

1070. Đây lời dạy Thế Tôn:
Này U-pa-si-va,
Biết gìn giữ chánh niệm,
Không mong đợi vật gì,
Ông sẽ vượt bộc lưu,
Nương tựa: "không có gì ",
Ngày đêm ngươi nhận thấy,
Đoạn dục, ly nghi ngờ,
Ái diệt là Niết-bàn.

Upasiva:

1071. U-pa-si-va nói:
Ai là người ly tham,
Đối với tất cả dục,
Y chỉ không có gì,
Từ bỏ mọi gì khác,
Được giải thoát hoàn toàn,
Tưởng giải thoát tối thượng,
Tại đấy vị ấy trú,
Không tiếp tục đi tới.

Thế Tôn:

1072. Thế Tôn nói như sau:
Này U-pa-si-va,
Ai hoàn toàn ly tham,
Đối với tất cả dục,
Y chỉ không có gì,
Từ bỏ mọi gì khác,
Được giải thoát hoàn toàn,
Tương giải thoát tối thượng,
Tại đấy, vị ấy trú,
Không tiếp tục đi tới.

Upasiva:

1073. Nếu vị ấy tại đấy,
An trú không đi tiếp,
Trong một số nhiều năm,
Ôi bậc có biến nhãn!
Nếu vị ấy tại đấy,
Được mát lạnh giải thoát,
Với vị được như vậy,
Còn có thức hay không?

Thế Tôn:

1074. Đây lời Thế Tôn nói:
Hỡi U-pa-si-va!
Cũng giống như ngọn lửa,
Bị sức gió mạnh thổi,
Đi đến chỗ tận cùng,
Không có thể ước lượng,
Cũng vậy, vị ẩn sĩ,
Được giải thoát danh thân,
Đi đến chỗ tận cùng,
Không có thể ước lượng.

Upasiva:

1075. Vị đi đến tận cùng,
Có phải không hiện hữu,
Hai vị ấy thường hằng,
Đạt được sự không bệnh,
Lành thay, bậc ẩn sĩ,
Hãy trả lời cho con,
Có vậy, con hiểu được,
Pháp như thật Ngài giảng.

Thế Tôn:

1076. Thế Tôn nói như sau:
Hỡi U-pa-si-va,

Người đi đến tận cùng,
Không thể còn ước lượng,
Với gì, nói đến nó,
Không còn có cái ấy,
Khi tất cả các pháp,
Đã được nhổ hẳn lên,
Mọi con đường nói phô,
Được nhổ lên sạch hết.

(VIII) Câu Hỏi Của Thanh Niên *Nanda* (Sn 207)

Nanda:

1077. Tôn giả Nan-da nói:
Quần chúng có nói rằng:
Có ẩn sĩ ở đời,
Ngài nghĩ như thế nào?
Chúng gọi là ẩn sĩ
Vị có đầy đủ trí?
Hay vị đầy đủ mạng?

Thế Tôn:

1078. Các bậc thiện nói rằng:
Ở đời này Nan-da,
Không phải vì tri kiến,
Vì truyền thống, vì trí
Được gọi là ẩn sĩ,
Ta chỉ gọi ẩn sĩ,
Những ai diệt quân lực,
Không phiền não, không cầu.

Nanda:

1079. Tôn giả Nan-đa thưa:
Có Sa-môn, Phạm chí,
Nói rằng sự thanh tịnh
Là nhờ thấy, nhờ nghe;
Có người lại nói rằng:
Thanh tịnh do giới cấm;
Có người lại nói rằng:
Thanh tịnh do nhiều pháp.
Bạch Thế Tôn, như vậy,
Là sở hành của chúng,
Vậy Ngài nghĩ thế nào,
Chúng có thể vượt qua,
Sanh và già thưa Ngài,
Con kính hỏi Thế Tôn,
Mong Ngài trả lời con.

Thế Tôn:

1080. Thế Tôn nói: Nan-đa!
Sa-môn, Phạm chí này,
Nói rằng sự thanh tịnh
Là nhờ thấy, nhờ nghe;
Có người lại nói rằng:
Thanh tịnh do giới cấm;
Có người lại nói rằng:
Thanh tịnh do nhiều pháp.
Dầu chúng ở tại đây,
Với sở hành như vậy,
Ta nói chúng không vượt,
Khỏi sanh và khỏi già.

Nan-da:

1081. Tôn giả Nan-đa thưa:
Sa-môn, Phạm chí này,
Nói rằng sự thanh tịnh
Là nhờ thấy, nhờ nghe;
Có người lại nói rằng:
Thanh tịnh do giới cấm;
Có người lại nói rằng:
Thanh tịnh do nhiều pháp.
Thưa ẩn sĩ, Ngài nói:
Chúng không vượt bộc lưu,
Vậy ai có thể được,
Giữa thế giới Trời, Người,
Có thể vượt qua được,
Sanh và già, thưa Ngài,
Con xin hỏi Thế Tôn
Mong Ngài trả lời con.

Thế Tôn:

1082. Thế Tôn nói: Nan-đa
Ta không nói tất cả,
Sa-môn, Bà-la-môn
Bị sanh già che lấp.
Những ai ở đời này,
Đoạn tận khắp tất cả,
Điều được nghe được thấy,
Được cảm tưởng, giới cấm,
Và đoạn nhiều pháp khác,
Liễu tri ái, vô lậu,
Ta nói những người ấy,
Vượt qua được bộc lưu.

Nanda:

1083. Con cảm thấy hoan hỷ,
Lời Đại sĩ Cù-đàm,
Được Ngài khéo thuyết giảng,
Về chấm dứt sanh y,
Những ai ở đời này,
Đoạn tận khắp tất cả,
Điều được nghe, được thấy,
Được cảm tưởng, giới cấm,
Và đoạn nhiều pháp khác,
Liễu tri ái, vô lậu,
Ta nói những người ấy,
Vượt qua khỏi bộc lưu.

(IX) Câu Hỏi Của Thanh Niên *Hemaka* (Sn 209)

Hemaka:

1084. Tôn giả He-ma-ka:
Những ai trong thời trước,
Đã trả lời cho con,
Về lời dạy Cù-đàm,
Trước đã như thế nào,
Sau sẽ là như vậy,
Tất cả đều truyền thống,
Tất cả tăng suy tư.

1085. Đây, con không hoan hỷ,
Ngài nói Pháp cho con,
Ôi mong bậc ẩn sĩ,
Nói Pháp đoạn khát ái,
Biết xong, sống chánh niệm,
Vượt ái trước ở đời.

Thế Tôn:

1086. He-ma-ka ở đây,
Đối các Pháp khả ái,
Được nghe và được thấy,
Được cảm tưởng, nhận thức,
Tẩy sạch ước muốn tham,
Là Niết-bàn, bất tử.

1087. Biết vậy, giữ chánh niệm,
Hiện tại, đạt mát lạnh,
Vị ấy thường an tịnh,
Vượt chấp trước ở đời.

(X) Câu Hỏi Của Thanh Niên *Todeyya* (Sn 210)

Todeyya:

1088. Tôn giả Tô-đê-ya:
Ai sống không dục vọng,
Ai sống không có ái,
Ai vượt khỏi nghi hoặc,
Giải thoát của vị ấy,
Giải thoát như thế nào?

Thế Tôn:

1089. Đây lời nói Thế Tôn:
Hỡi nãy Tô-đê-ya,
Ai sống không dục vọng,
Ai sống không có ái,
Ai vượt khỏi nghi hoặc
Giải thoát của vị ấy
Không có gì là khác.

Todeyya:

1090. Vị sống không ước vọng
Hay sống có ước vọng,
Vị ấy có trí tuệ,
Hay tác thành trí tuệ,
Ôi kính bậc Biến nhãn,
Hãy trả lời con rõ,
Để con có thể biết,
Thế nào là ẩn sĩ,
Ôi kính bậc Thích tử.

Thế Tôn:

1091. Vị sống không ước vọng,
Không có ước vọng nào,
Vị ấy có trí tuệ,
Không tác thành trí tuệ,
Như vậy, Tô-đê-ya,
Hãy biết bậc ẩn sĩ,
Không có sở hữu gì,
Không tham dính dục hữu.

(XI) Câu Hỏi Của Thanh Niên *Kappa* (Sn 211)

Kappa:

1092. Tôn giả Káp-pa nói:
Những ai đứng giữa nước,
Trong dòng nước mạnh chảy,
Giữa sợ hãi lớn lao,
Thưa Ngài hãy nói lên,
Hòn đảo cho những kẻ,

Bị già chết chinh phục,
Ngài nói con hòn đảo,
Để không có khổ khác,
Giống như đau khổ này.

Thế Tôn:

1093. Thế Tôn nói Kap-pa,
Những ai đứng giữa nước,
Trong dòng nước mạnh chảy,
Giữa sợ hãi lớn lao,
Ta nói Ông hòn đảo,
Cho những ai đang bị,
Già và chết chinh phục.

1094. Hòn đảo vô song này,
Không sở hữu, chấp trước,
Ta nói Ông Niết-bàn,
Già chết được đoạn diệt,

1095. Biết vậy, giữ chánh niệm,
Hiện tại đạt mát lạnh,
Không rơi vào ma lực,
Không tùy tùng theo ma.

(XII) Câu Hỏi Của Thanh Niên *Jatukanni* (Sn 212)

Jatukanni:

1096. Ja-tu-kan-ni nói:
Được nghe bậc anh hùng,
Không tham đắm dục vọng,
Nên con đã đến đây,
Để hỏi bậc vô dục,
Đã thoát khỏi bộc lưu,
Bậc sanh với con mắt,
Hãy nói đường an tịnh,
Thế Tôn hãy như thật,
Nói cho con được biết.

1097. Chinh phục dục vọng xong,
Thế Tôn sống ở đời,
Như mặt trời chiếu sáng,
Cõi đất với hào quang,
Bậc trí tuệ rộng lớn,
Hãy nói pháp cho con,
Kẻ trí tuệ bé nhỏ,
Do rõ biết pháp này,
Ở đây, con đoạn được,
Kể cả sanh và già.

Thế Tôn:

1098. Thế Tôn nói như sau:
Hỡi Ja-tu-kan-ni!
Hãy nhiếp phục lòng tham,
Đối với các dục vọng;
Hãy nhìn hạnh xuất ly,
Đưa đến sự an ổn;
Chớ chấp chờ, từ bỏ,
Sự vật gì ở đời.

1099. Những gì có trước Ông,
Hãy làm nó khô cạn,
Đừng có sự vật gì,
Ở phía đàng sau Ông,
Ở giữa, Ông không chấp,
Ông sẽ sống an tịnh.

1100. Hỡi này Bà-la-môn!
Đối với danh và sắc,
Hoàn toàn không tham đắm,
Không có các lậu hoặc,
Chính do lậu hoặc này,
Bị thần chết chi phối.

(XIII) Câu Hỏi Của Thanh Niên *Bhadràvudha* (Sn 213)

Bhadràvudha:

1101. Bha-đra-vu-đa nói:
Con có lời yêu cầu,
Bậc Thiện Tuệ nói lên,
Bậc bỏ nhà, đoạn ái,
Bất động, bỏ hỷ ái,
Giải thoát, vượt bộc lưu,
Thời gian, không chi phối,
Nghe xong, bậc Long tượng,
Từ đây, họ ra đi.

1102. Quần chúng sai biệt ấy,
Từ quốc độ tụ họp,
Họ ao ước khát vọng,
Được nghe lời của Ngài,
Ôi anh hùng chiến thắng,
Ngài hãy khéo trả lời,
Pháp Ngài dạy thế này,
Như vậy họ hiểu biết.

Thế Tôn:

1103. Thế Tôn nói như sau:
Này Bha-đra-vu-đa!
Hãy nhiếp phục tất cả,
Mọi tham ái chấp thủ,
Trên, dưới cả bề ngang,
Và kể luôn chặng giữa,
Những ai có chấp thủ,
Sự gì ở trong đời,
Chính do sự việc ấy,
Ác ma theo người ấy.

1104. Do vậy, bậc hiểu biết,
Không có chấp thủ gì,
Tỷ-kheo giữ chánh niệm,
Trong tất cả thế giới,
Phàm có sở hữu gì,
Vị ấy không mong ước,
Nhìn xem quần chúng này,
Là chúng sanh chấp thủ,
Trong lãnh vực của Ma,
Bị tham dính chấp trước.

(XIV) Câu Hỏi Của Thanh Niên *Udaya* (Sn 214)

Udaya:

1105. Tôn giả U-da-ya:
Con đến với câu hỏi,
Về tất cả mọi pháp,
Để hỏi bậc tu thiền,
Bậc an tọa không bụi;
Trách nhiệm đã làm xong,
Bậc không có lậu hoặc,
Đã đạt bờ bên kia,
Hãy nói trí giải thoát
Để phá hoại vô minh.

Thế Tôn:

1106. Đây lời Thế Tôn nói:
Hỡi này U-đa-ya,
Đoạn ước muốn, dục vọng,
Và cả hai loại ưu,
Và trừ bỏ hôn trầm,
Ngăn chận mọi hối hận.

1107. Ta nói trí giải thoát,
Để phá hoại vô minh,
Thanh tịnh nhờ xả niệm,
Suy tư pháp đi trước.

Udaya:

1108. Đời cái gì trói buộc,
Cái gì, đời vận hành?
Do đoạn được cái gì,
Được gọi là Niết-bàn?

Thế Tôn:

1109. Đời bị hỷ trói buộc,
Suy tầm là sở hành,
Do đoạn được khát ái,
Được gọi là Niết-bàn.

Udaya:

1110. Người sở hành chánh niệm,
Thức được diệt thế nào?
Con đến hỏi Thế Tôn,
Nghe lời Thế Tôn nói.

Thế Tôn:

1111. Ai không có hoan hỷ,
Với nội và ngoại thọ,
Sở hành chánh niệm vậy,
Thức đạt được hoại diệt.

(XV) Câu Hỏi Của Thanh Niên *Posàla* (Sn 215)

Posàla:

1112. Tôn giả Po-sa-la:
Vị nói về quá khứ,
Bất động nghi hoặc đoạn,
Đã đến bờ bên kia,
Con đến với câu hỏi
Hỏi về hết thảy pháp.

1113. Với ai, sắc tưởng diệt,
Đoạn tận hết thảy thân,
Nhìn thấy nội và ngoại,
Thật sự không có gì,
Con hỏi bậc Thích-ca,
Thế nào người như vậy,
Có thể bị dắt dẫn?

Thế Tôn:

1114. Thế Tôn bèn đáp rằng:

Hỡi này Pô-sa-la,
Như Lai được thắng trí,
Tất cả nhờ thức trú,
Rõ biết vị an trú,
Giải thoát, đạt cứu cánh.

1115. Biết được sự tác thành,
Thuộc về vô sở hữu,
Biết hỷ là kiết sử,
Do thắng tri như vậy,
Tại đấy, thấy như vậy,
Đây là trí như thật,
Của vị Bà-la-môn,
Đã thành tựu Phạm hạnh.

(XVI) Câu Hỏi Của Thanh Niên *Mogharàja* (Sn 216)

Mogharàja:

1116. Mo-gha-rà-ja nói:
Đã hai lần con hỏi,
Bậc có mắt, họ Thích,
Ngài chưa trả lời con,
Nhưng con được nghe rằng,
Cho đến lần thứ ba,
Vị Thiên nhân ẩn sĩ,
Sẽ trả lời cho con.

1117. Đời này và đời sau,
Phạm thiên giới, thiên giới,
Con không rõ quan điểm,
Gotama lừng danh.

1118. Vị thầy được thù diệu,
Con đến với câu hỏi,
Cần nhìn đời thế nào,
Để thần chết không thấy.

Thế Tôn:

1119. Này Mô-gha-ra-ja,
Hãy nhìn đời trống không,
Luôn luôn giữ chánh niệm,
Nhô lên ngã tùy kiến,
Như vậy vượt tử vong,
Hãy nhìn đời như vậy,
Thần chết không thấy được.

(XVII) Câu Hỏi Của Thanh Niên *Pingiya* (Sn 217)

Pingiya:

1120. Tôn giả Pin-gi-ya:
Con đã già, yếu đuối,
Không còn có dung sắc,
Mắt không thấy rõ ràng,
Tai không nghe thông suốt,
Để con khỏi mệnh chung,
Với tâm tư si ám,
Mong Ngài nói Chánh pháp,
Nhờ rõ biết pháp ấy,
Chính tại ở đời này,
Con đoạn tận sanh già.

Thế Tôn:

1121. Thế Tôn đáp lại rằng:
Hỡi này Pin-gi-ya,
Thấy được sự tác hại,
Trong các loại sắc pháp,
Chúng sanh sống phóng dật,
Bị phiền lụy trong sắc,
Do vậy, Pin-gi-ya,
Ông chớ có phóng dật,
Hãy từ bỏ sắc pháp
Chớ đi đến tái sanh.

Pingiya:

1122. Bốn phương chính, bốn phụ,
Cộng thêm trên và dưới,
Như vậy có mười phương,
Và trong thế giới này,
Không có sự việc gì,
Mà Ngài không được thấy,
Không nghe, không nghĩ đến,
Và không được thức tri,
Hãy nói đến Chánh pháp,
Nhờ rõ biết pháp này,
Con ngay tại đời này,
Đoạn tận được sanh già.

Thế Tôn:

1123. Thế Tôn nói như sau:
Hỡi này Pin-gi-ya!
Thấy chúng sanh loài Người,
Rơi vào trong khát ái,
Bị già nua đốt cháy,
Bị già nua chinh phục

Do vậy, Pin-gi-ya,
Ông chớ có phóng dật
Hãy từ bỏ khát ái,
Không còn bị tái sanh.

(XVIII) Kết Luận

Thế Tôn nói như vậy. Trong khi ở tại *Magadha*, tại điện *Phà-xa-na-ka*, Thế Tôn được mười sáu Bà-la-môn đệ tử của *Bàvani* tìm đến, được hỏi nhiều câu hỏi và Ngài đã trả lời. Nêu từng câu hỏi một, sau khi hiểu nghĩa, sau khi hiểu pháp, thực hành pháp và tùy pháp, thì có thể đi đến bờ bên kia của già chết. Những pháp này có thể đưa người qua bờ bên kia, cho nên pháp môn này cũng được gọi là *Pàràyanam*: "Con đường đưa đến bờ bên kia".

1124. Phạm chí Ajita,
Tissa-Met-tayya,
Phạm chí Pun-na-ka,
Cùng với Met-ta-gù,
Thanh niên Dhotaka,
Và Upasiva,
Nan-đa, He-ma-ka,
Cả hai vị thanh niên.

1125. To-dey-ya, Kap-pà;
Và Ja-tu-kha-ni,
Với Bhad-rà-vu-dha
Phạm chí U-da-ya
Phạm chí Po-sà-la,
Với Mo-gha-rà-ja
Là bậc đại Hiền trí,
Cùng với bậc đại sĩ,
Tên là Pin-gi-ya.

1126. Những vị này đi đến,
Đức Phật, bậc Tiên nhân,
Bậc hạnh đức đầy đủ,
Những vị này đi đến,
Bậc giác ngộ tối thượng,
Hỏi câu hỏi tế nhị.

1127. Đức Phật đã như thật,
Trả lời các vị ấy,
Tùy theo các câu hỏi,
Và bậc đại ẩn sĩ
Trả lời những câu hỏi,
Khiến các Bà-la-môn,
Được hoan hỷ vui thích.

1128. Họ được vui, hoan hỷ,
Nhờ Phật, bậc có mắt,
Nhờ bà con mặt trời,
Họ hành trì Phạm hạnh,

Dưới chỉ đạo hướng dẫn,
Bậc trí tuệ tuyệt diệu.

1129. Theo từng câu hỏi một,
Tùy đức Phật thuyết giảng,
Ai như vậy hành trì,
Đi được từ bờ này,
Đến được bờ bên kia.

1130. Đi được từ bờ này,
Đến được bờ bên kia,
Tu tập đạo vô thượng,
Và chính con đường ấy,
Đưa đến bờ bên kia,
Do vậy được tên gọi,
Con đường đến bờ kia.

Rồi Tôn giả *Pingiya* đi về *Godhàvari* và nói lại với Bà-la-môn *Bàvari* những điều đã xảy ra.

Pingiya:

1131. Tôn giả Pin-gi-ya:
Con sẽ đọc tụng lên
Con đường đến bờ kia,
Ngài được thấy thế nào,
Ngài nói lên thế ấy,
Bậc vô cấu, quảng trí,
Bậc lãnh đạo không dục,
Bậc Niết-bàn an tịnh,
Làm sao do nhân gì,
Ngài nói điều không thật.

1132. Bậc đã đoạn trừ hết,
Uế nhiễm và si mê,
Bậc đã diệt trừ sạch,
Kiêu mạn và gièm pha,
Con sẽ nói tán thán,
Âm thanh vi diệu ấy.

1133. Bậc quét sạch u ám,
Phật-đà, bậc Biến nhãn,
Đã đến, tận cùng đời,
Đã vượt qua sanh hữu,
Bậc không có lậu hoặc,
Đoạn tận mọi đau khổ,
Vị được gọi sự thật,
Hỡi vị Bà-la-môn,
Con được hầu vị ấy.

1134. Như chim bỏ rừng hoang,

Đến ở rừng nhiều trái,
Cũng vậy con từ bỏ,
Những bậc thầy nhỏ nhen,
Con đạt đến biển lớn,
Chẳng khác con thiên nga.

1135. Những ai trong đời khác,
Đã nói cho con nghe,
Lời dạy bậc Cù-đàm
Như vậy đã xảy ra,
Như vậy sẽ xảy đến,
Tất cả là tin đồn,
Chỉ làm tăng nghi ngờ.

1136. Chỉ một vị an trú,
Quét sạch các hắc ám,
Sanh trưởng gia đình quý,
Vị ấy chiếu hào quang,
Cù-đàm, bậc quảng tuệ,
Cù-đàm, bậc quảng trí.

1137. Ai thuyết pháp cho con,
Pháp thiết thực hiện tại,
Đến ngay không chờ đợi,
Ái diệt, vượt đau khổ,
Vị ấy không ai sánh.

Bàvari:

1138. Hỡi này Pin-gi-ya,
Sao Ông lại không thể,
Sống xa lánh vị ấy,
Chỉ trong một chốc lát,
Bậc Cù-đàm quảng tuệ,
Bậc Cù-đàm quảng trí,

1139. Vị thuyết pháp cho người,
Pháp thiết thực hiện tại,
Đến ngay không chờ đợi,
Ái diệt, vượt đau khổ,
Vị ấy không ai sánh.

Pingiya:

1140. Hỡi này Bà-la-môn,
Con không có thể được,
Sống xa lánh vị ấy
Chỉ trong một chốc lát,
Gotama quảng tuệ,
Gotama quảng trí.

1141. Vị thuyết pháp cho con,
Pháp thiết thực hiện tại,
Đến ngay không chờ đợi,
Ái diệt, vượt đau khổ,
Vị ấy không ai sánh.

1142. Chính con thấy vị ấy,
Với ý, với con mắt,
Ngày đêm không phóng dật,
Kính thưa Bà-la-môn,
Con trải qua suốt đêm
Đảnh lễ, kính vị ấy,
Do vậy con nghĩ rằng,
Con không xa vị ấy.

1143. Với tín và với hỷ,
Với ý luôn chánh niệm,
Không làm con xa rời,
Lời dạy Gotama!
Chính tại phương hướng nào,
Bậc quảng tuệ đi đến,
Chính ở phương hướng ấy,
Con được dắt dẫn đến.

1144. Với con tuổi đã già,
Yếu đuối, không sức mạnh,
Do vậy thân thể này,
Không đến được chỗ ấy,
Với tâm tư quyết chí,
Con thường hằng đi đến.
Vì rằng thưa Phạm chí,
Ý con cột vị ấy.

1145. Nằm dài trong vũng bùn,
Vùng vẫy, vật qua lại,
Con đã bơi qua lại,
Đảo này đến đảo khác,
Con đã thấy đức Phật,
Vượt bộc lưu, vô lậu.

Đến đây, khi chúng đang nói, đức Phật hiện ra và nói:

Thế Tôn:

1146. Cũng như Vak-ka-li
Nhờ tin, được giải thoát,
Với Bhad-rà-vu-dha,
A-la-vi, Cù-đàm,
Cũng vậy, Ông đã được,
Giải thoát nhờ lòng tin.

Hỡi này Pin-gi-ya,
Ông sẽ đi đến được,
Đến được bờ bên kia,
Của thế giới thần chết.

Pingiya:

1147. Được nghe lời ẩn sĩ,
Con tăng trưởng tịnh tín,
Bậc Chánh đẳng Chánh giác,
Đã vén lên tấm màn,
Không cứng cỏi, biện tài.

1148. Thắng tri các chư Thiên,
Biết tất cả cao thấp,
Bậc Đạo Sư chấm dứt,
Tất cả các câu hỏi,
Với những ai tự nhận,
Còn có chỗ nghi ngờ.

1149. Không run rẩy, dao động,
Không ai có thể sánh,
Chắc chắn con sẽ đi,
Tại đây, con không nghi,
Như vậy, thọ trì Ta
Như tâm người tín giải.

Phẩm "Con đường đi đến bờ bên kia " đã xong.

HẾT TẬP I - TIỂU BỘ KINH

-ooOoo-